

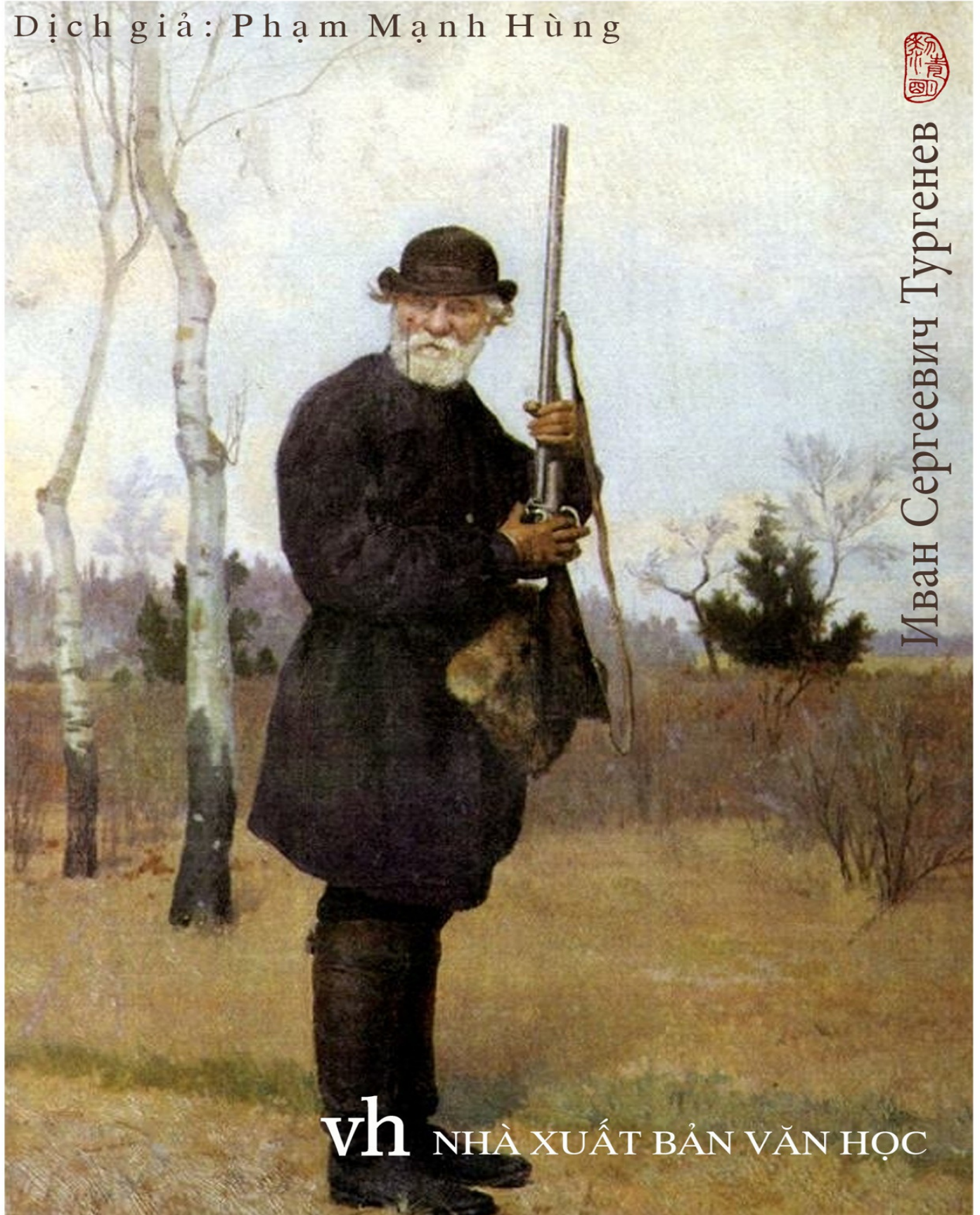
I.X Turgheniev

Bút ký Người đi săn

Dịch giả: Phạm Mạnh Hùng



Иван Сергеевич Тургенев



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Bút ký người đi săn

I. X. Turgheiev

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[KHÔR VÀ KALINUṬS](#)
[ERMÔLAI VÀ VỢ NGƯỜI CHỦ CỐI XAY](#)
[MẠCH NƯỚC DỪM HƯƠNG](#)
[NGƯỜI THẦY THUỘC Ở HUYỆN](#)
[ÔNG BẠN LĂNG GIỀNG RAĐILÔP CỦA TÔI](#)
[ÔTNÔĐVORETS \(\) ÔPXIANIKÔP](#)
[LIGÔP](#)
[ĐÔNG CỔ NGỰA ĐUA](#)
[KAXIAN Ở KRAXIVAIA METS](#)
[BURMIXTR\(\)](#)
[PHÒNG QUẢN LÝ](#)
[BIRIUC](#)
[HAI ĐỊA CHỦ](#)
[LÊBÊĐIAN](#)
[TACHYANA BÔRIXÔPNA](#)
[CÁI CHẾT](#)
[NHỮNG NGƯỜI HÁT HAY](#)
[PIÔTR PÊTƠRÔVITS KARATAEP](#)
[CUỘC HẸN HỒ](#)
[HĂMLET HUYỆN SIGRÔPXKI](#)
[TSERTÔPKHANÔP VÀ NỀĐÔPIUXKIN](#)
[BƯỚC MẶT VẬN CỦA TSERTÔPKHANÔP](#)
[BÓ THÁNH CỐT SÔNG](#)
[LỘC CỘC! LỘC CỘC!](#)
[RỪNG VÀ THẢO NGUYÊN](#)

[\[1\]](#)
[\[2\]](#)
[\[3\]](#)
[\[4\]](#)
[\[5\]](#)
[\[6\]](#)
[\[7\]](#)
[\[8\]](#)
[\[9\]](#)
[\[10\]](#)
[\[11\]](#)
[\[12\]](#)
[\[13\]](#)
[\[14\]](#)
[\[15\]](#)
[\[16\]](#)
[\[17\]](#)
[\[18\]](#)
[\[19\]](#)
[\[20\]](#)
[\[21\]](#)
[\[22\]](#)
[\[23\]](#)

[24]

[25]

MỤC LỤC

[KHỜ VÀ KALINUTS](#)

[ERMÔLAI VÀ VỢ NGƯỜI CHỦ CỐI XAY](#)

[MẠCH NƯỚC DỪM HƯƠNG](#)

[NGƯỜI THẦY THUỐC Ở HUYỆN](#)

[ÔNG BẠN LẮNG GIỀNG RAĐILÔP CỦA TÔI](#)

[ÔTNÔĐVORETS \(\) ÔPXIANIKÔP](#)

[LIGÔP](#)

[ĐỒNG CỔ NGỰA ĐUA](#)

[KAXIAN Ở KRAXIVAIA METS](#)

[BURMIXTR\(\)](#)

[PHÒNG QUẢN LÝ](#)

[BIRIUC](#)

[HAI ĐỊA CHỦ](#)

[LÊBÊĐIAN](#)

[TACHYANA BÔRIXÔPNA](#)

[CÁI CHẾT](#)

[NHỮNG NGƯỜI HÁT HAY](#)

[PIÔTR PÊTƠRÔVITS KARATAEP](#)

[CUỘC HEN HÒ](#)

[HĂMLET HUYỆN SIGRÔPXKI](#)

[TSERTÔPKHANÔP VÀ NÊĐÔPIUXKIN](#)

[BƯỚC MẶT VẬN CỦA TSERTÔPKHANÔP](#)

[BỐ THÁNH CỐT SỐNG](#)

[LỘC CỘC! LỘC CỘC!](#)

[RỪNG VÀ THẢO NGUYÊN](#)

KHÔR VÀ KALINUTS

Ai đã có dịp qua hạt Bônkhôpxki và hạt Jidrinxki thì hẳn là phải ngạc nhiên về sự khác nhau quá rõ rệt giữa người tỉnh Orion và người tỉnh Kaluga. Người nông dân Orion tầm vóc vừa phải, hơi gù, cau có, mắt nhìn gườm gườm, ở những căn nhà tồi tàn bằng gỗ hoàn điệp liễu, phải làm lao dịch ([1]), không buôn bán, ăn kém, đi giày bện bằng vỏ cây. Người nông dân Kaluga ở nhà gỗ thông rộng thênh thang, tầm vóc cao lớn, mắt nhìn bạo dạn và vui vẻ, mặt sạch sẽ và trắng trẻo, thường buôn bơ và nhựa cây, vào những ngày hội hè thì diện ủng. Làng quê Orion (chúng tôi nói về phần phía đông tỉnh Orion) thường nằm lọt giữa những cánh đồng đã cày gặt một cái khe đã biến thành ao chuôm bắn thủy. Ngoài mấy cây thùy liễu có thể bị đốn bất cứ lúc nào và hai ba cây phong khảnh khiu thì khắp xung quanh, suốt trong tầm mắt, không thấy một bóng cây nhỏ bé nào cả. Nhà thì cái nọ dồn sát vào cái kia, mái lợp rạ mục...

Làng Kaluga thì trái hẳn lại, xung quanh phần lớn là rừng. Nhà cách nhau thưa hơn và thẳng hàng hơn, mái lợp ván, cổng đóng chặt, hàng rào ở sân sau không đổ nát xiêu vẹo mở lối cho bất cứ chú lợn nào đi qua cũng có thể xộc vào thăm nhà... Và đối với người đi săn thì tỉnh Kaluga cũng là nơi tốt hơn. Ở tỉnh Orion, trăm năm nữa sẽ không còn một khoảnh rừng hay một vùng cây rậm rạp nào nữa, còn đầm lầy thì hiện giờ chẳng ai còn nhắc nhở đến. Ở Kaluga thì trái lại, rừng chạy dài hàng trăm dặm([2]), đầm lầy trải dài hàng chục dặm, loại gà rừng cao quý vẫn chưa tuyệt diệt, vẫn còn loại dẽ gà phúc hậu và chim đa đa vẫn làm cho người đi săn và chó vừa vui vừa hoảng hốt vì cái lối bay vù lên một cách đột ngột của nó.

Vì hay đến săn ở hạt Jidrinxki, tôi đã gặp một tiểu địa chủ người Kaluga ở ngoài cánh đồng và làm quen được với ông ta. Đây là Pôluturkin, một người mê săn bắn, vì vậy là một người tuyệt diệu.

Thực ra ông ta có một nhược điểm: chẳng hạn, ông ta dám hỏi tất cả những cô gái giàu có đến tuổi cập kê trong tỉnh, và khi bị cự tuyệt và bị cấm lui tới, ông ta phiền muộn thổ lộ nỗi đau xót với tất cả bạn bè và người thân, nhưng vẫn tiếp tục gửi quà biếu cha mẹ các cô gái mà ông đã dám hỏi: quà đây chỉ là đào chua và tất cả những sản vật còn xanh trong vườn nhà ông ta. Ông ta thích kể đi kể lại vẫn một chuyện tiểu lâm mà chưa bao giờ làm cho ai phải buồn cười, mặc dù người ta tôn trọng phẩm giá của ông Pôluturkin. Ông ta ca tụng các tác phẩm của Akin Nakhimốp([3]) và truyện Pinna([4]), ông có tật nói lắp và gọi con chó của mình là Axtơrônôm([5]), đáng lẽ nói "nhưng" thì ông ta nói "cư mà"; ở nhà, ông ta tổ chức nấu ăn theo kiểu Pháp mà bí quyết của nó, theo cách hiểu của người đầu bếp của ông, là ở chỗ biến đổi hoàn toàn mùi vị tự nhiên của mỗi món ăn: thịt do nhà nghệ sĩ tài tình ấy chế biến đậm ra có mùi cá, cá có vị nấm, mì sợi có mùi thuốc súng, và không một miếng cà rốt nào lọt được vào món súp mà không có dạng hình thoi hay hình thang. Nhưng, trừ mấy thiếu sót vặt vãnh ấy, thì như tôi đã nói, ông Pôluturkin là một người đặc sắc.

Ngay trong ngày đầu tiên mới quen biết, ông Pôluturkin đã mời tôi về nghỉ đêm ở nhà ông.

- Nhà tôi cách đây những năm dặm - ông nói thêm - đi bộ thì xa; ta hãy đến nhà Khôr đã. (Bạn đọc cho phép tôi không phải diễn tả lối nói lắp của ông ta).

- Khôr là ai kia?

- Một gã *mujich* của tôi... Y ở cách đây không xa.

Chúng tôi đến nhà Khô. Khu nhà của người nông dân này nằm lơ lửng giữa rừng, trên một bãi đất bằng phẳng, đã dọn quang và có trồng trọt hẳn hoi.

Mấy gian nhà bằng gỗ thông nối liền với nhau bằng những dây rào. Trước căn nhà chính, một mái hiên chạy dài, tựa trên những cột đỡ mảnh. Chúng tôi vào. Một gã trai tuổi trạc đôi mươi, cao, đẹp ra đón chúng tôi.

- À, Fêđya! Khô có nhà không? - Pôluturkin hỏi.

- Thừa không ạ. Khô ra thành phố. - Gã trai đáp và mỉm cười, phô ra hàng răng trắng như tuyết - ông cho lệnh thắng xe chứ ạ?

- Ừ, thắng xe. Nhưng mang nước *kvax* cho chúng ta đã.

Chúng tôi vào nhà. Tường nhà bằng gỗ súc sạch tinh, không dán một bức tranh Xuzđan ([6]) nào. Trong góc thờ, một cây đèn leo lét trước bức tượng thánh nặng nề mạ bạc. Chiếc bàn bằng gỗ bồ đề mới được cạo rửa cách đây không lâu. Giữa các súc gỗ và trên các khung cửa sổ, không có những chú gián hung tinh nghịch bò lung tung, không có những con gián đen tuyền ẩn náu. Gã trai trở lại ngay, mang theo cái cốc lớn màu trắng, đựng đầy nước *kvax* thơm ngon, với một khoanh bánh mì rất to làm bằng lúa mạch và một tá dưa chuột muối đặt trong cái đĩa gỗ. Gã đặt tất cả những món ấy lên bàn, đứng tựa lưng vào cửa và bắt đầu mỉm cười nhìn chúng tôi. Chúng tôi chưa kịp ăn hết những món ăn nguội thì xe ngựa đã lăn bánh lộc cộc trước thềm. Chúng tôi ra. Một thằng bé trạc mười lăm tuổi, tóc xoăn và má đỏ hồng ngồi điều khiển xe và phải khó khăn lắm mới kìm nổi con ngựa đực đốm trắng béo tốt. Xung quanh có sáu gã trai lực lưỡng phi thường, rất giống nhau và giống Fêđya. "Con của Khô cả đấy!" - Pôluturkin nói. "Vâng, các Khô con cả đấy - Fêđya đỡ lời, anh ta đã theo chúng tôi ra thềm - và cũng chưa đủ mặt đâu: Pôtap vào rừng, Xiđor theo ông già Khô ra thành phố... Cẩn thận đấy nhé, Vaxya - anh ta nói tiếp với chú bé đánh xe - phóng thật nhanh vào - em đánh xe hầu ông chủ đấy. Nhưng qua những chỗ xóc nhiều thì chú ý một chút, kìm bớt ngựa lại: không thì vừa phá hỏng xe vừa khuấy động ruột gan ông chủ đấy nhé!". Các Khô con khác đều mỉm cười vì câu đùa châm chọc của Fêđya. "Cho Axtorônôm lên!" - ông Pôluturkin thốt lên một cách trịnh trọng. Fêđya có vẻ thích thú, bế bổng con chó đang nhe răng cười một cách gượng gạo lên và đặt nó vào xe. Vaxya giật dây cương.

Chúng tôi đi. "Kia là phòng giấy của tôi - ông Pôluturkin bỗng nói với tôi và chỉ ngôi nhà gỗ nhỏ thấp lè tè - ông muốn tạt vào xem chút không?" - "Rất hân hạnh" - "Bây giờ chỗ này bỏ không dùng nữa rồi - ông ta vừa nói vừa xuống xe - Nhưng dù sao vẫn nên xem".

Văn phòng gồm hai căn phòng bỏ không. Người giữ nhà, một ông lão chột, từ sau nhà chạy tới. "Chào lão Miniaits - Pôluturkin nói - nước đâu?" Ông già chột biến mất và lát sau trở lại mang theo chai nước và hai cái cốc. "Ông nếm thử đi - Pôluturkin bảo tôi - nước này của tôi là nước nguồn, tốt lắm". Chúng tôi uống mỗi người một cốc, còn ông già rạp mình chào chúng tôi.

"Thôi, bây giờ ta có thể đi được rồi đấy - Người bạn mới của tôi nói - Trong phòng giấy này, tôi đã bán cho thương gia Anliuep bốn *đêxiatin* ([7]) rừng, và bán rất được giá. Chúng tôi lên xe, nửa giờ sau, xe đã vào sân nhà ông chủ.

Trong bữa ăn tối, tôi hỏi Pôluturkin:

- Ông cho biết tại sao Khô lại sống tách biệt với những nông dân khác của ông?

- Là vì thế này nhé: lão là tay *mujich* khôn ngoan. Hai mươi năm trước, nhà lão bị cháy. Hồi

ấy ông cụ thân sinh ra tôi vẫn còn, thế là lão tới gặp ông cụ và nói: "Thưa ông Nikholaï Kuzmits, xin ông cho con ra ở khu rừng cạnh đầm lầy của ông Con sẽ xin nộp tô thật cao. - "Nhưng tại sao anh lại ra ở bên đầm lầy?" - "Dạ, chẳng có gì lạ đâu ạ; nhưng xin ông đừng bắt con đi làm bất cứ việc gì, còn tô thì ông định cho bao nhiêu con cũng xin vâng". - "Năm chục rúp một năm?" - "Xin vâng" - "Mà không được khát lại đồng nào đâu, nhớ đấy" - "Nhất định là con không dám lén chần...". Thế rồi y dọn ra ở đầm lầy. Từ đó, người ta đặt cho y cái biệt hiệu là Khôr ([8]).

- Lão làm ăn phát lắm phải không.

- Phát lắm. Bây giờ lão nộp tô cho tôi một trăm rúp mỗi năm, và có lẽ tôi còn tăng thêm nữa. Tôi đã nhiều lần bảo lão: này, Khôr, hãy chuộc mình ra đi, hãy chuộc mình đi?... Thế mà đồ quý, lão thề sống thề chết với tôi rằng lão không biết lấy gì để tự chuộc mình: lão bảo lão không có xu nào cả...Nhưng đời nào có chuyện ấy.

Hôm sau, uống chè xong, chúng tôi lập tức đi săn. Khi xe qua làng, ông Pôlutukin bảo người đánh xe dừng lại bên túp nhà thấp và cất tiếng sang sảng gọi: "Kalinuts!" - "Dạ, thưa ông con ra ngay đây ạ. - Tiếng nói từ trong sân đưa ra - Con đang bên lại chiếc giày". Chúng tôi cho ngựa đi bước một. Ra đến ngoài làng thì một người đàn ông trạc bốn chục tuổi đuổi kịp chúng tôi; ông ta cao, gầy đầu nhỏ, ngật ra phía sau. Đây là Kalinuts.

Thoạt nhìn tôi đã ưa ngay khuôn mặt ngăm đen, phúc hậu, đôi chỗ điểm những nốt rỗ hoa của ông ta. Sau này tôi được biết rằng Kalinuts ngày nào cũng đi săn với ông chủ, mang túi và có khi cả súng cho chủ, tìm ra chỗ chim thường đến đậu, đi kiếm nước, hái dâu rừng, dựng lán, chạy đi gọi xe ngựa.

Không có Kalinuts thì Pôlutukin không thể đi đâu lấy một bước. Kahnuts tính tình rất mực vui vẻ, hiền lành, luôn miệng hát lẩm nhẩm và đưa cặp mắt vô tư lự nhìn khắp xung quanh, nói giọng mũi hơi khàn, vừa mỉm cười vừa nheo cặp mắt xanh nhạt và thường đưa tay nắm lấy chòm râu nhọn thưa thưa của mình. Ông ta đi thông thả, nhưng bước dài, tì nhẹ vào chiếc gậy dài và mảnh. Ngày hôm ấy, ông ta đã nhiều lần nói chuyện với tôi, giúp tôi nhiều việc mà không hề có vẻ quy lụy.

Nhưng đối với chủ thì ông ta chăm sóc như chăm một đứa trẻ. Khi cái nóng buổi trưa không thể chịu đựng nổi buộc chúng tôi phải tìm chỗ trú thì ông ta dẫn chúng tôi vào chỗ nuôi ong của ông ta ở sâu trong rừng. Kalinuts mở cửa một căn nhà nhỏ có treo những chùm cỏ khô thơm thơm, đưa chúng tôi vào và trải cỏ còn tươi cho chúng tôi nằm, còn ông ta thì đội lên đầu một cái túi lưới, lấy con dao, một cái bình và một thanh củi cháy dở rồi đi cắt tăng ong cho chúng tôi. Chúng tôi uống mật ong trong suốt âm ỉ như uống nước suối và ngủ thiếp đi giữa tiếng ong vo ve đều đều và tiếng lá rì rào không ngớt. Một luồng gió nhẹ lùa qua làm tôi bừng tỉnh giấc... Tôi mở mắt và nhìn thấy Kalinuts: cửa mở hé, ông ta ngồi ở ngưỡng cửa và đang gọt cái thìa. Tôi ngẩng ngửa hồi lâu khuôn mặt hiền lành và sáng sủa như bầu trời chiều của Kalinuts. Ông Pôlutukin cũng đã thức giấc. Chúng tôi không nhấc dậy ngay. Sau chuyến đi bộ lâu, lại được ngủ một giấc say sưa, được nằm ườn ra trên cỏ khô thì thật là thích thú: cơ thể cảm thấy khoan khoái và moi moi, mặt hơi nóng lên, mắt riu lại vì một cảm giác lười nhác êm dịu. Cuối cùng, chúng tôi cũng dậy và lại đi lang thang đến tận tối. Trong bữa ăn tối, tôi lại nói về Khôr và Kalinuts.

"Kalinuts là một nông dân hiền lành, cần mẫn, tận tụy. Cụ mà y không thể thu xếp được việc nhà cho tươm tất: tôi cứ lôi y đi luôn ấy mà. Ngày nào y cũng đi săn với tôi . . . Thế thì còn thu vén việc nhà vào lúc nào nữa, phải không ông?" Tôi đồng ý với ông ta, và chúng tôi đi ngủ.

Hôm sau, Pôlutukin phải ra thành phố về một việc tranh chấp với Pitsukôp là người có ruộng ở cạnh ruộng của ông ta. Pitsukôp cày lán sang đất của Pôlutukin và lại còn dùng roi

đánh một người đàn bà nông dân của Pôlutukin ngay trên mảnh đất đã cày đó. Tôi đi sẵn một mình và trước khi trời tối tôi rẽ vào nhà Khô. Ở ngưỡng cửa, tôi gặp một ông già hói, người thấp, vai rộng và chắc nịch: đấy chính là Khô. Mặt ông ta hao hao giống Xôcrat: trán cũng cao và gồ lên như thế, mắt cũng nhỏ như thế, mũi cũng hếch lên. Chúng tôi cùng vào nhà.

Fêđya mang sữa và bánh mì đen đến cho tôi. Khô ngồi xuống chiếc ghế dài và ung dung vuốt bộ lau loăn xoăn của mình, nói chuyện với tôi. Tôi cảm thấy ông ta có ý thức về phẩm giá của mình, ông ta nói năng và cử động khoan thai, thỉnh thoảng lại mỉm cười dưới bộ ria mép gài.

Tôi nói chuyện với ông ta về việc gieo hạt, về mùa màng, về đời sống nông dân. . . ông ta dường như đồng ý với tôi về tất cả mọi điều. Nhưng rồi tôi thấy xấu hổ, vì tôi cảm thấy tôi nói không ra đâu vào đâu kể cũng hơi kỳ lạ. Khô đôi khi nói quanh co rắc rối, hẳn là vì thận trọng... Đây là một kiểu mẫu nhỏ về cuộc trò chuyện của chúng tôi:

- Này, ông Khô - Tôi bảo ông ta - Tại sao ông không nói với ông chủ xin chuộc mình ra?

- Nhưng tôi chuộc mình ra để làm gì kia chứ? Bây giờ tôi biết ông chủ của tôi và biết số tô tôi phải nộp... ông chủ của chúng tôi tử tế lắm.

- Nhưng sống tự do vẫn hơn chứ.

Khô liếc ngang nhìn tôi.

- Thì đã hẳn - ông ta thốt lên.

- Ờ, thế thì tại sao ông không chuộc mình ra?

Khô lắc đầu:

- Thưa ông, ông bảo tôi lấy gì để chuộc mình kia chứ?

- Thôi xin ông, ông già của tôi ạ. . .

- Khô thành người tự do thì bất cứ ai không để râu cũng là chủ của Khô ([9]) - ông già hạ giọng nói tiếp như tự nói với mình.

- Thế thì chính ông cũng cạo râu đi.

- Râu là gì? Râu là cỏ: cạo đi được thôi.

- Ừ, thế thì có gì khó đâu?

- Như vậy có lẽ Khô sẽ lập tức vào phường lái buôn. Lái buôn sống sung sướng và vẫn để râu.

- Thì chính ông cũng vẫn buôn bán đấy thôi? - Tôi hỏi.

- Tôi cũng có buôn một ít bơ và nhựa cây... Dạ thưa ông, ông truyền cho đánh xe chứ ạ?

"Lão già khéo miệng và tinh ranh gớm" - Tôi nghĩ.

- Không - Tôi nói - Tôi không cần xe. Ngày mai tôi sẽ đi săn quanh khu nhà ông; và nếu ông ưng thuận thì tôi sẽ ngủ đêm trong nhà chứa cỏ của ông.

- Hân hạnh cho chúng tôi. Nhưng ông ngủ trong nhà chứa cỏ liệu có thoải mái không? Tôi sẽ bảo bọn đàn bà trái chồ nằm và đem gối đến cho ông. Này, các ả! - ông ta đứng lên, hét gọi - Lại đây các ả! Fêđya, con đi với chúng nó. Bọn đàn bà là đàn độn lắm kia.

Mười lăm phút sau, Fêđya xách đèn đưa tôi vào nhà chứa cỏ. Tôi gieo mình xuống đồng cỏ khô thơm thơm, con chó nằm khoanh tròn dưới chân tôi. Fêđya chúc tôi ngủ ngon. Cửa kết một tiếng và đóng lại. Tôi nằm mãi không ngủ được. Con bò tới gần cửa, hai lần phì hơi ẩm ỉ; con chó của tôi gầm gừ dữ tợn khiến nó phải bỏ đi. Một con lợn đi qua, khẽ ỉn ỉn như đang có điều gì suy nghĩ. Gần đầu đây một con ngựa bắt đầu nhai cỏ khô và thở phì phì... cuối cùng tôi cũng ngủ thiếp đi.

Rạng sáng, Fêđya đánh thức tôi. Tôi rất mến gã trai vui tính, hoạt bát này, và như tôi đã nhận thấy, anh ta cũng được ông già Khôr quý mến. Hai bố con thường bốn cọt nhau, xem ra rất thân tình.

Ông già bước ra đón tôi. Không biết có phải vì tôi đã nghỉ đêm dưới mái nhà ông hay vì lý do gì khác, nhưng Khôr đối xử với tôi niềm nở hơn hôm qua nhiều.

- Chúng tôi đã đặt ấm xamôva chờ ông - ông ta mỉm cười nói với tôi - Ta đi uống trà đã. Chúng tôi ngồi quanh bàn. Một người đàn bà khỏe mạnh, một trong các con dâu của Khôr, mang tới một bình sữa. Tất cả các con trai ông đều lần lượt vào nhà.

- Các con ông người nào cũng cao to cả! - Tôi bảo ông già.

- Vâng - ông lão vừa đáp vừa nhấm một miếng đường nhỏ xíu - Có lẽ chúng không có điều gì phải phàn nàn về tôi và bà lão nhà tôi.

- Họ đều ở với ông cả chứ?

- Vâng, tất cả. Chính chúng muốn như thế, và chúng tôi ăn ở hòa thuận với nhau.

- Có vợ hết rồi chứ?

- Riêng thằng mãnh này thì chưa. - ông già trả lời.

- Nhưng con lấy vợ làm gì kia chứ? - Fêđya phản đối - con sống thế này cũng thú lắm rồi. Con cần vợ để làm gì? Để cắn sủa nhau à?

- Thôi đi anh... Tôi biết tổng anh rồi! Anh đeo những chiếc nhẫn bạc. Anh là anh cứ muốn luôn luôn được ngửi hơi các ả hầu gái cơ. "Thôi đi, anh không biết xấu hổ à?" - ông già nói tiếp, nhại giọng các ả hầu phòng - tôi biết anh rồi, anh không thích chân lấm tay bùn mà!

- Nhưng đàn bà thì có gì hay hóm?

- Đàn bà là người làm việc - Khôr nói với vẻ quan trọng - Đàn bà là người hầu của gã *mujich*.

- Nhưng con cần người làm để làm gì?

- Ra thế đấy, anh thích bới đồng than hồng bằng tay người khác kia. Chúng tôi biết bọn các anh rồi.

- À, nếu thế thì bố cưới vợ cho con đi. Sao? Thế nào? Sao bố lại im lặng?

- Thôi, thôi, đủ rồi, cái thằng chúa hay nói giỡn. Thấy không; chúng ta làm ông khách khó chịu rồi đấy. Tao sẽ cưới vợ cho mày, chắc chắn là thế... Còn thưa ông, xin ông đừng giận: nó còn ít tuổi còn gà tồ lắm ạ.

Fêđya lắc đầu.

- Khô có nhà không? - Tiếng nói quen thuộc từ ngoài cửa vọng vào, và Kalinuts vào nhà, mang một chùm dâu mọc hoang ở ngoài đồng mà ông đã hái cho bạn. Ông già Khô hớn hờ ra đón bạn. Tôi ngạc nhiên nhìn Kalinuts: thú thực, tôi không ngờ một tay mujich như ông lại có cách biểu lộ tình cảm "trìu mến" như thế.

Hôm ấy, tôi đi săn muộn hơn thường ngày bốn tiếng, và ba ngày tiếp sau đó, tôi ở nhà Khô. Những người mới quen làm cho tôi vui thích. Tôi không rõ bằng cách nào tôi đã chiếm được lòng tin cậy của họ, nhưng họ nói chuyện với tôi rất thoải mái. Tôi thích thú nghe họ nói và quan sát họ. Hai người bạn chẳng có chút gì giống nhau. Khô là một người thiết thực, thực tế, một đầu óc quản trị, một phần tử duy lý. Kalinuts thì trái lại, thuộc loại những người duy tâm, lãng mạn những người cao hứng và hay mơ mộng. Khô hiểu hiện thực: ông ta làm nhà, dành dụm tiền, khéo lấy lòng chủ và những người quyền thế khác. Kalinuts đi giày bện bằng vỏ cây và sống tạm bợ qua ngày. Khô sinh con đẻ cái, có một gia đình đông đảo, ngoan ngoãn và hòa thuận. Kalinuts trước kia có một người vợ mà ông vẫn nể sợ, còn con thì chưa bao giờ ông có con. Khô nhìn thấu ruột gan ông Pôluturkin. Kalinuts tôn kính chủ. Khô yêu Kalinuts và che chở cho bạn. Kalinuts yêu mến và kính trọng Khô. Khô ít nói, hay giấu cợt và hay nghĩ ngợi một mình. Kalinuts bày tỏ ý kiến một cách hăng say, tuy lời lẽ không bù tai như một người thợ khéo nói ở nhà máy. . . Nhưng Kalinuts có những ưu thế mà chính Khô phải thừa nhận, chẳng hạn: Kalinuts có phép phù chú xua đuổi được sự tức giận, sự sợ hãi, cơn điên rồ, trừ được sâu bọ; ông sai khiến được ong, ông ta làm gì cũng mát tay. Ngay trước mặt tôi, Khô nhờ Kalinuts đưa con ngựa mới mua vào chuồng, và Kalinuts nghiêm trang, tận tâm thực hiện yêu cầu của ông bạn già vốn hay hoài nghi. Kalinuts gần nhiên thiên hơn. Khô thì gần mọi người, gần xã hội hơn. Kalinuts không ưa lập luận và tin tất cả mọi cái một cách mù quáng. Khô thì thậm chí có cái nhìn mỉa mai đối với cuộc đời.

Ông ta thấy nhiều, biết nhiều, và tôi học được nhiều ở ông ta. Chẳng hạn, qua những câu chuyện của ông, tôi được biết rằng mỗi mùa hè, trước mùa cắt cỏ thường có một chiếc xe ngựa nhỏ hình dạng đặc biệt đến các làng. Một người mặc áo *kafotan*([\[10\]](#)), ngồi trong xe và bán lưỡi hái. Trả tiền ngay thì từ một rúp hai mươi nhăm cô pếch cho đến một rúp rưỡi tiền giấy, mua chịu thì ba rúp thường và một rúp bạc. Tất nhiên là tất cả nông dân đều mua chịu. Hai ba tuần sau, người đó lại đến và đòi tiền.

Nông dân vừa gặt yến mạch xong, thành thử có cái để mà trả. Người nông dân cùng với người lái buôn vào quán rượu và thanh toán nợ nần ở đấy. Một vài địa chủ nảy ra ý định bỏ tiền ra mua lưỡi hái và bán chịu cho nông dân cũng với giá như thế. Nhưng nông dân không hài lòng, và thậm chí chán nản: họ mất cái thú được búng vào lưỡi hái, lắng nghe tiếng thép ngân lên, lật đi lật lại lưỡi hái trong tay và hỏi gã lái buôn quý quyết tới hai chục lần: "ông nghĩ thế nào, ông bạn, lưỡi hái không tốt lắm, phải không?" Cũng vẫn những trò ấy diễn ra khi mua liềm, chỉ khác cái là ở đây đàn bà can dự vào và đôi khi họ khiến cho người bán hàng phải nện họ một trận vì lợi ích của chính họ. Nhưng đàn bà đau khổ nhiều nhất trong trường hợp như thế này. Những người cung cấp vật liệu cho các nhà máy giấy trao việc thu mua giẻ rách cho một loại người mà ở một số vùng, người ta gọi là "phượng hoàng". "Phượng hoàng" ta được lái buôn trao cho hai trăm rúp tiền giấy và đi kiếm mồi. Nhưng trái với con chim cao quý mà y mang tên, y không tấn công trực diện và mạnh bạo: y dùng mưu ma chước quỷ. Y để xe ngựa ở một chỗ trong đám bụi cây gần làng, còn y cất lên ra phía sau nhà, như một người qua đường hay một người đi chơi phiếm. Linh tính báo cho bọn đàn bà biết "phượng hoàng" tới và họ lên ra gặp y. Cuộc mua bán diễn ra vội vã. Để lấy mấy xu đồng, người nông dân trao cho "phượng hoàng" chẳng những đủ mọi thứ giẻ rách, mà thường là cả áo sơ mi của chồng và cả váy của

mình. Thời gian gần đây, bọn đàn bà coi việc ăn cắp của chính mình và tiêu thụ sợi gai mềm và đặc biệt là sợi gai thô ([11]) theo cách ấy là có lợi - thế là nghề nghiệp của các tay "phượng hoàng" đã được mở rộng và tiến thêm một bước quan trọng! Nhưng rồi các gã mujich tinh khôn hơn, và hể thoảng thấy có gì đáng nghi ngờ, nghe phong phanh là "phượng hoàng" xuất hiện, thì họ tức tốc thi hành những biện pháp sửa chữa và phòng ngừa. Kể ra, nhưng vậy chẳng đáng bận tâm ư? Bán sợi gai mềm là việc của đàn ông, và đúng là trước nay họ vẫn bán, không phải bán ở thành phố, vì như thế thì phải tự mình đem hàng ra, mà bán cho những người đi buôn đi qua làng.

Những người lái buôn này vì không có cân nên tính một pút([12]) là bốn mươi năm, mà các bạn cũng biết thế nào là nắm tay và lòng bàn tay người Nga, đặc biệt khi người đó "ra sức cố gắng"! Tôi, một người không có kinh nghiệm và chưa "thông thuộc" đời sống nông thôn (như ở Orion người ta thường nói), đã được nghe vô khối câu chuyện như thế. Nhưng Khôr không phải chỉ kể chuyện, chính ông cũng hỏi tôi nhiều điều. Được biết tôi đã từng ra nước ngoài, sự tò mò của ông càng bùng lên mãnh liệt...

Kalinuts không chịu thua kém Khôr. Nhưng Kalinuts xúc động hơn khi nghe tả về thiên nhiên, núi non, thác ghềnh, về những ngôi nhà khác thường, những thành phố lớn. Khôr quan tâm đến những vấn đề hành chính và chính trị. Ông ta lần lượt hỏi tất cả mọi chuyện: "Thế nào, việc đó ở nước họ cũng như ở ta hay là khác? Thưa ông, việc đó ra sao?... "à, hay quá, lạy Chúa, đó là do ý Chúa!" - Kalinuts kêu lên trong lúc tôi kể chuyện. Khôr thường im lặng, cau đôi lông mày rậm, chỉ thỉnh thoảng nhận xét: "Điều đó ở nước ta không hợp, còn cái ấy thì tốt, thế mới ổn". Tôi không thể kể lại với các bạn tất cả các câu hỏi của ông ta, và cũng chẳng cần thuật lại làm gì. Nhưng qua những cuộc chuyện trò của chúng tôi, tôi thu hoạch được một niềm tin vững chắc mà có lẽ bạn đọc không hề ngờ tới: Tôi tin chắc rằng Piôtr đại đế là một người Nga hoàn hảo, là người Nga chính trong những công cuộc cải tạo của ông. Người Nga tin chắc ở sức mạnh và sự vững vàng của mình đến nỗi sẵn lòng tự phá vỡ cuộc sống của mình: người Nga ít bận tâm đến quá khứ và mạnh dạn nhìn về tương lai. Cái gì tốt thì người đó thích, cái gì hợp lý thì người đó chờ đón, còn nó từ đâu tới thì cũng thế thôi. Lương tri của người Nga thích chế giễu lý sự cằn cỗi của người Đức. Nhưng, theo lời Khôr, người Đức là một dân tộc hay tò mò, và ông vui lòng học tập họ. Nhờ tình trạng đặc biệt của mình, tình trạng độc lập trên thực tế, Khôr nói với tôi nhiều điều mà người khác thì có dùng đòn bẩy cũng không nẩy ra được hay như nông dân thường nói, là có đưa vào cối xay mà nghiền cũng không ra. Ông thực sự hiểu tình thế của mình. Nói chuyện với Khôr, lần đầu tiên tôi được nghe những lời lẽ giản dị, thông minh của người mujich Nga. Theo tôi, những hiểu biết của ông khá rộng, nhưng ông không biết đọc.

Kalinuts thì biết đọc. "Gã vô công rồi nghề ấy chữ nghĩa khá lắm - Khôr nói - ong của gã chẳng bao giờ chết cả". - "Thế ông có cho các con ông học chữ không?". Khôr im lặng. "Fêdya biết chữ" - "Còn những người khác?" - "Những đứa khác không biết". - "Sao thế?" - ông già không trả lời và lái sang chuyện khác. Nhưng, dù rất mực khôn ngoan, ông ta cũng có nhiều thành kiến và thiên kiến.

Chẳng hạn, ông ta khinh miệt phụ nữ tới tận đáy lòng, và lúc vui đùa, ông ta thường giấu cọt và nhạo báng họ. Vợ ông, một bà già hay cầu nhàu, suốt ngày không rời khỏi bếp lò, luôn mồm cần nhần và chửi mắng. Các con trai không chú ý gì đến bà, nhưng các con dâu thì bà có cách làm cho họ biết sợ Chúa. Chẳng phải vô cớ mà trong bài ca Nga, một bà mẹ chồng hát: "Mày đâu phải là con trai ta, mày đâu xứng làm chủ gia đình? Mày không đánh vợ, mày không đánh con vợ trẻ...".

Nhiều lần tôi định bênh vực các cô con dâu, thử khêu gợi cho Khôr thông cảm với họ, nhưng ông bình tĩnh phản đối: "ông cứ thích bận tâm đến những... chuyện vặt vãnh ấy làm chi, mặc cho các ả cãi cọ xâu xé nhau... Can chúng ra thì còn tệ hơn là đảng khác và cũng chẳng bỏ bản tay". Đôi khi, bà lão ác nghiệt từ trên bếp lò lần xuống, gọi con chó giữ sân đang ở phòng ngoài: "ê, ê, lại đây, lại đây" và bất ngờ dùng cái cào than quất vào tấm lưng gầy guộc của nó, hay bà

ta đứng dưới mái hiên và theo lối nói của Khôr - "sửa" tất cả những người đi qua. Tuy nhiên, bà ta sợ chồng, và khi chồng ra lệnh thì lập tức trở về chỗ của mình trên bếp lò. Nhưng nghe Kalinuts và Khôr tranh cãi nhau về ông Pôluturkin thì mới đặc biệt thú vị.

"Này, Khôr, anh đừng nói động đến ông chủ trước mặt tôi" - Kalinuts nói. "Thế tại sao ông ấy không đóng cho anh đôi ủng?" - Khôr phản đối, "Ủng với iếc! Tôi cần ủng làm gì? Tôi là dân mujich..." - "Thì tôi cũng là mujich, thế mà anh xem...". Khôr vừa nói vừa giơ một chân lên cho Kalinuts xem chiếc ủng có lẽ làm bằng da ma mút - "Ồi chào, anh có phải cánh mujich như tôi đâu?" - Kalinuts trả lời. "Thì ít nhất ông ấy cũng nên cho anh tiền mua giày bện bằng vỏ cây chứ: ngày nào anh cũng đi sấn với ông ấy cơ mà. Có lẽ mỗi ngày anh phải bện một đôi giày hăn thôi".

- "Ông ấy vẫn cho tôi tiền mua giày đấy chứ". - "Phải, năm ngoái ông ấy biếu anh mười cô pếch".

Kalinuts bực tức quay đi, còn Khôr cười sảng sặc và đôi mắt ti hí của ông ta hoàn toàn biến mất.

Kalinuts hát khá hay và đôi khi chơi balalaika. Khôr nghe, nghe mãi, rồi đột nhiên ngả đầu sang một bên và cất giọng ai oán hát theo.

Đặc biệt ông ta thích bài: "Số phận của ta, ôi số phận". Fêđya không bỏ lỡ dịp chế nhạo bố, "Kìa, bố, sao lại tỏ ra mềm yếu thế!" Nhưng Khôr vẫn chống tay lên má, nhắm mắt và tiếp tục than vãn về số phận của mình. . . Nhưng lúc khác thì không ai hoạt động hơn ông: lúc nào ông cũng loay hoay làm một việc gì: chữa xe ngựa, chống lại hàng rào, xem lại bộ dây cương. Nhưng ông ta không quan tâm lắm đến sự sạch sẽ, và có lần, khi tôi nêu lên nhận xét, ông ta trả lời rằng: "Nhà phải toát ra hơi hướng người ở".

Tôi phản đối: "Ông xem đấy, chỗ nuôi ong của Kalinuts sạch sẽ biết bao".

"Không sạch thì ong không ở, ông ạ" - ông ta nói và thở dài.

Lần khác, ông ta hỏi tôi: "Thưa ông, ông có đất thế tập không?" Có cách đây xa không ạ?

- Chừng một trăm dăm.

- Thế ông vẫn ở nơi đó đấy chứ, thưa ông?

- Tôi vẫn ở đấy.

- Nhưng có lẽ ông thích xách súng đi săn nhiều hơn đấy nhỉ?

- Thú thật là đúng như thế.

- Thưa ông, ông làm thế mà hay đấy: cứ bắn gà lôi cho thật nhiều vào và thay người trông coi ấp càng thường xuyên càng hay.

Sang ngày thứ tư, buổi chiều, ông Pôluturkin cho người đến đón tôi. Tôi lấy làm tiếc vì phải chia tay với ông già. Tôi cùng với Kalinuts lên xe ngựa.

- Thôi, tạm biệt ông Khôr. Chúc ông mạnh khỏe.

Tôi nói:

- Tạm biệt Fêđya.

Vâng, rước ông đi, đừng quên chúng tôi nhé.

Xe chúng tôi chuyển bánh. Hoàng hôn vừa xuống, ráng trời đỏ rực.

- Thời tiết ngày mai đẹp lắm đây - Tôi nhìn bầu trời sáng sủa và nói.

- Không, trời sẽ mưa - Kalinuts bác lại - Vịt đang rũ lông cánh trong nước kia kìa, và cỏ bốc mùi rất rõ.

Xe chúng tôi đi vào giữa những bụi cây.

Kalinuts cất tiếng hát khe khẽ, người nẩy chồm chồm trên ghế xà ích, và vẫn đắm đắm nhìn bầu trời hoàng hôn...

Hôm sau, tôi rời nhà hiếu khách của ông Pôluturkin.

ERMÔLAI VÀ VỢ NGƯỜI CHỦ CỐI XAY

Một buổi chiều, tôi và anh thợ săn Ermôlai đi "chyaga"... Nhưng có lẽ không phải tất cả các độc giả của tôi đều hiểu thế nào là chyaga. Vậy thì tôi xin kể các bạn nghe.

Mùa xuân, mười lăm phút trước khi mặt trời lặn, bạn ung dung vào rừng, không đem theo chó.

Bạn chọn lấy một chỗ gần bìa rừng, bạn đưa mắt quan sát khắp xung quanh, xem xét kỹ mỗi thuốc súng, nháy mắt trao đổi với người cùng đi săn.

Mười lăm phút đã qua. Mặt trời lặn hẳn, nhưng trong rừng còn sáng. Không khí tinh khiết và trong trẻo chim chóc ríu rít, cỏ non lấp lánh màu ngọc bích tươi vui... bạn chờ đợi. Trong rừng tối dần.

Ánh hoàng hôn đỏ thắm từ từ lướt trên những rễ cây và thân cây, mỗi lúc một lên cao, chuyển từ những cảnh thấp hầu như trơ trụi với những ngọn cây im lìm đang thiêm thiếp ngủ... Kia, những ngọn cây cao nhất đã mờ tối. Bầu trời ửng hồng chuyển sang màu xanh lam. Mùi cây cỏ trong rừng bốc lên mạnh hơn; làn hơi ẩm ẩm áp nhẹ nhàng lan tỏa ra; cơn gió ùa vào rừng lặng dần đi bên cạnh bạn. Chim chóc bắt đầu ngủ, không phải cùng một lúc mà tùy từng giống: chim mai hoa im lặng trước tiên, lát sau đến chim bông lau, rồi đến chim yến mạch. Trong rừng mỗi lúc một tối. Cây cối hòa vào nhau thành những khối lớn thẫm đen dần. Trên bầu trời xanh, những đốm sao đầu tiên rụt rè xuất hiện. Chim chóc đã ngủ cả. Chỉ còn những con chim đỏ đuôi những chú gõ kiến nhỏ bé thỉnh thoảng vẫn huýt lên mấy tiếng mơ ngủ. . . Nhưng rồi chúng cũng im bật. Phía trên đầu bạn, tiếng hót lạnh lạnh của chú chích xanh vang lên lần nữa, đầu đó vàng anh cất tiếng kêu buồn bã, họa mi thử khúc nhạc đầu, phát ra một âm thanh vang giòn như tiếng gõ phách... Bạn cảm thấy chán nản vì phải chờ đợi lâu, và bỗng nhiên - nhưng chỉ những người đi săn mới hiểu được tôi - bỗng nhiên, trong bầu không khí tịch mịch vang lên thứ tiếng kêu đặc biệt xen lẫn tiếng rít, bạn nghe thấy tiếng vỗ nhịp nhàng của đôi cánh khéo léo, và con dế gà nghiêng cái mỏ dài một cách duyên dáng, nhẹ nhàng bay lướt ra từ sau cây phong tối thẫm để đón lấy phát súng của bạn.

Đấy "đi chyaga" là như vậy.

Vậy là, tôi cùng với Ermôlai đi chyaga. Nhưng, xin lỗi bạn đọc, tôi phải giới thiệu Ermôlai với các bạn đã.

Các bạn hãy hình dung một người trạc bốn mươi lăm tuổi, cao, gầy, mũi dài thon nhỏ, trán hẹp, mắt ti hí màu xám, tóc rẽ tre, môi dày lúc nào cũng như nhếch một nụ cười giễu cợt. Đông cũng như hè, người đó mặc chiếc áo dài bằng vải Nam Kinh màu vàng nhạt, may kiểu Đức, nhưng thắt tấm dây lưng rộng bản, đánh chiếc quần chèn ống màu xanh, đội chiếc mũ da cừu non mà một địa chủ phá sản đã cho anh ta trong lúc cao hứng. Ở dây lưng có buộc hai cái túi, một cái ở đằng trước được xoắn lại một cách khéo léo thành hai nửa, một nửa đựng thuốc súng, một nửa đựng chì, cái túi ở đằng sau đựng thứ vật săn được; còn lòng nhồi đạn súng thì Ermôlai lấy ở cái mũ dường như không bao giờ trụi của mình. Với số tiền bán những thứ vật săn được Ermôlai có thể dễ dàng mua một cái túi đựng đạn và cái dây của người đi săn, nhưng chưa bao giờ anh ta nghĩ tới chuyện mua những thứ đó và vẫn tiếp tục nhồi lấy đạn súng, làm

cho những người được xem anh làm phải ngạc nhiên vì tài khéo léo của anh: anh không để thuốc súng và chì rơi vãi hay lẫn với nhau. Súng của anh ta là súng một nòng, mỗi bằng đá lửa, khẩu súng này có cái dở là giật cục dữ, vì thế má phải của Ermôlai bao giờ cũng bầu bĩnh hơn má trái. Với khẩu súng như thế, làm thế nào anh ta bắn súng được, điều đó người tinh ranh đến đâu cũng không thể hiểu nổi, thế mà anh ta vẫn bắn rất trúng đích. Trước kia, anh ta còn có cả con chó săn biệt hiệu là Valetka, một con vật kỳ diệu. Ermôlai không bao giờ cho nó ăn. "Tôi mà lại cho chó ăn nữa thì vừa - Ermôlai lý sự - Vả lại chó là con vật tinh khôn, tự nó sẽ tìm được cái ăn". Và thực vậy, tuy Valetka khiến cho ngay cả một người qua đường dừng dừng cũng phải sững sốt vì cái vẻ gầy guộc quá đáng của nó, nhưng nó vẫn sống, và sống lâu. Hơn thế nữa, dù sống cực khổ, nó chưa bỏ đi lần nào và không tỏ ra có ý định bỏ chủ. Chỉ có một lần, thời trai trẻ, nó vắng nhà hai ngày vì mải mê về đường tình ái. Nhưng cái thói ngông cuồng ấy mau chóng rời bỏ nó. Valetka có một đặc điểm rất khác thường: đó là thái độ dửng dưng khó hiểu của nó đối với mọi sự đời. . . Nếu không phải là nói về chó thì tôi sẽ dùng tiếng: chán đời. Nó thường hay ngồi, cái đuôi cộc quặp lại, mặt nhăn nhó, thỉnh thoảng lại rung người, nhưng không bao giờ mỉm cười. (Ta biết rằng chó có thể mỉm cười, thậm chí mỉm cười rất dễ thương). Nó xấu xí nhất trần đời, và không một kẻ đầy tớ nhàn rỗi nào lại bỏ lỡ dịp chế nhạo hình dạng nó một cách cay độc. Nhưng Valetka thần nhiên chịu đựng tất cả những trò nhạo báng ấy và thậm chí cả sự đánh đập nữa, tỏ ra có thái độ phớt lờ kỳ lạ. Nó thường làm cho những người nấu bếp đặc biệt thích thú, ấy là khi, do một nhược điểm không phải chỉ giống chó mới có, nó thò cái mõm đói của nó vào cánh cửa hé mở của căn nhà bếp ẩm áp đầy sức cám dỗ và thơm diếc mũi những người nấu bếp lập tức ngừng việc, quát tháo và chửi mắng đuổi theo nó. Khi đi săn, nó không hề biết mệt mỏi và đánh hơi rất tinh. Nhưng nếu tình cờ đuổi kịp một con thỏ bị trúng thương thì nó tha con vật vào một chỗ nào rợp mát dưới bụi cây, cách Ermôlai thật xa và chén hết sạch, không chừa lại một mẩu xương nào cả, mặc cho chủ chửi rủa bằng tất cả những thổ ngữ quen biết và lạ tai.

Ermôlai là nông nô của một trong những người láng giềng của tôi, một địa chủ kiểu cũ. Những địa chủ kiểu cũ không thích chim rừng và chuyên dùng gia cầm. Chỉ trừ một số dịp đặc biệt, như: ngày sinh nhật, ngày lễ đặt tên thánh, ngày bầu cử thì đầu bếp của các địa chủ cũ mới làm thịt những con chim mỡ dãi. Và đôi khi đã hăng tiết lên - đúng với bản tính của người Nga khi người đó không biết rõ mình đang làm gì, - họ sáng chế ra những thứ gia vị kỳ quặc để tra vào các món họ làm, đến nỗi khách khứa phần lớn chỉ tò mò và chăm chú ngắm nhìn những món ăn được bung lên nhưng tuyệt nhiên không dám nếm thử. Ermôlai được lệnh mỗi tháng một lần đem nộp cho nhà bếp của chủ hai đôi gà lôi và gà gô, nhưng anh ta được phép muốn ở đâu thì ở và sống bằng cách nào tùy ý. Người ta không đếm xỉa đến anh, coi anh ta là người không dùng được vào việc gì cả - "một người thừa", như ở Oriôn người ta thường nói. Tất nhiên người ta không cấp thuốc súng và chì cho anh, theo đúng những nguyên tắc đã khiến anh không cho con chó của mình ăn. Ermôlai thuộc loại người hết sức lạ: vô tư lự như chim, khá lẳng lòi, lơ đãng và bề ngoài nom vụng về. Anh ta rất ham uống rượu, không ở đâu lâu một chỗ, đi thì chuệnh choạng, nghiêng bên nọ ngã bên kia, thế nhưng cứ chuệnh choạng và nghiêng ngã như vậy mà anh ta cuộc bộ năm mươi dặm một ngày đấy. Anh ta đã nếm đủ mùi phiêu lưu: ngủ đêm trong đầm lầy, trên cây, trên mái nhà, dưới gậm cầu, đã nhiều phen bị nhốt trên gác mái ắp, trong hầm nhà và trong nhà kho, bị tước mất súng, mất chó, mất những thứ che thân cần thiết nhất, nhiều lần bị đánh đau và đánh lâu. Ấy vậy mà ít lâu sau, anh ta trở về nhà có đủ cả quần áo, súng và chó.

Không thể nói anh ta là người vui tính tuy hầu như bao giờ anh ta cũng khá tươi tỉnh. Nói chung anh ta có vẻ là một người kỳ quặc. Ermôlai thích nói chuyện với một người tử tế, đặc biệt là lúc khê khà bên chai rượu, nhưng cũng không lâu: đột nhiên anh ta đứng dậy và đi. - "Này, đồ quỷ, anh đi đâu đấy? Đêm hôm rồi".

- Tôi đến Tsaplinô.

- Nhưng anh lần mò đến Tsaplinô làm gì, cách đây những mười dặm đường.

- Tôi đến ngủ ở nhà tay mujich Xôfrôn.
- Ngủ ở đây.
- Không, không được.

Và Ermôlai cùng với Valetka của mình xông vào đêm tối, vượt qua các bụi cây và các vũng nước, nhưng gã mujich Xôfrôn của anh có thể sẽ không cho anh vào nhà, mà chưa biết chừng còn cho anh mấy quả tổng vào cổ và quát tháo: "Đừng có quấy rầy những người lương thiện". Nhưng không ai có thể bì kịp Ermôlai về tài bắt cá trong kỳ nước lũ mùa xuân, tài dùng tay không bắt tôm, tài đánh hơi tìm ra thú săn, tài nhử chim cun cút, tài tập rượt điều hâu, tài bắt chim họa mi bằng cách bắt chước in hệt một số âm điệu hay nhất trong điệu nhạc của nó... Duy có một việc anh ta không làm được: luyện chó. Anh không đủ kiên nhẫn. Anh đã từng có vợ. Mỗi tuần anh ta đến với vợ một lần. Vợ anh ở một túp nhà tồi tàn, đổ nát, sống lẩn quẩn ngày, không bao giờ biết trước ngày mai mình có được no bụng không, nói chung số phận của chị thật là cay đắng. Ermôlai, con người vô tư và tốt bụng ấy, đối với vợ lại tàn nhẫn và hung bạo. Ở nhà, anh ta luôn có vẻ dâm dọ và nghiêm khắc, và người vợ khốn khổ của anh ta không biết làm thế nào cho vừa ý chồng, chị run sợ trước luồng mắt của anh ta, vét từng đồng xu cuối cùng mua rượu nho cho chồng và khi anh ta nằm ngả lên bếp lò với vẻ oai vệ, đánh một giấc ngủ say lì thì chị lấy áo khoác của mình len lén đắp cho chồng.

Chính tôi đã nhiều lần có dịp nhận thấy những biểu hiện vô tình của một tính nết hung dữ: tôi không ưa vẻ mặt của anh ta khi anh ta nhăm nháp con chim bắt được. Nhưng Ermôlai không bao giờ ở nhà quá một ngày. Và ở nơi khác, anh lại biến thành "Ermôlka" - khắp trăm dặm xung quanh người- ta gọi anh bằng cái tên ấy và đôi khi chính anh tự gọi mình như vậy. Một gia nhân hèn kém nhất cũng cảm thấy mình hơn hẳn gã lang thang này, và có lẽ chính vì thế họ đối xử thân thiện với anh. Còn cánh mujich thì lúc đầu lòng bắt anh một cách thích thú như lòng bắt con thỏ giữa cánh đồng, nhưng sau họ lại thả anh ra cho Chúa định đoạt và khi đã biết rõ con người kì quặc thì họ không động đến anh nữa, thậm chí còn cho anh bánh mì và chuyện trò với anh... Tôi đã chọn chính người ấy làm bạn đi săn, và cùng với anh ta, tôi đã đi "chyaga" trong một khu rừng phong lớn, trên bờ sông Ixta.

Nhiều con sông Nga, cũng giống như sông Vonga, có một bờ cao sát chân núi và một bờ thấp là đồng cỏ. Sông Ixta cũng thế. Con sông nhỏ này chảy uốn éo lạ thường, lượn khúc như rắn, không có quãng nào dòng sông thẳng được đến nửa dặm, và có chỗ, đứng trên bờ dốc cao, có thể nhìn thấy đoạn sông trong tầm mười dặm, với những đê đập, ao chuôm, cối xay, những vườn rau xung quanh có bụi cây bao bọc, và những khu vườn cây um tùm.

Cá sông Ixta nhiều vô tận, đặc biệt là cá rôi (vào những ngày nóng nực, nông dân tay không bắt cá rôi dưới bụi cây ven sông). Những con chim hô triều huyết lên như tiếng còi, bay lượn dọc mé bờ cao lởm chởm đá có những mạch nước nguồn mát lạnh trong suốt chảy ngang dọc khắp nơi. Vịt trời bơi ra giữa ao và thận trọng nhìn quanh. Những con diệc đứng ngất ngưởng trong bóng rợp, ở chỗ nước lặn sâu vào đất dưới bờ dốc dựng ngược... Chúng tôi đứng rình ngót một giờ, hạ được hai cặp dẽ gà, và muốn thử lại lần nữa, cái lạc thú của mình trước khi mặt trời mọc (cũng có thể đi chyaga vào buổi sáng), chúng tôi quyết định nghỉ đêm ở chỗ cối xay gần nhất. Chúng tôi ra khỏi rừng, đi xuống chân đồi. Trên mặt sông, những con sóng xanh thẫm xô đuổi nhau. Không khí dày đặc lại, trĩu nặng hơi ẩm ban đêm. Chúng tôi gõ cổng. Mấy con chó sủa inh lên.

- Ai đấy? - Một giọng khàn khàn, ngái ngủ vang lên.
- Chúng tôi đi săn, muốn xin ngủ nhờ.

Không thấy trả lời.

- Chúng tôi sẽ trả tiền trọ.

- Để tôi vào thưa ông chủ. . . khế chứ, đồ trời đánh thánh vật... Trời chu đất diệt các người đi!

Chúng tôi nghe thấy tiếng chân người làm đi vào trong nhà. Lát sau, gã trở ra.

- Không - Gã nói - ông chủ bảo không cho vào.

- Tại sao?

- Ông ấy sợ. Các người là dân đi săn, không khéo các người lại đốt cối xay của người ta thì khốn. Đấy kia, đạn, thuốc súng...

- Nói nhăng nhít gì thế?

- Thì năm kia cối xay nhà chúng tôi bị cháy rồi đấy: những người đi bán thịt và cá đã trọ đêm ở đây, và chẳng biết họ làm thế nào mà cháy ráo cả.

- Thôi thế thì cho chúng tôi ngủ nhờ ở sân vậy, người anh em ạ!

- Mặc các anh...

Gã bỏ đi, giậm ủng thành thịch.

Ermôlai dậm dọ đủ điều, hứa sẽ cho gã biết tay.

- Ta vào làng vậy - Cuối cùng, anh ta thở dài, thốt lên. Nhưng làng cách đây hai dặm đường...

- Ta nghỉ ở đây, ngay ngoài sân này - Tôi nói - Đêm nay trời ấm. Bỏ ra ít tiền thì lão chủ cối xay sẽ để cho chúng ta ít rơm.

Ermôlai ưng thuận ngay. Chúng tôi lại gõ cổng.

- Các người cần gì. - Tiếng nói của gã người làm - Đã bảo là không được đâu mà.

Chúng tôi nói rõ cho gã biết chúng tôi muốn gì.

Gã vào hỏi chủ và cùng trở ra với chủ. Cánh cửa bờ rào kết lên. Gã chủ cối xay xuất hiện, người cao lớn, mặt béo phì, cổ như cổ bò, bụng to tròn. Ông ta đồng ý với đề nghị của tôi. Cách cối xay khoảng trăm bước có một cái mái che nhỏ, bốn bề lỏng lẻo.

Họ đem rơm, cỏ khô vào đấy cho chúng tôi. Gã người làm đặt ấm xamôva trên bãi cỏ gần sông và ngồi xổm xuống, ra sức thổi ống lửa... Than cháy bùng lên, soi tỏ khuôn mặt trẻ của anh ta. Ông chủ cối xay chạy đi đánh thức vợ dậy, và rồi cuộc mời tôi vào ngủ trong nhà. Nhưng tôi thích ở ngoài trời hơn. Bà chủ mang ra cho chúng tôi sữa trứng, khoai, bánh mì. Lát sau, ấm nước sôi, và chúng tôi uống trà. Mặt sông bốc hơi, không có gió. Gà nước kêu rộn rã xung quanh. Gần bánh xe cối xay, có những âm thanh yếu ớt vang ra. Nước rỏ giọt từ những cánh quạt, nước vọt qua những then cửa ngăn. Chúng tôi nhóm một đồng lửa nhỏ. Trong lúc Ermôlai nướng khoai, tôi đã thiu thiu ngủ... Tiếng rì rầm khe khẽ làm tôi tỉnh dậy. Tôi nhòm đầu lên: vợ người chủ cối xay ngồi trên cái thùng gỗ lật úp, trước đồng lửa và nói chuyện với người bạn sẵn của tôi. Ngay từ đầu, nhìn y phục, cử chỉ và lối nói của chị ta, tôi đã biết trước chị trước kia là người hầu gái chứ không phải là nông dân hay tiểu thị dân.

Nhưng đến lúc này tôi mới ngắm kỹ những đường nét trên mặt chị. Chị nom trạc ba mươi tuổi, khuôn mặt gầy và tái nhợt vẫn còn giữ được dấu vết của một vẻ đẹp yêu kiều. Đặc biệt, tôi thích đôi mắt to đượm buồn của chị. Chị chống khuỷu tay lên đầu gối, áp mặt vào hai bàn tay. Ermôlai ngồi quay lưng về phía tôi và tiếp thêm những mảnh củ vụn vào lửa.

- Ở Jentukhina lại có dịch gia súc - Chị ta nói - Hai con bò cái của cha Ivan đều chết cả... Cầu Chúa ban ơn cho chúng ta!

- Thế còn con nhà cô thì thế nào? - Ermôlai im lặng một lát, rồi hỏi.

- Vẫn chưa làm sao.

- Giá cô cho tôi lấy một chú lợn con nhỉ.

Chị ta im lặng, rồi thở dài.

- Anh đi với ai thế - Chị hỏi.

- Với một ông quý tộc, một ông Kôxtômarôpxki.

Ermôlai ném mấy cành thông vào lửa, cành cây lập tức lách tách nổ ran lên, một làn khói trắng dày đặc tấp thẳng vào mặt anh ta.

- Sao chồng cô không cho chúng tôi vào nhà.

- Anh ấy sợ.

- Chà, cái gã béo bụng phệ ấy... Này, Arina Timôfêepna thân mến, cô cho tôi một cốc rượu nho nhé! Người vợ chủ cối xay đứng lên và biến vào bóng tối Ermôlai cất tiếng hát khe khẽ:

Công anh lặn lội đón tìm

Bao nhiêu ụng, chỉ vì em, tan tành.

Arina trở lại, mang theo cái bình nhỏ và cái cốc. Ermôlai nhồm dậy, làm dấu chữ thập và uống thẳng một hơi. "Tôi yêu!" - Anh ta thêm.

Chị chủ nhà lại ngồi xuống chiếc thùng gỗ.

- Này, Arina Timôfêepna, hình như cô vẫn ốm thì phải.

- Tôi vẫn ốm đấy.

- Ốm thế nào?

- Đêm đến là ho khố ho sở - Hình như ông khách ngủ rồi - Ermôlai thốt lên sau một lúc im lặng - Cô đừng tìm thầy thuốc, Arina ạ, bọn lang băm sẽ làm cho bệnh tình của cô trầm trọng hơn.

- Thì tôi có đi chữa thuốc bao giờ đâu.

- Nhưng cô nên đến thăm tôi thì hơn.

Arina cúi đầu.

- Hôm ấy tôi sẽ đuổi vợ tôi đi nơi khác - Ermôlai nói tiếp... - Nói thật đấy.

- Anh nên đánh thức ông khách dậy thì hơn, Ermôlai Pêtorovits ạ: anh thấy không, khoai nướng chín rồi đấy.

- Cứ để ông ấy ngủ - Người giúp việc trung thành của tôi nói với vẻ thản nhiên, ông ấy đi bộ nhiều, vì thế nên ngủ mệt.

Tôi trở mình trên cỏ khô. Ermôlai đứng lên và tới gần tôi.

- Khoai được rồi đấy ạ, mời ông dậy xơi.

Tôi ra khỏi chỗ mái che. Chị chủ cối xay rời chiếc thùng đứng lên và định đi. Tôi hỏi chị ta:

- Nhà ta cho chạy cái cối xay này lâu chưa?

- Mới được hơn một năm, từ ngày lễ Tam vị đấy ạ - Thế chồng cô người ở đâu?

Arina không nghe rõ câu hỏi của tôi.

- Chồng cô người đâu ta? - Ermôlai cao giọng nhắc lại.

- Người Bêlep. Anh ấy là tiểu thị dân Bêlep.

- Thế cô cũng ở Bêlep ạ.

- Thưa không, tôi là người hầu nhà địa chủ...trước kia là người hầu..

- Nhà ai vậy?

- Nhà ông Zverkôp ạ . Bây giờ tôi là người tự do.

- Zverkôp nào?

- Alêcxanđrơ Xilurts.

- Cô là hầu phòng của vợ ông ta phải không?

- Tại sao ông biết ạ? Vâng, đúng thế.

Tôi càng nhìn Arina với vẻ tò mò và thương cảm nhiều hơn.

- Tôi biết ông chủ của cô. - Tôi tiếp lời.

- Ông biết ạ? - Chị ta đáp khẽ giọng và cúi gằm xuống.

Cần phải nói cho bạn đọc rõ vì sao tôi lại nhìn Arina với con mắt thương xót như vậy. Trong thời gian tôi ở Pêtecxbua tình cờ tôi quen ông Zverkôp.

Ông ta giữ một địa vị khá quan trọng, nổi tiếng là người hiểu biết và thạo việc. Ông ta có một bà vợ mũm mĩm, đa cảm, mau nước mắt và độc ác: một người đàn bà tầm thường và khó tính khó nết. Họ có một gã con trai, một chú quý tộc con thực sự, được nuông chiều và đàn dộn. Về

ngoài của ông Zverkôp ít gây được thiện cảm: trên khuôn mặt rộng, gần như vuông vức, đôi mắt chuột nhắt nom đến quỷ quyết, mũi to và nhọn, hai lỗ mũi tênh hếch; mái tóc bạc cắt ngắn chồm lên như rễ tre trên vùng trán nhăn nheo, cặp môi mỏng dính luôn luôn mấp máy và mím một nụ cười đường mật. Ông Zverkôp thường đứng chằng rộng đôi chân ngắn và thọc hai tay to trần trụi vào túi. Tôi đã có lần cùng ngồi xe ngựa đi với ông ra ngoài thành phố. Chúng tôi nói chuyện với nhau. Tự cho mình là người có kinh nghiệm, thạo đời ông Zverkôp bắt đầu răn bảo tôi theo "con đường chính đạo".

Ông ta nói như rít lên:

- Cho phép tôi nêu lên với ông một nhận xét là bọn thanh niên các ông nhận định và giải thích mọi cái đều bộp chộp. Các ông ít biết tổ quốc mình. Các ông không biết nước Nga, thế đấy!... Các ông chỉ luôn luôn đọc sách Đức. Chẳng hạn, ông vừa nói với tôi về... về cái... à, vâng, về bọn gia nhân. Được, tôi không cãi, tất cả những ý kiến ấy đều hay thôi. Nhưng ông không biết chúng, ông không biết chúng là hạng người thế nào (ông Zverkôp chốc chốc lại hỉ mũi và ngửi thuốc lá). Chẳng hạn, xin cho phép tôi kể với ông một chuyện tiểu lâm nhỏ. Chuyện đó có thể làm cho ông hứng thú đấy (ông Zverkôp hắng giọng). Ông cũng biết vợ tôi là người thế nào rồi: có lẽ khó tìm được người đàn bà nào nhân đức hơn vợ tôi, hẳn ông cũng đồng ý. Những đứa hầu gái của vợ tôi không phải chỉ là sung sướng, mà quả thực là sống trong thiên đường dưới cõi trần. . . Nhưng vợ tôi tự đặt ra cho mình một nguyên tắc: không nuôi những ả hầu gái có chồng. Mà đúng là không thể như thế được: có chồng rồi sẽ có con, lắm chuyện lắm, lúc ấy thì còn bụng dạ đâu mà chăm sóc bà chủ cho chu đáo, bụng dạ đâu mà chiều chuộng những thói quen của bà chủ được: bấy giờ thì nó thiết gì nữa, đầu óc nó còn để đâu đâu ấy chứ. Cần phải nhìn nhận sự việc theo quan điểm nhân đạo.

Thế này nhé, một lần chúng tôi đi qua làng quê nhà, bấy giờ là . . . nói với ông thế nào đây. . . tôi không nói dối đâu, cách đây mười lăm năm rồi. Chúng tôi gặp ở nhà trưởng thôn một con bé tuyệt khéo, con gái ông ta. Ông biết không, trong cử chỉ của nó có mọi vẻ gì nịnh nọt. Vợ tôi bảo tôi: "Kôkô - ông hiểu không, vợ tôi thường hay gọi tôi bằng cái tên thân mật như thế -, chúng ta lấy con bé này về Pêtecxbua đi; em ưa nó lắm, Kôkô ạ Tôi bảo:

Thì đem nó về, rất sẵn lòng!. Trưởng thôn tất nhiên là sụp xuống lạy tạ chúng tôi. Ông hiểu không, y không thể ngờ có được hạnh phúc như thế. Còn con bé thì đương nhiên là nó khóc, cái trò con trẻ ngu dại ấy mà. Nhưng kể ra thì lúc đầu cũng hơi đáng sợ thật: rời bỏ nhà cha mẹ... nói chung thì... cũng chẳng có gì là lạ. Nhưng nó quen rất mau với chúng tôi. Thoạt tiên chúng tôi đưa nó vào khu dành cho bọn hầu gái, và cố nhiên là nó được dạy dỗ bảo ban. Ông có biết thế nào không?... Con bé tấn tới kỳ lạ. Vợ tôi thực sự là mê nó, thương nó, và cuối cùng, đã ban cho nó một đặc ân vượt qua cả các ả hầu gái khác: lấy nó vào hầu hạ chính bản thân mình... xin ông chú ý cho!... Và cũng phải công bằng mà nói rằng nhà tôi chưa từng có một cô hầu nào như thế, đúng là chưa từng có: tận tụy, nhũn nhặn, ngoan ngoãn, tóm lại là có đủ mọi đức tính cần thiết. Nhưng thú thực là vợ tôi cũng nuông nó quá: mặc thì cho mặc những thứ đẹp, ăn cùng với chủ, cùng ngồi uống trà... không còn nuông chiều cách nào hơn được nữa! Nó hầu hạ nhà tôi được mười năm không có điều tiếng gì. Thế rồi, một buổi sáng kia, ông thử tưởng tượng xem, Arina - tên nó là Arina - xộc vào phòng làm việc của tôi, không hề xin phép trước gì cả, và sụp xuống dưới chân tôi... Nói thực với ông, tôi không thể chịu nổi cái cung cách đó. Con người không bao giờ được quên phẩm giá của mình, phải thế không?

- Cô cần gì?

- Thừa ông Alêcxandr Xiluts, ông là bậc cha, xin ông ban cho con một ân huệ.

- Gì thế?

- Xin ông cho con đi lấy chồng.

Thú thực là tôi kinh ngạc.

- Này, đồ ngốc ạ, cô cũng biết là bà nhà ta không còn người hầu gái nào khác chứ?
- Con sẽ hầu hạ bà như trước.
- Nói nhảm! Nói nhảm? Bà không bao giờ dùng người hầu có chồng.
- Malanhya có thể thay chân con.
- Thôi đừng biện bạch nữa.
- Con đâu dám trái ý ông. . .

Thực tình là tôi sửng sốt quá. Nói để ông biết, tính tôi như thế này: tôi dám nói rằng không cái gì xúc phạm đến tôi ghê gớm hơn lòng vô ơn... Chẳng nói ông cũng thừa rõ vợ tôi là người thế nào: một thiên thần bằng xương bằng thịt, một tấm lòng vàng không thể nào cắt nghĩa được... Có lẽ một kẻ tàn ác nhất cũng phải mềm lòng trước con người nhân đức ấy. Tôi đuổi Arina ra. Tôi cho rằng nó sẽ tỉnh ngộ. Ông biết không, tôi không muốn tin rằng con người ta lại có thể độc ác, vong ân bội nghĩa. Ông nghĩ sao? Thế rồi nửa năm sau, nó lại đến cầu xin tôi vẫn về chuyện ấy. Lần này thì tôi nổi giận đuổi nó ra và dọa sẽ nói cho vợ tôi biết. Tôi phần nộ. . . Nhưng ông thử tưởng tượng xem tôi ngạc nhiên đến thế nào: ít lâu sau, vợ tôi đến gặp tôi, nước mắt chan hoà, xúc động đến nỗi tôi sợ hãi. "Có chuyện gì xảy ra thế?"

- Arina... Mình hiểu không... Nói ra phát ngượng lên được...
- Lẽ nào! ... Đứa nào thế?
- Thăng hầu Pêtruska!

Tôi tức điên lên. Tính tôi vốn... tôi không ưa những biện pháp nửa vời!... Pêtruska... hẳn không có lỗi. Trừng phạt hẳn thì được thôi, nhưng theo tôi thì hẳn không có lỗi. Arina, thì... ồ, còn phải nói gì nữa? Tất nhiên tôi lập tức ra lệnh gọt đầu ả, cho mặc xống áo bằng vải gai thô và tổng khứ về làng.

Vợ tôi mất một đứa hầu gái tuyệt diệu, nhưng làm thế nào được, không thể dung túng tình trạng hỗn độn trong nhà. Cánh tay đã bị thối thì cứ cắt phăng đi là hơn... Nào, bây giờ thì ông tự xét xem, ông cũng biết vợ tôi đấy, đó là... đó là... xét cho cùng thì là một thiên thần!... Vợ tôi quyến luyến Arina, Arina biết điều đó và không hề lấy làm hổ thẹn... Thế nào? Ồ không, ông nói đi. . . thế nào? Còn phải bàn gì nữa! Đành phải như vậy thôi, không có cách gì hơn. Thái độ vong ân bội nghĩa của đứa con gái đó khiến tôi buồn bực mãi không thôi. Muốn nói gì thì nói... cảm xúc, tình cảm là những thứ ta không thể tìm thấy ở bọn người đó. Cho chó sói ăn như thế nào đi nữa thì nó vẫn ngong ngóng nhìn vào rùng. .. Đây là một bài học kinh nghiệm! Nhưng tôi chỉ muốn chứng minh với ông rằng...

Và ông Zverkôp không nói hết lời, quay mặt đi, kéo lại chiếc áo khoác cho sát vào người hơn nữa, dùng cảm để nén nỗi bất bình cuộn cuộn dâng lên trong vòng ông.

Bây giờ thì hẳn là bạn đọc hiểu vì sao tôi lại nhìn Arina với niềm thương cảm như vậy.

- Cô lấy người này đã lâu chưa? - Cuối cùng tôi hỏi.
- Hai năm rồi ạ.

- Vậy ra ông chủ cũng cho phép cô lấy chồng à?

- Em được chuộc ra.

- Ai chuộc?

- Xavêli Alêcxêiêvits.

- Anh ta là ai?

- Chồng em. (Ermôlai cười thầm). Ông chủ nói chuyện với ông về em hay sao? - Arina nói thêm, sau một lúc im lặng.

Tôi không biết trả lời câu hỏi của chị ta ra sao.

"Arina"! - Người chủ cối xay lớn tiếng gọi từ đằng xa. Chị ta đứng lên, đi.

- Chồng cô ta có tốt không?

- Không đến nỗi tồi.

- Họ có con không?

- Có một đứa con trai, nhưng bỏ rồi.

- Cô ta chắc cũng được chồng thương yêu đấy nhỉ?... Tay này chuộc cô ta có tốn nhiều tiền lắm không?

- Con không biết. Cô ta biết chữ. Trong công việc của họ thì... điều đó đôi khi cũng có ích. Hẳn là gã vừa lòng về cô ta.

- Anh quen cô ta lâu chưa?

- Lâu rồi ạ. Trước kia con thường lui tới nhà chủ cô ta. Trang trại của họ cách đây không xa.

- Anh biết Pêtruska chứ?

- Pêtr Vaxiliêvits ấy à? Có chứ.

- Bây giờ hắn ở đâu?

- Hắn đăng lính rồi.

Chúng tôi im lặng.

- Hình như cô ta không được khỏe thì phải? - Cuối cùng tôi hỏi Ermôlai.

- Khỏe cái nỗi gì!... Ngày mai đi chyaga có lẽ tốt lắm đấy. Bây giờ ông ngủ một giấc hẳn là ngon.

Bầy vịt trời bay qua trên đầu chúng tôi, cánh vỗ gió vi vút, và chúng tôi nghe thấy chúng hạ xuống sông cách chúng tôi không xa. Đã tối hẳn và bắt đầu lạnh. Trong rừng hoạ mi hát lên điệu nhạc thánh thót, du dương. Chúng tôi rúc vào đồng cỏ khô và ngủ thiếp đi.

MẠCH NƯỚC DỪM HƯƠNG

Khoảng đầu tháng tám, thời tiết nóng nực kinh người: Vào kỳ này, từ mười hai giờ trưa đến ba giờ chiều, người kiên quyết nhất và chuyên tâm nhất cũng không thể đi săn được, và con chó trung thành nhất cũng bắt đầu "liếm gót giày chủ", nghĩa là đi bước một theo sau chủ, mắt nheo lại như bị đau, lưỡi thè lè; và để đáp lại những lời trách móc của chủ, nó khúm núm vẫy đuôi và lộ vẻ bối rối, nhưng không chạy lên phía trước. Tôi đã có dịp đi săn chính trong một ngày như thế. Tôi cưỡng lại hồi lâu cái ý muốn cầm đồ xui tôi tìm một chỗ rợp mát nằm nghỉ, dù chỉ trong chốc lát. Con chó không biết mệt của tôi vẫn tiếp tục sục sạo hồi lâu trong các bụi cây, mặc dù chính nó có lẽ cũng không hề mong đợi hoạt động ráo riết ấy sẽ đem lại cái gì có ích. Cái nóng ngột ngạt cuối cùng đã buộc tôi phải nghĩ đến việc gìn giữ chút sức lực và khả năng cuối cùng của chúng tôi. Tôi gắng lần đến sông Ixta, con sông mà các bạn đọc độ lượng của tôi đã biết. Tôi xuống bờ dốc, và đi trên cát vàng ẩm, tới chỗ mạch nước nguồn nổi tiếng khắp các vùng lân cận, mang tên là Mạch nước dừm hương.

Nguồn nước này vot ra từ một kẽ nứt trên bờ mà dần dần đã biến thành một cái khe nhỏ và sâu; cách đây chừng hai chục bước, mạch nước reo vui ồn ào, đổ vào sông. Sồi non mọc thành cụm chi chít trên sườn khe. Gần nguồn nước, cỏ mọc xanh tốt, thấp và mượt như nhung. Ánh nắng mặt trời hầu như không bao giờ chạm tới làn nước lạnh trắng bạc của con suối nguồn này. Tôi đến được chỗ nguồn nước. Trên cỏ có một cái gàu bằng vỏ cây phong mà một người mujich qua đường đã để lại cho mọi người dùng chung. Tôi uống nước nguồn, nằm trong bóng rợp và nhìn xung quanh.

Gần cái vụng nhỏ do nguồn nước đổ vào sông tạo nên và vì vậy lúc nào cũng gợn sóng lăn tăn, có hai ông già ngồi quay lưng về phía tôi. Một người khá mập và cao, mặc áo kafotan màu lá mạ thậm khá thơm tất, đội mũ mềm có lưỡi trai, đang câu cá. Người kia gầy gò, nhỏ nhắn, mặc áo dài xẻ vạt bằng vải mukhôi-iar ([13]) đã vá nhiều chỗ, không đội mũ, kẹp giữa hai đầu gối một bình đựng giun làm mồi câu và thỉnh thoảng đưa tay xoa mái đầu bạc, như muốn che nắng. Tôi nhìn người đó chăm chú hơn và nhận ra đấy là Xtêpuska ở Sumikhinô. Xin cho tôi giới thiệu người đó với bạn đọc.

Cách làng tôi mấy dặm, có một làng lớn tên là Sumikhinô với một ngôi nhà thờ bằng đá dựng lên để thờ thánh Kôzima và Đamian. Xưa kia, đối diện với nhà thờ là một toà nhà to, đẹp của lãnh chúa, xung quanh là những căn nhà phụ, xưởng thợ, chuồng ngựa, nhà trồng cây ([14]) và nhà để xe, nhà tắm, nhà bếp tạm thời, những gian đầu hồi dành cho khách và cho những người quản lý, những nhà lồng kính trồng hoa, những cột đu và những căn nhà khác ít nhiều có ích. Ở trong tòa nhà ấy là những địa chủ giàu có, và họ sống mới yên vui sung sướng làm sao, cho tới một buổi sáng kia, cái thiên đường ấy bỗng cháy sạch sành sanh. Các ông chủ dọn đi ở nơi khác; khu nhà bỏ hoang. Bãi tro tàn mênh mông biến thành một vườn rau đầy đó rải rác những đồng gạch chông chất, di tích của những nền nhà trước kia. Người ta lấy những súc gỗ còn nguyên vẹn, dựng vội một túp nhà gỗ, lợp bằng ván thuyền mua từ mười năm trước, định để làm một cái quán theo phong cách gô-tích. Bác thợ làm vườn Mitorôfan cùng với vợ là Acxinhya và bảy đứa con được đưa đến ở đây! Mitorôfan được lệnh phải cung cấp hoa quả và rau cho bếp ăn của ông chủ ở cách đây một trăm năm mươi dặm. Acxinhya thì có nhiệm vụ coi sóc con bò cái thuộc loại bò giống Tirôn mua ở Matxcova với món tiền rất lớn, nhưng tiếc rằng đã mất mọi khả năng sinh sản, vì thế từ lúc mua về đến giờ chưa hề cho sữa. Người ta cũng còn trao tận tay cho chị một con vịt đẻ màu tro xám có chòm lông trên đầu, con vật duy nhất thuộc

loại gia cầm "của ông chủ". Trẻ con vì còn nhỏ tuổi, nên không được trao nhiệm vụ nào cả, điều đó khiến chúng đâm ra hoàn toàn lười nhác. Tôi đã có dịp ngủ đêm hai lần ở nhà người làm vườn này.

Nhiều lần đi qua nhà ông, tôi đã mua của ông những quả dưa chuột mà chỉ có trời biết là tại sao ngay cả về mùa hè, chúng cũng to khác thường, có vị ung ung và vỏ dày, vàng choé. Chính ở nhà ông ta, lần đầu tiên tôi đã gặp Xtêpuska. Ngoài Mitorôfan cùng gia đình và một viên bổ nhà thờ già và điếc tên là Ghêraxim, sống vì Chúa trong căn buồng nhỏ của một người vợ lính chốt mắt, khắp vùng Sumikhinô không còn một gia nhân nào của nhà địa chủ, vì Xtêpuska, người mà tôi định giới thiệu với bạn đọc, không thể coi là người nói chung, cũng không thể coi là gia nhân nhà địa chủ nói riêng.

Mỗi người đều có ít ra một địa vị nào đó trong xã hội, và dầu sao cũng có những mối quan hệ này nọ. Mỗi gia nhân, nếu không có tiền công thì ít nhất cũng có cái gọi là "thực phẩm được cấp phát".

Xtêpuska thì chẳng được cấp đỡ gì cả, chẳng có họ hàng với ai, chẳng ai biết ông ta sinh sống ra sao.

Con người này thậm chí không có cả quá khứ, người ta không nói đến ông ta; những lần kiểm tra dân đinh, ông ta không được kể đến. Có tin đồn vu vơ rằng xưa kia ông ta là bồi phòng của một người nào không rõ. Nhưng ông ta là người thế nào, từ đâu đến, con ai, làm sao lại lọt vào trong sổ dân đinh Sumikhinô, ông ta làm cách nào kiếm được chiếc áo dài xẻ vạt bằng vải mukhôiar mà ông ta vẫn mặc từ đời thuở nào đến giờ, ông ta ở đâu, sống bằng gì - điều đó chẳng ai hay biết tí gì, mà cũng chẳng ai bận tâm đến những câu hỏi ấy. Cụ Torôfimts, một người biết gia hệ tất cả các tội tớ nhà địa chủ ngược lên cho đến đời thứ tư mà cũng chỉ nói rằng đầu như Xtêpan là do một người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ sinh ra. Đức ông lữ trưởng ([15]) Alêxây Rômanuts đã quá cố, sau một cuộc viễn chinh trở về đã đem theo người đàn bà này trong đoàn xe tải. Ngay cả trong những ngày hội, mà theo phong tục cổ của nước Nga, tất cả gia nhân đều được ban thưởng và được no say, được ăn bánh ngọt bằng bột lúa mạch và được uống rượu màu lục cất bằng các loại cỏ thì Xtêpuska cũng không bèn mản đến gần những chiếc bàn đã bày biện món ăn và những thùng rượu, không cúi chào chủ và đến hôn tay chủ, không uống thẳng một hơi hết cạn cốc rượu trước mắt ông chủ để chúc mừng sức khỏe của chủ, cốc rượu do bàn tay béo mỡ của người quản lý rót đầy. Xtêpuska không được hưởng tí gì, trừ phi có một người tốt bụng nào đi qua bớt cho kẻ khốn khổ một mẩu bánh ngọt ăn dở. Vào ngày lễ Phục sinh, người ta ôm hôn nhau, và cũng ôm hôn cả Xtêpuska nữa, nhưng ông ta không xắn cao ống tay áo đầy vệt mỡ, không moi trong túi sau ra quả trứng đỏ của mình, không vừa thở hổn hển vừa hấp háy mắt, đem quả trứng đến cho các cậu con chủ hay thậm chí cho cả bà chủ. Mùa hè, ông ta ở trong gian chứa đồ phía sau chuồng gà, còn mùa đông, ông ở trong gian để quần áo trước khi vào nhà tắm.

Đêm nào rét lắm thì ông ngủ ở nhà chứa cỏ. Người ta nhìn ông đã quen mắt, đôi khi thậm chí còn đá cho ông một cái nhưng chẳng ai nói chuyện với ông, còn ông dường như cả đời chưa hề mở miệng ra bao giờ. Sau vụ cháy đã nói, con người bị ruồng bỏ này đến ở nhờ, hay như người buôn thường nói, đến "trú ngụ" ở nhà ông làm vườn Mitorôfan. Người làm vườn không động đến ông ta, không bảo ông ta cứ ở cũng không đuổi ông ta. Mà thực ra Xtêpuska cũng không ở nhà Mitorôfan: ông ta quanh quẩn ở vườn rau như cái bóng không hình. Ông ta đi lại và cử động êm ru, hắt hơi và ho thì đưa tay bịt miệng với vẻ sợ sệt. Lúc nào ông ta cũng bận rộn và lẳng lặng làm cái gì như con kiến. Và tất cả là để ăn, chỉ để ăn. Mà đúng là nếu Xtêpuska của tôi không chăm lo từ sáng đến tối về việc ăn uống của mình thì ông sẽ chết đói mất. Thật là cực nếu như buổi sáng ra không biết buổi chiều ta sẽ lấy gì để lấp cho đầy dạ dày? Khi thì Xtêpuska ngồi dưới dây rào và gặm một củ cải hay mút củ cà rốt, hay giậm một cây bắp cải bắn thối cho nát vụn ra; khi thì ông ta xách gầu nước đi đâu không rõ và thở hì hụi; khi thì ông ta nhóm lửa để đun cái nồi đất con và lấy những miếng gì đen đen ở khoang ngực áo và ném vào nồi, khi thì

Ông ta dùng một khúc gỗ gõ cạnh cách trong chỗ ở của mình, đóng một chiếc đỉnh, làm một cái giá treo nhỏ để miếng bánh mì của mình. Ông ta làm tất cả những việc đó một cách lặng lẽ, dường như lén lút: vừa thoáng nhìn đã không thấy ông ta đâu. Có khi ông ta bỗng vắng mặt vài ngày; tất nhiên chẳng ai nhận thấy sự vắng mặt của ông ta... Rồi lại thấy ông ta ở đây, lại thấy ông ta len lén vất những mảnh vỏ bào vào dưới cái giá treo nồi ở một chỗ cạnh hàng rào. Mặt ông ta choắt, mắt hơi vàng, tóc dài chấm tới lông mày, mũi nhọn, tai quá to, trông như tai dơi, râu đường như hai tuần chưa cạo, và không bao giờ thưa hơn, cũng không bao giờ rậm hơn. Tôi đã gặp chính Xtêpuska ấy đang ngồi trên bờ sông Ixta cùng với một ông già khác.

Tôi đến gần họ, chào hỏi và ngồi xuống cạnh họ. Tôi nhận ra ông bạn của Xtêpuska cũng là một người quen. Đó là một nông nô được giải phóng, trước là người của bá tước Piôtr Ilits. Tên ông ta là Mikhailô Xaveliep, biệt hiệu là Tuman ([16]). Ông ta ở nhà một tiểu chủ mắc bệnh lao, người này là người vùng Bônkhôpxki, chủ một nhà trọ mà tôi thường hay dừng lại nghỉ. Cho đến nay khi đi xe trên đường cái lớn của tỉnh Orion, những viên chức trẻ tuổi và những người bình dân khác (không kể những thương gia nằm lút người trong những túi đệm lông bọc vải kẻ sọc của mình và không thiết gì đến mọi sự đời) vẫn có thể nhận thấy ở cách làng Tôrôit không xa, có một tòa nhà gỗ hai tầng rất lớn, hoàn toàn bỏ hoang, mái sứt đổ, các cửa sổ đóng kín mít. Tòa nhà này ăn lan ra tận đường cái. Buổi trưa, vào những ngày quang tạnh nắng ráo, không thể tưởng tượng ra một cái gì buồn hơn cảnh hoang phế này. Hồi xưa, bá tước Piôtr Ilits ở đây. Ông ta là một vị đại thần giàu có thuộc thế kỷ trước, một người nổi tiếng mến khách. Có khi cả giới quý tộc tỉnh kéo đến nhà ông ta, nhảy múa và vui chơi thoải thích giữa tiếng nhạc thô thiển inh tai nhức óc và tiếng nổ giòn của các loại pháo hoa. Có lẽ bây giờ, khi đi qua tòa dinh cơ bỏ hoang của viên quan lớn, nhiều bà lão sẽ thở dài nhớ lại thời dĩ vãng và tuổi trẻ đã qua. Nhiều năm ròng, bá tước sống cuộc đời ăn chơi sung sướng, ông thường mỉm cười niềm nở, đi lại giữa đám khách khứa kính nể ông. Nhưng bất hạnh thay, tài sản của ông không đủ dùng suốt đời. Khi đã khánh kiệt, ông đi Pêtecxbua tìm một chức việc và chết trong căn phòng khách sạn mà vẫn chưa có được một quyết định bổ nhiệm nào cả.

Tuman là quản gia của ông và được làm giấy giải phóng ngay khi ông còn sống. Đây là một người khoảng chừng bảy mươi tuổi, khuôn mặt đều đặn, dễ mến. Ông ta hầu như luôn luôn mỉm cười, bây giờ chỉ những người thời Ekaterina mới mỉm cười như vậy: cười một cách nhân hậu, trang trọng. Khi nói chuyện, ông ta thông thả chìa môi ra và mỉm lại, nhắm mắt thật âu yếm và nói hơi pha giọng mũi.

- Thế nào, ông Mikhailô Xaliêvits - Tôi mở đầu câu chuyện - ông câu cá đấy ư?

- Xin ông nhìn vào giỏ mà xem: hai con pecca, và năm con cá rói... Đưa cho ông xem, Xtêpka.

Xtêpuska chìa cái giỏ cho tôi xem.

- Ông sống thế nào, ông Xtêpan? - Tôi hỏi ông ta.

- Cũng... c - u - ững... tạm được, thưa ông, từng tiệm thôi - Xtêpan trả lời ngắc ngứ, như dùng lưỡi đẩy bật ra từng lời nặng hàng phút.

- Thế Mitorôfan có khỏe không?

- Kh- khỏe ạ, c-c-ố nhiên rồi... thưa ông. Ông lão nghèo quay đi.

" Không hiểu sao cá ít cắn tề, - Tuman lên tiếng - Trời nóng quá. Cá rúc cả vào bụi cây để ngủ. Móc giun đi, Xtêpan (Xtêpuska lấy một mồi giun, đặt lên lòng bàn tay, nhổ vào bàn tay hai cái, -móc mồi vào lưỡi câu, nhổ bot vào lưỡi câu và đưa cho Tuman). Cảm ơn, Xtêpa. Thưa ông - ông ta nói với tôi - ông đi săn đấy ạ?

- Thì ông thấy đấy.

- Dạ vâng. . . Thế chó của ông là loại chó gì đấy? Giống chó Anh hay chó Đan Mạch ạ?

Khi có dịp, ông già thích tỏ ra thành là người thông thạo: xưa kia chúng tôi đã từng sống trong giới thượng lưu đấy chứ!

- Tôi không biết nó thuộc giống chó nào, nhưng nó là con chó rất hay.

- Dạ vâng... Thế ông vẫn đem chó đi săn đấy ạ.

- Tôi có hai đôi.

Tuman mỉm cười và lắc đầu.

- Ấy thế đấy! Có người rất thích chó, có người thì cho không họ cũng chẳng cần. Cứ theo cái đầu óc thô thiển của tôi thì tôi cho rằng nuôi chó chỉ là để cho oai hơn mà thôi, nếu có thể nói như vậy...Kể cũng nên làm sao cho đủ lệ bộ: cả ngựa, cả những người quản chó đều phải có đủ, phải tươm tất, mọi cái khác đều cũng phải thế. Nói thực là ngài bá tước đã quá cố cả đời chưa từng bao giờ đi săn cả - cầu cho ngài được lên thiên đàng! - ấy thế mà ngài nuôi chó và mỗi năm hai lần, ngài vẫn làm ra bộ sửa soạn đi săn. Những người quản chó mặc áo đỏ có đính lon tu tập ở sân và thổi kèn. Ngài bá tước bước ra, người ta dắt ngựa đến hầu ngài. Ngài lên ngựa, còn người điều khiển cuộc đi săn giúp ngài cho chân vào bàn đạp, nhắc chiếc mũ mềm trên đầu mình ra, đặt dây cương lên mũ và dắt lên ngài. Ngài quất chiếc roi da đánh đét một cái, còn những người quản chó hò hét và chạy biến ra khỏi sân. Người hầu ngựa ([17]) cưỡi ngựa đi sau bá tước, tay cầm sợi dây lụa buộc vào cổ để hai con chó quý của chủ, và anh ta đưa mắt quan sát mới oai vệ chứ, hẳn ông cũng biết đấy... Anh ta ngồi ngất ngưởng trên cái yên ngựa Côđắc, má đỏ hồng, cặp mắt đưa dầy. Và tất nhiên, dịp này thường có khách khứa. Vừa là cuộc vui lý thú, lại vừa long trọng... ôi chao, sống mất rồi, thật là ngớ ngẩn! Ông ta giật cần câu, và bỗng nói thêm.

- Này, nghe đồn bá tước ăn chơi ghê lắm phải không? - Tôi hỏi.

Ông già nhổ bọt vào mồi giun và quăng dây câu.

- Ngài là một bậc đại quý, rõ là như thế. Những bậc có thể nói là vai vế nhất ở Pêtecxbua thường đến thăm ngài. Các vị ấy đeo những cuống huân chương màu xanh, ngồi bên bàn tiệc. Còn ngài bá tước thì chúa là hay thiết tiệc. Có lần, ngài gọi tôi tới: "Tuman - Ngài nói - ngày mai cần có cá xteclê sống: anh hãy ra lệnh kiểm bằng được cho tôi, nghe chưa? " - "Dạ, xin vâng, thưa ngài". Ngài đặt mua từ Paris những chiếc áo thêu, những bím tóc giả, những chiếc can, nước hoa *ladêcôlôn* ([18]) hạng nhất, những hộp đựng thuốc lá ngửi, những bức tranh to ơ là to. Khi ngài mở tiệc lớn thì lạy trời; đáng chúa tể của đời tôi! - pháo hoa như sao sa, trò chơi trượt băng. Thậm chí còn bắn cả đại bác. Chỉ riêng đội nhạc đã có đến bốn chục người rồi. Ngài nuôi một *nhạc tràng*([19]) người Đức, gã người Đức này lên nước quá lắm: y muốn ăn cùng với các ông lớn; thế là ngài ra lệnh tổng khur y đi: chẳng cần y thì nhạc công của ta cũng hiểu rõ công việc của họ rồi, ngài bảo thế. Uy quyền của lãnh chúa thì ai mà chả biết. Người ta khiêu vũ, khiêu vũ thâu đêm suốt sáng, và được ưa chuộng nhất vẫn là điệu...*lakôxezo* – *matoradura* ([20])... Hề, hề... chú mày bị rồi!(ông già giật lên được một con cá mang mỡ nhỏ).

Này, Xtêpa... Một vị quý tộc, một vị quý tộc xứng đáng. - Ông già nói tiếp và lại quăng dây câu - và cũng nhân đức nữa. Có khi ngài đánh chúng tôi, đánh rồi là quên ngay. Duy có điều là ngài bao các ả nhân tình. Ôi, những ả nhân tình ấy, cầu Chúa xá lỗi cho ngài! Chính họ đã làm ngài khuynh gia bại sản. Mà ngài chọn toàn những ả thuộc tầng lớp hèn kém. Bọn họ được như thế tưởng còn mong gì hơn nữa? Ấy vậy mà không đâu, phải cho họ những thứ đắt tiền nhất châu

Àu kia! Kể thì cũng phải thôi: tội gì mà không ... hưởng hết lạc thú trên đời, thế mới xứng là người quyền quý...nhưng không nên vung tay quá trán đến nỗi khuynh gia bại sản.

Có một cô nàng thật đặc biệt: tên cô ta là Akulina; bây giờ thì là người thiên cổ rồi, cầu cho bà ta được lên thiên đàng! Đây là một cô gái con nhà dân thường, con một viên trưởng tuần ở Xitôp, vậy mà đào để lắm nhé! Có khi cô ta tát bá tước. Cô ta đã làm cho bá tước si mê. Thằng cháu trai tôi bị cô ta khiến cho phải gọt trán ([21]). Đúng thế... Nhưng dù sao thời ấy vẫn là một thời tốt đẹp! - ông già nói thêm, thở dài, cúi mặt xuống và im bật.

- Theo tôi biết, ông chủ của ông nghiêm khắc lắm phải không? - Tôi nói, sau một lúc im lặng.

- Đây là kiểu cách được ưa thích thời bấy giờ, thưa ông. - Ông già lắc đầu, bác lại tôi.

-Bây giờ thì không như thế nữa - Tôi nói, mắt vẫn nhìn ông ta.

- Bây giờ thì đã đành là khác hơn - ông ta nói lúng búng và quăng dây câu ra xa.

Chúng tôi ngồi trong bóng rợp, nhưng ngay trong bóng rợp cũng vẫn cảm thấy ngọt ngào.

Không khí nặng nề, oi ả như không hề chuyển động. Mặt nóng bừng bừng, buồn rầu chờ đón gió, nhưng không có lấy một phẩy gió. Từ trên bầu trời xanh đã trở nên sẫm màu, vầng dương rơi xuống những tia nắng gay gắt. Ở bờ bên kia, ngay trước mặt chúng tôi là cánh đồng lúa mạch vàng rực, rải rác đây đó chồi lên những đám ngải, và không có lấy một bông lúa lay động. Xuống dưới chút nữa, một con ngựa của nông dân đứng dưới sông, nước ngập đến gối, uể oải vẩy cái đuôi ướt. Thỉnh thoảng, dưới bụi cây là là thấp trên mặt nước, một con cá lớn ngoi lên, nhả tăm và nhẹ nhàng lặn xuống đáy, để lại những làn gợn lặn tăn. Để nhảy tanh tách trong đám cỏ màu đỏ hung. Chim cun cút cất tiếng kêu như miễn cưỡng. Những con diều hâu bay lượn nhịp nhàng trên cánh đồng và thường dừng lại ở một chỗ, cánh đập nhanh và đuôi xòe ra như cái quạt. Chúng tôi ngồi không nhúc nhích, mệt lử vì nóng nực. Bỗng có tiếng động ở cái khe phía sau chúng tôi: có người đang đi xuống chỗ mạch nước. Tôi ngoảnh lại nhìn và thấy một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, bụi bặm đầy người, mặc sơ mi, đi giày bằng vỏ cây, khoác cái bị và vai vắt chiếc áo khoác. Người đó tới gần nguồn nước, uống một cách thêm thuồng rồi đứng lên.

- Này, Vlast! - Tuman gọi to, sau khi đã nhìn kỹ người đó - Chào ông bạn. Chúa đưa ông từ đâu đến đây.

- Chào ông Mikhailô Xaliêvits. - Người mujich vừa nói vừa đến gần chúng tôi - Tôi từ xa về.

- Ông đi đâu biệt tăm thế? - Tuman hỏi ông ta.

- Tôi lên Matxcova, tìm gặp ông chủ.

- Để làm gì?

- Tôi lên kêu cầu một việc.

- Việc gì vậy?

- Xin ông chủ giảm tô hay đưa tôi sang làm tạp dịch, hay truyền cho tôi đi đâu thì đi... Con trai tôi chết rồi, bây giờ một mình tôi không kham nổi.

- Con trai ông mất rồi à?

- Mất rồi. Trước đây con tôi làm nghề đánh xe ở Matxcova - Người mujich nói thêm, sau một lúc im lặng - Phải nói thực là nó trả tô thay cho tôi.

- Thế ra bây giờ ông làm theo chế độ tô rồi à? - ông chủ bảo sao?

- Bảo sao ấy à? ông chủ đuổi tôi ra và bảo: sao mà dám xộc thẳng vào gặp ta, việc này đã có viên quản lý, mà phải trình với quản lý trước đã... mà ta chuyển mà đi làm việc gì được bây giờ? Mà hãy nộp đủ phần còn thiếu đi đã. Ông ấy nổi trận lôi đình.

- Thế là ông đành quay trở lại chứ gì?

- Thế là tôi đành quay về. Tôi toan dò hỏi xem thằng con tôi chết đi có để lại của cải gì không, nhưng chẳng có kết quả gì. Tôi nói với ông chủ của nó: "Tôi là bố của Filip đây". Còn ông ấy bảo tôi: "Ta làm sao mà biết được? Vả lại con trai ngươi chẳng để lại cái gì; nó còn nợ ta là đằng khác". Thế là tôi đành ra về.

Người mujich kể với chúng tôi tất cả những chuyện đó với nụ cười mai mỉa như nói về người khác, nhưng đôi mắt nhỏ nheo lại của ông long lanh giọt lệ, đôi môi giật giật.

- Bây giờ ông làm thế nào, về nhà chứ?

- Chứ còn đi đâu nữa? Tất nhiên là về nhà thôi. Vợ tôi bây giờ hẳn là đói bò lê ra rồi đấy.

- Ông nên. . . ờ. . . - Xtêpuska đột nhiên lên tiếng, rồi bối rối, im bật và bắt đầu lục bới trong cái niêu con đựng mồi câu.

- Thế ông sẽ đến gặp viên quản lý chứ? - Tuman nói tiếp, nhìn Xtêpa, vẻ hơi ngạc nhiên.

- Tôi đến gặp ông ta làm gì kia chứ? ... Tôi vẫn còn đang thiếu tô cơ mà. Trước khi chết, con trai tôi ốm chường một năm, vì thế nó không nộp được phần tô của nó... Tôi tuy rủi mà vẫn còn may: tôi chẳng có cái gì để người ta lấy đi được... Chà, ông quản lý ạ, ông muốn mưu mẹo thế nào mặc lòng, ông không moi nổi tí gì đâu: tôi vốn quen nhân nhục mà? (Gã mujich cười phá lên). Ông muốn khôn khéo thế nào thì khôn khéo, Kintilyan Xêmenuts ạ, chỉ tôi công thôi...

Vlax lại bật cười.

- Sao lại thế, như vậy là không tốt đâu, chú Vlax ạ - Tuman nói rành từng tiếng.

- Không tốt cái gì kia? Không. . . (tiếng nói của Vlax bật đi một lúc). Nóng nực kinh người - ông ta nói tiếp và đưa tay áo lên lau mặt.

- Chủ của ông là ai? Tôi hỏi.

- Bá tước Valêrian Pêtorôvits.

- Con trai Piôtr Ilits à?

- Con trai Piôtr Ilits - Tuman đáp - Ngài bá tước đã quá cố đem làng ông Vlax trao cho con trai ngay từ khi ngài còn sống.

- Ông ấy khỏe chứ?

- Nhờ ơn Chúa, ông ấy vẫn khỏe - Vlax đáp Hồng hào lắm, mặt cứ múp lên.

- Thế đấy, ông ạ - Tuman tiếp lời, nói với tôi - Thu tô của nông dân quanh Matxcova thì cũng phải thôi chứ lấy tô ở đây thì có gì mà lấy.

- Thế mỗi hộ ([\[22\]](#)) phải nộp bao nhiêu?

- Chín mươi nhăm rúp - Vlax nói lí nhí.

- Đấy ông thấy không. Thế mà ruộng đất thì có gì đâu, chỉ toàn là rừng của ông chủ thôi.

- Mà ngay cả rừng nghe đâu cũng bán rồi - Người mujich nói.

- Đấy, ông thấy không... Xtêpa, cho mời đây... Thế nào, Xtêpa? Sao, anh ngủ đấy à?

Xtêpuska giật mình. Người mujich đến ngồi cạnh chúng tôi. Chúng tôi lại im lặng. Ở bờ bên kia, có người nào cất tiếng hát ngân nga, bài hát rất náo nức... Vlax khốn khổ của tôi trở nên rầu rĩ...

Nửa giờ sau, chúng tôi chia tay nhau.

NGƯỜI THẦY THUỐC Ở HUYỆN

Có lần vào mùa thu, trên đường về sau một chuyến đi săn ở nơi xa, tôi bị cảm lạnh và demam. May thay, tôi lên cơn sốt ở huyện lỵ, trong một khách sạn. Tôi cho người đi tìm bác sĩ. Nửa giờ sau, viên thầy thuốc ở huyện đến. Anh ta tầm vóc nhỏ, gầy tóc đen. Anh ta kê cho tôi một thứ thuốc ra mồ hôi thường dùng, bảo đặt thuốc cao hột cải, và luồn đồng năm rúp vào ve tay áo một cách rất khéo léo, nhưng đồng thời ho khan một tiếng và nhìn ra chỗ khác. Anh ta đã toan ra về thì tự nhiên lại thích nói chuyện và ở lại. Cơn sốt làm tôi mệt lử; tôi thấy trước một đêm mất ngủ và rất vui sướng được tán gẫu với một người tốt bụng. Người ta đưa trà lên.

Người bác sĩ của tôi bắt đầu nói chuyện. Anh ta là một gã trai không đàn chút nào, nói năng hoạt bát và rất lý thú. Trên đời này thường xảy ra những việc lạ lùng: có người thì ta chung sống lâu dài với họ, có quan hệ thân thiết với họ, nhưng chưa lần nào nói chuyện tâm tình với họ; có người khác thì vừa mới quen nhau, ta hoặc người đó đã thổ lộ hết tâm can như lúc thú tội. Tôi không biết tôi có cái gì đáng cho người bạn mới của tôi tin cậy, có điều là tự dưng vô cớ, như người ta thường nói, anh ta bỗng kể với tôi một câu chuyện khá đặc sắc. Bây giờ tôi xin thuật lại với bạn đọc hào hiệp câu chuyện anh ta kể. Tôi sẽ cố dùng cách nói của người thầy thuốc.

Anh ta bắt đầu nói, giọng bỗng yếu đi và run run (đấy là do tác dụng của thuốc lá Bêrêzôp không pha trộn).

- Thưa ông, ông có biết ông thẩm phán Paven Lukits Milôp ở đây không ạ? Ông không biết ư...Thôi, cũng chẳng sao. (Anh ta ho và giụi mắt). Câu chuyện là thế này, không biết ông sẽ có ý kiến ra sao, nhưng tôi không bịa đặt đâu. Hôm ấy là vào tuần chay, giữa kỳ tuyết tan. Tôi đến chơi nhà ông thẩm phán của chúng tôi và đang chơi bài. Ông thẩm phán của chúng tôi là người rất tốt và thích chơi bài. Bỗng nhiên (người thầy thuốc của tôi thường dùng tiếng: bỗng nhiên) người ta bảo tôi: có người hỏi ông. Tôi hỏi: người ấy cần gì? Người ta nói là người đó đưa đến một lá thư, chắc là của người ốm. Tôi bảo đưa thư cho tôi: đúng thế thư của người ốm. Tốt thôi, ông hiểu chứ, miếng bánh ăn hàng ngày của chúng tôi mà... Sự tình là thế này: một bà địa chủ góa viết giấy cho tôi; đại khái là: con gái tôi sắp chết, vì đức Chúa của chúng ta, xin mời ông đến thăm bệnh giúp, và tôi cho xe ngựa đến đón ông. Điều đó cũng chưa có gì đáng chú ý. . . Nhưng bà ta ở cách huyện lỵ hai chục dặm, (lại giữa đêm hôm như thế, mà đường sá thì khiếp lên được? Thêm nữa, bà ta cũng đang lâm vào cảnh nghèo túng, không thể trông đợi bà ta bỏ ra quá hai rúp được, mà ngay hai rúp cũng chưa chắc, có khi chỉ được ít vải và ít hạt gì đó. Nhưng, ông hiểu đấy, nhiệm vụ trên hết: người bệnh sắp chết. Tôi bỗng trao bài cho Kanlôpin, một chân dục bị lúc nào ông có mặt ở đây, và tôi trở về nhà. Tôi thấy một chiếc xe ngựa nhỏ đỗ trước bậc tam cấp. Ngựa thì đúng là ngựa của nông dân: bụng to phệ, lông y hệt như dạ ép, còn người đánh xe thì ngồi không đội mũ để tỏ ý kính trọng tôi. Tôi nghĩ: người anh em ă, rõ ràng chủ anh không phải là đang giẫm trên vàng bạc... Ông cười ư, nhưng tôi xin nói với ông rằng: bọn nhà nghèo chúng tôi là hay để ý lắm kia... Nếu người đánh xe ngồi như ông hoàng, không vò mũ trong tay, thỉnh thoảng lại cười dưới vòm râu và ve vẩy roi thì cứ mạnh bạo giã hai tờ mười đồng! Còn đây thì không có hơi hướng tiền bạc gì cả. Nhưng làm thế nào được, bốn phen trên hết, tôi nghĩ vậy. Tôi lấy những thứ thuốc cần thiết nhất và ra đi. Ông nên biết rằng tôi phải trầy trật lắm mới lần được đến nơi. Đường sá quá ác: suối, tuyết, bùn, hồ nước, rồi đột nhiên lại vỡ đê nữa chứ, thật là tai ách. Nhưng tôi đến nơi rồi. Một căn nhà nhỏ lợp rơm. Các cửa sổ có ánh sáng: chắc người ta đang chờ. Tôi vào. Một bà lão hết sức đáng kính, đội mũ chùm đầu ra

đón tôi. Bà ta nói. "Xin ông cứu lấy con gái tôi, nó sắp chết rồi". Tôi nói:

- Bà đừng lo. . . cô gái ốm đau - "Xin mời ông vào đây." Tôi quan sát: căn buồng nhỏ sạch sẽ, trong góc nhà có cây đèn, một cô gái trạc hai mươi tuổi nằm mê man trên giường. Người cô ta bốc hơi nóng hừng hực, cô thở hỗn hển: đang lên cơn sốt. Ở đấy có hai cô em, coi bộ sợ hãi, nước mắt chan hoà. Họ nói: "Hôm qua chị ấy còn khỏe mạnh và ăn ngon miệng. Sáng hôm nay chị ấy kêu đau đầu, đến chiều thì đột nhiên bị như thế..." Tôi lại nói: "Xin đừng lo" - Ông biết đấy, người thầy thuốc thì phải làm như thế thôi, và tôi bắt đầu thăm bệnh. Tôi trích máu cho cô ta, bảo người ta đặt cao hạt cải, kê đơn sắc thuốc. Lúc đó tôi nhìn cô ta, tôi nhìn và ông biết không, xin thề là tôi chưa từng thấy khuôn mặt nào như thế. . . tóm lại là đẹp tuyệt trần! Tình thương bỗng dậy lên trong lòng tôi. Nét mặt duyên dáng làm sao, đôi mắt... Kia, nhờ ơn Chúa, nàng đã đỡ mệt, mồ hôi toát ra, hình như nàng đã hồi tỉnh, đưa mắt nhìn quanh, mỉm cười, đưa tay quờ lên mặt... Hai cô em cúi xuống hỏi: "Chị thấy trong người thế nào?" - "Chẳng sao cả" - nàng nói và quay đi. Tôi thấy nàng thêm thiếp ngủ. Thôi được bây giờ nên để người bệnh được yên tĩnh. Tất cả chúng tôi rón rén đi ra ngoài, chỉ còn một cô hầu phòng ở lại để trông nom người ốm. Còn trong phòng khách thì trên bàn đã đặt ấm xamôva, có cả chai rượu Rum nữa: trong công việc của chúng tôi, thiếu cái đó thì không được. Người ta pha trà mời tôi, nài tôi nghỉ lại đây. . . tôi ưng thuận: đi đâu được bây giờ? Bà già luôn mồm rên rỉ. "Sao lại thế, thưa bà- tôi nói - cô ấy sẽ sống, xin bà đừng lo, tốt hơn hết là bà cũng đi nghỉ đi: đã một giờ hơn rồi!".

-Nhưng nếu có chuyện gì xảy ra, ông sẽ bảo người nhà đánh thức tôi chứ?" - "Da vâng, thế nào tôi cũng bảo người nhà mời bà đến ạ!". Bà già lui gót, còn các cô gái cũng về phòng mình. Người ta trải giường cho tôi trong phòng khách. Tôi đi nằm nhưng không thể ngủ được, kỳ lạ làm sao? Lòng tôi đau khổ khôn cùng! Hình ảnh cô gái ốm cứ lớn vồn trong tâm trí tôi. Cuối cùng, không nén lòng được, tôi bỗng trở dậy. Tôi nghĩ: ta đi xem xem con bệnh như thế nào. Buồng của nàng ở ngay cạnh phòng khách. Thế là tôi trở dậy, khê mở cửa, tìm tôi đập thình thịch. Tôi thấy: ả hầu phòng ngủ, miệng há hốc và còn ngáy ầm lên nữa chứ, đồ súc vật. Còn người ốm nằm quay mặt về phía tôi, hai tay khua lung tung, khổ thân nàng? Tôi đến gần... Nàng bỗng mở choàng mắt và nhìn chăm chăm vào tôi... "Ai đấy? Ai đấy?" Tôi ngượng. "Đừng sợ, thưa tiểu thư - tôi nói - tôi là bác sĩ, tôi đến thăm xem sức khỏe của tiểu thư như thế nào. - "Ông là bác sĩ à"? - "Vâng, bác sĩ ... thân mẫu tiểu thư đã cho người lên huyện đón tôi về; chúng tôi đã trích máu cho tiểu thư; bây giờ xin tiểu thư ngủ đi một chút, nhờ ơn Chúa, vài ngày nữa chúng tôi sẽ làm cho tiểu thư trở dậy được" - "À, vâng, vâng, thưa bác sĩ, xin đừng để tôi chết... làm ơn cứu chữa cho tôi" - "Sao tiểu thư lại nói thế, Chúa phù hộ cho tiểu thư!" Nàng lại sốt rồi, tôi nghĩ thầm. Tôi bắt mạch: đúng là lên cơn sốt. Nàng nhìn tôi, và tự dưng bỗng nắm lấy tay tôi. "Tôi xin nói với ông tại sao tôi không muốn chết . . .bây giờ chỉ có tôi với ông mà thôi. Miễn là ông đừng nói lại với ai... ông nghe nhé...". Tôi cúi xuống. Nàng ghé môi sát tận tai tôi, chạm tóc vào má tôi. Thú thật là tôi choáng váng cả đầu óc. Nàng thì thầm.

Tôi chẳng hiểu gì...à, đây là nàng nói sáng. . .Nàng thì thầm, thì thầm, nói câu cuối rất nhanh và hình như không phải bằng tiếng Nga, rồi giật nảy người lên, buông rơi đầu xuống gối và giờ ngón tay đe tôi. "Nhớ nhé, ông bác sĩ, chớ nói với ai...". Tôi lựa lời nói cho nàng yên tâm, cho nàng uống nước, đánh thức ả hầu phòng và đi ra.

Đến đây, người thầy thuốc lại hăm hờ hít thuốc lá và ngẩn người ra một lát.

Anh ta kể tiếp:

- Nhưng, trái với niềm mong đợi của tôi, hôm sau người ốm vẫn không đỡ. Tôi nghĩ ngợi mãi, và cuối cùng quyết định ở lại, tuy có những khách hàng khác đang đợi tôi. Mà ông biết đấy, chuyện đó không thể xem thường được đâu, như vậy có thể mất khách hàng...Nhưng, một là người ốm thực sự sang nguy kịch, hai nữa, phải nói thực là chính tôi cảm thấy mến thương nàng vô cùng. Thêm vào đó, tôi mến cả gia đình nhà nàng. Họ tuy không giàu, nhưng có học

thức, có thể nói là hiếm thấy một gia đình có học như thế...ông bố là người thông thái, trước vẫn viết sách... ông ta mất rồi, cố nhiên là mất trong cảnh nghèo túng, nhưng ông đã kịp truyền lại cho các con một nền giáo dục tuyệt diệu; và cũng để lại nhiều sách. Không biết có phải vì tôi sốt sắng chăm sóc người ốm hay vì nguyên nhân gì khác, nhưng tôi dám nói rằng tôi được yêu quý như người ruột thịt...Trong lúc đó, tình trạng đường sá thật là kinh khủng: mọi đường đi lối lại bị cắt đứt hoàn toàn... ngay thuốc men cũng phải khó khăn lắm mới kiếm được ở huyện về. . người ốm không khỏi bệnh...Ngày này sang ngày khác. Nhưng rồi ...lúc đó...(Người thầy thuốc im lặng một lát). Thực tình tôi không biết bày tỏ với ông thế nào nữa.. . (Anh ta lại hít thuốc lá, khà một tiếng, và hớp một ngụm trà). Chẳng cần rào đón quanh co làm gì, tôi xin nói với ông rằng người bệnh của tôi...nói thế nào được nhỉ...ờ, có lẽ nàng yêu tôi mà không, không phải là yêu... và chẳng...thực tình thì... (Người thầy thuốc găm mắt xuống và đỏ mặt lên).

- Không - anh ta nói tiếp với vẻ sôi nổi - yêu cái nổi gì kia chứ! Cuối cùng thì cần biết rõ giá trị của mình. Nàng là một cô gái có học thức, thông minh, đọc nhiều biết rộng, còn tôi thì thậm chí quên cả thứ tiếng Latinh của mình, quên sạch. Còn về dũng mạo của tôi (người thầy thuốc mỉm cười nhìn mình) thì hình như cũng không có gì đáng khoe. Được cái là trời cũng không bắt tôi làm thằng ngốc: tôi sẽ không gọi trắng là đen, tôi cũng sáng ý ít nhiều. Chẳng hạn, tôi hiểu rất rõ rằng Alêxandơ Andrêepna - tên nàng là Alêxandơ Andrêepna - không yêu tôi đâu, tình cảm của nàng đối với tôi là tình thân mến, có thể nói như vậy, hay là sự kính mến. Tuy có lẽ về điểm này, chính nàng đã nhầm, nhưng lúc ấy bệnh tình của nàng như thế kia mà, ông thử nghĩ xem ...Và chẳng - người thầy thuốc nói thêm, suốt từ nãy, anh ta nói tất cả những câu rời rạc ấy mà không nghĩ lấy hơi và vẻ bối rối lộ rõ ra mặt - hình như tôi kể lể hơi dông dài... kể như vậy thì ông không thể hiểu gì được... còn bây giờ thì ông cho phép tôi kể với ông tất cả câu chuyện cho có đầu đuôi. Anh ta uống nốt cốc trà và nói bằng giọng điềm tĩnh hơn.

- Vâng, như thế đấy. Người ốm của tôi ngày càng lâm vào tình trạng nguy kịch hơn. Thừa ông, ông không phải là thầy thuốc, ông không thể hiểu được cái gì diễn ra trong tâm hồn những người thầy thuốc chúng tôi, đặc biệt là khi thầy thuốc bắt đầu đoán ra rằng cơn bệnh đang áp đảo mình. Lòng tự trọng biến đi đâu mất! Ta bỗng trở nên rụt rè hết chỗ nói! Ta có cảm giác rằng ta quên hết mọi thứ ta biết, rằng người ốm không tin cậy ta nữa và những người khác cũng bắt đầu nhận thấy ta bối rối, họ miễn cưỡng báo cho ta biết các triệu chứng bệnh, họ nhìn ta gườm gườm, thì thảo về ta... chao ôi, thật là khó chịu! Ta nghĩ: vẫn có thuốc chữa cái bệnh này chứ, chỉ cần tìm cho ra thôi! Có phải thứ thuốc này không? Ta dùng thử và thấy là không, không phải! Ta không để cho thuốc có thời gian gây tác dụng đầy đủ...khi thì ta vớ lấy thuốc này, khi thì vớ lấy thứ thuốc kia... Có khi ta cầm lấy cuốn sách thuốc... à đây rồi, ta nghĩ, chính nó đây rồi!

Thú thực là đôi khi ta mở hú họa: cầu may một cái xem sao, ta nghĩ, có số cả đấy... Trong lúc đó thì người bệnh đi dần đến chỗ chết; nhưng người thầy thuốc khác chưa biết chừng sẽ cứu được người bệnh cũng nên. "Cần có cuộc hội chẩn, ta nghĩ; ta không gánh lấy trách nhiệm làm gì". Trong những trường hợp như thế, nom bộ dạng ta mới ngớ ngẩn làm sao? Nhưng dần dà ta sẽ quen đi, không có gì đáng bận nữa. Người bệnh chết không phải lỗi tại ta: ta đã làm đúng mọi chỉ định. Nhưng còn điều này vẫn giày vò ta: ta thấy mọi người gửi gắm ở ta một niềm tin mù quáng, vậy mà ta cảm thấy ta không có khả năng cứu chữa người bệnh. Cả gia đình Alêxandơ Andrêepna gửi gắm ở tôi một niềm tin chính như thế. Họ quên hẳn là con gái họ đang ở trong tình trạng nguy hiểm. Về phía tôi, tôi cũng cam kết với họ rằng không có gì đáng lo, nhưng trong thâm tâm, tôi lo vô chừng. Đã rủi lại rủi thêm: đường sá bị hỏng nhiều đến nỗi có khi người đánh xe phải đi suốt mấy ngày mới lấy được thuốc về. Còn tôi thì không rời khỏi phòng người ốm, tôi không dứt ra được, tôi kể cho nàng nghe những chuyện cười, chơi bài với nàng. Đêm thì tôi ngồi ở ghế. Bà lão ứa nước mắt cảm ơn tôi, tôi thầm nghĩ:

"Tôi không xứng đáng với lời cảm ơn của cụ! Thú thực với ông, bây giờ chẳng cần giấu giếm làm gì - tôi mê con bệnh của tôi - Alêxandơ Andrêepna cũng quyến luyến tôi: nàng không cho ai vào buồng, trừ tôi ra. Nàng chuyện trò với tôi, hỏi tôi trước đây học ở đâu, hiện sống thế

nào, cha mẹ tôi là ai, tôi thường hay lui tới nhà ai. Tôi cảm thấy rằng nàng không nên nói chuyện nhiều, nhưng cấm nàng nói, cấm một cách dứt khoát thì... tôi không đủ gan làm việc đó. Đôi khi tôi vò đầu bứt tai: "Mi đang làm gì đấy, thằng tướng cướp kia?". Có khi nàng cầm tay tôi và giữ rất lâu, nàng nhìn tôi, nhìn mãi không dứt, rồi quay đi, thở dài và nói: "Ông tốt quá!" Tay nàng nóng rực, đôi mắt to mệt mỏi. Nàng nói: "Ông là người tốt bụng, tử tế, ông không như những người láng giềng của chúng tôi... không, không phải là người như thế... Sao mãi đến giờ tôi mới biết ông!" - "Alêxandơ Andrêepna, xin cứ yên tâm tôi cảm thấy tấm thịnh tình của tiểu thư, hãy tin tôi, tôi không rõ là tôi đã làm gì để xứng đáng với tình cảm ấy...nhưng tiểu thư yên tâm, vì Đức Chúa nhân từ, xin tiểu thư hãy yên tâm... mọi việc rồi sẽ tốt đẹp, tiểu thư sẽ khỏe lại". Tuy nhiên - người thầy thuốc nói thêm, khom người về phía trước và dướn cao đôi lông mày - phải nói rõ với ông rằng họ ít giao du với những người xung quanh, là vì những người thấp kém thì không xứng với họ, còn những người giàu thì...sự kiêu hãnh của gia đình không cho phép họ giao du với những người giàu. Tôi vẫn nói với ông rằng đây là một gia đình có học thức cao, và ông biết đấy, điều đó phỉnh nịnh lòng tự ái của tôi. Nàng chỉ dùng thuốc do chính tay tôi đưa đến...Nàng nhồm dầy, có tôi giúp sức thêm, cô nàng đáng thương, nàng uống thuốc và ngược mắt nhìn tôi... tim tôi rơi đầu mất. Nhưng nàng càng ngày càng mệt nặng hơn: nàng chết mất, tôi nghĩ, nhất định nàng sẽ chết mất thôi. Không biết ông có tin tôi không, tôi sẵn sàng chết thay cho nàng. Nhưng lúc này thì bà mẹ và các cô em đang quan sát thái độ của tôi, nhìn vào mắt tôi... và lòng tin cậy đối với tôi đang mất đi. "Sao? Thế nào?" - "Không sao, không có gì đáng ngại" Nhưng cái gì đáng ngại thì chẳng thể hiểu được. Có một đêm, tôi ngồi canh người ốm, lại vẫn chỉ có mình tôi trong phòng. Người hầu gái cũng ngồi đấy và ngáy như kéo gỗ... Cũng không thể trách mắng cô hầu gái đáng thương được: cô ta cũng mệt mỏi quá rồi.

Alêxandơ Andrêepna mệt nặng suốt buổi chiều, cơn sốt hành hạ nàng. Nàng cứ vật vã mãi đến nửa đêm. Cuối cùng nàng dường như ngủ thiếp đi, ít ra nàng cũng không cựa quậy nữa, nàng nằm yên.

Ngọn đèn trong góc nhà, trước ảnh thánh vẫn cháy sáng. Tôi ngồi cúi mặt xuống và cũng thiêm thiếp ngủ. Bỗng nhiên dường như có ai thúc vào sườn tôi, tôi quay lại... Trời ơi! Alêxandơ Andrêepna mở to mắt nhìn tôi... môi hé mở, má đỏ bừng. "Tiểu thư làm sao vậy?" - "Bác sĩ ơi, tôi sẽ chết chứ?" - "Ồ không, Chúa che chở cho tiểu thư!" - "Không, bác sĩ ơi không, xin đừng nói với tôi rằng tôi sẽ sống...xin đừng nói... nếu ông biết được... hãy nghe tôi, vì Chúa Trời, xin đừng giấu tôi về bệnh tình của tôi! Nàng thở gấp - Nếu tôi biết chắc rằng tôi phải chết thì tôi sẽ nói hết với ông, nói hết!" - "Alêxandơ Andrêepna, đừng nghĩ thế!" - "Hãy nghe tôi nói, nào tôi có ngủ đâu, tôi ngắm nhìn ông đã lâu...nhân danh Chúa, tôi tin ông, ông là người tốt, ngay thẳng, tôi xin viện tất cả những gì thiêng liêng trên đời ra mà thề với ông rằng tôi tin ông, ông hãy nói thật với tôi đi! Nếu ông biết điều đó đối với tôi quan trọng như thế nào...Bác sĩ ơi, ông hãy vì Chúa mà nói đi, tôi đang ở trong tình trạng nguy hiểm phải không?" - "Tôi biết nói gì với tiểu thư được, Alêxandơ Andrêepna, tiểu thư nghĩ xem!" - "Vì Chúa, tôi van ông!" - "Alêxandơ Andrêepna, tôi không thể giấu tiểu thư được, đúng là tiểu thư đang ở trong tình trạng nguy hiểm, nhưng đức Chúa lòng lành..." - "Tôi sẽ chết, tôi sẽ chết...". Và nàng dường như mừng rỡ, mặt nàng trở nên vui vẻ. Tôi sợ hãi. "Ông đừng sợ, đừng sợ, cái chết không làm tôi khiếp đảm chút nào". Nàng bỗng nhồm dầy và chống một khuỷu tay lên. "Bây giờ... bây giờ tôi có thể nói với ông rằng tôi hết lòng biết ơn ông, ông là người tốt bụng, tử tế, tôi yêu ông..." Tôi nhìn nàng, ngây ra như kẻ mất trí. Tôi khiếp sợ, ông biết đấy..." - "Ông nghe thấy không, tôi yêu ông..." "Alêxandơ Andrêepna, tôi không xứng đáng được như vậy!" - "Không, không, ông không hiểu tôi, anh không hiểu em..." Bỗng nhiên, nàng giơ hai tay ra, ôm lấy đầu tôi và hôn... Xin cam đoan với ông là tôi suýt hét lên... tôi quỳ thụp xuống và úp mặt vào gối. Tôi nghe thấy tiếng nàng khóc. Tôi bắt đầu an ủi nàng, cam kết rằng... thực quả tôi cũng không biết tôi đã nói với nàng những gì nữa. "Alêxandơ Andrêepna - tôi nói - nên gọi người hầu gái dậy...cám ơn tiểu thư...hãy tin tôi, cứ yên tâm" - "Thôi đủ rồi, đủ rồi - nàng nhắc lại - "Cần gì những người khác; ừ thì họ sẽ thức giấc, sẽ kéo đến, và cũng chẳng làm gì; đằng nào em cũng chết... Còn anh can gì mà rụt rè, anh sợ cái gì nào?" Anh ngẩng đầu lên đi... Hay có lẽ ông không yêu tôi có lẽ tôi lầm... nếu vậy thì thứ lỗi cho tôi" - "Alecxandơ Andrêepna, tiểu thư nói gì thế?... tôi yêu tiểu

thư". Nàng nhìn thẳng vào mắt tôi, dang rộng hai tay. "Thế thì ôm hôn em đi...". Nói thực với ông: tôi không hiểu vì sao đêm ấy tôi không phát điên. Tôi cảm thấy người bệnh của tôi đang tự giết mình. Tôi thấy nàng không hoàn toàn tỉnh trí. Tôi cũng hiểu rằng nếu nàng không tự coi là mình sắp chết thì nàng sẽ không nghĩ đến tôi. Bởi vì muốn thế nào thì thế, chết giữa tuổi hai mươi mà chưa được yêu thì thật đáng sợ: chính cái đó giày vò nàng, chính vì lý do ấy, vì tuyệt vọng mà nàng vợ lấy tôi, bây giờ thì ông hiểu rồi chứ? Nàng cứ ôm riết lấy tôi, không chịu buông ra. "Hãy thương lấy tôi, Alêcxandra Andrêepna, và thương lấy thân mình" - "Có ích gì, và thương tiếc gì mới được chứ? Đàng nào em cũng chết kia mà...! Nàng luôn miệng nhắc lại điều đó. "Nếu như em biết em sẽ sống và lại được coi là một trong những cô gái đứng đắn thì có lẽ em sẽ xấu hổ đấy, đúng là sẽ xấu hổ... chứ bây giờ thì cần gì?" - "Nhưng ai bảo với tiểu thư rằng tiểu thư sẽ chết?" - "Ồ, không, đủ rồi, anh không đánh lừa được em đâu, anh không biết nói dối, anh hãy tự nhìn anh xem" - "Tiểu thư sẽ sống, Alêcxandra Andrêepna ạ, tôi sẽ chữa cho tiểu thư khỏi bệnh. Rồi chúng ta sẽ xin mẹ cho chúng ta làm lễ cưới. Chúng ta sẽ gắn bó với nhau bằng những sợi dây thiêng liêng, chúng ta sẽ sung sướng" - "Không, không, em đã buộc anh phải nói ra, em nhất định sẽ chết...anh đã báo trước...anh đã nói với em...". Tôi đau xót trong lòng, đau xót vì nhiều lẽ ông thử nghĩ xem, đôi khi vẫn xảy ra những điều kỳ lạ như thế đấy. Câu chuyện dường như không có gì đáng kể, vậy mà lại khiến ta đau đớn. Nàng lại nảy ra ý nghĩ hỏi tên tôi, không hỏi họ, mà hỏi tên. Thật đáng buồn, tên tôi lại là Torifôn. Vâng, đúng thế. Torifôn Ivanuts. Trong nhà, mọi người đều gọi tôi là bác sĩ. Không biết làm thế nào, tôi đành nói: "Tên tôi là Torifôn, tiểu thư ạ". Nàng nheo mắt, lắc đầu và thì thầm điều gì bằng tiếng Pháp - ôi, đấy là triệu chứng chẳng lành - rồi nàng bật cười, như thế cũng chẳng phải là điều hay. Tôi đã ngồi với nàng gần suốt đêm, một đêm đau khổ.

Đến sáng, khi ra khỏi buồng nàng, tôi như điên như dại. Mãi đến trưa, sau bữa trà, tôi mới trở lại buồng nàng. Trời ơi, lạy Chúa tôi! Không thể nhận ra nàng được nữa: mặt nàng nhợt như mặt người chết. Xin lấy danh dự thề với ông rằng bây giờ tôi còn phải nghiền rằng quần quai ba ngày đêm nữa...và ba đêm như thế nào kia chứ? Nàng đã nói với tôi những gì?... Còn trong đêm cuối cùng, ông hãy tưởng tượng xem, tôi ngồi cạnh nàng và chỉ cầu Chúa ban cho một điều: cầu Chúa mau mau đem nàng đi, và đem cả tôi đi nữa... Bỗng nhiên bà mẹ xộc vào buồng... Hôm trước, tôi đã nói với bà lão rằng không có mấy hy vọng qua khỏi được, tình hình nguy kịch, và cũng nên mời giáo sĩ đi. Vừa thấy mẹ, cô gái ốm liền nói: "Hay quá, mẹ đã đến...mẹ xem chúng con đây này, chúng con yêu nhau, chúng con đã thề thốt với nhau - "Nó nói gì thế, bác sĩ, nó nói gì thế?" Tôi chết sững cả người. "Tiểu thư nói sáng, lên cơn sốt đấy ạ..." Còn nàng nói: "Thôi đi, thôi đi, bây giờ anh lại nói với em khác hẳn, anh đã nhận nhận em trao... Giả tảng làm gì? Mẹ em hiền từ lắm, mẹ sẽ tha thứ, mẹ sẽ hiểu, em sắp từ giã cõi đời, em cần gì phải nói dối, anh hãy trao tay cho em..." Tôi bật dậy và chạy ra ngoài. Cố nhiên bà lão đã đoán ra.

- Nhưng thôi, tôi sẽ không làm ông mệt mỏi lâu hơn nữa, và thực tình là chính tôi cũng đau lòng khi nhớ lại tất cả câu chuyện đó. Hôm sau, người bệnh của tôi tắt thở. Cầu cho nàng được lên thiên đàng! (Người thầy thuốc nói nhanh và thở dài).

Trước khi chết, nàng bảo người nhà ra ngoài để tôi ở lại một mình với nàng. Nàng nói: "Tha thứ cho em, có lẽ em có lỗi với ông... bệnh tật... nhưng xin hãy tin em... em chưa hề yêu ai hơn ông... đừng quên em... giữ lấy chiếc nhẫn của em...".

Người thầy thuốc quay đi, tôi cầm lấy tay anh.

- Chà! - Anh ta nói - ta nói chuyện gì khác đi hay ông có muốn chơi ván bài nhỏ không? Ông biết đấy những người như chúng tôi không nên thả mình theo những tình cảm cao quý như thế. Bọn chúng tôi chỉ nên nghĩ đến một điều: làm thế nào để con cái đừng kêu khóc oai oái và vợ đừng la rầy.

Vì cho đến nay, tôi đã lập gia đình, một cuộc hôn nhân hợp pháp, như người ta thường nói...

Đúng thế...tôi lấy con gái một thương nhân: bảy ngàn đồng hồi môn. Tên người đó là Akulina; Torifôn xứng đôi vừa lứa với một cô ả như thế. Tôi phải nói với ông rằng ả là một đàn bà độc ác, được cái là ả ngủ suốt ngày...Thế nào, ta chơi bài chứ ạ?

Chúng tôi chơi bài, ăn mỗi điểm một cô pếch.

Torifôn Ivanuts được tôi hai rúp rưỡi và anh ta về muộn, rất hài lòng về thắng lợi của mình.

ÔNG BẠN LÁNG GIỀNG RADILÔP CỦA TÔI

Mùa thu, dẽ gà thường trú trong những khu vườn bồ đề lâu đời. Ở tỉnh Orion chúng tôi có khá nhiều khu vườn như thế. Cha ông chúng tôi, khi chọn chỗ ở, bao giờ cũng dành ra hai *déxiatin* đất tốt để làm vườn quả có lối đi hai bên trồng bồ đề. Chừng năm chục năm sau, nhiều lắm là bảy chục năm, những khu trang viên, "những tổ quý tộc" ấy, dần dần biến khỏi mặt đất, nhà cửa mục nát hay bị bán để dỡ đi nơi khác, những căn nhà phụ bằng đá biến thành những đồng đồ nát; những cây táo chết dần và bị đẵn làm củi, hàng rào các loại bị phá hủy hết. Chỉ riêng những cây bồ đề vẫn ung dung sinh sôi nảy nở và bây giờ, nằm lọt giữa những cánh đồng đã cày vây béc bét, chúng tỉ tê với lớp con em nhe dạn của chúng ta về "những bậc cha anh đã khuất". Cây bồ đề cổ thụ là thứ cây tuyệt đẹp. Ngay cả lưỡi rìu tàn nhẫn của người nông dân Nga cũng tiếc thương nó. Lá bồ đề nhỏ nhắn, cành cây to khỏe xòe rộng về mọi phía, tỏa bóng rợp quanh năm ngày tháng dưới gốc cây.

Có lần, cùng với Ermôlai lang thang qua các cánh đồng săn gà gô, thấy một khu vườn bỏ hoang ở mé bên, tôi liền đến đấy. Tôi vừa đi vào rìa vườn thì một con dẽ gà từ bụi cây bay vụt lên. Tôi nổ súng, và ngay lúc đó, cách tôi mấy bước, có tiếng thét vang lên: khuôn mặt sợ hãi của một cô gái trẻ lộ ra sau đám cây và lập tức biến mất. Ermôlai chạy đến gần tôi. "Sao ông lại bắn ở đây, đây là khu nhà ở của một địa chủ".

Tôi chưa kịp trả lời Ermôlai, và con chó của tôi, với dáng điệu trang trọng quý phái, chưa kịp đem con chim bị bắn đến cho tôi thì tôi đã nghe thấy tiếng bước chân mau lẹ, và một người tầm vóc cao, có ria mép từ một bụi rậm đi ra và dừng lại trước mặt tôi vẻ bất bình. Tôi hết lời xin lỗi, tự xưng danh và biểu ông con chim tôi đã bắn được trong khu đất của ông.

- Thôi được, - ông ta mỉm cười nói với tôi - tôi sẽ nhận con vật ông săn được, nhưng chỉ với một điều kiện: ông sẽ ở lại dùng bữa trưa với chúng tôi.

Thực tình là tôi không thích thú lắm về lời mời của ông ta, nhưng từ chối thì không xong.

- Tôi là một địa chủ ở đây và là láng giềng của ông. Radilôp, có lẽ ông đã từng nghe nói đến. - Người quen mới của tôi nói tiếp - Hôm nay chủ nhật, bữa ăn của tôi hẳn là sẽ khá, nếu không tôi đã chẳng dám mời ông.

Tôi đáp lại bằng những lời người ta thường nói trong những dịp tương tự và đi theo ông ta. Con đường nhỏ mới dọn sạch chẳng mấy chốc đã đưa chúng tôi ra khỏi khu rừng bồ đề. Chúng tôi vào vườn rau. Giữa những gốc táo già và những bụi lý gai sum sê, những cây bắp cải tròn xoe phơi màu xanh tươi mơn mớn; hốt bố quấn vòng quanh những cây cọc cao; trên các luống đất tua tua những que màu nâu, xung quanh chằng chịt dây đậu đã khô héo quấn rối vào nhau; những quả bí lớn dường như bị vút lẩn lóc trên mặt đất; dưa chuột vàng tươi lấp ló dưới những chiếc lá góc cạnh và bụi bậm. Một cây tầm ma cao đu đưa trên dây rào; đôi ba chỗ, nhãn đông, hương mộc, tầm xuân mọc từng cụm: di tích của những "bồn hoa" trước kia. Cạnh cái ao con thả cá, chứa đầy thứ nước đỏ nhạt và lầy nhầy, tôi thấy một cái giếng xung quanh là những vũng nước nhỏ. Mấy con vịt vùng vẫy và sục mỏ trong những vũng nước ấy một cách bận rộn. Một con chó run như cày sầy và lim dim mắt gặm một khúc xương trên bãi cỏ. Một ả bò cái đốm lang uể oải vật cở ngay tại đấy, thỉnh thoảng lại quật đuôi lên tấm lưng gầy guộc. Con đường nhỏ quặt sang phía bên; từ sau những cây liễu và những cây phong, một ngôi nhà nhỏ

cũ kỹ, quét vôi xám, mái lợp vải... bậc tam cấp đã hư hại, ló ra nhìn chúng tôi. Radilốp dừng lại.

- Nhưng thôi - ông ta nhìn thẳng vào mặt tôi với vẻ hiền hậu, nói - bây giờ tôi đã đổi ý. Có thể ông không muốn đến nhà tôi chút nào, nếu vậy thì... - Tôi không để ông ta nói hết lời và cam kết với ông ta rằng trái lại, tôi rất vui lòng được dùng bữa tại nhà ông.

- Vâng, xin tùy ông.

Chúng tôi' vào nhà. Một gã trẻ tuổi, mặc Kafolan dài bằng da xanh dày cộp đón chúng tôi ở bậc tam cấp. Radilốp lập tức bảo gã mang vôtka đến cho Ermôlai. Người thợ săn của tôi kính cẩn cúi chào sau lưng ông chủ hào hiệp. Qua căn phòng ngoài có dán những bức tranh sắc sỡ và treo những lồng chim, chúng tôi vào một căn phòng nhỏ phòng làm việc của Radilốp. Tôi tháo bỏ những đồ lễ đi sẵn, dựng đứng vào góc nhà; một gã trai mặc áo dài vạt phủ bụi áo quần cho tôi rất chu đáo.

- Nào, bây giờ ta vào phòng khách đã - Radilốp nói một cách dịu dàng - Tôi sẽ giới thiệu ông với mẹ tôi.

Tôi đi theo ông ta. Trong phòng khách, một bà già ngồi trên chiếc đi văng giữa. Bà ta nhỏ người, mặc áo dài nâu, đôi mũ trùm trắng, khuôn mặt gầy và hiền từ, ánh mắt rụt rè và buồn rầu.

- Đây thưa mẹ, con xin giới thiệu: ông khách này là người láng giềng của chúng ta.

Bà lão hơi nhóm lên và cúi chào tôi, đôi tay gầy guộc vẫn không rời cái túi xách tay bằng len thô đan dày.

- Ông đến thăm vùng chúng tôi lâu chưa ạ? - Bà lão hỏi, giọng khẽ và yếu ớt, mắt chớp chớp liên hồi.

- Dạ, cũng mới thôi.

- Ông có định lưu lại đây lâu không?

- Tôi định ở đến mùa đông.

Bà lão im lặng.

- Còn đây - Radilốp tiếp lời, vừa nói vừa chỉ một người cao gầy mà khi vào phòng khách, tôi không nhận thấy - đây là Fêđo Mikhêits...Nào, Fêđya, trở tài cho khách xem đi. Sao lại chúi vào góc nhà làm gì?

Fêđo Mikhêits lập tức rời ghế đứng lên, lấy cây đàn viôlông cũ kỹ trên cửa sổ, cầm lấy cây vĩ - không cầm ở đầu như người ta thường làm, mà cầm quãng giữa - tì cây đàn vào ngực, nhắm mắt, và bắt đầu vừa múa vừa hát một khúc ca và kéo đàn cò cưa. Ông ta nom chừng bảy mươi tuổi; cái áo xẻ vạt dài bằng vải Nam kinh lủng lảng đến đáng buồn cười trên đôi vai xương xẩu gầy đét của ông ta. Ông ta nhảy múa; khi thì lắc mình một cách hiền ngang, khi thì dường như lìm đi, lắc lư cái đầu nhỏ nhắn hói tóc, vươn dài cái cổ nổi gân chằng chịt, giậm chân tại chỗ, đôi khi uốn khuỷu đầu gối với vẻ khó nhọc trông thấy. Cái miệng không răng của ông ta phát ra một giọng già yếu. Có lẽ, nhìn vẻ mặt tôi, Radilốp đoán được rằng "tài nghệ" của Fêđya không làm cho tôi thích thú lắm.

- Thôi được, tốt rồi, ông già ạ, đủ rồi - ông ta nói - ông có thể đi lấy phần thưởng cho mình.

Fêđo Mikhêits lập tức đặt cây đàn lên cửa sổ, cúi chào tôi trước vì tôi là khách, rồi chào bà lão, chào Radilôp và trở ra.

- Trước ông ta cũng là một địa chủ đấy - Người bạn mới của tôi nói tiếp - và cũng giàu có, nhưng đã phá sản, bây giờ ông ta ở đây với tôi... Vậy mà hồi xưa ông ta được coi là tay ăn chơi nhất tỉnh đấy; ông ta đã hai lần cuốn mất vợ của người khác, ông ta nuôi ban đồng ca, bản thân ông ta hát múa rất cừ... Nhưng ông uống vôtka chứ ă? Bữa ăn đã dọn ra bàn rồi đấy.

Một cô gái trẻ - chính là cô gái mà tôi đã thoáng nhìn thấy trong vườn - bước vào phòng.

- Đây là Olya! - Radilôp hơi quay đầu lại và nói - Xin giới thiệu với ông... Nào, ta đi ăn thôi.

Chúng tôi vào phòng ăn, ngồi vào bàn. Trong lúc chúng tôi rời khỏi phòng khách và ngồi vào bàn ăn thì Fêđo Mikhêits mặt long lanh và mũi hơi đỏ lên vì đã thưởng thức "phần thưởng", đang cao giọng hát: "Hãy vang dội lên tiếng sấm chiến thắng!" Người ta bày cho ông ta một bộ đồ ăn riêng trên chiếc bàn con không trải khăn bàn đặt ở góc nhà. Ông già đáng thương không thể hãnh diện về sự sạch sẽ, trang nhã của mình, nên bao giờ người ta cũng để ông ta ngồi riêng xa mọi người một chút. Ông ta làm dấu thánh, buông một tiếng thở dài và bắt đầu ăn như cá mập. Bữa ăn quả là khá ngon, và bởi vì là bữa ăn ngày chủ nhật, nên không thể không có thịt đông lòng nhùng và thứ bánh ngọt tên là "Gió Tây Ban Nha." Radilôp đã từng phục vụ mười năm trong một trung đoàn bộ binh và đã từng tham gia cuộc viễn chinh sang Thổ Nhĩ Kỳ, ông ta liền kể chuyện trong bữa ăn. Tôi chăm chú nghe ông ta và kín đáo quan sát Olya. Cô không xinh lắm, nhưng vẻ mặt kiên quyết và điềm tĩnh của cô, vàng trán trắng trẻo và rộng, mái tóc dày, đặc biệt là đôi mắt nâu nhạt, nhỏ nhưng thông minh, sáng sủa và lạnh lợi của cô khiến cho bất cứ người nào ở địa vị tôi cũng phải ngạc nhiên. Dường như cô theo dõi từng lời của Radilôp. Vẻ mặt cô không phải là vẻ thông cảm, mà là sự chú ý say mê. Về tuổi tác, Radilôp có thể là bố cô, nhưng tôi đoán ngay ra rằng cô không phải là con gái ông ta. Trong lúc nói chuyện, ông ta nhắc tới người vợ đã qua đời của mình - "chị cô ấy" - ông ta chỉ Olya và nói thêm. Cô đỏ mặt lên ngay và cup mắt xuống. Radilôp im lặng một lát rồi nói sang chuyện khác. Suốt bữa ăn, bà lão chẳng nói chẳng rằng, bản thân bà hầu như không ăn gì và cũng không mời mọc tôi. Nét mặt bà toát ra vẻ chờ đợi sợ sệt và vô hy vọng, cái vẻ buồn rầu của người già nó khiến cho người quan sát cảm thấy lòng mình thất lại. Gần cuối bữa ăn, Fêđo Mikhêits toan bắt đầu "ca ngợi" chủ mình và khách, nhưng Radilôp đưa mắt nhìn tôi và bảo ông ta thôi đi; ông già đưa tay quạt môi, hấp háy đôi mắt, cúi chào và lại ngồi xuống, nhưng lần này ngồi ghé vào rìa ghế. Sau bữa ăn, tôi với Radilôp vào phòng làm việc của ông ta.

Ở những con người thường bị một ý nghĩ hay một niềm say mê lôi cuốn mãnh liệt, mặc dù phẩm cách, khả năng, địa vị xã hội và trình độ giáo dục của họ khác nhau đến mức nào đi nữa, ta vẫn nhận thấy giữa họ có cái gì chung, cách cư xử của họ vẫn có cái gì giống nhau về vẻ biểu hiện bên ngoài.

Càng để ý quan sát Radilôp, tôi càng có cảm giác rằng ông ta thuộc loại người nói trên. Ông ta nói về việc làm ăn, về mùa màng, về vụ cắt cỏ, về chiến tranh, về những chuyện ngồi lê đôi mách trong huyện, về những cuộc bầu cử sắp tới. Ông ta nói không có gì là gương gạo, thậm chí khá hào hứng, nhưng bỗng nhiên ông ta thở dài, gieo mình xuống chiếc ghế bành như một người mệt mỏi vì một công việc nặng nề, và đưa tay vuốt mặt. Toàn bộ tâm hồn ông ta - một tâm hồn nhân hậu và nồng nhiệt, - dường như đều thấm sâu một tình cảm duy nhất ứ đọng trong lòng. Tôi cũng ngạc nhiên vì không thể khám phá thấy ở ông một nguồn đam mê nào cả: dù là tính thích ăn ngon, hoặc nghiện rượu, hoặc ham đi săn, ham thích chim họa mi vùng Kurxk, hoặc là thích loại bồ câu mắc chứng động kinh, hoặc là ham mê văn học Nga, hoặc là thích ngựa có nước đi lạ, hoặc là ưa chuồng kiểu áo Hunggari, hoặc là mê chơi bài và bia, hoặc là thích các tối khiêu vũ, hoặc là thích đến các mái sơn màu sặc sỡ hoặc là nghiện chè, hoặc là thích những con ngựa kéo phụ ([23]) đã đâm ra đổ đốn, hoặc thậm chí là ưa thích những gã đánh xe to béo đeo thắt lưng ngay sát nách, những gã đánh xe tuyệt diệu mà có trời biết tại sao

cứ mỗi lần động đậy cổ là mắt lại lác đi và chồi ra. . .

"Xét cho cùng thì đây là một địa chủ như thế nào mới được chứ!" - tôi nghĩ. Nhưng ông ta hoàn toàn không làm ra vẻ chán đời và bất mãn về số phận của mình. Trái lại, ở ông ta toát ra vẻ tốt bụng dễ tính, hồ hởi và, điều này gần như làm ta phật ý: ông ta sẵn sàng làm thân với bất cứ kẻ nào mới gặp. Thực ra, ta đồng thời vẫn cảm thấy ông ta không thể kết bạn, chơi thân với bất cứ ai, ông ta không thể như thế chẳng phải vì nói chung ông ta không cần những người khác, mà vì tất cả cuộc sống của ông tạm thời rút vào bên trong. Để ý quan sát Radilôp, tôi không thể tưởng tượng được là bây giờ hay trước kia ông đã từng được sống hạnh phúc. Ông ta không đẹp trai. Nhưng trong ánh mắt, nụ cười, trong toàn bộ con người ông có ẩn náu một cái gì hết sức hấp dẫn, đúng là ẩn náu; vì thế, tự dưng ta muốn hiểu ông rõ hơn để yêu mến ông. Cố nhiên, đôi khi ông ta vẫn tự bộc lộ ra mình là một địa chủ người vùng thảo nguyên; nhưng dù sao ông ta vẫn là một con người rất đáng mến.

Chúng tôi đã toan nói chuyện về người mới được bầu làm thủ lĩnh giới quý tộc huyện thì ở cửa bỗng có tiếng Onga. "Có trà rồi đây". Chúng tôi sang phòng khách. Fêđo Mikhêits vẫn ngồi trong cái góc của mình như trước, giữa cửa sổ và cửa ra vào chân thu dưới ghế một cách khiêm tốn, mẹ Radilôp đan bít tất. Không khí mùa thu tươi mát và mùi táo thơm thơm ngoài vườn lọt vào qua những khung cửa sổ ngỏ. Onga bận rộn rót trà.

Khác với trong bữa ăn, bây giờ tôi nhìn cô chăm chú hơn. Cô nói rất ít, như tất cả các cô gái ở huyện, nhưng tôi cũng không nhận thấy cô có cái vẻ muốn nói một điều gì hay ho, nhưng lại khổ tâm vì sự trống rỗng và vụng về của mình. Cô không thờ dãi nhưng trong lòng chất chứa quá nhiều cảm giác không thể hiểu được, không trợn ngược mắt lên, không mỉm cười mơ màng và vô duyên cớ. Cô nhìn một cách điềm tĩnh và thản nhiên, như người nghỉ ngơi sau khi hưởng một hạnh phúc lớn lao hay vừa qua cơn lo lắng ghê gớm. Đáng diệu, cử chỉ của cô kiên quyết và thoải mái. Tôi rất thích cô.

Tôi với Radilôp lại nói chuyện. Tôi không nhớ bằng cách nào chúng tôi đã đi đến một nhận xét chẳng có gì mới lạ: nhiều khi những việc hết sức nhỏ nhặt lại gây cho ta ấn tượng mạnh mẽ hơn là những việc quan trọng nhất.

- Đúng - Radilôp thốt lên - điều đó tôi đã từng được biết. Ông biết đấy, tôi đã có vợ. Không lâu...về về có ba năm. Vợ tôi mất khi sinh đẻ. Tôi vẫn tưởng rằng tôi sẽ không thể sống lâu hơn vợ tôi. Tôi rất buồn phiền, chán nản, nhưng không thể khóc được, tôi ngơ ngẩn như một kẻ mất trí. Nàng được thay sống áo thơm tất, được đặt lên bàn, chính trong phòng này. Giáo sĩ đến; những người trợ tế cũng đến, bắt đầu hát, cầu nguyện, đốt hương! Tôi rập mình sát đất chào nàng và không nhỏ được lấy một giọt nước mắt, tim tôi như hóa đá và đầu cũng thế, toàn thân tôi nặng trĩu. Ngày thứ nhất trôi qua như thế. Ông có tin được không? Ban đêm, thậm chí tôi ngủ được. Sáng hôm sau, tôi vào thăm thi hài vợ tôi. Bấy giờ là mùa hè, mặt trời chiếu sáng toàn thân nàng, từ đầu đến chân, và chiếu sáng rực rỡ. Bỗng tôi thấy... (đến đây Radilôp bắt giạt giạt mình)... ông nghĩ thế nào? Một mắt nàng không nhắm hẳn, một con ruồi bò trên con mắt ấy...Tôi đổ vật xuống như bó lúa, và vừa tỉnh lại là tôi oà khóc, khóc như mưa không thể nào nên được...

Radilôp yên lặng. Tôi nhìn ông ta, rồi nhìn Onga... Suốt đời tôi không quên được vẻ mặt cô. Bà lão đặt chiếc bít tất lên đầu gối, lấy trong sắc ra một chiếc khăn tay và kín đáo lau nước mắt. Fêđo Mikhêits bỗng đứng lên, cầm lấy cây đàn, và cất giọng khàn khàn, mọi rợ hát một điệu ca ê a. Có lẽ ông ta muốn làm chúng tôi vui, nhưng tất cả chúng tôi đều giạt mình khi nghe thấy âm thanh đầu tiên của ông ta, và Radilôp bảo ông ta yên lặng.

- Tuy nhiên ông ta nói tiếp - việc đã xảy ra thì không thể vãn hồi lại được, không thể bắt dĩ vãng quay trở lại, và rút cục thì...trong thế giới này, mọi cái đều trở nên tốt đẹp hơn, hình như Vonte đã nói như vậy, - ông ta vội vã nói thêm.

- Đúng - tôi đáp - cố nhiên là như thế. Mọi sự bất hạnh đều có thể chịu đựng được, và không có tình trạng khốn khổ nào mà không thể tìm ra một lối thoát.

- Ông tưởng thế ư? - Radilôp nói - ừ, mà có lẽ ông nói đúng. Tôi nhớ, hồi sang Thổ Nhĩ Kỳ, tôi nằm ở một quân y viện, dở sống dở chết: tôi bị sốt vì thối vết thương. Chúng tôi không thể khoe là nhà ở tốt, thời chiến mà lại, được như vậy là nhờ ơn Chúa rồi đấy! Bỗng nhiên, lại có thêm người ốm được đưa đến đây, nhét họ vào đâu bây giờ? Thầy thuốc chạy ngược chạy xuôi: không có chỗ. Ông ta đến chỗ tôi nằm, hỏi ý tá: còn sống không? Người kia trả lời: "Lúc sáng thì còn sống". Thầy thuốc cúi xuống nghe: tôi vẫn thở. Ông ta không nén nổi bức tức và nói: "Thiên nhiên thật là phi lý quá, đây nhé, gã này sắp chết, nhất định gã sẽ chết, vậy mà gã vẫn thoi thóp, kéo dài chút hơi tàn, chỉ choán mất chỗ và làm phiền người khác" - "Ồi thôi - tôi nghĩ - mi nguy rồi đó, Mikhailô Mikhailuts a... ". Vậy mà tôi đã bình phục và sống đến ngày nay, như ông thấy đấy. Thành thử ông nói có lý.

- Dù thế nào thì tôi vẫn có lý - tôi đáp - Thậm chí nếu ông chết ngay hồi ấy thì ông đã thoát khỏi cảnh ngộ thương tâm mà ông gặp phải.

- Đã đành, hẳn là thế - ông ta thốt nhiên đập mạnh tay xuống bàn và nói thêm... - Chỉ cần có ý định dứt khoát...Sống khốn khổ thì sống làm gì?...Trì hoãn, kéo dài thêm ra phỏng có ích gì?

Onga đứng phắt dậy và đi ra vườn.

- Nào, Fêđya, làm một bài nhạc vũ đi! - Radilôp kêu lên.

Fêđya bật dậy, bắt đầu đi trong phòng bằng dáng đi duyên dáng đặc biệt của "con dê" trứ danh quay xung quanh con gấu đã được tập rèn([24]), và cất tiếng hát: "Khi bên cổng nhà ta...".

Ngoài cổng có tiếng xe ngựa, và lát sau, một ông già tầm vóc cao, vai rộng và thân hình chắc nịch bước vào, đó là *Ôtnôđvoret*s Ôpxianikôp ...Nhưng Ôpxianikôp là một nhân vật đặc sắc, độc đáo đến nỗi bạn đọc cho phép, chúng ta sẽ nói về ông ta trong một mẩu chuyện khác. Bây giờ, tôi chỉ nói thêm rằng hôm sau tôi với Ermôlai đi săn từ sáng tinh mơ, sau đó chúng tôi về nhà. Một tuần sau, tôi lại ghé thăm Radilôp, nhưng không gặp cả ông ta lẫn Onga ở nhà. Hai tuần sau tôi được biết rằng ông ta tự dung biến mất, để mẹ ở lại, bỏ đi đâu với cô em vợ. Cả tỉnh xôn xao bàn tán về chuyện ấy. Mãi khi ấy, tôi mới thực hiểu được vẻ mặt của Onga lúc Radilôp kể chuyện. Lúc ấy, gương mặt cô không chỉ biểu lộ nỗi xót thương: nó bùng lên sự ghen tuông.

Trước khi rời khỏi làng, tôi đến thăm bà mẹ Radilôp. Tôi tìm thấy bà lão ở phòng khách. Bà đang chơi bài với Fêđo Mikhêits.

- Bà có được tin gì về con trai bà không? - Cuối cùng tôi hỏi bà ta.

Bà lão oà khóc. Tôi không gặng hỏi bà về Radilôp nữa.

ÔTNÔĐVORETS ([25]) ÔPXIANIKÔP

Bạn đọc thân mến, các bạn hãy tưởng tượng một người thân hình đầy đà, cao lớn, tuổi chừng bảy mươi, mặt hao hao giống Krulôp, có cái nhìn sáng sủa và thông minh dưới hàng lông mày thấp, phong thái trang nghiêm, nói năng ôn tồn, dáng đi thông thả: đấy chính là Ôpxianikôp. Ông ta mặc chiếc áo xẻ vạt màu xanh rộng thùng thình, có ống tay dài, cài cúc đến tận trên cùng, cổ quàng chiếc khăn lụa màu hoa cà, đi đôi ủng đánh bóng loáng có tua viền, và nói chung nom ông ta giống một phú thương. Tay ông ta rất đẹp, mềm mại và trắng, trong lúc nói, ông ta mân mê những chiếc cúc áo ngoài của mình. Ôpxianikôp oai vệ và ít cử động, nhanh trí và lười nhác, trực tính và ương bướng, ông ta khiến tôi nhớ tới những người quý tộc trước thời Pie... Cái áo *Fêriz* ([26]) có lẽ thích hợp với ông ta. Đây là một trong những người cuối cùng của thế kỷ trước. Mọi người quanh vùng đều kính trọng ông và coi việc được làm quen với ông là một vinh dự. Các *ôtnôđvoret*s khác chỉ còn thiếu điều cầu nguyện cho ông nữa thôi, thấy ông từ xa họ đã bỏ mũ, họ tự hào về ông. Nói chung, cho đến nay, ở nước ta thật khó mà phân biệt được người *ôtnôđvoret*s với người mujich: tài sản của người *ôtnôđvoret*s có khi còn kém hơn tài sản của người mujich, bê của người đó không bao giờ được ăn cái gì khác ngoài cháo bột mì đen, ngựa thì dờ sống dờ chết, dây thừng ngựa thì làm bằng thùng.

Ôpxianikôp là một ngoại lệ vượt ra ngoài quy tắc chung, tuy không nổi tiếng là người giàu có. Ông ta và vợ ở trong ngôi nhà nhỏ ngăn nắp, ấm cúng, nuôi mấy người đầy tớ, cho họ mặc kiểu Nga và gọi họ là người làm. Người làm của ông ta còn làm ruộng nữa. Ông ta không làm ra bộ ta là quý tộc, không đóng vai diễn chủ, như người ta thường nói, không bao giờ "tự quên mình", không bao giờ ngồi xuống ngay khi mới được mời lần đầu, và khi có khách mới vào thì thế nào ông ta cũng đứng lên, nhưng đứng lên với vẻ đường hoàng, vừa niềm nở vừa trang trọng đến nỗi khách bất giác cúi rạp xuống chào ông ta. Ôpxianikôp theo phong tục cổ, không phải vì mê tín (tính tình ông ta khá tự do), mà là do thói quen. Chẳng hạn, ông ta không thích xe có lò xo, vì ông thấy xe lò xo không giống xe thời xưa, và ông ta thường đi xe *đrôjki* ([27]) hay xe tải nhỏ, đẹp có đệm da; và ông tự tay điều khiển con ngựa hồng rất hay của mình (ông ta chỉ nuôi toàn ngựa hồng). Người đánh xe, một gã trẻ tuổi, má đỏ au, tóc húi bằng trước trán, mặc áo bành tô và đội mũ lông cừu thấp, lưng thắt dây da, kính cận ngồi cạnh ông ta. Ôpxianikôp bao giờ cũng ngủ sau bữa ăn trưa, thứ bảy thì đi nhà tắm, chỉ đọc toàn sách kinh (lúc đó ông ta trang nghiêm đeo đôi kính gọng bạc lên mũi), ngủ sớm và dậy sớm. Nhưng ông ta không để râu và tóc thì húi theo kiểu Đức. Ông ta tiếp khách rất dịu dàng và thân mật, nhưng không cúi chào họ, không rối rít, không thết họ đủ mọi thứ quả khô và thức ăn muối. "Mình ơi! - ông ta nói chậm rãi, không đứng lên và hơi quay đầu về phía vợ - Có cái gì đem lên mời các ông xơi". Ông ta coi việc bán lúa mì là một tội lớn, vì đấy là món quà Chúa ban cho. Năm 40, mọi nơi đều đói và vật giá đắt kinh khủng, ông ta phân phát tất cả thóc dự trữ của mình cho các điền chủ và nông dân quanh vùng. Năm sau, họ mang sản vật đến trả nợ ông với lòng biết ơn. Những người láng giềng của Ôpxianikôp thường chạy đến nhờ ông phân xử, dàn hòa họ với nhau, và hầu như bao giờ cũng nghe theo sự phân xử của ông, nghe lời khuyên của ông.

Nhờ ông, nhiều người đã giải quyết dứt khoát được những cuộc tranh chấp về địa giới. . . Nhưng sau hai ba lần va chạm với các điền chủ, ông tuyên bố từ bỏ việc làm trung gian cho các bà các cô. Ông ta không thể chịu nổi sự hấp tấp, sự cuống quýt lo sợ, sự ba hoa của đàn bà và "sự náo động". Có lần, nhà ông bị bén lửa. Một người làm cuống cuống chạy đến tìm ông, la to: "Cháy! Cháy" - "Này, có gì mà anh gào tướng lên như thế?" - Ôpxianikôp bình tĩnh nói. - Đưa cho tôi cái mũ và cây can". Ông ta thích tự mình tập dượt ngựa. Có lần, một con *bitiúc* ([28])

bắt kham đưa ông lao vùn vụt xuống một cái khe. "Này, thôi, thôi, chú ngựa giống non, chú sẽ toi mạng mất thôi" - Ôpxianikôp khiển trách nó một cách hiền hậu và lát sau ông đã lao xuống khe cùng với chiếc xe *đrôjki*, cả thằng bé ngồi phía sau và con ngựa cũng chịu chung số phận. May thay, dưới đáy khe có cát ùn thành đồng. Không ai bị dập thương, chỉ có con ngựa bị treo chân. "Đấy, mày thấy không, ta đã bảo mà" - Ôpxianikôp nói tiếp bằng giọng điềm tĩnh và đứng lên khỏi mặt đất.

Ông đã tìm được người vợ xứng đáng với mình: Tatiana Ilinitzna Ôpxianikôva là một người đàn bà tầm vóc cao, trang nghiêm và trầm lặng, lúc nào cũng trùm chiếc khăn lụa màu nâu trên đầu. Bà nom có vẻ lạnh lùng, tuy không ai phàn nàn về sự nghiêm khắc của bà, mà trái lại, nhiều người nghèo gọi bà là mẹ và ân nhân. Những đường nét đều đặn trên mặt, cặp mắt to thắm màu, đôi môi mỏng vẫn còn cho thấy hồi xưa bà có sắc đẹp lừng lẫy một thời. Vợ chồng Ôpxianikôp không có con.

Tôi quen biết ông ở nhà Radilôp, và hai ngày sau tôi đến thăm ông. Ông có nhà. Ông ngồi trong chiếc ghế bành lớn bằng da và đọc sự tích các thánh. Con mèo xám nằm trên vai ông, khẽ gừ gừ Như thường lệ, ông tiếp tôi một cách dịu dàng và đường bệ. Chúng tôi nói chuyện.

- Luka Pêtorôtvits này, ông nói thực đi nhé - Tôi hỏi, nhân câu chuyện - Có phải hồi xưa, hồi ông còn trai trẻ, mọi cái đều khá hơn không?

- Có cái thì khá hơn thật đấy. - Ôpxianikôp đáp - Chúng tôi sống yên tĩnh hơn, phong lưu hơn, đúng thế... Nhưng dù sao bây giờ vẫn hơn thời trước, và con cái ông sẽ còn sống khá hơn bây giờ, nhờ ơn Chúa.

- Thế mà tôi tưởng ông sẽ ca ngợi thời trước, Luka Pêtôrôvits ạ.

- Không, tôi chẳng có lý do gì đặc biệt để ca ngợi thời trước. Cứ lấy ví dụ như thế này chẳng hạn: bây giờ ông là một điền chủ, cũng như ông của ông trước đây, nhưng uy quyền của ông sẽ không được như trước! Và chính bản thân ông cũng không phải là con người như thời ấy. Ngay bây giờ, chúng tôi vẫn bị những kẻ quyền thế khác chèn ép, và có lẽ không thể khác được. Cứ xay lại cám may ra sẽ được bột. Không, bây giờ tôi không thấy những cái mà hồi trai trẻ tôi đã thấy rất nhiều.

- Cái gì chẳng hạn?

- À, thế thì tôi lại xin nói về ông của ông chẳng hạn. Một người có nhiều quyền thế! Ông cu bắt nạt anh em chúng tôi, có lẽ ông cũng biết đấy, ông không thể không biết đất của ông được... dải đất hình chiếc nêm chạy từ Tseplughin đến Malina ấy mà... Bây giờ ông trồng lúa mạch... Nhưng chính ra nó là đất của chúng tôi, tất cả khu đất ấy vốn là của chúng tôi. Ông của ông đã chiếm chỗ đất ấy. Ông ấy đi ngựa đến, chỉ tay và nói: "Chỗ đất này là của ta!" - thế là ông ấy chiếm phăng luôn. Bố tôi - cầu cho cụ yên vui trên thiên đàng - bố tôi là người ưa chuộng lẽ công bằng, và nóng tính nữa, bố tôi không chịu nổi, mà ai là người vui lòng chịu mất tài sản của mình kia chứ, thế là ông cu đâm đơn ra tòa. Có một mình bố tôi kiện thôi, những người khác không dám theo, họ sợ. Thế rồi có người báo cho ông của ông rằng Piôtr Ôpxianikôp kiện ngài về việc chiếm đoạt ruộng đất... ông của ông lập tức sai tên quản chó Bans dẫn một bọn đến bắt bố tôi và giải về đằng nhà bên ấy. Hồi ấy tôi còn bé, tôi đi chân đất chạy theo bố. Rồi sao?... Bố tôi bị giải đến dưới cửa sổ nhà ông và bị đánh đòn. Còn ông của ông đứng trên bao lơn nhìn; bà của ông ngồi dưới cửa sổ và cũng xem bọn chúng đánh bố tôi. Bố tôi kêu la: "Bà Marya Vaxiliepna, bà xin hộ tôi với chứ, ít ra bà cũng nên thương người một chút mới phải!" Nhưng bà ta chỉ thản nhiên nhồm lên xem. Thế rồi họ đã ép bố tôi phải cảm kết từ bỏ khu đất của mình và còn bắt bố tôi phải cảm ơn vì đã được tha chết. Từ bấy đến nay, chỗ đất ấy vẫn là của gia đình bên ông. Ông hãy đi hỏi nông dân của ông xem khu đất ấy tên là gì? Nó được gọi là cánh đồng gây gộc, vì đã chiếm được bằng gây gộc. Bởi thế, những con người nhỏ bé chúng tôi

không lấy gì làm luyện tiếc trật tự cũ cho lắm.

Tôi không biết trả lời Ôpxianikôp ra sao, và không dám nhìn vào mặt ông ta.

- Hồi ấy chúng tôi lại còn có một người láng giềng khác tên là Kômôp Xtêpan Nictôpôliônuts. Ông ta làm tình làm tội bố tôi không còn thiếu nước gì nữa. Ông ta nghiện rượu và thích thết khách. Hễ ông ta đã làm một ngum và nói câu tiếng Pháp "*xe bông*"([29]), rồi con thêm rượu bốc lên là khốn với ông ta đấy. Ông ta sẽ cho người đi mời tất cả những người láng giềng đến nhà. Chiếc xe ba ngựa của ông ta đã sửa soạn sẵn, không đến là ông ta lập tức lên xe xộc tới nhà, con người đến là kì lạ! Lúc tỉnh táo, ông ta không hề nói dóc, ấy thế mà hễ rượu vào là ông ta bắt đầu kể rằng ở Pite ông ta có ba ngôi nhà tại phố Fôntanka: một ngôi nhà quét vôi đỏ có một ống khói, một ngôi nhà quét màu vàng có hai ống khói, còn ngôi nhà thứ ba quét vôi xanh thì không có ống khói nào cả; và kể rằng ông ta có ba con trai (nhưng ông ta chưa bao giờ lấy vợ): một con ở bộ binh, một con ở kỵ binh, còn con thứ ba thì sống tự do... ông ta còn nói rằng mỗi con ông ở một nhà. Con cả ông thường được các đô đốc đến thăm, con thứ hai thường có các vị tướng đến nhà, còn khách của con thứ ba toàn là người Anh. Thế rồi ông ta đứng lên và nói: "Chúc sức khỏe con trai cả tôi, nó là đứa con đáng trọng nhất của tôi - nói xong là khóc, kẻ nào dám bài bác thì thật là lòi thối to. "Ta sẽ bắn chết và sẽ không cho chôn... ", ông ta nói. Có khi ông ta chồm lên và hét: "Nhảy đi, hỡi các con chiên của Chúa, nhảy đi cho vui và để an ủi ta!". Thế là anh cứ việc mà nhảy, nhảy đến chết thì thôi, nhưng vẫn phải nhảy. Ông ta hành hạ bọn thiếu nữ con các nông nô của mình mới tội làm sao. Nhiều khi họ phải hát đồng ca thâu đêm suốt sáng, và cô nào lên được giọng cao nhất thì sẽ được thưởng. Rồi đến khi họ mệt quá không hát được nữa thì ông ta gục mặt vào hai bàn tay và kêu lên một cách đau xót: "Trời ơi, tôi là kẻ tứ cố vô thân! Người ta ruồng bỏ tôi, tội nghiệp thân tôi!" Những người coi ngựa lập tức thúc giục các cô gái hát to nữa lên. Bố tôi vốn được ông ta ưa thích: ông ta sẽ ra lệnh cho bố tôi làm gì đây? Thật suýt nữa thì ông ta đã đẩy bố tôi xuống mồ. Và có lẽ ông ta sẽ đẩy bố tôi xuống mồ thật, nhưng may thay, chính ông ta lại nghèo trước: ông ta trèo lên chuồng chim bồ câu lúc đang say rượu, và ngã lộn xuống... Đó, chúng tôi có những người láng giềng như thế đấy!

- Thời đại đã đổi khác biết bao! - Tôi nhận xét.

- Đúng, đúng - Ôpxianikôp xác nhận - Quả thực là thời xưa quý tộc sống xa hoa hơn. Còn các quan lớn thì khỏi phải nói. Ở Matxcova, tôi đã biết họ rồi. Nghe nói là bây giờ họ đều về đấy cả.

- Ông đã từng đến Matxcova rồi à?

- Vâng, lâu rồi, lâu lắm rồi. Năm nay tôi đã bảy mươi hai, mà tôi ra Matxcova năm mươi sáu tuổi.

Ôpxianikôp thở dài.

- Ông đã gặp những quan chức lớn nào ở đấy.

- Tôi đã thấy nhiều ông quan to, và bất cứ người nào cũng có thể nhìn thấy họ. Cuộc sống của họ phơi bày ra trước mắt mọi người, phú quý tột bậc. Duy có bá tước Alecsây Grigoriévits Orlôp Tsemenxki đã quá cố là không ai bì kịp. Tôi thường gặp bá tước luôn; chú tôi là quản gia của bá tước. Bá tước sống ở cổng Kaluga, khu Sabôlôpka. Đấy mới thật là một vị đại quan! Tướng mạo uy nghi, phong độ niềm nở trang nhã, thật khó mà tưởng tượng được người nào hơn thế và không thể tả lại được. Chỉ riêng tầm vóc ngài cũng đã trang trọng rồi, cả sức lực, cả cái nhìn của ngài nữa. Khi chưa biết ngài thì ta không dám đến nhà ngài, ta sợ, ta cảm thấy rụt rè. Nhưng đã đến nhà ngài thì ta cảm thấy như được mặt trời sưởi ấm, và ta vui hẳn lên. Ngài cho phép bất cứ người nào cũng có thể đến gặp ngài, ngài vui lòng tiếp tất cả mọi người. Khi đưa ngựa, ngài tự điều khiển ngựa và ai muốn đua với ngài cũng được. Ngài không bao giờ

vượt đối thủ ngay, không làm người ta tức giận, không chèn người ta, mà sát đến đích ngài mới vượt lên. Và rất mực dịu dàng, ngài an ủi đối thủ, khen ngựa của người đó. Ngài nuôi những con bồ câu nhào lộn loại nhất. Đôi khi ngài ra sân, ngồi vào chiếc ghế bành và ra lệnh thả bồ câu bay lên. Còn xung quanh, trên các mái nhà, có những người cầm súng phòng khi điều hâu đến thì bắn. Dưới chân bá tước có để các chậu bạc đựng nước, ngài nhìn xuống nước xem chim. Hàng trăm người nghèo khổ, cùng khốn được ngài cho bánh ăn... và ngài ban phát cho họ bao nhiêu tiền! Thế nhưng khi ngài nổi giận thì thật như sấm sét, sợ lắm, nhưng không có gì đáng khóc cả; ngài mỉm cười ngay thôi mà. Ngài thiết tiệc thì cả Matxcova say sưa! Ngài tài trí tuyệt vời! Ngài đã từng đánh bại quân Thổ Nhĩ Kỳ cơ mà. Ngài cũng thích môn vật. Các đô vật từ Tula, từ Kharkôp, từ Tambôp, từ khắp nơi được đưa đến thi tài với ngài. Người nào thắng được ngài thì ngài ban thưởng rất hậu và hôn môi người đó... Hồi tôi ở Matxcova, có lần ngài mở một cuộc hội săn chưa từng thấy ở nước Nga: tất cả những người đi săn trong vương quốc được mời tới vào một ngày đã định, cách ba tháng sau. Thế rồi người ta đổ đến, đem theo chó, thợ săn. Đúng là một đạo quân, một đạo quân thật sự! Thoạt tiên họ được chén thoả thích, rồi bắt đầu khởi hành. Người đến đông nghịt!... Và ông có biết thế nào không?... Con chó của ông nội ông vượt tất cả các con khác.

- Con Milôvitka phải không? - Tôi hỏi.

- Milôvitka, Milôvitka... Thế rồi bá tước hỏi ông cụ: "Bán cho tôi con chó của ông nhé, ông muốn lấy bao nhiêu thì lấy". Ông cụ nói: "Thưa bá tước không ạ, tôi không phải là lái buôn: vật tôi vô ích thì tôi không bán, còn nếu là vì danh dự thì tôi có thể nhường vợ tôi được, nhưng không bao giờ tôi nhường Milôvitka... Thà tôi tự nộp mình làm tù binh cho bá tước còn hơn". Alecxây Grigôriêvits khen: "Tôi mến yêu ông" - bá tước nói. Ông của ông cho con chó trở về bằng xe ngựa. Khi Milôvitka chết, ông cụ cho chôn trong vườn, có kèn trống hẳn hoi: con chó cái ấy được chôn cất tử tế, trên mộ dựng tấm bia đá.

- Thì Alecxây Grigôriêvits có xúc phạm đến ai bao giờ đâu - Tôi nói.

- Ấy, sự đòi bao giờ cũng thế, kẻ thiếu bản lĩnh thì lại hay lên mặt.

- Thế còn gã Bausơ mà ông vừa nói đến là người thế nào - Tôi hỏi sau một lúc im lặng.

- Ông có nghe nói về Milôvitka thì sao lại không biết về Bausơ nhỉ? Đấy là người chịu trách nhiệm chính về việc trông nom và luyện chó của ông nội ông. Ông nội ông yêu y không kém gì Milôvitka. Y là người táo tợn và bất kể ông cụ ra lệnh gì, y cũng thi hành tức thì, dù có phải nằm lên lưỡi dao nhọn y cũng không từ. Có khi y bỗng dở chứng, y xuống ngựa, nằm xuống đất... Hề chó không nghe thấy tiếng y nữa thì thôi xong! Chúng không bám theo vết con mồi vừa chạy qua nữa, muốn nhử gì thì nhử, chúng cũng không xông lên nữa. Chà, thế là ông nội ông nổi trận lôi đình! "Ta mà không treo cổ cái thằng vô tích sự ấy lên thì ta cứ chết quách đi cho rồi! Ta sẽ lột xác thằng phản Chúa ấy, lột裳 trong ra ngoài! Ta sẽ kéo chân nó qua cổ họng nó, quân sát nhân ấy!" Rút cục là ông cụ đến hỏi xem y cần gì, tại sao y không hò chó nữa? Những lúc ấy, Bausơ thường đòi rượu vang, uống xong y nhồm dầy và lại cất tiếng hò, điều khiển chó hết sức tài tình.

- Hình như ông cũng thích đi săn phải không, Luka Pêtorôvits?

- Kể thì cũng thích... đúng thế, nhưng không phải bây giờ, bây giờ thời của tôi đã qua rồi, thời trai trẻ kia... ông biết đấy, do địa vị của tôi, cái trò giải trí đó có điều không tiện. Anh em chúng tôi không nên theo đòi những người quý tộc. Đúng vậy, trong bọn chúng tôi, đôi khi cũng có kẻ nghiện rượu và bắt tài giao du với các ông quý tộc. . . Nhưng nào có sung sướng gì cho cam?... Chỉ tự làm nhục mình. Được người ta cho một con ngựa cà khổ, hay vấp ngã, cứ là bị người ta tát tai, hất mũ xuống đất luôn! Có khi người ta vờ quật roi vào ngựa, nhưng lại quật vào kẻ đó. Vậy mà kẻ đó vẫn phải cười và làm cho những người khác cũng cười. Không, tôi xin nói với ông

như thế này: địa vị càng nhỏ thì càng phải giữ mình cho nghiêm không thì chỉ tự mình bôi nhọ mình.

- Đúng thế - Ôpxianikôp thở dài, nói tiếp - Từ thuở tôi ra đời đến nay đã bao nhiêu lần vật đổi sao dời, thời đại ngày nay đã khác rồi. Đặc biệt là trong giới quý tộc, tôi thấy có sự thay đổi lớn. Quý tộc nhỏ ở địa phương thì hoặc là đi làm viên chức, hoặc là không còn ngồi yên vị tại chỗ nữa. Những người quý tộc cỡ lớn hơn thì không còn nhận ra họ được nữa. Tôi đã quan sát kỹ nhiều người quý tộc lớn trong dịp phân chia địa giới. Và tôi phải nói với ông: nhìn họ tôi sung sướng trong lòng: họ hồ hởi, lễ độ. Duy có điều này làm tôi ngạc nhiên: họ đã học được đủ mọi thứ, nói năng彬彬 tai đến nỗi nghe mà cảm kích, vậy mà họ chẳng nghĩ ra được một việc làm gì nên hồn, thậm chí họ không cảm thấy lợi ích của chính họ. Gã nông nô làm quản lý cho họ muốn uốn họ theo chiều nào cũng được, như uốn một cái ách cổ ngựa. Chắc ông cũng biết Kôrôlep Alêxandr Vladimirovits chứ? Ông ta lại không là quý tộc sao? Đẹp trai, giàu có, đã qua các trường "cao học", hình như cũng đã từng ra nước ngoài, nói năng lưu loát, nhã nhặn, bắt tay tất cả chúng tôi. Ông có biết ông ta không. . . Thế thì nghe tôi kể đây này. Tuần trước, chúng tôi đến Bêrêzôpka theo lời mời của người trọng tài ([30]) là Nikifo Ilits. Nikifo Ilits

nói với chúng tôi: "Thưa các vị, cần phải phân rõ địa giới. Thực là nhục, vùng ta đi sau tất cả các vùng khác, chúng ta hãy bắt tay vào việc đi". Thế là chúng tôi bắt tay vào việc. Những cuộc bàn bạc, tranh cãi bắt đầu, đó là chuyện thường. Người được uỷ nhiệm của chúng tôi bắt đầu đề ra yêu sách. Nhưng Ôpsiunikôp Porfiri làm dữ trước tiên... Mà hắn làm dữ vì lẽ gì kia chứ? Bản thân gã không có một tấc đất: gã được anh gã uỷ quyền đến đây. Gã quát tháo: "Không! Các người không bịp nổi tôi đâu. Không, các người gặp phải tôi là không ổn rồi! Đem địa đồ lại đây? Hãy trao đưa đồ đất cho tôi, đưa thẳng bán Chúa đến đây!" - "Nhưng rút cục thì anh đòi hỏi gì mới được chứ!?" - "Ồi chà? Ngốc ơ là ngốc! Thế anh tưởng tôi sẽ nói ngay cho anh biết đòi hỏi của tôi ư? ... Không, anh hãy mang địa đồ lại đây, thế đấy?" Rồi gã đám tay xuống các tấm địa đồ. Marfa Dmitoriepna tức lắm. Bà ta thét lên: "Sao anh dám làm nhục thanh danh tôi!" Gã nói: "Tôi cũng không mong con ngựa cái nâu của tôi có được cái thanh danh như của bà". Người ta cưỡng bức đổ rượu mạnh cho gã say mèm. Đẹp yên được gã lại đến những đứa khác làm loạn. Còn Kôrôlep Alêxandr Vladimirovits thân mến của tôi ngồi trong một góc, thỉnh thoảng lại gặm cái cán can và lắc đầu. Tôi ngượng tái người, chỉ muốn chuồn đi cho rồi. Ông ta sẽ nghĩ gì về chúng tôi? Kìa, Alêxandr Vladimirovits của tôi đã đứng lên, tỏ ý muốn nói. Người trọng tài lính quýnh, tuyên bố: "Thưa các vị, Alêxandr Vladimirovits muốn ngỏ lời với chúng ta". Và không thể không khen ngợi những người quý tộc: tất cả đều lập tức im tiếng. Thế là Alêxandr Vladimirovits bắt đầu nói, đại ý là: hình như chúng ta đã quên rằng chúng ta họp nhau ở đây để làm gì: tuy việc phân định địa giới cố nhiên có lợi cho các chủ đất, nhưng thực chất, người ta làm việc đó cốt là để cho người nông dân dễ sống hơn, để cho người nông dân làm tròn được nghĩa vụ của mình. Chứ như bây giờ thì chính người nông dân cũng không biết nổi mình phải làm chỗ đất nào và có khi cày ở nơi cách xa ruộng mình tới năm dặm đường, mà không thể bắt vạ người đó được. Rồi Alêxandr Vladimirovits nói rằng người địa chủ không quan tâm đến phúc lợi của nông dân là có tội, và xét cho cùng lợi ích của nông dân và lợi ích của chúng ta là thống nhất: cái gì tốt cho họ thì cũng tốt cho chúng ta, cái gì hại cho họ thì cũng hại cho chúng ta... Vì vậy, không thỏa thuận với nhau về những chuyện lật lọng thì thật là tội lỗi và phi lý. Ông ấy cứ thế nói thao thao bất tuyệt... Và nói mới hay làm sao? Thật là rung động lòng người... Những người quý tộc thì ai nấy đều tiu nghỉu. Còn tôi thú thực là suýt ứa nước mắt. Của đáng tội, trong các sách cổ cũng chưa từng có những lời lẽ hay như thế. . . Thế rồi rút cục ra sao? Chính ông ấy không chịu nhường bốn dêxiatin đầm lầy có rêu và cũng không muốn bán. Ông ấy bảo: "Tôi sẽ cho người của tôi làm khô đầm lầy ấy và sẽ xây dựng ở đó một xưởng làm dĩa, sản xuất theo kỹ thuật mới. Tôi đã chọn chỗ ấy: tôi có những ý định riêng...". Nếu đúng như thế thì còn tạm được, nhưng thực ra chỉ tại Karaxikôp An tôn, gã láng giềng của Alêxandr Valadimirovits, đã tiếc tiền không nộp cho viên quản lý của ông ta một trăm rúp tiền giấy mà thôi. Thế là chúng tôi ra về, chẳng làm được việc gì. Còn Alêxandr Vladimirovits thì đến giờ vẫn cho mình là đúng và vẫn nói về xưởng làm dĩa, có điều là ông ta không bắt tay vào việc làm khô đầm lầy.

- Thế trong khu điền trang của ông ta thì ông ta làm ăn thế nào?

- Ông ấy đưa ra toàn cái mới. Nông dân không ưa, nhưng chẳng cần gì phải nghe họ. Alêcxandr Vladimiarôvits làm rất hay.

- Thế là thế nào, bác Luka Pêtôrovits? Tôi cứ tưởng bác vẫn ưa thích thời xưa kia đấy.

- Tôi thì lại khác. Tôi không phải là quý tộc, cũng không phải là địa chủ. Sản nghiệp của tôi như thế nào?... Và tôi cũng không biết làm cách nào khác. Tôi cố gắng hành động theo lẽ công bằng và theo luật pháp, và cũng cảm tạ Chúa đã cho tôi được như thế. Các ông chủ trẻ không ưa trật tự trước kia: tôi cho rằng đó là điều đáng khen... Đã đến lúc phải biết nghỉ. Duy có một điều đáng buồn là các ông chủ trẻ khôn ngoan quá. Họ sử dụng người nông dân như con rối: xoay chiều này, lật chiều kia, làm gậy rồi quẳng đi. Cả tên quản gia là một gã nông nô, hay tên quản lý (thường là một người Đức) cũng lại vồ lấy người nông dân như con thú vồ mồi. Mà không có lấy một ông chủ trẻ nào nêu gương cho thấy cần phải quản lý công việc như thế nào. Rút cục rồi ra sao? Chẳng lẽ cho đến ngày nhắm mắt tôi cũng không được thấy trật tự mới ư? Thế là thế nào nhỉ? Cái cũ đã chết, còn cái mới chưa ra đời!

Tôi không biết trả lời Ôpxianikôp ra sao. Ông ta nhìn quanh; nhích lại gần tôi và hạ giọng nói tiếp:

- Ông có nghe nói về Vaxili Nikôlaits Liubôzvonôp không?

- Không, tôi chưa hề nghe nói đến người ấy.

- Ông hãy làm ơn giải thích cho tôi rõ những chuyện kỳ lạ như thế là thế nào? Tôi không còn hiểu ra sao nữa. Tôi đã được nghe nông dân của ông ấy kể chuyện, nhưng tôi vẫn không thể hiểu rõ gì hơn qua những câu chuyện của họ. Ông biết chứ, ông ta còn trẻ, mới được hưởng gia tài sau khi mẹ chết cách đây ít lâu. Thế rồi ông ta về đất thế tập của mình. Nông dân đổ đến xem ông chủ. Vaxili Nikôlaits ra gặp họ. Nông dân thấy lạ quá: ông chủ mặc quần vải bông như gã xà ích, đi ủng có viền; chiếc sơ-mi đỏ và áo kafotan cũng là áo xà ích; râu để mọc lờm xờm, đầu đội chiếc mũ nhỏ xíu đến kỳ quặc và khuôn mặt cũng kỳ quặc không kém: say không rõ say, tỉnh không ra tỉnh. Ông ta nói: "Chào anh em! Chúa phù hộ anh em". Nông dân rạp xuống chào ông, nhưng không ai nói gì: họ e sợ, ông biết đấy. Chính ông ta dường như cũng rụt rè. Ông ta nói với họ: "Tôi là người Nga, các anh cũng là người Nga. Tôi yêu mến tất cả những gì là Nga...tâm hồn tôi là một tâm hồn Nga, dòng máu cũng là máu Nga..." Thế rồi đột nhiên ông ta ra lệnh: "Nào, anh em, hát lên một bài dân ca Nga!" Cánh nông dân bủn rủn cả người sững sờ bàng hoàng. Một gã mạnh bạo đã toan cất tiếng hát, nhưng lại ngồi thụp xuống, nấp sau lưng những người khác. Điều đáng ngạc nhiên chính là ở chỗ này, đôi khi ở nước ta có những địa chủ như thế, ngang tàng, ăn chơi bạt tử, đúng thế. Họ mặc theo lối xà ích, họ khiêu vũ chơi ghi-ta, hát và uống rượu với gia nhân, chèn chèn với nông dân. Thế nhưng ông Vaxili Nikôlaits này thì không khác gì một thiếu nữ: lúc nào cũng đọc đọc viết viết, không thì lại hát những bài tụng ca, nhưng chẳng chuyện trò với ai, lẩn tránh mọi người, thờ thần dao chơi một mình trong vườn, như có điều gì chán ngán hay buồn rầu. Người quản gia cũ lúc đầu hoảng quá: trước khi Vaxili Nikôlaits đến, y chạy khắp các nhà nông dân, thăm hỏi tất cả mọi người. Rõ ràng là con mèo biết nó đã chén miếng thịt của ai? Nông dân thì hy vọng, thầm nghĩ: "Đừng giở trò vô ích, chú em ạ! Phen này rồi chú mày sẽ bị lôi cổ ra, chú bồ câu nhỏ ạ? Rồi chú mày sẽ tha hồ nhảy cõn lên, ai bảo ăn không của người khác cho lắm vào..." Nhưng sự thể đâm ra lại khác, biết trình bày với ông làm sao đây? Đến trời cũng chẳng hiểu được! Vaxili Nikôlaits gọi ý đến và vừa nói với y vừa đỏ mặt lên và thở hổn hển: "Anh hãy đối xử công bằng với mọi người trong địa hạt của tôi, đừng chèn ép ai cả, nghe chưa?". Rồi từ đó đến nay, ông ta không đòi hấn tới lần nào. Ông ta sống trên đất của mình như người khác lạ. Thế rồi tên quản gia đã hoàn hồn, còn nông dân thì không dám bén mảng đến gặp ông ta: họ sợ. Lại còn điều đáng ngạc nhiên này nữa: ông chủ

chào hỏi họ, niềm nở với họ, vậy mà họ vẫn sợ, dè dặt mà không dám kêu. Sao lại quái gở thế, thưa ông?... Hay tôi về già đâm ra dần dộn thì không hiểu.

Tôi trả lời Ôpxianikôp rằng có lẽ ông Liubôzvonop ốm.

- Ốm đau gì? Béo tròn béo trịch, và mặt thì tròn xoay, tuy còn là trẻ . . . Nhưng cũng chả biết đau được! (Và Ôpxianikôp thở dài đánh thượt một tiếng).

- Thôi, mặc các ông quý tộc - Tôi khơi mào - Bác có thể cho tôi biết những gì về giới *ôtnôđvoretz*, bác Luka Pêtorôvits.

- Không, về chuyện đó thì xin ông miễn cho tôi khỏi phải nói đến - ông ta vội vã thốt lên - thực ra thì... tôi cũng muốn kể ông nghe... nhưng thôi! (Ôpxianikôp khoát tay). Ta uống trà với nhau thì hơn... Dân mujich bao giờ cũng là dân mujich. Nhưng thực tình mà nói thì chúng tôi phải làm gì kia chứ?

Ông ta im lặng. Người nhà đưa trà lên. Tatiana Ilinitsna đứng lên và ngồi gần chúng tôi hơn. Suốt buổi tối, bà ta đã mấy lần đi ra rồi lại trở vào, đi lại êm như ru, không một tiếng động. Bầu không khí im lặng bao trùm trong phòng. Ôpxianikôp nghiêm trang và thông thả uống hết chén trà này đến chén khác.

- Hôm nay Mitia đến thăm chúng ta - Tatiana Ilinitsna nói thấp giọng.

Ôpxianikôp chau mày.

- Nó cần gì?

- Nó đến xin tha thứ.

Ôpxianikôp lắc đầu.

- Đấy ông xem - Ôpxianikôp lại tiếp tục nói với tôi - ông bảo nên đối xử thế nào với những người họ hàng? Không thể khước từ họ được...Tôi cũng được Chúa ban cho một thằng cháu trai. Nó là thằng có đầu óc, linh lợi, cái đó thì không ai chối cãi được: nó học giỏi, nhưng tôi không trông mong nó sẽ làm được điều gì hay ho cả. Nó đã từng ra làm việc nhà nước, nhưng rồi lại bỏ việc: nó không có đường tiến thân...Nó có phải là quý tộc đâu? Mà ngay cả những người quý tộc cũng không phải một lúc đã được thăng quan ngay. Thế là bây giờ nó ăn không ngồi rồi ...Nhưng nếu chỉ có thế thôi thì chưa đến nỗi nào, đằng này nó lại đi làm thầy dùi kia chứ? Nó làm đơn kiện cho nông dân, viết đơn trình báo, dạy khôn các ông *xôtxki* ([31]), tố giác những người đặc điền, lê la ở các quán rượu, giao du với những người về phép vô thời hạn ([32]), với các tiểu thương thành thị và những người quét sân ở các nhà trọ. Như vậy thì tai họa nào có xa xôi gì? Các ông cảnh sát trưởng của trấn và quận đã nhiều lần đe nạt nó. Phúc cho nó là nó có tài bông phèng: nó làm cho họ phải buồn cười, nhưng rồi sau đó lại chơi xỏ họ...Này, nó đang ở trong buồng của mình phải không? - ông ta nói thêm, hỏi vợ - tôi biết mà mình là chúa hay thương người, bao giờ cũng bênh che cho nó.

Tatiana Ilinitsna cúi đầu xuống, mỉm cười và đỏ mặt lên.

- Tôi nói có sai đâu - Ôpxianikôp nói tiếp. Chà, mình thật là hòng quá? Nào, bảo nó vào đây, thì cũng đành vậy thôi. Vì ông khách quý, tôi sẽ tha thứ cho thằng ngu dại... Nào, bảo nó vào đây bảo nó đi. . .

Tatiana Ilinitsna tới gần cửa và gọi to: "Mitia!"

Mitia, một gã trai trạc hai mươi tám tuổi người cao, cân đối, tóc xoắn vào phòng, và thấy tôi gã dừng lại ở ngưỡng cửa. Y phục gã mặc là y phục kiểu Đức, nhưng chỉ riêng những nếp bông quá to ở vai cũng đủ chứng tỏ rõ ràng người thợ may bộ quần áo ấy thậm chí không phải là người thợ Nga thời nay, mà là người thợ Nga cổ xưa.

- Nào, lại gần đây, lại gần đây - ông già lên tiếng - Ngượng ngùng gì nào? Cảm ơn thím đi: mày được tha thứ rồi đấy... Đây, thưa ông, tôi xin giới thiệu - ông ta vừa nói tiếp vừa chỉ Mitia - cháu ruột tôi đấy, vậy mà tôi không thể nào dạy được nó. Tệ hại hết chỗ nói! (Tôi và gã trai cúi chào nhau).

- Nào, nói đi, mày lại làm cái trò bậy bạ gì thế? Mà làm gì để cho người ta phải kêu ca về mày, kể đi.

Có lẽ Mitia không muốn trình bày và biện bạch trước mặt tôi.

- Để rồi cháu sẽ nói, chú ạ - Gã nói lí nhí.

- Không để sau gì hết, nói ngay đi - ông già nói tiếp - Tao biết, mày ngượng với ông đây chứ gì, như vậy càng hay, mày hối lỗi đi. Nào, nói đi tôi nhờ... Chúng tôi nghe đây.

- Cháu chẳng có gì mà phải xấu hổ. - Mitia bắt đầu nói với vẻ sôi nổi và lắc đầu một cái - Chú hãy thử xét xem. Các *ôtnôđvoret*s ở Rêsetilôp đến tìm cháu và bảo: "Cậu can thiệp hộ chúng tôi với, người anh em" - "Có chuyện gì thế" - "Thế này này: các cửa hàng bánh mì của chúng tôi đều gọn gàng sạch sẽ nghĩa là không thể tốt hơn được. Thế rồi một viên chức đột nhiên đến và bảo: ông ta được lệnh đi xem xét các cửa hàng. Xem xong ông ta nói: "Cửa hàng của các ông lộn xộn lắm, có nhiều thiếu sót quan trọng, cần phải trình lên cấp trên" - "Nhưng có điều gì sơ suất kia ạ?" - "Cái đó thì tôi biết thôi ông ta nói"... Chúng tôi họp bàn và quyết định: cho gã viên chức nọ một món thật hậu vào, nhưng ông già Prôkhôruts can ngăn chúng tôi, ông bảo như thế thì chỉ làm cho họ ăn quên bén mùi. Thực ra thì có gì đâu? Có thể là chúng ta chẳng bị phạt gì hết... Thế là chúng tôi nghe theo ông già, còn gã viên chức kia cáu và khiêu nại, viết tờ trình lên trên. Bây giờ người ta tra xét trách nhiệm của chúng tôi" - "Có thật là cửa hàng các ông hoàn toàn tốt không?" - cháu hỏi. "Chúa thấy đấy, hoàn toàn tốt và có một lượng bánh hợp pháp..." - "Thế thì các ông chẳng việc gì phải sợ" - cháu nói. Và cháu làm đơn cho họ... Hiện giờ vẫn chưa biết là ai sẽ được... Còn nếu do chuyện này mà họ kêu ca với chú về cháu thì dễ hiểu thôi: chiếc áo somi mình đang mặc là gần thân mình hơn cả, đối với ai cũng thế.

- Đối với ai cũng thế, nhưng có lẽ không phải là đối với cháu - ông già nói thấp giọng... - Thế còn mày mưu mô những gì cùng với nông dân Sutôlômôpxki vậy?

- Làm sao chú biết được?

- Vậy mà ta biết đấy.

- Lần này cháu cũng lại đúng, một lần nữa xin chú xét cho. Một người ở cạnh làng Sutôlômôpxki tên là Bexpândin bắt đầu cày bốn dêxiatin đất. Bảo đấy là đất của y. Nông dân Sutôlômôpxki làm theo chế độ tô, địa chủ của họ ra nước ngoài, vậy thì ai là người bênh vực họ, chú thử xét xem? Mà ruộng ấy là của họ, không thể nào chối cãi được, ruộng của nông nô, từ bao đời nay rồi. Họ đến tìm cháu, bảo: "Cậu viết hộ lá đơn". Thế là cháu viết cho họ. Bexpândin biết chuyện và hăm dọa. "Ta sẽ vụn bột hết xương bả vai của nó ra, mà có khi còn lấy cả đầu nó nữa ấy chứ..." . Để rồi xem y sẽ lấy đầu cháu như thế nào, hiện giờ thì nó vẫn còn nguyên vẹn.

- Thôi đi, đừng có huênh hoang: rồi cái đầu mày sẽ không tránh khỏi tai vạ đâu - ông già thốt lên - Mày là thằng điên rồi!

- Nhưng thưa chú, chẳng phải là chú đã từng nói với cháu rằng...

- Ta biết, ta biết cháu sẽ nói với ta - Ôpxianikôp ngắt lời anh ta, đúng thế, con người ta phải sống theo lẽ công bằng và có bốn phận giúp đỡ những người ở gần ta. Có khi cũng không nên tiếc thân mình... Nhưng có phải cháu vẫn luôn luôn hành động như thế không? Cháu có để cho người ta kéo cháu vào quán rượu không? Cháu có làm cho người ta phải thết đãi cháu, cúi chào cháu, năn nỉ cháu không? "Đmitôri Alêcxêiêvits, anh giúp chúng tôi với, chúng tôi sẽ xin hậu tạ? - Rồi họ giúi và tay anh tờ một rúp hay tờ giấy xanh, có không nào? Không à? Nói đi, có không nào?"

- Chuyện đó thì đúng là cháu có lỗi - Mitia cúi mặt, đáp - Nhưng cháu không lấy của người nghèo và không làm trái với lương tâm. - Bây giờ thì anh không lấy, nhưng túng bí thì anh sẽ lấy. Không làm trái lương tâm... ôi chao? Mà chắc anh bênh vực toàn những vị thánh cả đấy! Thế anh quên Borka Pêrêkhôđôp rồi chắc?...Ai lo liệu cho anh ta? Ai bênh vực anh ta?

- Pêrêkhôđôp mắc nạn là lỗi tự anh ta...

- Tiêu tiền của nhà nước... Chuyện đùa đấy hử?

- Nhưng thưa chú, chú thử nghĩ xem: nghèo túng, gia đình...

- Nghèo túng, nghèo túng... Rượu chè, cờ bạc thì có.

- Vì đau xót nên anh ta mới đâm ra uống rượu Mitia hạ giọng nói.

- Vì đau xót! Nếu anh hăng tâm như thế thì nên giúp đỡ anh ta, chứ không nên cùng ngồi với người say trong các quán rượu. Về cái tài khéo nói thì chưa ai bằng anh!

- Anh ấy là người rất tốt. . .

- Người nào quen anh cũng là người tốt cả... Mà này, - Ôpxianikôp nói với vợ - Họ đã gửi cho anh ta ...ờ, cái đó thì mình biết rồi đấy...

Tatiana Ilinitsna gật đầu.

- Những ngày gần đây anh biến đi đâu? - ông già lại lên tiếng.

- Cháu ở thành phố.

- Chắc là anh lại chơi bi da và uống trà, đánh ghi ta, lui tới các nhà chứa, thảo đơn từ trong các buồng kín, trưng diện với bọn con trai nhà buôn chứ gì? Đúng không nào? Nói đi?...

- Có lẽ đúng đấy ạ - Mitia mỉm cười, nói - à phải rồi! Suýt nữa thì cháu quên: Funtikôp Antôn Pariênuts mời chú chủ nhật này đến ăn với ông ta.

- Ta không đến ăn với gã bụng phệ ấy. Ông ta sẽ làm một con cá đáng giá một trăm rúp mà lại dùng bơ hỏng để rán. Mặc ông ta!

- À, cháu vừa gặp Fêđôxya Mikhailôpna.

- Fêđôxya nào?

- Fêđôxya của ông địa chủ Garpentsenkô, cái ông đã mua Mikulinô trong cuộc bán đấu giá ấy mà. Fêđôxya là người ở Mikulinô. Chị ta sống ở Matxcova, làm nghề thuê thừa và nộp tiền niên

phú rất chu tất, một trăm tám mươi hai rúp rưỡi mỗi năm. Chị ta thông thạo công việc của mình: Ở Matxcova chị ta nhận được những món hàng tốt. Còn bây giờ, Garpentsenkô gọi chị ta về, và giữ chị ta ở làng mà chẳng trao cho chị nhiệm vụ nào cả. Chị ta muốn tự chuộc mình ra, và đã nói với chủ nhưng ông ta vẫn không quyết định gì cả. Chú quen Garpentsenkô, chú có thể nói với ông ấy một chút được không?...Fêđôxya sẽ trả tiền chuộc hậu hĩ đấy.

- Dừng tiền của anh để trả chứ? Phải thế không? Thôi, thôi được, ta sẽ nói với ông ấy, ta sẽ nói. Nhưng không biết có ăn thua gì không - ông già nói tiếp, vẻ mặt bức bối - Cầu Chúa tha lỗi. Garpentsenkô là kẻ biến lận: hắn mua hối phiếu, cho vay nặng lãi, điền trang của hắn là do hắn mua đấu giá đấy... Mà chẳng biết ai lôi kéo hắn tới vùng ta? Ôi chao, tôi chán cái dân thập phương đến lập nghiệp ở đây lắm rồi? Làm cho hắn hiểu ra lẽ phải cũng không dễ đâu, nhưng cứ thử xem.

- Chú lo liệu hộ, chú nhé.

- Được, ta sẽ lo liệu. Nhưng cháu phải cẩn thận, coi chừng đấy? Thôi, thôi, đừng có biện bạch...Cầu Chúa che chở cho anh, Chúa phù hộ anh! Nhưng từ nay trở đi phải cẩn thận, không thì tai họa đấy chứ không bốn đâu, Mitia ạ, ta nói thực đấy, khéo không mà mất mạng. Không phải lúc nào ta cũng gánh đỡ được cho cháu... bản thân ta cũng chẳng có quyền thế gì. Thôi, bây giờ thì đi đi.

Mitia ra. Tatiana Ilinitsna ra theo.

- Pha trà ngon cho nó uống thoải thích đi, mình ạ - Ôpxianikôp nói với theo... - Nó không phải đứa ngốc nghếch đâu - ông ta nói tiếp - lại có lòng tốt nữa, nhưng tôi sợ cho nó... Chết thật, ông thứ lỗi tôi làm ông mất nhiều thời giờ quá về những chuyện vớ vẩn.

Cửa phòng ngoài chọt mở ra. Một người thấp bé, tóc bạc, mặc chiếc áo dài xẻ vạt bằng nhung bước vào.

- A, Frantx Ivanuts! - Ôpxianikôp kêu lên. Chào ông! Chúa vẫn gia ơn cho ông chứ?

Bạn đọc thân mến, cho phép tôi giới thiệu với bạn ông này nữa.

Frantx Ivanuts Logiôn (Lejeune), người láng giềng của tôi và là một địa chủ vùng Orion, đã đạt được danh hiệu quý tộc Nga bằng con đường không bình thường lắm. Ông ta sinh ở Orlêăng, bố mẹ là người Pháp. Cùng với Napôlêông, ông ta sang xâm chiếm nước Nga, giữ chân lính đánh trống. Thoạt tiên, mọi việc đều trơn tru như được bôi dầu mỡ, và ông bạn người Pháp của chúng ta vào Matxcova đầu cát cao kiêu hãnh. Nhưng trên đường trở về Mr. Lejeune đáng thương sa vào tay nông dân Xmôlenxk, lúc ấy ông ta gần chết còng và không có trống. Những người dân Xmôlenxk nhốt ông ta một đêm trong căn nhà ép dạ bỏ không, rồi sáng hôm sau họ dẫn ông ta tới cái hố băng gần con đập. Họ yêu cầu người lính đánh trống của "*la grand armée*"([33]) chiều theo ý họ, nghĩa là ngụp dưới băng.

Mr. Lejeune không thể thuận theo đề nghị của họ và ông cũng bắt đầu nói bằng một thứ thổ ngữ Pháp, thuyết phục các nông dân Xmôlenxk để cho ông về Orlêăng. Ông ta nói: "*Messieurs, ở đây tôi có une tendre mère*"([34]). Nhưng những người mujich có lẽ không biết vị trí địa lý của thành phố Orlêăng nên vẫn tiếp tục đề nghị ông đi du lịch ngâm dưới đáy dòng sông Gnilôterki ngoằn ngoèo và đã bắt đầu khuyến khích ông bằng những cái đẩy nhẹ vào cột sống cổ và sống lưng thì bỗng nhiên, Logiôn sung sướng vô cùng vì có tiếng nhạc ngựa giòn giã. Một chiếc xe trượt lớn chạy ra đê, đệm tựa lưng cao ngất phủ tấm thảm sắc sảo, thẳng ba con ngựa Viatka([35]) lông như lông chó sói. Một địa chủ to béo má đỏ hồng, mặc chiếc áo khoác ngắn bằng da lông chó sói ngồi trong xe.

- Các người làm gì thế - ông ta hỏi những người nông dân.

- Thưa ông, chúng tôi dìm một thằng Pháp.

- A? - Người địa chủ thốt lên một cách hồ hững và quay đi.

- Monsieur! Monsieur! - Anh chàng khốn khổ kêu lên.

- À, à! - Chiếc áo lông chó sói thốt lên với vẻ trách móc - Hắn cùng với bè lũ mười hai dân tộc dị giáo tràn vào nước Nga, đốt cháy Matxcova, tên đáng nguyên rủa, hắn đã kéo đổ cây thập tự trên nóc nhà thờ Ivan Vêliki, vậy mà bây giờ lại kêu cầu: *muxiê, muxiê*, bây giờ thì cụp đuôi lại! ăn cắp thì phải đền tội... Đánh xe đi, Finka-a!

Những con ngựa rời chỗ.

- À, nhưng hãy dừng lại đã! - ông địa chủ nói thêm... - Này, *muxiê*, có biết nhạc không?

- *Sauver moi, sauver moi, mon bon monsieur?* ([36]) Logion nhắc lại.

- Một dân tộc hèn kém! Thậm chí không một tên nào trong bọn chúng biết lấy một tiếng Nga! *Muyzic, muyzic, xavê muyzic vu? xavê?* Nào, nói đi? *Comprônê? Xavê muyzic vu? Fortôpiano juê xavê?*

Rút cuộc Logion đã hiểu ông địa chủ muốn gì và gật đầu.

- Oui, monsieur, oui, je suis musicien; je joue tous les instruments possibles! Oui, monsieur...Sauvez moi, monsieur([37]).

- Thế thì Chúa của anh thật có phúc - ông địa chủ đáp... - Các người hãy thả y ra, đây ta cho các người hai mươi côpêch uống rượu.

- Đa tạ ông chủ, xin đa tạ. Ông cứ đem hắn đi ạ.

Logion được đưa lên xe. Anh ta vui sướng đến nghẹn thở, khóc, run rẩy, cúi chào, tạ ơn ông địa chủ, cảm ơn người đánh xe và đám nông dân. Trên người anh ta chỉ có độc một chiếc áo chèn màu lục với những dải băng hồng, mà trời rét ghê gớm. Ông địa chủ lẳng lặng nhìn những bàn tay, bàn chân thâm tím, cồng đờ của anh ta, bọc anh ta vào chiếc áo lông của mình và đưa anh ta về nhà. Đây đó trong nhà đồ đạc. Anh chàng người Pháp được cấp tốc sưởi ấm, cho ăn và cho mặc. Ông địa chủ đưa anh ta đến giới thiệu với các cô con của mình - Các con - ông ta nói với các con - Đây, ba tìm được thầy cho các con rồi. Các con vẫn luôn luôn nài ba cho chúng con học nhạc và thổ ngữ Pháp thì đây là một người Pháp, anh ta biết chơi *fortôpianô* nữa... Nào, *Muxiê* - ông ta vừa nói tiếp vừa chỉ chiếc *fortôpianô* cà khổ mua được từ năm năm trước của một người Do Thái chuyên buôn ô đờ-côlônơ. - Cho chúng tôi xem tài nghệ của anh đi: *Juê?*

Tim như ngừng đập, Logion ngồi xuống ghế: cả đời anh ta chưa sờ đến những chiếc *fortôpianô*.

- *Juê đi, juê đi* - ông địa chủ nhắc lại.

Anh chàng khốn khổ nên một cách tuyệt vọng vào các phím đàn như đánh trống, gập đầu đập đấy. Sau này, anh kể lại: "Tôi nghĩ rằng vị cứu tinh sẽ nắm lấy cổ áo tôi và lẳng tôi ra khỏi nhà".

Nhưng, thật là ngạc nhiên cho nhà ứng tác bất đắc dĩ, lát sau ông địa chủ vỗ vai khen. "Khá, khá.- ông ta thốt lên - Tôi thấy là anh biết chơi đấy. Bây giờ thì đi nghỉ đi".

Hai tuần sau, Lơgion được ông địa chủ cho sang ở với người khác, giàu và có học thức, người này yêu mến anh vì tính anh vui vẻ và hiền lành. Rồi anh lấy một cô học trò của mình, ra làm việc nhà nước, được ban danh hiệu quý tộc. Sau này Lơgion gả con gái của mình cho một địa chủ Orion tên là Lôbuzanhiep, người này là lính long kỵ giải ngũ và hay làm thơ, và chính Lơgion cũng chuyển đến ở Orion.

Chính Lơgion ấy - hay Frantx Ivanuts, như hiện nay người ta vẫn gọi ông ta - đã vào phòng Ôpxianikôp lúc tôi ở đấy. Hai người chơi thân với nhau.

Nhưng, có lẽ bạn đọc đã chán ngồi với tôi ở nhà Ôpxianikôp bởi vậy tôi xin ngừng lời.

LIGÔP

- Thưa ông, chúng ta đến Ligôp đi - Có lần Ermôlai mà bạn đọc đã biết, nói với tôi như vậy - đấy ông sẽ tha hồ bắn vịt trời.

Tuy rằng đối với người đi săn thực thụ, vịt trời không có gì đặc biệt hấp dẫn, nhưng vì hiện thời không có thú vật gì khác để săn (bấy giờ là đầu tháng chín: để gà vẫn chưa bay về, mà chạy trên các cánh đồng để săn đa đa thì tôi chán rồi), nên tôi nghe lời người thợ săn của tôi và đi Ligôp.

Ligôp là một làng lớn vùng thảo nguyên, có ngôi nhà thờ đá một mái rất cổ và hai nhà xây bột trên sông Rôxôta bùn lầy. Con sông nhỏ này cách Ligôp năm dặm, đang biến dần thành cái ao rộng, trên bờ và rải rác ở giữa ao mọc lên những bụi cây rậm rạp mà người Orion gọi là Maie. Trên cái ao đó, trong những vụng hay những chỗ khuất giữa các đám sậy có vô số vịt trời đủ các loại trú ngụ: giống vịt họ hàng với vịt nhà, vịt đuôi xoè mòng kết, le le v.v... Từng đàn nhỏ chốc chốc lại bay lên và lượn đi lượn lại trên mặt nước. Một phát súng nổ làm chúng bay lên như những đám mây đen đặc, đến nỗi người đi săn bất giác đưa tay lên chộp lấy mũ và dài giọng thốt lên: chà-à! Tôi và Ermôlai toan đi dọc bờ ao, nhưng thứ nhất là vịt ở ngay bờ thì bao giờ cũng thận trọng và không đậu yên một chỗ, hai nữa là cho dù một con mòng kết lạc lõng và đại đột nào đó mất mạng vì trúng đạn của chúng tôi đi nữa thì chó của chúng tôi không thể sục vào các đám sậy dày đặc để đem con mồi về: dù là với tinh thần hy sinh cao quý nhất, chúng cũng không thể bơi hay đi trên đáy ao bùn lầy, mà chỉ cựa rách những cái mồm quý giá của chúng vì cọ vào cạnh sắc của những cây gậy.

- Không? - Cuối cùng, Ermôlai thốt lên - không ổn rồi: phải lấy thuyền thôi... Ta trở lại Ligôp đi.

Chúng tôi đi. Nhưng chúng tôi vừa đi được mấy bước thì từ sau đám liễu trúc um tùm, một con chó săn khá thảm hại nhô ra, chạy về phía chúng tôi. Tiếp đó, một người tầm vóc vừa phải xuất hiện mặc chiếc áo dài xẻ vạt màu xanh lơ đã tàng lăm rồi, chiếc áo gi lê màu vàng nhạt, cái quần màu vải gai xám hay xanh da trời, ống quần nhét vào ủng một cách cầu thả, cổ quần chiếc khăn màu đỏ, vai đeo khẩu súng một nòng. Những con chó của chúng tôi, với cái lối kiêu cách mà chỉ loài chó mới có, bắt đầu ngửi hít con chó lạ để nhận biết, còn con chó kia có lẽ là nhát sợ, cụp đuôi, cụp tai và xoay tít toàn thân mà không nhún chân, nhe răng ra. Trong lúc đó, người lạ mặt đến gần chúng tôi và chào hỏi hết sức lễ phép. Người này nom khoảng chừng hai mươi lăm tuổi. Mái tóc dài màu hung nhạt thấm nhiễm nước kvax, dựng lên từng khóm cứng đờ, cặp mắt nhỏ màu hạt dẻ hấp háy, nom có vẻ niềm nở, mặt anh ta bằng chiếc khăn tay đen như bị đau răng, toàn bộ gương mặt anh ta ánh lên nụ cười dịu ngọt.

- Xin cho phép tôi được tự giới thiệu - Anh ta nói bằng giọng êm dịu uyển chuyển - Tôi là Vladimia, người đi săn ở đây... Nghe nói ông tới và được biết ông có nhã ý đến săn bên bờ ao chúng tôi, tôi đánh bạo đến hầu ông, nếu như điều đó không làm ông khó chịu.

Anh thợ săn Vladimia nói năng hệt như một diễn viên trẻ ở tỉnh nhỏ vẫn hay đóng vai những chàng trai mới yêu lần đầu. Tôi chấp nhận đề nghị của anh, và chưa tới Ligôp, tôi đã biết lai lịch của anh. Anh là một gia nhân được giải phóng; thời niên thiếu anh có học nhạc, sau anh làm hầu phòng cho ông chủ, anh biết chữ, còn bây giờ, cũng như nhiều người khác ở Nga, anh sống

không có một đồng xu dính túi, không có công việc thường xuyên, ăn thức ăn trời cho ([38]). Anh ta nói năng văn hoa lạ thường, và rõ ràng là thích phô trương kiểu cách.

Chắc anh ta cũng là tay chim gái thành thàn, và hẳn là cũng có số đào hoa: các cô gái Nga vốn thích tài ăn nói. Ngoài ra, anh ta còn hé lộ cho tôi biết rằng thỉnh thoảng anh vẫn đến thăm người quen, anh ta vẫn chơi bạc và có quen biết một số người ở thủ đô. Anh ta cười rất nghệ thuật và rất nhiều kiểu. Khi nghe người khác nói, đôi môi anh nở một nụ cười nhũn nhặn, dè dặt, nụ cười đó đặc biệt hợp với anh. Anh ta nghe ta nói, hoàn toàn đồng ý với ta, nhưng vẫn không mất ý thức về phẩm giá của mình, và dường như anh ta muốn tỏ cho biết rằng khi cần, anh ta có thể bày tỏ ý kiến của mình. Ermôlai, vốn không có học vấn lắm và hoàn toàn không "tinh tế" bắt đầu "câu tở" với anh ta. Cần phải thấy Vladimira nở một nụ cười giấu cợt như thế nào khi anh ta vẫn gọi Ermôlai là "anh".

- Anh buộc khấn để làm gì? - Tôi hỏi - Đau răng à?

- Không ạ - Anh ta đáp - Đây là hậu quả hết sức tai hại của sự khinh xuất. Tôi có một người bạn, anh ta là người tốt, nhưng hoàn toàn không biết đi săn, chuyện đó không có gì lạ. Thế rồi một hôm anh ta bảo tôi: "Bạn thân mến, cho mình đi săn với. Mình muốn biết cái trò tiêu khiển ấy nó như thế nào. Cố nhiên tôi không muốn từ chối bạn. Tôi kiếm cho anh ta một khẩu súng và đưa anh ta đi săn. Chúng tôi săn đã thỏa thích, cuối cùng, chúng tôi định nghỉ một chút. Tôi ngồi dưới một cái cây. Anh ta không ngồi nghỉ mà giương súng lên vai, đùa nhắm vào tôi. Tôi bảo anh ta thôi đi, nhưng vì thiếu kinh nghiệm, anh ta không nghe lời tôi Súng nổ, tôi mất cảm và ngón tay trở của bàn tay phải.

Chúng tôi đến Ligôp. Cả Valadimira lẫn Ermôla đều cả quyết rằng không có thuyền thì không thể đi săn được.

- Xusôc có một chiếc thuyền phẳng ([39]) - Vladimi nói - Nhưng lão giấu thuyền ở đâu, tôi không biết. Nên đến hỏi lão.

- Ai kia?

- Ở đây có một người biệt hiệu là Xusôc.

Vladimira cùng với Ermôlai đến tìm Xusôc. Tôi bảo họ rằng tôi sẽ chờ họ ở gần nhà thờ. Khi xem xét những ngôi mộ ở nghĩa trang, bất chợt tôi thấy một cái tiểu hình hộp đã sạm đen có chữ đề: một mặt đề chữ: Théophile Henri, Vicomte de Blangy, một mặt nữa đề: "Thi hài của tử tước dờ Blănggi, người Pháp, an táng dưới phiến đá này, ngài sinh năm 1737, mất năm 1799, hưởng thọ 62 tuổi". Ở mặt thứ ba: "Cầu cho hài cốt được yên ổn" còn ở mặt thứ tư:

Nơi đây dưới tảng đá này

Một kiều dân Pháp thánng ngày gửi xương

Vốn người dòng dõi cao sang

Vẹn bề tài trí mà mang hận sầu

Giã nhà khóc vợ từ lâu

Lìa xa tổ quốc vui đau gót thù.

Đất Nga thuyền nạn cặp bờ

Gặp lòng mến khách, tuổi già nương thân

Gia sư dạy trẻ chuyên cần

Con ngoan ắt hẳn an tâm mẹ thày

Chúa trời đã chọn nơi đây

Cho người gửi nể thi hài muôn thu

Ermôlai, Vladimia và người có biệt hiệu lạ lùng là Xusôc đến, làm đứt dòng suy nghĩ của tôi.

Xusôc đi chân đất, rách rưới, đầu tóc bù xù nom có vẻ là một gia nhân đã bị chủ thải hồi, tuổi trạc sáu mươi.

- Ông có thuyền không? - Tôi hỏi.

- Thưa có - ông ta trả lời bằng giọng khà khàn yếu ớt. - Nhưng thuyền tồi lắm.

- Nó làm sao?

- Ọp ẹp lắm ạ. Các chốt bịt lỗ long hết cả.

- Tai hại quá nhỉ. - Ermôlai nói với giọng giễu cợt - Dùng xô gai nút lại được thôi.

- Tất nhiên là được. - Xusôc xác nhận.

- Thế ông làm nghề gì?

- Tôi là người đánh cá của chủ.

- Người đánh cá gì mà lại để thuyền hư hại như thế?

- Nhưng sông của chúng tôi cũng chẳng có cá kia mà.

- Cá không ưa mùi tanh tươi của đầm lầy. Người thợ săn của tôi nói với vẻ nghiêm trang.

- Này - Tôi bảo Ermôlai - Anh đi kiểm xem xô gai và sửa lại thuyền đi, nhanh nhanh lên nhé.

Ermôlai đi.

- Đi thuyền như thế thì có lẽ chúng ta sẽ được xuống thăm đáy ao đấy nhỉ? Tôi nói với Vladimia.

- Chúa phù hộ chúng ta - Anh ta đáp - Nhưng ao chắc không sâu.

- Vâng, nông thôi - Xusôc đáp, ông ta nói bằng giọng là lạ như ngái ngủ, - đáy ao nhiều bùn và có cỏ, cỏ mọc khắp mọi chỗ. Ấy thế nhưng cũng có những vũng sâu lắm đấy.

- Cỏ mọc nhiều như thế thì cũng không thể bơi thuyền được - Vladimia nói.

- Dùng thuyền đáy phẳng thì ai lại chèo kia chứ? Phải dùng sào đấy. Tôi sẽ đi với các ông. Tôi có cây sào tốt, mà không thì dùng xẻng cũng được.

- Dùng xẻng thì không tiện. Có những chỗ ta sẽ không thọc xuống đến đáy được.
- Thì đúng là không tiện.

Tôi ngồi lên ngôi mộ chờ Ermôlai. Vladimira lùi ra xa một chút cho phải phép và cũng ngồi xuống.

Xusôc vẫn đứng tại chỗ, đầu cúi xuống và hai tay chấp ra sau lưng theo thói quen cũ.

- Ông cho biết ông giữ việc đánh cá ở đây đã lâu chưa - Tôi mở đầu câu chuyện.

- Hơn sáu năm rồi ạ - ông ta giật mình, đáp.

- Trước kia ông làm gì?

- Trước kia tôi làm xà ích.

- Thế ai đã không cho ông làm việc đó nữa?

- Bà chủ mới ạ.

- Bà chủ nào?

- Bà chủ đã mua chúng tôi ấy. Ông không biết bà ấy ư: Alêna Timôfepna, người rất to béo... đúng tuổi rồi.

- Vì có gì bà ấy lại nảy ra ý định bắt ông đi đánh cá?

- Có mà trời biết được. Bà ấy từ điền trang của bà ấy ở Tambôp đến đây, cho gọi tất cả đầy tớ lại và ra gặp chúng tôi. Thoạt tiên chúng tôi đến hôn tay bà, bà ấy cứ để mặc, không giận... Rồi bà ấy lần lượt hỏi: "Trước làm gì?" Tôi nói: "Thưa, làm xà ích ạ" - "Xà ích à? Xà ích gì mà, thử nom lại xem mà có ra dáng làm xà ích không? Mà không làm xà ích được, ta giao cho mà đánh cá và hãy cạo râu đi. Khi nào ta đến đây, mà phải kiểm cá đưa nhà bếp làm món ăn cho ta, nghe chưa? ..." Từ đấy, tôi giữ chân đánh cá. "Mà ao của ta thì phải trông coi tươi tốt đấy..." Nhưng làm thế nào mà giữ cái ao đó cho tươi tốt được?

- Trước ông là người của ai?

- Của ông Xergây Xerghêits Pêctêrep ạ. Ông ta được thừa hưởng gia tài. Nhưng ông ấy làm chủ chúng tôi không lâu, có sáu năm thôi. Chính ông ấy dùng tôi làm xà ích...nhưng tôi chỉ đánh xe cho ông ấy ở làng này thôi, ra thành phố ông ấy có những người đánh xe khác.

- Ông làm xà ích từ hồi trẻ tuổi à?

- Không ạ! Về với Xêrgây Xerghêits tôi mới thành xà ích, trước đây tôi làm bếp, nhưng cũng không phải là bếp ở thành phố, mà chỉ ở làng thôi.

- Ông làm bếp cho ai?

- Cho chủ cũ là Afanaxi Nêfêđuts, chú của Xergây Xerghêits. Afanaxi Nêfêđuts mua Ligôp. Còn Xergây Xerghêits được thừa kế gia sản của chú.

- Ông ta mua Ligôp của ai?

- Cửa Tatiana Vaxilepna.

- Tatiana Vaxilepna nào?

- Bà ấy mới mất năm kia ở Bônkhốp ...gần Karasốp, bà ấy vẫn còn con gái... Chưa lấy chồng bao giờ. Ông không biết ă? Ông cụ thân sinh ra bà ấy là Vaxili Xêmenuts trao lại chúng tôi cho bà ấy. Bà ấy làm chủ chúng tôi rất lâu...khoảng hai chục năm.

- Ông nấu bếp cho bà ấy chứ gì?

- Lúc đầu thì đúng là làm bếp, nhưng sau lạ thành *kôfisenk*.

- Cái gì?

- *Kôfisenk*.

- Đây là cái chân gì vậy.

- Thưa ông, tôi cũng không rõ lắm. Tôi hầu hạ bàn ăn và lấy tên là Antôn, chứ không phải là Kuzoma. Bà chủ truyền lệnh như vậy.

- Tên thật của ông là Kuzoma à?

- Vâng.

- Suốt thời gian đó, ông vẫn làm *kôfisenk* à?

- Dạ không, có lúc tôi làm *riễn viên*.

- Thật à?

- Thật đấy ạ... tôi đã lên *sơn khấu*. Bà chủ của chúng tôi thành lập *sơn khấu* trong nhà.

- Ông đã sắm những vai gì?

- Ông bảo sao kia ạ?

- Ông làm gì trên sân khấu?

- Thế ông không biết ă? Người ta mặc quần áo đẹp cho tôi. Tôi cứ mặc quần áo như thế, đi lại đứng hay ngồi, tùy từng lúc. Người ta bảo nói thế nào thì tôi nói thế. Có lần tôi giả làm người mù...Người ta bỏ vào dưới mỗi mi mắt của tôi một hạt đậu. Thế đấy!...

- Rồi sau ông làm gì?

- Sau lại làm chân nấu bếp.

- Vì sao ông bị đưa xuống làm bếp?

- Vì em tôi bỏ trốn ạ.

- Thế hồi ở với bố của bà chủ đầu tiên thì ông làm gì?

- Làm nhiều việc khác nhau: thoát tiên là thằng nhỏ; rồi làm *faleto* ([40]), sau đó làm người

điều khiển chó săn.

- Điều khiển chó săn à? Cưỡi ngựa, đem chó đi chứ?

- Vâng, cưỡi ngựa, đem chó đi, nhưng tôi bị thương: Tôi ngã ngựa, ngựa bị què. Ông chủ cũ của chúng tôi nghiêm lắm; ông ra lệnh đánh tôi một trận và đưa tôi đi học nghề đóng giày ở Matxcova.

- Học nghề là thế nào? Khi ông được lấy làm người điều khiển chó săn thì hẳn là ông cũng không còn trẻ con nữa rồi.

- Lúc ấy tôi đã ngoài hai mươi.

- Hai mươi tuổi rồi còn học gì nữa?

- Thì chủ bảo sao nên vậy chứ ạ. Nhưng ít lâu sau ông chủ qua đời, tôi lại được gọi về làng.

- Thế ông học được nghề nấu bếp hồi nào?

Xusôc ngược khuôn mặt gầy guộc, võ vàng lên và nhếch mép cười.

- Cái ấy mà cũng phải học ư?... Đàn bà họ vẫn làm đấy thôi!

- Như vậy là trong đời ông, ông đã từng trải nhiều đấy chứ, ông Kuzoman ạ! - Tôi thốt lên Nhưng bây giờ ông kiếm cá thế nào, ở vùng ta đây không có cá cơ mà?

- Nhưng thưa ông, tôi không có điều gì phải phàn nàn. Và cảm ơn Chúa đã cho tôi được giao công việc đánh cá. Có một người khác cũng già như tôi Andrây Pupur, bị đưa vào mức giấy ở xưởng làm giấy, theo lệnh của bà chủ. Bà ta vẫn thường nói rằng ăn miếng bánh của chủ mà không làm được gì là có tội... ấy thế mà trước đây Pupur vẫn hy vọng sẽ được ban ơn: lão có thằng cháu làm kĩ lục trong văn phòng bà chủ. Hắn hứa sẽ nói với bà chủ về lão, nhắc bà nhớ đến lão. Thì hắn đã nhắc như thế đấy! . . . Chính mắt tôi đã thấy Pupur sụp lạy dưới chân thằng cháu.

- Ông có gia đình không? Đã lấy vợ lần nào chưa?

- Thưa ông không, tôi chưa từng có vợ. Bà Tatiana Vaxiliepna đã quá cố - cầu cho bà được lên thiên đàng! - Không cho phép ai lấy vợ lấy chồng cả. Cầu Chúa đừng để xảy ra chuyện ấy? Bà ấy thường nói: ta vẫn sống độc thân đấy thôi, ta có lấy chồng bao giờ đâu, vậy mà cũng chẳng nguy hại gì? Vậy thì chúng nó cần gì?

- Hiện nay ông sống bằng cách nào? Có được cấp dưỡng không?

- Thưa ông, cấp dưỡng gì kia chứ ! . . . Chỉ được phát lương thực thôi, nhưng cũng cảm ơn Chúa đã ban ơn cho tôi như vậy? Tôi bằng lòng lắm. Cầu Chúa cho bà chủ của chúng tôi được sống lâu!

Ermôlai đã trở lại.

- Thuyền chữa xong rồi - anh ta nói một cách nghiêm khắc - lão đi lấy sào đi, mau! Xusôc chạy đi lấy sào. Suốt thời gian tôi nói chuyện với ông lão đáng thương, Vladimia thỉnh thoảng lại nhìn ông ta với nụ cười khinh miệt.

- Quân đàn độn - Anh ta thốt lên khi ông già đã đi - Một kẻ hoàn toàn vô học, dân *mujich*, có thể thôi. Không thể gọi lão là gia nhân được... Vậy mà vẫn khoe khoang... Lão thì làm diễn viên

cái quái gì kia chứ, ông thử xét xem? Ông bận tâm làm gì? Ông hạ cố nói chuyện với lão cho hoài lờ đi!

Mười lăm phút sau, chúng tôi đã ngồi trên chiếc thuyền đáy phẳng của Xusôc. (Chúng tôi để con chó ở nhà cho anh đánh xe lêguđiin trông).

Chúng tôi đi thuyền không được thoải mái lắm, nhưng những người đi săn vốn dễ tính. Xusô đứng ở phần cuối thuyền và làm chân sào. Tôi với Vladimira ngồi trên thanh gỗ ngang. Ermôla ngồi phía trước, ngay ở mũi thuyền. Dù thuyền đã xảm xơ gai, nước vẫn vào rất nhanh ở dưới chân chúng tôi. May là tiết trời êm ả, ao dường như thiêu thiêu ngủ.

Thuyền chúng tôi đi khá chậm. Mỗi lần đẩy ông già phải khó khăn lắm mới rút được cây sào dài của mình ra khỏi đáy bùn dính chặt, lần nào sào cũng bị cở dưới đáy ao quẩn chằng chịt khắp xung quanh như những sợi chỉ xanh. Những lá cây loa kèn tròn xoe phủ kín mặt ao cũng làm cho thuyền khó đi. Cuối cùng chúng tôi đến được đám sậy, và cuộc vui bắt đầu. Vịt bay lên ào ào, "bút khỏi ao", hoảng sợ vì sự xuất hiện của chúng tôi trong xứ sở của chúng. Tiếng súng vang lên đều đều, và thật là vui vẻ khi thấy những con chim ngắn đuôi ấy lộn nhào trên không, rơi ùm xuống nước. Cố nhiên chúng tôi không lượm hết được những con đã bị hạ, những con bị thương nhẹ thì lặn mất; có những con bị giết chết tươi, rơi xuống đám sậy rậm đến nỗi đôi mắt mèo rừng của Ermôlai cũng không thể phát hiện ra chúng. Tuy thế, đến bữa ăn trưa, thuyền chúng tôi vẫn đầy ắp những con vịt săn được.

Ermôlai rất hài lòng thấy Vladimira bắn chằng giỏi tí nào và mỗi lần bắn trượt, anh ta lại ngạc nhiên xem lại súng, thối nòng súng, tỏ vẻ băn khoăn và cuối cùng trình bày nguyên nhân tại sao mình bắn trượt. Vẫn như mọi khi, Ermôlai bắn rất ăn, còn tôi thì bắn khá tồi, như thường lệ. Xusô nhìn chúng tôi bằng cặp mắt của một người mà thuở thiếu thời đã quen hầu hạ chủ, thỉnh thoảng lại reo lên: "Kìa, một con vịt nữa kìa!", và chốc chốc lại gãi lưng, không phải gãi bằng tay, mà bằng đôi vai cựa quậy. Thời tiết rất đẹp: những đám mây trắng tròn trịa nhẹ nhàng lướt nhanh trên bầu trời cao vợi phía trên đầu chúng tôi, soi bóng rõ mồn một trong nước. Lau sậy xào xạc xung quanh. Đôi chỗ, mặt ao loé lên như thép dưới ánh mặt trời. Chúng tôi đã sửa soạn trở về làng thì bỗng nhiên xảy ra một việc khá khó chịu.

Chúng tôi đã nhận thấy từ lâu nước mỗi lúc một tràn vào nhiều trong thuyền. Vladimira được giao nhiệm vụ dùng gàu tát nước, chiếc gàu này do người bạn săn hay lo xa của tôi đã đánh cắp của một người đàn bà nhân lúc người đó sơ ý, để phòng khi bất trắc. Khi Vladimira chưa quên nhiệm vụ của anh ta thì mọi việc vẫn ổn. Nhưng, gần cuối cuộc săn, dường như để chia tay, vịt bỗng bay lên hàng đàn, đông đến nỗi chúng tôi nạp đạn không kịp. Vì ham bắn quá, chúng tôi không để ý đến tình trạng chiếc thuyền của chúng tôi, thế rồi bỗng nhiên, do một cử động mạnh của Ermôlai (anh ta cố gắng lấy một con vịt đã bị giết và đề toàn thân lên mé thuyền), con thuyền ọp ẹp của chúng tôi nghiêng hẳn đi, nước tràn vào, và thuyền trịnh trọng chìm xuống đáy ao. May là chỗ ấy không sâu. Chúng tôi kêu lên, nhưng muộn rồi: lát sau chúng tôi đã đứng trong nước ngập đến cổ, xung quanh xác vịt nổi lênh bênh. Bây giờ, mỗi lần nhớ lại những khuôn mặt sợ hãi tái nhợt của những người bạn của tôi, tôi không khỏi bật cười (có lẽ mặt tôi lúc ấy cũng không phải là hồng hào), nhưng thú thật là trong giây phút ấy, tôi không hề buồn cười chút nào. Mọi người chúng tôi đều giơ cao súng trên đầu, còn Xusôc, hẳn là do thói quen bắt chước chủ, lão giơ cao cây sào của mình lên đầu. Ermôlai là người đầu tiên phá tan sự im lặng.

- Khỉ tuyền! Anh ta nhổ bọt xuống nước, lầu bầu - Rõ đẹp! Tại lão cả đấy, con quỷ già ạ - Anh ta cúi kính nói thêm, nhằm vào Xusôc - Thuyền của lão là cái của nợ gì thế?

- Tôi có lỗi - ông già đáp ứng.

- Mà cậu cũng được việc lắm đấy - Người bạn săn của tôi nói tiếp, quay đầu về phía Vladimira.

Mất để đâu? Sao không tát nước? Cậu, chính cậu, cậu thật là...

Nhưng Vladimira không còn bụng dạ đâu mà đáp lại: anh ta run rẩy như tàu lá trước gió, răng đánh lập cập và mỉm cười ngây ngô. Tài ăn nói, ý thức về sự lịch thiệp và về phẩm giá của anh ta biến đâu mất!

Chiếc thuyền đáng nguyên rửa chòng chành dưới chân chúng tôi... Lúc thuyền đắm, chúng tôi cảm thấy nước lạnh lạ thường, nhưng rồi chẳng mấy chốc đã quen và không thấy lạnh lắm nữa. Khi cơn sợ đầu tiên đã qua đi, tôi nhìn quanh. Cách chúng tôi chừng mười bước, toàn sậy là sậy, sậy quây thành một vòng đai. Xa xa, qua những ngọn cây sậy có thể trông thấy bờ. "Nguy tai!" - Tôi nghĩ.

- Làm thế nào bây giờ? - Tôi hỏi Ermolai.

- Để xem đã, rõ ràng là không thể ngủ đêm ở đây được rồi. - Ermolai đáp - Này, cậu cầm cho tôi khẩu súng - Anh ta bảo Vladimira.

Vladimira nghe theo ngay không dám hé nửa lời.

- Tôi đi dò xem chỗ nào lợi được - Ermolai nó tiếp với vẻ quả quyết, như thể bất cứ ao nào cũng phải có chỗ lợi qua được. Anh ta lấy cây sào của Xusôc và đi về phía bờ, vừa đi vừa thận trọng thăm dò đáy ao.

- Anh có biết bơi không? - Tôi hỏi anh ta.

- Không ạ - Tiếng anh ta vang ra từ trong đá sậy - Thế thì anh ta chết đuối mất - Xusôc nói với vẻ thản nhiên. Ban này, lão không sợ nguy hiểm mà chỉ sợ cơn giận của chúng tôi, còn bây giờ thì ông lão hoàn toàn yên tâm, chỉ thỉnh thoảng thở phào một tiếng, và dường như không cảm thấy cần phải thay đổi vị trí của mình chút nào.

- Mà chết uống mạng. - Vladimira nói thêm một cách ai oán.

Ermolai đi hơn một giờ không thấy trở lại.

Chúng tôi tưởng chừng như một giờ ấy là một thế kỷ. Thoạt tiên, chúng tôi và anh ta gọi nhau luôn. Rồi anh ta đáp lại tiếng hú của chúng tôi mỗi lúc một thưa, và cuối cùng thì im bặt. Trong làng đã kéo chuông cầu kinh buổi chiều. Chúng tôi không nói chuyện với nhau, thậm chí cố không nhìn nhau. Vịt trời bay trên đầu chúng tôi. Có những con định đậu xuống đầu chúng tôi, nhưng lại vọt thẳng lên "theo đường dây dọi", như người ta thường nói, vừa bay đi vừa kêu ầm ĩ. Chúng tôi bắt đầu tê cóng. Xusôc chớp chớp mắt, như buồn ngủ. Cuối cùng, chúng tôi vui sướng không thể nào tả hết được khi thấy Ermolai trở lại.

- Thế nào?

- Tôi đã lên được bờ. Đã tìm thấy chỗ lợi... Ta đi thôi.

Chúng tôi muốn đi ngay, nhưng Ermolai chỉ tay xuống dưới nước, lấy trong túi ra một sợi dây buộc chân những con vịt đã bắn được thành một chuỗi, cắn hai đầu dây vào răng và từ từ đi trước.

Vladimira đi sau anh ta, tôi đi sau Vladimira, Xusô đoạn hậu. Còn ngót hai trăm bước nữa, thì đến bờ.

Ermolai đi một cách mạnh bạo, không dừng lại (anh ta rất nhớ đường) chỉ thỉnh thoảng hét

to: "Đi sang trái, chỗ này có vũng sâu" hay: "Đi sang phải sang trái thì sa lầy đấy!"... Đôi khi nước ngập đến cổ. Xusôc thấp hơn tất cả chúng tôi và hai lần bị sặc nước, phui bong bóng lên. "Nào, nào, cố lên!! Ermôlai quát lão với vẻ dậm dụa, và Xusôc vùn vẩy, đạp chân, nhoai lên và rồi cũng lên được chỗ nông hơn, nhưng ngay trong lúc nguy cấp nhất, lão cũng không dám nắm lấy vạt áo tôi. Cuối cùng chúng tôi đã lên được bờ, người nào cũng mệt lử bần thiêu, ướt lướt thướt.

Hai tiếng sau, tất cả chúng tôi đã ngồi trong gian nhà lớn chứa cỏ, quần áo đã được hong khô ít nhiều, và chúng tôi sửa soạn bữa ăn tối. Anh đánh xe lêgudiin, một người hết sức chậm chạp, lười hoạt động, chín chắn và lừ đừ như ngái ngủ đứng cạnh cổng và ân cần đưa thuốc lá ra thết đãi Xusôc. (Tôi đã từng nghiệm thấy rằng ở Nga, những người đánh xe thân nhau rất nhanh). Xusôc hít thuốc lá một cách hăm hở, đến nôn oẹ: lão nhổ bọt, ho và rõ ràng là cảm thấy hết sức khoái trá. Vladimira có vẻ uể oải, đầu ngoẹo sang bên và nói ít. Ermôlai lau những khẩu súng của chúng tôi. Mấy con chó vầy đuôi rối rít, chờ được ăn cháo bột lúa mạch. Ngựa giậm chân và hí dưới mái hiên... Mặt trời đã lặn.

Những tia sáng cuối cùng xoè thành dải rộng đỏ thắm hình nan quạt. Những đám mây óng vàng trải ra trên bầu trời, mỗi lúc một nhỏ dần, nom như con sóng sạch tinh, mượt mà... Trong xóm có tiếng hát vọng lên.

ĐỒNG CỎ NGỰA ĐUA

Hôm ấy là một ngày tháng bảy đẹp trời, một trong những ngày mà ta chỉ gặp được khi thời tiết tốt đã ổn định lâu dài. Từ sớm tinh mơ bầu trời đã sáng sủa. Bình minh không rực lên như ánh lửa đám cháy, mà ửng lên một màu hồng dịu dàng. Mặt trời không đỏ lửa, không hùng hực ánh thép nung như trong kỳ đại hạn, không đỏ quạch như trước cơn bão, mà tươi sáng, huy hoàng, niềm nở: nó từ tốn nhô lên dưới đám mây dài và hẹp ngời lên vẻ tươi tắn và tắm mình trong làn hơi nước màu tím hoa cà từ đám mây toả ra. Một đám mây nhỏ giăng dài, đường rìa trên cùng mỏng mảnh sáng lấp lánh, nom như những con rắn nhỏ nối đuôi nhau. Ánh hào quang phát ra từ rìa đám mây nom như ánh bạc dát mỏng... Nhưng kìa, những tia sáng tinh nghịch đã lại vọt ra, vàng dương hùng tráng như cất cánh bay lên, vui vẻ và trang nghiêm. Gần trưa, thường thấy xuất hiện vô số những đám mây tròn cao vợi vợi, màu xám pha sắc vàng óng ánh, viền những đường rìa trắng mềm mại. Những đám mây này dường như không rời khỏi chỗ, giống như những hòn đảo rải rác trên con sông nước tràn menh mang. Sông rẽ thành những nhánh nhỏ, chỗ nào cũng xanh đều như nhau trong suốt, sâu thăm thẳm, ôm quanh lấy những hòn đảo. Xa hơn nữa, phía chân trời, những đám mây chuyển động, dồn vào nhau, không còn thấy màu xanh lơ ở khoảng giữa đám mây này với đám mây khác nữa. Nhưng mây cũng nhuốm màu thanh thiên như chân trời, tràn đầy ánh sáng và hơi ẩm. Màu chân trời thanh thoát, phơn phớt sắc hoa cà, suốt ngày không thay đổi và chỗ nào cũng như nhau. Không chỗ nào mây sầm tối, dày đặc lại báo hiệu có cơn dông; chỉ trừ một đôi chỗ có những dải màu lam nhạt buông rủ từ trên cao xuống đến tận mặt đất: đấy là cơn mưa bụi khó nhận thấy. Chiều đến, những đám mây ấy biến mất. Những đám mây cuối cùng hơi đen và mờ ảo như khói đọng thành từng cụm màu hồng ngay phía trước vầng mặt trời đang lặn. Ở chỗ mặt trời đang lặn xuống một cách êm ả, cũng êm ả như khi nó nhô cao lên trời, một vầng ráng đỏ lơ lửng phía trên mặt đất và mờ tối. Một ngôi sao đầu hôm hiện lên sáng mờ mờ trên cái nền đỏ ấy, khẽ nhấp nháy như ngọn lửa nền đang được mang đi một cách thận trọng. Trong những ngày như thế, mọi màu sắc đều êm dịu, tươi sáng, nhưng không chói lọi. Mọi vật đều mang dấu vết của một cái gì hiền hậu đáng cảm động. Trong những ngày như thế, khí nóng đôi khi rất gay gắt; đôi khi cả những cánh đồng trên các sườn dốc cũng "bốc hơi" nghi ngút. Nhưng gió xua tan cái nóng đã tích tụ lại và những cơn xoáy lốc - điềm chắc chắn báo hiệu thời tiết đẹp còn kéo dài - dựng lên những cột bụi trắng xóa, cao ngất chạy lướt trên các con đường vắt ngang qua cánh đồng đã cày. Không khí khô ráo, trong sạch, phả phất mùi khổ ngải, mùi lúa mạch đen và mùi kiều mạch đã gặt. Thậm chí đến mười một giờ đêm ta vẫn không cảm thấy hơi ẩm. Người làm ruộng mong muốn thời tiết như thế để gặt lúa ...

Có lần, đúng vào một ngày như thế, tôi đã đi săn đa đa ở hạt Tsern, tỉnh Tula. Tôi bắn được khá nhiều chim. Cái túi đi săn đầy ắp của tôi thít dải dây đeo vào vai, làm tôi đau như bị cứa. Khi tôi quyết định trở về nhà thì ánh hoàng hôn đã tắt, và không trung vẫn sáng tuy không còn nhuốm ánh mặt trời, những bóng đen lạnh lẽo bắt đầu sẫm lại và loang rộng ra. Tôi ráng bước đi qua cái "bãi" dày chi chít bụi cây, leo lên một quả đồi, và thay cho cảnh tượng mà tôi chờ mong: cánh đồng quen thuộc với khoảnh rừng sồi ở bên phải và ngôi nhà thờ trắng thấp lè tè ở phía xa, tôi thấy những chỗ khác, hoàn toàn lạ lẫm. Dưới chân tôi là một lũng hẹp trải dài, ngay trước mặt là một khu đất trồng toàn diệp liễu um tùm, dựng lên như bức tường. Tôi bắn khoản dừng lại, ngó quanh... "Thôi! - Tôi nghĩ - Như vậy là ta đã đâm vào một chỗ hoàn toàn không biết là đâu nữa: ta đã đi chệch về bên phải nhiều quá". Và, ngạc nhiên về sai lầm của mình, tôi nhanh nhẹn xuống đồi. Vừa xuống đến chân đồi, hơi ẩm ngưng đọng đến là khó chịu, đã vây lấy tôi, dường như tôi bước vào cái hầm chứa đồ. Cỏ mọc cao um tùm dưới đáy thung lũng, chỗ

nào cũng ướt hơi sương, trắng như tấm khăn trải bàn phẳng phiu. Đi vào đấy kể cũng hơi rợn. Tôi leo mau sang mé bên kia và rẽ sang trái, đi dọc khu trồng hoàn điệp liễu.

Giới đã bay lên những ngọn cây, lượn vòng một cách bí ẩn và chập chờn trên nền trời sáng mờ. Một con điều hâu về muộn lao vun vút trên cao, đường bay thẳng tắp như kẻ chỉ, hối hả trở về tổ. "Hể ta ra đến gốc tùng ấy là sẽ có đường ngay - Tôi nghĩ thầm. Vậy mà ta đã đi loanh quanh đến một dặm".

Cuối cùng, tôi đã đến góc rừng, nhưng chẳng có con đường nào cả: những bụi cây thấp, không rõ là loại cây gì, nằm trải rộng trước mắt tôi, và sau đám bụi cây ấy, mãi đằng xa kia, tôi thấy cánh đồng hiu quạnh. Tôi lại dừng chân. "Thế là cái quái gì?...Ta ở đâu đây?". Tôi bắt đầu nhớ lại xem ban ngày tôi đã đi như thế nào và đi những đâu... "A! đấy là những bụi cây của Parakhin? Cuối cùng tôi kêu lên. Đúng rồi? Còn đây hẳn là khoảnh rừng của Xindnêp... Nhưng làm sao ta lại dẫm vào đây được nhỉ? Xa đến thế kia ư? Lạ thật? Bây giờ lại phải đi về hướng bên phải".

Tôi lại đi về phía bên phải, vượt qua các bụi cây. Trong lúc đó càng về khuya bóng tối càng dày lại và lan rộng ra như đám mây đông. Đường như bóng đêm bốc lên từ khắp nơi cùng với hơi ẩm buổi tối và thậm chí bóng tối đổ xuống cả từ các ngọn cây. Tôi gặp được một con đường nhỏ khó đi, cỏ mọc rậm rịt. Tôi đi trên con đường ấy, chăm chú nhìn về phía trước. Cảnh vật xung quanh nhanh chóng thối đen lại và trở nên im ắng, chỉ có những con cun cút thỉnh thoảng cất tiếng kêu. Một con chim ăn đêm bé nhỏ bay thấp và không có tiếng động bằng đôi cánh mềm mại; nó gần như dẫm vào tôi và hoảng hốt quật sang bên. Tôi đã ra được rìa đám bụi cây và đi trên bờ ruộng. Tôi đã phân biệt được những vật xung quanh. Đằng sau cánh đồng, bóng tối ảm đạm bốc lên, mỗi lúc một sát tới gần, cuộn cuộn từng cụm lớn. Tiếng bước chân tôi vang thình thịch trong không khí đang ngưng tụ lại. Bầu trời đã bệch màu lại bắt đầu xanh, nhưng đây đã là màu xanh của trời đêm. Những ngôi sao nhỏ nhấp nháy lung linh trên bầu trời. Cái mà ban nãy tôi cho là khoảnh rừng thừa té ra lại là cái gò tròn thu lu, tối thẫm. "Ta ở đâu đây nhỉ"? - Tôi nhắc lại, nói lên thành tiếng, dừng lại lần thứ ba và đưa mắt nhìn con chó Dianka, dò hỏi.

Đấy là con chó Anh, lông trắng đốm vàng, dứt khoát là khôn hơn hết thảy mọi con vật thuộc loài bốn chân. Nhưng con chó khôn hơn hết thảy các con vật thuộc loài bốn chân chỉ ngoe nguẩy đuôi chớp đôi mi mắt mệt mỏi với vẻ chán nản và không góp cho tôi một lời khuyên đặc dụng nào cả. Tôi cảm thấy xấu hổ với nó, tôi hăm hờ xông về phía trước, như bỗng đoán ra là phải đi về đâu, tôi vòng qua cái gò và lọt vào một cái lũng không trũng lắm, đất đã cày hết. Một cảm giác lạ lùng lập tức choán lấy tâm hồn tôi. Cái lũng đó hình lòng chảo gần như đều đặn, sườn dốc thoải thoải. Ở đáy lũng có mấy khối đá dựng đứng, dường như chúng trường xuống đây để hội họp bí mật với nhau. Phía trên khu đất lòng chảo ấy, bầu trời cam lạng và quạnh quẽ bằng phẳng và u sầu đến nỗi lòng tôi se lại.

Một con vật nhỏ, không rõ là con gì, choé lên một tiếng yếu ớt và ai oán giữa các tảng đá. Tôi vội quay trở lại, leo lên gò, Cho đến giờ, tôi vẫn chưa mất hy vọng tìm thấy đường về nhà, nhưng lúc này tôi hoàn toàn thấy rõ rằng tôi đã lạc hẳn rồi, và tôi cũng chẳng còn gắng công nhận cho ra các vùng xung quanh; vả chăng, mọi vật hầu như đã chìm hẳn trong sương mù. Tôi cứ đi thẳng, nhìn sao để lấy hướng, hy vọng sẽ gặp may. . . Tôi đi như thế ngót nửa giờ, lê bước một cách trầy trật. Tôi có cảm giác như cả đời tôi chưa từng đến nơi nào hoang vắng như thế này: không nơi nào có ánh lửa le lói, không một âm thanh. Quả đồi thoải thoải này nhường chỗ cho quả đồi khác, cánh đồng nối tiếp cánh đồng, kéo dài vô tận, các bụi cây dường như bỗng từ dưới đất mọc lên ngay trước mũi tôi. Tôi vẫn đi và không còn có ý định nằm xuống chỗ nào để chờ sáng, và đột nhiên, tôi thấy mình đứng trên một bờ vực khủng khiếp.

Tôi co nhanh cái chân vừa đưa ra phía trước và qua bóng đêm gần như trong suốt, tôi thấy phía dưới, mãi đằng xa có một bình nguyên bao la.

Một con sông rộng ôm lấy nó thành một vành bán nguyệt một đầu xuất phát từ chỗ tôi. Nước sông màu ánh thép thỉnh thoảng lại loé lên từng mảng sáng mờ, biểu hiện của dòng chảy. Ngọn đồi tôi đứng đột nhiên đổ xuống thành một bờ dốc gần như dựng đứng. Những đường viền đồ sộ của quả đồi sẫm đen lại, nổi rõ trong không trung xanh nhạt. Ngay dưới chân tôi, ở chỗ bờ dốc ấy và bình nguyên gặp nhau tạo thành một góc, gần khúc sông mà ở đó nước phẳng lặng như mặt gương tối thẫm, ngay dưới cái sườn đồi dốc nhất, hai đồng lửa nhỏ cháy đỏ rực và bốc khói cạnh nhau. Xung quanh những đồng lửa ấy có những bóng người đang loay hoay làm gì, những bóng đen chập chờn, đôi khi nửa trước của một cái đầu nhỏ tóc xoắn được chiếu sáng rất rõ...

Cuối cùng, tôi nhận ra là tôi đã đến đâu. Đồng cỏ này nổi tiếng trong vùng chúng tôi, tên nó là Đồng cỏ ngựa đua... Nhưng lúc ấy không thể nào trở về nhà được nữa, đặc biệt là giữa đêm hôm như thế này. Chân tôi mỏi như đến nỗi chỉ chực khụy xuống. Tôi quyết định đến chỗ đồng lửa và nhập bọn với những người mà tôi cho là đám người lừa gia súc đi bán, và tôi sẽ ở đó với họ chờ trời sáng.

Tôi xuống được chân đồi một cách yên ổn, nhưng chưa kịp buông hai tay ra khỏi cái cành cây cuối cùng mà tôi bám lấy thì đột nhiên hai con chó xồm lớn, lông trắng đã xồ tới, cất tiếng sủa dữ tợn.

Tiếng trẻ con lanh lảnh vang lên xung quanh những đồng lửa. Hai ba thằng bé nhanh nhẹn đứng lên khỏi mặt đất. Tôi trả lời những tiếng hét hỏi của chúng. Chúng quay tới gần tôi, lập tức gọi chó về, hai con chó này đặc biệt sững sờ vì sự xuất hiện của con Đianka. Tôi đến gần chúng.

Tôi đã lầm khi cho rằng những người xun quanh các đồng lửa là những người lừa gia súc. Đây chỉ là trẻ em nông dân ở làng bên di chăn ngựa. Vào mùa hè nóng nực, người ta lừa ngựa đi ăn đêm ở ngoài cánh đồng: ban ngày ruồi và ruồi trâu không để chúng yên. Lừa ngựa đi chăn lúc sắp tối và lừa về lúc rạng đông là một dịp vui lớn đối với những thằng bé con nhà nông dân. Đầu không mũ, mình mặc chiếc áo khoác ngắn cũ kỹ bằng lông thú cưỡi trên lưng những con ngựa linh lợi nhất chúng vừa phóng đi vừa hò reo vui vẻ, vung vẩy tay và chân, chúng nhảy chồm chồm thật cao trên lưng ngựa, cười ha hả. Bụi bốc lên thành cột màu vàng và cuốn theo chúng trên đường. Tiếng vó ngựa rầm rập vang rất xa, ngựa dỏng tai lên mà chạy. Dẫn đầu cả đoàn là một con ngựa sắc hung, lông xù đang phì nước đại, bồm rôi bù vương những cành ngư bàng, đuôi dựng lên và luôn luôn đổi chân.

Tôi nói với những thằng bé là tôi bị lạc và ngồi xuống cạnh chúng. Chúng hỏi tôi từ đâu đến, rồi im lặng và nhích ra xa. Chúng tôi nói với nhau vài ba câu. Tôi ngả mình dưới một bụi cây nhỏ đã bị gặm nhấm nhỏ và bắt đầu nhìn quanh. Cảnh tượng thật huyền diệu: xung quanh những đồng lửa, một vùng sáng đỏ nhạt lung linh và dường như lịm đi khi tủa vào bóng tối. Ngọn lửa thỉnh thoảng bùng lên, ném ra ngoài cái vòng sáng đỏ những ánh phản quang loé nhanh. Cái lưới ánh sáng mỏng mảnh liếm vào những cành miên liễu trụi rồi biến mất ngay. Những bóng đen dài và nhọn vụt hiện ra trong giây lát, và bây giờ đến lượt chúng chạy sát tới tận chỗ những đồng lửa. Bóng tối đấu tranh với ánh sáng. Đôi lúc, khi ngọn lửa yếu đi và cái vòng sáng như thu hẹp lại, từ trong bóng tối đã ập đến chợt nhô ra một cái đầu ngựa hồng với một vệt lang trắng ngoằn ngoèo trên mặt hay một cái đầu ngựa trắng tuyền, chăm chú và ngậy ngô nhìn chúng tôi, mồm vẫn nhai một cụm cỏ dài, rồi cái đầu ngựa ấy lại cúi xuống, biến mất liền. Chỉ còn nghe thấy tiếng nhai cỏ tiếp tục và tiếng thở phì phì. Từ chỗ sáng khó mà nhận rõ cái gì đang diễn ra trong bóng tối vì vậy mọi vật ở gần mình đều như bị bao phủ bởi một tấm màn đen tuyền. Nhưng xa xa về phía chân trời, đồi và rừng vạch thành những vệt dài mờ mờ.

Bầu trời quang đãng, tối thẫm trải rộng trên đầu chúng tôi với tất cả vẻ hùng tráng bí ẩn của

nó trang nghiêm và bao la, cao lồng lộng. Lồng ngực co lại một cách khoan khoái khi ta thở hít cái mùi đặc biệt, u trầm và tươi mát của đêm hè Nga. Xung quanh hầu như không một tiếng động... Chỉ thỉnh thoảng, một con cá lớn bất ngờ quẫy một tiếng âm vang trong con sông gần đây và bụi sậy ven bờ khẽ xạc xào vì một làn sóng làm nó hơi lay động... Duy có những đồng lửa vẫn nổ tí tách.

Mấy thằng bé ngồi xung quanh các đồng lửa. Cả hai con chó đã toan ăn tươi nuốt sống tôi cũng ngồi đây. Mãi về sau chúng vẫn chưa thể bằng lòng với sự có mặt của tôi, và vừa nheo mắt như buồn ngủ vừa liếc nhìn đồng lửa, thỉnh thoảng lại gầm gừ với vẻ tự hào khác thường. Thoạt tiên chúng còn gầm gừ, nhưng sau chúng khẽ rít lên, như tiếc là không thể thực hiện được ý muốn của chúng. Có năm thằng bé cả thấy: Fêđya, Pavlusa, Iliusa, Koxtya và Vanya (nghe chúng nói chuyện với nhau tôi biết được tên chúng và bây giờ tôi có ý định giới thiệu chúng với bạn đọc).

Fêđya là thằng bé lớn hơn cả, bạn có thể đoán là nó chừng mười bốn tuổi. Đây là một thằng bé vóc người cân đối, mặt có những đường nét khá tinh vi, đẹp và thanh tú, tóc vàng hoe, loăn xoăn, mắt màu sáng, miệng luôn luôn mỉm một nụ cười nửa như vui vẻ nửa như lơ đãng. Tất cả các đặc điểm của nó nói lên rằng nó là con một gia đình giàu có và nó đi chăn ngựa ngoài đồng không phải vì cần thiết, mà đó là một trò vui thú đối với nó. Nó mặc chiếc sơ mi vải hoa sắc sỡ có đường viền vàng. Chiếc măng tô mới bé nhỏ, bằng vải len thô quàng lên người, chỉ dính hờ trên đôi vai hẹp của thằng bé. Trên cái dây lưng màu xanh có đeo một chiếc lược con. Đôi ủng thấp ở chân nó đúng là ủng của nó, không phải của bố. Thằng bé thứ hai, Pavlusa, thì tóc đen bù xù mắt xám, gò má rộng, mặt nhợt nhạt, rỗ hoa, miệng rộng nhưng cân xứng, đầu quá to - to như cái thùng nấu bia, như người ta thường nói, thân hình lùn tịt, thô kệch. Thằng bé xấu xí - cái đó thì hiển nhiên! - nhưng tôi vẫn thích nó: nó có cái nhìn rất thông minh và thẳng thắn, và giọng nói của nó biểu lộ một sức mạnh cường tráng. Nó không thể hãnh diện về quần áo của mình: toàn bộ y phục của nó chỉ vẹn vẹn có chiếc sơ mi vải thô xoàng xĩnh và chiếc quần đùi vá vớ. Khuôn mặt của đứa thứ ba Iliusa - thì khá là vô duyên: mũi gồ, cằm dài vêu, mắt kém. Khuôn mặt ấy biểu lộ một vẻ lo âu dần dần, bệnh tật. Cặp môi mím chặt của nó không mấp má, đôi lông mày cau lại không lúc nào dẫn ra, thằng bé dường như lúc nào cũng nheo mắt vì ánh lửa. Mái tóc vàng nhạt gần như trắng của nó thò ra từng chòm nhọn dưới chiếc mũ trùm thấp bằng da mà chốc chốc nó lại đưa hai tay lên kẻ sụp xuống đến tận tai. Chân nó quấn vải bọc và đi đôi giày mới bên bằng vỏ cây. Một sợi thắt lưng to quấn ba lần quanh thân, nịt gọn lấy chiếc áo *xvitka* ([41]) khá thơm. Cả nó lẫn Pavlusa nom đều chưa quá mười hai tuổi. Đứa thứ tư, Koxtya, là một thằng bé trạc mười tuổi, nó có cái nhìn tự lự và buồn rầu khô gợt sự tò mò của tôi. Cả khuôn mặt nó nhỏ nhắn, gầy guộc, lấm chấm tàn hương, phía dưới nhọn như mặt sóc. Môi nó khó có thể thấy rõ được Nhưng đôi mắt to, đen, long lanh như có nước của nó gây nên ấn tượng lạ lùng nhất. Đôi mắt ấy như muốn nói một điều gì mà tiếng nói - ít ra là tiếng nói của thằng bé - không có đủ lời lẽ để diễn tả. Nó thấp bé, vóc dác mảnh khảnh và mặt khá tồi tàn. Đứa cuối cùng là Vanya, thoạt tiên tôi không nhận thấy nó: nó nằm trên mặt đất, quấn cái chiếu nhỏ, nằm im thín thít, chỉ thỉnh thoảng thò cái đầu nhỏ tóc xoăn màu hạt dẻ ra khỏi chiếu. Thằng bé ấy chỉ mới bảy tuổi là cùng.

Vậy là tôi nằm dưới một bụi cây ở mé ngoài và nhìn những thằng bé. Một cái xoong nhỏ treo trên một đồng lửa, bọm tré luộc "khoai". Pavlusa trôn nom xoong khoai, nó quì gối, dùng một mảnh gỗ thọc vào nước sôi. Fêđya nằm chống khuỷu tay xuống đất và phanh tà áo bành tồ sang hai bên. Iliusa nằm cạnh Koxtya và vẫn nheo mắt chăm chú như trước. Koxtya hơi cúi đầu xuống và nhìn ra một nơi nào phía xa. Vanya không động đậy dưới chiếc chiếu của mình. Tôi vờ ngủ. Những thằng bé dần dần lại nói chuyện với nhau.

Thoạt tiên, chúng nói những chuyện linh tinh chuyện công việc ngày mai, chuyện ngựa. Nhưng đột nhiên, Fêđya hỏi Iliusa, dường như để nối lại câu chuyện bị bỏ dở - Này, mày bảo là mày nhìn thấy "gia thần"([42]) phải không?

- Không tao không nhìn thấy, mà không thể nhìn thấy gia thần được - Ihusa trả lời bằng một giọng khàn khàn và yếu ớt phù hợp tuyệt vời với vẻ mặt nó. - Tao nghe thấy. Mà không phải một mình tao đâu nhé.

- Thế gia thần của nhà mày trú ở chỗ nào? Pavlusa hỏi.

- Trọng cái nhà xeo ([43]) cũ.

- Thế chúng mày vẫn đến xưởng giấy đấy à?

- Chứ sao, chúng tao vẫn đến. Tao với em Apđiuska tao vẫn làm công việc đánh láng giấy.

- Mày mà cũng là thợ xưởng máy kia đấy!

- Này, nhưng mày nghe thấy tiếng gia thần như thế nào kia? - Fêđya hỏi.

- Thế này nhé, tao với em Apđiuska tao, với Fêđor Mikhêepxki, với Ivaska Kôxui, với Ivask khác ở Đồi đỏ, với Ivaska Xukhôrukôp, và một số đứa khác nữa. Tất cả bọn tao có mười đứa, vừa tròn một kíp. Chúng tao phải ngủ đêm trong nhà xéo, lẽ ra chúng tao không phải ngủ lại đâu, nhưng cai Nazarôp không cho về, hắn bảo: "Chúng mày lóc cóc về nhà làm gì cho mệt. Mai có nhiều việc đấy, chúng mày không được về". Thế là chúng tao ở lại và nằm cụm một chỗ với nhau. Chẳng Apđiuska nhà tao bỗng nói: anh em ơi, ngộ nhớ gia thần đến thì sao?... Nó chưa nói hết thì ở phía trên đầu chúng tớ đột nhiên có bước chân ai bước đi. Chúng tớ nằm ở dưới, kẻ đó đi ở phía trên, ngay cạnh guồng nước. Chúng tớ nghe thấy tiếng bước chân, những tấm ván oằn xuống và kêu răng rắc. Kẻ đó vượt qua đầu chúng tớ. Nước bỗng ào ào đổ vào guồng, guồng nước quay lộc xộc, lộc xộc; nhưng tấm chắn ở cửa ngăn nước đã đóng rồi kia mà. Chúng tớ ngạc nhiên: ai đã kéo tấm chắn ấy lên để nước chảy vào. Nhưng guồng nước quay quay một lúc rồi đứng lại. Kẻ đó lại đi về phía cái cửa ở bên trên, rồi bắt đầu xuống thang, và xuống rất thông thả, thông thả, các bậc thang rên lên dưới chân hắn... Thế rồi kẻ đó đã tới gần cửa của chúng tớ, dừng lại chờ đợi một lát. Cửa bỗng nhiên bật toang ra. Chúng tớ nhón nháo kinh hoàng nhưng nhìn thì chẳng thấy gì... Bỗng nhiên, các khuôn ở một thùng ngâm động đập, bốc lên cao nhúng xuống nước rồi chao đi chao lại trên không như có ai lắc tráng nó, rồi lại trở về chỗ.

Rồi ở cạnh một thùng ngâm khác, cái móc rời khỏi đỉnh, xong lại móc vào đỉnh. Rồi có người nào tới gần cửa, và bỗng cất tiếng ho, be lên một tiếng như tiếng cừu kêu, tiếng kêu hết sức âm vang... Chúng tớ túm tụm cả lại và thẳng nọ nằm đè lên thẳng kia... Lúc ấy thật là hồn vía lên mây!

- Lạ nhỉ! - Paven thốt lên - Sao gia thần lại ho là thế nào?

- Không biết, có lẽ vì trời ẩm.

Tất cả đều im lặng.

- Thế nào, khoai chín chưa? - Fêđya hỏi.

Pavlusa chọc thử.

- Chưa, còn sượng... Chà, cá quấy mạnh gớm Nó nói thêm, quay mặt nhìn ra sông - Chắc là cá măng... Kìa, sao đổi ngôi.

- Này, tao kể cho chúng mày chuyện này Koxtya nói bằng giọng lạnh lạnh - nghe nhé, câu chuyện này bố tao kể ngay trước mặt tao.

- Kể đi, chúng tao nghe đây - Fêđya nói với vẻ độ lượng.

- Chúng mày biết Gavrila, thợ mộc ở trấn chứ?

- Biết.

- Thế chúng mày có biết tại sao lúc nào ông ấy cũng ủ ê, lúc nào cũng làm lì không? Có biết không? Duyên do là thế này này: bố tao bảo là có lần ông ấy vào rừng lấy hồ đào. Thế, ông ấy vào rừng lấy hồ đào và bị lạc, ông ấy đâm quàng đâm xiên đến những đâu, có mà trời biết. Ông ấy đi, đi mãi, chúng mày ạ, nhưng không thể tìm ra đường. Đêm đã xuống. Ông ấy bèn ngồi dưới một gốc cây bưng bảo dạ: ta ngồi chờ đến sáng sẽ đi. Ông ấy ngồi đấy và thiu thiu ngủ. Đang thiu thiu ngủ thì bỗng nghe thấy có ai gọi mình. Nhìn thì chẳng thấy ai. Ông ấy lại thiu thiu ngủ, và lại có tiếng gọi. Ông ấy lại nhìn quanh quẩn: cuối cùng ông ấy thấy trước mặt có một cô gái nửa người nửa cá ngồi vắt vẻo trên cành cây, vừa lắc lư vừa gọi ông ấy đến, và cười sằng sặc, cười ngất... Lúc ấy trăng sáng vằng vặc, sáng ghê lắm kia, sáng tỏ lạ lùng, mọi cái nom rõ mồn một. Cô gái nửa người nửa cá vẫn gọi ông ấy và nàng ngồi trên cành cây, toàn thân sáng ngời, trắng muốt, như con cá diếc hay cá lòng tong, mà cá chép cũng trắng và óng ánh bạc như thế. ..

Ông thợ mộc Gavrila gần như chết ngất đi, còn nàng vẫn cười lớn và vẫy tay gọi ông ấy đến, chúng mày ạ. Gavrila đã toan đứng dậy, nghe theo lời nàng, nhưng có lẽ Chúa đã làm ông ấy tỉnh ra: ông ấy làm dấu chữ thập trên mình. . . Mà ông ấy là dấu đến là khó khăn, chúng mày ạ, ông ấy kể lại là tay nặng trĩch như tảng đá, không cất lên được. Chà, thế mới kỳ chứ!... Rồi ông ấy cũng làm được dấu chữ thập và cô gái nửa người nửa cá liền thôi cười và tự dưng oà khóc. Nàng vừa khóc vừa đưa tóc lên lau mắt, mà chúng mày ạ, tóc nàng xanh như vỏ cây đay tươi. Gavrila nhìn mãi, nhìn mãi rồi hỏi: "Này, yêu quái của rừng thiêng, tại sao ngươi khóc?" Còn cô gái nửa người nửa cá bỗng cất tiếng nói với ông ta: "Con người kia ơi, nếu anh không làm dấu chữ thập, anh sẽ sống vui vầy với tôi cho đến chót đời. Tôi khóc, tôi đau buồn vì anh đã làm dấu. Nhưng không phải riêng tôi đau buồn đâu: anh cũng sẽ đau buồn cho đến ngày từ giã cõi đời". Nói xong nàng biến đi, còn Gavrila bỗng hiểu ngay là mình đi lối nào thì ra được khỏi rừng. . . Có điều là từ bấy đến nay, lúc nào ông ấy cũng ủ ê.

- Kỳ quái thật – "Fêđya thốt lên sau một lúc im lặng - Lẽ nào con ma rừng ấy lại có thể làm hỏng được linh hồn một người theo đạo thiên chúa kia chứ, vì ông ấy đã không nghe theo cơ mà?

- Ồ, nói thế! - Koxtya lên tiếng - Gavrila kể lại rằng giọng nói của nó lạnh lói, ai oán như tiếng cóc kêu.

- Chính bố mày kể câu chuyện ấy à?- Fêđy hỏi tiếp.

- Chính bố tao. Tao nằm trên giường ván treo ([44]) và nghe thấy hết.

- Kỳ dị thật? Thế thì can gì ông ấy phải ủ ê kia chứ? Có lẽ ông ấy mê hồn vì nó gọi ông ấy.

- Đúng là mê hồn! - Iliusa phụ họa - Đúng thế! Nó định khêu gợi lòng ham muốn của ông ấy, nó định thế đấy. Bọn nữ thủy thần là chuyên làm cái trò ấy mà. - vậy thì ngay ở đây cũng phải có những nữ thủy thần nửa người nửa cá. - Fêđya nói.

- Không - Koxtya đáp. - Nơi này quang quẻ thoáng đãng. Chỉ phải cái gần sông thôi.

Cả bọn im bật. Bỗng nhiên, ở nơi nào xa xa một âm thanh ngân nga, gần như rền rĩ vang lên. Đây là một trong những âm thanh đôi khi thường xuất hiện giữa đêm khuya thanh vắng, bay

lên, lơ lửng trong không trung, và cuối cùng, vừa từ từ lan ra vừa lắng dần đi. Lắng nghe thì dường như không có gì cả, vậy mà vẫn có âm thanh. Tưởng chừng như có người nào chốc chốc lại gào lên một tiếng rất dài ở mãi tận chân trời, và có một người nào khác ở trong rừng cất tiếng cười the the, gay gắt đáp lại tiếng gào của người kia, và một tiếng huýt gió yếu ớt, vì vút bay trên mặt sông. Những thằng bé nhìn nhau, rừng mình.

- Sức mạnh của Chúa hằng ở với chúng ta! Iliusa thì thầm.

-Ồ chúng mày thật là ngò nghêch? - Paven kêu lên - Có gì mà sợ kia chứ? Xem kia, khoai chín rồi đấy. (Cả bọn xúm lại gần cái xoong và ăn những củ khoai bốc hơi. Riêng Vanya vẫn không nhúc nhích). Mày làm sao thế - Paven nói.

Nhưng thằng bé vẫn không chịu ra khỏi chiếu.

- Thế chúng mày có nghe nói gần đây ở Varnavitsu đã xảy ra chuyện gì không - Iliusa mở đầu câu chuyện.

- Ở dê ấy hả?

- Ừ đúng, ở quãng dê hồng ấy. Đây là một chỗ ghê rợn, rất ghê rợn, vắng lăm. Xung quanh toàn khe ngòi, mà trong khe rặt những rắn là rắn.

- Ừ, nhưng đã xảy ra chuyện gì? Kể đi...

- Thế này nhé, Fêđya ạ, có lẽ mày không biết đâu, ở đây người ta chôn một người trầm mình. Người đó trầm mình đã lâu lắm rồi, hồi ao còn sâu kia. Nhưng vẫn còn thấy mộ, trông không rõ lắm, đâu chỉ còn là một mô đất... Mới đây, ông quản lý gọi tay quản chó săn là Ermin đến, bảo: "Này Ermin, ra bưu điện đi". Ermin xưa nay vẫn đi ra bưu điện. Anh ta không còn một con chó nào, anh ta hành hạ chúng chết ráo cả rồi: không rõ vì sao không con nào sống nổi với anh ta, trước cũng thế, vậy mà anh ta là người luyện chó giỏi đấy, không chê trách vào đâu được. Thế là Ermin cưỡi ngựa ra bưu điện, anh ta nán lại chơi trong thành phố, lúc trở về thì đã chệnh choáng hơi men. Trời đã về đêm và sáng trăng... Ermin qua chỗ dê: đường của anh ta phải qua đó. Anh quản chó Ermin vẫn ung dung cưỡi trên ngựa và nhìn thấy: trên mộ người trầm mình, một con cừ non, trắng muốt, lông xoắn tít xinh đẹp đang chạy đi chạy lại. Ermin nghĩ: "Ta sẽ đem nó về, bỏ mặc nó ở đây thì nó chết mất". Và anh ta xuống ngựa, bế nó lên... Con cừ để yên cho anh ta bế lên. Ermin đến gần con ngựa của mình con ngựa vùng vằng lảng ra xa, thở phì phì, lúc lắc đầu Nhưng anh ta hò nó đứng lại, nhẩy lên yên cùng với con cừ và lại dong ngựa đi, đặt con cừ phía trước. Anh ta nhìn con cừ, nó cũng nhìn thẳng vào mắt anh. Anh quản chó Ermin rợn người lên, anh ta bảo anh ta chưa từng thấy cừ nhìn vào mắt ai như thế. Nhưng anh ta vẫn làm như không có gì lạ Anh ta bắt đầu vuốt ve nó và nói: "Biasa biasa!". Con cừ bỗng nhe răng ra và cũng nói với anh ta: "Biasa, biasa...".

Người kể chuyện chưa kịp nói hết tiếng cuối cùng đó thì đột nhiên hai con chó cùng nhồm dậy vừa sủa loạn lên vừa lao ra xa đồng lửa và chạy biến vào bóng tối. Tất cả các thằng bé đều sợ hãi.

Vanya tung chiếu nhồm dậy. Pavlusa hét toáng lên, lao mình đuổi theo mấy con chó. Tiếng chó sủa xa dần. Có tiếng chạy cuống cuống của bầy ngựa hoảng hốt. Pavlusa quát to: "Xêrui! Juska!...". Lát sau, tiếng chó sủa im bật. Đã nghe thấy tiếng nói của Pavlusa từ đằng xa vắng đến... Một lúc nữa trôi qua. Những thằng bé bắn khoăn nhìn nhau như chờ đợi xem cái gì sẽ xảy ra. Thành linh có tiếng lộp cộp của một con ngựa đang phi. Con ngựa dừng phắt lại ngay cạnh đồng lửa và Pavlusa nắm lấy bờm nó, khéo léo nhẩy xuống. Cả hai con chó cũng nhẩy vào vòng ánh sáng và ngồi ngay xuống lười the the đỏ tươi.

- Gì thế? Có chuyện gì thế? - Những thằng bé hỏi.

- Chẳng có gì cả - Paven đáp, phẩy tay về phía con ngựa. - Thường thôi, chó đánh hơi thấy cái gì đó Tó đoán là chó sói. Nó nói thêm với giọng thần nhiên, và nhanh nhẹn thở căng lồng ngực.

Tôi ngắm Pavlusa và bất giác cảm phục nó. Lúc ấy nó rất đẹp. Khuôn mặt xấu xí của nó giờ đây trở nên linh lợi vì vừa phóng ngựa nhanh, ngời lên vì can trường và kiên quyết? Trong tay không có lấy một que củi, vậy mà ban đêm, không một chút do dự, nó đã một mình phi ngựa đuổi chó sói... "Thần bé cừ lắm?" - tôi nhìn nó, bụng bảo dạ.

- Người ta từng thấy chó sói ở vùng này à? Thằng Xôxtya nhát gan hỏi.

- Vùng này bao giờ cũng nhiều chó sói - Paven đáp - Mà chúng chỉ làm dữ về mùa đông thôi.

Nó lại ngồi xổm trước đồng lửa. Lúc ngồi xuống đất, nó buông một tay xuống cái gáy xù lông của một con chó, và con vật mừng rỡ, hồi lâu không quay đầu, chỉ liếc ngang nhìn Pavlusa với vẻ tự hào và biết ơn.

Vanya lại rúc xuống dưới chiếu. - Mà hay kể cho chúng tao những chuyện sợ ghê lên được, Iliuska ạ - Fêđya lên tiếng. Là con một nông dân giàu có, nó quen với vai trò cầm trịch cho cả bọn (bản thân nó ít nói, như sợ hại đến phẩm giá của mình) - Vừa rồi chó sủa lên cũng là do ma quỷ xui khiến đấy: đúng thế, tớ nghe nó vùng này là vùng có ma.

- Varnavitsur ấy à?... Còn phải nói! Mà ma thiêng phải biết! Nghe nói người ta đã nhiều lần trông thấy một ông quý tộc già đã chết. Ông ta mặc chiếc kafotan dài vạt và luôn miệng rên rĩ, tìm kiếm cái gì trên mặt đất. Có lần cụ Tôrôfimuts gặp ông ta: "Thưa ngài Ivan Ivanuts, ngài tìm gì trên mặt đất đấy ạ?"

- Cụ ấy hỏi à? - Fêđya ngạc nhiên, ngắt lời.

- Ừ, cụ ấy hỏi.

- Thế thì Tôrôfimuts cừ quá đấy... Còn ông kia nói gì?

Ông ta bảo: "Ta tìm thứ cỏ chẻ đá" ([45]). - Giọng nói của ông ta khàn đặc, trầm nặng lắm: - Cỏ chẻ đá - Nhưng thưa ngài Ivan Ivanuts, ngài cần thứ cỏ ấy để làm gì kia ạ?

- Nghệt thở quá, cái mồ dè tôi ngột thở Tôrôfimuts ạ ; tôi muốn ra...

- Cái ông già đến lạ! - Fêđya nói - ông ấy sống chưa đủ chán chắc.

- Kỳ dị thật? - Xôxtya thốt lên - Tớ tưởng rằng chỉ trong ngày thứ bảy *rôđitenskaia* ([46]) người ta mới có thể gặp linh hồn những người đã chết.

- Có thể gặp linh hồn những người chết vào bất cứ lúc nào - Iliusa nói quả quyết. Tôi nhận thấy nó biết kỹ hơn một đứa khác về tất cả những điều mê tín ở làng quê... - Nhưng trong ngày thứ bảy *rôđitenxkaia*, ta có thể thấy cả người sống, tức là người sẽ chết trong năm ấy. Chỉ cần ban đêm đến ngồi sân nhà thờ và luôn luôn nhìn ra đường. Người đi trên đường qua chỗ ta ngồi là người sẽ chết trong năm ấy. Năm ngoái bà Uliana ra sân nhà thờ đấy.

- Bà cụ có thấy ai không? - Xôxtya tò mò hỏi.

- Có chứ. Lúc đầu bà cụ ngồi mãi, lâu lắm chẳng nhìn thấy ai và chẳng nghe thấy gì... Có điều là dường như có một con chó vẫn luôn luôn cất tiếng sủa dai dẳng ở một nơi nào đó. . . Bỗng

nhìen bà ta thấy một thằng bé đi trên đường, trên người chỉ trần một chiếc sơ mi. Bà cụ nhìn kỹ thì ra là Ivaska Fêđôêp...

- Thằng bé chết hồi mùa xuân ấy hả? - Fêđy ngắt lời.

- Chính nó. Nó đi, không ngẩng đầu lên. . . Bà Uliana nhận ra nó... Nhưng sau đó, bà cụ thấy một người đàn bà đang đi. Bà cụ nhìn kỹ thì - lạ Chúa! - chính là bản thân bà đang đi trên đường.

- Lại chính bà cụ à? - Fêđya hỏi.

- Đúng thế, chính bà cụ.

- Thế là thế nào, bà cụ vẫn chưa chết kia mà?

- Thì đã hết năm đâu. Mà cậu cứ nhìn bà ta xem: như cái xác không hồn ấy.

Cả bọn im lặng. Paven ném một cành khô và lửa. Ngọn lửa thành linh bùng lên, những cành cây sẫm đen lại, bắt đầu nổ lách tách, bốc khói và những đầu gỗ đã cháy xem cong lên. Ánh lửa bập bùng hắt về mọi phía, đặc biệt là phía trên. Một con bồ câu nhỏ, trắng muốt, không biết ở đâu ra lao thẳng vào vùng ánh sáng, hoảng sợ ngoặt lại ngay tại chỗ, toàn thân bùng lên ánh lửa rực hồng và vỗ cánh phành phạch, bay đi mất!

- Chắc là nó quên đường về nhà - Paven nói. Bây giờ nó sẽ bay cho đến khi gặp được một chỗ đậu và chúi được vào đâu là sẽ ở đó suốt đêm ch đến rạng đông.

- Pavlusa này - Koxtya thốt lên - có phải đấy là một linh hồn công chính bay lên trời không hả?

Paven ném một nắm cành cây nữa vào lửa.

- Có lẽ vậy - Cuối cùng, nó đáp.

- Này Pavlusa, mày nói cho chúng tao biết nhé - Fêđya nói - ở Salamôp chúng mày cũng trông thấy *điềm trời* ([47]) chứ?

- Thấy mặt trời bị che lấp ấy hả? Có chứ.

- Dân làng bên ấy chắc cũng sợ như dân làng tớ đấy nhỉ?

- Không phải chỉ có cánh nông dân ta mới sợ đâu. Chủ đất của chúng tớ tuy đã nói trước với dân làng rằng sẽ có *điềm trời*, ấy thế mà người ta kể lạ rằng khi trời tối sầm lại, ông ấy vẫn sợ đến nỗi nằm bẹp xuống đất. Trong nhà của kẻ ăn người làm có một bà nấu bếp, khi trời tối lại, bà ta bỗng vợ lấy que lò, đập vỡ hết nồi trong bếp lò và nói: "Bây giờ thì còn ai cần ăn nữa, ngày phán xét đã đến rồi". Thế là cháo bắp cải chảy tung toé cả ra. Còn trong làng tớ người ta kháo nhau rằng rồi đây khắp trái đất sẽ đầy rẫy những con chó sói trắng chạy lung tung khắp nơi, ăn thịt người, con chim ăn thịt sẽ bay ra có khi sẽ còn thấy cả Toriska nữa ấy chứ ([48]).

- Toriska nào kia? - Koxtya hỏi.

- Thế mày không biết à? - Iliusa hăm hờ đáp lời. Này, sao mày lại không biết Toriska nhỉ? Ở làng này người ta chỉ ru rú ngồi nhà, đúng là ru rú xó nhà! Toriska là một người kỳ dị rồi đây sẽ đến. Người ấy sẽ đến khi giờ tận thế sắp tới. Đó là một người kỳ lạ, vì không thể bắt được y, không thể làm gì y được: con người kỳ dị ấy sẽ như thế đấy. Chẳng hạn, nông dân muốn bắt y,

nhưng y sẽ đánh lừa họ làm họ trông gà hoá cuốc, đến nỗi đánh lẫn nhau. Chẳng hạn họ sẽ tổng y vào ngục. Y sẽ xin uống nước trong cái gầu. Người ta mang đến một gầu nước, y sẽ ngấp lặn vào trong gầu nước, lúc ấy thì cứ việc mà tìm. Xích y lại, y vỗ tay một cái, thế là xiềng xích tuột ráo cả ra. Thế rồi Toriska ấy sẽ đi khắp các thành thị, thôn quê. Gã Toriska quỷ quái ấy sẽ cảm dỗ mọi người... và sẽ không thể làm gì được...Ừ gã sẽ là một kẻ kỳ quái, quỷ quyết như thế đấy.

- Đúng - Pa ven nói tiếp bằng cái giọng thông thả của mình - Toriska như thế đấy. Ở làng tao người ta cũng chờ đón y. Các cụ già nói rằng khi *điềm trời* xuất hiện thì Toriska sẽ tới. Thì *điềm trời* đã xuất hiện rồi đấy. Cả làng đổ ra ngõ, ra đồng chờ xem có chuyện gì xảy ra. Mà làng tao thì chúng mày biết đấy, đó là một chỗ dễ nhìn ra xung quanh trống trải. Dân làng nhìn mãi, và bỗng nhiên, từ phía thị trấn, có một người đang đi xuống con đường dốc. Người đó nom kỳ quái, cái đầu đến lạ lùng... Mọi người kêu lên: "Ồi, Toriska kia kìa"! - và ai trốn được vào chỗ nào thì trốn. Thôn trưởng của chúng tớ lao ngay xuống cái rãnh. Bà vợ ông ta mắc kẹt trong cái cửa ngăn ở dưới cổng lớn, bà ta kêu la inh ỏi, làm cho con chó giữ sân hoảng sợ đến nỗi nó đứt xích, nhảy qua rào, chạy biến vào rừng. Còn Đôrôfêits, bố của Kuzoma, nhảy đại vào đám ruộng lúa mạch ngồi thụp xuống và bắt chước tiếng chim cun cút, kêu to lên. Ông ta nghĩ: "Kẻ hung ác giết người có lẽ cũng phải thương lấy một con chim chứ". Tất cả đều nháo nhác hoảng loạn cả lên?... Nhưng người đang đi chỉ là anh thợ đóng thùng Vavila ở làng thoi mà: anh ta vừa mua một cái bình gỗ mới, và úp chụp cái bình không lên đầu.

Bọn trẻ bật cười và lại im lặng một lát, như thường xảy ra với tất cả những người chuyện trò ngoài trời. Tôi nhìn quanh: đêm tối trang nghiêm và uy nghi; khí mát ẩm ướt của buổi chiều tối đã nhường chỗ cho hơi ấm khô ráo lúc nửa đêm. Tấm chăn ấm và mềm mại ấy sẽ còn trùm lên những cánh đồng đã yên giấc nồng trong nhiều giờ nữa.

Còn lâu mới có tiếng líu lo đầu tiên, mới có những tiếng sột soạt và rì rào đầu tiên của giầy phết vạt vật thức giấc, còn lâu mới có những ánh hồng của buổi rạng đông. Trời không trăng: cứ này trăng mọc muộn. Hằng hà sa số những vì sao óng ánh vàng thì nhau nhấp nháy, dường như cùng nhẹ nhàng trôi về phía sông Ngân, và nhìn sao trên trời, quả thực là dường như ta lơ mơ cảm thấy trái đất đang quay nhanh, không ngừng... Một tiếng kêu lạ lùng, chói gắt, đau đớn bỗng vang lên hai lần liền trên mặt sông và lát sau lại tiếp tục như thế...

Koxtya giật mình. "Gì thế nhỉ? - Con vạc nó kêu đấy - Paven đáp một cách bình tĩnh.

- Vạc - Koxtya lặp lại - Nhưng Pavlusa ạ, tối hôm qua tớ nghe thấy một thứ tiếng lạ lắm, không rõ là tiếng gì - Nó im lặng một lúc rồi nói thêm. Có lẽ mày biết đấy...

- Mày nghe thấy gì?

- À, tao nghe thấy như thế này. Tao đi từ Kamernaia Građa đến Saskinô. Đầu tiên tao đi suốt dọc khu đất trồng hồ đào, rồi tao ra bãi cỏ mày biết đấy, chỗ đồng cỏ đổ thẳng xuống khe thành bờ dốc đứng, có một cái *busilô* ([49]). Mày biết đấy hồ vẫn mọc đầy lau sậy. Chúng mày ạ, tao đi ngang qua cái *busilô* ấy, và bỗng nhiên, từ dưới đó như có tiếng ai rên rỉ vang lên, và tiếng rên nghe thảm ôi là thảm: u-u... u-hu-hu... u-u! Tao sợ choáng người: lúc ấy đã khuya rồi, mà tiếng kêu mới đau đớn làm sao. Nghe tưởng chừng có thể phát khóc lên được. Vậy nó là cái gì? Hở?

- Mùa hè năm kia, bọn ăn cắp dìm chết ông coi rừng Akim trong cái hồ ấy - Pavlusa nói - Có lẽ oan hồn ông ấy than đấy.

- Thì ra là thế, chúng mày ạ - Koxtya lên tiếng tròn xoe đôi mắt vốn cũng đã quá to của mình. ... Tớ không biết là Akim bị dìm trong cái *busilô* ấy. Nếu biết thì có lẽ tớ không đến nỗi sợ như thế.

- Nhưng người ta bảo rằng có những con nhái nhỏ xíu cũng kêu thảm thiết như thế cơ -

Pavlus nói tiếp.

- Nhái à? ... ồ không, đấy không phải là nhái...nhái gì lại thế ... (Con vạc lại kêu trên sông) – Đồ chết tiệt! - Koxya buột miệng thốt lên - Như tiếng kêu của con yêu rừng ấy.

- Yêu rừng không kêu, nó không có tiếng Iliusa đáp - Nó chỉ vỗ tay và tắc lưỡi thôi...

- Mà đã thấy con yêu rừng rồi chắc? - Fêđya ngắt lời một cách giễu cợt.

- Không, tao không thấy, và cầu Chúa sao cho đừng gặp phải nó. Nhưng có những người khác đã thấy nó. Mới rồi nó đã treu ghẹo một người làng tở, nó lôi người đó vào rừng và kéo đi vòng quanh mãi một khu đất trống... Gần sáng ông ta mới lần về được đến nhà.

- Ông ta nhìn thấy nó chứ?

- Thấy, ông ta bảo là nó to ghê gớm, đen ngòm chùm kín từ đầu đến chân, nom có thể tưởng nhầm là cái cây, không thể nhìn rõ được, dường như nó lẩn tránh ánh trăng, nhưng nó có đôi mắt to tướng và giương mắt hấp hay, hấp hay nhìn. . .

- Gớm cái thằng này! - Fêđya kêu lên, hơi rùng mình và nhún vai...

- Cái giống như bắn ấy sinh sôi nảy nở trên đời để làm gì kia chứ? - Paven nói - Quả thực là tở không hiểu đấy!

- Đừng chửi. Coi chừng, nó nghe thấy đấy - Ilya nói.

Lại bắt đầu im lặng.

- Xem kìa, xem kìa, các anh - Cái giọng con nít của Vanya đột nhiên vang lên - Hãy nhìn những ngôi sao của Chúa, hết như đàn ong lúc nhúc!

Nó thò khuôn mặt xinh xắn, tỉnh táo ra khỏi chiếu, chống nấp tay nhỏ bé xuống đất và thông thả ngược đôi mắt to ngoan ngoan lên trời. Tất cả bọn trẻ cũng ngược mắt lên trời và một lúc lâu sau mới nhìn xuống. - Vanya này - Fêđya nói một cách âu yếm – Chị Anhiutka của em có khỏe không?

- Khỏe ạ - Vanya đáp, hơi ngọng.

- Em hãy bảo chị em đến chơi với bọn này đi, vì sao lại không đến?

- Em không biết.

- Em bảo chị ấy đến đi.

- Em sẽ bảo.

- Em bảo chị ấy rằng anh sẽ tặng chị ấy quà.

- Thế cho cả em nữa chứ?

- Anh sẽ cho cả em nữa.

Vanya thở dài.

- Mà thôi, em không cần. Cho chị ấy hơn, chị em tốt lắm cơ.

Vanya lại ngã đầu xuống đất. Paven đứng lên và cầm lấy cái xoong rỗng.

- Mày đi đâu đấy? - Fêđya hỏi.

- Ra sông múc nước. Tao muốn uống nước cho đã.

Hai con chó đứng lên và theo nó.

Khéo kéo ngã xuống sông đấy! - Iliusa hét với theo nó.

- Việc gì mà nó ngã - Fêđya nói - Nó sẽ cẩn thận chứ.

- Phải, sẽ cẩn thận. Thiếu gì chuyện có thể xảy ra: nó cúi xuống múc nước, hà bá sẽ tóm lấy tay nó và kéo tuột xuống. Rồi sau người ta sẽ bảo: thằng bé ngã xuống nước. . . Mà ngã cái cóc gì? . . . Đây kìa nó đã chui vào bụi sậy đấy - Nó vừa nói thêm vừa lắng nghe.

Đám sậy dường như rẽ ra, sột soạt.

Có phải là Akulina đâm ra ngớ ngẩn từ hồi bị chìm lâu dưới nước phải không nhỉ? - Koxtya hỏi. - Từ hồi ấy đấy...Bây giờ cô ta nom thật thảm thương! Vậy mà người ta bảo trước kia cô ta xinh lắm đấy. Hà bá đã làm hại cô ta. Chắc nó không ngờ là cô ta sẽ được cứu lên nhanh thế. Chính nó đã hãm hại cô ta ở dưới nước mà.

(Chính tôi đã gặp Akulina ấy nhiều lần. Xống áo rách mướp, gầy kinh khủng, mặt đen như than, mắt ngây dại và răng luôn luôn nhe ra, cô ta đứng giậm chân ở một chỗ nào trên đường suốt mấy giờ liền ghì chặt hai cánh tay gầy giờ xương vào ngực và chậm chạp đổi thế đứng ở chân nọ sang chân kia như con thú hoang trong lồng. Nói gì cô ta cũng không hiểu, chỉ thỉnh thoảng lại cười ngật nghễ).

- Người ta còn bảo Akulina gieo mình xuống sông vì bị người yêu lừa dối. - Koxtya nói tiếp.

- Chính thế đấy.

- Mày có nhớ Vaxya không? - Koxtya nói thêm với vẻ buồn rầu.

- Vaxya nào? - Fêđya hỏi.

- Thằng Vaxya chết đuối chính trong con sông này ấy mà - Koxtya đáp - Nó là một thằng bé dễ thương biết bao. Chà, thằng bé đáng mến lắm cơ! Mẹ nó, bà Fêklixa, yêu nó vô cùng! Mà hình như bà ấy cảm thấy rằng nó sẽ chết vì sông nước. Đôi khi, về mùa hè, Vaxya đi với chúng tớ ra sông tắm.

Mỗi lần như thế, mẹ nó đều run lên bần bật. Những người đàn bà khác thì thản nhiên như không, bưng chậu giặt khệ nệ đi qua, còn Fêklixa đặt chậu xuống đất và gọi nó: "Lên đi, lên đi, tia sáng nhỏ bé của mẹ! Ôi, lên bờ đi, con chim ưng nhỏ bé của mẹ. Và nó chết đuối như thế nào thì có trời biết. Nó chơi trên bờ, mẹ nó cũng ở đấy, đang đánh đồng cỏ khô. Bỗng bà ấy nghe như có ai phì bong bóng nước, ngoảnh lại thì chỉ thấy cái mũ của Vaxya nổi lênh bênh. Thế là từ đó bà Fêklixa đâm ra ngây dại: bà ấy cứ đến chỗ nó chết đuối và nằm xuống đất. Bà ấy nằm đấy và hát một bài hát ngắn; chúng mày còn nhớ bài mà Vaxya vẫn hát chứ, bà ấy rên rĩ hát bài đó, hát rồi khóc, khóc suốt suốt và oán trách Chúa trời bằng những lời chua xót. . .

- Pavlusa về kia rồi - Fêđya thốt lên.

Paven tới gần đồng lửa, tay xách cái ga men đầy nước.

- Chúng mày ơi - Nó nói, sau một lúc im lặng. Có chuyện không hay.

- Gì thế" - Koxya hấp tấp hỏi.

- Tao nghe thấy tiếng Vaxya.

Cả bọn tự nhiên đều giật mình.

- Mày bảo sao, hở? - Koxya lắp bắp.

- Thực đấy. Tao vừa cúi xuống nước thì bỗng nghe thấy tiếng Vaxya gọi, và tiếng gọi như từ đáy nước đưa lên: "Pavlusa, Pavlusa à!". Tớ nghe tiếng đó lại gọi: "Pavlusa, xuống đây!". Tớ lùi lại. Nhưng tớ đã mức được nước.

- Ôi lạy Chúa? Lạy Chúa tôi! - Những thằng bé vừa kêu lên vừa làm dấu thánh.

- Ấy là hà bá gọi mày đấy, Paven ạ. - Fêđy thêm... - Chúng tớ cũng vừa nói chuyện về Vaxya.

- Chà, đấy là điểm chẳng lành - Iliusa nói giọng dứt quăng.

- Chẳng hề gì, kệ - Paven nói với giọng quả quyết và lại ngồi xuống - Chẳng thể nào thoát khỏi số mệnh của mình.

Bọn trẻ nín lặng. Rõ ràng là lời Paven đã gây cho chúng ấn tượng sâu sắc. Chúng bắt đầu nằm xuống trước đồng lửa như sửa soạn đi ngủ.

- Cái gì thế? - Koxya bỗng ngẩng đầu lên, hỏi.

Paven lắng nghe.

- Đấy là chim dẽ gà. Khi bay, thỉnh thoảng chúng lại huýt lên như thế.

- Chúng bay đi đâu?

- Người ta bảo là chúng nó bay về nơi không có mùa đông.

- Có nơi như thế ư?

- Có.

- Xa không?

- Xa, xa lắm, bên kia những biển ấm. Koxya thở dài và nhắm mắt lại. Đã hơn ba tiếng kể từ lúc tôi nhập bọn với những thằng bé.

Trăng đã lên. Tôi không nhận thấy ngay là trăng đã mọc: vàng trăng nhỏ và hẹp bề ngang quá. Cái đêm không trăng này có vẻ vẫn trắng lệt như trước.

Nhiều ngôi sao ban nãy còn cao vọi vọi, giờ đây đã chếch về phía rìa trái đất mờ tối. Xung quanh đã trở nên im ắng. Chỉ gần sáng, vạn vật mới lặng đi như thế. Tất cả đều ngủ say, không nhúc nhích, giắc ngủ trước lúc rạng đông. Không khí không còn đượm nồng như trước, hơi ẩm

đường như lại tràn lan khắp nơi... Đêm hè thật là ngắn ngủi!... Cuộc chuyện trò của bọn trẻ lại dần theo đồng lửa... Những con chó cũng ngủ gà ngủ gật. Dưới ánh sao lung linh sáng mờ, tôi có thể nhận ra những co vật cũng nằm rũ đầu xuống... Tôi mơ màng, rồi thi u thi u ngủ.

Một làn gió mát mẻ mơn trớn trên mặt tôi. Tôi mở mắt: buổi sáng đã đến. Chưa chỗ nào nhuộm ánh hồng, nhưng góc trời đằng đông đã bắt đầu trắng ra. Đã nhìn thấy mọi vật xung quanh, tuy còn mờ mờ. Bầu trời xám nhợt đã sáng hơn, chuyển dần sang màu xanh lơ. Những ngôi sao khi thì nhấp nháy ánh sáng yếu ớt, khi thì biến mất! Mặt đất nhuộm hơi ẩm, lá bắt đầu đổ mồ hôi, những âm thanh sinh động và tiếng nói của các sinh vật đã bắt đầu nổi lên đây đó, làn gió sớm thoang thoảng đã bắt đầu nhơn nhơn bay lượn trên mặt đất. Cơ thể tôi chào mừng nó bằng một cái rùng mình nhẹ nhàng vui vẻ. Tôi nhanh nhẹn trở dậy và đến gần những thằng bé. Chúng vẫn ngủ như chết quanh những đồng lửa chỉ còn than cháy âm ỉ. Riêng có Paven nhồm nửa người lên và chăm chú nhìn tôi.

Tôi gật đầu với nó và lên đường trở về, đi dọc con sông hơi bốc nghi ngút. Tôi đi chưa được hai dặm thì xung quanh tôi, những dòng ánh sáng trẻ trung nồng nhiệt, thoát tiên màu tím hồng, rồi chuyển sang màu đỏ và vàng, đã chảy tràn ra khắp nơi: trong đồng cỏ bát ngát đầm hơi sương, trên những quả đồi xanh rờn ở phía trước, từ khu vực này đến khu rừng khác, trên con đường dài bụi bặm ở phía sau, trên những bụi cây lấp lánh màu huyết dụ, và trên con sông bóng lên một màu xanh mờ bẽn lẽn dưới làn sương mù đang tan dần...

Khắp nơi, những giọt sương lớn rục lên như những hạt kim cương chói ngời. Tiếng chuông trong trẻo và sáng rõ, dường như cũng được tắm gội trong khí mát ban mai, bay về phía tôi, và bỗng nhiên, bầy ngựa đã được nghỉ ngơi hồi sức rầm rập lao đi bên cạnh tôi: những thằng bé quen biết lừa chúng đi...

Đáng tiếc là tôi phải nói thêm rằng Paven đã từ già cõi đời ngay trong năm ấy. Nó không chết đuối nó chết vì ngã ngựa. Thương thay, nó là một gã trai tuyệt diệu!

KAXIAN Ở KRAXIVAIA METS

Tôi đi sẵn về, ngồi trong chiếc xe tải nhỏ xóc nảy người. Bải hoải vì cái nóng ngọt ngạt của một ngày hè đầy mây (ai cũng biết rằng những ngày như thế đôi khi còn nóng hơn cả những ngày bầu trời trong sáng, nếu lại không có gió nữa thì càng oi bức không thể chịu được), tôi thiu thiu ngủ và lắc la lắc lư, cau có và kiên gan phó mặc thân mình làm mồi cho đám bụi nhỏ trắng xoá không ngớt bốc lên từ con đường gồ ghề dưới những bánh xe nứt nẻ và xọc xạch. Bỗng nhiên, tôi bừng tỉnh và để ý ngay đến vẻ bồn chồn khác thường và cử động nhấp nhòe đầy vẻ lo lắng của người đánh xe, trước đó anh ta ngủ còn say hơn tôi. Anh ta giật cương ngo ngoáy trên ghế, bắt đầu thét mắng ngựa và chốc chốc lại nhìn ra nơi nào ở mé bên. Tôi nhìn quanh. Chúng tôi đang đi trên một cánh đồng lớn đã cày. Những quả đồi thấp, cũng đã cày, chạy thoai thoải vào đồng bằng, tạo thành hình thế nhấp nhòe như sóng. Tầm mắt nhìn chỉ xa được khoảng năm dặm trong không gian vắng vẻ. Xa xa chỉ có những khoảnh rừng phong nhỏ vươn cao những ngọn cây tròn có khía răng cưa lên trời, làm đứt quãng đường chân trời gần như thẳng bằng. Những con đường nhỏ chạy dài trên các cánh đồng biến mất trong các chỗ trũng, lượn vòng quanh các ngọn đồi, và trên con đường nhỏ cắt ngang đường chúng tôi ở một chỗ cách năm trăm bước về phía trước, tôi nhận thấy một đoàn xe đang đi. Chính đó là cái mà người đánh xe của tôi chốc chốc lại đưa mắt nhìn.

Đấy là đám tang. Phía trước, chiếc xe một ngựa đi thông thả. Trên xe có một giáo sĩ, ngồi bên cạnh ông ta là viên tư tế, chính viên tư tế điều khiển ngựa. Đi sau xe là bốn nông dân đầu trần khiên một cỗ quan tài phủ vải trắng. Hai người đàn bà đi sau quan tài. Cái giọng cao, ai oán, yếu ớt của một trong hai người đó bỗng bay đến tai tôi. Tôi lắng nghe: người đàn bà ấy gào khóc. Khúc điệu đau xót tuyệt vọng, đơn điệu, ngân nga ấy vang lên giữa cánh đồng hiu quạnh nghe thật não nùng. Người đánh xe giục ngựa, anh ta muốn vượt đường trước khi đoàn xe tang đến. Gặp người chết trên đường là điềm gở. Anh ta thực sự đã kịp cho xe vượt đường trước khi người quá cố đến nơi. Nhưng chúng tôi đi xa chưa được một trăm bước thì xe xóc mạnh một cái, nghiêng hẳn đi, suýt đổ. Người đánh xe ghì những con ngựa đang chạy nhanh lại, nghiêng mình ra ngoài xe nhìn xem, rồi phẩy tay và nhổ bọt.

- Cái gì thế - Tôi hỏi.

Người đánh xe của tôi lẳng lặng và thông thả xuống xe.

- Sao thế?

- Trục gẫy ... bị cháy - Anh ta rầu rĩ trả lời và đột nhiên sửa lại cái đai da của con ngựa phụ với thái độ phần nộ đến nỗi con vật suýt ngã nghiêng nhưng cố đứng vững được, phì một tiếng, lắc mình và hết sức điềm tĩnh, bắt đầu dùng răng gãi chỗ dưới đầu gối chân trước.

Tôi xuống xe và đứng một lúc trên đường, trong lòng mơ hồ cảm thấy một nỗi băn khoăn bức dọc. Bánh xe bên phải gần như hoàn toàn bị đè dưới xe âm thầm tuyệt vọng chống gọng lên trời.

Làm thế nào bây giờ? - Cuối cùng tôi hỏi.

- Tại cái kia kia! - Người đánh xe của tôi vừa nói vừa giơ roi chỉ đoàn xe đã lên đường cái và

tới gần chúng tôi. - Bao giờ tôi cũng nghiệm thấy rằng gặp người chết là điềm gở. Đúng thế.

Anh ta lại rầy la con ngựa phụ. Con vật thấy anh có vẻ bức bối và nghiêm khắc, liền đứng im không nhúc nhích, chỉ thỉnh thoảng ve vẩy đuôi một cách nết na. Tôi cũng đi đi lại lại dăm ba bước và dừng trước bánh xe.

Trong lúc đó, người quá cố đã đuổi kịp chúng tôi. Đám tang buồn rầu, lẳng lẳng rẽ sang vệ cỏ bên đường và kéo theo cỗ xe chúng tôi. Tôi và người đánh xe bỏ mũ, chào ông giáo sĩ, đưa mắt trao đổi với những người khiêng quan tài. Họ đi một cách khó nhọc, nhưng bộ ngực rộng của họ ưỡn cao. Trong hai người đàn bà đi sau quan tài, một người già và tái nhợt, nét mặt biến dạng hẳn đi vì đau xót, nom đờ đẫn, nhưng vẫn giữ được vẻ trang nghiêm trịnh trọng. Bà ta lẳng lẳng bước đi, thỉnh thoảng đưa bàn tay gầy guộc lên gần cặp môi mỏng móm sâu vào. Người kia còn trẻ, khoảng chừng hai mươi năm tuổi, mắt ướm đỏ hoe, sừng húp lên vì khóc. Khi tới chỗ chúng tôi, chị ta thôi không gào khóc nữa và đưa ống tay áo lên che mặt... Nhưng người quá cố đã vượt qua chỗ chúng tôi, lại đi ra giữa đường, và tiếng than khóc ai oán, xé lòng xé ruột của chị lại vang lên. Người đánh xe của tôi đưa mắt nhìn theo chiếc quan tài lắc lư đều đều nói với tôi:

- Đám ma anh thợ mộc Martun đấy - Anh ta nói - Người ở Riaba.

- Tại sao anh biết?

- Nhìn hai người đàn bà kia là tôi nhận ra. Người già là mẹ anh ta, còn người trẻ là vợ.

- Anh ta ốm à?

- Vâng, sốt cao... Hôm kia, người quản lý cho mời *đúc tờ*, nhưng ông *đúc tờ* không có nhà. Anh ta là thợ mộc giỏi, có hơi nghiện rượu, nhưng là thợ mộc giỏi. Ông xem, vợ anh ta đau buồn như thế...ờ, nhưng ai chả biết là nước mắt đàn bà có phải bỏ tiền ra mua đâu. Nước mắt đàn bà cũng như nước lã. Đúng thế.

Người đánh xe của tôi thoát tiên tì đầu gối vào vai con ngựa chính, lắc cái cồng ngựa hai lần, sửa lại yên, rồi lại luồn qua dưới cương con ngựa phụ nhân tiện tống vào mồm nó một cái, và tới gần bánh xe, nhìn chăm chăm, và vẫn không rời mắt khỏi cái bánh xe, thông thả lấy ở dưới tà áo kafotan ra một cái hộp nhỏ bằng vỏ cây phong, thông thả kéo sợi dây nhỏ mở nắp hộp, thông thả thò hai ngón tay to tướng vào (hai ngón tay phải khó khăn tằm mới ních vào vừa), vò đi vò lại thuốc lá, nhếch mũi trước khi hít, rồi hít thuốc một lúc lại ngừng, mỗi lần đều kèm theo tiếng khà kéo dài, và nheo nheo, hấp háy cặp mắt ứa nước như bị đau, trầm ngâm suy nghĩ.

- Này, thế nào? - Cuối cùng tôi thốt lên.

Người đánh xe của tôi cẩn thận cho cái hộp vào túi và không dùng tay, chỉ lắc đầu một cái làm mũ sụp xuống tận lông mày, và dăm chiêu leo lên chỗ ngồi.

- Anh định đi đâu thế - Tôi ngạc nhiên hỏi anh ta.

- Xin mời ông lên - Anh ta điềm nhiên trả lời và cầm lấy dây cương.

- Đi bằng cách nào được?

- Đi được chứ.

- Nhưng trục xe...

- Xin mời ông lên.

- Trục gãy rồi mà.

- Gãy thì gãy, nhưng vẫn có thể đi cố đến một xóm gần đây, đi thong thả thôi mà. Sau khoảng rừng kia, ở phía bên phải, có một xóm gọi là xóm lưđin.

- Thế anh cho rằng chúng ta vẫn dùng xe nà mà đến được nơi ấy à?

Người đánh xe không buồn trả lời tôi.

- Thà tôi đi bộ còn hơn - Tôi nói.

- Xin tùy ông...

Anh ta quát roi. Ngựa cất bước.

Chúng tôi quả thực là đã đến được cái xóm ấy tuy bánh xe trước phía bên phải chỉ dính lỏng lẻo vào xe và quay một cách lạ lùng phi thường. Khi xuống một cái gò đất, bánh xe suýt văng ra. Nhưng người đánh xe của tôi quát nó một tiếng hết sức giận dữ, và chúng tôi xuống dốc yên ổn. Xóm lưđin gồm sáu túp nhà nhỏ thấp lè tè, đã xiêu vẹo tuy có lẽ cũng mới dựng cách đây không lâu; không phải sân nhà nào cũng có rào bao quanh. Khi vào xóm ấy, chúng tôi không gặp một người nào cả, thậm chí đến gà mái hay chó cũng không thấy. Chỉ có một con chó đen, đuôi cộc, từ một cái chậu giặt hoàn toàn khô nhảy ra (chắc nó khát quá nên sục vào đấy tìm nước) và thấy chúng tôi, nó không sủa tiếng nào, hấp tấp chui ngay xuống dưới cổng. Tôi vào túp nhà đầu tiên, mở cửa phòng ngoài, gọi chủ nhân, nhưng không ai trả lời. Tôi gọi lần nữa: phía sau cánh cửa kia, có tiếng meo meo của con mèo đốm. Tôi dùng chân đẩy cửa, con mèo nhảy vọt qua bên cạnh tôi, đôi mắt xanh lè trong bóng tối. Tôi thò đầu vào phòng, nhìn: phòng tối tăm, ám khói, vắng tanh. Tôi ra sân, cũng chẳng thấy ai... Trong một khu vực có rào bao quanh, một con bê cất tiếng kêu. Một con ngỗng xám thọt chân khập khiễng lánh đi. Tôi sang nhà thứ hai, nhà này cũng không có mống nào. Tôi ra sân...ở chính giữa cái sân sáng sủa, chỗ nắng ấm nhất, một người nằm sấp, đầu trùm cái áo *armiak* tôi đoán đó là một thằng bé, cách đấy mấy bước cạnh một chiếc xe tải nhỏ tồi tàn, một con ngựa gà guộc, thẳng bộ cương rách nát, đứng dưới cái mái che lợp rạ. Những luồng ánh sáng mặt trời dội qua các khe hẹp của cái mái rạ cũ nát, in những vệt sáng nhỏ sặc sỡ trên bộ lông xồm màu đỏ của con ngựa. Ngay ở đấy, trong cái chuồng chim treo cao những con sáo sậu chuyện trò huyền thuyên, từ trên căn nhà nhỏ lơ lửng của mình ngó xuống với vẻ bình tĩnh và tò mò. Tôi tới gần người đang ngủ đánh thức người đó.

Người đó ngẩng đầu lên, thấy tôi và lập tức bật dậy... "Cái gì? Ai cần gì? Gì thế?" - người đó càu nhàu vẫn chưa tỉnh ngủ hẳn.

Tôi không trả lời ngay: hình dạng người này làm tôi sửng sốt quá đỗi. Các bạn hãy tưởng tượng ra một người lùn trạc năm mươi tuổi, mặt nhỏ nước da nâu sạm và nhăn nhéo, mũi nhỏ và nhọn, cặp mắt màu hạt dẻ mà ta phải để ý lắm mới nhận thấy được, tóc đen xoăn, đầy rậm như cái mũ nấm xoè rộng trên mái đầu nhỏ xíu. Toàn thân người đó rất hom hem và gầy, và dứt khoát là không có lời nào tả cho được cái nhìn của người đó khác thường và kỳ lạ đến thế nào.

- Cần gì? - Người đó lại hỏi tôi.

Tôi nói cho ông ta rõ tôi muốn gì. Ông ta nghe tôi nói, cặp mắt chớp chớp thư thả vẫn không rời khỏi tôi.

- Vậy ông không thể kiếm cho tôi một cái trục mới được à? - Cuối cùng, tôi hỏi - Giá cả thế nào cũng được. - Nhưng các anh là ai? Người đi săn hả? - ông ta nhìn tôi từ đầu đến chân và hỏi.

- Người đi săn.

- Bắn chim trời chứ gì? ... Bắn thú rừng chứ gì? Các người giết những con chim của Chúa, làm đổ máu những con vật vô tội chẳng phải là có tội ư?

Ông già kỳ lạ nói rất dài giọng. Giọng nói của ông ta cũng khiến tôi ngạc nhiên. Nó không có vẻ gì là già yếu, mà ngọt ngào lạ thường, trẻ trung và dịu dàng gần như giọng phụ nữ.

- Tôi không có trục xe - ông ta nói thêm, sau một lúc im lặng - Cái này không dùng được (ông ta chỉ chiếc xe của mình), xe của ông có lẽ to hơn.

- Thế có thể tìm trong làng được không?

- Làng gì ở đây!... ở đây chẳng có ai cả. Mà cũng chẳng có ai ở nhà: đi làm hết cả. Các anh đi đi - ông ta bỗng thốt lên và lại nằm xuống đất.

Tôi không hề ngờ tới cái kết thúc như thế.

- Này, ông già - Tôi chạm vào vai ông ta, nói - ông vui lòng giúp chúng tôi với.

- Mời các anh đi cho! Tôi mệt rồi, tôi vừa ra thành phố về. - ông ta nói và kéo cái áo *armiak* lên che đầu.

- Ông giúp hộ - Tôi nói tiếp - Tôi... tôi sẽ trả tiền.

- Tôi không cần tiền của anh.

- Ông già ơi, ông làm ơn...

Ông ta nhóm nửa người lên và ngồi dậy, xếp bằng tròn, đôi chân mảnh khảnh thu lại.

- Thôi được, tôi sẽ dẫn ông đến khu đồn cây. Những người lái buôn ở đây đã mua một khoảnh rừng, Chúa sẽ phán xét họ, họ sẽ đồn khoảnh rừng đó và đã lập một chi điểm buôn, Chúa sẽ xét xử họ. Đến đây anh sẽ đặt họ làm một cái trục hay mua một cái làm sẵn.

- Hay lắm! - Tôi sung sướng kêu lên - Tuyệt lắm! Ta đi đi.

- Trục gỗ sồi, loại trục tốt đấy - ông ta nói tiếp nhưng vẫn không đứng lên.

- Đến khu đồn gỗ có xa không?

- Ba dặm.

- Thế thì được? Có thể dùng xe của ông đi đến đó!

- Ồ, không...

- Ta đi đi - Tôi nói - Chúng ta cùng đi, ông già ạ? Người đánh xe đang chờ chúng ta ở ngoài đường.

Ông già miễn cưỡng đứng lên và theo tôi ra đường. Người đánh xe của tôi đang cầu: anh ta định cho ngựa uống nước, nhưng giếng rất cạn, mùi vị nước lại khó chịu, mà theo lời những người đánh xe, nước uống cho ngựa là quan trọng bậc nhất.

Tuy thế, thấy ông già, anh ta cười toác miệng, gật đầu và kêu lên - A, Kaxianuska! Chào ông!

- Chào anh, Êrôfây, chào người công chính! Kaxian đáp, giọng chán ngán.

Tôi lập tức nói cho anh ta biết đề nghị của ông già. Êrôfây đồng ý và cho xe vào sân. Trong lúc anh ta tháo ngựa một cách chăm chú, cẩn thận, ông già đứng tựa vai vào cổng, khi thì nhìn anh ta, khi thì nhìn tôi với vẻ không vui. Ông ta dường như băn khoăn: tôi nhận thấy ông ta không lấy gì làm vui mừng về cuộc đến thăm bất ngờ của chúng tôi.

- Thế ông cũng phải dọn đến ở đây à? - Êrôfây đột nhiên hỏi ông ta lúc tháo cái vai ngựa.

- Anh thấy đấy.

- Hừ? - Người đánh xe thốt lên qua kẽ răng - ông biết chứ, anh thợ mộc Martun... ông biết Martun ở Riaba chứ?

- Biết.

- Anh ta chết rồi. Chúng tôi vừa gặp đám đưa ma anh ta.

Kaxian giật mình.

- Chết rồi à? - ông ta thốt lên và cúi mặt xuống. -

- Phải, chết rồi. Sao ông không chữa cho anh ta, hả? Nghe nói ông vẫn chữa bệnh, ông là thầy lang cơ mà?

Có lẽ người đánh xe của tôi đùa bỡn, chế nhạo ông già.

- Đây là xe của ông phải không? - Anh ta nói thêm, hếch vai chỉ cái xe.

- Của tôi.

- Ôi chào, cái này mà cũng gọi là xe... xe với xiếc! - Anh ta nhắc lại và cầm lấy càng xe, gần như lật ngựa nó lên... - Xe với xiếc! Thế các ông định đi ra khu đồn cây bằng xe nào? Không thể thắng ngựa của chúng tôi vào hai càng xe này được: ngựa của chúng tôi là ngựa to, còn cái này là cái gì?

- Tôi không biết các anh sẽ dùng ngựa nào để đi Kaxian đáp - Hay dùng con vật này chẳng - ông ta nói thêm, kèm theo tiếng thở dài.

- Con này ấy à? - Êrôfây nói theo và tới gần con ngựa khổ của Kaxian, dùng ba ngón tay của bàn tay phải xia vào cổ nó với vẻ khinh miệt. Xem này - Anh ta nói thêm với vẻ trách móc - Nó ngủ, của nợ!

Tôi bảo Êrôfây thắng ngựa mau lên. Tôi muốn đi với Kaxian đến khu đồn cây: ở đấy thường có gà rừng. Khi xe đã sẵn sàng, và tôi cùng với con chó của tôi đã thu xếp ngồi tạm trên cái sàn xe vênh vẹo còn Kaxian cũng ngồi thu lu trên thành xe phía trước, vẻ mặt vẫn chán ngán như trước, thì Êrôfây đến gần tôi và thì thầm với vẻ bí mật - Thưa ông, ông đi với lão ta là rất hay. Lão kì quặc thế đấy, lão là *thánh hài* ([50]) mà, người ta đặt biệt hiệu cho lão là Blôkha ([51]).

Tôi không biết ông làm thế nào mà có thể hiểu được lão.

Tôi toan bảo với Êrôfây rằng cho đến lúc này tôi vẫn thấy Kaxian là một người hoàn toàn khôn, nhưng người đánh xe của tôi lập tức nói tiếp, vẫn một giọng như thế:

- Ông hãy chú ý xem lão có đánh xe đưa ông đến đấy không? Và trục xe thì xin ông tự chọn lấy, chọn cái nào khỏe ấy... à, ông Blôkha này - Anh ta nói thêm, cất cao giọng - Có thể mua được bánh mì ở vùng này không?

- Cứ tìm đi, có thể sẽ tìm được đấy. - Kaxia đáp, giật dây cương, và chúng tôi đi.

Tôi thực sự ngạc nhiên thấy ngựa ông ta chạy rất khá. Suốt dọc đường, Kaxian cứ gan lì chẳng nói chẳng rằng, tôi hỏi thì ông ta trả lời nhát gừng và miễn cưỡng. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã đến khu đồn cây, rồi đến được chi điểm buôn. Đây là một ngôi nhà gỗ cao, đứng trơ trọi trên một cái khe nhỏ được chặn ngang bằng một con đập đắp qua quít, và khe đã biến thành cái ao. Trong điểm giao dịch ấy, tôi gặp hai người quản lý trẻ tuổi, răng trắng như tuyết, mắt nhìn dịu dàng, nói năng nhẹ nhàng và lưu loát, miệng mỉm cười vừa ngọt ngào vừa quỷ quyệt. Tôi mua trục xe của họ và trở lại khu đồn cây. Tôi tưởng Kaxian sẽ ở lại trông ngựa của mình và chờ tôi, nhưng ông ta bỗng tới gần tôi.

- Thế nào, anh sẽ đi bắn chim chứ? Sao? - Ông ta hỏi.

- Vâng, nếu tìm thấy chim.

- Tôi sẽ đi với anh... Được không?

- Được, được chứ.

Chúng tôi đi. Khu đồn cây chỉ dài chừng một dặm. Thú thực là tôi chú ý nhìn Kaxian hơn là nhìn con chó của tôi. Người ta gán cho ông ta cái biệt hiệu "Bọ nhảy" không phải là vô cớ. Cái đầu nhỏ tóc đen để trần của ông ta (tóc ông ta có thể thay thế cho bất cứ cái mũ nào) thấp thoáng trong các bụi cây. Ông ta đi nhanh nhẹn lạ thường và dường như vừa đi vừa nhảy, luôn luôn cúi xuống hái những thứ cỏ gì không rõ, nhét vào ngực áo, lăm bằm một mình và luôn luôn nhìn con chó của tôi, cái nhìn tò mò, lạ lùng hết chỗ nói. Trong các bụi cây thấp, trong các bụi rậm và ở các khu đồn gỗ thường có những con chim nhỏ màu xám chốc chốc lại chuyển từ cây này sang cây khác và vừa huýt lên vừa bắt ngờ lẫn biến đi đâu mất.

Kaxian chòng ghẹo chúng, bắt chước tiếng kêu của chúng: một con cun cút vừa kêu vừa bay lên từ dưới chân ông ta, ông ta liền bắt chước tiếng nó gọi với theo. Một con sơn ca bắt đầu là xuống trên đầu ông ta, vỗ cánh và hót lanh lảnh. Kaxian phụ họa theo khúc ca của nó. Ông ta vẫn không nói chuyện với tôi ...

Thời tiết vẫn đẹp, càng đẹp hơn trước, nhưng không bớt nóng chút nào. Trên bầu trời trong sáng những đám mây cao và thưa thớt nhẹ nhàng lướt trôi, để ý lắm mới thấy là chúng vẫn lướt đi. Mây nửa trắng nửa vàng như tuyết mùa xuân đến muộn, phẳng phiu và thuôn thuôn như những cánh buồm đã cuốn lại. Đường rìa của chúng có vân hoa nhẹ xấp như bông tơ, mỗi lúc một thay hình đổi dạng một cách chậm chạp, nhưng có thể thấy được.

Những đám mây ấy tan dần ra, nhưng không tỏa bóng tối xuống mặt đất. Tôi với Kaxian đi vơ vẩn một lúc lâu trong khu đồn cây. Những cành cây non chưa cao quá một *arsin* (0,71m), mảnh và nhẵn, mọc quanh những gốc cây thấp đã xám đen. Những cục u tròn, xấp có đường viền xám dính vào những gốc

cây ấy: chính những cục u mà người ta chích nhựa để làm bùi nhùi. Dâu rừng thả những tua

cuốn màu hồng dọc theo các thân cây, nấm mọc chen chúc từng gia đình đông đúc ngay tại đây. Chân tôi luôn luôn bị vướng trong đám cỏ dài no nê ánh mặt trời nóng cháy. Nhìn chỗ nào mắt cũng hoa lên vì ánh lấp lánh chói gắt như ánh kim loại của những lá non màu đỏ nhạt trên những cây nhỏ. Khắp nơi phôi ra những màu sắc sặc sỡ: những chùm đậu rừng màu thanh thiên, những đài hoa quáng gà vàng óng, những bông Ivan-đa-marya nửa tím nửa vàng. Trên những con đường nhỏ lâu nay không dùng đến nữa, có những dải cỏ lẫn lẫn màu đỏ, di tích của những vệt bánh xe trước kia. Rải rác đây đó cạnh những con đường ấy, có những đồng củi đã sạm đen vì mưa gió, xếp thành khối vuông cao tới một *xagien* (2,13m) in xuống mặt đất những vệt bóng mờ mờ hình bình hành. Ngoài ra không còn một vệt bóng nào nữa. Ngọn gió phe phẩy khi thì dậy lên khi thì lặng đi: lúc mới nổi lên, nó đột nhiên hướng thẳng vào mặt và dường như mỗi lúc một mạnh: xung quanh, mọi vật đều ồn ào vui vẻ, bắt đầu gật gù và lay động, những ngọn dương xỉ mềm mại lắc lư một cách duyên dáng, ta vui sướng vì cơn gió mát... nhưng gió lại lặng đi, và tất cả lại im ắng. Riêng có những con蝶 vẫn kêu ran lên như bức tức: cái âm thanh không ngừng, chua gắt và khô khan ấy làm ta mệt mỏi. Nó bắt nguồn từ cái nóng dai dẳng buổi trưa, dường như do cái nóng ấy sinh ra, do cái nóng ấy làm bật lên từ mặt đất bị nung nóng bỏng.

Cuối cùng, chúng tôi đã đến khu đồn cây mới và vẫn không gặp một ổ chim nào cả. Ở đây, những cây hoàn diệp liễu mới chắt nầm dài trên mặt đất, nom buồn thiu, dề lên cỏ và những bụi cây nhỏ. Ở một số cây, lá vẫn còn xanh nhưng đã chết, lá rũ xuống trên những cành bất động, ở một số cây khác lá đã khô héo, cong queo. Một mùi đắng đắng đặc biệt, hết sức dễ chịu tỏa ra từ những mảnh vỏ cây tươi màu trắng và vàng ánh nằm chắt đồng cạnh những gốc cây còn ứa nhựa. Đàng xa, phía gần rừng, có tiếng riu rồ chan chát, và chốc chốc, một cái cây um tùm lại ngã xuống một cách trịnh trọng và nhẹ nhàng, như cú chào và giang rộng tay...

Tôi tìm mãi vẫn không thấy con vật nào để bắn. Cuối cùng, từ một bụi sồi non lan rộng, có cỏ ngải mọc suốt từ trong đến ngoài, một con gà nước bay qua. Tôi nổ súng, nó lộn nhào trên không và rơi xuống. Nghe tiếng nổ, Kaxian đưa nhanh tay lên bịt mắt và không nhúc nhích, cho đến khi tôi nạp xong đạn và nhặt con gà lên mới thôi. Khi tôi lại tiếp tục đi, ông ta tới chỗ con chim bị hạ, cúi xuống đám cỏ vấy mấy giọt máu, lắc đầu sợ hãi nhìn tôi... Rồi tôi nghe thấy ông ta thì thào: "Tôi lỗi! ... Cha ôi thật là tôi lỗi?!".

Cuối cùng, cái nóng buộc chúng tôi phải vào rừng. Tôi gieo mình xuống dưới một bụi hồ đào cao. Bên trên, một cây phong non, thon gọn, dang rộng những chùm lá nhẹ, nom thật là đẹp. Kaxian ngồi lên cái gốc cụt to của một cây dương bị đổ. Tôi nhìn ông ta. Lá cây hơi lay động trên đỉnh cao, và những bóng lá phơn phớt màu lục nhẹ nhàng lướt đi lướt lại trên tấm thân hom hem đùm trong chiếc áo *armiăk* thẫm màu, trên khuôn mặt choắt của ông già. Ông già không ngẩng đầu lên. Chán ngán vì thái độ lăm lè của ông ta, tôi nằm ngửa mặt lên và bắt đầu ngắm trò chơi hiền hoà của những chiếc lá đan lẫn vào nhau in trên nền trời xa trong sáng.

Nằm ngửa lưng trong rừng và nhìn lên cao là một cái thú tuyệt trần! Bạn có cảm giác như bạn đang nhìn cái biển không đáy, dường như cái biển ấy trải rộng dưới lưng bạn, dường như cây cối không mọc từ dưới đất lên, mà chúng là rễ của những cây khổng lồ ăn lan xuống, cắm thẳng vào những làn sóng trong như pha lê. Lá cây khi thì ánh lên màu ngọc bích, khi thì sạm lại thành một màu lục, ánh sáng vàng, gần như đen. Xa tít trên kia, cuối một cành cây mảnh, một chiếc lá không lay động, in lên mảng trời xanh trong, và cạnh đó một chiếc lá khác rung rinh, nom như cái đuôi cá ve vẩy, tưởng chừng như cử động ấy là cử động tự ý của sinh vật chứ không phải do gió gây nên. Những đám mây trắng tròn trĩnh nhẹ nhàng trôi tới và nhẹ nhàng lướt qua như những đảo ngầm thần kỳ. Và, bỗng nhiên, cả cái biển ấy, cả bầu không khí chói lọi ấy cả những cành lá ngập ánh nắng ấy đều bắt đầu chảy thành dòng, đều lấp loé ánh sáng trắng lung linh và tiếng róc rách tươi mới chột dậy lên, hồi hộp như tiếng vỗ nhỏ nhẹ bất tận của con sóng đột nhiên ủa tới. Bạn không nhúc nhích và nhìn: không lời nào tả được nỗi vui sướng trong lòng bạn, tâm hồn bạn trở nên yên tĩnh và khoan khoái. Bạn nhìn: cái màu xanh da trời sâu thẳm tinh khiết ấy khiến cho trên môi bạn nở một nụ cười cũng trong trắng như thế, như

những đám mây trên trời, và dường như cùng với mây trời, những hồi ức sung sướng nối tiếp nhau, thông thả trở lại trong tâm hồn bạn, và bạn luôn luôn có cảm giác rằng luồng mắt bạn phóng ra xa, xa mãi và lôi cuốn chính bản thân bạn vào cái vực không đáy bình yên, ngời sáng ấy, và không thể nào rời mắt khỏi cái đỉnh cao chói vót ấy, cái chiều sâu thăm thẳm ấy...

- Anh quý tộc, này, anh quý tộc! - Kaxian bỗng thốt lên bằng cái giọng âm vang của mình. Tôi ngạc nhiên nhồm dậy. Cho đến giờ, khi tôi hỏi ông ta vẫn chỉ trả lời miễn cưỡng, vậy mà nay bỗng nhiên chính ông ta lại lên tiếng trước.

- Ông cần gì? - Tôi hỏi.

- Này, anh giết chim để làm gì? - ông ta nhí thẳng vào mắt tôi, bắt đầu nói.

- Để làm gì là thế nào?... Gà nước là chim rừng có thể ăn được.

- Anh giết nó không phải để ăn, anh mà lại ăn gà nước! Anh giết nó để tiêu khiển.

- Nhưng có lẽ chính ông cũng ăn ngỗng hay gà chứ hả?

- Ngỗng hay gà là do Chúa định để cho người ăn thịt, còn gà nước là con chim tự do, con chim rừng. Mà không phải chỉ có gà nước: nhiều giống vật ở rừng, cả giống vật ở đồng ruộng, ở sông, đầm lầy và ở đồng cỏ, ở trên thượng nguồn và dưới hạ lưu cũng thế - giết chúng là có tội, hãy mặc cho chúng sống trên trái đất cho đến hết tuổi đời...Chúa đã định cho con người thứ thức ăn khác. Chúa dành cho con người thức ăn và đồ uống khác: bánh mì là ân huệ của Chúa ban cho, và nước trời cho, và những loài vật mà tổ tiên ta đã nuôi quen trong nhà.

Tôi ngạc nhiên nhìn Kaxian. Lời lẽ của ông ta tuôn ra như nước chảy, ông ta không tìm lời, ông ta nói với vẻ hào hứng trầm tĩnh, vừa nghiêm trang vừa hiền lành, thỉnh thoảng lại nhắm mắt lại.

- Vậy theo ông, giết cá cũng là có tội ư? - Tôi hỏi.

- Cá là loài máu lạnh - ông ta đáp quả quyết. Cá là loài vật câm. Nó không biết sợ, không biết vui. Cá là loài vật không có tiếng nói. Nó không có cảm giác, máu nó không phải là máu sống... Máu. Ông ta im lặng một lát rồi nói tiếp - Máu là thứ thiêng liêng! Máu không thấy mặt trời của Chúa, máu lẩn trốn ánh sáng... phơi máu ra ngoài ánh sáng là một tội lớn vô cùng, lớn vô cùng và thật là đáng sợ... ôi, tội lớn vô cùng!

Ông thở dài và gằm mặt xuống. Thú thật là tôi nhìn ông già kìa mà sửng sốt. Lời lẽ của ông ta không phải là lời lẽ của người *mujich*: những người bình thường không nói như thế, những người khéo mồm cũng không nói như thế. Ngôn ngữ ấy vừa trịnh trọng vừa chín chắn và kỳ lạ... Tôi chưa hề nghe thấy ai nói như vậy...

- Ông Kaxian này - Tôi nói, mắt không rời khỏi khuôn mặt đã hơi đỏ lên của ông - ông cho tôi biết ông làm gì để sống?

Ông ta không trả lời ngay. Luồng mắt của ông ta chợt trở nên nhón nhác.

- Tôi sống theo lệnh Chúa phán truyền - Cuối cùng ông ta thốt lên - Còn về việc kiếm sống thì... không, tôi chẳng có nghề ngỗng gì cả. Tôi quá đần độn, từ thuở bé kia. Tôi làm việc chường nào còn có thể làm được, tôi làm lưng kém lắm... Có ra cái quái gì đâu! Sức khỏe không có, tay chân vụng về. À, mùa xuân thì tôi bắt họa mi.

- Bắt họa mi ư? Thế sao ông nói rằng không nên đụng đến mọi loài vật ở rừng cũng như ở

đồng và mọi loài vật tự do khác?

- Không nên giết những con vật ấy, đúng thế. Thần chết rồi sẽ làm công việc của nó. Cứ xem như anh thợ mộc Martun đây: trên đời có anh thợ mộc Martun, anh ta sống không lâu và đã chết rồi. Bây giờ vợ anh ta héo hắt vì nhớ thương chồng, vì thương lũ con thơ... Không một người hay một con vật nào đánh lừa được thần chết. Cái chết không bỏ trốn đi đâu, và cũng không ai trốn thoát được nó. Cũng không nên giúp sức nó... Còn tôi không giết chim họa mi, cầu Chúa cho tôi đừng phạm tội ác đó? Tôi bắt chúng không phải để hành hạ chúng, không phải để chúng phải chết, mà để làm đẹp lòng con người, để làm cho con người vui thú.

- Ông vẫn đến Kurxk bắt chim đấy chứ?

- Tôi đến Kurxk và còn đi xa hơn nữa, nếu có dịp thuận tiện. Tôi ngủ đêm cạnh đầm lầy và bìa rừng hay ở ngoài đồng, bao giờ cũng chỉ có một mình, ẩn trong chỗ kín đáo: này là chim dễ huyết lên tiếng gió, này là thỏ kêu, này là vịt càn cạc... Buổi chiều, tôi xem xét, sáng sớm tôi lắng nghe, lúc bình minh tôi phủ lưới lên các bụi cây... Có con hót rất thảm thiết, êm ái... đến mức thảm thiết.

- Ông đem bán chúng chứ?

- Tôi bán cho những người nhân đức.

- Ông còn làm gì nữa?

- Làm gì là thế nào?

- Ông còn làm nghề gì nữa.

Ông già im lặng một lát. - Tôi chẳng làm nghề gì cả... Tôi làm việc tồ lăm. Nhưng tôi biết chữ.

- Ông biết chữ à?

- Tôi biết chữ. Chúa và những người nhân đức đã giúp tôi.

- Thế ông có gia đình chứ?

- Không, tôi sống một mình.

- Sao lại thế?... Gia đình chết hết cả rồi ư?

- Không, thế này thôi: đời tôi không may. Nhưng tất cả đều do ý Chúa, tất cả chúng ta đều ở dưới chân chúa. Nhưng con người cần phải chính trực, thế đấy? Như vậy thì đẹp ý Chúa.

- Ông không có bà con gì ư?

- Có. Nhưng ... là nói vậy thôi... ông già ngập ngừng.

- Ông nói cho tôi biết điều này nhé - Tôi mở đầu - Tôi nghe anh đánh xe hỏi ông là tại sao ông không chữa cho Martun? Thế ra ông biết chữa bệnh ư?

- Gã đánh xe của anh là một người chính trực. Kaxian trả lời tôi với vẻ trầm ngâm - nhưng không phải không có tội lỗi. Người ta gọi tôi là ông lang... Lang liếc gì tôi ! ... mà kẻ nào có thể chữa được bệnh tật? Tất cả là do ý Chúa. Nhưng... có những thứ cỏ, có những thứ hoa cũng giúp ích cho ta phần nào, đúng thế. Như cỏ ba phiến chẳng hạn, đấy là thứ cỏ tốt cho con người, mà

đề cũng thế. Những thứ ấy ta có nói đến cũng không hổ thẹn: đấy là loại cỏ sạch, của Chúa ban cho. Có những thứ khác thì không thế. chúng có làm lui bệnh, nhưng dùng chúng là có tội. Chỉ nói đến chúng thôi cũng đủ mang tội rồi. Trừ phi là có đọc lời cầu nguyện... Thật đấy, có những lời cần đọc lên vào lúc đó. Người nào tin, người ấy sẽ được cứu vớt - ông ta hạ giọng nói tiếp.

- Ông không cho Martun thứ thuốc gì à? - Tôi hỏi.

- Tôi biết muộn quá - ông già đáp - Mà biết cũng chẳng làm gì được? Số trời đã định sẵn cho mỗi người. Anh thợ mộc Martun, số non mệnh yếu không sống lâu được, thì kết quả là thế đấy. Không, người nào đến lúc phải từ già cõi trần thì mặt trời không sưởi ấm cho người ấy, bánh mì cũng chẳng ích gì... dường như người đó được gọi đi...Vậy đấy! Cầu Chúa ban cho linh hồn anh ta được bằng an!

- Bà con ta bị đưa đến đây đã lâu chưa? - Tôi hỏi, sau một lúc im lặng.

Kaxian giật mình.

- Không, mới được bốn năm. Hồi còn ông chủ cũ, chúng tôi ở đâu vẫn ở đấy, người giám hộ đã bắt chúng tôi phải dọn đi. Ông chủ cũ của chúng tôi tâm tính hiền lành, sùng đạo, cầu chúa cho ông ấy được lên thiên đàng! Cố nhiên người giám hộ có suy xét, có cái lý của ông ta, có lẽ làm như vậy là phải.

- Thế trước kia bà con ta ở đâu?

- Chúng tôi ở Kraxivaia Mets.

- Cách đây xa không?

- Chừng một trăm dặm.

- Ở đấy tốt hơn chứ?

- Tốt hơn... tốt hơn. Ở đấy quang đãng, có sông, đấy là tổ của chúng tôi. Còn ở đây thì chật chội khô cằn... ở đây chúng tôi đâm ra côi cút. Kraxivaia Mets của chúng tôi mà leo lên một quả đồi thì... lạy Chúa, ta sẽ thấy gì? Nào sông nào đồng cỏ, nào rừng, chỗ kia là nhà thờ, rồi lại bắt đầu là đồng cỏ. Ta nhìn ra xa, xa nữa... Nhìn được xa lắm... Ta nhìn mãi, nhìn mãi, ôi chao là thích mắt, thật đấy! Còn ở đây thì đúng là đất tốt hơn: đất thịt, đất thịt tốt, nông dân bảo thế. Nhưng tôi thì ở đâu cũng sẽ có đủ bánh ăn.

- Ông già này, ông nói thật đi nhé, chắc ông muốn về thăm quê hương đấy nhỉ?

- Đúng, tôi muốn nhìn thấy quê nhà. Nhưng ở đâu cũng tốt thôi. Tôi không có gia đình, lại không ưa ở lỳ một chỗ. Mà thế là phải! Ngồi lỳ ở nhà thì có ích gì lắm đâu. Còn khi ta ra đi, khi ta đi ra ngoài, ông ta cất cao giọng, nói thêm - thì lòng nhẹ thênh thênh, thực thế. Mặt trời chiếu vào ta, Chúa nhि thấy ta rõ hơn, tâm hồn ta cất tiếng hát nhịp nhàng vui sướng hơn. Ta thấy hoa cỏ mọc xung quanh, ta để ý tìm tòi, ta hái. Kia là dòng nước chảy, nước mạch từ nguồn tuôn ra, nước thiêng liêng; ta sẽ uống thoả thích, ta sẽ ghi nhớ nơi đó. Chim trời ca hát rộn ràng... Ra ngoài Kurxk là đến thảo nguyên, thảo nguyên tuyệt diệu, ấy mới là nơi làm cho con người ngạc nhiên, vui thích, đấy là chốn rộng rãi bao la, đấy là ân huệ của Chúa ban cho! Người ta bảo thảo nguyên chạy đến tận những biển ấm, nơi có con chim Gamaun có giọng hót du dương, nơi mà mùa thu cũng như mùa đông, cây không hề rụng lá, và có những quả táo vàng trên những cành cây bằng bạc, ở đó mọi người sống sung túc và hợp với lẽ công bằng... Tôi là tôi muốn đến đấy kia..Tôi đi đây đi đó nào có phải là ít đâu! Tôi đã đến Rômôn, đã đến Ximbirxk, một thành phố tuyệt đẹp, đã đến cả Matxcova, ở đấy có những mái nhà tròn dẹt

vàng, tôi đã đến Ôka, nguồn nuôi sống nhân dân, tôi đã đến Tsna hiền lành như con bồ câu, tôi đã thăm mẹ Vonga, tôi đã gặp nhiều người nông dân tốt bụng, tôi đã từng đến những thành phố lương thiện ...Nhưng tôi muốn đến nơi ấy...và giờ đây...thế là đã ...không phải chỉ mình tôi là kẻ có tội. Nhiều người nông dân khác đi giày bên bằng cỏ cây lang thang khắp thế giới tìm sự thật...đúng thế? Chỉ ngồi ở nhà thì được cái gì, hả? Không có lẽ công bằng trong con người, chính đấy là...

Những tiếng cuối cùng, Kaxian nói liền thoảng gần như lí nhí. Rồi ông ta còn nói gì nữa mà tôi không nghe ra được, còn mặt ông ta có một vẻ lạ lùng đến nỗi bất giác tôi nhớ đến cái tên "thánh hài" mà Êrôfây gán cho ông ta. Ông ta cúi mặt xuống, ho một tiếng và dường như chợt tỉnh.

- Mặt trời đẹp biết bao? - ông ta thì thầm thốt lên - Lạy Chúa, người ban cho cõi trần một ân huệ như thế nào! Trong rừng mới ấm áp làm sao!

Ông ta nhún vai, im lặng một lát, lơ đãng đưa mắt nhìn và cất tiếng hát khe khẽ. Tôi không nghe rõ hết mọi lời lẽ trong bài ca ngân dài của ông ta, chỉ có những lời sau đây lọt vào tai tôi:

Kaxian là ta

Tên hiệu là Blôkha.

"Ồ! - Tôi nghĩ - ông ta sáng tác ra. Bỗng ông ta giật mình và im bật, nhìn chăm chăm vào rừng. Tôi quay lại và thấy một cô bé nông dân khoảng chừng tám tuổi, mặc áo *xarafan* ([52]) màu xanh lơ, đầu đội tấm khăn kẻ ô vuông, cánh tay trần khoác cái làn đan bằng cành cây. Có lẽ con bé hoàn toàn không ngờ là sẽ gặp chúng tôi. Như người ta nói, nó chạm trán với chúng tôi và đứng không nhúc nhích giữa đám cây hồ đào xanh tươi, trên bãi cỏ rợp mát giương cặp mắt đen sệt nhìn tôi. Tôi chưa kịp nhìn kỹ thì nó đã lẩn ra sau cái cây.

- Annuska, Annuska! Lại đây, đừng sợ - ông già gọi với vẻ âu yếm.

- Cháu sợ - Cái giọng thanh thanh vang lên.

- Đừng sợ, đừng sợ, đến đây với ta.

Annuska lảng lạng rời khỏi chỗ ẩn, nhẹ nhàng đi vòng quanh, đôi chân nhỏ nhắn của em bước rón rén trên đám cỏ um tùm, chỉ có tiếng sột soạt rất khẽ. Em ra khỏi lùm cây đến đứng cạnh ông già.

Em gái này không phải lên tám như tôi tưởng lúc đầu vì tầm vóc loắt choắt của em, mà khoảng mười ba - mười bốn tuổi. Toàn thân em nhỏ bé và gầy gò, nhưng rất cân đối và thon gọn, còn khuôn mặt xinh đẹp của em giống mặt Kaxian lạ thường, tuy hình dáng Kaxian không lấy gì làm đẹp. Cũng những đường nét sắc sảo như thế, cũng cái nhìn kỳ lạ như thế, vừa ranh mãnh vừa cả tin, vừa dăm chiêu vừa sáng suốt, và cử chỉ cũng như thế... Kaxian đưa mắt nhìn con bé từ đầu đến chân. Nó đứng quay nghiêng về phía ông ta.

- Thế nào, con hái nấm à? - ông ta hỏi.

- Vâng, cháu hái nấm - Cô bé đáp với nụ cười rụt rè.

- Tìm được nhiều không?

- Nhiều ạ (Nó đưa nhanh mắt nhìn Kaxian và lại mỉm cười).

- Có cả nấm trắng chứ?

- Vâng, cả nấm trắng.

- Cho xem nào, cho xem... (Con bé bỏ cái làn trên tay xuống, vén tấm lá ngưu bàng rộng đầy nấm lên) - Chà! - Kaxian cúi xuống gần làn, nói - Nấm ngon quá! Annuska giỏi lắm?

- Con gái ông đấy à, ông Kaxian? Tôi hỏi (mặt Annuska hơi đỏ lên).

- Không, nó có họ hàng với tôi thôi - Kaxia nói, vờ làm ra vẻ thờ ơ - Thôi, Annuska đi đi - ông ta lập tức nói thêm - đi đi, cháu. Mà cẩn thận đấy nhé. Sao lại để em ấy phải đi bộ - Tôi ngắt lời ông ta - Chúng ta sẽ cho em ấy lên xe...

Mặt Annuska đỏ lên như bông hoa anh túc, hai tay nó vờ lấy sợi dây quai làn và lo lắng nhìn ông già.

- Không, nó đi được - ông ta đáp, giọng vẫn uể oải, dừng dừng như trước.... - Nó cần gì xe. Nó đi được Đi đi, cháu.

Annuska lẩn thoát vào rừng. Kaxian nhìn theo nó một lúc rồi cúi mặt xuống và nhếch mép cười.

Nụ cười hồi lâu không tắt ấy, những lời lẽ ít ỏi mà ông ta nói với Annuska, ngay cả giọng nói của ông khi nói với con bé đều chứa đựng lòng yêu mến thấm thiết, khó giải thích. Ông ta lại nhìn về phía con bé đã đi, lại mỉm cười và vừa xoay mặt vừa lắc đầu mấy cái.

- Tại sao ông lại bảo nó đi ngay thế - Tôi hỏi - Tôi muốn mua nấm của nó...

- Về nhà ông vẫn mua được cơ mà, nếu như ông muốn - ông ta đáp, lần đầu tiên gọi tôi là "ông"

- Con bé cháu của ông xinh quá.

- Không... xinh gì... thường thôi - ông ta đáp dường như miễn cưỡng, và từ lúc ấy, ông ta lại lầm lì như trước.

Khi thấy mọi cố gắng của mình để gọi cho ông ta lại nói chuyện đều chỉ uổng công, tôi bèn trở về khu đồn cây. Trời đã bớt nóng đôi chút, nhưng cuộc đi săn của tôi vẫn không có kết quả, hay như người ta thường nói, vẫn gặp vận đen, tôi trở về xóm với độc một con gà nước và cái trục xe mới. Khi xe đi tới gần sân, Kaxian bỗng quay về phía tôi.

- Anh quý tộc, này anh quý tộc? - ông ta nói - Tôi thật có lỗi với anh. Chính tôi đã làm chim trốn hết cả.

- Bằng cách nào vậy?

- Cái đó thì riêng tôi biết. Đấy, ngay cả con chó tinh khôn và được tập dượt kỹ của anh cũng không thể làm được gì cơ mà. Ô, con người, con người thì có tài cán gì, phải không? Nhưng kia là con vật, vậy người ta đã dùng được nó vào việc gì?

Nếu như tôi thuyết phục Kaxian rằng không thể dùng "phù chú" sai khiến thú săn được thì ông ta cũng chẳng tin, bởi vậy tôi không trả lời ông ta câu nào. Vừa hay, chúng tôi cũng đã vào cổng.

Không thấy Annuska trong nhà. Em đã đến đây từ trước, và để lại làn nấm. Êrôfây thoát tiên đánh giá cái trục mới một cách nghiêm khắc và bất công, nhưng rồi anh ta lắp vào rất vừa. Một tiếng sau, tôi lên xe ra đi. Trước khi đi, tôi đưa cho Kaxian ít tiền, thoát tiên ông ta không chịu nhận, nhưng sau ông ta nghĩ lại, cầm tiền trong tay và nhét vào ngực áo. Suốt một tiếng đồng hồ ấy, ông ta hầu như không thốt lên một lời nào. Ông ta vẫn đứng tựa cổng như trước, không đáp lại những lời trách móc của người đánh xe của tôi và chia tay với tôi hết sức lạnh nhạt.

Ngay từ lúc về tôi đã nhận thấy Êrôfây của tôi lại ủ rũ bức bối... Mà cũng phải thôi, anh ta chẳng tìm được cái gì ăn trong làng, chỗ cho ngựa uống nước thì không dùng được. Chúng tôi ngồi xe ra đi.

Anh ta ngồi trên ghế đánh xe, vẻ bức tức lộ rõ cả trên gáy anh ta, và anh ta rất muốn nói chuyện với tôi. Nhưng trong khi chờ đợi câu hỏi đầu tiên của tôi anh ta đành chỉ lầu bầu khe khẽ và nói với mấy con ngựa những lời dạy bảo đôi khi cay độc. "Làng với xóm!" - Anh ta lầu bầu - Thế cũng gọi là làng! Hởi nước kvax cũng không có. Ôi, lạy Chúa! Còn nước thì thật kinh tởm! (Anh ta nhổ bọt đánh toẹt một cái). Không có dưa chuột, không có nước kvax chẳng có cái cóc gì hết. Hừ, mày - anh ta quát con ngựa phụ mé bên phải - Tao biết mày mà, cái giống đốn đời! Mày muốn giở quẻ chắc... (Anh ta quát nó một roi). Con này giờ hay vờ vĩnh lắm rồi, vậy mà trước kia tốt nết biết bao... này này, liệu hồn đấy?...

- Êrôfây này, - Tôi lên tiếng - Anh làm ơn nói cho tôi biết ông Kaxian ấy là người thế nào?

Êrôfây không trả lời tôi ngay: nói chung, anh ta là người chín chắn và ung dung. Nhưng tôi có thể đoán ngay được là câu hỏi của tôi làm anh ta vui và bớt bức bối mình.

- Bọ nhảy ấy à? - Cuối cùng, anh ta giật cương ngựa và nói - Một người kỳ quặc: đúng là *thánh hài*, không dễ gì tìm được một kẻ nào khác kỳ quặc như thế đâu. Chẳng hạn, lão không khác gì con ngựa hồng đốm vàng kia của chúng ta: cũng bất trị... Nghĩa là cũng lẩn trốn công việc. Đã đành là lão cũng chẳng làm lụng gì được, hom ha hom hèm, nhưng dù sao... Lão như thế từ bé kia. Thoạt tiên lão đi đánh xe ngựa chở khách cùng với các ông chủ - họ có một cỗ xe ba ngựa - nhưng sau chắc là lão chán nên bỏ việc. Lão ở nhà, nhưng rồi lão cũng chẳng ngồi nhà được lâu, tính lão hiếu động lắm, đúng là con bọ nhảy. May làm sao, lão gặp được ông chủ tốt, ông ta không bó buộc lão. Từ đó lão cứ đi lung tung như con cừu thả rông. Và lão kỳ lạ lắm, có mà trời biết được lão: khi thì câm như thóc, khi thì bỗng mở miệng nói huyền thuyên không biết đằng nào mà nghe nữa. Đây là cách làm bộ làm tịch chẳng? Không, không phải. Lão gàn dở thế đấy. Nhưng lão hát hay. Đáng kể gì cái tài vật đó, chẳng làm cóc gì.

- Thế có đúng là lão biết chữa bệnh không?

- Chữa chạy gì!... Lão thì chữa bệnh sao nổi! Một con người như thế? À, vậy mà lão chữa cho tôi khỏi bệnh tràng nhạc đấy...Chạy chữa gì lão! Một thằng ngốc, vậy thôi! - Anh ta nói thêm sau một lúc im lặng.

- Anh biết lão lâu chưa?

- Lâu rồi. Hồi ở Xurtsôpka trên bờ sông Kraxivai Mets, chúng tôi là hàng xóm láng giềng với nhau mà.

- Thế còn con bé Annuska mà chúng tôi gặp trong rừng là chỗ bà con thế nào với lão?

Êrôfây ngoảnh lại, ngó qua vai nhìn tôi và cười toác miệng.

- Hề!... Vâng, chỗ họ hàng. Con bé mồ côi: nó không có mẹ, mà cũng chẳng biết mẹ nó là ai. Nhưng chắc cũng có họ hàng với lão: nó giống lão lắm... Nó ở với lão. Con bé tinh nhanh, cái đó

thì khỏi phải nói, kháu khỉnh, lão già yêu nó không gì bằng: con bé cũng kháu thật cơ. Còn điều này chắc ông không tin đâu: lão định dạy Annuska học chữ. Lão sẽ làm thật đấy, lão là con người khác thường lắm mà. Tính khí thất thường, thậm chí điên gàn... E-ê-ê! Người đánh xe của tôi bỗng tự ngắt lời và dừng ngựa lại, cúi xuống phía bên và bắt đầu ngửi hít không khí - Mùi cháy khét chẳng? Đúng rồi! Chà, những cái trục mới này... ấy là mình đã bôi dầu mỡ cả rồi đấy...Phải đi kiểm nước thôi, vừa may kia có cái ao.

Êrôfây chậm chạp rời khỏi chỗ ngồi, cởi dây buộc gấu, đi tới ao, và khi về đến xe, anh ta thích thú nghe tiếng xèo xèo của cái ống trục bánh xe bất ngờ bị tưới nước... Trên đoạn đường chừng một chục dặm, anh ta phải tưới nước sáu lần vào cái trục nóng rực, và khi chúng tôi về đến nhà thì trời đã tối hẳn.

BURMIXTR([53])

Cách trang viên của tôi chừng mười dặm, tôi có một người quen là Arkadi Pavluts Pênôskin. Ông ta là một địa chủ trẻ tuổi, một sĩ quan cận vệ đã xuất ngũ. Khu vực của ông ta có nhiều muôn thú để săn bắn, nhà ông ta xây theo đồ án của một kiến trúc sư người Pháp, người nhà ông ta mặc kiểu Anh, những bữa cơm ăn trưa ông ta thiết khách bao giờ cũng rất ngon, ông ta tiếp khách nhã nhặn, nhưng người ta vẫn không thích đến thăm ông ta. Ông ta là người biết suy xét và có óc thực tế và lẽ tự nhiên là ông đã được hưởng một nền giáo dục chu đáo, ông ta đã từng ra làm việc, đã được rèn giũa nhiều trong sự tiếp xúc với giới thượng lưu, còn bây giờ ông ta tổ chức việc làm ăn rất có kết quả. Nói theo lời của chính Arkadi Pavluts thì ông ta là người nghiêm khắc nhưng công bằng, chăm lo đến hạnh phúc của những người dưới quyền và trừng phạt họ cũng là vì phúc lợi của họ. "Cần phải đối xử với họ như với trẻ con - ông ta nói về việc đó - Lũ người ngu dại, *môn cher, il faut prendre cela en considération* ([54])". Còn bản thân ông ta, khi xảy ra cái mà ông ta gọi là sự cần thiết đáng buồn, ông ta thường tránh những động tác gay gắt và kịch liệt, ông ta không thích to tiếng, ông ta chỉ xĩa tay trở thẳng vào kẻ phạm lỗi nói một cách bình tĩnh: "Tôi đã cầu xin anh kia mà bạn thân mến của tôi", hay: "Anh làm sao thế, bạn của tôi, hãy tu tỉnh lại đi". Và khi đó ông ta chỉ hơi nghiêng rằng, miệng hơi nhếch đi. Ông ta tầm vóc thấp bé, dáng người thanh lịch, rất đẹp trai, tay và móng tay chăm chút rất cẩn thận, môi và má ửng lên một màu hồng khỏe mạnh. Ông ta cười giòn giã và vô tư lự, nheo nheo cặp mắt sáng màu hạt dẻ với vẻ niềm nở. Ông ta mặc đẹp và trang nhã. Ông ta đặt mua sách, tranh vẽ, các báo Pháp, nhưng không ham đọc: ông ta phải gắng lắm mới đọc hết được cuốn "Người Do thái lang thang" ([55]). Ông ta chơi bài rất nghề. Nói chung, ông ta được coi là một trong những người quý tộc có học thức nhất và đối với các gia đình đang kén rể trong tỉnh chúng tôi thì ông ta là một chàng rể đáng ước mong nhất.

Các bà phát điên lên vì ông ta và đặc biệt khen ngợi phong cách của ông ta. Ông ta cư xử khéo tuyệt vời, thận trọng như con mèo, và chưa từng dính vào một chuyện lồi thối nào, tuy rằng khi có dịp, ông ta cũng tỏ rõ tài năng và thích làm cho kẻ nhút nhát phải chùng hững và ngậm miệng. Ông ta khinh miệt những kẻ thiếu tư cách, sợ tổn hại đến thanh danh. Nhưng, lúc cao hứng, ông ta tự xưng là môn đệ của Epiquya, tuy nói chung ông ta coi thường triết học, gọi nó là món ăn bốc khói mờ mịt của trí tuệ Đức, đôi khi chỉ là trò vớ vẩn. Ông ta cũng thích nhạc. Khi chơi bài, ông ta hát lắm lắm nhưng rất tình cảm. Ông ta vẫn nhớ một số đoạn trong "Luxia" và "Xômnambula" ([56]), nhưng bao giờ cũng lên giọng hơi cao quá. Mùa đông ông ta đi Pêtecxbua. Nhà ông ta ngăn nắp lạ thường. Ngay cả những người đánh xe cũng chịu ảnh hưởng của ông ta, và chẳng những ngày nào cũng lau chùi vòng cổ ngựa, chải áo *armiak*, mà còn rửa mặt sạch sẽ nữa. Thực ra thì kẻ hầu người hạ trong nhà Arkadi Pavluts có lối nhìn hơi gườm gườm, nhưng nước Nga chúng ta thì không thể phân biệt được vẻ cau có với vẻ buồn ngủ. Arkadi Pavluts nói bần giọng mềm mỏng và dễ nghe, chốc chốc lại ngừng lời dường như thích thú để cho từng tiếng lọt qua bộ ria mép lông bông tuyệt đẹp của mình. Ông ta cũng hay dùng những câu tiếng Pháp như: "*Mais c'est impayable*" ([57]), "*Mais comment donc!*" ([58]) v.v...

Mặc dầu vậy, tôi cũng không thích đến ông ta lắm và nếu như không có gà rừng và gà gô thì có lẽ tôi với ông ta sẽ hoàn toàn quên nhau. Ở nhà ông ta bạn cảm thấy một mối lo ngại khó hiểu, ngay cả tiện nghi cũng không làm cho bạn vui sướng. Buổi tối, khi người hầu phòng tóc uốn quăn, mặc bộ y phục đầy tó màu xanh da trời, cúc áo có in huy chương, xuất hiện trước mắt bạn và bắt đầu xum xoe tháo ủng cho bạn thì bạn cảm thấy khó chịu.

Giá như thay cho con người mặt tái nhợt và gầy nhom này, trước mặt bạn đột nhiên xuất hiện đôi gò má rộng lạ kỳ và cái mũi tẹt không thể tưởng được của một gã trai lực lưỡng, vừa bị chủ bắt phải rời bỏ cái cày, nhưng đã kịp làm cho chiếc áo *kafotan* bằng vải Nam Kinh mà chủ mới ban cho bị bật đường may tới một chục chỗ, thì có lẽ bạn sẽ vui sướng không lời nào nói hết được và bạn vui lòng chịu đựng sự nguy hiểm là người hầu này có thể vận bật cả chân bạn ra cùng với chiếc ủng...

Mặc dù tôi không ưa Arkadi Pavluts, nhưng có lần tôi đã phải ngủ đêm ở nhà ông ta. Hôm sau sáng sớm tôi đã bảo thẳng ngựa vào chiếc xe bốn bánh của tôi, nhưng ông ta không chịu để tôi đi mà không dùng bữa sáng theo kiểu Anh với ông ta và kéo tôi vào phòng làm việc của mình. Người ta đem lên cho chúng tôi nước chè, thịt băm viên, trứng lòng đào, bơ, mật ong, pho mát v.v... Hai người hầu đi găng tay trắng tinh nhanh nhẹn và lẳng xằng sẵn đón những ý muốn nhỏ nhất nhất của chúng tôi. Chúng tôi ngồi trên chiếc đi văng Ba Tư. Arkadi Pavluts mặc chiếc quần *sarôvar* ([59]) rộng bằng lụa, chiếc áo ngắn bằng nhung đen, đầu đội cái mũ *fê* ([60]) có ngù xanh, đi đôi dép Tàu màu vàng hổ gót. Ông ta uống trà, cười, xem xét móng tay của mình, hút thuốc, kê gối vào bên sườn và nói chung ông ta rất hào hứng. Sau bữa ăn sáng no nê, Arkadi Pavluts có vẻ thích thú ra mặt. Ông ta tự rót một cốc rượu nho đỏ, đưa lên môi và bồng cau mày.

- Tại sao rượu không hâm nóng? - Giọng khá gay gắt, ông ta hỏi một trong hai người hầu.

Người hầu luống cuống, đứng như bị chôn chân xuống đất và tái mét đi.

- Tôi hỏi anh cơ mà, anh bạn thân mến! - Arkadi Pavluts nói tiếp, giọng điềm tĩnh, mắt vẫn nhìn người kia.

Người hầu khốn khổ ngập ngừng đứng nguyên tại chỗ, xoắn chiếc khăn ăn và không nói được một lời. Arkadi Pavluts cúi đầu xuống và lờ mắt nhìn anh ta, vẻ trầm ngâm.

- *Pardon, mon cher* - ông ta thốt lên, miệng mỉm cười dễ mến, thân mật chạm tay vào đầu gối tôi rồi lại nhìn chăm chăm vào người hầu. - Thôi đi đi - ông ta nói thêm sau một lúc im lặng, nhướn cao lông mày và kéo chuông. Một người to béo, da bánh mật, tóc đen, trán thấp, mắt hoàn toàn bị che lấp bước vào phòng.

- Về Fêdor thì... anh ra lệnh xử trí - Arkadi Pavluts nói thấp giọng và hoàn toàn tự chủ.

- Dạ vâng - Người to béo đáp và quay ra.

- *Voilà, mon cher, les désagréments de la campagne* ([61]) - Arkadi Pavluts nói một cách vui vẻ Nhưng ông đi đâu vậy? Khoan, ngồi đây lát nữa đã.

- Không - Tôi đáp - Tôi đến lúc phải đi rồi.

- Lại đi sẵn! Ôi chao, những ông bạn mê săn bắn của tôi! Nhưng ông đi đâu bây giờ?

- Cách đây bốn mươi dặm, đến Riabôvô.

- Riabôvô à? A, lạy Chúa tôi, nếu vậy thì tôi sẽ đi với ông. Riabôvô chỉ cách Sipilôpka của tôi có năm dặm, mà đã lâu tôi không về Sipilôpka: chưa lúc nào rảnh mà đi được. Như thế này thì tiện quá hôm nay ông sẽ đi sẵn ở Riabôvô, tối ông đến tôi.

Ce sera charmant ([62]). Chúng ta sẽ cùng ăn tối với nhau, tôi sẽ đem theo người nấu bếp, ông nghỉ đêm ở chỗ tôi. Tuyệt, tuyệt! - ông ta nói thêm, không đợi câu trả lời của tôi. *C'est arrangé* ([63]). Này, ai đấy?

Bảo thắng xe ngựa cho tôi đây, mà nhanh nhan lên nhé. ông chưa từng đến Sipillôpka à? Tôi mà muội mời ông nghỉ tại nhà tay burmixtr của tôi, tôi biết ông dễ tính và vẫn nghỉ đêm trong nhà chứa c ở Riabôvô...Ta sẽ đi, chúng ta cùng đi!

Và Arkadi Pavluts cất tiếng hát một bài tình ca Pháp.

- Có lẽ ông không biết điều này đâu - ông ta đứng lắc lư nói tiếp - Nông dân ở đây làm cho tôi theo lối nộp tô hàng năm. Hiến pháp mà, biết làm thế nào được? Nhưng họ nộp tô chu tất lắm. Thú thực là tôi muốn chuyển họ sang chế độ tạp dịch từ lâu, nhưng đất ít quá! Tôi cũng rất ngạc nhiên không hiểu họ làm thế nào lần hồi sống qua ngày được Nhưng *c'est leur affaire* ([64]). Tay *burmixtr* của tôi thật là cừ, *une forte tête* ([65]), một chính khách! Rồi ông sẽ thấy... Thật là hay cho tôi lắm!

Không còn làm thế nào từ chối được nữa. Đáng lẽ khởi hành lúc chín giờ sáng thì hai giờ chiều chúng tôi mới đi. Những người đi sẵn sẽ hiểu sự sốt ruột của tôi. Arkadi Pavluts thích tự nuông chiều mình khi có dịp - ấy là nói theo lời của chính ông ta - và ông ta đem theo vô số quần áo lót, thực phẩm, áo dài, nước hoa, gối và những vật dụng linh tinh đủ loại. Với ngần ấy thứ, một người Đức tiết kiệm và tự chủ có thể dùng được một năm. Mỗi lần xe xuống dốc, Arkadi Pavluts lại nói với người đánh xe những lời vắn tắt, nhưng gay gắt, qua đó tôi có thể kết luận là người quen của tôi khá nhát gan. Tuy nhiên, chuyến đi rất bình yên. Duy có lúc qua cây cầu nhỏ mới sửa chữa, chiếc xe tải có người nấu bếp ngồi trên đó bị đổ, và bánh xe sau đè phải bụng anh ta.

Khi thấy Karem ([66]) của nhà mình bị ngã, Arkadi Pavluts sợ hãi thực sự và lập tức ra lệnh hỏi xem hai tay anh ta còn lành lặn không? Được trả lời là tay anh còn lành nguyên, ông ta yên tâm ngay. Do tình hình như thế, chúng tôi đi khá chậm. Tôi ngồi cùng xe với Arkadi Pavluts, và cuối chuyến đi, tôi cảm thấy buồn thiu người, nhất là suốt mấy tiếng đồng hồ, người quen của tôi hoàn toàn mất tự chủ và bắt đầu tỏ ra quá sẵn sàng. Cuối cùng, chúng tôi đến nơi, có điều không đến Riabôvô, mà đến thắng Sipilôpka, không rõ vì sao lại như thế. Hôm ấy, dù sao tôi cũng không thể đi sẵn được nữa, vì vậy tôi đành cắn răng thuận theo số phận của mình.

Người nấu bếp đến trước chúng tôi mấy phút và hẳn là đã kịp cắt đặt và báo trước cho những kẻ cần báo, vì chúng tôi vừa vào đến cổng rào thì *trưởng ấp* ([67]) (con trai burmixtr) đã ra đón chúng tôi.

Đây là một nông dân lực lưỡng, tóc hung, cao chừng một *xagien*, cưỡi trên lưng ngựa, đầu để trần, mặc chiếc *armiak* mở phanh ngực. "Xôfrôn đâu?" - Arkadi Pavluts hỏi. Trưởng ấp nhanh nhẹ xuống ngựa, cúi rạp xuống chào ông chủ và nói "Kính mừng ngài, thưa ngài Arkadi Pavluts" - rồi ngẩng đầu lên, lắc mạnh cho tóc khỏi xoắn và thưa bẩm rằng Xôfrôn đi Pêrôp, nhưng đã cho người gọi về. "Được, đi theo ta" - Arkadi Pavluts nói. Để giữ lễ, trưởng ấp dắt con ngựa né sang bên, nhảy lên ngựa và cho ngựa đi nước kiệu sau xe, tay cầm mũ. Xe chúng tôi đi trong làng. Chúng tôi gặp mấy nông dân ngồi trên những xe tải trống đi về phía ngược lại. Họ từ sân đập về và vừa ngồi trên xe vừa hát, toàn thân nẩy chồm chồm, chân đu đưa trong không khí. Nhưng thấy xe chúng tôi và thấy trưởng ấp, họ liền im bặt, bỏ những chiếc mũ trùm mùa đông ra (bấy giờ là mùa hè) và hơi nhóm lên như chờ lệnh. Arkadi Pavluts gật đầu chào lại tử tế. Sự xôn xao lo lắng truyền lan khắp làng, điều đó trông thấy ngay. Những người đàn bà mặc váy bằng và kẻ ô vuông tự dưng lấy quãng những mẩu củi vào những con chó kém sáng ý hay quá sốt sắng. Một ông lão thọt có bộ râu mọc ngay từ dưới mắt lồi con ngựa đang uống nước chưa xong ra khỏi giếng, thui cho nó một quả vào sườn không rõ về tội gì và lập tức cúi chào chủ. Những thằng bé mặc sơ mi dài vừa la gào vừa chạy vào nhà, nằm úp bụng lên ngưỡng cửa cao, thông đầu xuống, chống chân lên và bằng cách đó, nhào qua cửa rất mau lẹ vào những gian phòng tối om và không lộ mặt ra nữa. Ngay cả những con gà mái cũng chạy nhao vào cái khe dưới cổng. Một con gà trống hăng hái ngực nom như khoác tấm áo gi lê bằng xa tanh đen, đuôi

đổ cong lên đến tận mào, toan đứng lại trên đường và đã định cất tiếng gáy, nhưng bỗng xấu hổ và cũng bỏ chạy. Nhà của *burmixtr* ở tách biệt với các nhà khác, giữa một vườn đầy xanh tươi um tùm. Chúng tôi dừng lại trước cổng. Ông Pênôskin đứng lên, bỏ áo mưa trên người ra bằng một cử chỉ rất đẹp và ra khỏi xe, niềm nở nhìn quanh. Vợ *burmixtr* cúi sát đất chào chúng tôi và tới hôn tay ông chủ. Arkadi Pavluts để cho bà ta tha hồ hôn tay và bước lên thềm. Ở phòng ngoài, vị trưởng ấp đứng trong góc tối và cũng cúi xuống chào nhưng không dám đến hôn tay chủ. Trong cái gọi là nhà lạnh, ở mé bên phải phòng ngoài, có hai người đàn bà khác đã loay hoay bận rộn. Họ mang từ đây ra đủ các đồ cũ bỏ đi, những bình gỗ thông những chiếc áo da đã cứng đờ, những âu đựng bơ, cái nôi với một đồng giẻ và một đứa trẻ còn đỏ hỏn, họ dùng chổi tẩm quét rác. Arkadi Pavluts đuổi tất cả bọn họ ra và ngồi trên chiếc ghế dài ngay dưới những ảnh thánh. Những người đánh xe bắt đầu mang vào nào là hòm, tráp và những đồ dùng khác cổ làm giảm tiếng thình thịch của những chiếc ủng nặng nề của mình.

Trong lúc đó, Arkadi Pavluts hỏi trưởng ấp về mùa màng, về việc gieo hạt và những chuyện làm ăn khác. Trưởng ấp trả lời khá xuôi, nhưng hơi uể oải và vụng về, vừa nói vừa cài cúc áo bằng những ngón tay đường như tê cóng. Y đứng ở cửa và chốc chốc lại né sang bên, nhìn về phía sau để nhường lối cho một người hầu nhanh nhẩu. Phía sau đôi vai vạm vỡ của trưởng ấp, tôi đã nhìn thấy vợ *burmixtr* đánh một người đàn bà nào ở phòng ngoài, đánh không hề có tiếng động. Bỗng có tiếng xe ngựa lộc cộc và xe dừng lại trước bậc thềm: *burmixtr* vào.

Nhà chính khách này - ấy là nói theo lời Arkadi Pavluts - thân hình thấp bé, vai rộng, tóc bạc và mập mạp, mũi đỏ, mắt nhỏ màu xanh da trời, râu xoè rộng như cái quạt. Tiện đây xin nói thêm là từ khi có nước Nga đến giờ, chưa ai đưa ra được một dẫn chứng về một người đã phát phì và trở nên giàu mà lại không có bộ râu xoè rộng. Có người suốt đời mang bộ râu thưa, nhọn hoắt ở phía dưới, ấy thế mà bỗng nhiên một hôm nào đó ta thấy toàn thân ông ta được bao bọc trong bộ râu toả rộng như vàng hào quang - không biết ở đâu đâm ra mà lắm vậy? Chắc là *burmixtr* đã đánh chén ở Pêrôp: mặt lão húp híp lên và người sặc mùi rượu nho.

- Thừa ngài, cha của chúng con, ngài thật là nhân đức - Lão nói như hát và mặt lộ vẻ cảm kích đến nỗi tưởng chừng như sắp ứa nước mắt - cuối cùng ngài đã hạ cố đến với chúng con... Cha ơi, cho con hôn tay cha nào, con hôn tay cha - Lão nói thêm và đã chề môi ra để chực sẵn. Arkadi Pavluts cho lão được toại nguyện.

- Nay Xôfrôn, công việc của người anh em thế nào? - ông ta hỏi bằng giọng dịu dàng.

- Chao ôi, thưa cha - Xôfrôn kêu lên - Công việc tôi tệ lắm ạ! Thưa cha, cha của chúng con, cha thật là nhân đức, cha hạ cố về đây làm cho cả làng đều được thấy ánh sáng của cha, làm cho chúng con sung sướng đến chót đời. Sáng danh Chúa thừa cha Arkadi Pavluts, thực là sáng danh Chúa trên trời. Mọi việc sẽ ổn thoả nhờ ân đức của cha.

Đến đây Xôfrôn im lặng một lát, nhìn chủ, và dường như lại bị lôi cuốn theo cảm hứng đang bốc lên (lại thêm men rượu đã ngấm), lão xin hôn tay lần nữa và cất tiếng hát càng hăm hở hơn trước.

- Chao ôi, cha của chúng con, người nhân đức vô cùng... và... biết nói gì hơn nữa! Thề có Chúa Trời, con sung sướng quá đến mê mụ đi... Chúa chứng giám, con nhìn mà không tin ở mắt mình nữa... ôi, cha của chúng con!..

Arkadi Pavluts nhìn tôi, nhếch mép cười và hỏi: "*N'est ce pas que c'est touchant?*"([68]).

- Vâng, thưa cha - lão *burmixtr* lẩm lờn nói tiếp - Cha định thế nào ạ? Thưa cha, cha làm cho con rầu lòng quá, cha đến mà không cho con biết trước. Cha sẽ nghỉ đêm ở đâu ạ? Ở đây không được sạch sẽ, nhiều rác rưởi.

- Không sao, Xôfrôn, không sao - Arkadi mỉm cười đáp - ở đây tốt rồi.

- Nhưng thưa cha, tốt đối với ai kia chứ? Đối với bọn nông dân chúng con thì tốt. Nhưng Người...Người là cha chúng con, cha nhân từ của chúng con, cha của chúng con!... Xin cha thứ lỗi cho kẻ ngu ngốc này, con hoá điên rồi, thề có Chúa, con mê mụ cả đi rồi.

Trong lúc đó, bữa ăn tối đã được đưa lên.

Arkadi Pavluts bắt đầu dùng bữa. Lão già đuổi con trai ra, viện có người già có mùi mồ hôi ngọt ngào.

- Thế nào, phân vùng phân thửa xong rồi chứ ông già? - ông Pênôskin hỏi, rõ ràng là ông ta muốn giả giọng nông dân và nháy mắt với tôi.

- Xong cả rồi ạ, thưa cha, tất cả là nhờ ân đức của cha. Hôm kia chúng con đã ký giấy tờ. Cảnh Khlunôp lúc đầu làm bộ làm tịch... thưa cha, đúng là làm bộ làm tịch. Họ đòi hỏi... đòi hỏi... có trời biết được là họ đòi hỏi gì. Thật là bọn người ngu ngốc, thưa cha, một lũ đàn độn. Còn chúng con thì thưa cha, nhờ phúc cha, chúng con đã đứng lên cảm tạ và làm cho ông trọng tài Mikôlai Mikôlait vừa lòng. Mọi việc chúng con đều làm theo lệnh cha, thưa cha. Cha truyền lệnh thế nào chúng con cứ theo thế mà làm, và bất cứ việc gì chúng con cũng hỏi Êgo Đmitorits.

- Êgo đã thưa với ta - Arkadi nói với vẻ oai vệ.

- Chính thế, thưa cha, Êgo Đmitorits chu đáo lắm, thật thế đấy ạ.

- Như vậy là bây giờ ông hài lòng chứ, hả?

Xôfrôn chỉ đợi có thế.

- Dạ, thưa cha, cha nhân đức của chúng con. Lão lại cất giọng hót...- Xin cha khoan thứ cho con...Ngày đêm chúng con cầu Chúa cho cha...Dĩ nhiên là đất hơi ít một chút...

Pênôskin ngắt lời lão.

- Thôi được, thôi được. Xôfrôn ạ, tôi biết ông là kẻ đầy tớ sốt sắng với tôi... Này, thế việc đập lúa ra sao?

Xôfrôn thở dài.

- Thưa cha, việc đập lúa thì không được khá lắm ạ. Nhưng thưa cha Arkadi Pavluts, cho phép con được trình với cha một việc nhỏ như thế này (Lão dang hai tay ra, đến gần Pênôskin, cúi xuống và nheo một mắt). Có một tử thi trên đất nhà.

- Thế là thế nào?

- Chính con cũng không hiểu ra sao nữa, thưa cha, cha của chúng con. Chắc là có kẻ thù rắp tâm gây chuyện rắc rối cho ta. May là cái xác lại ở gần chỗ giáp giới với đất của kẻ khác. Nhưng, khốn nỗi lại ở trên đất của ta. Con lập tức sai người kéo nó sang đất kẻ kia trong lúc còn có thể làm được việc đó rồi con cắt người gác và ra lệnh cho họ: im lặng. Rồi để ngựa trước, con báo cho ông cảnh sát trưởng: tôi thấy như thế, như thế. Đồng thời con khoản đãi và tạ ơn ông ta... Thưa cha, cha thấy thế nào ạ? Như vậy là tai vạ đổ lên đầu kẻ khác; một cái xác chết chứ có phải chuyện chơi đâu, tội gì mà mất hai trăm rúp trong khi chỉ một cái bánh bột lúa mạch là ổn thỏa.

Ông Pênôskin cười ngất về mưu meo của tay *burmixtr* của mình và mấy lần, ông ta vừa nói với tôi vừa nghiêng đầu về phía lão già: "*Quel gaillard, phải không?*" ([69]).

Lúc ấy, ngoài trời đã tối hẳn. Arkadi Pavluts ra lệnh thu dọn bàn và mang củ khô vào. Người hầu trái khăn giường, đặt gối, chúng tôi đi nằm. Xôfrôn lui ra, sau khi đã nhận lệnh về công việc phải làm ngày mai. Lúc sắp ngủ, Arkadi Pavluts còn nói thêm với tôi đôi ba điều về những phẩm chất tuyệt vời của người *mujich* Nga và luôn thể nói thêm rằng từ hồi Xôfrôn quản lý công việc đến giờ, nông dân Sepilôpka chưa hề thiếu tô lấy một đồng xu... Người gác gỗ tẩm ván lệnh ([70]); một đứa bé có lẽ chưa kịp thấm nhuần ý thức về bốn phận tự hy sinh, khóc thét lên ở chỗ nào đó trong nhà. Chúng tôi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy khá sớm. Tôi toan đi Riabôvô, nhưng Arkadi Pavluts muốn đưa tôi đi xem đất đai của mình, và nài tôi ở lại. Chính tôi cũng muốn tận mắt thấy rõ những phẩm chất ưu việt của nhà chính khách Xôfrôn. *Burmixtr* đến. Lão mặc chiếc áo *armiak* xanh lơ, thắt lưng màu đỏ. Lão nói ít hơn hôm qua nhiều, nhìn chủ bằng cặp mắt tinh nhanh và chăm chú, trả lời rành rọt và xác đáng. Chúng tôi cùng ra sân đập với lão. Con trai Xôfrôn, tay trưởng ấp tầm vóc khổng lồ mà mọi đặc điểm bên ngoài đều cho thấy rõ là một kẻ rất dằn, cũng đi theo tôi. Cùng đi với chúng tôi còn có viên *zemxki* ([71]) Fêđôxêits, trước đã từng đăng lính, y có bộ ria mép khổng lồ và khuôn mặt la lùng hết sức: dường như cách đây đã lâu lắm rồi, có một chuyện gì khiến y ngạc nhiên quá đỗi và từ bấy đến nay, y vẫn chưa trấn tĩnh được. Chúng tôi đi xem sân đập, nhà để lúa bó chưa đập, nhà sấy lúa, nhà kho, cối xay gió, vườn rau, vườn đậu. Quả thực, mọi cái đều gọn gàng ngăn nắp không chê vào đâu được; duy có những bộ mặt râu rí của nông dân khiến tôi có phần băn khoăn. Ngoài sự ích lợi, Xôfrôn còn chăm lo đến vẻ đẹp ưa: tất cả các rãnh nước đều trồng hoa kim tước hai bên bờ; giữa các đồng rơm trên sân đập y cho làm những con đường nhỏ rải cát; trên cối xay gió, y cho đặt một cái chỉ chiều gió hình con gấu há rộng mõm, thè ra cái lưỡi đỏ; ở mặt trước khu nuôi bò xây bằng gạch, y làm một cái mi tường ([72]) gần giống kiểu Hy Lạp, phía dưới có hàng chữ trắng lớn "Xây tại làng Sípilôpka năm một ngàn tám trăm bốn mươi. Nhà nuôi bò."

Arkadi Pavluts hoàn toàn sung sướng, ông ta dùng tiếng Pháp trình bày với tôi những cái lợi của chế độ tô hàng năm, nhưng ông ta nói thêm rằng chế độ tạp dịch có lợi cho địa chủ hơn, tuy nhiên, điều đó cũng chẳng đáng kể làm gì. Ông ta bắt đầu khuyên bảo *burmixtr* về việc trồng khoai như thế nào, trữ thức ăn cho gia súc lớn ra sao v.v... Xôfrôn chăm chú nghe lời chủ, đôi khi bẻ bác lại, nhưng không tăng bốc Arkadi Pavluts là bố, là ân nhân nữa và luôn luôn nhấn đi nhấn lại rằng đất của họ hơi ít, cần mua thêm. "Được thôi, mua đi - Arkadi Pavluts nói - đừng tên tôi, tôi không phản đối!" Nghe những lời đó, Xôfrôn không đáp lại, chỉ vuốt râu. "Bây giờ thì nên vào rừng đi thôi". - ông Pênôskin nói. Người ta lập tức dắt những con ngựa cười đến cho chúng tôi. Chúng tôi vào rừng.

Trong chuyến đi đó, chúng tôi tìm thấy một chỗ sâu kín, nhiều thú săn đến nỗi Arkadi Pavluts phải khen ngợi Xôfrôn và vỗ vai lão. Về vấn đề trồng rừng, ông Pênôskin theo quan niệm Nga và lập tức kể cho tôi nghe câu chuyện mà theo lời ông, là rất ngộ nghĩnh: một địa chủ tính hay bông đùa và để làm cho người coi rừng của mình hiểu ra lẽ phải, ông ta đã vặt ngót nửa bộ râu của người đó nhằm chứng minh rằng đốn cây không làm cho rừng càng mọc dày rậm hơn lên... Tuy nhiên, về những mặt khác, cả Xôfrôn và Arkadi Pavluts đều không phải là không ủng hộ những phương pháp mới. Khi trở về làng, *burmixtr* dẫn chúng tôi đến xem cái quạt hòm mới ở Matxcova gửi về theo đơn đặt mua của lão. Cái quạt hoạt động tốt, nhưng nếu Xôfrôn biết rằng một chuyện khó chịu như thế nào đang chờ đợi lão trong cuộc dạo chơi cuối cùng này thì có lẽ lão sẽ cùng chúng tôi ngồi nhà cho xong.

Đây là câu chuyện đã xảy ra. Khi ra khỏi nhà kho, chúng tôi thấy cảnh tượng như thế này. Cách cửa mấy bước, cạnh một vũng nước bắn có mấy con vịt cái vùng vẫy một cách vô tư lự, hai người nông dân đang quì gối: một người già tuổi trạc sáu mươi, người kia mới chừng đôi mươi, cả hai đều mặc somi vải thô vá chằng vá đụp, chân không giày và buộc dây thừng thay

thắt lưng. *Zemxki* Fêđôxêits lặng xăng rồi rít cạnh họ, và có lẽ y sẽ bảo được họ đi chỗ khác nếu như chúng tôi ở lại trong nhà kho thêm lát nữa, nhưng thấy chúng tôi, họ vươn người thật thẳng và lì ra như phỗng. Trưởng ấp cũng đứng đấy, miệng há hốc, hai nắm tay vung lên, nhưng lưỡng lự không biết làm gì. Arkadi Pavluts cau mày, bặm môi và tới gần những kẻ cầu xin. Cả hai người lặng cúi rạp xuống chân ông ta.

- Các người cần gì? Các người cần xin gì? - Ông ta hỏi, giọng nghiêm khắc và hơi lấy giọng mũi! (Hai người nông dân nhìn nhau và không thốt lên một lời nào, chỉ nheo mắt như chói nắng và thở gấp hơn).

- Gì nào? - Arkadi Pavluts lại hỏi và lập tức nói với Xôfrôn - ở gia đình nào?

- Gia đình Rôbôlêp ạ - *Burmixtr* trả lời chậm rãi.

- Nào, muốn gì? - Pênôskin lại nói - Các người không có lưỡi hả? Nói đi người cần gì? - Ông ta hất hàm về phía ông già, nói thêm - Đừng sợ, đồ ngốc ạ.

Ông già vươn dài cái cổ nâu sạm, nheo nheo, méo xệch, cặp môi đã thâm tím, thốt lên bằng giọng khàn khàn: "Thưa ngài, xin ngài che chở cho chúng con!" - và đập trán xuống đất. Người nông dân trẻ cũng đập đầu lạy. Arkadi Pavluts bệ vệ nhìn gáy họ, ngửa đầu ra sau và hơi dặng chân ra.

- Cái gì? khiếu nại về ai?

- Xin ngài gia ân cho chúng con! Cho con thở cái đã ạ. Chúng con cực nhọc quá (ông già nói một cách khó nhọc).

- Ai hành hạ người?

- Chính Xôfrôn Iakôvlits, thưa ngài.

Arkadi Pavluts im lặng một lát.

- Tên người là gì?

- Thưa ngài, tên là Antip ạ.

- Còn đây là ai?

- Đây là con trai con ạ.

Arkadi Pavluts lại im lặng và rẽ ria mép.

- Nhưng ông ta hành hạ người cái gì kia chứ? - Pênôskin vừa nói vừa nhìn ông già qua hàng ria mép.

- Thưa ngài, ông ta làm chúng con hết đường sinh sống. Hai đứa con trai của con bị ông ấy đưa đi lính, tuy không đến phiên chúng phải đi, bây giờ ông ấy lại đẩy thằng thứ ba đi. Thưa ngài, hôm qua ông ấy dắt đi mất con bò cái cuối cùng của con và đánh vợ con, cái ông nhân đức ấy đây ạ (ông già trở vào trưởng ấp).

- Hừm! - Arkadi Pavluts thốt lên.

- Ngài là bậc nuôi nấng chúng con, xin ngài đừng để cho chúng con tận đường sinh sống.

Ông Pênôskin cau mày.

- Thế là thế nào, hả? - ông ta hạ thấp giọng, hỏi *bumixtr* với vẻ bất bình.

- Y say rượu đấy ạ - *Burmixtr* đáp - Y không làm lụng gì cả. Đã hơn bốn năm nay, năm nào cũng thiếu tô.

- Thừa ngài, Xôfrôn Iakôvlits nộp tô thay con - ông già nói tiếp - ông ấy nộp thay con đã hơn bốn năm nay, và vì thế, ông ấy bắt con làm nô lệ, thừa ngài, và thêm...

- Nhưng tại sao người lại thiếu tô? - ông Pênôskin hỏi với vẻ dâm dọ. (ông già cúi đầu xuống) - Có lẽ người thích uống rượu, thích la cà ở các quán rượu phải không? (ông già toan mở miệng ra). Ta biết các người rồi. - Arkadi Pavluts nói một cách nóng nảy - các người cứ việc nốc rượu và nằm ườn trên bếp lò, còn người nông dân đứng đắn phải gánh vác thay cho các người.

- Y còn là kẻ lỗ mãng nữa - *Burmixtr* nói chen vào.

Cái đó thì đã hẳn. Bao giờ chả thế. Tôi đã nhiều lần để ý thấy như vậy. Suốt năm ăn chơi bừa bãi, nói năng thô tục, rồi bây giờ mới quì mọp dưới chân chủ.

- Thừa ngài - ông già kêu lên với vẻ tuyệt vọng - Ngài làm ơn làm phúc che chở cho chúng con, con mà lại dám ăn nói lỗ mãng ư? Con trình với ngài như bày tỏ trước Chúa, quả là không còn có thể sống được nữa. Xôfrôn Iakôvlits thù ghét con, còn vì lẽ gì mà ông ấy thù ghét con thì xin để Chúa phán xét? Ông ấy làm con cùng đường sinh sống...đưa con trai cuối cùng... Vậy mà... (một giọt lệ long lanh trên đôi mắt vàng ệch và nhăn nheo của ông già). Lạy đức ông, xin đừng bề trên che chở cho chúng con...

- Không phải chỉ có gia đình nhà con...- Người nông dân trẻ tuổi toan nói.

Arkadi Pavluts bỗng nổi cơn thịnh nộ.

- Ai hỏi mày, hả? Người ta không hỏi mày thì mày im đi... Thế là cái gì? Im đi, ta bảo mà! Im mồm?... A, lạy Chúa tôi? Như thế là làm loạn. Không, tên kia? Ta khuyên người chớ có chống lại ta... với ta mà... (Arkadi bước một bước về phía trước, và có lẽ nhớ ra rằng tôi có mặt ở đây, ông ta quay đi và cho hai tay vào túi), *Je vous demande bien pardon, mon cher* ([73]) - ông ta hạ giọng rất thấp, vừa nói vừa mỉm cười gượng gạo - *C'est le mauvais côté de la médaille* ([74])... Thôi, thôi được, - ông ta nói tiếp, không nhìn những người nông dân - Ta sẽ ra lệnh... thôi được, đi đi. (Hai người nông dân không đứng lên). Kia, ta đã bảo mà. Đi đi, ta sẽ ra lệnh, ta bảo các người mà.

Arkadi Pavluts quay lưng về phía họ: "Không lúc nào hết chuyện bực mình: - ông ta nghiêng răng nói rít lên và bước dài trở vào nhà. Xôfrôn đi theo ông ta. Viên *zemxki* tròn tròn mắt lên, như sửa soạn nháy một cái rất xa tới một chỗ nào đó.

Trưởng ấp dọa những con vịt, khiến chúng phải bỏ vũng nước. Những người cầu xin còn đứng một lúc nữa tại chỗ, nhìn nhau rồi uể oải quay trở về, không hề ngoái nhìn lại.

Hai tiếng sau, tôi đã ở Riabôvô và sửa soạn đi sẵn cùng với Anpadixt, một nông dân quen biết.

Cho đến khi tôi đi, Pênôskin vẫn bực tức với Xôfrôn. Tôi nói chuyện với Anpadixt về nông dân Sipilôpka, về ông Pênôskin, hỏi xem Anpadixt có biết tay *bumixtr* ở đấy không.

- Xôfrôn Iakôvlits ấy hả? ... có chứ!

- Y là người thế nào?

- Con chó chứ không phải là người. Suốt từ đây cho đến tận Kurxk cũng không tìm đâu ra được một con chó như thế.

- Sao vậy?

- Thế này nhé: Sipilôka tiếng là của... tên người ấy là gì nhỉ... à, của Pênôskin, nhưng Xôfrôn mới thật là kẻ làm chủ làng đó.

- Thực ư?

- Y cai quản làng đó như đây là tài sản riêng của y. Nông dân tất phải đều mắc nợ y. Họ phải làm việc không công cho y: người thì y sai đi đánh xe tải, người thì y sai đi làm việc nọ việc kia... Y làm tội làm tình họ hết cấp.

- Hình như đất của họ hơi ít thì phải?

- Ít à? Chỉ riêng đất của Khlunôp mà y thuê cũng đã tám mươi dêxiatin rồi, lại còn một trăm hai mươi dêxiatin của làng tôi nữa. Như thế vị chi là trăm rưỡi dêxiatin rồi. Mà không phải y chỉ kiếm lời về ruộng đất thôi đâu, y buôn bán ngựa, cả gia súc cả nhựa cây, cả bơ, cả dấm và các thứ khác... y tinh ranh lắm, quá tinh ranh, và giàu nữa, con vật ấy! Tệ hại nhất là y quen đánh người. Thú vật chứ không phải là người. Tôi đã bảo y là chó má, chó, đúng là chó.

- Thế sao họ không khiếu nại về y?

- Ôi dào! Ông chủ thì ông ấy cần quái gì kia chứ? Tôi không thiếu hụt, vậy thì ông ta cần gì? Cứ đi mà khiếu nại - Anpadixt nói thêm, sau một lúc im lặng - Có giỏi cứ khiếu nại đi... Không, y sẽ cho biết tay...ừ, có giỏi thì cứ thử xem...Không, y sẽ làm cho khốn đốn...

Tôi nhớ tới Antip và kể với Anpadixt sự việc mà tôi đã chứng kiến.

- Thì đây - Anpadixt thốt lên - Bây giờ y sẽ ăn tươi nuốt sống ông già, y sẽ làm cho ông già dửng hòng mà sống nổi nữa. Trưởng ấp sẽ đánh đập ông lão. Khổ thân ông già đáng thương? Vì có gì mà ông ta bị y trù như thế...Có lần ông ta cãi cò với tên *burmixtr* ở chỗ đông người, chắc là không nín nhịn nổi nữa... chuyện có gì to tát đâu? Thế mà y bắt đầu trả đũa. Bây giờ thì y sẽ róc xương ông ta. Y là con chó dữ mà, đồ chó má, cầu Chúa tha tội cho con, y biết ai là người y có thể chèn lấn được. Nhưng ông già giàu hơn và đông con cháu hơn thì y không đụng đến, con quỉ hói ấy. Còn với ông già này thì y không kiêng nể gì! Chính y đã đẩy các con trai Antip vào lính, tuy không đến phiên họ phải đi, cái thằng bợm già đều cẳng ấy, đồ chó, lạy Chúa tha tội cho con.

Chúng tôi bắt đầu đi săn.

Zantxobrun, Xilêzi

tháng sáu, 1847.

PHÒNG QUẢN LÝ

Bấy giờ là mùa thu. Đã mấy tiếng đồng hồ, tôi xách súng đi lang thang qua các cánh đồng, và có lẽ trước khi trời tối, tôi sẽ không trở về căn nhà trọ bên đường cái lớn ở Kurxk, nơi chiếc xe ba ngựa của tôi đang chờ tôi. Nhưng cơn mưa bụi li ti giá lạnh mà suốt từ sáng, với cái tính khoáng ác không kém gì một ả gái già, cứ bám riết lấy tôi mà làm tình làm tội đã khiến tôi buộc lòng phải tìm một chỗ trú, dù là tạm thời, ở gần đấy. Trong lúc còn chưa biết nên đi về hướng nào thì tôi chợt nhìn thấy một túp lều thấp ở cạnh cánh đồng đã gieo đậu. Tôi tới gần túp lều, ngó vào dưới mái rơm và thấy một ông già hóm hèm đến nỗi tôi lập tức nhớ tới con dê sắp chết mà Rôbinxơn tìm thấy trong một cái hang trên đảo. Ông già ngồi xồm, hấp háy cặp mắt nhỏ đã mờ đục, đang nhai hạt đậu khô cứng, nhai vội vã nhưng thận trọng như con thỏ (ông lão khốn khổ không còn chiếc răng nào), không ngừng lăn hạt đậu từ phía này sang phía kia. Ông ta mải miết với công việc của mình đến nỗi không nhận thấy tôi tới.

- Cự ơi! Cự ơi! - Tôi gọi.

Ông lão ngừng nhai, nhướn cao đôi lông mày và gắng mở mắt. - Gì thế - ông già nói lúng búng, giọng khàn khàn.

- Gần đây có làng nào không, cụ? - Tôi hỏi.

Ông già lại bắt đầu nhai. Ông ta không nghe rõ lời tôi. Tôi nhắc lại câu hỏi to hơn trước.

- Làng à? ...Nhưng ông cần gì chứ?

- Trú mưa, cụ ạ.

- Gì?

- Trú mưa.

- Ô? (ông già gãi cái gáy đen sạm). Thế thì ông đi đi ông già bồng lên tiếng, vừa nói vừa xua tay loạn xạ - Nà... này nhé, đi qua khoảnh rừng, qua khoảnh rừng thì sẽ có đường. Bỏ con đường đó, và đi về bên phải, cứ bên phải mà đi, cứ thế mà đi, cứ thế...Thế là sẽ đến Ananhiêvô. Nếu không thì cũng sẽ đến Xitôpka.

Tôi phải khó khăn lắm mới hiểu nổi ông già.

Ria mép làm vương môi ông ta, và lưỡi cũng không để cho ông sai khiến dễ dàng.

- Cụ là người ở đâu?

- Gì?

- Cụ người ở đâu?

- Người làng Ananhiêvô.

- Thế cụ làm gì ở đây?

- Gì kia?

- Cụ làm gì ở đây?

- Tôi canh gác.

- Canh giữ cái gì kia?

- Giữ đậu.

Tôi không thể không phá lên cười.

- Cụ bao nhiêu tuổi rồi?

- Có trời biết.

- Chắc cụ nhìn không rõ đâu nhỉ?

- Gì cơ?

- Cụ nhìn không rõ phải không?

- Kém lắm. Có khi còn chẳng nghe thấy gì nữa kia.

- Vậy thì cụ giữ ruộng thế nào được kia chứ?

- Những ông trên cũng biết thế đấy.

"Những ông trên!" - tôi nghĩ và thương hại nhìn ông già khốn khổ. Ông già sờ soạng, lấy trong khoang ngực áo ra một mẩu bánh mì khô cứng và bắt đầu mút miếng bánh như đứa trẻ thơ, gắng sức đến nỗi đôi má vốn đã hõm lại càng hóp sâu mãi vào.

Tôi đi về phía khoảng rừng, rẽ sang bên phải, cứ thế mà đi, đi miết, theo lời khuyên của ông già. Cuối cùng tôi đến một làng lớn có ngôi nhà thờ đá xây theo thị hiếu mới, nghĩa là có cột, và một toà nhà rộng thênh thang cũng có cột. Từ xa, qua tấm màn mưa dày đặc, tôi đã để ý đến một căn nhà gỗ mái lợp ván, có hai ống khói. Căn nhà này cao hơn các nhà khác, có lẽ là nhà của trưởng thôn. Tôi cũng nhắm căn nhà ấy mà đi tới, hy vọng sẽ tìm được ở nhà ông ta một cái ấm xamôva, chè, đường và kem sữa không chua lắm. Tôi lên bậc tam cấp, con chó của tôi đã rét run cầm cập cũng lên theo. Tôi vào phòng ngoài, mở cửa. Nhưng, thay cho những đồ dùng thông thường trong nhà, tôi thấy mấy cái bàn chất đầy giấy tờ, hai cái tủ màu đỏ, những lọ mực đầy đầy vết mực, những lọ thiếc rất nặng đựng cát([75]), những chiếc bút lông rất dài và những đồ dùng văn phòng khác. Một gã trai chừng hai mươi tuổi ngồi trên một chiếc bàn, mặt húp lên như có bệnh, mắt nhỏ tí, trán béo ú và thái dương cực rộng. Gã ăn vận chỉnh tề, chiếc áo kafotan bằng vải Nam Kinh màu xám bóng láng ở cổ và ngực áo.

- Ông cần gì? - Gã hỏi tôi, hất đầu lên như con ngựa không ngờ bị người ta túm lấy mõm.

- Đây là chỗ ở của người quản lý, hay...

- Đây là phòng quản lý chính của ông chủ - Gã ngắt lời tôi - Tôi trực ở đây...ông không thấy tấm biển sao? Treo biển là cốt để cho người ta đọc mà.

- Quanh đây có chỗ nào có thể sưởi cho khô quần áo được không? Ở làng này ai có ấm xamôva?

- Ấm xamôva mà lại không có thể nào được - Gã trai mặc áo kafotan màu xám đáp với vẻ quan trọng - Hãy đến bố Timôfây, hay đến nhà ở của gia nhân, không thì đến Nazar Taraxut hoặc đến nhà bà nuôi chim Agrafenna.

ày nói chuyện với ai đấy, gã đàn độn kia? Không để cho người ta ngủ nữa, đồ ngu! - Tiếng nói từ buồng bên vang ra.

- Có một ông khách ghé vào đây, hỏi chỗ nghỉ để sưởi cho khô quần áo.

- Ông nào?

- Tôi không biết. Có đem theo chó và súng.

Ở buồng bên cạnh, có tiếng két mạnh của chiếc giường. Cửa mở ra, một người đàn ông chừng năm mươi tuổi bước vào, người thấp béo, cổ như cổ bò đục mắt ốc nhồi, má tròn lạt thường và cả khuôn mặt bóng loáng lên.

- Ông cần gì? - ông ta hỏi tôi.

- Tôi muốn sưởi cho khô quần áo.

- Đây không phải là chỗ sưởi.

- Tôi không cần biết đây là phòng giấy. Vả chăng, tôi sẵn sàng trả tiền...

- Thế thì thu xếp ở đây cũng được - Gã to béo đáp, ông vào đây xem có ưng ý không (y dẫn tôi vào căn buồng khác, nhưng không phải căn buồng y vừa ở đấy ra). Ông ở đây có được không?

- Tốt rồi...Có thể kiếm được trà với kem sữa không?

- Vâng, có ngay. Xin ông cứ cởi áo ra và nghỉ ngơi một lát, còn trà thì sẽ có ngay thôi.

- Đây là tài sản của ai?

- Của bà Lôxnhiakôva Êlêna Nhikôlaepna.

Y ra. Tôi nhìn xung quanh. Dọc theo tấm vách ngăn căn buồng tôi đang ở với phòng giấy có kê tấm đi văng bọc da rất đồ sộ. Hai chiếc ghế cũng bọc da, lưng rất cao, đặt ngất ngheo hai bên chiếc cửa sổ duy nhất nhìn ra đường. Trên những bức tường dán giấy bồi màu lá mạ vẽ hoa màu hồng, có treo ba bức tranh sơn dầu lớn. Một bức tranh vẽ con chó săn đeo cái cổ dề màu xanh, bên dưới có đề: "Đây là niềm vui sướng của tôi". Dưới chân con chó có dòng sông, trên bờ đối diện có con thỏ to vô chừng, tai vểnh lên, ngồi dưới một cây thông. Bức tranh thứ hai vẽ hai ông già ăn dưa hấu; ở diện phía sau quả dưa hấu, xa xa, ta thấy một cái trụ quan kiểu Hy Lạp có hàng chữ: "Đền khoái lạc". Bức tranh thứ ba có hình *en raccouci* ([76]) của một người đàn bà nửa khoả thân đang nằm, đầu gối màu đỏ và gót chân rất dày. Con chó của tôi không một chút chậm trễ, chui xuống gầm đi văng bằng những cổ găng phi thường, và có lẽ nó tìm thấy ở đấy nhiều bụi đến nỗi cứ hắt hơi liên tục và dữ dội. Tôi tới gần cửa sổ. Một lối đi lát bằng những tấm ván chạy chéo ngang qua đường, nối liền nhà chủ đất với phòng giấy: sự lo xa đó rất có ích, bởi vì đất vùng này là đất đen và mưa kéo dài nên xung quanh lầy lội kinh khủng. Quanh trang viên của chủ nhân - khu nhà này quay lưng ra đường - vẫn là cảnh tượng thường

thấy quanh nhà các địa chủ: những cô gái mặc áo dài vải hoa bạc màu chạy đi chạy lại; đầy tớ trong nhà lê chân trong bùn, đôi khi dừng lại và gãi lưng với vẻ nghĩ ngợi; con ngựa của viên cảnh sát thôn uể oải vẩy đuôi và vươn mõm gặm hàng rào, những con gà mái kêu ầm ỉ, những con gà tây ốm o không ngớt gọi nhau. Trên bậc tam cấp của một gian nhà tối và mọt ruỗng, có lẽ là nhà tắm, một gã trai lực lưỡng ngồi gẩy đàn ghi ta và hát bài tình ca nổi tiếng với vẻ hiên ngang:

Giã từ đất mật quê ta

Dấn thân vào chôn bao la mịt mùng

Người to béo vào phòng tôi.

- Mang trà đến cho ông đây - Y nói với tôi, miệng mỉm cười dễ mến.

Gã trai thường trực mặc chiếc kafotan màu xám đặt lên chiếc bàn đánh bạc cũ một cái ấm xamôva, ấm pha trà, cái cốc với cái đĩa mè, một âu kem sữa và một bó bánh khô giòn Bônkhốp cứng như đá. Người to béo bước ra.

- Người nào đấy, quản lý ư? - Tôi hỏi gã trai.

- Không phải đâu. Trước ông ta là thủ quỹ chính, bây giờ được đưa lên làm chủ sự văn phòng.

- Thế không có ai làm quản lý à?

- Dạ không. Có ông *burmixtr* Mikhailô Vikulôp, chứ không có quản lý.

- Thế có quản trị trưởng không?

- Có chứ ạ. Ông Karô Karluts Lindamandôn, người Đức. Có điều là ông ta không cai quản công.

- Thế ai cai quản?

- Chính bà chủ.

- À, ra thế? ...Thế phòng quản lý của các anh có nhiều người không?

Gã trai ngập ngừng.

- Có sáu người.

- Những ai? - Tôi hỏi.

- Trước hết là Vaxilê Nikôlaiêvits, thủ quỹ chính, rồi đến Piôtr, nhân viên văn phòng, Ivan, anh của Piôtr, cũng là nhân viên, Kôxkenkin Narkizôp là một nhân viên nữa, và tôi...

- Bà chủ của anh có nhiều kẻ hầu người hạ trong nhà chứ?

- Không, không nhiều lắm...

- Nhưng bao nhiêu?

- Khoảng trăm rưỡi người.

Cả hai chúng tôi đều im lặng.

- Thế nào, anh viết chữ đẹp không? - Tôi lại bắt đầu hỏi.

Gã trai cười toác miệng, gật đầu, trở lại phòng giấy và đem đến một tờ giấy chi chít chữ viết:
- Chữ tôi đây này - Gã nói, miệng vẫn mỉm cười.

Tôi xem: trên tờ giấy xám nhạt, khổ gấp tư có viết như sau bằng nét chữ đẹp và to:

MỆNH LỆNH

*của phòng quản lý chính tại nhà riêng của chủ đất tại Ananhirvô gửi burmixtr Mikhailô Vikulôp.
No 209.*

"Lệnh cho người sau khi nhận được giấy này phải lập tức tra xét xem đêm qua kẻ nào say rượu hát những bài tục tĩu, đi qua vườn Aglitzki, khiến cho bà gia sư người Pháp Engiêni thức giấc và khó chịu. Điều tra xem bọn gác làm gì và kẻ nào gác trong vườn mà lại để xảy ra tình trạng lộn xộn như thế. Lệnh cho người điều tra tỉ mỉ tất cả những điều trên và trình ngay lên văn phòng.

Chủ sự văn phòng Nikôlai Khorvôxlôp.

Bản mệnh lệnh có đóng con dấu cực to kiểu huy chương mang những chữ: "Dấu của văn phòng chính của chủ đất Ananhiêvô". Bên dưới có viết thêm: "Phải chấp hành nghiêm ngặt. Êlêna Lôxnhiakôva".

- Chính tay bà chủ viết đây, phải không? - Tôi hỏi.

- Đúng đấy ạ, chính tay bà chủ: bao giờ bà cũng tự tay ký lệnh. Nếu không thì mệnh lệnh không thể có hiệu lực được.

- Thế anh sẽ gửi bản mệnh lệnh này cho *burmixtr* chứ?

- Không ạ. Chính ông ta đến đây và đọc. Đúng hơn là chúng tôi đọc cho ông ta nghe, ông ta không biết chữ mà. (Người thường trực lại im lặng một lúc) ông thấy thế nào - Anh ta vừa nói thêm vừa mỉm cười - viết có đẹp không ạ?

- Đẹp.

- Nói thực là tôi thảo văn bản. Về khoản này thì Xôxkenkin là tay thiện nghệ.

- Sao? ... ở đây mệnh lệnh vẫn được thảo trước rồi mới viết đấy à?

- Chứ sao ạ? Không thể viết thẳng ngay vào được.

- Lương của anh bao nhiêu? - Tôi hỏi.

- Ba mươi năm rúp và năm rúp mua ủng ạ.

- Anh có hài lòng không?

- Có chứ ạ. Không phải ai cũng được vào làm ở văn phòng. Thú thật là chính Chúa gia ân cho tôi: cậu tôi làm quản gia.

- Đời sống khăm khá chứ?

- Khá ạ. Thực tình mà nói thì làm với giới buôn bán, bọn cao giấy chúng tôi sống khá hơn. Làm với những người buôn bán chúng tôi sống rất sướng. Tối hôm qua có một thương nhân ở Vêniêp đến đây, tay thư ký của ông ta đã nói chuyện với tôi...

sống sướng lắm, không thể nói hết được, sung sướng lắm.

- Thế ra các thương nhân trả lương cao hơn à?

- Cầu Chúa cho bọn tôi đừng ai nghĩ đến chuyện ấy. Anh nào đòi lương thì người thương gia sẽ tổng cổ đi ngay. Không, ở với thương gia thì phải biết tin và biết sợ. Ông ta sẽ cho anh ăn, uống, mặc tử tế, đầy đủ hết. Được lòng ông ta thì ông ta còn cho nhiều hơn... Lương lậu làm gì? Không cần lương làm gì cả... Và người thương gia sống giản dị, theo phong cách Nga, như anh em chúng tôi: khi cùng đi đường với ông ta thì ông ta uống trà, ta cũng được uống trà, ông ta ăn, ta cũng được ăn. Người thương gia...so sánh sao được; người thương gia không phải là chủ đất. Người thương gia không làm những việc quá quắt cái lên có thể đánh mấy cái rồi thôi...không lai nhai, không đay nghiến... Còn với Chúa đất thì cực lắm. Cái gì cũng không ưng: cái này không được, cái kia không vừa lòng. Đem lên cho ông địa chủ quý tộc cốc nước hay món ăn: "A, nước có mùi khó chịu! Hừ, món ăn có mùi khó ngửi!". Ta mang ra, đứng ngoài cửa một lát rồi mang vào: "Đấy bây giờ thì tốt, được, bây giờ thì không có mùi khó ngửi". Các bà quý tộc còn khó tính hơn nữa!...Đến các tiểu thư nữa thì thật hết chỗ nói!...

- Fêdiusa! - Có tiếng của người to béo trong văn phòng.

Người thường trực nhanh nhẩu đi ra. Tôi uống nốt cốc trà, nằm trên đi văng và ngủ thiếp đi. Tôi ngủ hai tiếng.

Khi tỉnh giấc, tôi muốn trở dậy, nhưng lại ngại. Tôi nhắm mắt, song không ngủ được nữa. Bên kia tấm vách ngăn, có tiếng nói chuyện khe khẽ trong văn phòng. Vô tình, tôi lắng nghe.

- Thế đấy, thế đấy, Nikôlai Êrêmêits ạ - Một người nói, không rõ là ai - Thế đấy. Không thể không tính đến điều đó. Không thể được, đúng vậy. Hừm? (Người đang nói ho một tiếng).

- Xin hãy tin tôi, Gavril Antônuts - Tiếng người béo đáp - Tôi lại không biết nê nếp ở đây hay sao, ông thử nghĩ xem.

- Không ông thì còn ai biết được nữa, Nikôlai Êrêmêits, có thể nói ở đây ông là người đứng đầu.Vậy thì thế nào? - Người lạ mặt nói tiếp - Chúng ta sẽ quyết định sao đây, Nikôlai Êrêmêits? Xin cho tôi được biết.

- Quyết định thế nào ư, ông Gavril Antônuts? Có thể nói điều đó tùy ở ông: hình như ông không muốn giải quyết thì phải.

- Sao ông lại nói thế, ông Nikôlai Êrêmêits? Chúng tôi là người buôn bán. Chúng tôi muốn mua hàng. Chúng tôi sống bằng việc đó, có thể nói như vậy đấy Nikôlai Êrêmêits ạ.

- Tám rúp - người béo nói rành từng tiếng.

Một tiếng thở dài.-Nikôlai Êrêmêits, ông đòi nhiều quá đấy.

- Không thể làm khác được, Gavril Antônuts ạ. Tôi nói có Chúa trời chứng giám, không thể làm cách nào khác được.

Im lặng.

Tôi khẽ nhồm dậy và nhìn qua khe vách. Người béo ngồi quay lưng về phía tôi. Ngồi đối diện với ông ta là một thương nhân trạc bốn mươi tuổi, gầy gò và tái nhợt, như đang kỳ bôi dầu ăn chay. Ông ta không ngừng cào bới chòm râu, chớp mắt rất nhanh, và môi thỉnh thoảng lại giật giật.

- Lúa năm nay tốt lạ, có thể nói như vậy - ông ta lại lên tiếng - Ngồi trên xe tôi cứ nhìn mà mê. Ngay từ Vôrônegiơ, lúa đã tuyệt lắm rồi, hạng nhất, có thể nói như vậy.

- Đúng thế, lúa cũng khá - ông chủ sự văn phòng đáp - Nhưng ông biết đấy, mùa thu gieo trồng, mùa xuân gặt hái.

- Quả thật là như vậy, Nikôlai Êrêmêits ạ: tất cả là do ý Chúa, ông nói chí lí lắm... Nhưng có lẽ ông khách của ông thức giấc rồi đấy...

Ông béo quay lại... lắng nghe...

- Không, vẫn ngủ. Nhưng có thể là...

Ông ta tới gần cửa.

- Vẫn ngủ - ông ta nhắc lại và trở về chỗ cũ.

- Vậy thì thế nào, Nikôlai Êrêmêits? - Người thương gia lại lên tiếng - nên giải quyết dứt khoát công việc của chúng ta đi chứ... Phải thế thôi, Nikôlai Êrêmêits, phải thế thôi - ông ta nói tiếp, mắt vẫn chớp chớp không ngừng - Xin đưa ông hai tờ xám một tờ trắng ([77]), còn ở đây (ông ta hất đầu về phía nhà chủ) thì sáu rưỡi. Ta giao ước với nhau chứ?

- Bốn tờ xám - Người quản lý đáp.

- Thôi thì ba vậy!

- Bốn tờ xám không có tờ trắng.

- Ba. Nikôlai Êrêmêits.

- Ba rưỡi, không bớt một xu.

- Ba. Nikôlai Êrêmêits ạ.

- Thôi đừng nói nữa. Gavril Antônuts ạ.

- Khó thoả thuận với ông quá đi mất - Người thương gia càu nhàu - Như thế thì thà tôi dàn xếp với bà chủ chò xong.

- Tuỳ ông - Người béo đáp - Cũng được thôi. Thực ra như vậy có gì phiền cho ông đâu? ... Còn tốt hơn là khác!

- Thôi, đủ rồi, Nikôlai Êrêmêits. Đã cẩu ngay được. Nói chơi thế thôi mà.

- Không quả thực là...

- Thôi mà... Đã bảo là nói đùa mà. Ừ thì ông sẽ lấy ba tờ rưỡi của ông, đến chịu ông thôi.

Lẽ ra thì phải lấy bốn tờ, nhưng tôi ngờ nghếch, hấp tấp quá - Người béo cầu nhàu.

- Còn ở kia, ở nhà bà chủ thì trao sáu rưỡi, Nikôlai Êrêmêits ạ. Họ có để lại lúa mì với giá sáu rưỡi không?

- Đã bảo là sáu rưỡi mà.

- Thế thì ta cam kết với nhau nào, Nikôlai Êrêmêits (người kia vỗ bàn tay xoè rộng của mình vào lòng bàn tay gã nhân viên văn phòng). Chúa phù hộ ta! (Người thương gia đứng lên). Như vậy thì bác Nikôlai Êrêmêits ạ, bây giờ tôi sẽ đến bà chủ, sẽ cho người vào báo với bà ấy là tôi đến gặp và sẽ nói như thế này: tôi với Nikôlai Êrêmêits đã thoả thuận giá sáu rưỡi.

- Cứ nói thế, ông Gavril Antônurts ạ.

- Còn bây giờ thì xin ông nhận cho.

Người thương gia trao cho viên quản lý một tập giấy bạc nhỏ, cúi chào, rồi hất mạnh đầu một cái, dùng hai ngón tay nhón lấy chiếc mũ mềm của mình, đưa đẩy đôi vai khiến cho thân hình trở nên uyển chuyển và đi ra, đôi ủng khế kèn kẹt một cách lịch sự. Nikôlai Êrêmêits tới gần tường, và theo chỗ tôi nhận thấy, ông ta bắt đầu kiểm lại số tiền người thương gia trao cho. Một cái đầu tóc hung có bộ râu quai rậm rì thò vào cửa.

- Này, thế nào? - Cái đầu hỏi - Ổn cả chứ?

- Ổn cả.

- Bao nhiêu?

Người béo phẩy tay với vẻ bức bối và trở vào phòng tôi.

- A, hay lắm! - Cái đầu đáp và biến mất.

Người béo tới gần bàn, ngồi xuống, mở quyển sổ, lấy cái bàn tính, bắt đầu gảy, nhưng không dùng ngón tay trở, mà dùng ngón giữa của bàn tay phải, dùng ngón đó nom đẹp hơn. Người thường trực vào.

- Gì thế - Xindor ở Gôlôpliốc đến.

- À! Thế thì bảo vào đây. Khoan, khoan đã...Hãy đi xem xem cái ông quý tộc kia còn ngủ hay đã dậy rồi.

Người thường trực thận trọng vào phòng tôi.

Tôi gối đầu lên cái túi đi săn dùng thay gối và nhắm mắt.

- Vẫn ngủ - Người thường trực trở lại văn phòng, nói khẽ.

Người béo lầu bầu mấy tiếng qua kẽ răng.

- Này, bảo Xidor vào đây - Cuối cùng ông ta thốt lên.

Tôi lại nhóm lên. Người mới đến bước vào - đó là một gã *mujich* trạc ba mươi tuổi, tầm vóc cao lớn, khoẻ mạnh, má đỏ hồng, tóc vàng hoe, bộ râu cằm nhỏ và xoăn. Anh ta cầu nguyện một lúc trước ảnh thánh, rồi cúi chào ông chủ sự văn phòng, hai tay cầm cái mũ và uốn thẳng người.

- Chào anh Xiđor - Người béo nói, vẫn gầy bàn tính lách cách.

- Chào ông Nikôlai Êrêmêits.

- Này, đường xá thế nào?

- Đường tốt, ông Nikôlai Êrêmêits ạ. Hơi bẩn tí thôi (Người nông dân nói thông thả và nhỏ nhẹ).

- Vợ anh khoẻ chứ?

- Cũng tạm tạm!

Người nông dân thở dài và đưa một chân ra phía trước. Nikôlai Êrêmêits giắt bút vào mái tai và hỉ mũi.

- Sao, anh đến có việc gì đấy? - ông ta vừa hỏi vừa cho chiếc khăn tay bằng vải kẻ ô vuông vào túi.

- Ông Nikôlai Êrêmêits ạ. Chúng tôi được lệnh phải lấy thợ mộc đi làm nhà.

- Thế sao, các anh không có ai biết làm mộc à?

- Chúng tôi mà lại không có thợ mộc thế nào được, ông Nikôlai Êrêmêits: vùng chúng tôi là vùng trồng rừng kia mà. Nhưng lúc này đang vụ làm, ông Nikôlai Êrêmêits ạ.

- Vụ làm? Thế đấy, các anh sẵn lòng làm việc cho người khác, nhưng lại không làm việc cho bà chủ của mình... Đẳng nào cũng vậy thôi mà!

- Làm gì thì cũng là làm, đúng thế, ông Nikôlai Êrêmêits ạ ... cơ mà ...

- Sao?

- Tiền công thì quá...

- Thôi, so kè làm gì? Rõ ràng là các anh đâm ra hư hỏng rồi. Tệ lắm đấy!

- Ông Nikôlai Êrêmêits ạ, mà cũng cần nói thêm là công việc có khi chỉ một tuần là xong, nhưng chúng tôi sẽ bị giữ lại đến một tháng. Khi thì vật liệu không đủ, khi thì bị sai đi dọn lối đi trong vườn.

- Thôi, so kè làm gì? Chính bà chủ đã hạ cố ra lệnh thì tôi với anh không còn gì để bàn bạc nữa.

Xiđor im lặng và bắt đầu đứng đổi chân này sang chân kia.

Nikôlai Êrêmêits ngoẹo đầu sang bên và chăm chú gầy bàn tính.

- Anh em nông dân... chúng tôi... ông Nikôlai Êrêmêits... - Cuối cùng, Xidor lên tiếng, ngập nga ngập ngừng... - anh em bảo... đem đến... nhờ lương ông... đây là ... (Anh ta cho bàn tay hộ pháp vào khoang ngực áo *armiak* và lôi ra một bọc gói bằng chiếc khăn tay có hoa đỏ).

- Ở cái anh này, làm trò gì thế, ngớ ngẩn, điên rồi chắc? - Ông béo vội vã ngắt lời người nông dân - Đi đi, đến nhà tôi - ông ta nói tiếp, gần như xô đẩy người nông dân ra, khiến anh ta ngạc nhiên - Về nhà tôi, bảo vợ tôi... bà ấy sẽ pha trà cho anh, tôi sẽ về ngay, đi đi... Đừng ngại, tôi bảo mà, đi đi.

Xidor ra.

- Cái thằng... đến vụng về? - ông chủ sự văn phòng lăm băm nói theo, lắc đầu và lại gẩy bàn tính.

Bỗng ở ngoài đường và ở bậc tam cấp vang lên những tiếng la hét: "Kupria! Kupria! Không thể hất cẳng Kupria được?!! Lát sau, một người vào văn phòng, người này tầm vóc thấp, nom như ho lao, mũi dài lạ thường, mắt to không động đậy, dáng vẻ đầy kiêu hãnh. Gã mặc chiếc áo dài xẻ vạt cũ rách màu tím nhạt, cổ áo bằng vải bông, cúc áo nhỏ xíu. Trên vai, gã vác bó củi. Năm sáu gia nhân nhà địa chủ xúm quanh gã và tất cả đều hò hét: "Kupria! Không thể hất cẳng Kupria được! Kupria đã được lấy làm thợ nhóm lò, làm thợ nhóm lò!". Nhưng người mặc áo dài xẻ vạt có cổ bằng vải bông không mấy may chú ý đến những lời la lối om xóm của các bạn mình và tuyệt nhiên không đổi nét mặt. Gã bước những bước đều đều đến bếp lò, quẳng bó củi xuống, vươn thẳng người lên, lấy trong túi sau ra một hộp thuốc lá, trợn trừng mắt và nhồi vào mũi một dúm ngạt ba tán nhỏ trộn với tro([78]).

Thấy tốp người ồn ào kéo vào, người béo cau mày và toan đứng lên, nhưng hiểu rõ sự tình, ông ta mỉm cười và chỉ bảo họ đừng hò hét, ở phòng bên có một người đi săn đang ngủ.

- Người đi săn nào? - Hai người đồng thanh hỏi.

- Một ông địa chủ.

- Mặc cho họ làm ầm - Người mặc áo cổ bông xoè hai bàn tay ra, nói - Tôi cần cóc gì! Đừng động đến tôi là được rồi. Tôi đã được lấy làm thợ đốt lò...

- Làm thợ đốt lò? Làm thợ đốt lò! - Đám đông sung sướng hoà theo.

- Bà chủ đã ra lệnh! - Gã nhún vai nói tiếp - Còn các người cứ chờ đấy. .. Các người sẽ được giao việc chăn lợn. Còn về chuyện ta là thợ may, thợ may giỏi, ta đã học những người thợ tài tình nhất ở Matxcova và đã may cho các vị tướng... thì cái đó không ai lấy đi được của ta. Tại sao các người lại có vẻ mạnh bạo thế kia? ... Tại sao? Các người đã vượt ra ngoài uy quyền của địa chủ rồi sao? Các người là những kẻ ăn chức, những kẻ sống bám, có thể thôi.

Ta đã được tự do, ta sẽ không chết đói đâu, ta không thể chết được. Hãy cho ta giấy phép ([79]), ta sẽ nộp đủ tô và sẽ làm chủ vừa lòng. Còn các người thì sao, các người sẽ chết, sẽ chết như những con ruồi, có thể thôi!

- Khoác lác chưa - Một gã trai ngắt lời Kuprian, gã này mặt rỗ, tóc màu vàng hoe, quần áo tồi tả thắt chiếc cà vạt đỏ. - Thì anh vẫn có giấy phép đấy chứ, nhưng các ngài chủ vẫn chưa hề nhìn thấy một xu tô của anh, mà anh cũng không kiếm được cho bản thân mình lấy một xu: anh đã phải gắng hết sức mới lê được chân về nhà và từ bấy đến nay vẫn chỉ trần có chiếc kafotan cà khổ.

- Nhưng làm thế nào được, Kônxtantin Narkizuts! - Kuprian phản đối - Khi con người ta đã

yêu say đắm thì cuộc đời hồng rồi, vút đi rồi. Cậu hãy sống vào cảnh ngộ như tớ đã rồi hàng chề trách tớ, Kônxtantin Narkizuts ạ.

- Nhưng anh mê một ả như thế nào kia chứ? Một con quái!

- Không, đừng nói thế, Kônxtantin Narkizuts.

- Kìa, anh thuyết ai thế Tôi đã nhìn thấy cô ả rồi. Năm ngoái, ở Matxcova, chính tôi đã nhìn thấy.

- Năm ngoái thì quả thực là nàng có hơi xấu đi chút ít - Kuprian nói.

- Không, thưa các vị, thôi đi - Một người lên tiếng, giọng đượm vẻ miệt thị. Người này cao, gầy còm, mặt lấm tẩm mụn, tóc uốn và bôi dầu, chắc là hầu phòng - Hãy để Kuprian Afanaxits hát cho chúng ta nghe bài ca của anh ấy. Nào bắt đầu đi, Kuprian Afanaxits!

- Đúng, đúng! - Những người khác hòa theo - Hoan hô Alêcxândra! Đưa Kuprian vào tròng khéo lắm, không chề vào đâu được... Hát đi, Kupria! ...Alêcxândra giỏi lắm (khi muốn biểu lộ thái độ triu mến, những người hầu trong nhà địa chủ thường dùng đuôi từ giống cái để nói về đàn ông). Hát đi!

- Đây không phải chỗ hát - Kuprian gặt phăng đi - Đây là văn phòng của chủ...

- Nhưng cậu cần quái gì? Có lẽ cậu muốn ngấp nghé cái chân nhân viên văn phòng chắc? - Kônxtantin đáp và cất tiếng cười thô lỗ - Hẳn thế rồi!

- Tất cả chúng ta đều ở dưới quyền chủ - Anh chàng đáng thương nói.

- Thấy chưa, thấy hẳn ngấp nghé cái gì chưa, thấy hẳn là người thế nào rồi chứ? u! u! a!

Tất cả đều cười phá lên, có những người nhảy lên. Một thằng bé trạc mười lăm tuổi cười lớn hơn cả có lẽ nó là con nhà quý tộc đi với đám gia nhân: nó mặc chiếc gilê có cúc đồng, thắt chiếc cà vạt màu tím hoa cà, và bụng đã xệ ra.

- Này, nói thực đi, Kupria - Nikôlai Êrêmêits nói với vẻ hài lòng, có lẽ ông ta khoái chí và trở nên dễ tính - Làm thợ đốt lò chán lắm phải không? Một công việc hoàn toàn vô nghĩa nhỉ?

- Sao ông lại nói thế, ông Nikôlai Êrêmêits? - Kuprian lên tiếng - Bây giờ ông làm chủ sự văn phòng của chúng tôi, đúng thế. Chuyện đó không còn phải bàn cãi gì nữa. Nhưng cũng có thời ông bị ghét bỏ và cũng đã ở trong túp nhà tồi tàn của người nông dân.

- Này, cẩn thận đấy, đừng có đi quá trớn - ông béo ngắt lời anh ta một cách nóng nảy. - Đồ thộn ạ, người ta đùa thì phải biết chứ. Ngu như bò ấy, đáng lẽ phải cảm động và biết ơn vì người ta đã hoài thời giờ nói chuyện với thằng ngớ ngẩn như mình.

Tôi cũng vui miệng nói chơi thế thôi, ông Nikôlai Êrêmêits ạ, thứ lỗi cho tôi...

- Vui miệng, nói chơi.

Cửa mở ra, và một thằng nhỏ chạy vào.

- Ông Nikôlai Êrêmêits, bà chủ cho đòi ông.

- Có những ai ở đấy? - ông ta hỏi thằng bé.

- Acxinhya Nikitisna và một thương gia ở Vênhiôp.

- Ta đến ngay đây. Còn các anh - ông ta nói tiếp với giọng quả quyết - Tốt hơn hết là xin mời các anh xéo khỏi đây cùng với anh thợ nhóm lò mới của các anh. Kẻo không, ông người Đức mà tạt vào đây là ông ta sẽ kêu với bà chủ ngay cho mà xem.

Ông béo sửa lại mái tóc, đưa bàn tay gần như hoàn toàn bị ống tay áo trùm kín lên che miệng, ho một tiếng, cài cúc áo và khệnh khạng bước ra, lên gặp bà chủ. Lát sau, cả tốp người cùng với Kupria cũng đi nốt. Chỉ còn lại người quen cũ của tôi là anh chàng thường trực. Anh ta toan gọt chiếc bút lông ngỗng, nhưng lại cứ ngồi thế mà ngủ. Mấy con ruồi lập tức lợi dụng dịp may và bay vào miệng anh ta. Một con muỗi đậu lên trán anh ta, chúng đều chân và thông thả cắm vòi vào da thịt mềm của anh ta. Cái đầu tóc hung có râu quai trước kia lại thò vào cửa, ngo quanh ngoáy quần một lúc rồi vào văn phòng cùng tấm thân khá xấu xí.

- Fêđiuska? Này Fêđiuska! Lúc nào cũng ngủ! - Cái đầu thốt lên.

Người thường trực mở mắt và rời ghế đứng dậy.

- Nikôlai Êrêmêits lên gặp bà chủ à?

- Lên gặp bà chủ, ông Vaxili Nikôlais ạ.

"A! a! - Tôi nghĩ - tay thủ quỹ chính đây".

Viên thủ quỹ chính bắt đầu đi lại trong phòng.

Nhưng ông ta đi rón rén hơn là bước bình thường, và như vậy, nói chung ông ta giống con mèo cái. Trên vai ông ta lủng lẳng tấm áo chèn cũ, đuôi áo rất đẹp. Một tay ông ta để trên ngực, tay kia luôn luôn nắm lấy chiếc cà vạt bằng lông ngựa thắt cao và chặt, đầu ngo ngoáy một cách chật vật. Ông ta đi ủng da dê, không cốt két, và bước rất nhẹ.

- Hôm nay ông địa chủ Iaguskín hỏi ông - Người thường trực nói thêm.

- Hừm, hỏi à? Ông ta bảo gì?

- Ông ta bảo tối nay ông ta sẽ tới Tiutiurep và sẽ chờ ông. Ông ta bảo ông ta có việc cần bàn với Vaxili Nikôlaits, nhưng bàn việc gì thì ông ta không nói: ông ta bảo Vaxili Nikôlaits biết đấy.

- Hừm? - Viên thủ quỹ chính thốt lên và tới gần cửa sổ.

- Này, Nikôlai Êrêmêits có trong văn phòng không? - Có tiếng nói oang oang ở phòng ngoài, và một người cao lớn, có lẽ là đang cẩu, khuôn mặt không cân đối nhưng giàu sức biểu hiện và đầy vẻ can đảm, y phục khá chỉnh tề, bước qua ngưỡng cửa.

- Ông ấy không có đây à? - Anh ta đảo mắt nhìn nhanh khắp xung quanh và hỏi.

- Nikôlai Êrêmêits ở chỗ bà chủ - Viên thủ quỹ đáp - ông cần gì xin cứ nói với tôi, ông Paven Andrêits ạ: ông có thể nói với tôi... ông cần gì?

- Tôi muốn gì à? Ông muốn biết tôi cần gì à?

(Viên thủ quỹ gật đầu với vẻ đau đớn. Tôi muốn cho y một bài học, cái tên bụng phệ vô lại ấy,

tên ton hót dê tiện ấy!).

Paven gieo mình xuống ghế.

- Ông làm sao thế, ông làm sao thế, Paven Andrêits? ông hãy bình tâm lại... ông không biết xấu hổ ư? Ông đừng quên là ông nói đến ai, ông Paven Andrêits ạ? - Viên thủ quỹ lấp bắp.

- Nói ai à? Y được đưa lên làm chủ sự văn phòng thì tôi cũng chẳng coi ra mùi gì! Mà họ cũng rõ khéo kén người! Như vậy có thể nói là thả dê vào vườn rau, đúng như vậy đấy!

- Đủ rồi, đủ rồi, Paven Andrêits, đủ rồi! Thôi đi nói nhảm nhí gì thế?

- Chà, con cáo đã bắt đầu ngoe nguẩy đuôi rồi đấy - Tôi sẽ đợi y. - Paven thốt lên một cách cáu kỉnh và dấm tay xuống bàn - A, y đang đến kia - Anh ta nhìn ra cửa sổ và nói thêm. - Vừa nói đến đã lộ mặt tới. Rất hoan nghênh (anh ta đứng lên).

Nikôlai Êrêmêits vào văn phòng. Mặt ông ta hớn hở vì thoả mãn, nhưng thấy Paven, ông ta hơi bối rối.

- Chào ông, Nikôlai Êrêmêits - Paven nói với vẻ nghiêm trang, chậm chạp tiến lại gặp ông ta - Chào ông.

Ông chủ sự văn phòng không trả lời gì cả.

Khuôn mặt của người thương gia xuất hiện ở cửa.

- Sao ông không thềm đáp lời tôi? - Paven nói tiếp - Nhưng không... không - Anh ta nói thêm - Chuyện ấy không đáng kể... Quát tháo, chửi bới không giải quyết được gì. Không, xin vui lòng cho biết, ông Nikôlai Êrêmêits ạ, vì lẽ gì ông trù tôi? Vì cố gì ông muốn giết tôi? Nào, nói đi, nói đi...

- Đây không phải là chỗ nói rõ với anh về việc ấy - ông chủ sự văn phòng đáp, xem ra có phần lo lắng - và cũng không có thời giờ nữa kia. Nhưng thú thực là có một điều khiến tôi ngạc nhiên: vì sao anh lại dựng chuyện lên là tôi muốn giết anh hay tôi trù anh? Vả chẳng, nói cho cùng ra thì tôi trù anh bằng cách nào được kia chứ? Anh có làm việc trong văn phòng của tôi đâu kia chứ?

- Thì đã hẳn! - Paven - Chỉ còn thiếu cái nước ấy nữa thôi. Nhưng ông giả tảng để làm gì, Nikôlai Êrêmêits? ... ông hiểu tôi đấy.

- Không, tôi không hiểu.

- Không, ông hiểu.

- Không, quả thực là tôi không hiểu, có Chúa chứng giám!

- Lại còn đưa Chúa ra mà thề thốt kia đấy? Nếu vậy thì tôi xin nói là ông không biết sợ Chúa! Này, vì sao ông không để cho người con gái khốn khổ được yên thân? Ông cần gì ở cô ấy.

- Anh nói về ai vậy, Paven Andrêits? - ông béo vờ ngạc nhiên.

- Trời? Lại còn không biết sao? Tôi nói về Tatiana. Phải biết sợ Chúa chứ, vì lẽ gì mà ông thù người ta? Phải biết xấu hổ chứ? ông có vợ rồi, con ông cũng cao lớn bằng tôi, mà tôi có làm gì đâu...tôi muốn lấy vợ, tôi xử sự đứng đắn, thẳng thắn.

- Vậy thì tôi có lỗi gì trong việc này, Paven Andrêits? Bà chủ không cho phép anh lấy vợ: đó là ý muốn của bà. Tôi có dính dáng gì đến đây?

- Có dính dáng vào đây ấy à? Thế ông không mưu mô với mụ phù thủy già coi giữ kho thực phẩm trong nhà bà chủ ư? Thế các người không ton hót với bà chủ ư? Nói đi, thế các người không dựng đứng lên đủ thứ chuyện để vu cho cô gái thân cô thế cô ư? Chẳng phải là do lòng nhân đức của các người mà cô ấy đang làm thợ giặt lại bị đưa xuống rửa bát hay sao? Rồi cô ấy bị đánh đập và bị nhốt trong bữa ăn chẳng phải là do ân huệ của các người sao? Phải biết xấu hổ, phải biết xấu hổ mới được, một người có tuổi như thế rồi cơ mà! Coi chừng, kéo mà sẽ bị bán thân bất toại đấy... ông sẽ phải trả lời trước Chúa.

- Cứ chửi đi, Paven Andrêits, cứ chửi đi... Liệu anh có còn chửi được lâu nữa không?

Paven nổi xung.

- Sao? Định dọa ta à? - Anh ta nói với vẻ tức giận - Mi tưởng ta sợ mi chắc? Không, người anh em ạ, mi gặp phải tay không vừa rồi? Ta sợ gì?... Ta đi đâu chẳng kiếm được miếng ăn. Còn mi thì khác! Chỉ ở đây mi mới sống được, mới có dịp đặt điều ton hót, mới ăn cắp được...

- Lên mặt góm chưa kìa - ông chủ sự văn phòng ngắt lời anh ta, ông ta đã mất kiên nhẫn - một tên lang băm, chỉ là một tên lang băm, dốt đặc về y lý, thế mà cứ nghe lời hăn thì tưởng đầu hăn là một nhân vật quan trọng lắm!

- Phải, lang băm, vậy mà không có tên lang băm ấy thì bây giờ đức ông đây cũng đã rửa xác ra ở bãi tha ma rồi... Ma quỷ đã xui khiến ta chữa cho y khỏi bệnh - Anh ta nói rít lên qua kẽ răng.

- Mi chữa cho ta khỏi bệnh? ... Không, mi muốn đầu độc ta thì có, mi cho ta uống nước lô hội ([80]) - ông chủ sự văn phòng đáp lại.

- Chứ gì nữa, bệnh của người ngoài nước lô hội không cái gì có thể chữa được, không làm như vậy thì sao?

- Cảnh sát pháp y đã cấm dùng lô hội - Nikôlai nói tiếp - Ta sẽ kiện mi. Mi muốn làm cho ta chết đi, thế đấy. Nhưng Chúa không để cho người được như ý.

- Thôi, thôi, xin các ông... - Viên thủ quỹ toan can.

- Mặc nó với tôi - Viên chủ sự văn phòng quát - Nó muốn đầu độc tôi. Anh có hiểu không?

- Tưởng ta sợ đấy hăn... Nghe đây, Nikôlai Êrêmêits - Paven nói với vẻ thất vọng - Lần cuối cùng ta cầu khẩn người... người chèn ép ta, ta không chịu nổi nữa rồi. Hãy để chúng ta yên, hiểu chưa? Nếu không, thì có Chúa, một trong hai chúng ta sẽ gặp chuyện chẳng lành, ta nói với người như vậy đấy.

Ông béo cả cười.

- Ta không sợ người - ông ta thét lên - Người có nghe thấy không, thằng trẻ ranh miệng còn hơi sữa kia! Ngay đến bố người ta còn trị nổi nữa là, ta đã bẻ gãy sừng bố người, người hãy lấy đó làm gương, coi chừng đấy!

- Đừng có nói động đến bố ta, Nikôlai Êrêmêits, đừng có nói động đến!

- Góm chưa! Người là cái thứ gì mà đe nạt được ta?

- Ta bảo mà, đừng có nói động đến!

- Còn ta bảo cho người biết là đừng có đi quá trớn... Dù người cho rằng bà chủ cần người như thế nào đi nữa, nhưng nếu cần phải lựa chọn giữa ta và người thì người không đứng vững nổi đâu, chú em ạ! Không ai được phép làm loạn, coi chừng đấy! (Paven giận run lên). Còn con bé Tatiana bị trừng phạt là đáng thôi... Rồi xem, nó sẽ còn khốn đốn hơn nữa!

Paven vung hai tay xông lên, và viên chủ sự văn phòng ngã huỵch xuống sàn.

- Xích tay nó lại, cùm nó lại - Nikôlai Êrêmêits rên ri...

Tôi không dám miêu tả đoạn cuối cảnh đó. Mới viết đến đây, tôi cũng đã sợ không biết tôi có xúc phạm đến tình cảm của bạn đọc không.

Ngay hôm ấy, tôi trở về nhà. Một tuần sau, tôi được biết bà Lôxnhiakôva giữ cả Paven và Nikôlai ở lại làm việc cho mình, còn cô Tatiana thì bà ta đuổi đi xa: có lẽ vì không cần đến cô gái ấy nữa.

BIRIUC

Một buổi chiều, tôi đi săn về một mình trên ghiếc xe *drôjki*. Còn tám dặm nữa mới đến nhà. Con ngựa cái có nước kiêu rất hay của tôi hăm hở chạy trên con đường bụi bặm, thỉnh thoảng lại thở phì phì và động đậy hai tai. Con chó mệt lử, như bị buộc vào xe, không rời những bánh sau xe lấy một bước. Con dông kéo đến. Phía trước, một đám mây khổng lồ màu tím hoa cà chậm chạp nhô lên sau rừng. Những đám mây dài màu xám bay nhanh về phía tôi và trôi trên đầu tôi: Những cây liễu lay động và rì rào đầy vẻ lo lắng. Đột nhiên khí nóng ngọt ngào bị hơi lạnh ẩm ướt đến thay thế. Những bóng đen sẫm nhanh lại. Tôi dùng dây cương quất ngựa, cho xe xuống khe, vượt qua con suối khô cạn mọc đầy bụi cây, cho xe lên dốc và vào rừng. Phía trước, đường lượn vòng vèo giữa những bụi hồ đào rậm rạp đã tràn đầy bóng tối. Tôi tiến lên một cách khó nhọc. Xe nhảy chồm chồm trên rễ cứng của những cây sồi và cây bồ đề trăm tuổi, những nhánh rễ này chốc chốc lại cắt ngang những vết bánh xe tải đã trở thành những đường rãnh sâu chạy dọc. Con ngựa của tôi bắt đầu vấp. Gió mạnh bất ngờ nổi ào ào trên cao, cây cối nghiêng ngả, những giọt mưa lớn rơi lộp độp, quất vào lá; ánh chớp loé lên, cơn dông bùng ra. Mưa như trút nước. Tôi cho ngựa đi bước một và chẳng bao lâu đã phải dừng lại: ngựa của tôi sa lầy, và tôi chẳng nhìn thấy gì nữa. Tôi tạm náu bên một bụi cây rộng. Tôi cúi gập xuống và che kín mặt, kiên nhẫn chờ cơn dông qua đi. Bỗng nhiên, dưới ánh chớp, tôi ngỡ ngợ như có một bóng người cao lớn đứng trên đường. Tôi bắt đầu chăm chú nhìn về hướng ấy - vẫn cái bóng người ấy dường như mọc lên từ dưới đất ở gần xe tôi.

- Ai đấy? - Cái bóng ấy hỏi, tiếng sang sảng.

- Nhưng anh là ai kia chứ?

- Tôi là người coi rừng ở đây.

Tôi xưng danh.

- A, tôi biết. Ông về nhà phải không?

- Tôi về nhà. Anh thấy đấy, cơn dông mạnh quá - vâng, cơn dông - Tiếng người kia trả lời.

Một làn chớp trắng chiếu sáng người coi rừng từ đầu đến chân, tiếng sấm vang rền và ngừng ngửi tiếp ngay theo. Mưa nhỏ hạt trút xuống càng mạnh hơn.

- Còn lâu mới tạnh - Người coi rừng nói tiếp.

- Làm thế nào được?

- Có lẽ ông nên về nhà tôi - Người coi rừng nói nhăm nhẩn.

- Anh giúp tôi.

- Vậy mời ông lên xe ngồi.

Người coi rừng đến gần đầu ngựa, nắm lấy dây cương và kéo con ngựa ra khỏi chỗ lầy. Chúng

tôi bắt đầu đi. Tôi bám lấy lưng ghế, xe lắc lư như "chiếc thuyền độc mộc giữa biển cả", tôi gọi con chó.

Con ngựa đáng thương của tôi bước bì bõm trong bùn, trượt chân, vấp vấp. Người coi rừng đi phía trước càng xe, nghiêng sang phải, ngã sang trái, nom như một bóng ma. Chúng tôi đi khá lâu. Cuối cùng, người dẫn đường của tôi dừng lại. "Đến nhà rồi đây, thưa ông" - anh ta thốt lên, giọng điềm tĩnh. Cửa rào kết lên, mấy con chó con cùng cất tiếng sủa. Tôi ngẩng đầu lên, và dưới ánh chớp, tôi thấy một căn nhà gỗ nhỏ ở giữa cái sân rộng thênh thang, xung quanh có rào. Từ cái cửa sổ nhỏ độc nhất, có ánh sáng đùng đục hắt ra. Người gác rừng dắt con ngựa đến bậc tam cấp và gõ cửa. "Dạ, mở ngay đây ạ!" - một giọng trẻ con lạnh lạnh vang lên, có tiếng chân đi đất giẫm lạch bạch, then cửa kết lên một tiếng, và một con bé hiện ra ở ngưỡng cửa. Nó khoảng chừng mười hai tuổi, mặc chiếc sơ mi có gấu áo bó chặt lấy ngang lưng, tay xách cái đèn lồng.

- Soi cho ông đây - Người coi rừng bảo con bé - còn tôi sẽ đưa xe của ông vào chỗ có mái che.

Cô bé nhìn tôi và đi vào nhà. Tôi theo nó.

Nhà của người gác rừng chỉ là một căn phòng ám khói, thấp và không có đồ đạc gì cả, không có gác để đồ và không có vách ngăn. Một chiếc áo khoác lông cừu đã rách treo trên tường. Khẩu súng một nòng đặt nằm trên chiếc ghế dài, một đồng giẻ vứt bừa trong góc nhà; hai cái bình lớn đặt cạnh bếp lò. Một thanh đóm nhựa ([81]) cháy sáng trên mặt bàn, chốc chốc lại bùng lên ánh lửa buồn rầu và lụi dần đi. Ở chính giữa nhà lủng lẳng một cái nôi treo ở đầu cây sào dài. Con bé tắt cây đèn gió, ngồi lên cái ghế nhỏ xíu và bắt đầu dùng tay phải đu đưa nôi, còn tay trái sửa lại thanh đóm. Tôi nhìn xung quanh, lòng buồn rười rượi: ban đêm vào nhà người nông dân thì chẳng có gì là vui. Đứa bé trong nôi thở gấp và khó nhọc.

- Chỉ có một mình em ở đây thôi à? - Tôi hỏi con bé.

- Có một mình thôi ạ - Nó nói lí nhí.

- Em là con gái ông coi rừng đấy à?

- Vâng - Nó thăm thì.

Cửa kết lên, và người coi rừng cúi thấp đầu bước qua ngưỡng cửa. Anh ta cầm cây đèn gió ở dưới sàn lên, tới gần bàn và châm lửa vào bắc.

- Có lẽ ông không quen với ánh lửa đóm phải không ạ? - Anh ta thốt lên và lắc mái tóc xoăn.

Tôi nhìn anh ta. Hiếm khi được thấy một người cường tráng như thế. Anh ta cao lớn, vai rộng và vóc người tuyệt đẹp. Những bắp thịt cuộn cuộn nổi hẳn lên dưới chiếc áo sơ mi vải thô ướt đầm. Bộ râu đen và xoăn che kín nửa khuôn mặt nghiêm nghị và can đảm. Dưới đôi lông mày rậm như dính liền với nhau, cặp mắt nhỏ màu hạt dẻ nom mạnh dạn.

Anh ta đưa hai tay lên hờ hững chống nạnh và dừng lại trước mắt tôi.

Tôi cảm ơn và hỏi họ anh ta.

- Tên tôi là Fôma - Anh ta đáp - nhưng có biệt hiệu là Biriuc([82]).

- À, anh là Biriuc đấy ư?

Tôi càng tò mò nhìn anh ta. Tôi thường được nghe Ermôlai và những người khác kể về gã coi

rừng Biriuc, người mà tất cả nông dân quanh vùng đều sợ như sợ lửa. Theo lời họ, trên đồi chưa từng có một người nào tài tình trong công việc của mình đến thế: "Hắn không để cho ai cuồn đi lấy một bó củi. Bất cứ lúc nào, dù là giữa đêm khuya, hắn sẽ ập tới như tuyết rơi xuống đồi, và đừng có hòng chống cự, hắn khỏe và khéo léo như quỷ... Và không có cách nào lung lạc được hắn: rượu cũng như tiền đều không ăn thua. Hắn không bị cám dỗ vì bất cứ cái gì. Nhiều lần, người ta định cho hắn sang thế giới bên kia, nhưng đều uống công". Nông dân quanh vùng nói về Biriuc như thế.

- Thế ra anh là Biriuc đấy - Tôi nhắc lại - người anh em ạ, tôi đã được nghe nói nhiều về anh. Nghe nói anh không để cho một kẻ nào thoát khỏi tay anh.

- Tôi làm tròn nhiệm vụ của tôi thôi. - Anh ta đáp với vẻ cau có - Không nên ăn bánh mì của chủ mà lại không làm được việc gì cả.

Anh ta lấy cái rìu giắt ở thắt lưng ra, ngồi xuống sàn và bắt đầu chẻ đóm.

- Anh không có người nội trợ à? - Tôi hỏi.

- Không - Anh ta đáp và vung mạnh rìu.

- Vợ anh mất rồi à?

- Không...à, vâng...chết rồi! Anh ta nói tiếp và quay đi.

Tôi im lặng; anh ta ngược mắt lên và nhìn tôi.

- Nó bỏ trốn theo một gã tiểu thị dân đi qua đây - Anh ta nói, miệng mỉm cười dữ tợn. Con bé gằm mặt xuống; đứa bé thức giấc và hét inh lên. Con bé tới gần nôi. "Này, đưa cho nó" - Biriuc nói, giúi vào tay con bé cái bình có đầu vú cao su - Mẹ nó bỏ nó cho tôi đấy - anh ta khẽ giọng nói tiếp và trở đứa bé, rồi tới gần cửa, dừng chân và quay mặt lại.

- Thừa ông - Anh ta nói - có lẽ ông không ăn bánh mì của chúng tôi, mà ngoài bánh mì thì tôi...

- Tôi không đói.

Tuỳ ông thôi. Tôi muốn đặt ấm xamôva hầu ông, nhưng lại không có chè...Tôi ra nom con ngựa của ông xem thế nào.

Anh ta ra và sập cửa lại. Tôi xem xét xung quanh một lần nữa. Tôi cảm thấy căn nhà càng đáng buồn hơn trước. Mùi khói ngội lạnh đặng đặng làm tôi khó thở. Con bé không rời khỏi chỗ và không ngược mắt lên. Thỉnh thoảng nó lại đẩy nôi rụt rè xốc lại cái áo sơ mi đã trễ xuống ở vai. Đôi chân không của nó buông thõng không động đậy.

- Tên em là gì? - Tôi hỏi.

- Ulita - Nó thốt lên, khuôn mặt nhỏ bé buồn rầu càng cúi thấp hơn nữa.

Người coi rừng vào và ngồi xuống chiếc ghế dài.

- Con đông sắp qua - Anh ta nói sau một lúc im lặng - Nếu ông ra lệnh, tôi sẽ đưa ông ra khỏi rừng.

Tôi đứng lên. Biriuc cầm lấy súng và xem lại mồi thuốc súng.

- Đem súng đi làm gì? - Tôi hỏi.

- Có kẻ ăn cắp gỗ trong rừng... Nó đang chặt cây ở gần khe Kôburn. - Anh ta nói thêm để trả lời cái nhìn dò hỏi của tôi.

- Ở đây mà anh nghe thấy được ư?

- Đúng ở sân tôi nghe thấy.

Chúng tôi cùng ra. Mưa đã tạnh hẳn. Đàng xa, những khối mây đen nặng nề vẫn còn dờn dộng lại, thỉnh thoảng lại loé lên những tia chớp dài, nhưng trên đầu chúng tôi, rải rác đây đó đã lộ ra những khoảng trời xanh mờ tối, những ngôi sao nhỏ lấp lánh qua những đám mây thưa thớt bay nhanh.

Hình bóng những cây cối ướt nước mưa và lay động trước gió bắt đầu hiện ra trong bóng tối. Chúng tôi bắt đầu lắng nghe. Người coi rừng bỏ mũ ra và cúi đầu. "Đ... đấy - Anh ta bỗng thốt lên và giơ tay ra - ông xem, nó chọn một đêm như thế nào". Tôi chẳng nghe thấy gì, ngoài tiếng lá cây rì rào. Biriuc dắt ngựa ra khỏi chỗ có mái che. "Như thế này thì có lẽ tôi sẽ để nó sống mất thôi" - "Tôi sẽ đi với anh... được chứ?" - "Vâng được a - Anh ta đáp và kéo con ngựa lùi lại - Tôi sẽ tóm nó trong nháy mắt rồi sẽ đưa ông đi. Ta đi thôi".

Chúng tôi đi. Biriuc đi trước, tôi theo sau. Có trời biết anh ta nhận ra đường bằng cách nào, nhưng thỉnh thoảng anh ta mới dừng lại, và cũng chỉ là để lắng nghe tiếng rìu bổ. "Đấy - Anh ta nói lí nhí qua kẽ răng - ông có nghe thấy không? Ông có nghe thấy không?" - "Nhưng ở đâu?". Biriuc nhún vai. Chúng tôi xuống khe, gió lạnh đi chốc lát tiếng rìu bổ đều đều vang đến tai tôi rõ mồn một. Biriuc nhìn tôi và lắc đầu. Chúng tôi tiếp tục đi qua đám dương xỉ và tầm ma ướt. Một âm thanh trầm nặng và kéo dài vang lên...

- Hạ đổ cây rồi - Biriuc lầm bầm.

Lúc đó, bầu trời vẫn mỗi lúc một quang. Trong rừng đã hơi sáng. Cuối cùng, chúng tôi ra khỏi khe. "Ông chờ ở đây nhé" - người coi rừng thì thầm với tôi, khom mình và giơ khẩu súng lên cao, biến mất giữa các bụi cây. Tôi bắt đầu chăm chú lắng nghe.

Qua tiếng gió ào ào không ngớt, tôi cảm thấy như có những âm thanh yếu ớt gần đâu đây: rìu bổ dè dặt vào cành cây, tiếng bánh xe cót két, tiếng người thở phì phì. "Đi đâu? Đứng lại!" - cái giọng đánh thép của Biriuc bỗng vang lên như sấm. Một giọng khác kêu lên thảm thiết, như tiếng thở...Cuộc vật lộn bắt đầu. "Nói láo, nói l-á-o - Biriuc thở hơn hển, nhắc đi nhắc lại - Không thoát khỏi tay ta đâu". Tôi đâm bổ về phía có tiếng ồn ào và chạy tới chỗ xảy ra cuộc vật lộn, vừa chạy vừa vấp dúi vấp dụi. Anh ta đề lên tên ăn cắp và bẻ quặt tay nó ra sau lưng. Tôi đến gần. Biriuc đứng lên và dựng tên ăn cắp dậy. Tôi thấy một người nông dân quần áo rách mướp, râu dài rồi bù, ướt lướt thướt. Con ngựa còm nhom được che nửa thân bằng manh chiếu, cũng đứng ngay tại đấy với chiếc xe tải không có thành chắn. Người coi rừng không nói một lời. Người nông dân cũng lặng thinh và chỉ lúc lắc đầu.

- Thả anh ta ra - Tôi nói thầm vào tai Biriuc - Tôi sẽ đền tiền cái cây bị đốn.

Biriuc lặng thinh, tay trái túm bờm ngựa, tay phải giữ chặt thắt lưng kẻ ăn cắp. "Nào, quay đi, con quạ!" - người coi rừng nói với giọng nghiêm khắc: "Nhặt lấy cái rìu kia" - người nông dân lầu bầu, "Tôi gì lại để mất cái rìu nhỉ?" - người coi rừng nói và nhặt cái rìu lên. Chúng tôi đi. Tôi đi sau...Mưa lại lác đác rơi và chẳng bao lâu đã đổ xuống như trút nước. Chúng tôi phải vất vả mới lần được về tới nhà. Biriuc bỏ mặc con ngựa còm bị bắt ở sân, giải người nông dân vào buồng, nói lỏng dây thắt lưng trói tay và để người đó ngồi trong xó nhà.

Con bé đã ngủ thiếp đi bên bếp lò, nó chợt giật mình nhảy chồm dậy và lặng lẽ nhìn chúng tôi, vẻ sợ hãi. Tôi ngồi xuống chiếc ghế dài.

- Quái quỷ, mưa khiếp quá - người coi rừng nói - Phải chờ thôi. Ông có muốn nằm nghỉ một lát không ạ?

- Cảm ơn.

- Tôi muốn nhốt hẳn vào buồng kho cho khuất mắt ông - Anh ta vừa nói vừa chỉ người nông dân - nhưng ông thấy đấy, chốt cửa...

- Để anh ta ở đây, đừng động đến anh ta - Tôi ngắt lời Biriuc.

Người nông dân gườm gườm nhìn tôi. Tôi tự nhủ thầm là thế nào cũng phải tìm cách giải thoát cho con người khốn khổ này. Anh ta ngồi không nhúc nhích trên chiếc ghế dài. Dưới ánh sáng của cây đèn bão, tôi có thể thấy rõ khuôn mặt hốc hác nhăn nhúm của anh ta, đôi lông mày chổi xể màu vàng, cặp mắt lo âu, tay chân gầy guộc... Con bé nằm xuống sàn ngay dưới chân người đó và lại ngủ.

Biriuc ngồi bên bàn, hai tay đỡ đầu. Một con dế kêu trong góc nhà... mưa lộp độp trên mái và sụt vào các cửa sổ. Tất cả chúng tôi đều im lặng.

- Fôma Kuzomits - Người nông dân bỗng nói bằng một giọng khàn khàn và mệt nhọc. - Đây Fôma Kuzomits.

- Cái gì?

- Thả tôi ra.

Biriuc không đáp.

- Thả tôi ra... chẳng qua vì túng đói quá, thả tôi ra.

- Ta biết các người rồi - Người coi rừng gắt - Cả xóm các người đều thế, toàn là những kẻ ăn cắp.

- Thả tôi ra - Người nông dân nhắc lại - tên quản lý...chúng tôi bị đẩy và chỗ cùng quẫn, thế đấy, thả tôi ra !

- Cùng quẫn! ... Không ai có quyền ăn cắp.

- Thả tôi ra, Fôma Kuzomits... đừng làm tôi hết lối sống. Anh biết đấy, ông chủ của anh róc xương thịt chúng tôi.

Biriuc quay đi. Người nông dân rùng mình như lên cơn sốt rét. Anh ta lúc lắc đầu và thở hổn hển.

- Thả tôi ra - Anh ta nhắc lại với vẻ chán chường tuyệt vọng - thả tôi ra, vì Chúa, thả tôi ra! Tôi sẽ trả ơn, thật đấy, thề có Chúa trời chứng giám. Thề có Chúa, chẳng qua vì đói khổ... trẻ con kêu oai oái, chính anh biết đấy. Cực lắm, thật đấy.

- Nhưng dù sao cũng không được đi ăn cắp.

- Con ngựa - Người nông dân nói tiếp - còn con ngựa còm nhom thì tuy rằng... nhưng vẫn còn có một con vật... thả tôi ra!

- Đã bảo là không được mà. Tôi cũng là đầy tớ thôi, tôi làm không đúng thì cũng bị phạt. Và chẳng, cũng không nên dung túng cho các người.

- Thả tôi ra! Vì túng đói, Fôma Kuzomits ạ, túng đói, chính thế đấy... thả tôi ra!

- Tôi biết các người rồi!

- Thì thả ra!

- Hừ, hoài hơi nói chuyện với đằng ấy, ngồi yên, không thì khốn với tớ đấy, biết không? Không thấy ông khách đây à?

Người nông dân khốn khổ gằm mặt xuống...

Biriuc ngáp và gục đầu xuống bàn. Mưa vẫn không tạnh. Tôi chờ xem thế nào.

Người nông dân đột nhiên vươn thẳng lên. Mắt anh ta cháy rực, mặt đỏ hồng. "Thì đây, ăn thịt đi, bóp chết tao đi, này - Anh ta nói, nheo mắt và bấu môi - này, quân giết người đáng nguyên rủa, uống máu người tìn đồ công giáo đi, uống đi..." Người coi rừng quay lại.

- Tao bảo mày đấy, quân mọi rợ, quân uống máu người!

- Đằng ấy say hả, sao lại chửi bới như thế - Người coi rừng lên tiếng với vẻ ngạc nhiên. - Điên rồi chắc?

- Say! ...Của mày đấy chắc, quân giết người đáng nguyên rủa, đồ thú vật, thú vật, thú vật?

- À, cái tên này... ta lại cho một trận bây giờ!

- Tao cần đếch gì? Đằng nào cũng chết. Không có ngựa thì tao làm ăn gì được? Cứ đánh chết tao đi. Chết đói hay chết đòn cũng thế thôi. Chết cả nhà: vợ, con, mị cứ đâm chết hết cả đi... Nhưng liệu hồn, rồi chúng tao sẽ hỏi tội mày.

Biriuc nhồm dậy.

- Đánh đi, đánh đi! - Người nông dân nói tiếp bằng một giọng cuồng nộ - đánh đi, này, này, đánh đi (Con bé đang nằm trên sàn vội chồm dậy và nhìn chăm chăm vào người nông dân). Đánh đi! Đánh đi!

- Im - Người coi rừng gằm lên và bước lên hai bước.

- Thôi, thôi, Fôma - Tôi kêu lên - Để mặc anh ta... mặc anh ta với Chúa.

- Tao không im đâu - Người nông dân bất hạnh nói tiếp - đằng nào cũng chết thôi... Mày là quân giết người, đồ thú vật, sao mày không chết quách đi cho thiên hạ nhờ. Nhưng cứ chờ đấy, mày cũng không làm mưa làm gió được lâu nữa đâu! Người ta sẽ móc họng mày ra, cứ chờ đấy mà xem!

Biriuc tóm lấy hai vai người nông dân... Tôi xông tới cứu con người đáng thương kia.

- Ông đừng dính vào đây - Người coi rừng quát tôi.

Tôi không sợ những lời đe dọa của anh ta và đã toan giơ tay ra, nhưng tôi ngạc nhiên hết sức thấy anh trở tay một cái, kéo tuột chiếc dây lưng trói khuỷu tay người nông dân, túm lấy cổ áo gã, chụp chiếc mũ xuống sát tận mắt gã, mở cửa và xô gã ra ngoài.

- Xéo đi cùng với con ngựa của mi! - Anh ta quát với theo - Và coi chừng, lần sau nữa ta bắt được thì ...

Anh ta trở vào nhà và bắt đầu loay hoay làm gì trong góc nhà.

- Này, Biriuc - cuối cùng, tôi thốt lên - Anh làm tôi ngạc nhiên: tôi thấy anh thật là tốt bụng.

- Thôi, xin ông - Anh ta ngắt lời tôi với vẻ bực bội - ông đừng nói lại chuyện này với ai nhé. Mà tốt hơn hết là tôi đưa ông đi thôi - Anh ta nói thêm - Chắc ông không thể kiên gan chờ mưa tạnh được đâu...

Ngoài sân có tiếng bánh xe lọc cọc, đó là chiếc xe của người nông dân.

- Hẳn đi đấy! - Người coi rừng lầm bầm - ta đã cho hẳn một mẻ hết hồn ..

Nửa giờ sau, anh ta chia tay tôi ở bìa rừng...

HAI ĐỊA CHỦ

Bạn đọc thân mến, tôi đã có vinh dự giới thiệu với các bạn một số người láng giềng của tôi. Bây giờ, nhân câu chuyện (đối với bọn nhà văn chúng tôi thì bao giờ chả là nhân câu chuyện), xin cho phép tôi giới thiệu thêm với các bạn hai địa chủ nữa. Tôi thường đi săn ở khu vực của họ, họ là những người rất đáng kính, có đầu óc đứng đắn và được mọi người ở một số huyện trong tỉnh kính trọng.

Trước hết, xin miêu tả với các bạn viên thiếu tướng xuất ngũ Viatsêxlap Inlariônôvits Khvalunxki. Các bạn hãy hình dung một người cao lớn và trước kia thân hình cân đối, bây giờ đã hơi phệ ra, nhưng hoàn toàn không suy yếu, thậm chí không mệt mỏi, một người đứng tuổi, đang độ sung sức như người ta thường nói. Thực ra, những đường nét trên mặt ông ta xưa kia rất đều đặn nay đã hơi biến đổi, tuy vẫn còn dễ coi, má xi xuống, những nếp nhăn chỉ chít toả thành hình nan quạt xung quanh mắt, răng đã khuyết mất đôi ba cái, như Xaadi đã nói, nếu tin theo lời cam kết của Puskin ([83]). Mái tóc màu vàng nhạt, hay ít ra là tất cả chỗ tóc còn nguyên vẹn đã biến thành màu hoa cà nhờ thứ thuốc bôi tóc mua ở chợ bán ngựa Rômen do một gã Do Thái mạo nhận là người Armêni bán cho. Nhưng Viatsêxlap Inlariônôvits đi đứng nhanh nhẩu, cười vang giòn, thường hay đập đỉnh thúc ngựa vào nhau làm phát ra tiếng kêu lanh lảnh, hay xoắn ria mép, sau nữa, ông ta vẫn tự nhận mình là người chiến sĩ kị binh già, tuy ai nấy đều biết là những ông già thực sự thì không bao giờ coi mình là ông già. Ông ta thường hay mặc áo dài xẻ cúc đến tận cổ, cà vạt thắt cao, cổ áo sơ mi hồ bột, còn bên dưới là chiếc quần màu xám có đốm hoa, may theo kiểu võ phục. Mũ thì ông ta đội trùm lên trán, để phới tất cả gáy ra ngoài. Ông ta rất tốt bụng, nhưng có những quan niệm và thói quen rất lạ lùng. Chẳng hạn, trong cách đối xử với những người không giàu hay không phải là quan chức, ông ta không thể nào coi họ ngang với mình.

Khi nói chuyện với họ, ông ta thường nhìn họ bằng con mắt liếc ngang, đồng thời tì mạnh một bên má vào cái cổ áo trắng cứng đờ, hay đột nhiên chiếu rơi vào họ một cái nhìn sáng sủa và bất động, nhưng chẳng nói chẳng rằng, chỉ có toàn bộ da đầu dưới tóc giãn gật. Thậm chí ông ta phát âm chệch tiếng đi chẳng hạn, ông ta không nói: "Cảm ơn, Paven Vaxilits" hay "Xin mời lại đây, Mikhailô Ivanurts", mà nói "*cóm ân, Panlơ Axilits*", hay "*Xon mài lại đoi, Mikhan Vanurts*". Với những người thuộc các tầng lớp dưới của xã hội, ông ta đối xử càng lạ lùng hơn: ông ta hoàn toàn không nhìn họ, và trước khi nói cho họ biết ý muốn của mình hay ra lệnh, ông ta nhắc lại mấy lần liền, vẻ lo ngại và tự lự: "Anh tên là gì?... Anh tên là gì?" Ông ta nhấn mạnh tiếng "là gì" một cách gay gắt khác thường, còn những tiếng khác thì ông ta nói rất nhanh, khiến cho toàn bộ giọng nói của ông ta khá giống với tiếng kêu của con cun cút đục. Ông ta lúc nào cũng bận rộn và keo kiệt ghê gớm, nhưng vẫn là một ông chủ tồi: người được ông ta chọn làm người quản lý là một gã Tiểu Nga, nguyên là tào trưởng kỵ binh, một kẻ đàn độn lạ thường. Tuy nhiên, trong việc quản lý kinh tế nông nghiệp chưa có ai trong chúng ta đã ăn đứt được một ông quan to ở Petecxbua: ông quan này sau khi xem tờ trình của viên quản lý, thấy nói rằng các nhà sấy lúa bó của ông ta thường hay bị cháy, vì thế hại mất nhiều lúa, ông ta liền ra một lệnh hết sức nghiêm khắc: từ nay trở đi, cho đến khi lửa tắt hẳn, không được mang lúa bó vào nhà sấy. Cũng chính ông quan ấy đã toan cho trồng thuốc phiện trên tất cả đồng ruộng của mình, có lẽ là do sự tính toán rất đơn giản: thuốc phiện đắt hơn lúa mạch, vì vậy trồng cây thuốc phiện có lợi hơn. Chính ông ra lệnh cho những người đàn bà nông nô dưới quyền mình phải đội *kôkôsnic* ([84]) làm theo mẫu từ Pêtecxbua gửi về. Thực tế, cho đến nay, trong các khu vực đất đai của ông ta, phụ nữ nông dân vẫn đội *kôkôsnic* ...có điều là đội ngoài *kiska* ([85])...

Nhưng ta hãy trở lại với Viatsêxlap Inlarinôvits. Viatsêxlap Inlarinôvits rất háo sắc, và dễ gặp một người đẹp trên đường phố thị trấn hạt nhà là ông ta lập tức bám theo, nhưng liền ngay đó ông ta bắt đầu đi khắp khiêng, đấy là điều rất đáng chú ý. Ông ta thích chơi bài, nhưng chỉ chơi với những người địa vị thấp kém hơn ông ta. Họ thừa gửi với ông ta: "Thừa đại nhân", còn ông ta tha hồ dọa nạt và quát tháo họ. Nhưng, khi có dịp chơi bài với quan tổng đốc hay một quan chức nào khác thì ông ta thay đổi thật kì diệu: ông ta mỉm cười gật gật đầu, nhìn vào mắt họ, cái nhìn ngọt lịm như mật ong... Dù có thua, ông ta cũng không than phiền. Viatsêxlap Inlarinôvits ít đọc sách báo, khi đọc ông ta luôn luôn động đậy ria mép và lông mày, thoát tiền động đậy ria mép, rồi động đậy lông mày, dường như thả một làn sóng lướt trên mặt từ dưới lên trên. Cái chuyển động sóng ấy thể hiện đặc biệt rõ trên mặt Viatsêxlap Inlarinôvits khi ông ta có dịp (tất nhiên là trước mặt khách) lướt mắt trên những cột báo *"Journal des Débats"*. Trong các cuộc bầu cử, ông ta đóng vai trò khá quan trọng, nhưng bao giờ cũng khước từ cái vinh dự làm lãnh tụ của giới quý tộc, vốn tính hà tiện, ông ta sợ tốn kém. "Thưa các ngài" - ông ta thường nói với những người quý tộc đến dò ý ông ta, và nói với giọng đầy vẻ bề trên, đầy ý thức độc lập - Rất cảm ơn các ngài đã dành cho tôi cái vinh dự ấy, nhưng tôi đã quyết định dùng thời giờ nhàn rỗi để được nghỉ ngơi một mình". Nói xong những lời ấy, ông ta quay đầu mấy lần về bên phải và về bên trái, rồi áp cằm và má lên chiếc cà vạt với vẻ tự hào. Hồi trẻ tuổi, ông ta đã là tuý tùng của một nhân vật quan trọng nào đó, khi nói đến người này, bao giờ ông ta cũng gọi cả tên và phụ danh. Nghe nói đâu như ông ta không chỉ đảm đương nhiệm vụ tuý tùng, mà hình như còn làm những việc khác, chẳng hạn ông ta mặc lễ phục đầy đủ, thậm chí cài cúc chu đáo và xông hơi nước cho cấp trên trong nhà tắm. Nhưng không thể tin bất cứ lời đồn nào.

Vả chăng, chính tướng Khvalunxki cũng không thích nói đến những chuyện có liên quan đến chức vụ của mình, đó là điều khá kỳ lạ: hình như ông ta chưa từng tham gia chiến tranh. Tướng Khvalunxki ở trong căn nhà nhỏ, sống một mình. Ông ta chưa từng biết hạnh phúc vợ chồng, cho nên, đến tận bây giờ, ông ta vẫn được coi là người đang kén vợ, và ông có nhiều lợi thế trong việc này.

Nhưng, người trông coi việc nhà cho ông ta là một người đàn bà khoảng ba mươi năm tuổi, mắt đen, lông mày đen, đầy đà, tươi tắn, mép có lông tơ trông như ria, ngày thường thì mặc áo dài hồ bột, chủ nhật thì lồng thêm cả những ống tay áo bằng vải lượt. Viatsêxlap Inlarinôvits nom rất bảnh trai trong những bữa tiệc trưa linh đình mà các địa chủ khác mở ra để chiêu đãi các quan đầu tỉnh và các quan chức khác; ở đây, có thể nói là ông ta như cá gặp nước. Thông thường, trong những dịp như thế, nếu không ngồi bên phải quan đầu tỉnh thì ông ta cũng ngồi cách đấy không xa. Lúc mới vào tiệc, ông ta còn giữ vẻ trang trọng để tỏ rõ phẩm cách của mình: ông ta hơi ngả người về phía sau, nhưng không quay đầu, chỉ liếc ngang nhìn những cái gáy tròn trĩnh và những cổ áo dựng đứng của khách khứa ở phía dưới. Nhưng đến cuối bữa ăn, ông ta vui lên, bắt đầu mỉm cười, hướng về mọi phía (đầu bữa ăn, ông ta chỉ hướng về phía quan đầu tỉnh), đôi khi, thậm chí ông ta còn nâng cốc chúc mừng phái đẹp, món trang sức cho hành tinh chúng ta, nói theo lời ông ta. Tướng Khvalunxki cũng tỏ ra chững chạc tại các buổi lễ tiết long trọng và công khai, tại các cuộc thi, các cuộc hội họp và triển lãm; ở những chỗ đường rẽ, những chỗ qua sông và những chỗ khác tương tự, người của Viatsêxlap Inlarinôvits không làm ồn và không la hét. Trái lại, khi dẹp đám đông hay gọi xe ngựa, họ nói bằng giọng trầm để nghe phát ra từ trong cổ họng: "Nào, xin các ông để cho tướng Khvalunxki đi qua với chứ!", hay: "Xe của tướng Khvalunxki...". Sự thực thì cỗ xe của tướng Khvalunxki nom khá cổ lỗ; những người hầu của ông ta mặc đồng phục khá cũ (có lẽ không cần nói rằng y phục của những người đó may bằng vải xám có đường viền đỏ). Ngựa cũng khá già yếu và đã từng hầu hạ chủ gần trót đời, nhưng Viatsêxlap Inlarinôvits không có tham vọng phô trương sự sang trọng của mình, và cho rằng ở cấp bậc của ông ta, loè bịp mọi người là không nên.

Khvalunxki không có tài ăn nói, hay có lẽ ông ta không có dịp trở tài hùng biện, bởi vì chẳng những ông ta không chịu nổi sự tranh cãi, mà nói chung ông ta không chịu nổi sự phản đối và mọi cuộc trò chuyện đồng dài, đặc biệt là ông ta hết sức tránh nói chuyện với thanh niên. Như

vậy quả là đúng đắn hơn, nếu không thì với lớp người hiện nay, dễ xảy ra chuyện không hay: họ sẽ không vâng lời và sẽ không kính trọng ông ta nữa. Trước mặt các nhân vật cao cấp, Khvalunxki giữ thái độ im lặng nhiều hơn, còn đối với những kẻ địa vị thấp kém hơn mà có lẽ ông ta khinh thường, nhưng lại là chỗ quen biết, thì ông ta có lối nói nhát gừng và gay gắt, luôn luôn dùng những câu đại loại như: "Này, ông nói không ra đâu vào đâu cả"; hay "Thưa ông, cuối cùng thì tôi buộc lòng phải nói để ông rõ"; hay "Xét cho cùng thì ông nên biết là ông đang nói chuyện với ai". Các trạm trưởng bưu chính, các bồi thẩm và những người coi trạm đối ngựa đặc biệt sợ ông ta. Ông ta không tiếp ai ở nhà mình, và nghe nói ông ta sống rất buồn xỉn. Tuy vậy, ông ta vẫn cứ là một địa chủ rất tuyệt diệu. "Một cựu chiến binh, một người không vụ lợi, trọng nguyên tắc, "*vieux grognard*"([86]) - những người lảng giềng nói về ông ta như vậy. Chỉ có một ông biện lý ở tỉnh là dám mỉm cười khi nghe người ta nói đến những phẩm chất tốt đẹp đáng trọng của tướng Khvalunxki, nhưng lòng ghen tị có từ cái gì đâu kia chứ?...

Nhưng thôi, bây giờ ta nói đến ông địa chủ kia.

Mardari Apônlonuts Xtêgunôp không giống Khvalunxki chút nào. Có lẽ ông ta chưa từng làm việc nhà nước và chưa bao giờ được coi là người đẹp trai. Mardari Apônlonuts là một ông già thấp lùn, béo sệ, hói tóc, có hai cằm, hai tay nhỏ nhắn mềm mại và bụng to. Ông ta rất mến khách và hay bông đùa. Ông ta sống theo sở thích riêng, như người ta thường nói. Mùa đông và mùa hè, ông ta mặc áo choàng vải bông kẻ sọc. Ông ta chỉ có một điểm giống với tướng Khvalunxki: ông ta cũng không vợ. Ông ta có năm trăm nông nô. Mardari Apônlonuts quản lý tài sản của mình khá nông nổi. Mười năm trước, để khỏi lạc hậu với thời đại, ông ta mua của Butenôp ở Matxcova một cái máy đập, đem về cất kỹ trong nhà kho và lấy thế làm hài lòng. Chỉ khi gặp ngày hè đẹp trời, ông ta mới bảo thẳng chiếc xe ngựa nhẹ, ra đồng xem lúa và hái hoa mua. Mardari Apônlonuts sống hoàn toàn theo lối cổ. Nhà ông ta cũng làm theo kiểu cổ, ở phòng ngoài cũng có mùi nước kvax, mùi nến mỡ và mùi da, ở góc bên phải phòng ngoài có cái tủ con đựng ống tẩu và khăn lau. Trong phòng ăn có những bức chân dung gia đình, ruồi, một chậu phong lữ to và những chiếc dương cầm tồi tàn. Trong phòng khách có ba chiếc đi văng, ba cái bàn, hai tấm gương và chiếc đồng hồ rề rề, mặt trắng men đã sạm đen, kim bằng đồng đen có chạm trổ. Trong phòng làm việc có cái bàn chất đầy giấy tờ, những tấm bình phong màu xanh nhạt dán những bức tranh cắt từ những cuốn sách của thế kỷ trước, hai cái tủ đựng những cuốn sách hôi xỉ, đầy mạng nhện và bụi đen, một chiếc ghế bành cồng kềnh, chiếc cửa sổ kiểu Ý và cái cửa lớn ăn ra vườn, nhưng đóng kín mít. Tóm lại, mọi cái đều bình thường. Mardari Apônlonuts có rất nhiều kẻ hầu người hạ, và tất cả đều mặc theo lối cổ: áo kafotan dài màu xanh có cổ cao, quần dài không rõ là màu gì, gilê ngắn màu vàng nhạt. Nói với khách, họ "thưa cha" chứ không gọi khách là "ông". Công việc làm ăn của ông ta do một *burmixtr* xuất thân từ nông dân quản lý, còn việc nhà thì giao cho một bà già đầu chít khăn nâu, mặt nhăn nheo và tính tình keo bẩn. Ở chuồng ngựa của Mardari Apônlonuts có ba mươi con ngựa các cỡ khác nhau. Khi đi đâu, ông ta dùng chiếc xe ngựa do thợ nhà đóng lấy, nặng tới một trăm năm mươi *put*. Khách khứa được ông ta tiếp rất niềm nở và thết đãi chu đáo, nghĩa là: do tính chất làm mê người của bếp ăn Nga, ông ta khiến họ mất hết khả năng làm bất cứ việc gì, trừ việc chơi bài cho đến tối. Bản thân ông ta cũng chẳng bao giờ làm bất cứ việc gì và thậm chí không đọc cả "Người đoán mộng"([87]). Nhưng ở nước Nga chúng ta còn khá nhiều địa chủ như vậy. Thế thì xin hỏi: vì có gì tôi nói đến ông ta và nói để làm gì? Thay cho câu trả lời, xin cho phép tôi, kể với các bạn một trong những lần tôi đến chơi Mardari Apônlonuts.

Tôi đến thăm ông ta vào mùa hè, lúc bảy giờ tối. Buổi cầu kinh tối vừa xong, và viên giáo sĩ trẻ tuổi, nom rất rụt rè, có lẽ mới rời ghế trường dòng, ngồi trong phòng khách cạnh cửa, ngay ở rìa chiếc ghế dài. Như thường lệ, Mardari Apônlonuts tiếp tôi hết sức ân cần: ông ta vui sướng thực sự với từng vị khách, nói chung ông ta là người hết sức tốt. Giáo sĩ đứng lên và cầm lấy mũ.

- Khoan đã, khoan đã, thưa cha... - Mardarit Apônlonuts nói, nhưng vẫn không buông tay tôi - Tôi đã bảo đem vôtkà đến cho cha.

- Tôi không uống rượu - Giáo sĩ nói áp úng, vẻ bối rối và đỏ mặt tía tai.

- Sao lại câu nệ thế? Chúc sắc như cha mà không uống rượu là thế nào? - Mardari Apônlônuts nói - Iuska! Iuska! Đem vôtka lên để cha dùng.

Iuska, một ông già cao gầy, khoảng tám mươi tuổi bưng vào một cốc vôtka đặt trên cái khay nhỏ sơn màu thẫm, chỉ chít những vệt hồng màu da thịt để hở.

Giáo sĩ bắt đầu từ chối.

- Uống đi cha, đừng kiêu cách, không tốt - ông địa chủ trách móc.

Vị giáo sĩ trẻ tuổi đáng thương đành vâng lời.

- Thôi, bây giờ cha muốn về thì về.

Giáo sĩ cúi chào.

- Thôi được, tốt lắm, cha đi đi... Con người tuyệt diệu - Mardari Apônlônuts vừa nói tiếp vừa nhìn theo ông ta - Tôi rất bằng lòng về ông ta chỉ phải cái là còn trẻ. Lúc nào cũng theo đúng mọi điều răn, rượu nho cũng không uống. Nhưng còn ông thì thế nào, ông bạn của tôi? ... Sao, thế nào? Ta ra ban công để ông xem, buổi chiều đẹp tuyệt.

Chúng tôi ra ban công, ngồi xuống và bắt đầu nói chuyện. Mardari Apônlônuts nhìn xuống phía dưới và đột nhiên xúc động ghê gớm:

- Những con gà mái của ai kia? Gà mái của ai kia? - Ông ta hét lên - Gà của ai mà vào vườn thế kia? Iuska? Iuska! Đi xem ngay xem gà của ai vào vườn thế kia?... Gà của ai? Đã bao nhiêu lần ta cấm rồi, đã bao nhiêu lần ta bảo mà!

Iuska chạy đi.

- Bậy bạ thật - Mardari Apônlônuts nhắc lại - kinh khủng!

Bây giờ tôi nhớ rằng ba con gà mái bất hạnh - hai con đốm và một con trắng trên đầu có túm lông, vẫn ung dung tiếp tục đi dưới những gốc táo, thảnh thơi lại biểu lộ tình cảm của mình bằng những tiếng cục cục kéo dài. Bỗng nhiên Iuska đầu không mũ, tay cầm gậy cùng ba gia nhân khác đã đến tuổi thành niên nhất tề xông tới. Một cảnh tượng buồn cười diễn ra. Những con gà mái kêu ầm ĩ, vỗ cánh nháy, kêu té tát; bọn gia nhân chạy, vấp ngã; ông chủ trên ban công la hét như điên: "Bắt lấy, bắt lấy! bắt lấy, bắt lấy! bắt lấy, bắt lấy, bắt lấy!... Gà của ai, gà của ai thế?" Cuối cùng, một người đầy tớ bắt được con gà có túm lông bờm, đè nó xuống dưới ngực mình, và đúng lúc ấy, từ ngoài đường, một con bé nháy qua hàng rào vườn. Con bé chừng mười một tuổi, đầu tóc rối bù, tay cầm cành cây khô.

- À, thế thì biết là gà nhà ai rồi! - Ông chủ reo lên với vẻ đắc chí - Gà của tên đánh xe Ermin! Hẳn đã sai con bé Natanka nhà hần đi đuổi gà kia...chắc hẳn tránh không sai Parasa đi - ông ta hạ giọng nói thêm và mím một nụ cười hàm nhiều ý nghĩa - Này, Iuska! Mặc lũ gà mái đấy: bắt con bé Natanka cho ta.

Lão Iuska thở không ra hơi, chưa kịp chạy đến chỗ con bé đang hoảng hồn thì mục quản gia không biết từ đâu ra đã chộp lấy tay con bé đáng thương và phất vào lưng nó mấy cái...

- Thế, phải thế mới được - ông chủ lên tiếng tán trợ - hay, hay, hay! hay, hay, hay!... Gà thì tịch

thu, Apđôchya - ông ta lớn tiếng nói thêm và mặt mày rạng rỡ, quay về phía tôi - Cuộc săn bắt thú đây chứ, ông bạn? Tôi toát cả mồ hôi, ông xem đây này, và Mardari Apônlonuts cười phá lên.

Chúng tôi vẫn ở trên ban công. Buổi chiều quả là đẹp lạ thường. Người ta mang trà đến cho chúng tôi.

- Ông Mardari Apônlonuts này - Tôi gợi chuyện - ông cho biết những nhà ở ngoài kia, ở bên đường, phía sau khe, có phải là nhà của các nông nô thuộc quyền ông không?

- Đúng đấy... nhưng sao kia?

- Sao ông lại làm thế ông Mardari Apônlonuts? Như vậy là có tội. Ông cho họ ở những túp nhà tồi tàn, chật chội, xung quanh không nhìn thấy một cái cây nhỏ nào, thậm chí không có lấy một cái ao con, giếng thì có độc một cái, mà cũng không dùng được. Chẳng lẽ ông không tìm được chỗ nào khác ư?... Nghe nói ông còn lấy của họ những ruộng trước vẫn trồng cấy phải không?

- Thế khi phải phân địa giới thì ông sẽ làm thế nào nào? - Mardari Apônlonuts trả lời tôi - Cái công việc ấy nó cười lên người tôi ở chỗ này này (ông ta trở lên gáy mình). Tôi chẳng thấy việc phân địa giới ấy sẽ đem lại lợi ích gì. Còn về việc tôi tước đoạt ruộng cấy của họ và không đào cho họ một cái ao ở đấy thì tôi biết lắm chứ, ông bạn ạ. Tôi là con người giản dị, tôi hành động theo lối cũ. Theo tôi thì chủ là chủ, nông dân là nông dân... Thế đấy.

Trước cái lý lẽ rõ ràng và xác đáng đến thế thì tất nhiên không có cách nào bác lại được.

- Thêm nữa - ông ta nói tiếp - bọn nông dân cũng tồi tệ, xấu thói lắm kia. Đặc biệt có hai gia đình. Ngay hồi ông cụ nhà tôi còn sống - cầu Chúa cho cụ được sung sướng trên thiên đàng, - cụ cũng không nói tay đối với chúng, không nói tay tí nào. Và xin nói với ông, tôi có nhận xét như thế này: bố mà ăn cắp thì con trai cũng là tên ăn cắp. Còn ông nghĩ thế nào thì tùy... ôi, dòng máu, dòng máu là một việc hệ trọng. Thú thực với ông, tôi đã đẩy con cháu của hai gia đình ấy vào lính, tuy không đến lượt chúng bị gọi, và tổng chúng đi thật xa, mỗi đứa một nơi. Ấy vậy mà chúng vẫn không tuyệt nòi, biết làm thế nào được? Bọn chúng đẻ mãi mãi, quân đáng nguyên rủa ấy.

Lúc đó, không khí đã lặng hẳn. Chỉ thỉnh thoảng mới có làn gió lùa tới, và khi lịm dần đi ở gần nhà, gió đưa đến tai chúng tôi tiếng roi đánh nhanh và đều đều từ phía chuồng ngựa vang lên.

Mardari Apônlonuts vừa đưa cái đĩa có rót nước chè lên môi và đã phình rộng hai lỗ mũi - ai nấy đều biết là không một người Nga chính cống nào lại không làm động tác đó khi hít nước chè vào người - thì bỗng nhiên, ông ta dừng lại, lắng tai nghe, gật gù, rồi hớp một ngụm nước, và vừa đặt cái đĩa xuống bàn vừa mỉm cười hết sức hiền hậu, thốt lên như họa theo tiếng roi đánh: "Tsiuki - tsiuki - tsiuk! Tsiuki-tsiuk! Tsiuki-tsiuk"!

- Cái gì thế - Tôi hỏi với vẻ ngạc nhiên.

- Một kẻ nghịch ngợm bị trừng phạt theo lệnh tôi, ông biết gã Vaxya trông coi tử thức ăn chứ?

- Vaxya nào?

Cái gã lúc chiều phục dịch chúng ta trong bữa ăn ấy mà. Gã có bộ râu quai xồm xoàm ấy.

Cơ phần nộ ghê gớm nhất cũng không chống chọi nổi cái nhìn trong sáng và nhu mì của

Mardari Apônlonuts.

- Ông làm sao thế, ông bạn trẻ, ông làm sao thế? - Ông ta vừa nói vừa lắc đầu - Sao, tôi là một tên hung nô hay sao mà ông nhìn tôi chăm chăm như thế? Yêu cho roi cho vọt, ông biết đấy.

Mười lăm phút sau, tôi từ biệt Mardari Apônlonuts. Khi xe đi qua làng, tôi thấy Vaxya, người trông coi tú thức ăn. Anh ta đi trên đường và gặm hồ đào. Tôi bảo người đánh xe dừng ngựa lại và gọi anh ta.

- Này, người anh em, hôm nay anh bị trừng phạt phải không?

- Nhưng làm sao ông biết được? - Vaxya đáp.

- Ông chủ của anh kể với tôi.

- Chính ông chủ à?

- Vì có gì ông ấy ra lệnh trừng phạt anh?

- Đáng thôi, thưa ông, đáng thôi ạ. Ở nhà chúng tôi không ai bị trừng phạt vô cớ. Ở nhà chúng tôi không có cái lệ như thế, tuyệt nhiên không. Ông chủ chúng tôi không phải như thế, ông chủ chúng tôi ...cả tỉnh cũng không có được ông chủ như thế.

Đi! - Tôi bảo người đánh xe.

"Nước Nga cổ đấy chứ đâu!" - Tôi nghĩ trên đường trở về nhà.

LÊBÊDIAN

Các bạn đọc thân mến của tôi, một trong những cái lợi chủ yếu của việc đi săn là ở chỗ nó buộc ta luôn luôn chuyển chỗ, mà đối với người nhàn rỗi thì điều đó thật thú vị. Thực ra đôi khi (nhất là vào kỳ mưa), chẳng có gì là vui thú lắm khi ta đi lang thang trên các nẻo đường làng gặp bất cứ người nông dân nào cũng giữ lại và hỏi: "Này, ông ơi, chúng tôi muốn đến Mordôpka thì đi đường nào?" Rồi đến Mordôpka thì hỏi thăm một mục đàn bà đàn độn (những người có sức lao động đều ra đồng làm việc hết cả): từ đây đến những nhà trọ trên đường cái lớn có xa không, làm thế nào đến đây được và sau khi vượt qua được mười dặm đường thì chẳng thấy nhà trọ đâu, mà lại lọt vào một xóm đồ nát hoang tàn của địa chủ, tên là xóm Khuđôbupnốp, khiến cho cả một bầy lợn đang đầm mình ngập đến tận tai trong đám bùn nâu sẫm ở giữa đường phải kinh hoàng vì hoàn toàn không ngờ người ta sẽ đến quấy rầy chúng. Cũng chẳng vui gì khi phải qua những cây cầu nhỏ run rẩy, phải cho xe xuống khe, phải băng qua những con suối đầy lầy ở chỗ có thể lội qua được. Chẳng lấy gì làm vui thú khi suốt mấy ngày ròng rã cứ phải cho xe đi trên cái biển xanh lục của những con đường lớn, hay - cầu Chúa tránh cho điều này, - có khi còn sa lầy mấy tiếng đồng hồ trước cái cột tính dặm đường sặc sỡ, một mặt ghi con số 22, mặt kia ghi con số 23. Chẳng vui vẻ gì khi hàng tuần phải ăn trứng, sữa, và thứ bánh mì bằng bột lúa mạch mà người ta vẫn tán dương. Nhưng tất cả những cái bất tiện và rủi ro ấy được bù lại bằng những cái lợi và những khoái lạc khác nhau. Nhưng chúng ta hãy đi vào chính câu chuyện.

Do tất cả những điều đã nói trên, tôi chẳng cần gì phải giải thích cho bạn đọc rõ là bằng cách nào mà năm năm trước, tôi đã đến được Lêbêđian đúng vào lúc hội chợ đang náo nhiệt. Bọn đi săn chúng ta, vào một buổi sáng kia, có thể rời khỏi một chốn ít nhiều thuộc phạm vi tài sản của cha ông, ra đi với ý định chiều hôm sau sẽ trở về, và dần dà, vì mãi miết bắn dê gà, cuối cùng ta đã đến một nơi được Chúa ban ơn lành trên bờ sông Petsora. Mà tất cả những người ham thích súng và chó săn đều say mê một loài vật cao quý nhất trên đời là ngựa.

Vậy là tôi đã đến Lêbêđian, dừng lại trong một khách sạn, thay quần áo và đi xem hội chợ. (Một gã bồi bàn cao kều, gày đét khoảng hai mươi tuổi, có cái giọng ngọt ngào phát âm qua mũi, đã kịp cho tôi biết rằng một vị đại nhân, công tước N. đảm nhiệm việc bổ sung ngựa cho một trung đoàn, hiện nghỉ tại khách sạn của họ, ngoài ra còn có nhiều vị tai to mặt lớn khác đã đến đây, tối đến có các nghệ sĩ Digan ca hát và ở nhà hát có diễn "*Pan Tvardôpxki*" ([88]), còn ngựa thì rất đắt nhưng toàn là ngựa tốt).

Trên bãi hội chợ, xe tải dàn thành từng dãy dài bất tận, sau xe là ngựa đủ các nòi: ngựa có nước kiêu hay, ngựa của trại nuôi ngựa giống, ngựa Bitiuc, ngựa kéo xe tải, ngựa trạm, và ngựa thường của nông dân. Có những con béo tốt và mượt mà, được chọn lựa theo màu lông, lưng phủ những tấm đệm màu sắc khác nhau; chúng bị buộc sát vào những thanh ngang cao ở gầm xe và sợ sệt liếc mắt về phía sau nhìn những cây roi của các chủ buôn ngựa, những cây roi quá quen thuộc đối với chúng.

Có những con ngựa của địa chủ, do những người quý tộc ở thảo nguyên trong vòng một hai trăm dặm quanh đây gửi đến, chúng được một người đánh xe già lão và hai ba người chăn ngựa ngờ nghệch trông coi, chúng lác lư những cái cổ dài, giậm chân, gặm những cây cột cho đỡ buồn. Những con ngựa Viatka đốm lang đứng ép sát vào nhau. Những con ngựa chạy nhanh, móng rộng, đuôi lợn sống, chân xù lông ở đầu móng, có đốm, hoặc đen tuyền, hoặc màu hồng

đứng im không nhúc nhích, oai nghiêm như sư tử. Những người am hiểu về ngựa trân trọng dừng lại trước chúng. Những người đủ các cấp bậc, lứa tuổi và hình dáng đứng xúm xít trên những ngõ lối do xe cộ tạo nên: các tay lái ngựa mặc *kafotan* màu xanh và đội mũ cao, lầu lỉnh nhìn người qua lại và chờ khách mua; những gã Digan mắt ốc nhồi, tóc xoăn, chạy đi chạy lại như điên, xem rặng ngựa, nâng chân và đuôi ngựa lên, la hét, chửi mắng, làm môi giới, rút thăm hay lằng xằng cạnh một sĩ quan đội mũ cát kết, mặc áo khoác nhà binh có cổ lông hải ly, đó là những sĩ quan chuyên trách việc sắm ngựa cho quân đội.

Một người Côđắc lực lưỡng cười ngựa trên lưng con ngựa thiện gày, cổ dài như cổ hươu và rao bán ngựa kèm "đu lê bộ", tức là cả yên cương. Những người nông dân mặc áo khoác lông cừu xoạc nách, hăm hở lên qua đám đông, ủa nhau hàng chục người nhảy lên chiếc xe trắng con ngựa cần "thử", hay đứng riêng ra một chỗ, nhờ một người Digan khôn khéo giúp đỡ, mặc cả với nhau đến một lử cả người, vỗ vào tay nhau để giao ước tới một trăm lần liền, mỗi người đều khăng khăng giữ cái giá mình muốn, trong khi đó thì đối tượng tranh cãi của họ, một con ngựa cà khỗ, lưng đắp cái chiếu quần mếp, chỉ hấp háy mắt như chuyện này không dính gì đến nó... Mà thật vậy, đối với nó thì ai đánh nó mà chả vậy. Những địa chủ trán rộng, ria nhuộm màu, vẽ mặt đường hoàng, đội mũ *confederat* ([89]), mặc áo dạ dài xỏ một ống tay, ôn tồn nói chuyện với những người lái buôn bụng phệ đội mũ lông và đi găng tay màu lá mạ. Các sĩ quan của các trung đoàn khác nhau bàn bạc ngay tại đây. Một người lính kỵ mặc áo giáp, thân hình dài nghêu, gốc gác là người Đức, lạnh lùng hỏi người lái buôn thot: "Ông đòi bao nhiêu về con ngựa màu hung này?" Một người lính khinh kỵ tóc vàng nhạt, tuổi chừng mười chín, tìm chọn một con ngựa phụ cho con ngựa gày có nước chạy đặc biệt của mình. Một người đánh xe ngựa trạm đội chiếc mũ thấp cắm lông công mặc áo *armiak* nâu, đi đôi bao tay da thọc vào dải dây lưng hẹp màu lá mạ, đang tìm con ngựa kéo khỏe.

Những người đánh xe tết đuôi cho ngựa của mình, nhấp nước lên bờm ngựa và góp với chủ những lời khuyên kính cẩn. Những người đã mua bán xong vội vã vào tiệm ăn hay quán rượu, tùy theo túi tiền của mình. Tất cả đều bận rộn, la hét, chen chúc nhau, cãi cọ và làm lành với nhau, chửi mắng và cười, lội trong bùn ngập đến gối. Tôi muốn mua ba con ngựa kha khá cho chiếc xe *briska* của tôi: những con ngựa hiện dùng đã bắt đầu xuống sức. Tôi tìm được hai con, nhưng chưa kịp chọn con thứ ba. Sau bữa ăn trưa mà tôi sẽ không miêu tả ở đây (ngay Ênê ([90]) cũng đã biết rằng nhắc đến những nỗi đau xót đã trải qua là việc khó chịu như thế nào), tôi đến cái gọi là tiệm cà phê, nơi mà chiều chiều, những người mua ngựa cho quân đội, các chủ sở ngựa giống và khách bốn phương vẫn tụ họp tại đây. Trong phòng bi da trần ngập khói thuốc lá màu chì, có chừng hai chục người. Ở đây có những địa chủ trẻ tuổi suông sã, mặc áo khinh kỵ và quần màu xám, tóc mai để dài và ria bôi dầu bóng uốn vểnh lên, họ đưa mắt nhìn quanh, với vẻ quý phái và dạn dĩ. Những người quý tộc khác mặc áo dài kiểu Côđắc, cổ ngắn lạ thường, mắt húp lên, khịt mũi một cách khỗ sở ngay ở đây. Những người lái buôn ngồi tách riêng ra một chỗ; các sĩ quan nói chuyện thoải mái với nhau. Công tước N. đang chơi bi da, ông ta mới chừng hai mươi tuổi, mặt vui vẻ và hơi khinh khỉnh, mặc áo xẻ vạt mở phanh, áo sơ mi màu đỏ và quần nhung rộng chèn ồng. Ông ta chơi với viên thiếu úy phục viên Victo Kholôpakôp.

Thiếu úy phục viên Victo Kholôpakôp là một người nhỏ nhắn, gày gò, nước da rám nắng, trạc ba mươi tuổi, tóc đen, mắt màu hạt dẻ, mũi tẹt và hếch, ông ta rất chăm đến dự các cuộc bầu cử, và các cuộc hội chợ. Khi đi, ông ta cứ nhảy nhẩy lên, vung vẩy đôi tay béo tròn coi đến hiên ngang, mũ thì đội lệch về một bên, còn hai ống tay của chiếc áo dài nhà binh lót trong bằng vải chức bầu xanh nhạt thì xắn cao hẳn lên. Ông Kholôpakôp có tài làm quen với những kẻ giàu có, tinh nghịch ở Pêtecxbua, hút thuốc, uống rượu, chơi bài với họ, xưng hô thân mật với họ. Vì lẽ gì mà ông ta được họ ưa thích, điều đó khá khó hiểu. Ông ta không thông minh, cũng không buồn cười: ông ta không làm hề được. Thực ra, họ đối xử với ông ta vừa thân mật vừa thờ ơ, như đối xử với một gã trai tốt bụng nhưng trống rỗng. Họ chơi bài với ông ta vài ba tuần, rồi đột nhiên không chào hỏi gì ông ta nữa, còn bản thân ông ta cũng không chào hỏi họ. Thiếu úy Kholôpakôp có một đặc điểm là suốt một năm, đôi khi đến hai năm, ông ta thường xuyên dùng

một câu nói duy nhất, dù đúng lúc hay không đúng lúc câu nói này tuyệt nhiên không có gì thú vị, nhưng có trời biết là tại sao nó làm cho tất cả mọi người đều buồn cười. Tám năm trước, cứ mở miệng là ông ta nói: "Xin bày tỏ với ông tấm lòng kính ái của tôi, xin muôn vàn cảm tạ", và những người che chở cho ông ta lúc bấy giờ lần nào cũng cười ngất và bắt ông ta nhắc lại câu "niềm kính ái của tôi"; rồi ông ta bắt đầu dùng một câu phức tạp: "Không, về cái ấy thì ông... ket-cờ-xe, cái ấy là thế này kia" và ông ta cũng thành công xuất sắc như trước. Hai năm sau, ông ta nghĩ ra câu pha trò mới: "*Vu* chớ nóng nảy, *vu* là người của Chúa nhưng bọc lột da cừu" v... v... Thì đã làm sao? Như các bạn thấy đấy, nhờ những câu pha trò đơn giản ấy mà ông ta được ăn uống, có quần áo mặc (ông ta đã phá tán hết gia sản của mình từ lâu và bây giờ chỉ sống nhờ vào bạn bè). Xin các bạn chú ý rằng ông ta tuyệt không có một cái gì khác đáng mến. Sự thực thì ông ta có tài hút một trăm mồi thuốc một ngày bằng loại ống điều Jukôp, còn chơi bi da, ông ta giờ chân phải cao quá đầu và vừa ngấm bắn vừa hăm hờ ngo nguậy cây gậy trên tay, kể thì không phải ai cũng thích có những ưu điểm như thế. Ông ta uống rượu khá giỏi... mà ở nước Nga chúng ta, hơn người về mặt này không phải chuyện dễ... Tóm lại, thành công của ông ta là điều hoàn toàn bí ẩn đối với tôi... Tôi chỉ biết một điều: ông ta là người thận trọng, không bao giờ bới móc chuyện người khác, không hề nói xấu ai...

"Không biết hiện nay ông ta có câu cửa miệng nào mới mẻ đây?" - Tôi nghĩ khi nhìn thấy Kholôpakôp.

Công tước bắn hòn bi trắng.

- Ba mươi - không - Người tính điểm hét to; đấy là một người gày yếu như mắc bệnh lao, mặt ỉu ề và có quầng thâm dưới mắt.

Công tước bắn hòn bi vàng vào cái lỗ ở rìa bàn tiếng bi đập giòn vang.

- Chà! - Người lái buôn to béo thốt lên một tiếng làm cho cả cái bụng phê của mình rung lên. Ông ta ngồi trong một góc, bên chiếc bàn con lụng lay một chân, kêu lên một tiếng và bỗng e sợ. Nhưng may thay, không ai nhận thấy ông ta. Ông ta thở phào một cái và vuốt râu.

- Ba mươi sáu - không - Người tính điểm hô to bằng giọng mũi.

- Này, ông thấy cú ấy thế nào, người anh em - Công tước hỏi Kholôpakôp.

- Thế nào ấy à? Ai chả biết là *rracaliôn*, đúng là *rrracaliôn*.

Công tước phì cười.

- Sao, sao? Nhắc lại đi!

- *Rrrracaliôn*! - Viên thiếu úy giải ngũ nhắc lại với vẻ đặc ý "Thì ra cái tiếng pha trò mới của ông ta như thế đấy?" - Tôi nghĩ.

Công tước bắn hòn bi đỏ vào lỗ.

- Ồ, không! Công tước ạ, không đúng rồi - một viên sĩ quan nhỏ bé tóc vàng nhạt bỗng làm bầm, anh ta có cặp mắt đỏ, mũi nhỏ xíu, khuôn mặt choắt ngái ngủ nom như trẻ con - ông chơi không đúng...lẽ ra phải...không đúng!

- Sao kia? - Công tước nói qua vai hỏi anh ta.

- Lẽ ra nên... bắn nẩy hai lần ([91]).

- Thật ư? - Công tước lâu bầu qua kẽ răng.

- Thừa công tước, tối nay ngài đến chỗ bọn Di gan chứ ạ? - Gã trai ngượng ngập vội đỡ lời - Xteska sẽ hát...Iliuiska.

Công tước không đáp.

- *Rrracaliôn*, người anh em ạ - Kholôpakôp nheo mắt trái một cách ranh mãnh, thốt lên.

Công tước phá lên cười.

- Ba mươi chín - không. - Người tính điểm tuyên bố.

- Vẫn không... xem tôi bắn hòn vàng đây này.

Kholôpakôp ngo nguậy cây gậy trên tay, ngắm đích và bắn trượt!

- Ô, *rrracaliôn* - ông ta bực tức kêu lên.

Công tước lại cười ầm lên.

- Thế nào, thế nào, thế nào?

Nhưng Kholôpakôp không muốn nhắc lại tiếng đó: cũng phải làm bộ làm tịch tí chút chứ.

- Ông đã bắn trượt - Người tính điểm nói - xin bồi phần vào gậy... Bốn mươi - không.

- Thừa các ông - Công tước lên tiếng, nói với tất cả mọi người, nhưng không nhìn riêng ai cả. - Các ông biết chứ, hôm nay Verjembixkaia được mời đến nhà hát đấy.

- Đúng thế, đúng thế, nhất định rồi - Một người tranh nhau reo lên, rất thích thú vì có dịp đáp lời công tước.

- Verjembixkaia là một cô đào cừ khôi, hơn Xôpnhiakôvaia nhiều - Một người gày còm, có ria mép, đeo kính, từ góc nhà nói vọng ra bằng một giọng e e. - Khổ thân ông ta? Trong thâm tâm, ông ta rất buồn do Xôpnhiakôvaia, vậy mà công tước không ban cho ông ta lấy một cái nhìn.

- Bô-ôi, ê bồi, cho ống điếu đây! - Một người cao lớn, mặt thanh tú, dáng quý phái, chắc hẳn là một tay cờ gian bạc bịp, thốt lên, cái nờ cổ lồng bông che cả miệng.

Người bồi chạy đi lấy ống điếu, và lúc trở về, y trình với công tước là người đánh xe trạm Baklaga xin gặp.

- A! Thế thì bảo anh ta đợi đấy và đem vôtka đến cho anh ta.

- Xin vâng.

Sau này, người ta kể với tôi rằng Baklaga là biệt hiệu của một tay đánh xe ngựa trẻ tuổi, đẹp trai và được nuông chiều hết sức. Công tước yêu anh ta, cho anh ta ngựa, đưa ngựa với anh ta, thường cùng anh ta chơi bài suốt đêm... Còn chính công tước - một người trước kia nông cuồng và hoang phí nổi tiếng - thế mà bây giờ có lẽ ta không nhận ra được nữa... ông ta xúc nước hoa thơm lừng, y phục gọn ghẽ và nom kiêu hãnh biết bao! Ông ta chăm lo đến công vụ biết bao, và nhất là ông ta khôn khéo ghê!

Nhưng khói thuốc lá bắt đầu làm tôi cay mắt.

Sau khi nghe nốt câu nói cuối cùng của Khorlopakop và tiếng cười rộ của công tước, tôi về phòng trọ của mình, ở đây người hầu đã trải chỗ nằm cho tôi trên chiếc đi văng nhồi lông, hẹp và lõm, cổ lưng tựa cao lum khum.

Hôm sau, tôi đi xem ngựa ở các sân nhà, bắt đầu từ chỗ để ngựa của người lái buôn nổi tiếng Xitnhikop. Tôi qua cửa rào vào cái sân rải cát. Chính ông chủ đứng trước cửa chuồng ngựa mở toang. Đây là một người đứng tuổi, cao và béo mặc chiếc áo *tu lúp* ([92]) lông thỏ, cổ bẻ nhưng dựng lên. Thấy tôi, ông ta thông thả đi lại gập, hai tay cầm mũ giờ cao trên đầu và nói như hát:

- À, kính chào ông. Ông đến xem ngựa phải không ạ?

- Vâng, tôi đến xem ngựa.

- Xin cho phép hỏi, ông muốn xem loại nào?

- Ông cho xem tất cả những con ông có.

- Xin mời ông.

Chúng tôi vào chuồng ngựa. Mấy con chó trắng từ đồng cỏ khô chạy ra và tới gần chúng tôi vẫy đuôi. Một con dê già râu dài lách ra chỗ khác với vẻ bất bình. Ba người coi ngựa mặc những chiếc áo lông bền chắc, nhưng vấy mỡ, lảng lảng chào chúng tôi. Bên phải và bên trái, có chừng ba mươi con ngựa béo tốt và sạch sẽ tuyệt vời đứng trong những căn chuồng cao khác thường. Những con bồ câu bay từ thanh chắn ngang này sang thanh chắn khác và cất tiếng gù.

- ông cần ngựa kéo hay để gây giống ạ? - Xitnhikop hỏi tôi.

- Vừa để kéo xe, vừa để gây giống.

- Vâng, vâng, chúng tôi hiểu.

- Người buôn ngựa nói rành từng tiếng - Pêchya, cho ông khách xem con Gornôxtai.

Chúng tôi ra sân.

- Đưa ghế trong nhà ra cho ông chứ ạ? Không cần ạ? ... Xin tùy ông.

Móng ngựa nện lộp cộp trên ván gỗ, tiếng roi quất giòn vang, và Pêchya, tuổi chừng bốn mươi, mặt đỏ và nước da ngăm đen từ chuồng ngựa chạy ra, dắt theo con ngựa giống lông xám vóc dáng khá cân đối, cho nó chồm ngược lên, đưa nó chạy hai vòng quanh sân và khéo léo đặt nó đứng ở một chỗ dễ nhìn nhất. Gornôxtai vươn dài người, phì một tiếng rin rít như tiếng còi, hất cao đuôi, lúc lắc mõm và liếc nhìn chúng tôi.

"Một con chim có học!" - Tôi nghĩ.

- Thả dây cương, thả dây cương dài ra - Xitnhikop nói và nhìn tôi chăm chăm.

- Ông thấy thế nào ạ? - Cuối cùng, ông ta hỏi.

- Cũng khá, hai chân trước không vững lắm.

- Chân rất tuyệt! - Xitnhikôp phản đối với vẻ quả quyết - còn mông thì. .. ông nhìn xem... như cái bếp lò, có thể nằm lên đó mà ngủ được.

- Cổ chân dài quá.

- Dài gì mà dài, ông coi lại xem! Cho chạy đi, Pechya, cho chạy đi một quãng, và nước kiệu, nước kiệu... đừng cho phi nhanh.

Pechya lại cho Gornôxtai chạy trong sân. Tất cả chúng tôi đều im lặng.

- Thôi, cho nó về chỗ - Xitnhikôp nói - Đưa Xôkôn ra cho chúng tôi. Xôkôn là con ngựa Ô đen như bọ hung, nòi ngựa Hoà Lan, mông xệ, mình thon, nom khá hơn Gornôxtai một ít. Nó thuộc loại ngựa mà những người đi săn thường nói là "chúng chém, chúng bằm, chúng bắt tù binh", nghĩa là vừa uốn eo tung hai chân trước sang bên phải và bên trái, nhưng chẳng tiến lên được bao nhiêu. Các thương nhân tuổi trung niên ưa thích những con ngựa như thế: nước chạy của chúng khiến ta liên tưởng đến dáng đi ngang tàng của gã bồi bàn lạnh lợi. Loại ngựa này thắng một mình một xe để dạo chơi sau bữa ăn chiều thì tốt: chúng đi rất điệu và gật gật cổ, sốt sắng kéo chiếc xe thô kệch trên có người đánh xe đã ăn no đến đờ ỉn, ông chủ buồn lử khử mắc chứng bệnh ợ chua và bà vợ béo múp míp của ông ta mặc chiếc măng tô lụa màu da trời và trùm chiếc khăn màu tím. Tôi không ưng cả Xôkôn. Xitnhikôp còn cho tôi xem mấy con ngựa nữa. Cuối cùng có một con ngựa giống, lông xám đốm lang, thuộc nòi Vôliêkôp khiến tôi ưng ý. Tôi không thể nén lòng được và thích thú vỗ vào vai nó. Xitnhikôp lập tức làm ra vẻ dừng dừng.

- Thế nào, con này đi khá đấy chứ? - Tôi hỏi (nói về ngựa có nước chạy hay thì người ta lại không dùng tiếng "chạy").

- Đi được - ông chủ buôn trả lời thản nhiên.

- Cho xem thử được không?

- Sao lại không, được lắm chứ. Này, Kuzina, thắng con ngựa này vào xe. Kuzina, một tay luyện ngựa lành nghề, cho xe chạy trên đường, qua trước mặt chúng tôi ba lần.

Con ngựa chạy hay, không lỗi bước, không hất cao mông, chân đưa thoải mái, đuôi hơi nhún lên một chút và "giữ nguyên vị trí", ít ve vẩy.

- Ông lấy bao nhiêu về con ngựa này?

Xitnhikôp đòi một giá chưa từng thấy. Chúng tôi đã bắt đầu mặc cả ngay trên đường, thì bỗng nhiên, từ góc đường, một cỗ xe ngựa sắp đặt rất khéo phóng ra như bay và dừng phắt lại trước cổng nhà Xitnhikôp. Công tước N. ngồi trên cỗ xe đi săn sang trọng. Kholôpakôp ngồi ngất ngheo cạnh ông ta. Baklaga điều khiển ngựa... và điều khiển tài tình làm sao! Ý có thể cho cỗ xe vọt qua cái vòng tròn như làm xiếc, thẳng cha sừng sỏ ấy! Những con ngựa phụ màu hồng, nhỏ nhắn, linh lợi, mắt đen, chân đen nom như những cụm lửa cháy rực, và khi chạy chúng thu mình lại mới gọn làm sao!

Chỉ một tiếng còi là chúng đã lao đi, thoáng chốc đã mất hút! Con ngựa chính màu hồng đậm ung dung cất cao cổ như thiên nga, ngực uốn về phía trước, chân như những mũi tên, lúc lắc đầu và nheo mắt kiêu hãnh... Tuyệt! Cỗ xe này xứng đáng để Sa hoàng Ivan Vaxiliêvits ngự du trong ngày hội xuân!

- Kính chào đại nhân? Xin mời ngài! - Xitnhikôp nói to.

Công tước xuống xe. Kholôpakôp thông thả xuống ở phía bên kia.

- Chào ông anh, có ngựa không?

- Ngài đã chiếu cố đến đây thì nhất định là phải có chứ ạ! Xin mời ngài vào... Pêchya, đưa Pavlin ra đây! Và sửa soạn cho Pôkhôvannui nữa. - Còn câu chuyện giữa ông với tôi - ông ta lại nói với tôi - thì xin để khi khác chúng ta sẽ bàn nốt...Fômka, mang ghế ra hầu đại nhân.

Từ một chuồng ngựa đặc biệt mà lúc đầu tôi không nhận thấy, người ta đưa con ngựa Pavlin ra. Con ngựa lực lưỡng, lông đỏ nâu nhảy tung bốn vó lên không. Xitnhikôp thậm chí quay mặt đi và nheo mắt.

- Úi chao, *rrakaliôn* - Kholôpakôp buột miệng kêu lên - Jem-xà ([93])

Công tước bật cười.

Kìm Pavlin lại không phải là dễ. Thoạt tiên nó chạy lung tung trong sân, người coi ngựa không khiến nổi nó. Cuối cùng, người ta dồn được nó sát vào tường. Nó thở phì phì, rung chuyển toàn thân và thu mình lại, vậy mà Xitnhikôp còn vung roi trên gheo nó.

- Mà nhìn đi đâu? Tao đây cơ mà? Hừ? - ông chủ mắng yêu và chính ông ta cũng thích thú ngắm con ngựa của mình.

- Bao nhiêu? - Công tước hỏi.

- Với ngài thì năm nghìn thôi ạ.

- Ba.

- Không được ạ, thưa đại nhân, ngài xem lại cho...

- Bảo ba là ba, *rakaliôn* - Khôlôpakôp nói xen vào.

Tôi không chờ xem cuộc mua bán ngã giá và bỏ đi ở góc đường cuối ngõ, tôi thấy trên cổng một ngôi nhà màu xám nhạt có dán một tờ giấy lớn. Ở phần trên, người ta dùng bút sắt vẽ một con ngựa đuôi như ống khói, cổ dài vô tận, còn dưới móng ngựa có những dòng như sau viết bằng thứ chữ cổ: "Ở đây có ngựa đủ các màu lông bán tại chợ Lếbêđian. Đây là ngựa ở trại nuôi ngựa giống nổi tiếng trên thảo nguyên của ông Anaxtaxây Ivanuts Tsernôbai, địa chủ vùng Tambôp. Ngựa có vóc dáng rất đẹp, đã được tập luyện hoàn hảo và thuần tính. Vị nào muốn mua xin hỏi ông Anaxtaxây Ivanuts. Nếu ông Anataxây Ivanuts đi vắng, xin hỏi người đánh xe Nazar Kuburskin. Các vị khách hàng, mong các vị đem lại niềm vinh hạnh cho ông già!"

Tôi dừng lại và nghĩ: nào, ta xem ngựa của ông Tsernôbai, chủ trại ngựa giống nổi tiếng trên thảo nguyên một chút.

Tôi toan vào cửa bờ rào, nhưng trái lệ thường, tôi thấy cửa đóng. Tôi gõ cửa.

- Ai đấy? Khách mua ngựa à? - Một người đàn bà the thé.

- Mua ngựa.

- Ông đợi cho một chút, mở cửa ngay đấy ạ.

Cửa rào mở. Tôi thấy một người đàn bà trạc năm mươi tuổi, đầu để trần, chân đi ủng, mặc áo *tulup* không cài cúc.

- Mời quý ông vào, tôi sẽ đi báo cho Anaxtaxây Ivanuts ngay... Nazar, này Nazar!

- Gì thế - Tiếng nói phều phào của một ông già bảy mươi tuổi vang ra từ trong chuồng ngựa.

- Sửa soạn ngựa đi có người mua.

Bà già chạy vào nhà.

- Có khách hàng, khách hàng! - Nazar lồm bồm đáp lời bà lão - Tôi vẫn chưa rửa đuôi cho ngựa hết lượt.

- Ôi, Arkadia?" - Tôi nghĩ.

- Kính chào ông, rất hân hạnh được đón tiếp tôn ông - Một giọng âm vang, êm ái và chậm rãi vang lên sau lưng tôi. Tôi quay lại: đứng trước mặt tôi là một ông già tầm vóc vừa phải, tóc bạc trắng, mắt xanh tuyệt đẹp, mặc chiếc áo bành tô vạt dài, miệng mỉm cười nhã nhặn.

- Ông cần ngựa ạ? Xin mời tôn ông, xin mời...Nhưng ông vào nhà xơi chén trà đã chứ ạ?

Tôi từ chối và cảm ơn.

- Vâng, xin tùy ông vậy. Tôn ông thứ lỗi: tôi cứ theo lệ cổ. (Ông Tsernôbai nói thông thả và nhấn rõ âm "ô"!.) Tính tôi vốn giản dị, ông biết đấy... Nazar, ời Nazar! - Ông ta nói dài giọng nhưng không cất cao tiếng.

Nazar hiện ra ở ngưỡng cửa chuồng ngựa. Đây là một ông già mặt nhăn nhúm, mũi điều hâu, râu cằm nhọn về phía dưới như hình cái nêm.

- Ông cần ngựa nào, thưa quý ông - ông Tsernôbai nói tiếp.

- Loại không quá đắt, kéo xe *kibitka*.

- Dạ vâng... có đấy ạ, xin mời... Nazar, Nazar, cho quý ông xem con ngựa thiện màu xám, con đứng ở ngoài cùng ấy, và con hồng có đốm ở trán, không thì con ngựa hồng con của Kraxôtka ấy, biết không?

Nazar vào chuồng ngựa.

- Cứ thế dắt chúng ra, để cả dây tròng cổ! - Ông Tsernôbai hét với theo - Thưa tôn ông - ông ta nói tiếp, nhìn vào mặt tôi bằng cái nhìn sáng sủa và hiền lành - Tôi không như các chủ buôn khác, họ là tầm bậy lắm kia! Họ dùng đủ các thứ cỏ thuốc, muối, bã rượu ([94]), xin kiểu họ thôi. Còn hàng của tôi thì mời ông xem, tất cả đều như trên lòng bàn tay, không mách lới gì.

Ngựa được dẫn ra. Tôi không ưng những con này.

- Thôi, trả chúng về chỗ cũ - Anaxtaxây Ivanuts nói - Cho chúng tôi xem những con khác.

Người ta cho xem những con khác. Cuối cùng tôi chọn được một con khá rẻ. Chúng tôi bắt đầu mặc cả. Ông Tsernôbai không nổi nóng, nói năng rất mực khôn khéo, viện Chúa chứng giám với vẻ trang nghiêm đến nỗi tôi không thể không "đem lại niềm vinh hạnh cho ông già": tôi đặt trước một phần tiền.

- Bây giờ thì thế này - Anaxtaxây Ivanuts nói, - theo lệ cổ, ông cho phép tôi trao ngựa cho

ông, tay trao tay... ông sẽ cảm ơn tôi về con ngựa đó... Nó đương độ sung sức! Như trái hồ đào non... chưa sút mẻ tí gì... ngựa thảo nguyên thuần giống! Thẳng vào xe loại nào cũng được.

Ông ta làm dấu thánh, đặt tà áo bành tô lên tay mình, cầm lấy cây tròng và trao con ngựa cho tôi. - Bây giờ thì ông làm chủ nó... Nhưng ông vẫn không muốn dùng trà ư?

- Không, đa tạ thịnh tình của ông, tôi cần về nhà.

- Xin tùy ông... Thế người đánh xe của tôi sẽ đưa ngựa về theo ông bây giờ chứ ạ?

- Vâng, bây giờ, nếu ông cho phép.

- Xin lĩnh ý, thưa quý ông, xin lĩnh ý... Vaxili, ơ, Vaxili? Đi với quý ông. Đưa ngựa đi và nhận nốt tiền cho ta. Thôi, tạm biệt tôn ông, Chúa phù hộ ông.

Người ta đưa ngựa về nhà cho tôi. Hôm sau mới té ra là con ngựa này đã bị dùng đến kiệt sức và khập khiễng. Tôi định đóng nó vào xe, nó lùi lại, quất nó một roi thì nó bắt đầu giở bướng, đá hậu, và nằm lăn xuống đất. Tôi lập tức đến ông Tsernôbai. Tôi hỏi:

- Ông chủ có nhà không?

- Có nhà.

- Sao ông lại làm thế - Tôi hỏi - ông bán cho tôi con ngựa kiệt sức.

- Kiệt sức à? ... A, lạy Chúa!

- Lại còn khập khiễng nữa, đã thế lại bất kham.

- Khập khiễng à? Tôi không biết, chắc người đánh xe ngựa của ông làm hỏng ngựa đấy... còn tôi thì, nói có Chúa trời chứng giám...

- Ông Anaxtaxây Ivanuts ạ, thực tình là ông nên lấy lại ngựa đi thôi.

- Không, thưa tôn ông, xin đừng nóng nảy: dắt ngựa ra khỏi sân là xong việc rồi. Phải xem kỹ đã rồi hãy mua chứ.

Tôi hiểu rõ sự tình, đành phục tùng số phận của mình, tôi phá lên cười và ra về. May thay, tôi không phải trả quá đắt về bài học đó.

Hai ngày sau tôi đi. Một tuần sau, trên đường về tôi lại ghé qua Lêbêđian. Ở hàng cà phê, tôi lại gặp hầu như vẫn những nhân vật ấy và gặp công tước N. đang chơi bi da. Nhưng trong số phận ông Kholôpakôp đã xảy ra sự thay đổi thường lệ. Một sĩ quan nhỏ bé tóc vàng nhạt đã thay thế ông ta chiếm được ân cố của công tước. Trước mặt tôi, viên thiếu úy xuất ngũ đáng thương lại một lần nữa thử dùng câu nói duyên của mình, hy vọng may ra sẽ được ưa thích như trước, nhưng công tước chỉ mỉm cười thậm chí cau mày và nhún vai. Ông Kholôpakôp gằm mặt xuống, củ rú củ rù, lén vào một xó nhà và bắt đầu lẳng lặng nhồi thuốc vào ống điếu.

TACHYANA BÔRIXÔPNA

Và người cháu trai của bà.

Bạn đọc thân mến, bạn hãy trao tay cho tôi và cùng đi với tôi. Thời tiết đẹp lắm; bầu trời tháng năm xanh lơ dịu hiền. Lá liễu trúc non nhả bóng như được gột rửa sạch sẽ. Con đường rộng, bằng phẳng bị phủ kín dưới lớp cỏ lăn tăn, thân màu đỏ nhạt, loại cỏ mà cừu rất thích gặm. Mé bên phải và bên trái, trên những sườn đồi dài dốc thoải, lúa mạch còn xanh rập rờn như mặt hồ gặp cơn gió nhẹ. Bóng những đám mây nhỏ bé tạo nên những vệt tối thưa thớt lướt trên tấm thảm lúa. Xa xa, những vệt rừng tối thẫm in trên nền trời, mặt ao sáng loá như gương, làng mạc là những cụm màu vàng. Chim sơn ca bay lên hàng trăm con hót líu lo rồi đột nhiên nhào xuống phía dưới như tên bắn, vươn dài cổ đậu trên những mô đất.

Những con quạ nhỏ dừng lại trên đường, nhìn người đi xe, nằm ép mình xuống đất cho xe đi qua, rồi nhảy hai bước, nặng nhọc bay về mé bên đường; trên núi, phía sau khe, một người nông dân đang cày. Một con ngựa con lang trắng, đuôi cộc và bờm chồm lên, loạng choạng chạy theo mẹ: ta nghe thấy tiếng hí non dại của nó. Xe chúng tôi vào cánh rừng phong. Một hương vị nồng đậm và tươi mát gây nên cảm giác nghẹt thở dễ chịu. Lũy rào làng đây rồi. Người đánh xe xuống, mấy con ngựa thở phì phì, những con ngựa phụ nhìn quanh, con ngựa chính ve vẩy đuôi và tì má vào cái vòng cung cổng xe...Cái cổng lớn kèn kẹt mở ra. Người đánh xe lên xe...Trước mặt chúng tôi là làng; sau khi đi qua năm cái sân, chúng tôi rẽ sang phải xuống khu vực đất trũng, rồi lên đồi. Bên kia cái ao nhỏ, sau những chòm cây táo tròn xoe và những cụm đỉnh hương, chúng tôi thấy một mái nhà lợp ván trước kia màu đỏ, có hai ống khói: người đánh xe cho xe men theo hàng rào đi về bên trái và vào cái cổng mở toang giữa tiếng sủa khàn khàn chói gắt của ba con chó già nua, rồi ngang nhiên phóng xe vòng quanh cái sân rộng, qua trước chuồng ngựa và nhà để củi, đằng hoàng chào hỏi bà lão quản gia đang nghiêng mình bước qua ngưỡng cửa cao vào cái cửa nhà kho để mở. Cuối cùng, anh ta dừng xe lại trước bậc tam cấp của một căn nhà nhỏ tối thẫm có mấy cửa sổ sáng sủa... Chúng tôi đã đến nhà Tachyana Bôrixôpna. Kia, chính bà đang mở chiếc cửa sổ thông gió và gật đầu với chúng tôi...Chào mẹ!

Tachyana Bôrixôpna là một người đàn bà trạc năm mươi tuổi, mắt màu xám, to, hơi lồi, mũi hơi tẹt, má đỏ hồng và có hai cằm. Vẻ mặt bà niềm nở và dịu dàng. Trước kia bà đã có chồng, nhưng chẳng bao lâu đã ở góa. Tachyana Bôrixôpna là người đàn bà hết sức đặc sắc. Bà sống ru rú trong khu điền trang nhỏ bé của mình, không ra đến ngoài, ít quen, biết những người láng giềng, chỉ tiếp đón và yêu mến thanh niên. Bố mẹ bà là những địa chủ rất nghèo và bà chẳng được học hành gì cả, nghĩa là bà không biết nói tiếng Pháp. Thậm chí bà chưa từng đến Matxcova. Nhưng mặc dù tất cả những thiếu sót đó, bà cư xử giản dị và tốt, tình cảm và ý nghĩ hết sức tự do, ít nhiễm những thói xấu thông thường của các bà các cô địa chủ quý tộc nhỏ, đến nỗi ta thực sự không thể không ngạc nhiên về bà...Thực thể, một người đàn bà quanh năm sống ở làng quê hẻo lánh mà không ngồi lê đôi mách, không kêu ré lên, ngồi thụp xuống một lát, không xúc động, không ghen ngạo, không run lên vì tò mò... thì kể cũng kỳ lạ! Bà thường mặc áo dài bằng lụa mỏng màu xám, đội mũ chùm trắng có những dải băng màu tím hoa cà buông lủng lẳng. Bà thích ăn ngon, nhưng không ăn nhiều quá; mứt, hoa quả khô, thức ăn muối thì bà giao cho người quản gia. Vậy thì suốt ngày bà ta làm gì - chắc các bạn sẽ hỏi...Đọc ư? Không, bà ta không đọc sách.

Và nói thực là sách in ra cũng không phải là để cho bà ta đọc.

Nếu không có khách, thì về mùa đông, Tachyana Bôrixopna của tôi ngồi dưới cửa sổ và đan bí tất; mùa hè bà ra vườn trồng hoa và tưới hoa, chơi với mèo hàng giờ, cho bồ câu ăn. Bà ta ít chăm lo đến việc làm ăn. Nhưng nếu có khách - một người láng giềng trẻ tuổi nào đó - đến thăm thì Tachyana Bôrixopna linh hoạt hẳn lên. Bà mời người đó ngồi chơi, mời uống trà, nghe người đó kể chuyện, cười, đôi khi vỗ nhẹ vào má người đó, nhưng chính bà nói ít thôi. Nếu khách gặp chuyện gì không may, có điều gì đau xót thì bà an ủi, khuyên nhủ. Bao nhiêu người đã thổ lộ với bà những chuyện kín trong nhà, những uẩn khúc trong lòng, đã gục mặt vào hai cánh tay bà mà khóc! Đôi khi, bà ngồi trước mặt khách, tì nhẹ một khuỷu tay vào đầu gối, nhìn vào mắt khách với vẻ thông cảm, mỉm cười thân mật đến nỗi khách bất giác nảy ra ý nghĩ: "Bà là người phụ nữ tuyệt diệu biết bao. Tachyana Bôrixopna! Xin cho tôi kể với bà nỗi niềm tâm sự của tôi". Ở trong những căn phòng nhỏ, đầy đủ tiện nghi của bà, ta cảm thấy vui sướng, ấm cúng. Trong nhà bà, thời tiết bao giờ cũng rất đẹp, nếu có thể nói như vậy. Tachyana Bôrixopna là người đàn bà kỳ diệu, vậy mà không ai ngạc nhiên về bà: lương tri của bà, tính kiên quyết và lối sống tự do của bà, thái độ thông cảm nồng nhiệt của bà trước tai họa và niềm vui sướng của người khác, tóm lại, tất cả mọi ưu điểm của bà dường như đã ra đời cùng một lúc với bà, bà chẳng tốn chút công sức nào và chẳng bận tâm gì đến chuyện ấy...Cũng không thể tưởng tượng bà khác thế được. Thành thử không cần gì phải cảm ơn bà.

Bà đặc biệt thích xem những trò chơi và những trò tinh nghịch của thanh niên. Bà khoanh tay trước ngực, ngửa đầu ra sau nheo mắt, ngồi mỉm cười, rồi bỗng thở dài, nói. "A, các con ta, các con...". Thế là tự dưng ta muốn đến gần bà, cầm lấy tay bà và nói: "Bà Tachyana Bôrixopna ạ, bà không biết giá trị của bà, mặc dù bà rất giản dị và ít học, nhưng bà là con người phi thường!" Chỉ riêng tên bà cũng đã có một cái gì quen thuộc, niềm nở, khiến người ta muốn đọc lên, khiến ta bất giác nở nụ cười thân thiện. Chẳng hạn, đã bao lần, tôi có dịp hỏi người nông dân gặp ở đường này: này, anh bảo giúp tôi, đến Gratsôpka thì đi đường nào! "Thưa ông, ông hãy đến Viazôvô đã, rồi từ đấy ông đến nhà bà Tachyana Bôrixopna, còn từ nhà bà Tachyana Bôrixopna trở đi thì bất cứ ai cũng sẽ chỉ đường cho ông được". Và nói đến tên Tachyana Bôrixopna, người nông dân gật gù một cách khá đặc biệt.

Tachyana Bôrixopna nuôi ít người làm, vì tài sản của bà chẳng lấy gì làm lớn. Nhà cửa, phòng giặt, nhà kho, nhà bếp do bà quản gia Agafya coi sóc.

Agafya trước là vú nuôi của Tachyana Bôrixopna, bà ta rất tốt bụng, mau nước mắt và đã rụng hết răng. Bà ta có hai cô gái dưới quyền để sai bảo mọi việc, hai cô gái khỏe mạnh, má phính hồng tươi như những quả táo Antônôp. Nhiệm vụ hầu phòng, cai quản bọn người làm, giữ tủ thức ăn giao cho một người đầy tớ bảy mươi tuổi, tên là Pôlikarpơ.

Đây là một người kỳ quặc lạ thường, đọc nhiều, trước là nhạc công viôlông, hết sức tôn sùng Viôtti ([95]) và là kẻ thù riêng của Napôlêông (ông ta gọi Napôlêông bằng cái tên khinh miệt là: thằng nhóc Bônapactơ), đồng thời ông ta hết sức ham mê chim họa mi. Bao giờ ông ta cũng nuôi năm sáu con họa mi trong phòng: đầu mùa xuân, ông ta ngồi suốt mấy ngày rông cạnh lồng, chờ đợi tiếng hót đầu tiên, và nghe thấy tiếng hót đó, ông ta đưa hai tay lên bưng mặt và rên rĩ: "Ôi, đáng thương thay! đáng thương thay!" - và khóc nức nở, nước mắt tuôn như mưa. Pôlikarpơ có một người giúp việc: đấy là Vaxya, cháu ông ta, một thằng bé mười hai tuổi, tóc xoăn, mắt nhanh. Pôlikarpơ yêu nó đến điên cuồng và cần nhằn với nó từ sáng đến tối để giáo dục nó. "Vaxya - ông ta bảo - nói đi: thằng nhóc Bônapactơ là thằng ăn cướp" - "Nhưng ông sẽ cho cháu cái gì, hử ông?" - "Cho cái gì à?... Ta chẳng có cái gì... Cháu là người gì kia chứ? Cháu có phải là người Nga không?" - "Cháu là người Amtsenxk ([96]), ông ạ: cháu sinh ở Amtsenxk mà" - "Ôi, cái đầu đần độn? nhưng Amtsenxk ở đâu nào?" - "Làm sao cháu biết được?" - "Amtsenxk ở nước Nga, thằng ngốc ạ" - "Sao nó lại ở nước Nga được nhỉ?" - "Sao là thế nào? Cố Công tước Mikhailô Inlariônôvits Gôlenitsep - Kutuzôp Xmôlenxki nhờ Chúa giúp sức, đã đuổi cổ thằng nhóc Bônapactơ ra khỏi biên giới nước Nga. Nhân đó người ta mới làm ra câu ca: *Bônapactơ không còn bụng dạ đâu mà khiêu vũ. Y đã mất đôi nịt bí tất...*

Cháu phải hiểu: "Ngài Công tước đã giải phóng tổ quốc của cháu".

"Nhưng việc đó đáng gì đến cháu?"

- A, thằng bé ngốc nghếch, ngu dần ời! Nếu như Đại công tước Mikhailô Inlariônôvits không tổng cổ thằng Bônapactơ đi thì bây giờ một *muxiê* ([97]) nào đó sẽ đập gậy vào đầu cháu. Y sẽ đến trước mặt cháu như thế này và nói: *Com mǎng vu pooctê vu?* ([98]), rồi: *chát, chát*.

- Cháu sẽ tổng cho nó một quả vào bụng.

- Thế thì nó sẽ bảo cháu: *bông jua, bông jua, vorê ixi* ([99]) và túm lấy cháu, túm luôn lấy tóc cháu.

- Cháu sẽ đá vào chân nó, đá vào hai cái chân lòng không của nó.

- Phải đấy, chân bọn Pháp thì đúng là chân lòng không. Nhưng nếu nó trói tay cháu lại thì sao?

- Cháu sẽ không chịu thua, cháu sẽ gọi anh đánh xe Mikhây đến giúp.

- Thế cháu cho rằng tên Pháp không hạ nổi Mikhây ư, Vaxya?

- Hạ thế nào nổi? Mikhây khỏe như voi ấy cơ mà!

- Thế hai chú cháu sẽ làm gì nó?

- Chúng cháu sẽ nện vào lưng nó, nện vào lưng nó.

- Thì nó sẽ gào lên: *pardông, pardông; xêvuplây!* ([100])

- Chúng cháu sẽ bảo nó: *cóc xêvuplây* cho mày, thằng Pháp kia.

- Giỏi lắm, Vaxya ạ!... Nào, thế thì cháu thét lên đi: "Thằng tướng cướp Bônapactơ?"

- Nhưng ông cho cháu đường đi!

- Ô, cái thằng này hay thật!

Tachyana Bôrixôpa ít giao du với các vợ địa chủ. Họ không thích đến chơi với bà, và bà cũng không biết cách làm cho họ vui. Nghe tiếng nói chuyện ồn ào của họ, bà thường thiu thiu ngủ, đôi khi giật mình gắng gượng mở mắt và lại thiu thiu ngủ. Tachyana Bôrixôpna nói chung không ưa đàn bà. Một trong những bạn trai của bà, một thanh niên tốt và hiền lành, có một bà chị đã ba mươi tám tuổi rồi mà không lấy chồng, bà này là người rất tốt, nhưng tính tình ương gàn, cầu kỳ và hay bốc đồng. Người em thường kể với chị về bà bạn của mình. Một sáng kia, bà gái già của tôi chẳng nói chẳng rằng, ra lệnh thẳng ngựa cho mình và tới thăm Tachyana Bôrixôpna. Bà ta mặc áo dài, đầu đội mũ, choàng khăn voan màu lá mạ, tóc xoắn buông xõa. Bà ta vào phòng ngoài, vượt qua trước mặt chú bé Vaxya đang kinh hoàng vì tưởng bà là nữ thủy thần, chạy xộc vào phòng khách. Tachyana Bôrixôpna sợ hãi, toan đứng lên, nhưng chân cứ khuyu xuống. "Tachyana Bôrixôpna - Bà khách nói với giọng van lơn - Thứ lỗi cho sự đường đột của tôi. Tôi là chị của Alêcxây Nhikôlaiêvits K..., người quen của bà. Tôi được nghe chú em nói về bà rất nhiều, vì vậy tôi mạo muội đến làm quen với bà" - "Rất hân hạnh" - bà chủ ngạc nhiên, nói lí nhí. Khách bỏ mũ, hất mái tóc xoắn cho gọn lại, ngồi xuống cạnh Achyana Bôrixôpna, cầm lấy tay bà. "Vậy là bà đây rồi - khách nói với giọng trầm ngâm và cảm động -

con người tốt bụng, trong sáng, cao quý thần thánh ấy đây rồi! Người đàn bà giản dị mà sâu sắc ấy đây! Tôi vui sướng biết bao, tôi vui sướng biết bao! Chúng ta sẽ yêu mến nhau biết nhường nào! Cuối cùng thì tôi sẽ được thư thái cõi lòng. . . Tôi tưởng tượng bà đúng như thế này" - bà ta thì thầm nói thêm, nhìn chăm chăm vào mắt Tachyana Bônxiôpna. "Bà không giận tôi chứ, bà chị tốt bụng, quý hoá của tôi? " - "Đâu lại có thể, tôi rất vui sướng... Bà dùng trà chứ ạ?". Bà khách mỉm cười độ lượng "*Wie wahr, wie unreflectiret*" ([101]) - bà ta thì thầm như tự nhủ với mình. - "Cho phép tôi ôm hôn bà, bà chị yêu quý của tôi".

Bà gái già ngồi chơi với Tachyana Bônxiôpna ba tiếng đồng hồ, miệng không ngừng nói lấy một giây. Bà ta ra sức giảng giải cho người bạn mới quen biết nhận rõ được giá trị của bản thân người đó. Ngay sau khi bà khách bất ngờ ra về, bà địa chủ đáng thương liền đi tắm, rồi uống nước bồ đề và đi nằm. Nhưng hôm sau, bà gái già trở lại, ngồi bốn tiếng, và khi về, bà ta hứa ngày nào cũng đến thăm Tachyana Bônxiôpna. Các bạn xem, bà ta có ý định làm cho Tachyana Bônxiôpna phát triển triệt để và hoàn thành việc giáo dục bà bạn mà theo lời bà ta, là một bản chất hết sức phong phú, và có lẽ rút cục bà ta sẽ làm cho Tachyana Bônxiôpna hoàn toàn phát triển nếu như không có hai việc xảy ra: thứ nhất là sau hai tuần, bà ta "hoàn toàn bị thất vọng" về bà bạn của em mình, hai là bà ta mê một sinh viên trẻ tuổi đi qua vùng này và lập tức trao đổi thư từ với anh ta một cách ráo riết và nồng thắm. Trong thư của mình, như thường lệ, bà ta cầu chúc cho chàng trai một đời thiêng liêng tươi đẹp, bà ta hy sinh "toàn bộ con người" mình chỉ đòi hỏi được gọi là chị, bà ta say sưa miêu tả thiên nhiên, nhắc tới Göt, Sinle ([102]), Bettin và triết học Đức cuối cùng bà ta đã đẩy chàng trai đáng thương tới chỗ thất vọng, phiền muộn. Nhưng tuổi trẻ đã thắng: một buổi sáng kia, khi thức dậy, chàng trai cảm tức điên cuồng "người chị và người bạn tốt nhất của mình" đến nỗi trong cơn nóng nảy đã suýt đánh người hầu phòng và trong một thời gian dài, lễ cứ nghe ai ám chỉ đến tình yêu cao thượng và không vụ lợi là anh ta chỉ chực gây sự choảng nhau. . . Nhưng từ đấy, Tachyana Bônxiôpna càng tránh gần gũi các bà bạn láng giềng hơn trước.

Hỡi ôi! Trên đời không có gì bền vững. Tất cả những điều tôi kể với các bạn về đời sống bình yên của bà địa chủ tốt bụng của tôi là chuyện đã qua rồi. Sự yên tĩnh trong nhà bà đã bị phá huỷ vĩnh viễn. Bây giờ, đã hơn một năm nay, bà có người cháu trai là họa sĩ Pêtecxbua đến ở với bà. Chuyện đó xảy ra như thế này.

Tám năm trước, có một thằng bé mười hai tuổi ở với bà, đó là Andriusa, mồ côi cả bố lẫn mẹ, con của người em trai đã qua đời của bà. Andriusa có đôi mắt to, sáng, ương ương, miệng nhỏ xinh xắn, mũi thanh thanh, trán cao rất đẹp. Nó nói năng nhẹ nhàng và ngọt ngào, cư xử phải phép và kiểu cách, niềm nở ân cần với khách, thường hôn tay bác với tình cảm biết ơn của đứa trẻ mồ côi. Đôi khi, bạn chưa kịp tự giới thiệu, nó đã mang ghế bành đến cho bạn. Chẳng bao giờ thấy nó giở trò nghịch ngợm: nó không đập gõ ầm ĩ, mà lặng lẽ ngồi trong góc nhà xem quyển sách nhỏ, và ngồi rất nết na, rất hiền, thậm chí không tựa vào lưng ghế. Khách vào. Andriusa của tôi đứng lên, mỉm cười lịch sự và đỏ mặt. Khách ra, nó lại ngồi xuống, lấy cái bàn chải với chiếc gương con trong túi ra, chải tóc. Từ thuở bé thơ, nó đã thích vẽ. Vớ được mẩu giấy là lập tức nó hỏi mượn bà quản gia Agafya cái kéo, cẩn thận cắt một hình chữ nhật đều đặn, kẻ đường viền xung quanh và bắt tay vào việc: nó vẽ con mắt có tròng con người to tướng, hay cái mũ Hy Lạp, hay căn nhà có ống khói và khói bốc lên thành đường xoắn ốc, vẽ con chó "en face" ([103]) nom giống chiếc ghế dài, cái cây có hai con bồ câu, và đề dưới: "Andrây Bêlôpdôrôp vẽ, ngày ấy, năm ấy, làng Malrê Bruki". Hai tuần trước ngày lễ đặt tên thánh của Tachyana Bônxiôpna, nó làm việc đặc biệt sốt sắng: nó là người đầu tiên tới chúc mừng và mang đến một cuộn giấy buộc dải băng hồng. Tachyana Bônxiôpna hôn trán cháu và mở gói quà tặng: cuộn giấy mở ra và phơi bày trước mắt tò mò của người xem một ngôi đền hình tròn có cột, được đánh bóng một cách sinh động, giữa đền có cái bàn thờ. Trên bàn thờ có trái tim bùng cháy và một vòng hoa, còn ở phía trên là một băng khẩu hiệu ngoằn ngoèo, đề những chữ rõ nét: Kính tặng bác Tachyana Bônxiôpna Bôgđanôva, ân nhân của cháu để tỏ lòng mến phục bác sâu sắc". Tachyana Bônxiôpna lại hôn nó lần nữa và cho nó một rúp. Nhưng bà không mến nó lắm: bà hoàn toàn không ưa thói xu nịnh của Andriusa. Thằng bé lớn dần. Tachyana

Bôrixôpna bắt đầu lo đến tương lai của nó. Một sự tình cờ đã giúp bà thoát khỏi bước khó khăn.

Sự việc như thế này: tám năm trước, có một ông khách ghé vào thăm bà: ông Bênevôlenxki Piôtr Mikhailuts, quan tham hàm ngũ phẩm đã được ân thưởng bội tinh. Ông Bênevôlenxki trước kia đã từng làm việc nhà nước ở một thị trấn gần đây và thường đến thăm Tachyana Bôrixôpna luôn.

Sau ông chuyển đến Pêtecxbua, vào làm việc ở bộ, được cất nhắc lên một chức vụ khá quan trọng và thường đi công cán. Trong một chuyến đi như thế, ông sức nhớ đến bà bạn cũ của mình và ghé thăm bà với ý định nghỉ ngơi vài ngày "nơi thôn quê yên tĩnh", để tạm quên những lo âu bận rộn trong công việc. Tachyana Bôrixôpna tiếp đón ông niềm nở như thường lệ và ông Bênevôlenxki... Nhưng trước khi vào phần tiếp câu chuyện, bạn đọc thân mến cho phép tôi giới thiệu nhân vật mới này với bạn.

Ông Bênevôlenxki là một người hơi béo, cao vừa phải, nom hiền hậu, chân ngắn và tay khá mập. Ông ta mặc chiếc áo đuôi tôm to rộng và hết sức sạch, đeo chiếc cà vạt rộng thắt cao, áo lót trắng như tuyết, sợi dây chuyền vàng nổi bật trên chiếc gi lê lụa, ngón tay đeo nhẫn ngọc và đầu mang tóc giả màu vàng nhạt. Ông ta nói năng diu dàng và dễ xiêu lòng người, đi đứng không ồn ào, mỉm cười dễ thương, đưa đẩy mắt một cách duyên dáng, giấu cảm vào trong cà vạt nom cũng dễ ưa: nói chung, ông ta là con người đáng mến. Trời cũng phú cho ông tấm lòng hết sức phúc hậu: ông dễ khóc và dễ hoan hỉ. Thêm nữa, ông ta ham mê nghệ thuật, niềm ham mê nồng nhiệt và không vụ lợi, thực sự là không vụ lợi, bởi vì, nói của đảng tôi, ông Bênevôlenxki chẳng hiểu tí gì về nghệ thuật, thậm chí ta ngạc nhiên không hiểu vì đâu, do những qui luật bí ẩn và khó hiểu nào mà ở ông lại nảy sinh ra niềm ham mê ấy? Dường như ông ta là một người thực tế, thậm chí tầm thường... Nhưng ở nước Nga chúng ta có khá nhiều người như thế...

Lòng yêu nghệ thuật và yêu mến các nghệ sĩ khiến cho những người ấy có một vẻ đường mật khó giải thích. Quen biết họ, nói chuyện với họ thật là khổ ải: họ đích thực là những cây côn bôi mật. Chẳng hạn, họ không bao giờ gọi Rafaen là Rafaen, Kôrretjiô là Kôrretjiô: "Xantsiô thần thánh, đờ Anlêgrix không ai bắt chước được" - họ nói như thế. Mọi tài năng thô thiển, đầy tự ái, bịp bợm và xoàng xĩnh đều được họ tâng bốc là thiên tài, hay, nói đúng theo lời của họ, là kỳ tài. Bầu trời xanh nước Ý, chanh phương Nam, hơi nước thơm tho của vùng bờ sông Brenta([104]) không lúc nào rời khỏi lưỡi họ. "Ô, Vanhya, Vanhya" hay "Này, Xasa, Xasa - họ nói với nhau một cách nhiệt tình - chúng ta nên về phương nam, về phương nam... chúng mình là những người có tâm hồn Hy Lạp, những người cổ Hy Lạp mà!".

Có thể quan sát họ tại các cuộc triển lãm, trước một số tác phẩm của mấy họa sĩ Nga (cần phải vạch rõ rằng các ngài ấy phần lớn là những người yêu nước khiếp lên được). Khi thì họ lùi lại hai bước và ngửa đầu ra sau, khi thì nhích lại gần bức tranh, những cặp mắt nhỏ của họ mờ hơi ẩm, loáng bóng như dầu..."Trời, cừ thật - cuối cùng, họ thốt lên bằng một giọng thều thào vì xúc động - tâm hồn, biết bao nhiêu tâm hồn! Chao ôi, tình cảm, tình cảm chứa chan! Chao ôi, bao nhiêu tâm tư đã đổ ra, bao nhiêu tâm huyết!... Mà sáng tác mới khéo làm sao? Thần tình thật?". Còn trong phòng khách của chính họ thì có những bức tranh như thế nào? Có những họa sĩ tồi tồi vẫn đến thăm họ, uống trà với họ, nghe họ chuyện trò! Các họa sĩ ấy biểu họ những bức tranh vẽ phối cảnh các căn phòng của chính mình, với cái chổi ở diện bên phải, một đồng rác dài dài như luống rau trên sàn nhà sạch bóng, cái ấm xamôva màu vàng cạnh cửa sổ và chính chủ nhân mặc áo choàng ở nhà, đội mũ tròn, một bên má có vệt ánh sáng rực rỡ! Trong số khách lui tới nhà họ còn có cả con cháu các nữ thần thi ca, tóc để dài, nụ cười khinh khỉnh và cảm kích nở trên môi! Lại còn những tiểu thư mặt xanh như tàu lá, hát như rú lên bên những chiếc dương cầm của họ nữa chứ! Bởi vì ở nước Nga chúng ta vốn có tình trạng như thế này: con người không thể hiện mình chỉ riêng cho nghệ thuật, phải cho con người tất cả mọi thứ. Bởi vậy, tuyệt nhiên không nên lấy làm lạ rằng những ngài yêu nghệ thuật ấy cũng hăng hái bảo

trợ văn học Nga, đặc biệt là ngành soạn kịch...Những "Jakôbô Xanazar" ([105]) viết ra là để cho họ thưởng thức: cuộc đấu tranh được miêu tả tới nghìn lần của một tài năng không được thừa nhận (và đấu tranh với mọi người, với cả thế giới) làm cho họ rung động tới tận đáy lòng.

Ông Bênêvôlenxki đến hôm trước thì hôm sau, trong lúc uống trà, Tachyana Bôrixôpna bảo cháu cho khách xem tranh nó vẽ. "Thằng bé nhà bà biết vẽ đấy à?" - ông Bênêvôlenxki thốt lên, không phải không có phần ngạc nhiên, và quay về phía Andriusa, vẻ thông cảm. "Chính thế, nó vẫn vẽ đấy ạ - Tachyana Bôrixôpna nói - Nó ham vẽ lắm! Mà chỉ vẽ theo cách riêng của nó, không có người dạy" - "A, thế thì cho xem nào, cho xem nào" - ông Bênêvôlenxki tiếp lời. Andriusa đỏ mặt và mỉm cười, đem quyển vở của mình đến cho khách. Ông Bênêvôlenxki bắt đầu giở quyển vở với vẻ am hiểu. "Khá đấy, chú em ạ - Cuối cùng, ông ta nói - khá đấy, rất khá". Và ông ta xoa đầu Andriusa. Còn Andriusa nhân lúc đó liền hôn tay ông ta. "Thưa bà, thật là tài ba biết bao! Chúc mừng bà, bà Tachyana Bôrixôpna, xin chúc mừng". - "Nhưng ông Piôtr Mikhailuts ạ, ở đây tôi không tìm được thầy cho nó. Mời thầy ở thành phố về thì đắt. Gia đình Artamônốp ở gần đây có một họa sĩ, và nghe nói là một họa sĩ rất giỏi, nhưng bà chủ cấm người đó không được dạy cho người ngoài. Bà ta bảo là như thế họa sĩ sẽ làm hỏng mất thị hiếu của mình" - "Hừm - ông Bênêvôlenxki thốt lên, ngẫm nghĩ và liếc nhìn Andriusa - Được, chúng ta sẽ còn nói chuyện về việc này". - ông ta bỗng nói thêm và xoa tay. Ngay ngày hôm ấy, ông ta xin phép nói chuyện riêng với Tachyana Bôrixôpna. Họ vào phòng khách, đóng cửa lại nói chuyện với nhau. Nửa giờ sau, họ gọi Andriusa. Andriusa vào. Ông Bênêvôlenxki đứng cạnh cửa sổ, mặt hơi đỏ, mắt ngời sáng. Tachyana Bôrixôpna ngồi trong góc phòng và lau nước mắt. "Này, Andriusa - cuối cùng bà nói - Hãy cảm ơn ông Piôtr Mikhailuts đi: ông nhận chu cấp cho cháu, đưa cháu về Pêtecxbua".

Andriusa đứng lặng đi vì bất ngờ. "Anh hãy nói với tôi một cách thành thực đi - ông Bênêvôlenxki lên tiếng, giọng đầy vẻ trang nghiêm và độ lượng - anh có muốn trở thành họa sĩ không, anh bạn trẻ, anh có cảm thấy thiên chức cao cả của anh là phụng sự nghệ thuật không?" - "Cháu muốn làm họa sĩ, bác Piôtr Mikhailuts ạ" - Andriusa run run đáp. - "Nếu vậy thì tôi rất sung sướng - ông Bênêvôlenxki nói tiếp - Cố nhiên anh sẽ đau lòng vì phải chia tay với bà bác đáng kính của anh; hẳn là anh hết sức biết ơn bác anh" - "Cháu tôn sùng bác cháu - Andriusa ngắt lời ông ta và chớp chớp mắt. "Cố nhiên, cố nhiên, điều đó rất dễ hiểu và đem lại nhiều vinh dự cho anh; nhưng anh hãy tưởng tượng xem, rồi đây những thành công của anh sẽ làm cho bác anh vui sướng biết chừng nào..." - "Hãy ôm hôn bác đi, Andriusa" - bà địa chủ tốt, bụng nói lí nhí. Andriusa ôm chầm lấy cổ bác. "Nào, bây giờ thì cảm ơn ân nhân của cháu đi...". Andriusa ôm lấy bụng ông Bênêvôlenxki nhón chân lên và cố hôn tay ông ta. Thực ra, vị ân nhân cũng tiếp nhận cái hôn tay ấy, nhưng không vội tiếp nhận ngay... kể cũng nên chiều thằng bé một chút cho nó vui lòng, và tự nuông mình một chút cũng được thôi. Hai ngày sau, ông Bênêvôlenxki đi và đem theo đứa con nuôi mới của mình.

Ba năm đầu sống xa bác, Andriusa viết thư khá đều và đôi khi gửi cả những bức vẽ kèm theo thư. Ông Bênêvôlenxki thỉnh thoảng có viết thêm mấy lời, phần lớn là những lời khen. Rồi thư mỗi ngày một thưa dần, cuối cùng thì bất hẳn. Thằng cháu im hơi lặng tiếng suốt một năm. Tachyana Bôrixôpna bắt đầu lo ngại thì bỗng nhận được lá thư như sau:

"Thưa bác yêu quý!

Piôtr Mikhailuts, người che chở cho cháu, không còn nữa. Bệnh trúng gió tai ác đưa ông về thế giới bên kia đã bốn ngày nay và tước đoạt mất của cháu chỗ dựa cuối cùng. Cố nhiên bây giờ cháu đã hai mươi tuổi rồi. Bảy năm qua, cháu đã đạt được những thành công đáng kể. Cháu hết sức hy vọng vào tài năng của cháu và cháu có thể nhờ nó mà sống được. Cháu không nản lòng, nhưng dù sao, nếu có thể được, để giúp cháu trong bước không may đầu tiên này, xin bác gửi cho cháu hai trăm năm mươi rúp. Cháu hôn tay bác và xin dừng bút".

Tachyana Bôrixôpna gửi cho cháu hai trăm năm mươi rúp. Hai tháng sau, anh ta lại xin tiền.

Bà góp nhặt nốt những khoản tiền cuối cùng và gửi cho cháu. Chưa đầy sáu tuần sau lần gửi tiền thứ hai, anh ta lại xin lần thứ ba, nói là để mua màu vẽ bức chân dung mà nữ công tước Tertêrêsinhêva đặt anh ta làm. Tachyana Bôrixôpna từ chối.

"Tình hình như vậy thì cháu định trở về làng ở với bác để điều dưỡng sức khỏe - Anh ta viết cho bác".

Thực vậy, tháng năm năm ấy, Andriusa trở về Maluiê Bruki.

Thoạt tiên, Tachyana Bôrixôpna không nhận ra anh ta. Theo thư cháu viết, bà chờ một gã trai ốm yếu, gầy gò, nhưng bà lại thấy một chàng trai vai rộng, béo tốt, mặt to và hồng hào, tóc xoăn và mượt. Chú bé Andriusa mảnh dẻ và tái nhợt đã biến thành Andrây Ivanôp Bêlôpdôrôp lực lưỡng.

Không phải chỉ có hình dáng bên ngoài của anh ta đổi khác. Tính bền lễn, thận trọng từng li từng tí và tác phong tề chỉnh của những năm xưa đã nhường chỗ cho thái độ ngang tàng ngạo nghễ và sự cầu thả không thể chịu nổi. Anh ta vừa đi vừa lắc lư bên này bên kia, gieo mình xuống ghế bành, để cả người xuống bàn, nằm vật ra, ngáp rất to. Anh ta cư xử với bác và với mọi người một cách lắc cắc như muốn tỏ ra rằng: "tôi là họa sĩ đấy, tôi là người Côđắc tự do! Bọn nghệ sĩ chúng tôi là thế đấy"! Nhiều khi, hàng bao nhiêu ngày, anh ta không cầm lấy bút vẽ. Khi cái gọi là cảm hứng đến với anh ta, anh ta làm điều làm bộ một cách khó nhọc, vụng về, ậm ỉ như người say rượu. Má anh ta ửng lên một màu đỏ thô lỗ, mắt đục ngầu. Anh ta bắt đầu rêu rao về tài năng của mình, về những thành công của mình, về việc anh ta đang phát triển như thế nào, đang tiến bộ ra sao... Thực ra tài năng của anh ta chỉ vừa đủ để vẽ những bức chân dung tam gọi là coi được. Sự dốt nát của anh ta thì không chề vào đâu được, anh ta không hề đọc gì hết, mà họa sĩ thì đọc sách làm quái gì? Thiên nhiên, tự do, thơ ca, đấy là đất sống của họa sĩ. Họa sĩ thì chỉ có việc khẽ lắc mái tóc xoăn, ca hát như chim họa mi và rít thuốc lá Jukôp thoả thích mà thôi! Tính hiên ngang của người Nga thật là đẹp, nhưng nó chỉ thích hợp với một số ít người. Còn những kẻ xoàng xĩnh, bất tài, kiểu như Pôlêjaep, thì không ai chịu nổi. Andrây Ivanurts của chúng ta ở lì tại nhà bác: hắn là bánh mì không mất tiền mua ăn rất ngon miệng. Anh ta làm cho khách khứa của bà bác bức dọc không để đâu cho hết. Có khi anh ta ngồi trước đàn pianô (ở nhà Tachyana Bôrixôpna cũng có cả pianô) và bắt đầu dùng một ngón tay dò điệu "Cổ xe ngựa ngang tàng"([106]); anh ta lấy hợp âm, nện vào các phím đàn. Suốt mấy giờ liền, anh ta gân cổ đỏ mặt gào lên những bản tình ca của Varlamôp: "Cây thông đơn chiếc", hay "Không, bác sĩ ơi, không, xin đừng tới"([107]) còn mắt anh ta thì húp lên vì béo mỡ, và má thì bóng nhẵn như da mặt trống. .. Có khi anh ta gầm lên như sấm: "Hãy lắng dịu đi, ơi những bản khoản xao xuyến của tình yêu..."([108]) Và Tachyana Bôrixôpna giật thót lên.

- Kỳ lạ thật - Có lần bà ta nói với tôi - Ngày nay người ta toàn làm những bài ca như thế, những bài ca điên rồ. Thời tôi còn trẻ trung, người ta sáng tác khác hẳn: có cả những bài hát buồn, nhưng nghe vẫn hay... Chẳng hạn:

Anh hãy ra đường này với em,

Nơi em cứ đợi hoài đợi mãi;

Anh hãy ra đồng nội với em

Nơi lệ em ròng ròng tuôn chảy...

Chao ơi khi nào anh ra tới,

Thì anh yêu, lại sẽ chậm rồi!

Tachyana Bôrixôpna mỉm cười ranh mãnh.

"Tôi đau khô-ô-ổ", tôi khô-ổ đau - Người cháu rú lên ở phòng bên cạnh.

- Thôi đi, Andriusa ạ.

"Sống chia ly lòng héo dạ sầu" - chàng ca sĩ om sòm vẫn tiếp tục hát.

Tachyana Bôrixôpna lắc đầu.

- Ôi, tôi cũng đến chết với những ông hoạ sĩ ấy thôi!

Từ bấy đến nay đã được một năm. Bêlôpdôrôp vẫn ở nhà bác và vẫn định đi Pêtecxbua. Trong thời gian sống ở làng, anh ta đã béo phì thêm ra, trái với ý muốn của mình. Một điều không ai ngờ là bà bác lại quý mến anh ta rất mực, còn các cô gái quanh vùng thì mê anh ta...

Nhiều người quen trước kia của Tachyana Bôrixôpna không đến thăm bà nữa.

CÁI CHẾT

Tôi có một người láng giềng là chủ gia đình trẻ tuổi và là người đi săn trẻ tuổi. Một buổi sáng tháng bảy đẹp trời, tôi cưỡi ngựa đến ông ta và rủ ông ta cùng đi săn gà rừng. Ông ta đồng ý. "Nhưng chúng ta sẽ đến Zusa, qua những khu khai khẩn nhỏ của tôi. Nhân tiện tôi sẽ xem xét Tsaplughinô: "ông biết khu rừng sồi của tôi chứ? Ở đây tôi đang cho đốn cây lấy gỗ". - "Vâng, thì đi". Ông ta bảo thẳng ngựa, mặc chiếc áo dài màu lục có cúc đồng in hình đầu lợn lòi, đeo cái túi đi săn thêu sồi len thô và cái bình nước bằng bạc, khoác khẩu súng mới của Pháp lên vai, quay đi quay lại trước gương với vẻ thích thú và gọi con chó Expêrăngxơ([109]) của mình (con chó này do bà chị họ tặng ông, bà ta là một bà gái già có tấm lòng rất đáng quý nhưng trên đầu lại không có tóc). Ông ta đem theo viên *dêxiatxki* ([110]) tên là Arkhip, người này là một nông dân béo lùn, mặt vuông, gò má cao, và một viên quản lý mới thuê, người vùng Ban tích, đây là một thanh niên trạc mười chín tuổi, gầy, tóc vàng nhạt mắt cận, vai trể, cổ dài, tên là Gôtliba fôn der Cốc.

Chính người bạn láng giềng của tôi cũng mới có tài sản cách đây ít lâu. Ông ta được thừa hưởng gia tài của bà thím là Kardôn Katarêva, vợ một viên tham sự hàm ngũ phẩm. Bà này người to béo lạ thường, ngay khi nằm trong giường cũng vẫn cứ thở dốc lên từng hồi dài nghe đến thảm thiết.

Chúng tôi vào "khu khai khẩn nhỏ". "Các ông chờ tôi ở khoảnh rừng thừa này" - Arđaliôn Mikhailuts (người bạn láng giềng của tôi) nói với những người cùng đi. Anh chàng người Đức cúi chào, xuống ngựa, lấy trong túi ra một quyển sách nhỏ, hình như là tiểu thuyết của *Jôhăng Sôpenhaoo* ([111]), và ngồi xuống dưới một bụi cây. Arkhip vẫn phoi mình ngoài nắng và suốt một giờ không nhúc nhích. Hai chúng tôi đi vòng quanh các bụi cây và không tìm thấy một ổ gà rừng nào cả. Arđaliôn Mikhailuts tuyên bố rằng ông ta định vào rừng.

Ngày hôm ấy, không hiểu sao chính tôi cũng không tin vào kết quả cuộc đi săn: tôi lẽo đẽo theo sau ông ta. Chúng tôi trở lại quăng rừng thừa. Người Đức đánh dấu trang sách, đứng lên, bỏ quyển sách vào túi và trèo lên lưng con ngựa cái hạng bét đuôi cộc của mình và cũng phải khó khăn mới trèo lên được vì con ngựa này, hễ cứ hơi chạm đến nó là nó lại hí ầm lên và đá hậu. Arkhip giật mình bưng tỉnh, giật cả hai nhánh dây cương cùng một lúc, đu đưa hai chân bên sườn ngựa và cuối cùng đã bắt được con ngựa đang bàng hoàng và gần như muốn khụy dưới sức nặng của ông ta phải cất bước. Chúng tôi đi.

Tôi quen thuộc khu rừng của Arđaliôn Mikhaluts từ thuở ấu thơ. Cùng với ông gia sư người Pháp, Mr. Désiré Fleury, một người hết sức tốt (nhưng suýt nữa đã phá hoại vĩnh viễn sức khỏe của tôi vì tối nào cũng bắt tôi uống thuốc Loroa), tôi thường đến Tsaplughinô luôn. Cả rừng gồm hai ba trăm cây sồi và cây tần bì khổng lồ. Những thân cây thẳng tắp, hùng vĩ nổi bật lên một màu đen trang nghiêm trên cái nền xanh, trong ánh sáng của những cây hồ đào và thanh lương trà. Chúng vươn lên cao vút, dáng hình cân đối, nổi rõ trên nền trời xanh tươi sáng và xoè những cành to ngoằn ngoèo về mọi phía, làm thành một cái lều tròn lơ lửng giữa trời. Điều hâu, chim ưng, vọ vừa rít lên vừa bay lượn trên những ngọn cây im lìm, những con gõ kiến sặc sỡ gõ côm cốp vào vỏ cây dày. Điều hót du dương của chú sáo đen bắt ngò vang lên trong tầm lá rậm tiếp theo tiếng hót uyển chuyển của ả vàng anh. Phía dưới, trong các bụi cây, chim sâu, chim yến, chim bông lau ríu rít hát ca. Những con mai hoa nhanh nhẩu chạy trên những con đường nhỏ. Một chú thỏ rừng lông trắng len lén men theo bìa rừng, thận trọng nhảy "cà nhắc".

Một chú sóc lông đỏ nâu thoăn thoắt nhảy từ cây nọ sang cây kia và bỗng nhiên dừng lại, dựng cao đuôi trên đầu. Trong cỏ, gần những tổ kiến treo cao, dưới bóng râm nhạt màu của những lá dương xỉ có rặng cửa xinh đẹp, cửa đồng thảo và lan chuông nở hoa, nhiều loại nấm ăn được và nấm độc trắng, đỏ, vàng nâu đua nhau mọc lên. Dâu rừng khoe màu đỏ thắm trên các bãi cỏ giữa những bụi cây rộng lớn... Còn bóng rợp trong rừng mới tuyệt làm sao! Đang giữa trưa nắng rực mà trong rừng là đêm thực sự: yên tĩnh, mùi hương rừng, không khí tươi mát... Tôi đã từng sống những giờ phút vui vẻ ở Tsaplughinô, vì vậy bây giờ vào khu rừng quá quen thuộc đối với mình, thú thực là tôi không khỏi cảm thấy buồn rầu. Mùa đông ác hại, không có tuyết của năm 40 không hề thương tiếc những người bạn cũ của tôi: những cây sồi và những cây tần bì. Giờ đây chúng khô héo trơ trụi, duy có đôi chỗ còn giữ lại được một màu xanh ồm yếu. Chúng cúi đầu buồn rầu, từ trên đỉnh cao vút nhìn xuống khoảng rừng non "kế nghiệp chúng, nhưng không thay thế được chúng" ([112]). Một số cây vẫn còn lá ở phía dưới, chúng giờ những cành gầy đã hết sức sống lên trời, như trách móc và bày tỏ nỗi thất vọng. Ở một số cây khác, từ đám lá : còn khá rậm, tuy không sum suê như trước, có những cành chết khô, to giập thòi ra. Một số cây đã bong vỏ. Cuối cùng, có những cây đã đổ và mục ruỗng như những xác chết trên mặt đất. Ai có thể thấy được rằng rồi đây sẽ không thể tìm được bóng rợp rừng Tsaplughinô?! Nhìn những cây đang chết dần này, tôi tự hỏi: các người cảm thấy thế nào, có lẽ các người hồ thẹn và đau xót chăng? ...Tôi sức nhớ đến thơ của Kôntsôp:

Lời lẽ cao cả,

Sức mạnh uy hùng

Biến đâu rồi nhỉ

Đâu chí dũng vua?

Khí hùng cây lá

Nay đâu rồi cả?

- Thế là thế nào, Ai đaliôn Mikhaluts? - Tôi hỏi sao người ta không đốn những cây này từ năm 41? Bây giờ thì không được giá bằng một phần mười trước kia.

Ông ta chỉ nhún vai.

- Hỏi bà thím tôi thì hơn. Những người buôn đã đem tiền đến, nần nì mãi cơ đấy.

- *Mein Gott! Mein Gott* – fon der Côc hầu như cứ đi một bước lại kêu lên – *Tếc thật! Tếc thật* –

- *Tếc cái gì kia?* - Người bạn láng giềng của tôi nói.

- Nghĩa là đáng *têc* quá, tôi muốn nói như thế.

Anh ta tiếc nhất là những cây sồi nằm trên mặt đất. Thật vậy, người chủ cối xay có thể mua những cây đó với giá cao. Đêxiatxki Arkhip thì hoàn toàn thản nhiên và không buồn phiền chút nào. Trái lại, thậm chí ông ta có vẻ thích thú nhảy qua những cây bị hạ và quất roi vào chúng.

Chúng tôi len lỏi đi về chỗ đốn cây; bỗng nhiên, tiếp theo tiếng đổ rầm rầm của cái cây bị hạ, có một tiếng kêu thét vang lên và tiếng người nói lao xao. Lát sau, một nông dân trẻ tuổi, mặt tái mét đầu tóc rối bù từ trong rừng lao ra, chạy về phía chúng tôi.

- Gì thế? Chạy đi đâu? - Ardaliôn Mikhailuts hỏi.

Anh ta lập tức dừng lại.

- A, thưa ông Ardaliôn Mikhailuts, tai họa rồi!

- Cái gì?

- Thưa ông, Măcxim bị cây đè.

- Sao lại thế? Cai thầu Măcxim ấy à?

- Ông cai thầu, thưa ông. Chúng tôi đổ cây tần bì, còn ông ta đứng xem...ông ta đứng xem mãi, rồi ra giếng lấy nước: ông ta muốn uống nước. Bỗng nhiên, cây tần bì gãy rãng rắc và đổ thẳng vào ông ta. Chúng tôi hét gọi ông ta: chạy đi, chạy đi, chạy đi... Lẽ ra ông ta nên nhảy sang bên, đằng này ông ta lại chạy thẳng... chắc là ông ta hoảng. Cây tần bì đè những cành trên cùng lên ông ta. Còn tại sao nó đổ nhanh như thế thì có trời biết. Chắc là lõi bị mục ruỗng.

- Thế là Măcxim bị tai nạn giết chết rồi à?

- Chết vì tai nạn thưa ông.

- Chết hẳn chưa?

- Không, thưa ông, vẫn còn sống, nhưng tay chân bị dập gãy. Con chạy đi tìm thầy lang Xêlivertus.

Ardaliôn Mikhailuts bảo viên *đêxiatxki* phóng ngựa về làng tìm Xêlivertus, còn ông ta thì phi nước kiệu lớn về chỗ đổ cây...Tôi phóng ngựa theo ông ta.

Chúng tôi thấy anh chàng Măcxim đáng thương nằm trên mặt đất. Chừng mười người nông dân đứng quanh anh ta. Chúng tôi xuống ngựa. Anh ta hầu như không rên, chỉ thỉnh thoảng mở to mắt, nhìn xung quanh như có vẻ ngạc nhiên và cần cập môi thâm tím... Cầm anh ta run run, tóc bết vào trán, ngực phập phồng không đều: anh ta sắp tắt thở. Bóng râm mờ nhạt của cây bồ đề non lay động trên mặt anh ta.

Chúng tôi cúi xuống gần anh ta. Anh ta nhận ra Ardaliôn Mikhailuts.

- Thưa ông - anh ta nói lí nhí - xin ông cho người đi tìm ...cha đạo...Chúa trời ...trừng phạt tôi ...chân, tay...dập gãy hết...hôm nay...ngày chủ nhật...mà tôi...tôi đây...tôi không cho mọi người nghỉ.

Anh ta im lặng một lát. Hơi thở tắc lại.

- Còn tiền của tôi... đưa cho vợ tôi... cho vợ tôi...trừ đi những khoản...có Ônhixim biết đấy...tôi nợ những ai.

- Chúng tôi đã cho đi gọi thầy thuốc, Măcxim ạ - Người bạn láng giềng của tôi nói - Có lẽ anh chưa đến nỗi phải chết đâu.

Anh ta toan mở mắt ra, và gắng gượng nhướn cao lông mày mi mắt.

- Không, tôi chết mất. Đây kìa...nó đang đến, nó đấy...Các bạn ơi, thứ lỗi cho tôi, nếu có điều gì...

- Chúa sẽ tha lỗi cho anh, Măcxim Andrêits - Những người nông dân đồng thanh lên tiếng,

giọng trầm trầm, và bỏ mũ. - Anh thứ lỗi cho chúng tôi.

Anh ta bỗng lắc mạnh đầu một cách tuyệt vọng, ưỡn ngực lên với vẻ buồn rầu và lại hạ mình xuống.

- Nhưng không thể để anh ta chết ở đây được - Ardaliôn Mikhailuts kêu lên - Nào, chạy ra xe lấy cái chiếu vào đây, chúng ta sẽ đưa anh ta vào nhà thương.

Hai người chạy vội về chiếc xe tải.

Hôm qua... tôi đã mua... của Êfim... ở Xurtsôpxki... - Người sắp chết lấp bắp - ... con ngựa...đã đặt trước tiền...- con ngựa của tôi....cho vợ tôi...cũng...

Anh ta được đặt lên chiếu...Toàn thân anh ta run bật lên như con chim trúng đạn và ưỡn thẳng ra.

- Tắt thở rồi - Những người nông dân lẩm bẩm.

Chúng tôi lẳng lẳng lên ngựa và đi.

Cái chết của Măcxim đáng thương khiến tôi phải suy nghĩ. Người nông dân Nga chết thật kỳ lạ! Trang thái của người đó trước khi qua đời không thể gọi là dừng dưng hay ngây dại. Người đó chết như đang làm một nghi lễ: lạnh lùng và giản đơn.

Mấy năm trước, ở một làng lân cận khác, có một người nông dân chết cháy trong nhà sấy lúa bó. (Đáng lẽ anh ta cứ nằm chết trong nhà sấy, nhưng một người tiểu thị dân đi qua đã lôi được anh ta ra, khi ấy anh ta cũng đã gần chết. Người qua đường kia đâm mình vào một thùng nước, rồi lấy đà chạy, xô bật tung cánh cửa dưới cái mái hiên đang cháy bùng bùng). Tôi vào nhà người nông dân. Trong nhà tối tăm, bí hơi, khói. Tôi hỏi: người bị nạn nằm đâu; "Ở kia, thưa ông, trên bệ bếp lò" - người đàn bà vẻ mặt đau đớn trả lời tôi với giọng du dương như hát. Tôi đến gần. Gã *mujich* nằm đắp tấm áo khoác lông cừu, thở nặng nhọc. "Thế nào, anh cảm thấy trong người ra sao?" Người ốm cựa quậy trên bếp lò, muốn nhóm dậy, nhưng khắp người đầy thương tích: anh ta sắp nộp mình cho thần chết. "Cứ nằm, cứ nằm, cứ nằm... Thế nào, sức khỏe anh ra sao?" - "Yếu lắm, ông thấy đấy" - anh ta nói. "Đau lắm không?". Anh ta không nói gì. "Anh có muốn uống trà không?" - "Không cần". Tôi lùi ra xa, ngồi xuống chiếc ghế dài. Tôi ngồi mười lăm phút, nửa tiếng: trong nhà im ắng như có tang. Một con bé trạc năm tuổi náu trong góc nhà, sau cái bàn, dưới những ảnh thánh, ăn bánh mì. Bà mẹ thỉnh thoảng lại đe nó. Ở phòng ngoài, người đi lại gõ cửa, nói chuyện; người em dâu bấm bấm cái. "Này, Acxinhya!" Cuối cùng, người bị nạn thốt lên. "Gì cơ?" - "Cho tôi nước kvax" Acxinhya đem nước kvax cho anh ta. Lại im lặng. Tôi thì thầm hỏi: "Làm lễ ban thánh thể cho anh chưa?" - "Làm rồi ạ". Như vậy là đầu vào đây cả; người này đang chờ chết, có thể thôi. Tôi không chịu được và đi ra...

Ngoài ra, tôi còn nhớ, có lần tôi tạt vào nhà thương làng Kraxnôgôriê, thăm anh y tá Kapitôn, một người ham mê săn bắn mà tôi quen.

Bệnh xá này đặt ở một gian đầu chái của căn nhà trước kia của địa chủ. Chính bà địa chủ đã tổ chức bệnh xá này, nghĩa là bà đã ra lệnh đóng lên trên cửa một tấm biển xanh đề chữ trắng: "Bệnh xá Kraxnôgôriê", và chính tay bà trao cho Kapitôn một quyển sổ bìa cứng rất đẹp để ghi tên những người bệnh. Trên tờ đầu của quyển sổ ấy một trong những kẻ ăn nhờ và là thủ hạ của bà địa chủ nhân đức đã viết những vần thơ sau:

Dans ces beaux lieux, où règne l'allégresse, Ce temple fut ouvert par la beauté;

De vos seigneurs admirez par la tendresse

Bons habitants de Ksasnogorié ([113])

Và một ông khác viết thêm ở dưới:

Et moi aussi, J'aime la nature!

Jean Kobylatnikoff ([114])

Ông y sĩ bỏ tiền túi ra sắm sáu cái giường và cầu Chúa ban ơn lành, bắt đầu chữa bệnh cho con dân của Chúa. Ngoài ông ta, trong nhà thương còn hai người nữa: anh thợ khắc gỗ Paven đã gần hóa điên và người đàn bà có tật một tay, tên là Mêlikitrix, làm công việc nấu bếp. Cả hai người này chế thuốc, phơi lá thuốc và sắc thuốc. Chính họ cũng kìm giữ những người bệnh lên cơn sốt quá cao, hay phá phách. Người thợ khắc điên đại lúc nào cũng có vẻ cau có và ít lời. Đêm đêm, anh ta hát bài "Thần Vệ nữ mỹ lệ" và thấy người nào đi qua, anh ta cũng đến gần cầu xin người đó cho phép cưới cô gái Malanhya nào đó đã qua đời từ lâu. Người đàn bà có tật một tay đánh anh ta và bắt anh ta phải chặn những con gà tây. Có một lần, tôi ngồi chơi ở chỗ anh y sĩ Kapitôn. Chúng tôi vừa bắt đầu nói chuyện về chuyến đi săn gần đây nhất của chúng tôi thì bỗng nhiên, một chiếc xe trắng con ngựa béo lạ thường đi vào sân (chỉ có người chủ cối xay bột mới có thể có ngựa béo như thế). Ngồi trong xe là một nông dân mập mạp, mặc chiếc *armiak* mới, có bộ râu cằm nhiều màu. "A, Vaxili Đmitorits" - Kapitôn gọi to qua cửa sổ "mời ông vào chơi" ... "ông chủ cối xay bột ở Lurbôpsinxki" - Anh ta nói nhỏ với tôi. Người nông dân thở ậm ạch, trèo ra khỏi xe, đi vào văn phòng anh y sĩ, đưa mắt tìm ảnh thánh và làm dấu chữ thập. "Thế nào, Vaxili Đmitorits, có gì mới lạ không? Có lẽ ông không được khỏe lắm thì phải: mặt nom kém sắc". "Đúng đấy, Kapitôn Timôfêits ạ, trong người tôi nó làm sao ấy. Mới đây, tôi mua một cỗ thớt cối xay ở thành phố, tôi cho lên xe chở về nhà, và tôi cố chuyển chúng xuống sân, có lẽ tôi đã gắng sức quá nhiều, trong bụng tôi không hiểu sao cứ ợ hơi lên, như có cái gì nứt vỡ... thế là từ hôm ấy đến nay, người cử không khỏe. Hôm nay lại đặc biệt khó chịu" - "Hừm, - Kapitôn thốt lên và hít thuốc lá - Vậy là bệnh thoát vị trong bụng. Chứng bệnh đó xảy ra đã lâu chưa?" - "Hôm nay là ngày thứ mười rồi" - "Ngày thứ mười à?" (Anh y sĩ hít không khí qua kẽ răng và lắc đầu). Cho tôi nắn bụng ông xem nào. Ông Vaxili Đmitorits ạ - Cuối cùng anh ta thốt lên - Tôi tiếc cho ông, ông thật là người tốt, vậy mà lại gặp chuyện không hay; ông mắc bệnh trầm trọng đấy; ở lại đây với tôi. Tôi sẽ gắng hết sức nhưng không dám bảo đảm gì hết!" - "Nguy ngập đến thế kia à?" - người chủ nhà xay ngạc nhiên, lẩm bẩm. - "Đúng thế, ông Vaxili Đmitorits ạ, nguy đấy. Nếu ông đến tôi sớm hơn hai ngày thì không hề gì, chữa dễ như bỡn còn bây giờ thì trong bụng ông có bộ phận gì bị viêm; chưa biết chừng là hoại thư cũng nên" - "Không thể thế được, Kapitôn Timôfêits ạ" - "Thì tôi đã bảo ông thế mà" - "Nhưng sao lại thế được!" (Y sĩ nhún vai). - "Tôi lại phải chết vì cái bệnh vớ vẩn ấy ư?!" - "Tôi không nói như vậy, nhưng ông nên ở lại đây". Người nông dân nghĩ ngợi mãi, nhìn sàn, rồi nhìn chúng tôi, gãi gáy và cầm lấy mũ. "Ông đi đâu, Vaxili Đmitorits?" - "Đi đâu à? Bệnh tình nguy như thế thì về nhà chứ còn đi đâu nữa? Cần thu xếp công việc, nếu sự tình đã đến nước như thế" - "Ông sẽ làm hại ông đấy, Vaxili Đmitorits ạ. Tôi cũng ngạc nhiên không hiểu sao ông còn đến được đây. Ở lại đi" - "Không, anh bạn Kapitôn Timôfêits ạ, nếu phải chết thì chết ở nhà thôi. Chứ nếu tôi chết ở đây thì có trời biết ở nhà sẽ xảy ra những chuyện gì? - "Chưa thể biết chắc là bệnh tình sẽ xoay chuyển thế nào, Vaxili Đmitorits ạ... Cố nhiên là nguy hiểm, rất nguy hiểm, không còn phải bàn gì nữa... Chính vì thế ông nên ở lại (Người nông dân lắc đầu). "Không, Kapitôn Timôfêits ạ, tôi không ở lại đâu... nhưng anh kê cho tôi một đơn thuốc thì có" - "Chỉ riêng thuốc thôi thì không ăn thua đâu" - "Tôi đã bảo là tôi không ở lại đâu mà" - "Thôi thì tùy ông...nhưng sau đừng có trách".

Y sĩ xé một tờ giấy trong quyển sổ, kê đơn thuốc, rồi khuyên nên làm những gì. Người nông dân cầm tờ giấy, đưa cho Kapitôn đồng năm mươi cô pếch, rồi đi ra và lên xe. "Thôi, vĩnh biệt, Kapitôn Timôfêits, đừng nghĩ không tốt về tôi, và đừng quên những đứa bé mồ côi, nếu chẳng may..." - "Này, dừng lại, Vaxilit". Người nông dân chỉ lắc đầu, dùng dây cương quất ngựa và

đánh xe ra khỏi sân. Tôi ra đường và nhìn theo ông ta. Đường lầy lội và nhiều ổ gà. Người chủ nhà xay cho xe đi một cách thận trọng, thông thả, khéo léo điều khiển ngựa và cúi chào những người gặp trên đường.

Sang ngày thứ tư, ông ta chết.

Nói chung, người Nga có thái độ kỳ lạ đối với cái chết của mình. Giờ đây, hình ảnh của nhiều người quen đã qua đời lại hiện lên trong ký ức tôi.

Tôi nhớ đến một người bạn cũ của tôi, anh sinh viên học hành dở dang Avênir Xôrôkôumôp, một con người tuyệt diệu, cao quý vô ngần. Tôi lại thấy khuôn mặt xanh lợt vì ốm lao của anh, mái tóc thừa màu hung nhạt của anh, nụ cười hiền lành của anh, cái nhìn phần chần của anh, đôi tay dài của anh. Tôi nghe thấy giọng nói yếu ớt, dịu dàng của anh. Anh ở nhà một địa chủ người Đại Nga tên là Gur Kuprianhikôp, dạy hai con ông ta là Fôfa và Zêzya. Anh dạy chúng tiếng Nga, địa lý và lịch sử, kiên nhẫn chịu đựng những câu đùa khó chịu của Gur, những lời khen thô lỗ của viên quản gia, những trò tinh nghịch đều cáng của những thằng bé độc ác. Bà chủ ngồi buồn sinh nhiều sự, hay đòi hỏi nợ kia, anh cũng chiều theo những yêu sách đồng đánh của bà ta, miệng cười chua xót, song không hề phàn nàn. Nhưng tối đến, sau bữa ăn, khi đã hết mọi nhiệm vụ và công việc, anh hưởng cái thú nghỉ ngơi mới khoan khoái làm sao: anh ngồi trước cửa sổ, trầm ngâm hút ống điếu hay thèm thường giở những trang của một tạp chí dày nhàu nát và nhem nhuốc mà một người thợ đo đất cũng bơ vơ cùng khổ như anh đã đem ở thành phố về. Khi ấy, bất cứ bài thơ hay thiên truyện nào cũng làm anh vui thích, các tác phẩm ấy làm anh ứa nước mắt mới dễ dàng làm sao, anh cười mới thích thú làm sao, tâm hồn trong trắng như trẻ thơ của anh chứa chan lòng yêu mến thành thực đối với mọi người, tâm hồn anh tràn ngập mỗi đồng tình cao quý với tất cả những gì nhân hậu và đẹp đẽ ở trên đời! Phải nói thực là anh không sắc sảo gì cho lắm; thiên nhiên không phú cho anh trí nhớ tốt hay tính chuyên cần. Ở trường đại học, anh bị coi là một trong những sinh viên kém nhất. Anh hay ngủ gật trong các giờ giảng bài; trong các kỳ thi, anh thường im lặng với vẻ trang nghiêm. Nhưng ai là người đã sáng ngời đôi mắt khi thấy bạn đạt kết quả tốt, ai là người đã sung sướng đến nghẹn thở khi thấy bạn thành công? Đấy là Avênir. Ai là người thường tin tưởng một cách mù quáng vào thiên chức cao cả của các bạn mình, ai thường tán dương họ với vẻ tự hào, thường bảo vệ họ một cách hăm hở? Ai là người không hề biết ghen tị, tự ái, ai là người hy sinh thân mình không hề tính toán, ai là người sẵn lòng phục tùng những người không đáng cời dây giầy cho mình? Vẫn là anh, vẫn là anh thôi, Avênir tốt bụng của chúng tôi! Tôi nhớ: anh đã từ biệt bạn bè để đi làm gia sư, lòng buồn rười rượi: Những linh cảm tai ác hành hạ anh...Đúng thế, về nông thôn, anh sống thật buồn chán. Ở làng quê, chẳng có ai khiến anh phải lắng nghe một cách sùng kính, chẳng có ai khiến anh phải ngạc nhiên, chẳng có ai để mà yêu mến... Những người thảo nguyên và những địa chủ có học chỉ coi anh là một anh giáo viên quèn: có những người đối xử với anh một cách thô lỗ, những người khác thì dửng dưng. Và chẳng, anh cũng không bắc bậc làm cao, anh thường rút rè, đỏ mặt, toát mồ hôi, ấp úng...Không khí vùng quê cũng không lấy lại được sức khỏe cho anh: anh hao mòn đi như cây nến, tội nghiệp! Thực ra, căn phòng nhỏ của anh trông ra vườn; anh đào, tảo, bồ đề rắc những bông hoa nhẹ xuống bàn, xuống lọ mực và những cuốn sách của anh; trên tường có treo cái túi nhỏ bằng lụa màu thanh thiên để đựng đồng hồ, đó là món quà mà chị gia sư người Đức tốt bụng, nhạy cảm, có mái tóc xoăn màu vàng nhạt và cặp mắt xanh lơ đã tặng anh trong lúc tiễn biệt; đôi khi một người bạn cũ từ Matxcova ghé thăm anh và làm cho anh vui sướng vì những vần thơ của người khác hay thậm chí vì thơ của chính người đó. Nhưng, sự cô độc, tình trạng nô lệ không thể chịu nổi của cái thân phận gõ đầu trẻ, sự bế tắc không lối thoát, những mùa thu và mùa đông bất tận, bệnh tật dai dẳng... khổ thân Avênia, đáng thương thay!

Tôi đến thăm Xôrôkôumôp trước khi anh mất ít lâu. Anh đã gần như không thể đi được nữa. Địa chủ Gur Kuprianhikôp không đuổi anh ra khỏi nhà, nhưng không cấp lương cho anh nữa và đã thuê một ông giáo khác dạy Ziôzia... Fôfa được lấy vào trường thiếu sinh quân. Avênir thường ngồi cạnh cửa sổ, trong một chiếc ghế bành lưng cao.

Thời tiết thật là tuyệt diệu. Bầu trời thu sáng sủa ngời lên một màu xanh tươi vui phía trên hàng cây bồ đề nâu thẫm đã trụi hết lá. Đất thẫm lạnh lâu ngày bắt đầu đổ mồ hôi và tan băng giá dưới ánh mặt trời. Những tia nắng xiên xiên, hồng thắm xuyên qua lớp cỏ nhợt nhạt. Trong không khí, ta cảm thấy như có tiếng lách tách khe khẽ. Tiếng nói của những người làm vang lên rõ mồn một trong vườn. Avênir mặc chiếc áo choàng ở nhà kiểu Bukhar; chiếc khăn quàng màu lá mạ làm cho khuôn mặt gầy kinh khủng của anh có sắc xanh nhợt của xác chết. Anh hết sức vui sướng khi thấy tôi, anh đưa tay ra và vừa nói vừa bắt đầu ho. Để cho anh yên tâm, tôi ngồi lại gần anh... Trên đùi Avênir có quyển vở chép thơ của Kôntxôp, chữ viết rất nắn nót. Anh mỉm cười vỗ tay vào quyển vở.

"Đây mới là nhà thơ" - Anh nói lấp bắp, gắng nén cơn ho, và cất giọng ngâm rất khẽ:

Ấy bởi chim ưng

Cánh đà bi trôi

Hay tại đường bay

Bị ngăn hết lối.

Tôi ngăn anh lại: thầy thuốc cấm anh nói chuyện. Tôi biết cách làm cho anh vui lòng.

Xô-rô-kô-môp không bao giờ "theo dõi" khoa học - như người ta thường nói, nhưng anh tò mò muốn biết những trí tuệ vĩ đại bây giờ đã đi đến đâu. Đôi khi anh tóm được một người bạn, lôi riêng ra một chỗ và bắt đầu hỏi chuyện: anh nghe, ngạc nhiên, tin từng lời người đó, rồi sau anh thường nhắc lại những lời người đó nói. Triết học Đức có sức hấp dẫn đặc biệt đối với anh. Tôi bắt đầu nói với anh về Hêghen (bạn đọc chắc cũng thấy rằng đây là chuyện đã thuộc về dĩ vãng xa xăm rồi ^[115]). Avênir gật gù, nhướn cao lông mày, mỉm cười, thì thầm: "Tôi hiểu, tôi hiểu! ...A! Hay quá! Hay quá! ..." Thú thực là tính hiếu kỳ trẻ con của một người khốn khổ, bơ vơ, bị ruồng bỏ sắp chết làm tôi cảm động đến ứa nước mắt. Cần phải nói rõ rằng trái với tất cả những người mắc bệnh lao, Avênir không tự dối mình. Về bệnh tình của mình ...Vậy thì thế nào? Anh không thờ dài, không phiền muộn, thậm chí không lần nào ám chỉ đến tình trạng của mình...

Thu hết sức lực, anh bắt đầu nói về Matxcova, về các bạn, về Puskin, về sân khấu, về văn học Nga; anh nhớ đến những bữa liên hoan của chúng tôi, những cuộc tranh cãi sôi nổi trong nhóm chúng tôi, anh nhắc đến bên hai ba người bạn đã mất với vẻ luyến tiếc. . .

- Anh nhớ Đasa chứ? - Cuối cùng, anh hỏi thêm - Một tâm hồn vàng ngọc! Một trái tim nồng nhiệt! Và cô ấy yêu tôi thắm thiết làm sao! ... Bây giờ cô ấy thế nào rồi? Có lẽ cô ấy đã héo mòn, suy kiệt đi rồi, tội nghiệp cô bé.

Tôi không dám làm người ồm thất vọng. Thật vậy, anh cần gì phải biết rằng Đasa của anh bây giờ đã béo xồ ra, thường đi lại với bọn thương nhân với anh em Kônđaskôp, cô ta luôn luôn tô son điểm phấn, giọng nói chua như mẻ và hay chửi mắng.

Nhưng, nhìn khuôn mặt gầy vồ của anh, tôi nghĩ xem có cách nào đưa anh ra khỏi đây không? Có lẽ vẫn còn chữa chạy được cho anh... Nhưng Avênir không để tôi nói nốt ý định của tôi...

- Không, anh ạ, cảm ơn anh - Anh nói - ở đâu thì tôi cũng chết thôi. Tôi không thể sống nổi đến mùa đông đâu... Vậy thì quấy quả mọi người làm gì. Tôi đã quen với cái nhà này rồi. Thực ra thì các ông chủ ở đây...

- Họ ác lắm phải không? - Tôi tiếp lời.

- Không, không phải là ác: họ là những khúc gỗ thực sự. Tuy nhiên, tôi không thể than phiền về họ. Quanh đây còn có những người khác: ông Kaxatkin có một cô con gái có học thức, nhã nhặn, hết sức tốt...không kiêu kỳ. . .

Xôrôkôumôp lại ho.

- Mọi việc đều sẽ không có gì đáng ngại - Anh nghỉ một lát rồi nói tiếp - Nếu như họ cho phép tôi hút một tẩu thuốc! - Anh nháy mắt một cách ranh mãnh, nói thêm - Cám ơn Chúa, tôi sống như thế là đủ rồi, tôi đã quen biết những người tốt...

- Nhưng anh cũng nên viết thư cho người nhà chứ - Tôi ngắt lời anh.

- Viết thư cho người nhà làm gì? Giúp tôi thì họ không thể giúp được gì. Khi nào tôi chết, họ sẽ biết tin. Nhưng thôi, nói chuyện đó làm gì... Tốt hơn hết là anh hãy kể cho tôi nghe anh đã thấy gì ở nước ngoài?

Tôi bắt đầu kể. Anh nhìn như muốn nuốt lấy tôi. Đến chiều tôi đi. Mười ngày sau, tôi nhận được lá thư như sau của ông Krupianhikôp:

"Thưa ngài, Xin trân trọng báo để ngài rõ là người bạn của ngài, ông sinh viên Avênir Xôrôkôumôp, ngụ tại nhà tôi, đã từ trần ngày mùng bốn tháng này, hồi hai giờ chiều, và hôm nay, được làm lễ an táng tại nhà thờ xứ của tôi, phí tổn hoàn toàn do tôi cúng đáng. Ông Avênir yêu cầu tôi chuyển cho ngài những sách vở gửi kèm theo đây. Số tiền ông ấy còn để lại là 22 rúp rưỡi, tôi gửi cho thân quyến của ông ấy cùng với những đồ khác. Ông bạn ngài mất trong tình trạng hoàn toàn tỉnh táo, hết sức thản nhiên, không tỏ ra luyến tiếc gì, ngay cả khi gia đình chúng tôi đến vĩnh biệt ông. Vợ tôi, Klêôpatra Alêcxanđrôpna gửi lời chào ngài. Cái chết của ông bạn ngài không thể không ảnh hưởng đến thần kinh của nhà tôi; còn về phần tôi thì ơn nhờ Chúa, tôi vẫn khỏe.

Nay kính thư.

Người môn hạ trung thành của Ngài.

G.Krupianikôp

Còn nhiều dẫn chứng khác chọt đến trong óc tôi nhưng không thể kể ra hết được. Tôi chỉ xin nêu lên một số trường hợp.

Một bà lão địa chủ sắp chết, tôi cũng có mặt tại đó. Giáo sĩ bắt đầu đọc kinh cầu hồn cho bà ta, bỗng nhiên ông ta nhận thấy bà già thực sự đang từ giã cõi đời, và vội đưa cây thập ác cho bà ta. Bà già bực tức né tránh. "Việc gì phải vội, thưa Cha - Bà ta thốt lên, lưỡi đã lú lại - vẫn còn kịp...". Bà ta nằm nghiêng đầu đi, toan thọc tay xuống dưới gối, và bỗng thở hơi cuối cùng. Dưới gối có đồng một rúp: bà ta muốn trả công cho giáo sĩ về việc đọc kinh cầu hồn cho mình. . Đúng, người Nga có thái độ thật kỳ lạ lúc sắp qua đời.

NHỮNG NGƯỜI HÁT HAY

Thôn Kôlôtôpka nhỏ bé trước kia thuộc quyền sở hữu của một bà địa chủ mà người quanh vùng đều gọi bằng cái biệt hiệu là Xtoruganikha ([116]), vì bà ta tính tình táo tợn và nóng nảy (hiện giờ không còn biết tên thực bà ta là gì nữa); ngày nay thôn đó là của một người Đức ở Pêtecxbua mà tôi không rõ là ai. Thôn nằm trên sườn một quả đồi trơ trụi. Một cái khe khủng khiếp xẻ dọc quả đồi suốt từ trên xuống dưới. Khe há hốc miệng như vực thẳm, nhăm nhở và lở lóe, lượn ngoằn ngoèo chính giữa đường thôn, và ngăn cách hai phần của hai thôn nghèo, ngăn cách còn nghiệt ngã hơn cả dòng sông (sông thì ít nhất cũng có thể bắc một chiếc cầu để đi qua được). Mấy cây thụ liễu khẳng khiu mọc trên sườn khe phủ cát, rụt rè men xuống phía dưới. Đáy khe khô và vàng như đồng, ở đó có những tảng đá phấn cực lớn. Cảnh chẳng có gì là vui, điều đó khỏi phải nói, ấy thế mà mọi người quanh vùng đều biết rõ con đường đến Kôlôtôpka: họ thích đến đấy và thường đến luôn.

Ngay từ đầu khe, chừng mấy bước cách chỗ khe bắt đầu bằng một kẽ nứt hẹp, có một căn nhà gỗ nhỏ, vuông vức, tách biệt với các nhà khác. Nhà lợp rạ, có ống khói, một khung cửa sổ độc nhất như một con mắt tinh tường nhìn ra khe. Vào những chiều mùa đông, khi trong nhà sáng ánh đèn, người ta nhìn thấy con mắt này từ xa qua sương giá mờ đục, và đối với nhiều người nông dân, nó nhấp nháy như một ngôi sao chỉ đường. Phía trên cửa sổ ra vào của ngôi nhà có đóng tấm ván màu xanh da trời; nhà này là một quán rượu, tên là quán "Tụ khách". Quán có bán rượu nho, có lẽ không rẻ hơn giá thông thường, nhưng người ta năng đến quán này nhiều hơn hẳn so với các quán khác cùng loại trong vùng. Duyên do là vì ông chủ quán rượu Nikôlai Ivanuts.

Nikôlai Ivanuts trước là một gã trai vóc người cân đối, tóc xoăn, nay là một người đàn ông to béo lạ thường, tóc đã hoa râm, mặt húp lên, mắt nhỏ nom vừa hiền hậu vừa ranh mãnh, trán nung núc những nếp nhăn, chẳng chít những nếp nhăn nhỏ như sợi chỉ. Ông ta ở Kôlôtôpka đã hơn hai mươi năm - Nikôlai Ivanuts là một người tháo vát và nhanh trí, như phần lớn những người chủ quán rượu. Tuy không đặc biệt lịch thiệp và hay nói, nhưng ông ta có tài lôi cuốn khách và giữ khách cho quán của mình: khách cảm thấy vui vẻ khi ngồi trước quầy bán hàng của ông, dưới luồng mắt điềm tĩnh và niềm nở nhưng tinh tường của ông chủ có thái độ phớt đời. Ông ta là người có lương tri; ông rất am hiểu cả lối sống của địa chủ cũng như của nông dân và tiểu thị dân. Khi khách hàng của mình gặp cảnh ngộ khó khăn, ông có thể góp với họ một lời khuyên xác đáng, nhưng vốn là người thận trọng và ích kỷ, ông thích đứng ngoài nhiều hơn, và chỉ bằng cách dùng những lời ám chỉ xa xôi, dường như tình cờ buột miệng thốt ra, ông đưa các khách hàng của mình lên con đường đúng đắn; hơn nữa, ông cũng chỉ làm như thế với những khách hàng mà ông yêu mến. Ông am hiểu tất cả những gì là quan trọng hay thú vị đối với người Nga như: ngựa, gia súc, gỗ làm nhà, gạch, bát đĩa, vải vóc, đồ da, các bài hát và các điệu vũ. Khi cửa hàng không có khách, ông thường ngồi lù lù như một bao bột trên mặt đất trước cửa nhà, đôi chân mảnh khảnh thu gọn dưới người, và ông trao đổi mấy lời dịu dàng với tất cả khách qua đường. Trong đời mình, ông đã được thấy nhiều điều, hàng chục người quý tộc nhỏ hay đến quán mua vodka "tinh chất" thì nay đã qua đời, vậy mà ông vẫn còn sống, ông biết tất cả những việc xảy ra trong vòng trăm dặm xung quanh, nhưng không bao giờ ông bép xép, thậm chí không tỏ ra rằng ông biết cả những điều mà viên cảnh sát sáng suốt nhất cũng không hề ngờ tới, ông cứ lặng thinh như không, thỉnh thoảng cất tiếng cười và khua động những chiếc cốc. Những người xung quanh kính trọng ông: viên quan tam phẩm Siêrêpêtenkô, một địa chủ có chức tước cao nhất hạt, lần nào cũng hạ cố chào ông mỗi khi đi xe qua căn nhà nhỏ của ông.

Nikôlai Ivanuts là người có ảnh hưởng: ông đã bắt một tên ăn cắp ngựa nổi tiếng phải hoàn lại con ngựa mà y cuỗm ở nhà một người quen của ông; có lần, nông dân một làng bên không chịu nhận người quản lý mới, và ông đã làm cho họ biết nghe theo lẽ phải v.v... Tuy nhiên, không nên nghĩ rằng ông làm việc đó vì yêu lẽ công bằng, vì sốt sắng với những người ở gần mình: không, ông chỉ cố gắng ngăn ngừa tất cả những gì có thể phá tan sự yên ổn của ông bằng cách này hay cách khác. Nikôlai Ivanuts có vợ, có con. Vợ ông, một người đàn bà tiểu thị dân hoạt bát, mũi nhọn, mắt lạnh, thời gian gần đây cũng trở nên phục phịch như chồng. Ông hoàn toàn tin cậy vợ trong tất cả mọi việc, và tay hòm chìa khoá giao cả cho vợ. Bà ta sợ những kẻ say rượu hay làm om sòm, bà ta không ưa họ: họ chẳng đem lại mỗi lợi gì chỉ khỏe gây ồn ào. Bà ưa những người thâm lặng, cau có nhiều hơn.

Các con Nikôlai Ivanuts còn nhỏ. Mấy đứa đầu chết cả, nhưng những đứa còn sống thì giống bố mẹ: nhìn những khuôn mặt xinh xẻo, thông minh của những đứa trẻ khỏe mạnh ấy, ta thấy vui lòng.

Vào một ngày tháng bảy nóng nực kinh người, tôi lê bước chậm chạp cùng với con chó của tôi leo lên con đường dốc dọc sườn khe Kôlôtôpka, đi về phía quán Tụ khách. Mặt trời rực lửa trên bầu trời, như điên cuồng giận dữ; hơi nóng bốc ngùn ngụt; không khí đầy một thứ bụi ngọt ngào. Những con quạ lông đen lóng lánh dưới ánh mặt trời, chúng há hốc mồm nhìn khách qua đường với vẻ ai oán, như cầu mong họ thông cảm. Chỉ riêng lũ chim sẻ là không ủ ê tí nào, chúng xù lông, càng líu ríu hăng hơn trước và đánh nhau ở các bờ rào, nhất loạt bay vù lên từ con đường cái bụi bặm, lướt đi như những đám mây xám trên các ruộng cấy xanh rờn. Con khát giày vò tôi. Gần đây không có nước: ở Kôlôtôpka, cũng như ở nhiều làng khác trong thảo nguyên, vì không có mạch nước và giếng, nông dân vẫn uống một thứ bùn lỏng trong ao... Nhưng ai dám gọi là cái chất lỏng kinh tởm ấy là nước? Tôi muốn đến Nikôlai Ivanuts uống một cốc bia hay cốc nước kvax.

Thực tình mà nói, không có mùa nào trong năm mà Kôlôtôpka có vẻ vui tươi. Nhưng nó gọi cho ta cảm giác buồn đặc biệt khi vàng mặt trời tháng bảy rực chói chiếu xuống những tia sáng chói ngời, thiêu đốt cả những mái nhà lợp rạ màu nâu xờ xác, cả cái khe sâu này, cả cái bãi cỏ cháy xém, bụi mù với những con gà mái gầy guộc, chân dài đi vẩn vơ một cách thất vọng, cả cái khung tường nhà màu xám làm bằng những thân cây hoàn điệp liều với những lỗ hổng thay cho cửa sổ (đây là di tích của toà nhà địa chủ trước kia, bây giờ là chỗ bỏ hoang, xung quanh mọc đầy cây gai, cỏ dại và ngải), cả cái ao đen như bị thiêu cháy, mặt nước đầy lông ngỗng, bị khoanh lại trong cái bờ con đắp bằng bùn đã gần khô cứng, bên mé ao có một con đập xiêu vẹo, và cạnh đó, trên một mảnh đất bị xéo nát như, tơi vụn như tro, những con cừu cái thở hồng hộc và hắt hơi liên hồi vì nắng nực, chen sát vào nhau một cách buồn rầu, và cúi đầu thật thấp với vẻ nhẩn nhẩn, chán nản, dường như chờ cho cái nóng quái quỷ này sẽ qua đi. Tôi lê bước mệt mỏi tới gần nhà Nikôlai Ivanuts, và lẽ tự nhiên là tôi khiến cho bọn trẻ phải ngạc nhiên ngây ra nhìn không chớp mắt, khiến cho lũ chó tức tối sủa khản cả tiếng và sủa dữ dội đến nỗi tưởng chừng chúng phải đứt cả ruột gan, rồi sau chúng ho lấy ho để và đâm ra ngạt thở. Vừa đúng lúc ấy, trên ngưỡng cửa quán rượu bỗng xuất hiện một người đàn ông cao lớn, đầu không mũ, mặc chiếc áo khoác bằng vải len lông quăn, thắt dải dây lưng màu xanh trẻ xuống dưới bụng. Người này nom có vẻ là đầy tớ nhà địa chủ; mái tóc dày dóm bạc chớm lên tua tủa phía trên khuôn mặt khô gầy và nhăn nheo. Y gọi một người nào không rõ, hời hả vung hai tay làm hiệu, và rõ ràng là tay vung xa quá mức y muốn. Nom biết ngay là người này đã chệnh choáng hơi men.

- Đi nào, đi đi? - Y nói lấp bắp, gắng gượng nhướn cao cặp lông mày rậm - Đi đi, Morgats, đi nào! Chán với đằng ấy, người anh em ạ, cậu cứ bỏ ra đường thôi, thực đấy. Không tốt, người anh em ạ Mọi người đang đợi cậu, vậy mà cậu cứ bỏ ra...Đi đi nào.

- Ừ, thì tôi đi, tôi đi đây - Một giọng run run vang lên và từ sau nhà, một người thấp béo, thọt chân đi ra ở phía bên phải. Anh ta mặc chiếc áo dài bằng dạ khá thơm, xỏ một ống tay. Cái mũ

cao, chớp nhọn, đôi sụp xuống tận lông mày khiến cho khuôn mặt tròn béo phính của anh ta có vẻ ranh mãnh, giễu cợt. Cặp mắt nhỏ màu vàng của anh ta luôn luôn đưa đẩy, nụ cười dè dặt, gương gao không lúc nào rời cặp môi mỏng, còn cái mũi nhọn và dài hếch về phía trước một cách xác xược như cái cần bánh lái. - Tôi đi đây, ông anh quý hoá ạ - Anh ta vừa nói vừa khập khiễng đi về phía quán rượu - anh gọi tôi làm gì? Ai đợi tôi kia chứ?

- Gọi cậu làm gì à? - Người mặc áo khoác vải len nói với vẻ trách móc - Cậu thật là kỳ quái, chú em Morgats ạ: người ta gọi cậu đến quán rượu, vậy mà cậu còn hỏi: để làm gì? Những người chờ cậu toàn là người tử tế cả: Iaska - Thổ Nhĩ Kỳ, Đi, đi - Barin và tay chủ thầu ở Jizdra. Iaska với tay chủ thầu đánh cuộc: họ đặt cuộc một số rượu bia, xem ai thắng ai, nghĩa là ai hát hay hơn... cậu hiểu chứ?

- Iaska sẽ hát à? - Người tên là Morgats hăm hờ thốt lên - Anh không nói dối chứ, Ôbandui?

- Tôi không nói dối - Ôbandui đáp với vẻ tự hào - Còn cậu nói không nghĩ thì có! Iaska đặt cuộc thì chắc chắn là hẳn sẽ hát chứ còn gì nữa, cậu thật là con bò, cậu là thằng xỏ lá, Morgats ạ!

- Nào thì ta đi, chàng ngốc ạ. - Morgats nói.

- Này, ít ra cậu cũng hôn tôi đi chứ, anh bạn thân thiết của tôi - Ôbandui dang rộng hai tay nói lấp bắp.

- Ái chà, anh chàng kỳ quái dở trò nhõng nhẽo - Morgats đáp với vẻ khinh bỉ, dùng khuỷu tay đẩy người kia, và cả hai khom mình, vào khung cửa thấp.

Cuộc chuyện trò mà tôi nghe được kích thích sự tò mò của tôi. Đã nhiều lần tôi nghe nói về Iaska - Thổ Nhĩ Kỳ, một người nổi tiếng hát hay nhất vùng, vậy mà bỗng nhiên tôi có dịp được nghe anh ta thi tài với một nghệ sĩ điêu luyện khác. Tôi ráng bước đi vào quán.

Trong số bạn đọc của tôi, chắc không mấy người đã có dịp ghé vào các quán rượu nông thôn.

Nhưng cánh đi săn chúng tôi thì còn có chỗ nào mà không tạt vào. Sự bài trí trong các quán đó rất đơn giản. Thông thường, nó gồm một phòng ngoài tối tăm và căn buồng sáng ngăn đôi bằng một tấm vách, không một khách hàng nào có quyền bước vào phía sau tấm vách ấy. Vách có đục một lỗ hổng dài rộng ở phía trên cái bàn gỗ sồi. Cái bàn ấy, hay quầy hàng, là nơi bán rượu nho. Những chai rượu lớn đủ các cỡ có gắn xi để trên giá, ngay trước lỗ hổng. Ở phần trước của căn buồng, nơi dành cho khách, có những chiếc ghế dài, hai ba chiếc thùng rỗng và một cái bàn gắn sát vào góc nhà. Các quán rượu nông thôn phần lớn là khá tối tăm, và trên các bức tường bằng gỗ sục, hầu như không bao giờ bạn thấy những bức tranh rẻ tiền tô màu rực rỡ, loại tranh mà không mấy nhà nông dân không có.

Khi tôi vào quán Tụ khách, ở đấy đã có một đám khá đông.

Như thường lệ, Nikôlai Ivanuts đứng sau quầy hàng, che lấp gần hết chiều rộng của cái lỗ hổng. Ông ta mặc chiếc áo sơ mi vải hoa sặc sỡ, nụ cười uể oải hiện rõ trên đôi má mũm mĩm, bàn tay béo trắng của ông rót hai cốc rượu nho cho những người bạn mới đến: Morgats và Ôbandui. Phía sau ông, trong góc nhà cạnh cửa, người ta nhìn thấy bà vợ mắt sắc của ông. Đứng giữa phòng là Iaska - Thổ Nhĩ Kỳ, một chàng trai hai mươi ba tuổi, mặc chiếc kafotan bằng vải Nam Kinh màu xanh. Anh ta có vẻ là một người thợ ở xưởng và nom hiên ngang, tuy có lẽ anh không thể hãnh diện là mình có sức khỏe tuyệt vời. Đôi má hõm, cặp mắt to màu xám được vẻ bồn chồn, cái mũi thẳng với hai lỗ mũi thanh tú luôn luôn động đậy, vàng trán hót trắng trẻo với mái tóc xoắn màu hung sáng, chải lật về phía sau, cặp môi dày, nhưng đẹp và

giàu sức biểu hiện - toàn bộ khuôn mặt anh cho thấy rõ anh là một người dễ xúc cảm và nhiệt tình. Anh đang hồi hộp: mắt chớp chớp, hơi thở không đều, hai tay anh run lên như trong cơn sốt, mà đúng là anh lên cơn sốt thật, cơn sốt lo âu, bất ngờ, quen thuộc với tất cả những người phải nói hay hát trước đám đông.

Đứng sau anh là một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi, vai rộng, gò má rộng, trán thấp, mắt nhỏ như mắt người Tata, mũi ngắn và tẹt, cằm vuông, tóc đen, bóng, cứng như rễ tre. Khuôn mặt màu đồng hun loáng ánh chì, đặc biệt là cặp môi tái nhợt của ông ta có một vẻ biểu hiện mà ta có thể nói là hung dữ, nếu như nó không đượm vẻ trầm tư như thế. Ông ta hầu như không động đậy và chỉ đưa mắt nhìn quanh một cách chậm chạp, như con bò đực bị đóng ách. Ông ta mặc chiếc áo dài cũ sờn có cúc đồng trơn nhẵn; chiếc khăn quàng lụa cũ kỹ màu đen quấn quanh cổ ông ta. Tên ông ta là Điki - Barin ([117]). Ngồi ngay trước mặt ông ta, trên chiếc ghế dài kê dưới những ảnh thánh là người đua tài với Iaska: tay chủ thầu Jizdra. Đây là một người đàn ông mập mạp, tầm vóc vừa phải, khoảng ba mươi tuổi, mặt đỏ, tóc xoăn, mũi tẹt và hếch, cặp mắt nhỏ màu hạt dẻ nom linh lợi, râu cằm lụa thưa.

Anh ta chốc chốc lại đưa mắt nhìn quanh một cách linh hoạt, hai tay lót xuống dưới đùi, chân đi đôi ủng sang trọng có đường viền đù đưa một cách vô tư lự và đập nhịp xuống sàn. Anh ta mặc chiếc *armiãc* mới, mỏng mảnh bằng dạ xám, có cổ bằng vải bông, bên trong nổi bật lên phần trên của chiếc sơ mi đỏ thắm cài khít quanh cổ. Ở góc đối diện, phía bên phải cửa, một gã *mujich* ngồi bên bàn, gã mặc áo *xvitka* chật ních, cũ kỹ, vai rách một miếng lớn. Ánh sáng mặt trời tuôn thành luồng vàng nhạt qua các ô kính bụi bậm của hai chiếc cửa sổ nhỏ, và dường như không thể thắng nổi bóng tối quen thuộc của căn phòng: mọi vật đều được chiếu sáng một cách dè dặt, dường như chỉ nhận được những vệt sáng. Vì thế trong phòng gần như mát lạnh, và cảm giác nóng bức, ngọt ngào lập tức biến mất khi tôi vừa bước qua ngưỡng cửa, thật chẳng khác nào như tôi trút được một gánh nặng.

Việc tôi đến đây thoát đầu có làm cho mấy người khách của Nicôlai Ivanuts hơi bối rối, điều đó tôi có thể nhận thấy được. Nhưng, thấy ông ta chào tôi như một người quen, họ yên tâm và không để ý đến tôi nữa. Tôi hỏi mua bia và ngồi vào một góc phòng, cạnh người đàn ông mặc chiếc *xvitka* rách. - Nào, làm luôn đi chứ? - Ôbandui bỗng kêu ré lên sau khi đã nốc một hơi hết cạn cốc rượu nho, và hai tay vung lên một cách kỳ lạ điểm nhịp cho câu tán thán của mình, có lẽ không có những cái vung tay ấy thì không thể thốt lên được một lời nào. - Còn chờ gì nữa? Bắt đầu đi thôi. Thế nào? Iasa?

- Bắt đầu đi, bắt đầu đi thôi. - Nikôlai Ivanuts tán thành.

- Chúng ta bắt đầu đi - Người chủ thầu lên tiếng, giọng thản nhiên và mím một nụ cười tự tin
- Tôi thì sẵn sàng.

- Cả tôi cũng sẵn sàng - Iakôp lên tiếng với vẻ xúc động.

- Thế thì bắt đầu đi, anh em, bắt đầu đi - Morgats nói, giọng the thé.

Mặc dù ý muốn chung là như vậy, nhưng vẫn không ai chịu đi bước đầu. Người chủ thầu thậm chí không nhể dậy khỏi ghế. Mọi người đều chờ đợi một cái gì.

- Bắt đầu đi! - Điki - Barin nói gắt lên, vẻ cáu kỉnh.

Iakôp giật mình. Người chủ thầu đứng lên, siết lại dây lưng cho chặt và hắng giọng.

- Ai phải ra mắt trước? - Anh ta hỏi Điki - Barin, giọng hơi lạc đi, còn Điki - Barin vẫn đứng không nhúc nhích ở giữa phòng, dang rộng đôi chân to béo và thọc đôi tay hộ pháp vào túi quần ống rộng, ngập gần đến khuỷu.

- Anh chứ còn ai, anh chủ thầu ạ - Ôbandui nói lấp bắp - Anh phải bắt đầu trước, người anh em ạ.

Điki-Barin lườm Ôbandui. Ôbandui phát ra một tiếng kêu khe khẽ như tiếng chuột chít, ngập ngừng, nhìn vào một chỗ nào trên trần, nhún vai và im bật.

Rút thăm đi thôi - Điki-Barin nói rành từng tiếng - và đặt một vò rượu bia ([118]) làm giải thưởng lên quầy. Nikôlai Ivanurts cúi xuống, vừa thở phì phò vừa bê vò bia dưới sàn lên và đặt lên bàn.

Điki-barin nhìn Iakôp và giục: "Nào!"

Iakôp lục trong túi, lấy một đồng xu và dùng răng đánh dấu đồng tiền. Người chủ thầu lấy ở dưới vạt áo ra một cái túi da mới, thông thả cởi dây, đổ vô số đồng tiền lẻ ra tay, chọn một đồng xu mới. Ôbandui cầm lấy cái mũ cát kết cũ nát của y, vành lưới trai đã gãy và bong một quãng, và lật ngửa mũ ra, Iakôp ném đồng xu của mình vào, người chủ thầu cũng thế.

Cậu chọn đi - Điki-Barin nói với Morgats.

Morats nhếch mép cười thoả mãn, hai tay bung cái mũ và bắt đầu lắc.

Trong phòng phút chốc trở nên lặng phắc như tờ: những đồng xu va vào nhau, phát ra tiếng loảng xoảng khe khẽ. Tôi chăm chú nhìn quanh: mọi gương mặt đều lộ vẻ chờ đợi căng thẳng; Điki - Barin nheo nheo mắt; thậm chí người nông dân mặc áo *xvitka* rách ngồi cạnh tôi cũng vươn cổ nhìn với vẻ tò mò. Morgats cho tay vào mũ và lấy được đồng xu của người chủ thầu: mọi người thở phào. Iakôp đỏ mặt, còn người chủ thầu đưa tay vuốt tóc.

- Tôi đã bảo anh mà - Ôbandui reo lên - Tôi đã bảo mà.

- Thôi, thôi, đừng có rít lên như điều hâu nữa - Điki-barin nói với vẻ khinh miệt - Bắt đầu đi - ông ta hất đầu về phía viên chủ thầu, nói tiếp.

- Tôi phải hát bài gì đây? - Người chủ thầu hỏi, anh ta bắt đầu xúc động.

- Bài gì cũng được. - Morgats đáp - Nhớ được bài nào hát bài ấy.

- Cố nhiên là tùy anh thôi - Nikôlai Ivanurts nói thêm và thông thả khoanh tay trước ngực - Không có gì bó buộc anh cả. Anh muốn hát bài gì cũng được, miễn là hát cho hay; rồi sau đó chúng tôi sẽ lấy công tâm mà xét.

- Tất nhiên là cứ công tâm mà xét - Ôbandui phụ họa và liếm rìa cái cốc rượu đã uống hết.

- Cho tôi lấy giọng tí đã chứ, anh em ạ - Viên chủ thầu nói, đồng thời những ngón tay cứ lần theo cái cổ áo kafotan.

- Này thôi, đừng có làm mất thời giờ, bắt đầu đi! - Điki-barin quyết định và cúi mặt xuống.

Người chủ thầu nghĩ ngợi giây lát, lắc đầu một cái và tiến về phía trước. Iakôp nhìn chăm chăm vào anh ta...

Nhưng trước khi bắt đầu miêu tả chính cuộc đua tài, tôi thấy cần nói mấy lời về mỗi nhân vật trong truyện ngắn của tôi. Khi tôi gặp họ ở quán Tụ khách, tôi đã biết lai lịch một số người trong bọn họ; số còn lại thì sau này tôi đã dò hỏi được.

Chúng ta bắt đầu từ Ôbandui. Tên thật của người này là Evgraf Ivanôp. Nhưng khắp các vùng quanh đây, ai cũng gọi y là Ôbandui, và chính y cũng tự xưng bằng cái biệt hiệu như thế: nó hợp với y vô cùng. Thật vậy, không còn có biệt hiệu nào thích hợp hơn với những đặc điểm bề ngoài xoàng xĩnh, lúc nào cũng có vẻ lo lắng của y. Đây là một gã đầy tớ độc thân, quen thói chơi bời, đã bị chính các ông chủ của mình ruồng bỏ từ lâu và không được giao một việc gì, không được một xu tiền lương, nhưng đã khéo xoay xở nên ngày nào cũng được đánh chén nhờ tiền của người khác! Y có vô số người quen vẫn cho y uống trà uống rượu, tuy chính họ cũng không biết vì sao lại đãi đằng y như thế, bởi vì trong lúc tiếp xúc với mọi người, bản thân y chẳng những không có gì lí thú, mà trái lại, y còn làm mọi người chán ngấy vì những lời ba hoa vô duyên, vì cái tính dai như đĩa vì những cử động hấp tấp và tiếng cười sằng sặc thiếu tự nhiên của y. Y không biết hát, không biết vũ. Cả đời y chưa từng nói được câu nào phải lẽ, chứ đừng nói đến những lời khôn ngoan: lúc nào cũng "huyền thuyên xích đế" và nói dối như cuội: đúng là Ôbandui ([119]). Ấy thế mà trong vòng bốn chục dặm xung quanh, không một bữa chén nào thiếu được cái dáng hình cao kều của y lẫn quần trong đám khách khứa: người ta đã quen với y và chịu đựng sự có mặt của y như chịu đựng một điều tệ hại không tránh khỏi. Thực ra họ tỏ thái độ coi thường y, nhưng chỉ có Điki-Barin đẹp được những cơn hứng kỳ cục của y.

Morgats không giống Ôbandui chút nào. Cái tên Morgats cũng thích hợp với anh ta, tuy anh ta không chop mắt nhiều hơn người khác ([120]). Ai cũng biết là dân Nga rất tài đặt biệt hiệu. Mặc dù tôi đã cố gắng dò hỏi kỹ hơn về quá khứ của con người này, đối với tôi, và chắc là đối với nhiều người khác cũng thế, trong đời anh ta vẫn còn những vết tối hay nói theo ngôn ngữ sách vở, là vẫn còn những chỗ bị bóng tối mờ mịt che phủ. Tôi chỉ biết được rằng trước kia anh ta đánh xe ngựa cho một bà quý tộc già không con, anh ta đã bỏ trốn, đem theo ba con ngựa được giao phó cho anh. Anh ta mất tích suốt một năm ròng, và chắc chắn là qua thực tế, khi thấy rõ những cái bất lợi và khốn đốn của đời sống lang bạt, anh ta tự ý quay về, nhưng đã thọt chân. Anh ta gieo mình xuống dưới chân bà chủ, và mấy năm sau đó, bằng hạnh kiểm gương mẫu, anh đã xóa nhòa được tội lỗi của mình, dần dần lấy được lòng yêu thương của bà chủ, cuối cùng, được bà chủ hoàn toàn tin cậy, cho lên làm quản lý! Sau khi bà chủ mất, không biết bằng cách nào, anh ta được trở lại làm người tự do, đăng ký vào tầng lớp tiểu thị dân, thuê vườn dưa của những người quanh vùng, làm ăn phát tài và bây giờ sống sung túc. Đây là một người giàu kinh nghiệm, tinh khôn, không độc ác cũng không nhân đức, mà biết tùy thời thì đúng hơn. Đây là tay lọc lõi, biết người và biết lợi dụng người khác.

Anh ta vừa thận trọng vừa mau trí như con cáo; anh ta lăm điều như một bà già và không bao giờ buột miệng nói ra một điều không nên nói, nhưng lại có thể khiến bất cứ người nào phải nói ra những điều họ muốn giấu. Tuy nhiên, anh ta không làm ra vẻ ngốc nghếch như một số kẻ ranh mãnh cùng loại thường vẫn làm, vả chăng, anh ta mà giả tảng thì cũng khó: tôi chưa từng thấy cặp mắt nào thấu suốt và thông minh hơn đôi mắt nhỏ xíu, tinh quái của anh ta. Đôi mắt ấy không bao giờ nhìn một cách bình thường, mà bao giờ cũng dò xét, liếc trộm. Đôi khi, hàng mấy tuần liền, Morgats suy tính về một việc gì, có lẽ là một việc bình thường thôi, thế rồi, bỗng nhiên anh ta lao vào một việc hết sức táo bạo; tưởng đâu như anh ta tất phải vỡ đầu vì việc đó... nhưng té ra, mọi việc đều thành công, mọi việc đều trôi chảy. Anh ta sung sướng và tin vào hạnh phúc của mình tin vào diễm triệu. Nói chung, anh ta rất mê tín. Người ta không yêu Morgats, vì anh ta cũng chẳng thiết gì đến ai, nhưng người ta trọng nể anh. Gia đình anh ta chỉ gồm có một đứa con trai mà anh ta yêu quý như hòn ngọc trên tay, và thằng bé này, được một ông bố như thế giáo dục, chắc là sẽ đi xa trên con đường danh lợi. "Thằng bé Morgatsônôc giống bố như đúc" - ngay cả bây giờ, trong những buổi chiều hè, khi ngồi trên các bệ đất quanh nhà và chuyện trò với nhau, các ông già vẫn thì thầm nói về thằng bé như vậy; tất cả mọi người đều hiểu câu đó nghĩa là thế nào, và không ai thêm một lời nào nữa.

Còn về Iakôp - Thổ Nhĩ Kỳ và người chủ thầu thì không có gì phải nói nhiều. Iakôp được gọi là người Thổ Nhĩ Kỳ, bởi vì quả thực anh là con một người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ bị bắt làm tù binh. Về tâm hồn, anh là một nghệ sĩ với nghĩa đầy đủ của từ đó, còn về chức danh thì anh là

thợ xeo ở xưởng làm giấy của một thương nhân Còn về người chủ thầu thì thú thực là tôi vẫn không biết rõ số phận của anh ta. Tôi có cảm giác rằng anh ta là một người tiểu thị dân tháo vát và hăng hái. Nhưng riêng Điki-Barin thì nên nói kỹ hơn một chút.

Ấn tượng đầu tiên mà hình dạng bên ngoài của người này gợi cho ta là cảm giác về một sức mạnh thô bạo khó chịu, nhưng không thể cưỡng lại nổi. Hình dáng ông ta nom thô kệch, "hình nộm rơm" - như người ta thường nói, nhưng nó toát ra một vẻ khỏe mạnh vô song. Điều kỳ lạ là cái hình thù thân gấu của ông ta vẫn không kém vẻ duyên dáng độc đáo, có lẽ cái duyên dáng ấy bắt nguồn từ niềm tin trọn vẹn, diễm tĩnh vào sức mạnh của bản thân mình. Thoạt nhìn, khó quyết đoán ngay là gã Hecquyn này thuộc đẳng cấp nào. Ông ta không giống một gia nhân nhà địa chủ, không giống tiểu thị dân, cũng không giống viên ký lục về hưu đã lâm vào cảnh nghèo túng, cũng không giống một địa chủ quý tộc nhỏ đã phá sản, lại cũng không giống tay luyện chó săn hoặc một kẻ hay gây gỗ. Ông ta chỉ là chính bản thân mình thôi. Chẳng ai biết ông ta từ đâu lưu lạc tới vùng chúng tôi. Nghe đồn rằng ông ta xuất thân từ tầng lớp *ôtnôvôrets* và trước kia đã từng làm việc nhà nước ở một nơi nào không rõ. Nhưng không ai biết đích xác về việc đó cả! Vả chăng, hỏi ai thì hỏi, chứ đừng hòng moi được gì ở ông ta; chưa có người nào ít nói và quàu quàu như người này. Cũng không ai nói rõ được ông ta sống bằng cách gì. Ông ta không làm nghề gì cả, không hay đến thăm ai, không làm quen với ai, nhưng vẫn có tiền. Thực ra, ông ta không nhiều tiền lắm, nhưng vẫn có tiền. Ông ta cư xử không hẳn là khiêm tốn - ở ông ta, nói chung không có gì là khiêm tốn - bảo ông ta trầm lặng thì đúng hơn. Ông ta sống như thể không nhận thấy ai ở xung quanh và tuyệt nhiên không cần đến ai. Điki-Barin là biệt hiệu người ta đặt cho ông ta, tên thật ông ta là Pêrêvlexôp, ông ta có ảnh hưởng lớn đến trong toàn vùng. Người ta nghe theo ông ta không một chút ngần ngại và hoàn toàn tự nguyện, tuy ông ta chẳng những không có chút quyền hành nào để ra lệnh cho bất cứ ai, mà thậm chí bản thân ông ta cũng không mấy may tỏ ra có tham vọng muốn bắt những người mà ông ta tình cờ gặp gỡ phải theo ý ông ta. Ông ta nói, thế là người ta phục tùng; sức mạnh bao giờ cũng chiến thắng. Ông ta hầu như không uống rượu, không giao thiệp với phụ nữ và mê ca hát. Con người đó chứa đựng nhiều điều bí ẩn. Tôi có cảm giác rằng trong con người này có những sức mạnh lớn lao đang bực tức nằm yên, dường như biết rằng một khi chúng trỗi dậy, vượt ra ngoài thì chúng tất sẽ phá hủy cả bản thân chúng cũng như tất cả những gì mà chúng chạm đến. Và tôi thực lòng toan nếu như tôi cho rằng trong con người này chưa từng xảy ra một vụ nổ như thế, nếu như tôi không nảy ra ý nghĩ rằng chính nhờ được kinh nghiệm dạy dỗ và sau một phen hút chết, mà bây giờ ông ta tự kiềm chế mình hết sức ngặt. Điều mà tôi đặc biệt ngạc nhiên là ở ông ta có sự pha trộn tính hung dữ bẩm sinh, tự nhiên với đức tính cao quý cũng có nguồn gốc bẩm sinh như thế: sự pha trộn như thế tôi chưa từng thấy ở một người nào khác.

Vậy là, tay chủ thầu bước lên phía trước, lim dim mắt và cất lên giọng kim cao vút. Giọng anh ta khá dễ ưa và ngọt ngào, tuy có hơi rè. Anh ta hát và lượn giọng như quất một con quay, không ngừng lướt từ giọng cao xuống giọng thấp và không ngừng trở lại những nốt cao mà anh duy trì và ngân dài với vẻ cố gắng đặc biệt, đôi khi chợt ngừng bật, rồi đột nhiên bắt vào điệp khúc một cách dồn dập, đầy khí phách ngang tàng. Những chỗ lướt của anh đôi khi khá mạnh bạo, đôi khi khá ngộ nghĩnh. Người am hiểu sẽ hết sức thích thú về những nét lướt ấy, và người Đức thì hẳn là sẽ phẫn nộ. Đây là *ténore di grazia*, *ténor léger* ([121]) của Nga. Anh ta hát một bài vũ khúc vui, lời ca của nó - theo chỗ tôi nghe được qua vô số những nét hoa mỹ, những phụ âm và những tiếng cảm thán chen thêm vào - là như sau:

Tuổi đời đương độ đào non

Nào ta xới mảnh đất con ta trồng

Đỏ tươi một sắc hoa hồng.

Anh ta hát; mọi người nghe hết sức chăm chú.

Hắn là anh ta cảm thấy mình đang biểu diễn trước những người am hiểu, cho nên, đúng là anh cố gắng cất lực, như người ta thường nói. Quả thực là ở vùng chúng tôi, người ta rất sành hát, chả thể mà làng Xerghiepxkôê nằm bên đường cái lớn Orion đã nổi tiếng khắp nước Nga về những điệu hát đặc biệt du dương, êm tai của mình. Người chủ thầu hát một lúc lâu mà vẫn chưa gây được cảm xúc thật mạnh cho người nghe; anh thiếu sự ủng hộ của một ban đồng ca. Cuối cùng, ở một chỗ lướt đặc biệt thành công đến nỗi chính Điki-Barin cũng phải mỉm cười, Ôbandui không nén được và reo lên vì thích thú. Mọi người đều hồi hộp. Ôbandui và Morgats bắt đầu lẩm nhẩm hát theo, ngân nga, thỉnh thoảng lại kêu lên: "Giỏi lắm!... Mạnh bạo lên, chú bọm ạ!... Mạnh bạo lên, cứ thế, đồ quý ạ!

Cố nữa lên! Hăng nữa lên, chú mày thật là đồ chó má đấy! ... Người sẽ tự giết chết linh hồn người, Hêrôt ạ ([122])..." Nikôlai Ivanuts đứng bên quầy hàng đầu cũng lắc lư bên nọ sang bên kia, tỏ ý tán thưởng. Ôbandui cuối cùng còn giậm chân, nhún nhảy và đưa đẩy vai, còn Iakôp thì mắt rực lên như hai hòn than, toàn thân run lên như tàu lá và mỉm cười như mê dại. Riêng có Điki-Barin là không đổi nét mặt và vẫn như trước, không dời khỏi chỗ.

Luồng mắt của ông ta xoáy chặt vào viên chủ thầu, xem ra có phần dịu dàng hơn, tuy cặp môi vẫn biểu lộ vẻ khinh miệt. Phấn chấn vì thấy mọi người đều tỏ ra thích thú, viên chủ thầu bốc lên như cơn lốc, anh ta bắt đầu biểu diễn những nét lướt nhanh tuyệt hay, tắc lưỡi và đánh trống lưỡi giòn vang, khiến cho yết hầu nhảy lên nhảy xuống hết sức mãnh liệt, đến nỗi cuối cùng, khi đã mệt lả, mặt tái mét, người đầm mồ hôi, anh ta ngửa cả toàn thân ra sau, thốt lên một tiếng kêu cuối cùng như một hơi thở tắt lịm dần đi, để đáp lại anh, một tiếng reo duy nhất, đồng thanh của mọi người bùng lên như một tiếng nổ dữ dội. Ôbandui đâm bổ đến ôm lấy cổ anh và riết chặt đôi tay dài xương xẩu, làm anh ta đến nghẹt thở. Khuôn mặt mơ màng của Nikôlai Ivanuts đỏ ửng lên, ông dường như trẻ ra, Iakôp hét lên như người điên: "Cừ lắm! Cừ lắm!", ngay cả gã *mujich* mặc áo *xvitka* rách ngồi gần tôi cũng không nén được và đâm tay xuống bàn, kêu lên: "A ha! Hay, quý bắt người đi, hay lắm!" và nhổ bọt đánh toẹt một cái.

- Chà, người anh em ạ, cậu làm mọi người thú quá! - Ôbandui hét lên, vẫn không buông tha viên chủ thầu đã kiệt sức ra khỏi hai cánh tay mình - Cậu làm mọi người thích thú, đúng thế! Cậu đã thắng cuộc, người anh em ạ, cậu thắng cuộc! Xin chúc mừng: vò rượu về tay cậu! Iaska thua cậu ta... Tôi nói là: thua xa... Cậu hãy tin tôi! (Và y lại ôm ghì viên chủ thầu vào ngực mình).

- Buông anh ta ra, buông ra, rõ hay lời thôi... - Morgats nói với vẻ bức tức. - Để anh ta ngồi xuống ghế đi, anh cũng thấy là anh ấy mệt rồi đấy. .. Anh thật là ngớ ngẩn, người anh em ạ, đúng là ngớ ngẩn! Sao cứ dính lấy người ta như cái là chổi tẩm ấy! ([123])

- Nào, để anh ấy ngồi đi, còn tôi sẽ uống mừng sức khỏe anh ấy. - Ôbandui nói và tới gần quầy bán rượu - Anh chịu tiền, anh bạn nhé. - Ôbandui nói thêm với viên chủ thầu.

Gã chủ thầu gật đầu, ngồi xuống ghế dài, lấy chiếc khăn tay đệm trong mũ ra và bắt đầu lau mặt; còn Ôbandui nốc hết cốc rượu với vẻ thêm thưởng, vội vã, và theo thói quen của những người nghiện nặng, y khà một tiếng, vẻ mặt trở nên lo ngại, buồn rầu.

- Hát khá lắm, người anh em ạ, khá lắm - Nikôlai Ivanuts nói với vẻ âu yếm - Bây giờ đến lượt cậu, Iasa ạ: cẩn thận đấy, đừng e sợ. Chúng tôi sẽ xét xem ai hơn, chúng tôi sẽ xét... Còn anh chủ thầu hát hay đấy, thực quả là hay.

- *Rư-út* hay! - Vợ Nikôlai Ivanuts nói và mỉm cười nhìn Iakôp.

- Ha, khó lắm! - Người ngồi gần tôi khe khẽ phụ họa theo.

- A, tên Zavôrôten Pôlêkha ([124]) - Ôbandui bỗng gào toáng lên, đến gần người mặc áo rách vai, thọc ngón tay vào chỗ áo rách, rồi nhảy cẫng lên và cất tiếng cười hô hố - Pôlêkha -

Pôlêkha! Ha, badê paniai ([125]), Zavôrôten! Đến đây làm gì, gã Zavôrôten kia! - Y gào lên qua tiếng cười. Người nông dân đáng thương bối rối, thậm chí toan đứng lên và bỏ đi cho mau, nhưng cái giọng sang sảng như tiếng chuông đồng của Điki-Barin bỗng vang lên":

- Mi là giống vật gì mà không để cho ai được yên thân như vậy! - ông ta nghiêng răng, thốt lên.

- Tôi có làm gì đâu - Ôbandui lấp bắp - Tôi có làm gì đâu... đùa tí thôi.

- Thôi được, thế thì im mồm! - Điki-Barin nói - Iakôp, bắt đầu đi.

Iakôp đưa tay lên sờ cuống họng.

- Ông anh ạ, ờ... làm sao... hừm...Thực tình là tôi không biết...ờ...

- Đủ rồi, đừng rụt rè. Phải biết xấu hổ chứ! Sao cứ loanh quanh thế? Hãy hát đúng như lệnh Chúa phán truyền cho anh.

Và Điki-Barin cúi nhìn xuống, chờ đợi.

Iakôp im lặng một lát, đưa mắt nhìn quanh và đưa một tay lên che mặt. Mọi con mắt tự dừng đều đổ dồn vào Iakôp; đặc biệt là trên mặt người chủ tàu, vẻ tự tin quen thuộc và vẻ hân hoan vì thành công vẫn không che lấp được vẻ lo ngại vô tình để lộ ra. Anh ta tựa lưng vào tường, lại dậm hai tay xuống dưới đùi, nhưng không đu đưa hai chân nữa.

Khi Iakôp bỏ tay che mặt ra thì thấy mặt anh tái nhợt như mặt xác chết! Cặp mắt anh để lộ ra những ánh long lanh dưới hàng mi khép lại. Anh thở một hơi dài và cất tiếng hát... âm thanh đầu tiên do giọng hát của anh phát ra nghe yếu ớt và không đều, dường như không phải từ lồng ngực anh thoát ra, mà từ một nơi xa xăm nào vọng tới, ngẫu nhiên bay lọt vào phòng. Cái âm thanh ngân vang, rung động ấy có tác động kỳ lạ đến tất cả chúng tôi. Chúng tôi nhìn nhau, còn vợ Nikôlai Ivanuts thì vươn thẳng người lên. Tiếp sau âm thanh ấy, đến một âm thanh rần rỏi hơn và ngân dài hơn, nhưng rõ ràng vẫn còn rung động như sợi dây đàn đột nhiên bật ra tiếng dưới một ngón tay mạnh mẽ và đang dao động lần cuối cùng, đồng thời lịm đi nhanh chóng. Rồi đến âm thanh thứ ba, và bài ca sầu muộn dần dần trở nên sôi nổi và tràn rộng ra như dòng nước. "Trên đồng ruộng đâu phải chỉ có một dải đường mòn" - anh ta hát, và tất cả chúng tôi đều cảm thấy vừa vui sướng vừa rờn rợn. Thú thực là không mấy khi tôi được nghe một giọng hát như vậy; nó hơi có vẻ mệt mỏi đồng thời nghe như tiếng chuông rè. Thậm chí lúc đầu nó đem vẻ ồm ỹ. Nhưng nó vẫn chứa đựng cả niềm say mê sâu sắc, thực sự, cả tuổi trẻ, cả sức mạnh, cả sự ngọt ngào, cả nỗi đau xót vừa vô tư lự và hấp dẫn, vừa buồn rầu... Tâm hồn Nga chân thực, nồng cháy lên tiếng và thở đều đều trong giọng hát đó, làm xao xuyến lòng người, rung động những sợi dây tâm tình của trái tim Nga. Bài ca lớn mãi lên, tràn rộng ra. Iakôp rõ ràng là đã say mê: anh không còn rụt rè nữa, anh hiến dâng tất cả cho hạnh phúc của mình. Giọng anh không run nữa, nó rung lên, nhưng đó là sự rung động nội tâm, khó nhận thấy của một niềm say mê xuyên vào tâm hồn người nghe như một mũi tên, và giọng hát ấy không ngừng trở nên vững mạnh, cứng cỏi hơn và mở rộng ra. Tôi nhớ, có lần vào buổi chiều, lúc nước triều rút, trên bờ cát phẳng của làn biển sôi động âm ỉ, đầy vẻ hăm dọa ở phía xa, tôi nhìn thấy một con hải âu lớn: nó đậu yên không nhúc nhích, phơi bộ ngực óng mượt như lụa ra trước ánh hoàng hôn đỏ thắm, chỉ thỉnh thoảng xoè đôi cánh dài chào đón mặt biển quen thuộc, chào đón vầng mặt trời đỏ tía đã sà xuống thấp: tôi nhớ đến con hải âu ấy khi nghe Iakôp hát. Anh hát, quên bằng người ganh tài với mình, quên bằng cả chúng tôi, nhưng có lẽ sự đồng cảm say mê, trầm lặng của chúng tôi đã cổ vũ anh như những ngọn sóng nâng đỡ một người bơi lội hăng hái. Anh hát, và mỗi âm thanh trong giọng hát của anh đều toát ra một cái gì thân thuộc và rộng lớn vô biên, dường như thảo nguyên quen thuộc trải ra trước mắt ta, chạy hút về phương trời xa xăm. Tôi cảm thấy máu cuộn lên trong tim và lệ trào lên mắt: những tiếng nức nở ngấm ngấm, cố nén lại khiến tôi sùng sốt... Tôi ngoảnh lại nhìn: vợ người chủ

quán rượu thì ngực vào cửa sổ mà khóc. Iakôp liếc nhanh bà ta, và tiếng hát của anh càng âm vang hơn, ngọt ngào hơn trước. Nikôlai Ivanuts nhìn xuống đất.

Morgats quay mặt đi. Ôbândui cảm động đến sững sờ đứng há hốc miệng ra một cách ngớ ngẩn. Gã *mujich* khẽ nức nở trong góc nhà, vừa lắc đầu vừa lẩm nhẩm cái gì với vẻ chua xót. Trên khuôn mặt sắt của Điki-Barin, một giọt lệ nặng nề chậm chạp trào ra dưới cặp lông mày nhíu lại. Người chủ thầu đưa nắm đấm siết chặt lên gần trán và không động đậy... Tôi không biết cái trạng thái ưu sầu của tất cả chúng tôi được giải quyết như thế nào, nếu Iakôp không chấm dứt bài ca một cách bất ngờ bằng một âm thanh cao vút, thanh nhẹ lạ thường - dường như anh chợt đứt giọng. Chẳng ai thốt lên một tiếng kêu, thậm chí không ai nhúc nhích. Mọi người dường như chờ đợi xem anh còn hát nữa không. Nhưng anh mở mắt, dường như ngạc nhiên vì sự im lặng của chúng tôi, anh nhìn khắp xung quanh với vẻ dò hỏi, và thấy rằng thắng lợi đã về anh. . .

- Iasa - Điki-Barin thốt lên, đặt tay lên vai anh, và im lặng.

Tất cả chúng tôi đứng ngẩn ra như ngây dại.

Viên chủ thầu nhẹ nhàng đứng lên và tới gần Iakôp. "Anh... giải thưởng về anh... anh thắng cuộc" - Cuối cùng, anh ta thốt lên với vẻ khó nhọc và đâm nhào ra khỏi phòng.

Cử chỉ mau lẹ, quả quyết của viên chủ thầu dường như đã giải cơn mê cho chúng tôi: mọi người đột nhiên cất tiếng xôn xao, vui sướng. Ôbândui nhẩy căng lên, nói lắp bắp, vung hai tay như cánh quạt cối xay. Morgats khập khiễng tới gần Iakôp và hôn anh. Nikôlai Ivanuts đứng lên và trịnh trọng tuyên bố rằng riêng ông góp thêm một vỏ bia nữa vào phần thưởng. Điki-Barin cười hiền hậu, cái cười mà tôi không thể ngờ được là sẽ bắt gặp trên gương mặt ông ta! Gã *mujich* tầm thường ngồi trong xó của mình, đưa cả hai ống tay áo lên lau mắt, má, mũi, cằm, chốc chốc lại lẩm bẩm: "Ái chà, hay quá, thực là hay, nói có Chúa trời chứng giám, nếu như vậy mà còn chưa phải là hay thì tôi chỉ là đồ chó đẻ", còn vợ Nikôlai Ivanuts mặt đỏ bừng, đứng phắt dậy và đi ra. Iakôp vui mừng về thắng lợi của mình như một đứa trẻ. Cả khuôn mặt anh biến đổi hẳn. Đặc biệt đôi mắt ngời lên niềm hạnh phúc. Người ta lôi anh tới quầy rượu. Anh gọi gã *mujich* nước mắt chan hoà đến với mình, bảo con trai ông chủ quán chạy đi gọi viên chủ thầu, nhưng thằng bé tìm không thấy, và tiệc rượu bắt đầu. "Cậu sẽ còn hát cho bọn mình nghe, cậu sẽ hát cho bọn mình nghe đến chiều tối." - Ôbândui giờ cả hai tay lên, nhắc đi nhắc lại.

Tôi nhìn Iakôp một lần nữa và đi ra. Tôi không muốn ở lại, tôi sợ làm hỏng mất cái ấn tượng đã thu được. Nhưng khí nóng vẫn như trước, nung nấu thiêu người. Nó như một lớp dày đặc nặng nề trùm lên mặt đất. Trên bầu trời xanh thẫm, qua làn bụi cực mỏng gần như đen, mắt tưởng chừng nhìn thấy những đốm lửa nhỏ, sáng rực đang quay cuồng. Mọi vật đều im tiếng. Cảnh lặng tờ ấy của thiên nhiên mịt mịt chứa đựng một vẻ gì thất vọng, bất hoại. Tôi lần đến nhà chứa cỏ và nằm lên đồng cỏ mới cắt, nhưng đã gần khô. Tôi nằm mãi mà không chợp mắt được, bên tai tôi cứ vang vang cái giọng hát có sức cuốn hút không thể cưỡng lại nổi của Iakôp. . . Cuối cùng, cái nóng và sự mệt mỏi đã chiến thắng, và tôi ngủ say như chết. Khi tôi thức giấc, trời đã đổ tối. Xung quanh, cỏ bèo bộn, bốc mùi hăng nồng và đã ẩm hơn. Qua những thanh sào mỏng mảnh của cái mái đã tốc gần hết, tôi thấy những ngôi sao nhỏ sáng mờ mờ, nhấp nháy. Tôi ra ngoài. Hoàng hôn đã qua từ lâu, nhưng ở chân trời, vẫn còn một vệt trắng khó nhận thấy. Trong không khí lúc chiều còn nóng như thiêu, ta vẫn cảm thấy khí nóng qua hơi mát ban đêm, và lồng ngực vẫn thêm khát luồng hơi mát lạnh. Không có gió, cũng không có cả mây. Khắp bầu trời chỗ nào cũng quang đãng, tối nhưng trong suốt, nhấp nháy hăng hà sa số những ngôi sao để ý lắm mới thấy rõ, ánh đèn thấp thoáng trong làng. Từ cái quán rượu đèn thấp ráng rực cách đây không xa, những tiếng hát lộn xộn nghe không ra điệu gì vang đến bên tai tôi, trong đó dường như tôi nhận ra tiếng Iakôp. Tiếng cười cuồng loạn chốc chốc lại bùng ra như tiếng nổ.

Tôi tới gần cửa sổ và áp mặt vào kính. Tôi thấy một cảnh tượng không vui, tuy nhộn nhạo và sinh động: tất cả đều say, tất cả, từ Iakốp trở đi. Ngực phanh trần, anh ta ngồi trên chiếc ghế dài, và cất giọng khàn khàn hát một bài vũ khúc nhảm nhí, tay uể oải bắt những sợi dây đàn ghita. Mái tóc ướt rũ xuống từng mảng phía trên khuôn mặt đã tái nhợt đi nom đến kinh khủng. Ở giữa quán rượu, Ôbandui đã hoàn toàn "được tháo khoán" và đã bỏ áo kafotan, đang vũ một điệu trước mặt gã *mujich* mặc áo *armiăk* xám, điệu vũ của anh ta chốc chốc lại chen thêm những bước nhảy cộn lên. Đến lượt anh chàng *mujich* cũng gắng gượng giậm mạnh đôi chân đã bủn rủn và lê chân đi, mỉm cười ngó ngấn dưới bộ râu bù xù, thỉnh thoảng lại vung một tay lên như muốn nói: "Muốn ra sao thì ra!". Không còn gì có thể buồn cười hơn khuôn mặt anh ta. Mặc dù anh ta đã cố nhướn cao lông mày, đôi mi trĩu nặng vẫn không chịu nhích lên, mà cứ nằm đè lên đôi mắt bị che lấp gần hết, đục ngầu, nhưng hết sức dịu ngọt. Anh ta ở trong trạng thái dễ thương của một kẻ đã quá chén mà bất cứ người nào đi qua, nhìn vào mặt anh ta cũng sẽ nói: "Đẹp mặt, người anh em ạ, rõ thật là đẹp mặt!". Morgats mặt đỏ như tôm luộc, phình rộng hai lỗ mũi, thỉnh thoảng lại cười châm chọc trong góc nhà. Riêng có Nikôlai Ivanuts, đứng là ông chủ quán rượu thực sự vẫn giữ vẻ điềm nhiên như trước. Trong phòng có thêm nhiều người mới đến. Nhưng tôi không thấy Điki-Barin ở đó.

Tôi quay đi và rảo bước xuống đồi, rời khỏi Kôlôtôpka. Dưới chân đồi là đồng bằng trải rộng. Sương mù buổi tối cuộn lên như sóng, tràn ngập khắp nơi, khiến cho đồng bằng dường như càng bao la hơn và như hòa với bầu trời đã tối lại. Tôi đã sải dài bước trên con đường dốc chạy dọc bờ khe thì ở một chốn xa xăm nào trong cánh đồng vang lên giọng nói lạnh lạnh của một thằng bé: "Antorôpka! Antorôpka-a-a!..." - nó gào, giọng đầy nước mắt, vẻ thất vọng nhưng chưa chịu thôi, và kéo rất dài về cuối cùng.

Nó im tiếng giây lát rồi lại bắt đầu gào. Giọng nó vang vang trong bầu không khí im lìm, mờ ngủ chập chờn. Nó đã gào tên Antorôpka ít nhất là ba chục lần thì bỗng nhiên, từ đầu đối diện của bãi đất hoang, như từ thế giới bên kia, có tiếng đáp lại rất khó nghe rõ: - Gì đỏi-ớ-ới!

Tiếng gào của thằng bé lập tức lại vang lên, vừa có vẻ dữ tợn, vừa có vẻ vui sướng: - Lại đây, đồ ma rùng!

- Để làm gì-ì-ì!

- Bố muốn nện cho mày một trận! - Cái giọng thứ nhất vội vã gào lên.

Giọng thứ hai không đáp lại nữa, và thằng bé lại bắt đầu gọi Antorôpka. Tiếng gọi của nó mỗi lúc một thưa và yếu đi vẫn còn vang đến tai tôi khi trời đã tối hẳn và khi tôi đã đi men theo bìa rừng bao quanh làng tôi, cách Kôlôtôpka chừng bốn dặm...

"Antorôpka-a-at" - tiếng gọi ấy như còn văng vẳng trong không trung đầy những hình bóng của ban đêm.

PIÔTR PÊTORÔVITS KARATAEP

Năm năm trước, vào mùa thu, trên đường từ Matxcova về Tula, tôi đã phải ngồi gần suốt ngày ở dịch trạm vì thiếu ngựa. Tôi đi sẵn về và đã thiếu thận trọng, cho chiếc xe ba ngựa của tôi về trước.

Trưởng trạm là một người đã già, cau có, tóc xoã xuống gần sát mũi, mắt nhỏ, nom như ngái ngủ.

Đáp lại những lời than phiền và cầu khẩn của tôi, ông ta chỉ cầu nhàu một cách nhăm nhẩn, giận dữ đập cửa thình thình, như tự nguyện rửa chức vụ của mình, và ra ngoài bậc tam cấp, la mắng những người phu trạm đang lễ mễ bê cái cống cổ ngựa nặng tới một pút, lội ịch trong bùn hay đang ngồi ngáp và gãi trên ghế dài và chẳng bận tâm gì lắm đến những tiếng la mắng giận dữ của cấp tên. Tôi đã uống trà ba lần, mấy lần toan ngủ mà không được tôi đã đọc hết những chữ viết trên các cửa sổ và các bức tường: tôi cảm thấy chán ngán đến mức mù người đi. Thất vọng đến cực độ, tôi đã đưa mắt lạnh lùng nhìn đôi càng chống ngược của chiếc xe *tarantax* của tôi, thì bỗng nhiên có tiếng nhạc ngựa vang lên, và một chiếc xe nhỏ thảng ba con ngựa kiệt quệ dừng lại trước bậc tam cấp. Người mới đến nhảy ra khỏi xe và vừa reo lên: "Nhanh hơn ngựa!", vừa vào phòng. Trong lúc ông ta nghe viên trưởng trạm trả lời là không có ngựa và tỏ vẻ rất đỗi ngạc nhiên - sự ngạc nhiên quen thuộc trong những trường hợp như thế - tôi đã kịp đưa mắt nhìn từ đầu đến chân người bạn mới của tôi, nhìn với tất cả sự tò mò thêm thường của một người đang buồn chán. Ông ta nom khoảng chừng ba mươi tuổi.

Bệnh đậu mùa đã để lại dấu vết không thể xóa nhòa trên khuôn mặt khô gầy, vàng nhợt, lấp loáng như mạ đồng, nom đến khó coi của ông ta. Bộ tóc dài của ông ta quấn lại phía sau, nằm đè lên cổ áo, ở phía trước thì xoắn thành những chòm tóc mai ngang tàng. Cặp mắt nhỏ hum húp nhìn vu vơ, không có chủ định gì hết. Môi trên lớt phớt mấy sợi ria. Cách ăn vận của ông ta là cách ăn vận của một địa chủ phóng túng, một người hay lui tới các hội chợ bán ngựa: áo *arkhaluc* ([126]) sặc sỡ, khá lem luốc vì dầu mỡ, cà vạt lụa màu hoa cà đã bạc màu, gilê có cúc đồng và quần áo màu xám rất rộng ống, dưới gấu quần thò ra mũi của đôi ủng không được lau chùi. Người ông ta sực mùi thuốc lá và mùi vôtka. Trên những ngón tay đỏ và mập, bị che gần kín dưới ống tay áo, ta thấy những chiếc nhẫn bạc và nhẫn sắt Tula. Những nhân vật như thế, ta gặp ở Nga không phải là hàng chục, mà tới hàng trăm. Cần nói rằng làm quen với họ không đem lại điều gì thú vị. Nhưng, mặc dù tôi nhìn người mới đến bằng con mắt thành kiến, tôi không thể không nhận thấy vẻ hiền hậu vô tư lự và vẻ nồng nhiệt thể hiện trên mặt ông ta.

- Thì ông này chờ ở đây cũng đã hơn một tiếng rồi đấy. - Người trạm trưởng vừa nói vừa chỉ tôi.

"Hơn một tiếng!" - Lão già thâm hiểm này chế nhạo tôi.

- Có lẽ họ không vội bằng tôi - Người mới đến đáp.

- Cái đó thì chúng tôi không thể biết được. - Viên trưởng trạm nói với vẻ cau có.

- Vậy là không thể giải quyết được ư? Dứt khoát không có ngựa à?

- Chịu, không có một con ngựa nào cả.

- Thế thì ông bảo đặt ấm xamôva cho tôi đi. Chúng tôi đành đợi vậy, chẳng làm thế nào được.

Người mới tới ngồi xuống chiếc ghế dài, quẳng ái mũ cát lên bàn đưa tay vuốt tóc.

- Thế ông uống trà rồi à! - ông ta hỏi tôi.

- Uống rồi .

- Uống với tôi lần nữa cho vui có được không!

Tôi ưng thuận. Chiếc ấm xamôva màu hung xuất hiện trên bàn lần thứ tư. Tôi lấy chai rượu rum. Tôi không lầm khi đoán người nói chuyện với tôi là một tay quý tộc có điền trang nhỏ. Tên ông ta là Piôtr Pêtorôvits Karataep. Chúng tôi nói chuyện với nhau. Mới đến chưa được nửa giờ mà ông ta đã hết sức thành thực và hồn nhiên kể cho tôi nghe về cuộc đời ông ta.

- Bây giờ tôi đi Matxcova - ông ta vừa nói với tôi vừa uống nốt cốc trà thứ tư - ở làng bây giờ tôi chẳng có việc gì làm.

- Sao lại không có việc gì làm!

- Đúng là không còn biết làm gì nữa. Cơ nghiệp đã tan hoang cả, thú thực là tôi đã làm cho nông dân khánh kiệt. Mấy năm vừa qua là những năm rủi ro: mùa mất, hết tai họa này đến tai họa khác...

Vả chăng - ông ta nhìn ra chỗ khác với vẻ chán nản, nói thêm: - tôi có hiểu gì về việc làm ăn đâu!

- Sao thế?

Cũng phải thôi - ông ta ngắt lời tôi - Làm gì có những ông chủ như tôi! Ông thấy không - ông ta ngoẹo đầu sang bên, rút ống điếu liên tiếp và nói - Nhìn tôi, ông có thể tưởng rằng tôi cũng... nhưng phải thú thực với ông là học vấn của tôi xoàng thôi, đời sống không lấy gì làm dư dật. Ông tha lỗi, tính tôi vốn thành thật, và xét cho cùng thì...ông ta không nói hết lời và khoát tay. Tôi liền cả quyết với ông ta rằng ông ta lầm, tôi rất vui sướng được gặp ông ta và v...v...,rồi tôi nêu ý kiến rằng để quản lý điền trang thì không cần học thức cao lắm.

- Tôi đồng ý - ông ta đáp - tôi đồng ý với ông. Nhưng dù sao cũng cần có thiên hướng đặc biệt. Có người bóc lột nông dân như lột vỏ cây bồ đề, vậy mà cũng chẳng sao! Còn tôi... Xin hỏi, ông ở Pite hay Matxcova!

- Tôi ở Pite.

Ông ta thở một luồng khói dài qua hai lỗ mũi.

- Còn tôi đến Matxcova tìm một chân viên chức.

- Ông định vào làm ở đâu?

- Tôi chưa biết, đến đấy sẽ liệu. Thú thật với ông tôi sợ làm viên chức lắm: đúng là trách nhiệm đổ lên đầu. Trước nay tôi vẫn ở làng quê: quen đi rồi, ông biết đấy... nhưng cũng chẳng biết làm thế nào hơn.. Nghèo túng!... Ôi, cái túng nó làm tôi tôi!

- Nhưng ông sẽ được sống ở thủ đô.

- Ở thủ đô... Thực tình tôi cũng chẳng biết ở thủ đô có gì tốt đẹp. Để rồi xem, có thể là sống ở đây cũng thú vị... Nhưng tôi có cảm giác rằng chẳng thể nào hơn ở làng được.

- Chẳng lẽ ông không thể nào sống ở làng được ư!

Ông ta thở dài.

- Không thể được. Làng bây giờ là của ai, chứ không phải là của tôi nữa.

- Sao thế?

- Một người láng giềng tốt bụng của tôi đã đến ở đây Một tờ ngân phiếu, ông hiểu chứ!

Piôtr Pêtorôvits đáng thương đưa tay vuốt mặt, nghĩ ngợi và lắc đầu.

- Mà nói làm gì kia chứ!... - Ông ta im lặng một lát rồi nói thêm: - Thú thực là tôi cũng chẳng trách ai được, lỗi chính tại tôi. Tôi thích chơi nông!...Quả rước tôi đi, tôi cứ thích chơi nông!

- Ở làng ông ăn chơi ghê lắm phải không! - Tôi hỏi ông ta.

- Thưa ông - ông ta nói thông thả và nhìn vào mắt tôi - Tôi có mười hai đôi chó săn, và xin nói với ông là những con chó như thế không có nhiều lắm đâu (ông ta nói mấy tiếng cuối cùng bằng giọng ngân nga như hát). Thỏ mà bị chúng rượt thì cứ gọi là chạy đứt ruột mà không thoát nổi, khi đuổi chồn cáo thì chúng nhanh như rắn, đúng là những con rắn độc. Tôi có thể tự hào về những con chó săn thỏ. Bây giờ chuyện đó đã thuộc về dĩ vãng, chẳng cần gì phải nói dối. Tôi cũng không đi săn bằng súng nữa. Tôi có một con chó tên là Kôntexka, đánh hơi giỏi lạ thường, cái mũi thính tuyệt trần của nó không bỏ qua một cái gì. Đôi khi, tôi đến gần đầm lầy và bảo: "sục đi!". Nó mà đã không chịu tìm thì dù có dùng một tá chó khác cũng toi cộng thôi, không thể tìm ra cái gì được. Nhưng nó mà đã sục thì đúng là nó sục cuồng lên!... Ở nhà thì nó lê độ hết sức. Dùng tay trái đưa cho nó một miếng bánh mì và bảo: "Tên Do Thái ăn dở đây", vậy là nó không ngoạm miếng bánh ấy đâu, nhưng nếu đưa bánh bằng tay phải và bảo: "Miếng bánh này, một cô tiểu thư đã ném thử" thì nó đớp ngay lấy và chén hết luôn. Tôi có một con chó con do nó đẻ ra, con chó con rất tuyệt, tôi toan đem theo về Matxcova, nhưng một người bạn nài xin con chó và cả cây súng; anh ta bảo: "Ở Matxcova thì ông anh chẳng thiết cái trò đi săn nữa đâu, ở đây anh sẽ có những trò vui khác hẳn". Thế là tôi nhường cho anh ta cả con chó con, cả súng. Bởi vậy tất cả những cái đồ đều bỏ ở lại làng.

- Ở Matxcova ông cũng có thể đi săn được lắm chứ.

- Ồ không, có ích lợi gì! Tôi đã không giữ nổi tài sản của tôi thì bây giờ tôi phải chịu đựng. Tốt hơn hết là ông cho biết sinh hoạt ở Matxcova ra sao, có đắt đỏ lắm không.

- Không, không đến nỗi đắt lắm đâu.

- Không đắt lắm hả! ... Thế xin ông cho biết: ở Matxcova có người Digan không!

- Người Digan nào kia!

- Những người Digan vẫn đến hội chợ ấy mà.

- Có, ở Matxcova...

- Thế thì tốt. Tôi thích những người Digan, quả thật, tôi yêu họ...

Mắt Piôtr Pêtorôvits loé lên những tia vui vẻ phóng túng. Nhưng đột nhiên, ông ta ngo ngoáy trên ghế, rồi có vẻ nghĩ ngợi, cúi đầu xuống và chìa cái cốc không về phía tôi.

- Cho tôi xin ít rượu rum của ông.

- Nhưng hết cả trà rồi.

- Không sao, tôi uống không cần trà...Ôi chào!

Karataep gục đầu vào hai bàn tay và chống khuỷu tay lên bàn. Tôi lẳng lẳng nhìn ông ta và chờ những lời cảm thán nào ruột, thậm chí cả những giọt nước mắt mà người ta thăm hơi men thường rất dễ trào ra. Nhưng khi ông ta ngẩng đầu lên thì thú thực là tôi sững sốt vì vẻ mặt sầu khổ của ông ta.

- Ông làm sao thế!

- Không sao cả... tôi nhớ lại chuyện cũ. Một câu chuyện kỳ lạ... Tôi muốn kể cho ông nghe, nhưng lại e làm phiền ông.

- Xin ông kể cho nghe!

- Vâng - ông ta thở dài nói tiếp - đôi khi vẫn xảy ra những chuyện như thế... như câu chuyện xảy ra với tôi chẳng hạn. Nếu ông muốn nghe, tôi xin kể hầu ông. Nhưng tôi không biết...

- Ông kể đi, ông Piôtr Pêtorôvits quý mến.

- Có lẽ nó hơi... thì ông thấy đấy - ông ta bắt đầu nói - thực tình tôi không biết...

- Thôi, kể đi, ông Piôtr Pêtorôvits quý mến.

- Xin vâng. Đây là câu chuyện đã xảy đến với tôi. Hồi ấy tôi sống ở làng... Bỗng một cô gái lọt vào mắt tôi... Chà, một cô gái như thế nào mới được chứ... xinh đẹp, thông minh, mà lại tốt bụng biết bao! Tên cô là Matrena. Cô ta là con nhà thường dân, nghĩa là, ông hiểu đấy, cô ta là nông nô, chỉ là một kẻ nô tì. Mà lại không phải là nông nô của tôi, cô ta thuộc quyền người khác, ấy thế mới rầy. Tóm lại là tôi yêu cô ta - đúng là một chuyện kì khôi - và cô ta cũng yêu tôi. Rồi Matrena bắt đầu cầu xin tôi đến gặp bà chủ của cô để chuộc cô ra. Chính tôi cũng đã nghĩ đến chuyện ấy... Bà chủ của cô ta rất giàu, một bà khom già. Bà ta ở cách chỗ tôi chừng mười lăm dặm. Một buổi sáng đẹp trời kia, như người ta thường nói, tôi bảo thẳng ba con ngựa vào xe - con ngựa kéo chính của tôi là con ngựa chạy nước kiệu, con vật nòi Á châu kỳ dị, nhưng có tên là Lampurdôx... Tôi trang phục thực tươm và đến gặp bà chủ của Matrena. Đến nơi, tôi thấy: một toà nhà lớn, có chái đầu hồi, có vườn, Matrena đợi tôi ở một chỗ ngoặt, cô muốn nói chuyện với tôi, nhưng rồi chỉ hôn tay tôi và lánh đi. Tôi vào phòng ngoài, tôi hỏi: "Bà chủ có nhà không?" Một gã người hầu cao lớn nói với tôi: "Ông truyền cho thừa lại với bà chủ như thế nào ạ?" Tôi bảo: "Chú mày trình với bà rằng ông địa chủ Karataep đến có việc muốn thương lượng". Gã hầu đi. Tôi chờ và nghĩ thầm: sự thế rồi sẽ ra sao đây? Chắc mục yêu tinh này sẽ đòi một giá cao kinh khủng, chẳng thể mà mục lại giàu có. Có lẽ mục sẽ đòi đến năm trăm rúp. Gã đây tớ trở lại, gã nói: "Xin mời ông". Tôi theo gã vào phòng khách. Một cụ già choắt cheo, da vàng nhợt ngồi trong ghế bành và chớp chớp mắt. "Ông cần gì kia?". Ông biết đấy, tôi thấy trước hết là phải tuyên bố rằng tôi rất vui mừng được làm quen với bà chủ. "Ông nhầm rồi, tôi không phải là chủ nhân ở đây mà là một người họ hàng của bà chủ... ông cần gì xin cho biết?" Tôi liền nói cho cụ biết rằng tôi cần thương lượng với chính bà chủ kia. "Marya Ilinitsna không tiếp khách hôm nay: bà không được khỏe...Ông cần gì xin cứ cho biết?". Tôi tự nhủ: không còn làm

thế nào được nữa, phải trình bày với mặt tình cảnh của tôi thôi. Mẹ già nghe tôi từ đầu chí cuối. "Matrena hả? Matrena nào?" - "Matrena Fêđôropna, con gái Kulik" - "Con gái Fêđô Kulik...nhưng sao ông biết nó?" - "Do một sự tình cờ thôi" - Thế nó có biết ý định của ông không?" - "Biết ạ".

Mẹ im lặng. "Được, tôi sẽ cho nó biết tay, đồ khốn kiếp". Thú thực là tôi ngạc nhiên. "Vì lẽ gì, thưa bà?... Tôi sẵn sàng trả một số tiền để chuộc cô ấy ra. Chỉ xin các bà cho biết là bao nhiêu." Mẹ khom già rít lên. "Kì quặc chưa! Tưởng chúng ta cần tiền của họ lắm đấy? Còn con bé ấy thì được rồi, ta sẽ cho nó biết tay... Ta sẽ cho một trận nhừ tử, kỳ đến đêm ra ngó ngán thì thôi".

Mẹ cất tiếng ho sù sụ, vẻ tức giận. "Nó ở với chúng tôi không sướng hay sao?...À, đồ quỷ cái, lay Chúa tha thứ cho tội lỗi của con!" Thú thực với ông là lúc ấy tôi nổi nóng lên. "Vì cớ gì bà hăm dọa cô bé đáng thương? Vậy thì cô ấy có lỗi gì?". Mẹ già làm dấu thánh. "Ồi chao, lay Chúa tôi! Zêsu Crix! Lẽ nào tôi lại không có toàn quyền đối với những nông nô của tôi?" - "Nhưng cô ấy không phải là người của bà!" - "Ừ được, Marya Ilinitsna biết điều đó chứ: đấy không phải là việc của ông, còn về con bé Matreska thì tôi sẽ cho nó biết nó là nông nô của ai". Thú thực là suýt nữa tôi nhảy xổ vào con mẹ già, nhưng tôi sợ nhớ đến Matrena và đành thôi. Tôi hoảng không thể tả được. Tôi bèn năn nỉ mẹ già: "Bà muốn đòi bao nhiêu cũng được!" - "Nhưng ông cần con bé ấy để làm gì?" - "Tôi mến cô ấy, bà mẹ ạ; bà hãy tự đặt mình vào địa vị tôi xem... Cho phép tôi hôn tay bà". Và tôi đã hôn tay mẹ phù thủy! "Thôi được - Mẹ phù thủy lâu bầu - Tôi sẽ nói với Marya Ilinitsna, bà sẽ cho biết ý bà; còn ông thì hai ngày nữa ông đến đây". Tôi trở về nhà, trong lòng hết sức lo ngại. Tôi bắt đầu đoán ra rằng tôi lo liệu không khéo, tôi phớt bầy ruột gan ra như vậy là lắm, nhưng nghĩ lại thì đã muộn rồi.

Hai ngày sau, tôi đến gặp bà chủ. Người ta đưa tôi vào phòng làm việc của bà ta. Hoa rất nhiều, cách bài trí rất đẹp, bà ta ngồi trong chiếc ghế bành kiểu cách rất cầu kỳ, đầu ngửa ra phía sau, có gối đỏ. Mẹ già có họ với bà ta mà lần trước đã tiếp tôi cũng ngồi đấy, ngoài ra còn có thêm một tiểu thư tóc vàng hoe, mặc áo dài màu lá mạ, miệng méo, hẳn là người bầu bạn với bà chủ([127]). Bà già nói giọng mũi: "Mời ông ngồi". Tôi ngồi xuống. Bà ta bắt đầu hỏi tôi bao nhiêu tuổi, làm việc ở đâu, hiện đang có dự định làm gì, và bà ta nói những điều đó với vẻ kiêu kì, trang nghiêm. Tôi trả lời tỉ mỉ. Bà ta cầm lấy chiếc khăn tay trên bàn, phẩy phẩy vào mình...

Bà ta nói: "Katorina Karpôvna đã báo cho tôi biết ý định của ông, đã nói lại với tôi. Nhưng tôi đã tự đặt cho mình một nguyên tắc: không đưa người của tôi đi hầu hạ người khác. Như thế không lịch sự, nhà tử tế không làm chuyện đó. Tôi đã thu xếp đâu vào đấy, ông không phải lo ngại" - "Lo ngại gì đâu, thưa bà...Có lẽ bà cần Matrena Fêđôropna chăng?" - "Không, tôi không cần" - "Vậy thì tại sao bà không muốn nhường cô ấy lại cho tôi?" - "Bởi vì tôi không muốn, không muốn, có thể thôi. Tôi đã ra lệnh: nó bị tống khứ đến một làng trong thảo nguyên". Thật là sét đánh ngang tai tôi. Mẹ già nói đôi lời bằng tiếng Pháp với cô tiểu thư mặc áo xanh: cô ta đi ra.

Bà ta nói tiếp: "Tôi là một người đàn bà có những nguyên tắc nghiêm ngặt, thêm nữa, tôi không được khỏe, tôi không chịu đựng nổi sự nhộn nhào. Ông còn trẻ, tôi thì già rồi, và tôi có quyền khuyên nhủ ông. Ông nên ổn định cuộc sống, cưới vợ, tìm một đám xứng đôi có hơn không. Con gái nhà giàu thì hiếm, nhưng một cô gái nghèo mà tốt nết thì có thể tìm được". Ông biết không, tôi nhìn mẹ già mà chẳng hiểu mẹ nói lảng nhảng những gì. Tôi nghe mẹ nói về chuyện cưới xin gì đấy, nhưng câu nói về cái làng trong thảo nguyên vẫn âm vang bên tai tôi. Cưới vợ! quá quỉ.

Đến đây, người kể chuyện bỗng dừng lại và nhìn tôi.

- Ông chưa có vợ chứ gì?

- Chưa.

- Thì cố nhiên rồi, trông cũng biết.

- Tôi không chịu nổi: "Nhưng thưa bà, bà nói những chuyện linh tinh gì thế Cưới xin cái gì kia? Tôi chỉ muốn bà cho biết bà có nhường cô Matrena cho tôi hay không?". Mụ già tru tréo lên: "A, hấn quấy quả ta? A, bảo hấn xéo đi cho rảnh! A!..." Mụ có họ hàng với mụ chủ đầm bồ đến gần mụ chủ và quát mắng tôi. Còn mụ già vẫn rên rĩ: "Làm sao tôi lại phải cái tội cái vạ như vậy? Thế ra tôi không phải là chủ trong nhà của tôi nữa? Ôi cha cha!". Tôi vớ lấy mũ và chạy ra khỏi nhà mụ như thằng điên.

Người kể chuyện nói tiếp:

- Có lẽ ông sẽ chê trách tôi quá mê một cô gái thuộc tầng lớp hèn kém, tôi không có ý định tự bào chữa... Gặp cảnh ngộ như vậy thì biết làm sao. Nói ra sợ ông không tin...tôi ngày đêm ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi đau khổ. Tôi nghĩ ta có quyền gì giết chết một cô gái khốn khổ! Đôi khi, tưởng tượng thấy cô mặc áo xống vải thô lụa ngồng đi chẵn, cô bị đối xử tàn tệ (theo lệnh chủ) và tên trưởng ấp, một gã *mujich* đi đôi ủng quang dầu chửi mắng cô té tát, tôi thấy mồ hôi toát ra lạnh người. Thế rồi, không chịu đựng nổi, tôi dò hỏi xem cô bị đưa đến làng nào, tôi lên ngựa và đến đấy.

Gần chiều hôm sau tôi mới đến nơi. Rõ ràng, người ta không ngờ tôi lại liều lĩnh đến nước ấy và không hề ra lệnh phòng ngừa tôi. Tôi đến thẳng nhà trưởng ấp, làm như một người ở làng bên tát qua đây. Khi vào sân, tôi thấy Matrena ngồi ở bậc thềm, một tay đỡ đầu. Cô suýt kêu lên, nhưng tôi làm hiệu ngăn cô lại và chỉ ra cánh đồng mé sau nhà: Tôi vào nhà, tán hươu tán vượn với trưởng ấp, bịa ra đủ thứ chuyện để y khỏi ngờ vực, rồi lợi dụng cơ hội ra gặp Matrena. Cô gái khốn khổ đầm bồ đến đánh đu lên cổ tôi. . Cô xanh xao, gầy mòn đi, cô gái yêu của tôi. Tôi bảo cô: "Không sao, Matrena; không sao, đừng khóc", nhưng chính tôi cũng giọt ngấn giọt dài, nước mắt tự động cứ trào ra. .

Nhưng tôi cảm thấy hổ thẹn, tôi bảo cô: "Matrena, nước mắt không giúp ta trừ bỏ được tai họa, mà như người ta thường nói: cần phải hành động kiên quyết; cô nên bỏ trốn đi với tôi; phải làm như thế mới đúng". Matrena chết lặng người đi... "Sao lại thế được? Em sẽ chết mất, họ sẽ ăn tươi nuốt sống em mất thôi!" - "Em ngốc quá, ai sẽ tìm được em?" - "Họ sẽ tìm được, nhất định họ sẽ tìm được. Cám ơn anh, Piôtr Pêtorôvits, suốt đời em không quên mối tình thâm thiết của anh, nhưng bây giờ thì anh đừng bận tâm gì về em nữa; có lẽ số phận em nó như thế" - "Trời ơi, Matrena, Matrena, vậy mà anh vẫn coi em là một cô gái có nghị lực"... Và đúng là cô ấy có nhiều nghị lực... có tâm hồn, một tấm lòng vàng! "Tội gì em phải ở lại đây? Đảng nào cũng thế thôi; không thể tệ hơn đâu. Nào, em nói đi: em đã được nếm những quả đắng của tên trưởng ấp rồi chứ, hả?" Matrena đỏ bừng mặt lên, môi cô run run. "Em mà làm như vậy thì gia đình em sẽ không sống yên được đâu." - "Gia đình em... thế em cho rằng họ sẽ đuổi gia đình em đi nơi khác ư?" - "Nhất định, em trai em nhất định sẽ bị tổng đi" - "Còn ông cụ?" - "Thầy em thì không bị đuổi đi đâu; họ chỉ có thầy em là thợ may giỏi thôi mà" - "Áy dấy em thấy chứ; còn em trai em thì có bị đuổi đi cũng không chết đâu". Chẳng biết ông có tin không, tôi phải khó khăn lắm mới nói được cho cô xuôi xuôi theo ý tôi. Cô ấy vẫn còn nói tới chuyện tôi sẽ phải chịu trách nhiệm về việc đó. "Nhưng đấy không phải là việc của em" - tôi nói... Thế rồi tôi đã đưa cô ấy đi... Không phải lần ấy, lần khác kia. Ban đêm, tôi đánh xe ngựa đến và đưa cô ấy đi.

- Trót lọt chứ?

- Trót lọt. . . Thế là cô ấy về ở với tôi. Nhà tôi cũng nhỏ thôi, đầy tớ trong nhà không có mấy. Xin nói thẳng là họ kính trọng tôi. Bất cứ thứ lợi lộc nào cũng không thể làm cho họ phản bội tôi. Từ đấy tôi sống rất sung sướng. Matrena được nghỉ ngơi, đã lại sức; tôi càng gần bó với cô ấy... Một cô gái tuyệt diệu biết bao? Làm sao cô ấy lắm tài đến thế kia chứ? Cô ấy biết hát, biết

khieu vũ, lại biết chơi ghi ta . . . Tôi không thể cho những người xung quanh biết mặt cô ấy, họ sẽ kháo ầm lên thì khốn!

Tôi có một người bạn thân thiết, tên là Gornôxtaep Pantêlây, ông có biết không ạ? Anh ta quý Matrena vô chừng. Anh ta hôn tay cô ấy như hôn tay một bà quý tộc, thực thể đấy. Xin nói với ông rằng Gornôxtaep không phải như tôi đâu: anh ấy là người có học vấn, anh ấy đã đọc hết các tác phẩm của Puskin. Khi anh ấy ngồi nói chuyện với Matrena và tôi thì chúng tôi cứ đóng tai lên mà nghe. Anh ấy dạy Matrena viết chữ, anh chàng kì quặc thế. Tôi may sắm cho cô ấy diện mới sang chứ: đúng là còn sang hơn cả bà tỉnh trưởng. Tôi may cho cô ấy chiếc áo choàng nhung đỏ thắm, rìa viền da lông thú... Matrena mặc chiếc áo mới xứng làm sao! Một bà ở Matxcova đã may cái áo theo một mới nhất, chiết lưng rất đẹp. Matrena mặc cái áo ấy nom như tiên giáng trần! Đôi khi, cô ấy nghĩ ngợi và ngồi im hàng giờ, nhìn xuống sàn, lông mày không động đậy. Còn tôi cũng ngồi nhìn cô ấy, nhìn mãi không biết chán, dường như chưa bao giờ thấy cô ấy. Hễ cô ấy mỉm cười là tim tôi giật nảy lên như có ai gãi vào tim. Có khi cô ấy bỗng cất tiếng cười, đùa cợt, nhảy múa. Cô ấy ôm ghì lấy tôi, nồng nàn thắm thiết đến nỗi đầu óc tôi choáng váng cả lên. Nhiều khi, từ sáng đến tối tôi chỉ quanh quẩn với một ý nghĩ: làm thế nào cho cô ấy vui sướng?

Không biết ông có tin tôi không, chứ tôi mua cho cô ấy thứ này thứ kia cũng chỉ cốt để xem người yêu của tôi mừng rỡ như thế nào, mặt đỏ ửng lên vì vui sướng, ướm thử món quà tặng của tôi, mặc bộ y phục mới đến gặp tôi và hôn tôi. Không biết cách nào mà bố cô ấy - ông già Kulic - dò ra được sự việc. Ông già đến thăm chúng tôi và khóc như mưa như gió... Nhưng hẳn là ông cụ khóc vì vui sướng đấy thôi, phải không ông? Chúng tôi biếu ông cụ vô số quà. Cuối cùng, chính cô nàng yêu dấu của tôi đưa biếu bố tờ giấy năm rúp, và ông già sụp xuống dưới chân con gái, ông lão đến kì quặc! Chúng tôi sống với nhau như thế được năm tháng. Tôi muốn sống cả đời với cô ấy như thế, nhưng số phận của tôi thực đáng nguyên rủa. Piôtr Pêtorôvits dừng lại.

- Rồi sau đó đã xảy ra chuyện gì? - Tôi hỏi với vẻ thông cảm.

Ông ta khoát tay.

- Rút lại là hỏng bét cả. Chính tôi làm hại cô ấy. Matrenuska của tôi mê đi xe trượt tuyết lắm, chính cô điều khiển xe. Cô ấy mặc chiếc áo choàng, đi đôi bao tay thêu, thỉnh thoảng lại reo lên. Chúng tôi bao giờ cũng ngồi xe trượt đi chơi vào lúc chiều tối để tránh gặp bất cứ người nào. Thế rồi, có lần chúng tôi đi chơi vào một ngày vô cùng đẹp trời. Thời tiết giá rét, trời sáng sủa, không có gió...Chúng tôi đánh xe đi. Matrena cầm cương. Tôi chợt để ý xem cô ấy cho xe đi đâu? Ô kìa, chẳng lẽ cô ấy đến Kukuepka, làng của bà chủ cô ấy sao? Đúng rồi, trên đường tới Kukuepka đây. Tôi bảo cô ấy: "Em điên đấy à, cho xe đi đâu đấy?". Cô ấy ngoảnh lại phía sau nhìn tôi và nhoẻn miệng cười, như muốn nói: cho em đùa ngông một chút nào. A! Liều một cái chơi ! . . . Ngồi xe trượt đi dạo chơi qua nhà chủ kể cũng thú đấy chứ? Thú lắm chứ, phải không ông? Thế là chúng tôi cứ phóng đi. Con ngựa có nước kiêu lạ của tôi lướt như bay, những con ngựa phụ hăm hở lồng lên như gió cuốn: đã nhìn thấy nhà thờ Kukuep kia rồi. Tôi thấy một chiếc xe cũ kỹ màu lá mạ đang bò như rùa trên đường, và phía sau xe, một gã đầy tớ sừng sững như pho tượng...Bà chủ, bà chủ của Matrena đi chơi! Tôi hoảng sợ, nhưng Matrena dùng dây cương quất ngựa túi bụi, cho xe trượt lao thẳng vào chiếc xe kia! Ông hiểu đấy, gã đánh xe thấy chiếc xe ba ngựa của ai không rõ, dữ dội như xe của thần Chiến tranh, đang hung hăng lao vào xe hắn. Hắn muốn tránh sang bên, rẽ cương quá đột ngột làm cho xe của hắn đổ nhào vào đồng tuyết. Kính vỡ tan tành. Bà chủ kêu ầm lên: "Ồi-ôi-ôi! Ồi ối-ối! " Cô ả bầu bạn với bà chủ tru tréo: "Bắt lấy, bắt lấy!". Còn chúng tôi đánh bài chuồn, cho ngựa phóng thục mạng. Chúng tôi phóng như bay như biển, tôi nghĩ: sẽ có chuyện không hay, tôi cho cô ấy đóng xe về Kukuepka thực là dại dột. Ông nghĩ thế nào kia? Bà chủ hẳn đã nhận ra Matrena và nhận ra tôi, bà ta sẽ đâm đơn kiện tôi: con bé bỏ nhà tôi trốn đi hiện đang sống ở nhà ông địa chủ quý tộc Karataep. Và nhất định bà ta sẽ biện lễ chu tất để bọn kia sốt sắng giúp bà ta.

Ít lâu sau, viên cảnh sát trưởng của huyện đến gặp tôi. Y vốn là chỗ quen biết với tôi, tên y là Xtêpan Xerghêits Kuzôpkin, một người tốt, à mà không, thực ra y không tốt đâu. Gặp tôi, y bảo: sự việc như thế, như thế, ông Piôtr Pêtorôvits ạ, sao ông lại làm như vậy? ... Trách nhiệm rất lớn, về việc đó luật pháp đã qui định rõ ràng. Tôi bảo y: "Thôi được chuyện này tôi sẽ nói với ông sau. ông đi đường xa mệt nhọc, hãy ăn một chút cho lại sức đã chứ?" Ăn thì y đồng ý, nhưng y nói: "Công lý đòi hỏi phải cho mình bạch, ông Piôtr Pêtorôvits ạ, ông thử nghĩ mà xem". - "Cố nhiên rồi, phải có công lý - Tôi nói - Tất nhiên là thế. - À này, tôi nghe nói ông có con ngựa ô, ông có muốn đổi lấy con Lampurdôx của tôi không?... Còn cô gái Matrena Fêđôropna thì không nương náu ở nhà tôi đâu". - "Này, ông Piôtr Pêtorôvits ạ, cô gái ấy hiện ở nhà ông, chúng ta ở đây không phải trên đất Thụy Sĩ... Còn đổi ngựa của tôi lấy con Lampurdôx thì có thể được; vả chẳng, tôi muốn lấy không con ngựa của ông cũng được kia mà". Tuy vậy, lần ấy tôi cũng tổng khứ được y đi một cách êm thấm. Nhưng暮 già chạy chọt càng ráo riết hơn trước. Mụ nói: tốn hàng chục nghìn tôi cũng không tiếc. Ông biết không, duyên do là khi gặp tôi, mụ đã nảy ra ý nghĩ thu xếp cho tôi lấy cô bạn trẻ áo xanh của mụ, điều đó sau này tôi mới biết. Chính vì thế mụ mới nổi tam bành mụ lên. Những bà già giàu có như thế thường hay nghĩ ra lắm trò kỳ quái lắm!... Ngồi buồn mà. Tôi bị một phen lao đao: tôi cũng không tiếc tiền, còn Matrena thì tôi giấu một nơi, nhất định không chịu thua! Họ làm tôi khốn đốn trăm bề. Tôi đâm ra mắc nợ, sức khỏe suy sụp. . . Có đêm, tôi nằm trên giường, nghĩ ngợi: "Lạy Chúa, vì có gì mà ta phải chịu đắng cay như vậy? Nhưng ta không thể không yêu cô ấy được vậy thì biết làm sao?... Ta không thể không yêu cô ấy được có thể thôi!". Vừa lúc ấy Matrena chọt vào buồng tôi. Hồi ấy tôi đưa cô ấy đến náu ở một ấp của tôi ở cách nhà chừng hai dặm. Thấy cô, tôi kinh hoảng. "Sao thế" Hay là họ đã phát hiện ra em rồi sao?" - "Không, anh Piôtr Pêtorôvits ạ, ở Bupnôp chẳng có ai khiến em lo ngại; nhưng làm như thế liệu có được lâu bền không? Em đau lòng đứt ruột, anh Piôtr Pêtorôvits ạ. Em thương anh, anh yêu dấu của em. Suốt đời em sẽ không quên tình yêu thấm thiết của anh còn bây giờ em đến từ biệt anh đây - "Em nói gì thế, nói gì thế, em điên à? . Từ biệt thế nào? Sao lại từ biệt?" - "Thế này này... Em sẽ ra tự thú" - "Em điên à, anh sẽ giấu em trên gác trần... Hay em định giết anh đấy? Em muốn làm anh héo hắt đi mà chết sao?" Cô ấy lặng thinh và nhìn xuống sàn ghế. "Nào, em nói đi, nói đi chứ?" - "Em không muốn làm anh phải lo phiền nữa, anh Piôtr Pêtorôvits ạ". Cô ấy đã quyết ý như vậy thì ai làm sao cho chuyển được nữa . . . "Nhưng...em ngốc lắm, em có biết không, em có biết không...em thật là điên dại..."

Và Piôtr Pêtorôvits khóc nức lên một cách đau xót.

- Ông nghĩ thế nào kia? - ông ta nói tiếp, đấm tay xuống bàn và cổ chau mày, nhưng nước mắt vẫn chảy trên đôi má nóng bừng của ông ta. - Thế là cô gái đã ra tự nộp mình, cô ấy đi và tự nộp mình cho họ...

- Có ngựa rồi đấy! - Viên trưởng trạm chạy vào, hoan hỉ kêu lên.

Cả hai chúng tôi đều đứng dậy.

- Thế Matrena thì ra sao? - Tôi hỏi.

Karataep khoát tay không nói.

*

* *

Một năm sau cuộc gặp gỡ đó với Karataep, tôi có dịp đến Matxcova. Cố lần, trước bữa ăn trưa, tôi tạt vào hiệu cà phê ở phía sau dãy nhà Ôkhôtnui chuyên bán đồ dùng đi săn. Đây là một tiệm cà phê đặc sắc ở Matxcova. Trong phòng bi-a, qua những làn khói thuốc lá cuộn lên

như sóng, thấy thấp thoáng những khuôn mặt đỏ bừng, những bộ ria, những khóm tóc, những chiếc áo nẹp kiểu cổ của lính kỵ Hunggari và những chiếc áo *xviadoxlapka* kiểu mới nhất. Những ông già gầy còm, nhỏ bé, mặc áo xẻ vạt xoàng xĩnh, đang đọc báo Nga. Bọn người hầu bưng khay thoăn thoắt chạy đi chạy lại, bước nhẹ nhàng trên những tấm thảm màu lá mạ. Các nhà buôn uống trà, vẻ chăm chú, đau khổ. Bỗng có một người từ phòng bí a đi ra, đầu tóc hơi bù và bước đi hơi loạng choạng. Ông ta bỏ hai tay vào túi, rũ đầu xuống và ngơ ngác nhìn quanh.

- Ơ kìa! Piôtr Pêtorôvits... ông khỏe chứ?

Piôtr Pêtorôvits suýt nhảy tới ôm chầm lấy cổ tôi ông ta kéo tôi vào một căn phòng nhỏ đặc biệt, dáng đi của ông hơi ngật ngưỡng.

- Ngồi đây - ông vừa nói vừa ân cần kéo tôi ngồi xuống chiếc ghế bành - ở đây ông sẽ được thoải mái. Bồi, cho bia đây! À không, rượu sâm banh! Ô, thú thật là tôi không ngờ, không ngờ được gặp ông... ông đến đây lâu chưa? Ở chơi có lâu không? Trời đất run rủi, như người ta thường nói...

- Đúng, ông có nhớ...

- Sao lại không nhớ, không nhớ sao được! - Ông ta vội ngắt lời tôi - Nhưng chuyện ấy thuộc dĩ vãng rồi...đi vào dĩ vãng rồi...

- Nay, thế bây giờ ông làm gì ở đây, Piôtr Pêtorôvits thân mến?

- Tôi sống như ông thấy đấy. Ở đây sống thú vị lắm, người ở đây tính tình niềm nở, ở đây tôi được yên ổn.

Ông ta thở dài và ngược mắt nhìn lên trời.

- Ông làm việc ở công sở đấy chứ?

- Không, tôi vẫn chưa đi làm, nhưng tôi nghĩ rằng tôi cũng sắp kiếm được một chỗ. Mà nói chuyện đi làm làm gì kia chứ?... Người mới là cái chính. Ở đây tôi đã làm quen được với những người tốt biết bao!

Một thằng bé vào, bưng cái khay màu đen trên đặt chai sâm banh.

- Đây cũng là một người tốt này... Em cũng là người tốt, phải không, Vaxya? Chúc sức khỏe của em!

Thằng bé dừng lại, khẽ lắc đầu một cách lịch sự, mỉm cười và đi ra.

- Đúng, ở đây có những người tốt - Piôtr Pêtorôvits nói tiếp - có tình cảm, có tâm hồn... ông có muốn tôi giới thiệu ông với họ không? Đây là những chàng trai tuyệt diệu... Bọn họ sẽ rất vui sướng được làm quen với ông. Tôi sẽ nói... Buồn một nỗi là Bôbrôp mất rồi.

- Bôbrôp nào? - Xergây Bôbrôp. Một con người rất tốt: anh ấy đã chu cấp cho tôi, một kẻ ngu dốt ở chốn thảo nguyên. Cả Gornôxtaep Pantêlây cũng chết rồi. Họ chết cả rồi, chết hết cả rồi!

- Bấy lâu nay ông vẫn ở Matxcova đấy à? Không về làng lần nào à?

- Về làng... Làng của tôi bị đem ra bán rồi.

- Bán rồi ư?

- Bán đấu giá... ông không mua thật là hoài!

- Bây giờ ông sẽ sống bằng gì, Piôtr Pêtorôvits?

- Nhờ trời tôi sẽ chẳng chết đói đâu. Tiền thì sẽ không có, nhưng sẽ có bạn. Mà tiền là cái gì? Tro bụi! Vàng cũng là tro bụi!

Ông ta nheo mắt, cho tay vào túi lục lọi và giơ ra trước mặt tôi hai đồng mười lăm côpêch và một đồng mười côpêch đặt trên lòng bàn tay.

- Cái này là cái gì? Tro bụi! (Và mấy đồng tiền bị hất tung xuống sàn). Nhưng ông cho tôi biết điều này còn thú vị hơn: ông đã đọc Pôlêiaep ([128]) chưa?

- Đọc rồi.

- Thế ông đã xem Môtsalốp ([129]) trong vai Hăm lét chưa?

- Chưa, chưa xem.

- Chưa xem, chưa xem... (Mặt Karataep tái đi, mắt nhón nhác; ông ta quay đi; môi ông ta khê giật giật). A, Môtsalốp, Môtsalốp! "Chấm dứt cuộc sống - tức là ngủ?" - Ông ta đọc bằng giọng khàn khàn:

Đúng! Và phải biết rằng giấc ngủ này

Sẽ kết thúc buồn đau và trăm ngàn đón giáng.

Số phận cuộc đời của những người đang sống...

Cái kết thúc này xứng với những ước vọng cuồng say!

Chết... ngủ thiếp đi...

- Ngủ, ngủ! - ông ta lẩm bẩm mấy lần.

- Nay, ông cho biết - Tôi toan lên tiếng, nhưng ông ta hăm hờ đọc tiếp:

Ai chịu nổi đòn roi và miệng nhạo cười của thế kỷ,

Sự bất lực của luật hình, uy quyền của những tên độc tài thống trị,

Nỗi tủi hờn của người kiêu hãnh, mối tình lụy bị lãng quên, Sự khinh miệt của những kẻ đáng khinh đối với các chiến công, Khi ấy người đó có thể thanh thoi tặng cho ta một đòn giáng

Ô trong lời cầu nguyện thiêng liêng của người hãy nhắc tới tội lỗi của ta đã phạm.

Ông ta gục đầu xuống bàn, bắt đầu nói lắp bắp, lảm nhảm.

- "Tháng trời thắm thoát có là bao" – Ông ta lại thốt lên với vẻ hăng hái:

Tháng trời thắm thoát có là bao

Đôi dép bà đi đã vệt nào!

(Đôi dép bà lê theo nước mắt

Tiến bố tôi ra huyết mới dào)

Dẫu là giống vật vô tư nữa

Có lẽ còn chưa vơi nỗi sầu...

Ông ta đưa cốc rượu sâm banh lên môi, nhưng không uống và đọc tiếp:

Hécuba ấy là ai?

Cô ta với hấn giữa hai người này,

Có quan hệ thế nào đây?

Không bỗng dưng mà hấn khóc ?

Còn ta, tên nô lệ tồi tàn, nhu nhược

Và hèn nhát nữa! Ai nói gì cũng được!

Vô dụng à ? Xảo trá ? Có sao đâu!

Ta vốn người dũng mãnh tựa... bờ câu

Từ bé đã teo gan và lép mặt

Sự xúc phạm chẳng làm ta phẫn uất.. .

Karataep buông rơi cốc rượu và hai tay ôm lấy đầu. Tôi có cảm giác rằng tôi hiểu ông ta.

- Nhưng mà thôi, cần quái gì - Cuối cùng, ông ta thốt lên - Ai nhắc lại chuyện cũ, kẻ ấy lòi mắt ra... Phải không nào? (Và ông ta bật cười). Chúc sức khỏe ông.

- Ông sẽ ở hẳn tại Matxcova chứ? - Tôi hỏi ông ta.

- Tôi sẽ chết ở Matxcova!

- Karataep! - Có tiếng gọi ở phòng bên - Karataep, anh đâu rồi? Lại đây, bạn thân mến.

- Họ gọi tôi - ông ta vừa nói vừa đứng lên với vẻ nặng nhọc - Tạm biệt. Nếu có dịp, mời ông ghé đến tôi chơi, tôi ở...

Nhưng hôm sau, không thể lường trước được, tôi phải rời khỏi Matxcova và không gặp Piôtr Pêtrôvits nữa.

CUỘC HẸN HỒ

Có lần vào mùa thu, khoảng giữa tháng chín, tôi ngồi trong một khu rừng phong. Từ sáng sớm, đã mấy lần trời đổ mưa lâm thâm, đôi lúc lại hửng sáng. Thời tiết thất thường. Bầu trời khi thì đầy những đám mây trắng xốp bao phủ khắp nơi, khi thì chỗ này chỗ kia bỗng quang hẳn đi trong giây lát và mây tản ra để hé lộ khoảng trời xanh tươi sáng, dịu hiền như con mắt đẹp. Tôi ngồi nhìn xung quanh và nghe ngóng. Lá cây rì rào rất khẽ trên đầu tôi; chỉ nghe tiếng rì rào của chúng cũng có thể nhận ra lúc này là mùa nào trong năm. Đây không phải là nhịp điệu rung rinh, vui vẻ và tươi cười của mùa xuân, không phải là tiếng thì thào êm nhẹ, không phải là tiếng lao xao triền miên của mùa hè, không phải là tiếng thỏ thẻ rụt rè và lạnh lùng của tiết cuối thu, mà là tiếng ú ớ khó nghe rõ trong cơn mơ ngủ, nơi gió lướt nhẹ trên các ngọn cây. Quang cảnh bên trong khu rừng ẩm ướt không ngừng thay đổi, tùy theo mặt trời chiếu sáng hay bị mây che lấp. Khi thì rừng bừng sáng, như thể mọi vật trong rừng đều mỉm cười: những thân cây màu lụa trắng óng ả; những chiếc lá nhỏ nằm trên mặt đất bỗng lấp lóe như những đồng tiền vàng; còn những cụm dương xỉ lá xoắn, mọc cao đã nhuộm cái màu sắc mùa thu riêng của nó, nom giống như màu nho chín mẫm, và để lộ ra những cọng thân hình xinh đẹp luôn luôn quấn quít và đan chéo vào nhau trước mắt tôi. Khi thì mọi vật xung quanh đột nhiên nhuộm sắc xanh phơn phớt: những màu rực rỡ chợt biến mất, những cây phong vẫn trắng, nhưng không còn óng ánh, mà trắng như tuyết mới rơi, chưa hề bị một tia sáng lạnh lẽo của vàng mặt trời mùa đông chạm đến; và cơn mưa rây hạt lại rắc xuống, lén lút, quỉ quyệt, thì thầm trong rừng.

Lá phong dường như vẫn còn xanh nguyên, tuy có nhạt đi rõ rệt. Duy có đôi chỗ, ta thấy một chiếc lá non duy nhất đỏ tuyền hay vàng tuyền và cần phải thấy chiếc lá sáng rực lên dưới ánh mặt trời, khi những tia nắng óng ánh nhiều màu bất ngờ xuyên qua mạng lưới dày của những cành cây mảnh vừa được làn mưa lấp lánh gột rửa. Không một tiếng chim hót: chim hót ẩn náu hết và im tiếng. Chỉ thỉnh thoảng, chú sẻ ngô cất lên cái giọng giễu cợt, ngân vang như tiếng rung của cái lục lạc bằng thép. Trước khi dừng lại ở khu rừng phong này, tôi đã cùng con chó của tôi đi qua một khu rừng hoàn điệp liễu cao. Nói thực tình, tôi không thích loại cây này lắm: thân nó màu tím nhợt, lá xanh xám như màu kim loại, cây giương lá lên thật cao và xòe ra trong không trung như cái quạt rung động. Tôi không ưa cái chuyển động đung đưa bất tuyệt của những chiếc lá tròn luôm thuộm, dính một cách vụng về vào những cọng lá dài. Cây hoàn điệp liễu chỉ đẹp vào đôi ba chiều hè, khi nó vươn cao đơn độc giữa những bụi cây thấp, chặn ngang những tia nắng đang ngả sang màu đỏ của vàng mặt trời đang lặn, và vừa loé sáng vừa run rẩy, từ rễ đến ngọn tràn ngập một màu đỏ tía pha ánh vàng chỗ nào cũng đều như nhau; hay vào một ngày sáng sủa có gió, cây lay động ồn ào và rì rào trên nền trời xanh, và mỗi chiếc lá của nó vươn theo chiều gió, dường như muốn bút ra, bay đi và rong ruổi về nơi xa xăm. Nhưng nói chung tôi không ưa loại cây đó và vì vậy tôi không dừng lại nghỉ trong khu rừng hoàn điệp liễu, mà cố đi tới cánh rừng phong, trú dưới cái cây nhỏ cành xòe ra ngay gần mặt đất, có thể che mưa cho tôi. Sau khi đã ngắm nghía thoả thích cảnh vật xung quanh, tôi thiếp đi trong giấc ngủ êm đềm và say sưa mà chỉ những người đi săn mới biết được.

Tôi không thể nói rõ là tôi ngủ bao nhiêu lâu, nhưng khi tôi mở mắt ra thì cả rừng đã tràn ngập ánh sáng mặt trời và ở tất cả mọi phía, bầu trời xanh tươi đã lộ ra qua đám lá reo vui sung sướng và dường như bắn ra tia sáng. Mây bị trận gió mạnh mới nổi lên dồn đuổi, đã lẫn trốn hết. Trời quang tạnh, và trong không khí, ta cảm thấy cái hơi mát khô ráo đặc biệt khiến cho trái tim ta tràn đầy hứng khởi, cái hơi mát hầu như bao giờ cũng báo trước một buổi tối thanh

tĩnh sau một ngày mưa gió. Tôi đã toan trở dậy và thử vận may lần nữa thì bỗng nhiên mắt tôi dừng lại ở một hình dáng người không nhúc nhích. Tôi nhìn kỹ thì thấy đó là một cô gái nông dân trẻ măng. Cô ngồi cách tôi chừng hai chục bước, cúi đầu có vẻ nghĩ ngợi và hai tay đặt trên đầu gối. Một bàn tay nửa nắm nửa mở, trên đặt bó hoa đồng lớn, cứ mỗi lần cô thở, bó hoa lại trượt xuống một chút trên cái váy bằng vải kẻ ô vuông của cô. Chiếc sơ mi trắng sạch tinh, cài ở cổ và ở tay, ôm sát lấy thân hình cô bằng những đường nếp nhỏ mềm mại. Hai nhánh hạt cườm to màu vàng buông từ cổ xuống ngực cô. Cô gái nom rất khát. Mái tóc dày màu vàng tro tuyệt đẹp rẽ thành hai hình bán nguyệt chải chuốt cẩn thận, nằm gọn dưới tấm khăn choàng hẹp màu đỏ thẫm, chít gần sát tới vầng trán trắng như ngà. Phần còn lại của khuôn mặt cô nhuốm một nước râm hồng phơn phớt ánh vàng: chỉ có làn da rất mịn mỏng mới bắt màu nắng được như thế. Tôi không thể nhìn thấy mắt cô, cô không ngược mắt lên, nhưng tôi thấy rõ đôi lông mày cao thanh tú, hai hàng mi dài của cô: hai hàng mi uơn ướn, và ở một bên má cô, một vệt nước mắt đã khô long lanh dưới ánh mặt trời, vệt nước mắt dừng lại ngay sát cặp môi đã hơi nhợt đi. Toàn bộ cái đầu xinh xắn của cô nom rất dễ ưa; ngay cả cái mũi hơi to và tròn cũng không làm khuôn mặt xấu đi. Tôi đặc biệt ưa thích vẻ mặt cô: nó mới giản dị và nhu mì làm sao, nó đượm buồn và đầy vẻ băn khoăn trề thờ trước nỗi buồn của chính bản thân cô. Có lẽ cô chờ một người nào; trong rừng có tiếng lắc rắc khe khẽ, cô lập tức ngẩng đầu lên và quay lại nhìn. Dưới bóng chiều trong suốt, đôi mắt to, sáng, nhút nhát như mắt hươu của cô vụt sáng loé lên trước mặt tôi. Cô lắng nghe giây lát, đôi mắt mở rộng không rời khỏi phía có cái âm thanh yếu ớt vang tới, rồi cô thở dài, hơi ngoảnh đầu đi, càng cúi thấp đầu hơn nữa và bắt đầu chọn hoa một cách chậm chạp. Mí mắt cô đỏ lên, đôi môi mấp máy với vẻ chua xót, và từ dưới hàng mi dày rậm, một giọt nước mắt lại lăn xuống, dừng lại bên má cô và loé sáng. Cứ như thế khá lâu vẫn chưa có gì khác; cô gái đáng thương không nhúc nhích, chỉ thỉnh thoảng cô dang hai tay ra với vẻ buồn bã và lắng nghe, luôn luôn lắng nghe... Lại có tiếng động trong rừng, cô gái giật mình. Tiếng động vẫn vang tới không ngớt, mỗi lúc một rõ hơn, gần hơn, cuối cùng đã nghe thấy tiếng bước chân quả quyết nhanh nhẹn. Cô vươn thẳng người lên và dường như e sợ; luồng mắt chăm chú của cô run rẩy, rục lên vẻ chờ đợi. Bóng một người đàn ông thấp thoáng lướt nhanh trong rừng. Cô nhìn chăm chăm, mặt bỗng đỏ bừng lên, cô mỉm cười sung sướng, chứa chan hạnh phúc, cô toan đứng lên nhưng rồi lại rũ người xuống, tái nhợt đi và bối rối. Mãi đến khi người đàn ông kia dừng lại cạnh cô, cô mới ngược cặp mắt bối rối, gần như van vỉ lên nhìn người mới tới.

Từ chỗ ẩn nấp, tôi tò mò nhìn người đàn ông kia. Thú thực là gã không gây cho tôi cảm giác dễ chịu. Mọi đặc điểm bề ngoài của gã cho thấy đây là một gã hầu phòng được nuông chiều của một người quý tộc trẻ tuổi giàu có. Y phục của gã tiết lộ một điều là gã có tham vọng tỏ ra biết ăn vận trang nhã, xuềnh xoàng nhưng vẫn bảnh bao. Gã mặc chiếc măng tô ngắn màu đồng hun, có lẽ là măng tô của chủ thái cho, cài cúc đến tận cổ, đeo chiếc cà vạt hồng có những đầu cuối màu tím hoa cà, chiếc mũ cát kết bằng nhung đen có đai màu vàng óng đội sụp đến tận lông mày. Cái cổ tròn của chiếc sơ mi trắng chống dựng tai gã lên, cửa vào má, còn hai ống tay áo hồ bột che gần kín bàn tay, chỉ để hở ra những ngón tay đỏ, cong cong, đeo những chiếc nhẫn bạc và vàng nạm những cành cỏ lưu li bằng ngọc lam. Mặt gã hồng hào, tươi tỉnh, lắc cắc, thuộc loại những khuôn mặt mà theo chỗ tôi biết, bao giờ cũng làm cho đàn ông ghét cay ghét đắng, nhưng tiếc thay, lại rất hay được các cô ưa thích. Rõ ràng, gã cố tạo cho những đường nét thô kệch của mình một vẻ khinh khỉnh và chán chường. Gã luôn luôn nheo cặp mắt màu sữa xám đục vốn cũng đã quá nhỏ của mình lại, nhăn mặt, trề hai góc mép xuống, ngáp một cách gương gạo, và khi thì đưa tay lên với vẻ ung dung uể oải, nhưng không khéo léo lắm, sửa lại hai mái tóc mai màu hung xoắn cong lên một cách ngang tàng, khi thì véo những sợi lông tơ màu vàng lún phún đan ra trên làn môi trên to dày - tóm lại, gã làm điệu không thể chịu được. Gã bắt đầu làm bộ làm tịch khi vừa thấy cô gái nông dân đợi gã. Gã đi thông thả, khệnh khạng tới gần cô, đứng một lát, nhún vai, thọc hai tay vào túi áo bành tô, và sau khi ban cho cô gái đáng thương một cái nhìn nhanh và hờ hững, gã ngồi xuống đất.

- Thế nào - gã hỏi, mắt vẫn nhìn ra một chỗ nào khác, đừng đưa một chân và ngáp - Cô đến đây lâu chưa?

Cô gái không thể trả lời gã ngay được.

- Lâu rồi, anh Victor Alêxandruts ạ - Cuối cùng, cô lí nhí thốt lên.

- À? (gã bỏ mũ, oai vệ đưa tay lên vuốt mái tóc dày xoắn thành búp xoắn tít, gần như bắt đầu ngay từ sát lông mày và đường hoàng đưa mắt nhìn quanh, rồi lại chụp mũ lên che, cái đầu quý giá của mình) - Thế mà suýt nữa tôi quên băng hăn đi. Mà cô thấy đấy, trời lại mưa! (Gã lại ngáp). Công việc ngập đầu: không thể để mắt đến tất cả mọi việc được vậy mà ông ấy còn mắng mỏ nữa kia chứ. Mai chúng tôi đi...

- Mai à? - Cô gái thốt lên và nhìn gã, hoảng hốt!

- Ừ, mai... Này, này, thôi, xin cô - Gã vội nói tiếp với vẻ bức tức khi thấy cô gái run rẩy khắp toàn thân và lặng lẽ cúi đầu xuống. - Tôi xin cô, Akulina, đừng khóc. Cô biết đấy, tôi không thể chịu nổi cái trò ấy (gã nheo cái mũi tẹt), không thì tôi đi ngay bây giờ... Thút thít, thút thít, thật là vớ vẩn!

- Thôi, em không khóc nữa, em không khóc nữa đâu - Akulina nói hấp tấp, gắng gượng nuốt nước mắt - Thế ngày mai anh đi ư? - Cô nói thêm sau một lúc im lặng - Bao giờ Chúa sẽ lại cho chúng ta gặp nhau, anh Victo Alêxandruts?

- Chúng ta sẽ lại gặp nhau, thế nào cũng còn được gặp, không sang năm thì sau này. Hình như ông chủ muốn tìm một chức việc ở Pêtecxbua - Gã nói tiếp với vẻ dửng dưng, hơi dùng giọng mũi - có khi chúng tôi còn ra nước ngoài cũng nên.

- Anh sẽ quên em thôi, anh Victo Alêxandruts ạ, Akulina buồn rầu thốt lên.

- Không, sao lại thế? Tôi sẽ không quên cô: nhưng cô phải khôn mới được, đừng có đại dốt thế, nên nghe lời bố... Còn tôi sẽ không quên cô đâu, khô-ông! (Gã lại điềm nhiên vươn lại và ngáp).

- Đừng quên em, anh Victo Alêxandruts nhé : Cô nói tiếp, giọng van vỉ - Em yêu anh vô chừng, có thể nói là tất cả vì anh... Anh bảo em phải nghe lời bố, anh Victo Alêxandruts... Nhưng phải nghe lời bố như thế nào kia?

- Cái gì? (Gã vẫn nằm, hai tay đặt dưới đầu, gã thốt lên những tiếng đó như ợ ra từ dạ dày).

- Nhưng làm thế nào kia, anh Victo Alêxandruts, chính anh biết đấy... - Cô im bặt. Victo nghịch sợi dây chuyền thép của chiếc đồng hồ bỏ túi.

- Akulina, cô là một cô gái không đến nỗi dần - Cuối cùng gã lên tiếng - vì vậy đừng nói vớ vẩn. Tôi mong cho cô được tử tế hăn hoi, cô hiểu tôi chứ? Cố nhiên cô không phải là dần, không hoàn toàn là quê kệch, và mẹ cô cũng không phải xưa nay vốn là người quê kệch. Nhưng tuy thế cô vẫn không có học vấn vì vậy khi người ta nói thì phải biết nghe.

- Nhưng thật kinh khủng, anh Victo Alêcandruts ạ.

- Úi chà, nói vớ vẩn gì thế, cô em yêu quý: có gì đáng sợ? Cô có cái gì thế - Y nói thêm, nhích lại gần cô gái - hoa à?

- Hoa - Akulina đáp với vẻ rầu rĩ - Em hái cúc ngoài đồng - Cô nói tiếp, hơi tươi tỉnh lên - cái này cho bê ăn rất tốt. Còn đây là cỏ hai răng ([130]), dùng chữa bệnh tràng nhạc. Anh xem bông hoa nhỏ kỳ lạ chưa này, từ bé đến giờ em chưa thấy bông hoa nào xinh đến thế. Đây là cỏ

lưu li, còn đây là hoa bông nạc... Còn cái này em dành tặng anh - Cô nói thêm, rút dưới đám cúc ngải màu vàng ra một bó xà cúc nhỏ màu xanh da trời buộc bằng sợi cỏ mảnh - anh có nhận không?

Victo uể oải đưa tay cầm lấy, hờ hững ngửi hoa, và bắt đầu xoay đi xoay lại hoa giữa các ngón tay, đồng thời nhìn lên cao với vẻ nghiêm trang, trầm mặc. Akulina nhìn gã... Cái nhìn buồn rầu của cô chứa chan lòng trung thành triu mến, vẻ ngoan ngoãn sùng kính và tình yêu thầm thiết. Cô vừa sợ gã, vừa không dám khóc, vừa vĩnh biệt gã, vừa chiêm ngưỡng gã lần cuối cùng. Còn gã nằm ườn ra như ông vua Thổ Nhĩ Kỳ, chịu đựng sự tôn sùng của cô với vẻ kiên nhẫn và khoan dung của đấng bề trên độ lượng. Thú thực là tôi phần nộ khi nhìn bộ mặt đỏ hồng của gã, bộ mặt mà trên đó, qua vẻ dửng dưng khinh khỉnh giả tạo, ta vẫn thấy lộ ra cái vẻ tự đắc mãn nguyện. Lúc này, Akulina nom mới xinh làm sao: cả tâm hồn cô phơi bày ra trước mặt gã, còn gã... gã buông rơi những bông xà cúc xuống cỏ, lấy trong túi bên áo bành tô ra một cái mắt kính tròn lấp trong khung đồng đen và bắt đầu áp nó vào mắt. Nhưng mặc dù gã cố hết sức giữ nó bằng hàng lông mày cau lại, bằng bên má nhướn lên và thậm chí cả bằng mũi, cái kính vẫn tuột ra và rơi xuống tay gã.

- Cái gì đấy? - Akulina ngạc nhiên, hỏi gã.

- Kính một mắt - Gã đáp với vẻ quan trọng.

- Để làm gì cơ?

- Để nhìn cho rõ hơn!

- Cho em xem nào.

Victo nhăn mặt, nhưng đưa cho cô cái kính.

- Khéo kéo đánh vỡ mất đấy; - Anh yên tâm, không vỡ đâu (cô rụt rè đưa kính lên mắt). Em chẳng thấy gì cả - Cô thốt lên với vẻ ngây thơ.

- Cô phải nheo mắt lại chứ - Gã nói với giọng của ông thầy không hài lòng về đứa học trò (Cô nheo con mắt áp mắt kính). Không phải, không phải con mắt ấy, đồ ngốc ạ! Mắt kia cơ! - Victo kêu lên, và không để cho cô kịp sửa lại sai lầm của mình, gã giật phắt lấy cái kính.

Akuiina đỏ mặt, khẽ bật cười và quay đi.

- Có lẽ bọn con gái chúng em không dùng được cái này - Cô nói.

- Thì đã hản!

Cô gái đáng thương im lặng và thở dài. - Chao ôi, anh Victo Alêxandruts, không có anh, em sẽ sống thế nào đây! - Cô bỗng lên tiếng.

Victo dùng vạt áo lau kính và lại cho cái kính vào túi.

- Đúng, đúng - Cuối cùng, gã nói - Lúc đầu cô sẽ khổ tâm, đúng thế. (Gã vỗ vai cô với vẻ hạ cố, cô nhẹ nhàng đỡ lấy tay gã trên vai và rụt rè hôn tay gã) - ừ đúng thế, cô đúng là một cô gái tốt bụng - gã mỉm cười tự mãn, nói tiếp - nhưng làm thế nào được? Cô thử nghĩ mà xem! Tôi với ông chủ không thể ở lại đây được; mùa đông sắp đến rồi, mà mùa đông ở làng thì cô biết đấy, khó chịu hết chỗ nói. Đâu có như ở Pêtecxbua! Ở đấy có những cái lạ kỳ đến nỗi một cô bé ngốc nghếch như cô không thể nào tưởng tượng ra được, dù là trong giấc chiêm bao đi nữa. Nhà cửa, phố xá nguy nga tráng lệ, còn giới thượng lưu và trình độ học vấn thì thật đáng kinh ngạc!...

(Akulina nghe gã nói, chăm chú như nuốt từng lời, môi hé mở như đứa trẻ con). - Nhưng tôi nói chuyện ấy với cô để làm gì nhỉ? - Gã trở mình trên mặt đất, nói thêm - Chẳng nào cô cũng không thể hiểu nổi cơ mà.

- Sao lại thế, anh Victo Alêxandruts? Em hiểu, em hiểu hết.

- Khoác chưa?

Akulina gằm mặt xuống.

- Trước kia anh chẳng nói năng như thế với em bao giờ cả, anh Victo Alêxandruts ạ - Cô nói, không ngước mắt lên.

- Trước kia ư?... trước kia! Rõ khéo cái cô này!...Trước kia! - Gã nói, ra vẻ tức giận.

Cả hai cùng im lặng một lát.

Nhưng đã đến lúc tôi phải đi rồi đây - Victo thốt lên và chống khuỷu tay toan nhồm dậy...

- Hãy nán lại một lát nữa đã - Ankulina nói như van vãn.

- Để làm gì kia? ... Thì tôi đã đến từ biệt cô rồi kia mà.

- Gượng đã, anh - Akulina nhắc lại.

Victo lại nằm xuống và bắt đầu huýt sáo.

Akulina vẫn không rời mắt khỏi gã. Tôi có thể nhận thấy cô hơi xúc động: môi cô hơi co giật, đôi má tái nhợt hơi hồng lên...

- Anh Victo Alêxandruts - Cuối cùng, cô thốt lên, nghẹn ngào - anh là người có tội... Anh có tội với trời, anh Victo Alêxandruts ạ, em nói có Chúa trời chứng giám!

- Tội lỗi gì nào? - Gã cau mày, hơi nhóm lên và quay đầu về phía cô, nói.

- Anh có tội, Victo Alêxandruts ạ. Ít ra anh cũng nên nói với em một lời triu mến lúc chia tay; ít ra anh cũng nên nói một lời âu yếm với con bé khốn khổ bị bỏ rơi này chứ...

- Nhưng tôi nói gì với cô được?

- Em không biết. Điều đó anh biết rõ hơn chứ, anh Victo Alêxandruts ạ. Anh sắp đi, ít ra cũng nên có một lời... Em có lỗi gì mà bị hắt hủi như thế?

- Cô kỳ lạ thật? Tôi có thể làm gì được nào?

- Nên có lấy một lời...

- Chà, cứ tấu mãi một điệu chán ngấy - Gã thốt lên với vẻ bức bối và đứng dậy.

- Đừng giận, anh Victo Alêxandruts - Cô vội nói thêm, cố cầm nước mắt.

- Tôi không giận, nhưng cô ngốc nghếch quá...Cô muốn gì? Tôi không thể lấy cô làm vợ được kia mà? Phải không nào? Vậy thì cô muốn gì? Muốn gì nào? (Gã cúi đầu xuống như đợi câu trả lời và xòe các ngón tay ra).

- Em chẳng... em chẳng muốn gì cả - Cô đáp ngập ngừng và đánh bạo giơ hai tay run rẩy về phía gã - nhưng ít ra anh cũng nên có một lời trước lúc chia tay...và nước mắt cô trào ra như suối.

- Biết mà, lại khóc rồi - Victo nói một cách lạnh lùng và gạt cái mũ ở phía sau gáy cho nó sụp xuống mắt.

- Em chẳng muốn gì cả - Cô nói tiếp, vừa nức nở vừa đưa hai tay lên bưng mắt - Nhưng bây giờ tình cảnh em trong gia đình sẽ như thế nào, sẽ như thế nào đây? Đòi em rồi sẽ ra sao, đòi em rồi sẽ ra sao? Khốn khổ thân em. Em còn biết bầu vú vào đâu, rồi đến bị gả cho một kẻ mà em không yêu mất thôi... Cái số em thật chẳng ra gì!

- Cứ hát mãi, hát mãi một điệu chán ngấy! - Victo lầu bầu và đổi chân đứng với vẻ sốt ruột - Nhưng ít ra cũng nên có một lời, dù chỉ một lời thôi... Chẳng hạn như: Akulina... anh...

Những tiếng khóc nức nở như xé lồng ngực đột nhiên bật ra, khiến cô không thể nói hết lời, cô nằm úp mặt xuống cỏ và khóc một cách chua xót, cay đắng... Toàn thân cô run bần bật, gáy cô cứ nẩy lên... Nỗi đau xót bị kìm hãm quá lâu cuối cùng đã ào ạt tuôn ra như thác. Victo đứng một lúc nhìn cô, đứng một lúc rồi nhún vai, quay gót và bỏ đi, bước những bước dài. Mấy giây trôi qua... Cô đã bót xúc động, ngẩng đầu lên, chồm dậy, nhìn quanh và giơ hai tay lên trời. Cô muốn chạy theo gã, nhưng chân cô bủn rủn, cô ngã quì xuống...

Tôi không cảm lòng được và đâm bổ về phía cô. Nhưng vừa nhìn rõ tôi thì sức lực từ đâu không rõ lại đến với cô: cô kêu lên một tiếng yếu ớt, bật dậy và biến mất sau đám cây, để lại những bông hoa tung toé trên mặt đất.

Tôi đứng một lát, nhặt bó hoa xa cúc lên và rời khỏi rừng ra cánh đồng. Mặt trời đã xuống thấp trên bầu trời sáng sữa nhưng nhợt nhạt. Những tia sáng mặt trời dường như cũng nhợt đi và trở nên lạnh lẽo: chúng không lấp lánh, mà tỏa ánh sáng đều đều loang ra như nước. Còn hơn nửa giờ nữa mới tối, vậy mà hoàng hôn chỉ còn rơi rớt mấy ánh hồng phía xa. Gió nổi từng cơn, lướt nhanh qua đám ruộng đã gặt chỉ còn trơ cuống rạ vàng đã khô héo, thốc thẳng vào mặt tôi. Những chiếc lá nhỏ quăn queo hấp tấp chồm lên trước ngọn gió, bay loạn xạ qua người tôi, vượt qua đường, cuốn đi dọc bờ rừng. Cả mé rừng sừng sững như bức tường, trông ra phía cánh đồng, cũng run lên và loé sáng giây lâu rồi lại tắt, ánh lấp loé rõ rệt nhưng không chói rục. Trên làn cỏ màu đỏ nhạt, trên những cọng cỏ đơn chiếc, trên những ruộng mạ, đâu đâu cũng chẳng chịt vô số sợi tơ nhện mùa thu óng ánh và rung rinh. Tôi dừng lại... Tôi cảm thấy lòng buồn tái tê: qua nụ cười tươi tắn nhưng u buồn của thiên nhiên đang héo tàn, nỗi sợ hãi chán nản vì mùa đông sắp đến dường như đã lén tới. Chót vót trên cao, một con quạ tinh khôn bay ngang qua đầu tôi, cánh rẽ không khí một cách nặng nề và gấp gáp, nó quay đầu ghé mắt nhìn tôi, bay lên cao, và vừa giât giọng kêu vừa biến vào sau rừng. Một bầy bồ câu đông đảo từ sân đập lúa bay đi, và đột nhiên lượn vòng thành hình cột đứng, nhộn nhịp tản ra khắp cánh đồng: đây là dấu hiệu của mùa thu! Có người nào đánh xe đi ở phía bên kia quả đồi trơ trụi, chiếc xe không chở hàng nẩy lên kêu ầm ầm...

Tôi trở về nhà. Nhưng mãi về sau, hình ảnh cô Akulina đáng thương vẫn in sâu trong tâm trí tôi, và những bông xa cúc của cô tuy đã héo từ lâu, nhưng tôi vẫn còn giữ đến bây giờ...

HĂMLET HUYỆN SIGRÔPXKI

Trong một chuyến đi chơi, tôi được một địa chủ giàu có đồng thời là người đi săn, tên là Alêcxandr Mikhailuts G., mời đến ăn bữa chiều tại nhà ông ta. Hồi ấy tôi nghỉ tạm ở một làng nhỏ cách cái làng lớn của ông chừng mười lăm dặm.

Tôi mặc áo *frắc* ([131]) (tôi không khuyên bất cứ ai nên đi ra ngoài nếu không có cái áo ấy, dù là đi săn chẳng nữa), và tôi lên đường đến chỗ Alêcxandr Mikhailuts. Chủ nhân mời ăn vào sáu giờ tối, tôi đến lúc năm giờ và đã thấy ở đấy rất nhiều người quý tộc: một số mặc chế phục, hoặc áo dài thông thường và một số mặc những bộ y phục khác khó gọi tên dứt khoát hơn. Chủ nhân đón tiếp tôi một cách niềm nở, nhưng liền đó ông chạy ngay vào phòng những người hầu bàn. Ông đang chờ đón một vị quan to và có vẻ hơi hồi hộp, điều đó hoàn toàn không hợp với địa vị độc lập và sự giàu có của ông. Alêcxandr Mikhailuts chưa bao giờ lấy vợ và không ưa đàn bà; khách khứa lui tới nhà ông hầu như toàn là những người độc thân. Ông ta sống trong cảnh giàu sang, mở mang dinh cơ của cha ông để lại, tu sửa nhà cửa thật tráng lệ, hàng năm đặt mua ở Matxcova mười lăm ngàn rúp rượu nho và nói chung, ông được mọi người hết sức kính trọng. Alêcxandr Mikhailuts đã về hưu từ lâu và chẳng cố chạy lấy một chức vị danh giá nào cả...

Vậy thì cái gì đã khiến ông tha thiết mong mỗi cuộc đến thăm của ông khách quyền cao chức trọng kia và lo lắng từ sáng đến giờ trong ngày thết tiệc long trọng này? Điều đó vẫn nằm trong bóng tối bí ẩn, như một thầy kiền quen tôi thường nói khi người ta hỏi ông ta có ăn tiền của những người tự nguyện dứt lốt không.

Sau khi ông chủ đã chạy đi nơi khác, tôi bắt đầu đi dạo qua các phòng. Khách khứa hầu hết là những người tôi không quen. Chừng hai chục người đã ngồi quanh cái bàn đánh bạc. Trong số người ham mê đồ đen ấy, có hai quân nhân vẻ mặt cao quý nhưng phờ phạc, mấy viên chức dân sự thất cả vạt cao, chặt khít, ria mép nhuộm màu rử xuống, loại ria thường chỉ thấy ở những người cương quyết nhưng trung chính (những người trung chính ấy nghiêm trang chọn quân bài, và không quay đầu, chỉ liếc ngang nhìn những người đến gần); năm hay sáu viên chức trong hạt, bụng tròn, tay nhỏ nhắn mũm mĩm và nhâm nhấp mồ hôi, chân cũng bé, không đông đầy, nom rất mực khiêm tốn (các ngài ấy nói bằng giọng mềm mỏng, mỉm cười dịu dàng hướng về mọi phía, giữ bài ngay trước ngực áo sơ mi, và khi đánh lá bài thì không quật bài xuống bàn, mà trái lại, uyển chuyển buông bài xuống tấm dạ xanh, và khi lên những con bài ăn thì làm phát ra tiếng ken két nhẹ nhẹ, rất lễ độ và lịch sự).

Những người quý tộc khác ngồi trên các đi văng, túm tụm gần các cửa ra vào và cửa sổ. Có một địa chủ đã đứng tuổi, nhưng bề ngoài nom giống đàn bà, đứng trong góc phòng, run rẩy, đỏ mặt lên và bối rối vờ về cái vật trang sức ở dây đeo đồng hồ lủng lẳng trước bụng, nhưng chẳng ai để ý đến ông ta. Có mấy ông, mặc áo *frắc* tròn trĩnh và quần bằng vải kẻ ô vuông, đây là sản phẩm của tay thợ may người nước ngoài ở Matxcova, tên là Firx Kliukhin, một thợ cả bất hủ của phường may mặc.

Mấy ông này đang bàn luận hết sức buông tuồng và hăm hở, quay đi quay lại một cách dễ dàng những cái gáy béo mập và nhẵn thín. Một người trạc tuổi đôi mươi, cận thị, tóc vàng nhạt, vận đồ đen từ đầu đến chân, nom có vẻ rụt rè, nhưng lại mỉm cười châm chọc.

Tôi đã bắt đầu hơi chán thì bỗng nhiên có một người đến cạnh tôi: đó là Voinitsun, một gã trai học hành dở dang, sống ở nhà Alêcxandr Mikhailurts với tư cách là... Thật cũng khó nói là với tư cách gì.

Anh ta bắn rất giỏi và biết luyện chó. Tôi quen anh ta từ hồi anh ta còn ở Matxcova. Anh ta thuộc loại những thanh niên mà trong mọi kì thi thường "đứng ngây ra như phỗng", nghĩa là tịt mịt trước các câu hỏi của giáo sư. Nói cho đẹp lời, các ngài ấy cũng còn được gọi là các chàng có râu quai. (Các bạn hẳn cũng rõ là thời ấy cách đây lâu rồi). Sự việc thường diễn ra như thế này: chẳng hạn, Voinitsun được gọi tên. Trước đó anh ta vẫn ngồi ngay người, không nhúc nhích trên ghế dài của mình, từ chân đến đầu dầm mồ hôi nóng và thông thả đưa mắt ngó ngán nhìn quanh. Anh ta bèn đứng lên, hấp tấp cài cúc chiếc áo đồng phục cho tới tận cằm và nghiêng người lách về phía bàn giám khảo: "Mời anh lấy phiếu đề thi" - giáo sư nói với anh ta một cách nhã nhặn. Voinitsun chìa tay ra và run run chạm những ngón tay vào đồng phiếu. "Không được chọn" - một ông già nhỏ bé, lạ mặt, hay câu bỗng nói bằng giọng run run, đây là ông giáo sư của một khoa khác, ông ta bỗng dưng ghét gã sinh viên có râu quai xấu số này. Voinitsun phục tùng số mệnh, lấy phiếu, đưa số báo danh của mình ra, đến gần cửa sổ trong lúc người rút phiếu trước anh ta trả lời câu hỏi. Ở gần cửa sổ, Voinitsun không rời mắt khỏi phiếu đề thi, chỉ trừ những lúc anh ta đưa mắt nhìn quanh một cách chậm chạp như trước, còn thì anh không động dây chân tay một chút nào. Nhưng người trước đã trả lời xong, người ta nói với người đó: "Khá, anh có thể ra được rồi", hay thậm chí "Khá, rất khá", tùy theo khả năng của người thi. Voinitsun được gọi lên. Anh ta đứng dậy và quả quyết bước tới gần bàn. "Anh đọc đề bài lên" - người ta bảo anh. Voinitsun dùng hai tay bưng cái phiếu đề thi lên sát tận mũi, thông thả đọc và thông thả buông hai tay xuống. "Nào, xin mời anh trả lời" - vẫn ông giáo sư ấy vừa nói một cách uể oải vừa ngả người ra sau và khoanh tay trước ngực. Lặng phắc như tờ. "Sao anh lại im lặng thế?". Voinitsun vẫn làm thinh. Ông già lạ mặt bắt đầu ngọ nguậy tỏ vẻ sốt ruột. "Thì biết được gì cứ nói đi chứ?". Anh chàng Voinitsun của tôi cứ nín thít như đã chết đứng. Cái gáy hót cao, thẳng đứng và bất động của anh ta là cái đích hứng lấy những luồng mắt tò mò của tất cả các bạn. Hai con mắt của ông giáo sư già lạ mặt như muốn bật ra: ông ta ghét cay ghét đắng Voinitsun "Lạ thật - Một ông giám khảo khác nói - Sao anh cứ đứng lặng như người câm thế? Thế nào, anh không trả lời được câu ấy à? Vậy thì nói thẳng ra đi". - "Xin cho phép tôi rút phiếu khác ạ" - Anh chàng bất hạnh nói bằng giọng khàn khàn. Các giáo sư nhìn nhau. "Thôi được, mời anh" - ông chủ khảo khoát tay, đáp. Voinitsun lại rút phiếu, lại đến gần cửa sổ, lại trở lại gần bàn, và lại im lặng như cái xác không hồn. Ông già lạ mặt như muốn ăn tươi nuốt sống anh. Cuối cùng, người ta đuổi anh ra và cho điểm "0". Hẳn là các bạn cho rằng lúc ấy anh ta sẽ đi ra chứ gì? Không đâu! Anh ta trở về chỗ của mình, cứ ngồi đực ra như thế cho đến cuối buổi thi, và khi ra về, anh ta kêu lên: "Rõ thật là cái tội cái nợ! Bài gì mà quái quỷ thế kia chứ!" Và suốt ngày hôm ấy anh ta đi lang thang trong thành phố Matxcova, thỉnh thoảng lại đưa tay lên ôm đầu và cay đắng nguyên rủa cái tài hèn của mình. Tất nhiên là anh ta không mó đến sách, và sáng hôm sau, câu chuyện cũ lại tái diễn.

Chính Voinitsun ấy đã đến cạnh tôi. Chúng tôi nói chuyện với nhau về Matxcova, về việc đi săn.

Anh ta bỗng nói thầm với tôi:

- Ông có muốn tôi giới thiệu với ông một tay miệng lưỡi sắc sảo nhất ở đây không?
- Xin nhờ ông.

Voinitsun dẫn tôi đến gần một người tầm vóc nhỏ, có một chòm tóc cao trước trán và để ria mép, mặc áo *frắc* màu nâu và đeo chiếc cà vạt sặc sỡ.

Những đặc điểm ngoại hình cay nghiệt, linh lợi của ông ta quả thực là toát ra vẻ thông minh và độc ác. Nụ cười châm chọc, phảng phất trên miệng luôn luôn làm cho cặp môi ông ta méo đi;

cặp mắt nhỏ màu đen, nheo nheo dưới hai hàng mi không đều, nom đến là xác xược. Đứng cạnh ông ta là một địa chủ người to ngang, dáng vẻ mềm mỏng, dịu ngọt - đúng là Đường - Mật - và chột mắt. Ông ta cười hướng ứng trước câu nói hóm của con người nhỏ nhắn kia và dường như tan ra vì thích thú. Voinitsun giới thiệu tôi với con người miệng lưỡi sắc sảo ấy, tên ông ta là Piôtr Pêtrôvits Lupikhin. Chúng tôi làm quen với nhau, nói mấy lời chào hỏi đầu tiên.

- Xin phép giới thiệu với ông người bạn tốt nhất của tôi - Lupikhin bỗng nói bằng giọng gay gắt và chộp lấy tay ông địa chủ dịu dàng - Này, thôi đừng ương gàn nữa, Kirila Xêlifanuts - ông ta nói thêm chẳng ai cần anh đâu. Đây này - ông ta nói tiếp, trong lúc Kirila Xêlifanuts cúi chào một cách vụng về như thể bụng ông ta đã tụt mất - tôi xin giới thiệu, đây là một vị quý tộc rất tuyệt diệu. Cho đến năm năm mươi tuổi, ông vẫn khỏe như vâm, thế rồi tự dưng ông nảy ra ý định chữa mắt, rút cuộc là ông đâm ra chột. Từ đó, ông vẫn chữa bệnh cho nông dân của mình, và cũng đạt được kết quả như thế... Còn họ thì tất nhiên là, với lòng trung thành rất mực...

- Cái ông này rõ thật là ... - Kirila Xêlifanuts lầu bầu và bật cười.

- Nói nốt đi chứ, ông bạn của tôi, nói cho hết lời đi chứ - Lupikhin tiếp luôn - Nên biết rằng ông có thể được bầu làm quan toà lắm chứ, mà nhất định là ông sẽ được bầu vào chức vụ đó, đấy rồi ông xem. Cố nhiên là các bồi thẩm sẽ nghĩ thay cho ông, cứ giả dụ như thế đi. Nhưng dù sao, để tránh mọi điều không hay, vẫn cứ cần phải biết phát biểu ý kiến, dù là nói lên ý kiến của người khác đi nữa. Có thể là bất thần quan chủ tỉnh ghé vào thăm, ngài hỏi: sao quan toà lại nói lấp bắp như thế? Giả dụ là người ta sẽ trả lời: ông ấy vừa bị trúng gió. Quan chủ tỉnh sẽ bảo: thế thì chích máu cho ông ấy mau đi. Hẳn ông phải đồng ý với tôi rằng ở địa vị ông mà xảy ra như thế thì chẳng hay ho gì.

Ông địa chủ mát tính phá lên cười.

- Ông xem, ông ấy cười được kia chứ - Lupikhin nói tiếp, hẳn học nhìn cái bụng rung chuyển của Kirila Xêlifanuts. Nhưng tội gì ông ta không cười nhí? - Lupikhin nói thêm với tôi - ông ấy no đủ, khỏe mạnh, không có con, nông dân của ông ấy không ốm đau - ông ấy vẫn chữa bệnh cho họ mà -, vợ ông ấy hơi gàn dở (Kirila Xêlifanuts quay mặt đi một chút, giả tảng như không nghe thấy, và vẫn cười hô hô). Tôi cũng cười, nhưng vợ tôi đã bỏ đi theo một gã nhân viên đặc điền (ông ta nhe răng ra). Thế ông không biết chuyện ấy à? Đúng thế đấy! Cô ả bỗng dưng bỏ trốn và để lại một lá thư, đại khái là: anh Piôtr Pêtrôvits thân mến, mong anh thứ lỗi; em không thể cưỡng nổi mối tình say mê, nên đành bỏ đi với người bạn lòng của em... Còn gã đặc điền kia cuộm được cô ả chỉ là vì gã không cắt móng tay và gã mặc quần bó sát mông. Ông ngạc nhiên à? Hẳn ông nghĩ: anh chàng này bợc tuệch quá. Nhưng lạ Chúa! Dân thảo nguyên chúng tôi vốn quen nói toạc móng heo ra như vậy. Nhưng thôi, ta ra đường này đi... Chẳng nên đứng gần vị quan toà tương lai làm gì...

Ông ta khoác tay tôi, và chúng tôi đến gần cửa sổ.

- Ở đây tôi nổi tiếng là miệng lưỡi sắc sảo - ông ta nói với tôi trong lúc chuyện trò - ông đừng tin điều đó. Tôi chỉ là một kẻ bị chọc tức và chửi vung lên: bởi vậy tôi là thằng bạt tử. Mà tôi cần gì phải giữ lễ nhí? Tôi chẳng thèm đếm xỉa đến ý kiến của bất cứ ai và tôi chẳng mưu cầu gì hết. Tôi là kẻ độc ác vậy thì đã sao kia chứ? Kẻ độc ác ít ra cũng không cần trí khôn. Mà như vậy thì đầu óc nhẹ đi được rất nhiều, ông không thể tưởng tượng được đâu. Cứ lấy ví dụ thế này thôi nhé, ông hãy nhìn ông chủ của chúng ta mà xem! Ông làm ơn cắt nghĩa cho tôi rõ: vì lẽ gì mà ông ta chạy lên chạy xuống, chốc chốc lại nhìn đồng hồ, mỉm cười, toát mồ hôi, làm ra vẻ trịnh trọng, bắt chúng ta phải chờ đợi đến đói khổ đói sở thế này? Làm như một ông quan là cái gì lạ kỳ lắm đấy! Đây kìa, ông ta lại tất tưởi chạy đi, mà lại tập tễnh nữa chứ, ông xem kìa.

Và Lupikhin cười ré lên.

- Chán một nỗi là không có các bà đến dự - ông ta nói tiếp, kèm theo tiếng thở dài - một bữa ăn của những kẻ độc thân: Nếu có các bà ấy thì bỏ cho anh em ta. Ông xem kia, xem kia - ông ta bỗng kêu lên - người đang đi kia là công tước Kôzenki, cái người đàn ông cao lớn, có râu, đeo bao tay màu vàng kia kia. Nom thấy ngay là ông ta đã từng ra nước ngoài . . . và bao giờ ông ta cũng đến muộn như thế. Xin nói với ông là y đàn có một, đàn như cặp ngựa của nhà buôn, và giá như ông được thấy y có thái độ hạ cổ như thế nào khi nói chuyện với bọn chúng tôi, giá như ông được thấy y mỉm cười độ lượng như thế nào để đáp lại những lời chúc tụng của các bà mẹ và những đứa con gái dói khổ của chúng tôi!... Ấy vậy mà đôi khi y cũng nói những câu hài hước kia đấy, tuy là mỗi lần qua đây y chỉ ghé lại ít ngày thôi. Nhưng y pha trò hài hước như thế nào mới được chứ? Thật đúng là y dùng con dao cùn cửa sọt dây thừng. Y không thể chịu nổi tôi... Tôi đến chào y đây.

Lupikhin chạy về phía công tước.

- Còn kia là kẻ thù riêng của tôi - ông ta đột nhiên quay về phía tôi và nói - ông thấy cái gã to béo, mặt nâu sẫm và tóc chớm ngược trên đầu như cái bàn chải ngựa kia chứ, đấy, cái gã vo mũ vào trong tay, đang men tường lách đi và lơ lảo nhìn khắp các phía như chó sói kia kia. Tôi đã bán cho hắn một con ngựa với giá bốn trăm rúp, nhưng ngựa của tôi đáng giá một nghìn rúp kia; và bây giờ thằng cha "ăn không nên đòi, nói không nên nhời" ấy hoàn toàn có quyền khinh miệt tôi. Thế nhưng bản thân hắn rất thiếu trí tưởng tượng, đặc biệt vào buổi sáng, trước bữa trà, hay liền sau bữa trưa, nếu người ta nói với hắn: chào ông, thì hắn trả lời: Cái gì? Kia là một viên quan - Lupikhin nói tiếp - một viên quan tam phẩm về hưu, một viên quan đã phá sản. Ông ta có cô con gái làm bằng đường củ cải, và nhà máy của ông ta mắc bệnh tràng nhạc... Chết nỗi, tôi nói nhầm... nhưng thôi, ông hiểu rồi đấy... A! cả ông kiến trúc sư cũng đến!

Một người Đức, mà lại để ria và không biết công việc của mình, kì lạ thay! Nhưng kể ra hắn cần quái gì phải am hiểu công việc của hắn; hắn chỉ cần ăn của đắt và đặt cho thật nhiều cột ở mặt nhà của các ngài quý tộc trụ cột ([\[132\]](#)) của chúng ta thôi mà!

Lupikhin lại cười hô hố... Nhưng bỗng nhiên, cả nhà xôn xao lo ngại. Ông quan quyền cao chức trọng đã đến. Chủ nhân đâm bổ ra phòng ngoài.

Mấy người tâm phúc trong nhà và mấy ông khách sốt sắng đâm bổ theo... Tiếng chuyện trò ồn ào biến thành tiếng rì rào dịu dàng, dễ nghe, giống như tiếng vo ve vào mùa xuân của những con ong trong tổ. Chỉ có con ong vò vẽ hiệu động Lupikhin và con ong đục Kôzenxki là không hạ thấp giọng... Và kia, con ong chúa đã vào: viên quan quyền cao chức trọng. Những trái tim bằng tới đón mừng ông ta, những tấm thân đang ngồi nhồm dậy. Ngay cả ông địa chủ đã mua rẻ con ngựa của Lupikhin cũng gục cầm vào ngực. Ông quan giữ phong thái đường bệ không chệ vào đâu được: đầu ngật ngật về phía sau như thể đáp lễ, ông ta thốt lên mấy lời khách lễ, trong đó mỗi lời đều bắt đầu bằng tiếng *a* kéo dài và phát âm bằng giọng mũi. Ông ta nhìn bộ râu của công tước Kôzenki với vẻ tức giận như muốn ăn tươi nuốt sống công tước và dùng ngón trỏ của bàn tay trái ban một cử chỉ ân cổ cho viên quan tam phẩm có nhà máy và có con gái. Mấy phút sau - trong khoảng thời gian đó, quan lớn đã kịp nhấn mạnh hai lần rằng ngài rất vui sướng vì không đến muộn trong bữa tiệc, - tất cả mọi người vào phòng ăn, đi đầu là các vị tai to mặt lớn.

Chắc không cần kể với bạn đọc những việc quen thuộc diễn ra sau đó: người ta mời ông quan chức trọng quyền cao ngồi vào chỗ trang trọng nhất giữa viên quan tam phẩm và vị thủ lĩnh giới quý tộc tỉnh (một người có vẻ mặt dễ dãi và đường hoàng, hoàn toàn xứng với cái ngực áo sơ mi hồ bột phẳng lì, với chiếc gi-lê rộng thùng thình và với cái hộp thuốc lá tròn đựng thuốc lá Pháp của mình); ông chủ bận rộn, tất tưởi chạy đi chạy lại, lo sao cho việc thiết đãi khách được chu đáo, mỉm cười khi đi qua sau lưng ông quan to, và đứng trong góc phòng như một gã học trò, hồi hả húp vội một đĩa súp hay nuốt vội một miếng thịt bò; người quản gia đưa lên một con cá dài một arsin rưỡi, miệng cá cắm một bó hoa; đầy tớ trong nhà mặc chế phục, về

mặt nghiêm nghị, cau có đến rớt rượu hầu từng vị quý tộc: khi thì rượu malaga, khi thì rượu drăymadeka (^[133]); hầu hết các vị quý tộc, đặc biệt là các vị đứng tuổi, dường như miễn cưỡng, thể theo nhiệm vụ phải uống hết cốc rượu này đến cốc khác; cuối cùng, những chai rượu sâm banh nổ đôm đốp và người ta bắt đầu nâng cốc chúc mừng nhau.

Tất cả những cái đó, có lẽ bạn đọc biết quá rõ rồi. Nhưng tôi cho rằng đáng chú ý nhất là câu chuyện mà chính viên quan nọ đã kể trong bầu không khí im lặng vui sướng của tất cả những người dự tiệc. Có người nào, hình như là viên quan tam phẩm phá sản, một người hiểu biết văn chương hiện đại, có nhắc đến ảnh hưởng của phái đẹp nói chung và đặc biệt là ảnh hưởng của họ đối với những người trẻ tuổi. "Đúng, đúng - vị đại quan đỡ lời - đúng thế đấy. Nhưng cần phải bắt bọn trẻ hoàn toàn vâng theo người trên, phải nghiêm với họ, không thì có lẽ bất cứ cái váy nào cũng có thể làm cho họ phát điên lên mất" (Nụ cười vui vẻ như nụ cười của trẻ thơ lướt trên mặt tất cả các vị khách. Một vị địa chủ thậm chí còn nhìn viên quan với cặp mắt long lanh đầy vẻ biết ơn). "Ấy là vì bọn trẻ vốn ngốc nghếch" (có lẽ để cho lời nói của mình thêm vẻ quan trọng, đôi khi ông ta thay đổi trọng âm của các từ). "Đây là một ví dụ; tôi có một thằng con tên là Ivan - ông ta nói tiếp - thằng ngốc ấy mới có hai chục tuổi rành, thế mà một hôm nó bỗng nói với tôi: "Thưa ba, ba cho con cưới vợ đi ạ". Tôi bảo nó "Thằng ngốc, hãy kiểm lấy một chức vị đi đã". Thế rồi là thất vọng, nước mắt...nhưng tôi...ờ " (Ông ta phát âm tiếng ờ bằng bụng hơn là bằng môi; ông ta im lặng và oai vệ nhìn viên quan tam phẩm ngồi bên, và nhướn lông mày cao quá mức ta có thể tưởng tượng được. Viên quan tam phẩm hơi nghiêng đầu sang bên với vẻ thích thú và chớp mắt rất nhanh nhìn vị đại quan). "Thế rồi cũng đâu vào đấy - vị đại quan lại lên tiếng - bây giờ chính nó viết thư cho tôi, nói rằng cảm ơn ba đã dạy dỗ đứa con ngu ngốc. . . ấy đấy, cứ phải như thế mới được". Dĩ nhiên, tất cả các vị khách đều đồng ý với người kể chuyện và dường như đều tươi tỉnh hẳn lên vì thích thú và vì đã thu được một bài học bổ ích... Sau bữa ăn, mọi người đứng lên và ra phòng khách, tiếng ồn ào nổi lên to hơn, nhưng vẫn lịch sự, vả chăng ồn ào vào lúc này thì cũng được thôi... Mọi người ngồi vào bàn chơi bài. Tôi rón chøre đến chiều, và sau khi đã dặn người đánh xe của tôi sửa soạn năm giờ sáng hôm sau lên đường, tôi đi nghỉ. Nhưng cũng trong ngày hôm ấy, tôi sẽ còn có dịp làm quen với một con người đặc sắc.

Vì khách đến rất đông, nên không ai ngủ riêng buồng. Khi quản gia của Alêcxanđr Mikhailuts đưa tôi vào căn phòng nhỏ quét vôi và nhuộm hơi ẩm thì ở đấy đã có một ông khách khác. Ông ta đã cởi quần áo ngoài để đi nằm. Thấy tôi, ông ta nhanh nhẹn chui vào chăn, kéo chăn lên đến mũi, ngo nguậy một chút trên cái đệm lông chim bông bành, rồi nằm yên, cặp mắt tinh tường lộ ra dưới cái đường rìa tròn của chiếc mũ giấy. Tôi tới chiếc giường kia (trong phòng có hai giường cả thấy), cởi quần áo ngoài và nằm vào đám chăn đệm ẩm. Người nằm gần tôi trăn trở trên giường... Tôi chúc ông ngủ yên.

Nửa giờ sau. Tôi gắng chợp mắt mà không được: những ý nghĩ mung lung vô ích, nối đuôi nhau thành chuỗi dài vô tận, cứ ám ảnh diễn qua trong óc tôi, buồn tẻ như những chiếc thùng của máy kéo nước.

- Hình như ông chưa ngủ thì phải? - Người nằm gần tôi hỏi.

- Ông thấy đấy, - tôi đáp - mà ông cũng không ngủ được ư?

- Tôi chẳng bao giờ ngủ được cả.

- Thế là thế nào?

- Vây thôi. Không rõ duyên do tại sao, tôi thường cứ thiếp đi lúc nào không biết; nằm mãi, nằm mãi, rồi thiếp đi.

- Thế thì tại sao chưa buồn ngủ ông đã đi nằm?

- Vậy ông bảo tôi làm gì kia chứ?

Tôi không trả lời câu hỏi của ông bạn nằm cạnh.

- Tôi lấy làm ngạc nhiên vì ở đây không có rệp - ông ta nói tiếp sau một lúc im lặng - ở đây mà không có thì còn ở đâu có nữa?

- Hình như ông lấy làm tiếc vì không thấy rệp thì phải - Tôi hỏi.

- Không, tôi không tiếc; nhưng tôi thích sự quán triệt trong tất cả mọi việc.

"Chà - chà - tôi nghĩ - ông ta dùng những từ thông thái góm".

Người kia im lặng.

- Ông có muốn đánh cuộc với tôi không? - ông ta bỗng nói khá to.

- Cuộc gì kia?

Người bạn cùng buồng bắt đầu khiến tôi thích thú.

- Hừm - cuộc gì à? Cuộc thế này này: tôi tin chắc rằng ông coi tôi là thằng ngốc.

- Thôi xin ông - tôi ngạc nhiên, nói ấp úng.

- Ông coi tôi là một kẻ thô lậu ở thảo nguyên, một kẻ ngu dốt...

- Tôi chưa có cái may mắn được quen biết ông - tôi bác lại - Tại sao ông có thể kết luận là...

- Tại sao? Chỉ nghe giọng nói của ông cũng đủ rõ. Ông trả lời tôi với vẻ thờ ơ như thế... Nhưng tôi hoàn toàn không như ông tưởng đâu...

- Xin ông đừng... .

- Không, chính ông đừng nghĩ nhầm. Thứ nhất là tôi nói tiếng Pháp không kém gì ông, còn tiếng Đức thì tôi nói thậm chí còn khá hơn ông. Hai là tôi đã ở nước ngoài ba năm, riêng ở Berlanh, tôi đã lưu lại tám tháng. Thừa tôn ông, tôi đã nghiên cứu Hêghen, thuộc lòng các tác phẩm của Gớt. Hơn nữa, tôi đã mê con gái một giáo sư Đức trong một thời gian dài, ấy thế mà về đây tôi lại lấy một tiểu thư mắc bệnh lao, hói tóc, nhưng có cá tính đặc biệt. Vì vậy, tôi với ông là trái quả cùng một vườn. Tôi không phải là kẻ dốt nát ở nơi thảo nguyên hoang dã như ông tưởng... Tôi cũng héo mòn vì suy nghĩ, tôi chẳng có gì là hồn nhiên cả đâu.

Tôi ngẩng đầu lên và nhìn con người kỳ quặc kia càng chăm chú gấp bội. Dưới ánh đèn ngủ đêm lơ mờ, tôi phải cố gắng lắm mới thấy được nét mặt ông ta.

- Đấy bây giờ ông đang nhìn tôi - ông ta sửa lại cái mũ trùm đầu, nói tiếp - và có lẽ ông đang tự hỏi: sao hôm nay ta không để ý đến y nhỉ? Tôi xin nói rõ tại sao ông không để ý đến tôi: ấy là vì tôi không nói to, vì tôi lẩn sau lưng người khác, tôi đứng sau cánh cửa, không chuyện trò với ai, vì tên quản gia nô, khi bưng khay đi và sắp qua chỗ tôi thì đã nâng khuỷu tay lên cao ngang ngực tôi... Còn vì sao như thế ư: Vì hai nhẽ: thứ nhất là tôi nghèo, hai nữa là tôi nhẩn nhện... ông nói thật đi, ông không để ý đến tôi có phải không?

- Quả thực là tôi chưa có cái may mắn...

- Thì thế, đúng thế mà - ông ta ngắt lời tôi - tôi biết chứ.

Ông ta nhồm dầy và khoanh tay trước ngực; bóng cái mũ của ông ta dài ra, gầy gập đi, phần in trên tường, phần in lên trần.

Ông thú thật đi - ông ta bỗng liếc ngang nhìn tôi và nói thêm - hẳn ông cho tôi là một kẻ hết sức kì quặc, một gã độc đáo, như người ta thường nói, hay có thể còn tệ hơn nữa: chưa biết chừng ông cho rằng tôi cố ý làm ra vẻ kì quặc cũng nên, phải thế không?

- Tôi đành phải nhắc lại với ông lần nữa rằng tôi không biết gì về ông. ..

Ông ta cụp mắt xuống một lát.

- Tại sao tôi chẳng quen biết gì ông mà bỗng dưng tôi lại đi chuyện trò huyền thuyên với ông như vậy nhỉ? Điều đó chỉ có trời biết, chỉ có trời biết! (Ông ta thở dài). Hẳn không phải vì tâm hồn chúng ta đồng điệu với nhau? Tôi và ông, chúng ta đều là những người đứng đắn, nghĩa là những kẻ ích kỉ: ông chẳng thiết gì tôi, tôi cũng chẳng bận tâm gì đến ông? Đúng không nào? Nhưng cả hai chúng ta đều không ngủ được... Vậy thì tại sao không tán gẫu một lúc? Tôi đang cao hứng, mà điều đó ít xảy ra với tôi ông biết không, tôi vốn rut rè, mà rut rè không phải vì tôi quê mùa, không có chức vị, nghèo hèn, mà vì tôi rất giàu tự ái. Nhưng đôi khi, do hoàn cảnh thuận lợi, do những sự tình cờ mà tôi không thể định rõ, không thể lường trước được, tính rut rè của tôi biến mất, như bây giờ đây chẳng hạn. Bây giờ dù ông có cho tôi giáp mặt đức Đạt lai Lạt ma tôi cũng dám xin ngài cho tôi ngủ thuốc lá của ngài. Nhưng có lẽ ông buồn ngủ rồi chẳng?

- Trái lại - tôi vội gạt đi - nói chuyện với ông, tôi rất thú.

- Nghĩa là tôi giải buồn cho ông, ông muốn nói thế chứ gì... Càng hay... Vậy xin thưa với ông rằng ở đây họ gọi tôi là một kẻ độc đáo, "họ" đây là những kẻ nhân câu chuyện phiếm, tình cờ nhắc đến tên tôi. Chẳng ai hơi đâu bận tâm đến số phận tôi. Họ nghĩ cách châm chọc tôi... ôi lạy Chúa! Nếu họ biết rằng... tôi lặn lội cũng chính vì tôi không có cái gì đặc sắc hết, không có gì đặc sắc hết, trừ những lúc cuồng dại như lúc nói chuyện với ông bây giờ; nhưng những trò cuồng dại ấy không đáng giá một xu. Đây là tính độc đáo thuộc loại rẻ tiền nhất và hèn kém nhất!

Ông ta quay mặt về phía tôi và vung hai tay lên.

- Thưa tôn ông! - ông ta kêu lên - Tôi cho rằng nói chung chỉ những người độc đáo là đáng sống trên đời; chỉ có họ mới có quyền sống. *Mon verre n'est pas grand, mais je bois dans mon verre* ([134]), có người nào đã nói như thế. Ông xem, tôi nói thứ tiếng Pháp chính cống đấy chứ - ông ta hạ giọng nói thêm - anh có cái đầu đồ sộ và giàu trí thức, hiểu rộng biết nhiều, theo kịp thời đại, nhưng lại không có gì đặc biệt riêng của mình vậy thì tôi thiết gì anh kia chứ! Trên đời này chỉ lắm những kho sáo ngữ thôi, nhưng điều đó đem lại lạc thú gì cho ai? Không, thà rằng anh dần, nhưng dần theo kiểu riêng của mình! Anh nên có cái mùi của anh, mùi riêng của anh, thế đấy! Và ông chớ tưởng rằng đòi hỏi của tôi về cái mùi đó là to tát lắm đâu... ồ không, lạy Chúa!

Những người độc đáo như thế nhiều vô kể, ở đâu cũng có; mỗi con người là một mẫu độc đáo, nhưng tôi lại không ở trong số người ấy?

Ông ta im lặng một lát rồi nói tiếp: - Ấy thế mà hồi còn thanh niên tôi đã làm cho những người thân trông mong chờ đợi ở tôi biết bao nhiêu? Chính tôi cũng tự đánh giá mình rất cao trước khi ra nước ngoài, và cả thời gian đầu sau khi về nước nữa. Ồ, ở nước ngoài tôi hết sức

giữ ý, lúc nào cũng tìm cách lánh riêng ra một chỗ, mà bọn chúng tôi làm như thế là phải thôi: cái gì chúng tôi cũng tự đoán theo ý mình, nhưng rút cuộc thì chẳng hiểu cái cóc khô gì hết!

- Kẻ độc đáo, kẻ độc đáo! - ông ta nói tiếp, lắc đầu vờ về trách móc. . . - Người ta gọi tôi là kẻ độc đáo. Nhưng thực ra, trên đời không có kẻ nào kém độc đáo hơn kẻ môn hạ trung thành này của ngài. Hẳn tôi sinh ra là để bắt chước người khác... Thực thế đấy! Tôi sống dường như cũng là để bắt chước những tác giả khác nhau mà tôi đã nghiên cứu tôi sống rất căng thẳng, mướt mồ hôi mặt.

Sau nữa, tôi học hành, yêu đương, lấy vợ dường như cũng không phải theo ý muốn của mình, mà như thực hiện một nhiệm vụ hay một bài học nào đó, ai mà biết rõ được!

Ông ta giật cái mũ trên đầu ra và ném xuống giường.

- Ông có muốn tôi kể cho ông nghe về đời tôi không? - ông ta hỏi tôi, giọng đứt quãng: - Hay tốt hơn là kể vài nét về đời tôi?

- Rất mong ông cho nghe.

- Hay là không, tốt hơn hết là tôi kể cho ông nghe tôi đã lấy vợ như thế nào. Vì lấy vợ là việc quan trọng, là hòn đá thử vàng đối với con người: toàn bộ con người hiện hình trong đó như trong tấm gương... Nhưng sự so sánh đó quá nhàm rồi... Cho phép tôi ngủ thuốc lá một lát.

Ông ta lấy hộp thuốc lá dưới cái gối, mở nắp và lại vừa nói vừa vung cái hộp thuốc đã mở.

- Thưa ông, ông hãy đặt mình vào địa vị tôi . . .

Ông thử xét xem, và ông làm ơn nói cho tôi biết, tôi có thể rút ra được điều gì bổ ích trong *Bộ bách khoa thư* của Hêghen([135]) không? Xin ông cho biết giữa cái kiến thức bách khoa ấy và đời sống Nga có cái gì chung? Và ông bảo nên áp dụng nó vào sinh hoạt thường ngày của chúng ta như thế nào? Không chỉ riêng học thuyết Hêghen, mà toàn bộ triết học Đức nói chung. .. và tôi muốn nói cả khoa học nữa?

Ông ta nhảy chồm lên trên giường và khẽ lầm bầm, hẳn học nghiền răng:

- Ấy đấy thế đấy!... Vậy thì người ra nước ngoài để làm gì? Sao người không ở nhà và nghiên cứu cuộc sống xung quanh tại chỗ? Như vậy thì người sẽ biết được cả những nhu cầu, cả tương lai của nó, và người sẽ thấy rõ cả thiên chức của người, nếu có thể nói như vậy? Nhưng xin hỏi ông - ông ta nói tiếp, dường như thanh minh, về rút rè - bọn tôi thì làm thế nào nghiên cứu được cái mà chưa một đầu óc thông minh nào từng viết vào sách! Ta sẽ rất vui sướng tiếp nhận những bài học của đời sống Nga, nhưng nó im lặng, con bồ câu yêu quý của tôi. Nó muốn nói: hãy tìm hiểu ta; nhưng tôi không đủ sức làm việc đó: hãy rút ra cho tôi một kết luận, hay giới thiệu với tôi cái kết quả cuối cùng... kết luận ư? - Thì kết luận ấy đây, người ta bảo tôi: hãy nghe các nhà học giả Matxcova của chúng ta. Họ không phải là chim hoạ mi sao? - Nhưng chính là vì họ hót như những con hoạ mi vùng Kurxk, chứ không nói tiếng người nên lại càng tệ... ([136])... Tôi suy đi nghĩ lại mãi, tôi cho rằng khoa học ở đâu cũng thế, chân lý chỉ có một, thế là tôi đâm đầu sang nước người, đến với bọn tà đạo... Ông bảo làm thế nào được! Tuổi trẻ, tính kiêu ngạo đã xúi giục tôi. Ông biết không, tôi không muốn béo mỡ sớm quá, tuy người ta bảo rằng như thế là tốt. Nhưng người nào mà thiên nhiên không để cho có thịt thì cũng đừng hòng thấy mỡ trên cơ thể mình!

Ông ta nghĩ một lát rồi nói thêm: - Nhưng hình như tôi hứa kể cho ông chuyện tôi lấy vợ như thế nào. Ông nghe nhé. Trước hết, xin thưa với ông rằng vợ tôi không còn trên đời này nữa, hai nữa... hai nữa, tôi thấy rằng tôi sẽ phải kể cho ông về tuổi trẻ của tôi, không thì ông sẽ không

hiếu gì hết... ông không buồn ngủ chứ?

- Không, tôi không buồn ngủ.

- Vậy thì hay lắm. Ông chú ý nghe nhé... vì ở buồng bên có ông Kantagriukhin đang ngáy như kéo gỗ! Bố mẹ tôi không giàu, tôi nói là bố mẹ, vì theo lời kể lại, ngoài mẹ ra, tôi còn có cả bố. Tôi không còn nhớ bố tôi như thế nào nữa. Người ta kể lại rằng bố tôi là một người thô thiển, mũi to, mặt đỏ tàn hương, tóc hung và hít thuốc lá một mũi. Trong buồng ngủ của mẹ tôi có treo bức chân dung bố tôi mặc đồng phục màu đỏ, cổ áo màu đen cao đến tai, bức chân dung cực xấu. Khi cần đánh đòn tôi người ta thường kéo tôi đến trước bức chân dung, và những lần ấy, bao giờ mẹ tôi cũng vừa chỉ bức chân dung vừa nói: bố mà còn thì mày không phải chỉ bị đòn như thế thôi đâu. Ông có thể tưởng tượng là điều đó khiến tôi phần chần như thế nào. Tôi không có anh em trai, cũng không có chị em gái. Thực ra thì tôi cũng có một thằng em trai chẳng ra cái hồn người, mắc bệnh còi xương ở chòm đầu thường gọi là bệnh của trẻ con Anh, nhưng chẳng bao lâu nó ốm chết... Nhưng làm sao bệnh của dân Anh lại lần được đến huyện Sigrôpxki tỉnh Kurxk được nhỉ? Nhưng không phải chỉ có thế. Mẹ tôi chăm lo giáo dục tôi với tất cả nhiệt tâm của một bà địa chủ vùng thảo nguyên, bà bắt đầu giáo dục tôi từ ngày tôi cất tiếng chào đời cho đến khi tôi mười sáu tuổi... ông vẫn nghe tôi kể đấy chứ?

- Có chứ, kể tiếp đi...

- Thế thì tốt. Kịp đến năm tôi mười sáu tuổi, mẹ tôi lập tức thải hồi người gia sư dạy tiếng Pháp: ông ta là Filipôvits, tự xưng là người Đức, nhưng lại sinh trong một gia đình Hy Lạp ở Nêiinxki. Bà lập tức đưa tôi về Matxcova, xin cho tôi vào trường đại học, rồi bà về hầu thượng đế, để lại tôi cho ông cậu ruột làm thầy kiện, tên là Kôntun Babura, một con chim ăn thịt mà không phải chỉ riêng hạt Sigrôpxki này biết tiếng. Ông cậu ruột Kôntun Babura của tôi, vì là thầy kiện, nên đương nhiên đã đoạt hết tài sản của tôi. Nhưng đấy vẫn chưa phải là điều quan trọng. Cần phải công bằng với mẹ tôi: nhờ bà, tôi đã được chuẩn bị khá đầy đủ để vào đại học. Nhưng ngay hồi đó, tình trạng thiếu cá tính độc đáo đã lộ rõ ở tôi. Thời thơ ấu của tôi không có gì khác với thời thơ ấu của các thiếu niên khác. Tôi lớn lên cũng dần dần và yếu ớt như được nuôi dưới tấm đệm lông, tôi cũng bắt đầu học thuộc lòng các bài thơ từ rất sớm và cũng làm ra vẻ âu sầu, mượn cớ là có khuynh hướng mơ mộng... nhưng mơ cái gì nhỉ? À phải rồi, mơ ước cái cao đẹp... và vân vân. Ở đại học, tôi không đi con đường nào khác ngoài con đường người ta đã vạch ra: tôi lập tức lọt vào một nhóm sinh viên. Thời ấy không như bây giờ... Có lẽ ông không biết thế nào là nhóm đâu nhỉ? Tôi nhớ Sinle có nói trong tác phẩm nào không rõ:

Gefährlich ist den Leu zu wecken,

Ung schrecklich ist des tigers Zahn,

Doch das schrecklichste der Schrecken

Das ist der Mensh in seinem Wahn?[\(\[137\]\)](#)

Tôi cam đoan với ông rằng, Sinle chưa nói đúng điều ông ta muốn nói đâu. Nhà văn muốn nói thế này kia: *Das ist ein "nhóm" ... in der Stadt Moskau* [\(\[138\]\)](#)

- Nhưng ông thấy nhóm sinh viên có gì đáng kinh sợ? - Tôi hỏi. Ông bạn cùng phòng với tôi vỗ lấy cái mũ của mình và đội sụp xuống đến mũi.

- Tôi thấy cái gì đáng kinh sợ ấy à? - ông ta kêu lên - Thế này này: nhóm sinh viên là cái hủy diệt mọi sự phát triển độc đáo; nhóm sinh viên là tổ chức quái gở thay thế cho xã hội, đàn bà và cuộc sống. Nhóm... ôi, khoan đã, tôi sẽ nói để ông biết thế nào là nhóm? Nhóm là lối sống chung uế oải và lười nhác mà người ta cho là có ý nghĩa và tạo cho nó cái bề ngoài hợp lý.

Nhóm đem những lời nghị luận thay thế cho việc chuyện trò, tập cho người ta quen thói ba hoa rỗng tuếch, làm cho người ta xa rời lối làm việc riêng rẽ có hiệu quả, tiếm nhiệm cho người ta bệnh sính văn chương; sau nữa là nó làm mất sức sống tươi trẻ và sự khỏe mạnh tinh tiết của tâm hồn. Nhóm là sự dễ tiện và buồn chán đối với tình anh em và tình bạn, là một chuỗi những hiểu lầm và yêu sách mang nhãn hiệu lòng thành thật và thông cảm. Trong nhóm, bất cứ lúc nào, giờ nào, mỗi người bạn đều có quyền thọc những ngón tay nhóp nhúa vào ruột gan người cùng nhóm, bởi thế không người nào còn được một chỗ trong sạch, nguyên vẹn trong tâm hồn. Trong nhóm, người ta sùng bái kẻ nói năng văn hoa nhưng rỗng tuếch, sùng bái kẻ thông minh đầy tự ái, phục những ông cụ non, quý chuộng kẻ làm thơ bất tài nhưng có những ý nghĩ "thâm kín". Trong nhóm, những gã trai mười bảy chuyện trò một cách ranh mãnh và rắc rối về đàn bà và tình yêu, nhưng trước đàn bà thì họ ngậm tăm hay nói với các nàng như đọc sách: mà họ biết nói gì được kia chứ? Thói bẻm mép rất thịnh hành trong nhóm sinh viên; trong nhóm, người ta rình mò nhau không kém gì bọn cảnh sát... ôi, nhóm! người không phải là nhóm học tập của sinh viên, người là cái vòng phù chú mà không một người tử tế nào sống sót được khi đã lọt vào đấy?

- Ôi xin phép cho tôi được nhận xét rằng ông nói có quá đáng đấy - tôi ngắt lời ông ta.

Ông bạn tôi lặng lặng nhìn tôi.

- Có thể lắm, Chúa biết rõ tôi, có thể là ông nói đúng. Nhưng bọn chúng tôi cũng chỉ còn một cái thú là nói quá lên thôi. Chính tôi đã sống bốn năm ở Matxcova trong tình trạng như tôi vừa kể. Thưa ông, tôi không thể miêu tả để ông rõ thời gian đó trôi nhanh như thế nào, nhanh kinh khủng; thậm chí nhớ lại thêm buồn và bức mình. Trở dậy từ sáng sớm! Rồi mọi việc trôi nhanh như trượt tuyết xuống dốc... Vụt cái đã đến chân dốc; chiều đã đến rồi. Gã đầy tớ đã ngủ no mắt choàng lên người tôi chiếc áo ngoài; tôi mặc áo và lưng thưng đến thăm bạn: làm một tẩu thuốc, uống nước chè loãng bằng cốc và bàn luận về triết học Đức, về tình yêu, về mặt trời tinh thần bất diệt và về những cái xa xôi khác. Nhưng tôi cũng gặp những người độc đáo, khác thường: có người dù đã cố hết sức uốn cong đập bẹp con người mình cho vừa khuôn khổ, nhưng bản tính tự nhiên vẫn chiến thắng. Chỉ có cái thẳng tôi khốn khổ tự nhào nặn mình như cục sáp mềm. Và cái bản tính tự nhiên thâm hại của tôi không may mắn chống cự lại! Thấm thoát tôi đã hai mươi một tuổi. Tôi bắt đầu nhận gia sản, hay đúng hơn là phần gia sản mà người giám hộ thấy nên để lại cho tôi. Tôi trao quyền quản lý toàn bộ tài sản của cha mẹ để lại cho người quản gia nô đã được giải phóng, tên là Vaxili Kudriatsep, và tôi ra nước ngoài, đến Berlanh. Như tôi đã kể với ông, tôi ở nước ngoài ba năm. Và tình hình như thế nào? Ở nước ngoài tôi cũng vẫn là một kẻ tầm thường như thế. Khỏi phải nói là tôi không được biết tí gì về châu Âu nói riêng và đời sống châu Âu. Tôi nghe các giáo sư Đức giảng bài và đọc sách Đức ngay tại quê hương của chúng... Tất cả sự khác nhau giữa đời sống của tôi ở Matxcova và ở Berlanh chỉ là thế thôi. Tôi sống biệt lập như một tu sĩ. Tôi tiếp xúc với một trung uý xuất ngũ, họ chán đời, cũng khát khao hiểu biết như tôi, nhưng rất chậm hiểu và không có tài ăn nói. Tôi đi lại với một số gia đình kém trí thức ở Penza và ở một số tỉnh nông nghiệp khác; tôi lang thang đến các quán cà phê, đọc các tạp chí, tối đến thì đi xem hát. Tôi ít quen biết dân địa phương, nói chuyện với họ tôi cảm thấy khá vất vả và không người nào trong bọn họ đến chỗ tôi ở, trừ hai ba gã ăn chơi gốc Do Thái thỉnh thoảng chạy đến tôi vay tiền, vì tin *der Russe*. Cuối cùng, một sự tình cờ lạ lùng đã đưa tôi đến nhà một trong các giáo sư của tôi. Số là tôi đến gặp ông để ghi tên theo học, và bỗng dưng ông mời tôi buổi tối đến nhà ông chơi. Ông giáo sư ấy có hai cô con gái quãng hăm sáu - hăm bảy, béo mập lạ thường, Chúa gia ơn cho họ! - Mũi rất đẹp, tóc xoăn, mắt màu xanh nhạt, tay thì đỏ mà móng tay thì trắng. Một người tên là Linsen, người kia là Minsen. Tôi bắt đầu lui tới nhà giáo sư. Cần phải nói với ông rằng ông giáo sư ấy không hẳn là ngớ ngẩn, nhưng dường như dở người: lên bục giảng thì ông ta nói khá mạch lạc, vậy mà ở nhà thì ông ta nói chót và lúc nào cũng đeo kính trên trán. Nhưng ông ta hết sức thông thái... Nhưng rồi sao? Tôi bỗng có cảm giác rằng tôi mê Linsen, suốt sáu tháng trời tôi vẫn tưởng như thế. Thực ra tôi nói chuyện với nàng cũng ít thôi, mà nhìn nàng nhiều hơn. Nhưng tôi thường đọc cho nàng nghe những tác phẩm cảm động, lén lút nắm tay nàng, và buổi tối, ngồi bên nàng,

tôi thả hồn theo những ý nghĩ mơ mộng, đắm đắm nhìn mặt trăng hay có khi chỉ nhìn lên trời. Nàng pha cà phê mới tuyệt làm sao!... Vậy thì còn cần gì hơn nữa? Duy có điều làm tôi bối rối: ngay trong những phút thần tiên nhất, như người ta vẫn nói, không hiểu sao tôi vẫn thấy bồi hồi trong dạ, và cơn run tê tái, lạnh giá vẫn truyền lan trong dạ dày tôi. Cuối cùng tôi không chịu nổi cái hạnh phúc ấy và bỏ chạy.

Sau đó, tôi sống thêm hai năm nữa ở nước ngoài: tôi ở Ý, tôi đã xem bức tranh Chúa Biển hình ([139]) tại La Mã, đã đến xem tượng Vệ nữ ở Florăngxơ. Đột nhiên, tôi bỗng cao hứng tột độ, dường như nổi cơn điên dại. Tối tối, tôi làm thơ, bắt đầu ghi nhật ký. Tóm lại, tôi cũng làm như mọi người. Thế nhưng, ông xem đấy, muốn khác người thì dễ biết bao. Chẳng hạn, tôi có hiểu quái gì về hội họa và điêu khắc đâu... Tôi chỉ cần nói to lên điều đó... không, sao lại thế được! Phải thuê một người hướng dẫn và chạy đi xem những bức bích họa chứ!

Ông ta lại nhìn xuống và lại quảng mũ đi.

- Rồi cuối cùng, tôi trở về quê hương. - ông ta nói tiếp, giọng mệt mỏi - tôi đến Matxcova, ở Matxcova, tự dưng tôi thay đổi kỳ lạ. Ở nước ngoài, tôi im lặng nhiều hơn, còn ở đây tôi đột nhiên đâm ra lắm lời, đồng thời tôi mơ ước có trời biết là những gì. Có những người rộng lòng bao dung đến mức coi tôi gần như là thiên tài; các bà lắng nghe những lời văn hoa dông dài của tôi với vẻ thông cảm. Nhưng tôi không đứng vững được ở đỉnh vinh quang của tôi. Một buổi sáng kia, tự dưng bỗng nảy nòi ra một câu chuyện đặt điều về tôi (ai nặn ra câu chuyện ấy thì tôi không biết; có thể là một bà gái già giống đực, những chàng gái già như thế ở Matxcova có vô khối). Điều bịa đặt ấy ra đời và bắt đầu trở cảnh, trở tua cuốn như cây dâu. Tôi sa lưới, muốn nhảy ra, dứt dứt những sợi dây dính chặt, nhưng chẳng ăn thua gì... Tôi bỏ đi. Trong việc này, tôi lại tỏ ra là một kẻ cực ngu. Tôi có thể cứ thản nhiên như không, chờ cho đợt đả kích ấy qua đi, như người ta chờ cho cơn sốt nổi mề đay dứt hẳn, và vẫn những người rộng lượng ấy sẽ lại mở rộng hai cánh tay đón tôi vẫn những bà quý tộc ấy sẽ lại mỉm cười nghe tôi nói... Nhưng khốn nỗi tôi không phải là con người có cá tính độc đáo. Xin ông hiểu cho rằng lương tâm tôi bỗng thức tỉnh: tôi bỗng thấy hổ thẹn về thói ba hoa chích choè, nói nhăng nói cuội: hôm qua ở Arbat, hôm nay Toruba, ngày mai ở Xiptsep - Wajka ([140]) và vẫn nhai đi nhai lại những điều đã nói - nhưng nếu người ta thích nghe anh nói như thế thì sao? Hãy nhìn những tay cự phách trong lĩnh vực ấy mà xem: họ có hổ thẹn gì đâu. Trái lại, họ chỉ cần có thể. Có người khua môi múa lưỡi đến nay đã hai chục năm, và vẫn theo một hướng... Lòng tự tin và tự ái là thế đấy! Tôi cũng có tự ái, và ngay đến bây giờ nó vẫn chưa im tiếng hẳn trong người tôi... Tôi lại xin nói với ông một lần nữa rằng điều tệ nhất vẫn là ở chỗ tôi không có cá tính độc đáo, tôi dừng lại giữa chừng: thiên nhiên lẽ ra nên cho tôi nhiều tự ái hơn nữa hoặc là không phú cho tôi chút tự ái nào thì hơn. Nhưng thời kỳ đầu, quả thực là tôi gặp nhiều nỗi gay go. Thêm nữa, chuyến đi nước ngoài làm tôi khánh kiệt gia sản, vậy mà tôi không muốn lấy một người đàn bà goá, vợ một phú thương, người này còn trẻ trung nhưng cơ thể đã nhẽo như miếng thịt đông. Thế rồi tôi về làng.

Ông bạn cùng buồng lại liếc ngang nhìn tôi, rồi nói thêm:

- Có lẽ tôi có thể không nói đến những cảm tưởng đầu tiên về đời sống nông thôn, không đã động đến vẻ đẹp của thiên nhiên, đến cái thú êm đềm của cuộc sống cô độc và nhiều điều khác nữa...

- Không, ông cứ nói - tôi phản đối.

- Nhất là tất cả những cái đó đều là chuyện vớ vẩn mà thôi - ông ta nói tiếp - ít ra là những cái đó liên quan đến tôi. Ở làng, tôi buồn như con chó bị nhốt, tuy rằng trên đường về quê nhà, lần đầu tiên ngồi xe đi qua khu rừng phong quen thuộc vào mùa xuân, đầu óc tôi choáng váng và tìm đập rộn lên một niềm mong đợi mơ hồ, dịu ngọt. Nhưng chính ông biết đấy, những mong đợi mơ hồ ấy không bao giờ thành sự thật, trái lại, cái trở thành sự thật lại là những cái khác

mà ta không hề trông ngóng, đại loại như: bệnh dịch, thiếu nợ, những cuộc bán đấu giá và vân vân. Tôi sống đắp đổi qua ngày nhờ sự giúp đỡ của *burmixtr* Iakôp là người thay thế tay quản lý trước, và sau này mới rõ ra y là một tên ăn cắp không kém gì tên trước, nếu không phải là ghê gớm hơn, thêm nữa, y còn đầu độc đời tôi bằng cái mùi khó chịu của đôi ủng bôi dầu. Thế rồi một hôm tôi nhớ tới một gia đình quen ở gần đây. Gia đình này gồm có bà vợ goá một viên đại tá về hưu và hai cô con gái. Tôi bèn bảo thắng xe ngựa và đến thăm những người láng giềng. Ngày hôm ấy sẽ mãi mãi ghi sâu trong tâm trí tôi: sáu tháng sau, tôi cưới cô con gái thứ hai của bà đại tá!

Người kể chuyện cúi đầu xuống và giơ một tay lên trời.

- Tuy nhiên, tôi không muốn để ông có ý nghĩ không hay về người đã khuất - ông ta hăm hở nói tiếp. Cầu Chúa đừng để cho tôi phạm điều ác như thế! Đây là một người hết sức cao quý, hết sức tốt, chung tình và có thể gánh chịu mọi hy sinh. Tuy vậy nói riêng với ông, tôi phải thú nhận rằng nếu như tôi không có cái rủi ro bị mất nàng thì chắc hẳn hôm nay, tôi không có dịp thừa chuyện cùng ông, vì cho đến giờ, trong nhà kho của tôi vẫn còn cây xà mà tôi đã nhiều phen định treo cổ lên đó!

Ông ta lại bắt đầu nói sau một lúc im lặng:

- Có những quả lê cần phải có một thời gian nằm dưới đất, trong hầm nhà thì mới có được mùi vị ngon thực sự của mình, như người ta thường nói. Người vợ đã qua đời của tôi có lẽ cũng thuộc loại những sản phẩm như vậy của thiên nhiên. Đến bây giờ tôi mới hoàn toàn công bằng đối với nàng.

Chẳng hạn, mãi đến bây giờ, khi nhớ đến mấy buổi tối cùng vui chung với nàng trước khi cưới, chẳng những tôi không xót xa chút nào, mà trái lại, còn cảm động đến rớt nước mắt. Gia đình họ không giàu, nhà của họ rất cổ, bằng gỗ, nhưng thuận tiện, ở trên gò cao, giữa một khu vườn bỏ hoang và cái sân cỏ mọc um tùm. Dưới gò có con sông chảy qua, và qua cảnh lá rậm rạp có thể nhìn thấy loáng thoáng từng quãng sông. Một thềm đất lớn dẫn từ nhà ra vườn, trước thềm có một bồn hoa hình bầu dục đầy hoa hồng. Mỗi đầu bồn hoa có hai cây dạ hợp mà cổ chủ nhân đã bện xoắn vào nhau thành hình cái chong chóng từ lúc cây còn non. Xa hơn nữa, giữa đám vườn ngầy hoang tàn có cái chòi hóng mát, bên trong sơn màu rất đẹp, nhưng bên ngoài cũ kỹ và ọp ẹp đến nỗi trông mà phát sợ lên được Từ thềm đất, một cánh cửa kính dẫn vào phòng khách. Còn trong phòng khách thì đây là cái bày ra trước con mắt tò mò của người quan sát: ở mỗi góc cuối phòng có một cái lò sưởi trắng men sứ, phía bên phải có một chiếc pianô tiếng kêu chói tai, trên chông chất những bản nhạc chép tay, ngoài ra còn chiếc đi văng bọc nhiều xanh đã bạc màu theo hình hoa lá màu trắng nhạt, một chiếc bàn tròn, hai đồng hồ chơi thời Ekaterina bằng sứ và bằng hạt cườm, trên tường có treo bức chân dung nổi tiếng của một cô gái tóc vàng hoe, mắt trợn lên, ôm con chim bồ câu trước ngực, trên bàn có cái lọ cắm hoa hồng tươi... ông thấy đấy, tôi miêu tả tỉ mỉ như thế nào. Toàn bộ tấn bi hài kịch về tình yêu của tôi diễn ra chính trong phòng khách ấy, trên cái thềm đất ấy. Bà chủ là một người xấu xí, trong họng luôn luôn bật ra tiếng khàn khàn tức giận, bà ta tính tình cay nghiệt và lắm lời. Trong hai cô con gái, một cô là Vêra, hoàn toàn không khác gì các tiểu thư bình thường trong huyện, cô kia là, tôi mê Xôfia. Hai chị em có một phòng riêng, làm buồng ngủ cho hai người. Ở đấy có hai chiếc giường con bằng gỗ giản dị, những bức chân dung của các bạn trai và bạn gái vẽ khá xoàng bằng bút chì (trong số đó, nổi bật lên bức chân dung một ông quý tộc vẽ mặt cương nghị lạ thường và chữ ký càng cương nghị hơn; thời thanh niên, ông ta đã khiến cho những người quen biết đặt bao nhiêu hy vọng lớn lao về ông ta, nhưng rút cục, cũng như tất cả chúng ta, ông ta chẳng làm nên trò trống gì cả), hai bức tượng bán thân của Gót và Sinle, những cuốn sách Đức những vòng hoa đã khô héo, và những vật lưu niệm khác. Nhưng tôi ít khi vào căn buồng đó và không muốn vào: ở đấy, không hiểu sao tôi cảm thấy ngột thở. Và thật kỳ lạ, những lúc tôi mến Xôfia, nhất là lúc tôi ngồi quay lưng về phía nàng, hay có lẽ là lúc tôi nghĩ và mơ tưởng đến nàng, đặc biệt là buổi tối, trên bậc thềm đất. Lúc đó, tôi nhìn hoàng hôn, nhìn cây cối, nhìn

những chiếc lá nhỏ màu xanh tươi đã tối đi, nhưng vẫn còn hiện rõ trên nền trời màu hồng. Trong phòng khách, Xôfia ngồi bên chiếc đàn pianô và không ngừng định đi đánh lại một câu nhạc mà nàng ưa thích, câu nhạc vừa trầm tư, vừa say mê của Bithôven. Bà lão độc ác ngồi ngáy đều đều trên đi văng.

Trong phòng ăn tràn ngập ráng chiều đỏ rực, Vêra loay hoay pha trà. Âm xamôva rít lên một cách tinh quái, như có điều gì vui sướng. Những chiếc bánh bơ bị bẻ gãy phát ra tiếng lắc cắc vui tai, thìa chạm lạnh canh vào chén. Con chim kim tước đã hót đến điếc tai suốt cả ngày, giờ đột nhiên im tiếng, chỉ thỉnh thoảng líu lo vài tiếng như hỏi han đều gì. Một đám mây nhỏ bé, trong và nhẹ trôi qua, để rớt xuống vài giọt mưa... Còn tôi cứ ngồi nghe, nghe và nhìn, tìm tôi rạo rực, và tôi lại có cảm giác rằng tôi yêu. Chính do ảnh hưởng của một tối như thế mà có lần tôi đã nói với bà già, xin cưới con gái bà, và một tháng sau tôi cưới. Tôi có cảm giác rằng tôi yêu nàng... và ngay bây giờ, đã đến lúc tự giải đáp dứt khoát về vấn đề đó, vậy mà thực tình, tôi vẫn không biết có yêu Xôfia hay không. Nàng là người tốt bụng, thông minh, ít nói, có tâm hồn nồng nhiệt. Nhưng, có trời biết tại sao, phải chăng vì nàng ở làng quê lâu quá hay vì lẽ gì khác, chỉ biết rằng trong đáy lòng nàng (nếu như lòng dạ con người có đáy) vẫn mang một vết thương, hay nói đúng hơn, vẫn mang một vết thương nhỏ rỉ máu, không có cách nào chữa lành được. Và cả nàng lẫn tôi đều không biết gọi tên nó là gì. Cố nhiên, chỉ sau khi cưới, tôi mới đoán được là nàng có vết thương ấy trong lòng. Chà, tôi đã hao tâm tổn trí biết chừng nào về nàng, nhưng không có cách gì chữa lành vết thương cho nàng! Thuở bé, tôi có con chim yến có lần bị mèo vồ. Người ta cứu được nó, chữa cho nó, nhưng con chim yến đáng thương của tôi không khỏi được; nó hờn giận, héo hắt đi, không hót nữa... Rồi một đêm kia, một con chuột lén vào cái lồng bỏ ngõ và cắn mất phần đầu mỡ của nó, vì vậy cuối cùng nó quyết định từ giả cõi đời. Tôi không biết vợ tôi đã bị con mèo như thế nào vồ giữ, nhưng nàng cũng hờn giận héo hắt đi như con chim yến khốn khổ của tôi. Đôi khi có lẽ chính nàng cũng muốn phẫn chấn lên, vui chơi ngoài khí trời thoáng mát, dưới ánh mặt trời, giữa không gian bao la. Nhưng vừa thử một cái, nàng đã co ngay lại. Thực ra thì nàng yêu tôi: đã bao lần nàng cam kết với tôi rằng nàng không mong muốn gì hơn, nhưng quái quỷ thay, mắt nàng lúc ấy tự dưng cứ mờ đi. Tôi nghĩ: trước đây có chuyện gì xảy ra chẳng? Tôi bắt đầu dò hỏi: chẳng có gì lạ cả. Thế đấy, bây giờ xin ông thử xét xem: một con người có bản lĩnh sẽ nhún vai, thở dài vài cái rồi sẽ bắt đầu sống theo ý mình; còn tôi là một kẻ không có bản lĩnh, tôi bắt đầu ngắm nghía cái xà nhà. Hồi ấy, vợ tôi đã nhiễm đủ mọi thói quen của một ả gái già: Bithôven, những chuyến dạo chơi ban đêm, châu cây mộc tê, thư từ với bạn bè, những tập ảnh v.v... Nàng không thể quen được với bất cứ lối sống nào khác, đặc biệt là lối sống của người nội trợ. Nhưng thật là buồn cười khi một người đàn bà có chồng mà cứ sầu não vẫn vợ và tối nào cũng hát "Đừng làm nàng thức giấc lúc rạng đông".

Ấy đấy, chúng tôi hưởng hạnh phúc được ba năm với lối sống như thế. Sang năm thứ tư, Xôfia chết sau lần sinh nở đầu tiên, và thật là lạ, tôi dường như đã linh cảm thấy trước rằng nàng không thể hiến cho tôi một mụn con, gái hay trai; nàng hiến cho đất một cư dân mới mà thôi. Tôi vẫn nhớ đám tang nàng. Bây giờ là mùa xuân. Nhà thờ xứ của chúng tôi nhỏ bé và cũ kỹ lắm rồi, bức tường có ảnh thánh ([141]) đã sạm đen, các bức tường khác đều trơ trụi, sàn gạch nhiều chỗ đã bật vỡ. Phía trên chỗ ngồi của mỗi ban đồng ca có một bức ảnh lớn rất cổ. Người ta khiêng quan tài vào, đặt ở chính giữa nhà thờ, trước cổng chính diện, phủ lên quan tài một tấm chăn bạc phếch, đặt ba cái giá nến xung quanh. Lễ tang bắt đầu. Viên tư tế hom hem, tóc tết thành bím nhỏ phía sau gáy, thắt tấm dây lưng màu lá ma trổ dưới bụng, đứng trước cái bàn nhỏ và đọc kinh cầu hồn với giọng buồn rầu. Giáo sĩ cũng già lão, mặt nhân hậu và mắt lòà, mặc áo thầy tu màu tím thêu hoa vàng; ông làm lễ vừa với tư cách giáo sĩ, vừa với tư cách trợ tế. Bên ngoài, lá thùy liễu non tươi trẻ choán hết bề rộng của các khung cửa sổ mở, lay động rì rào. Có mùi cỏ từ ngoài sân đưa vào. Lửa nến sắp đỏ quạch nhợt đi trong ánh sáng tươi vui của ngày xuân. Tiếng chim sẻ líu ríu vang khắp nhà thờ, và thỉnh thoảng, dưới mái vòm của nhà thờ lại vang lên tiếng kêu âm vang của con chim én đã bay về. Trong dải bụi vàng óng ánh vì nhuốm tia nắng mặt trời, vô số mái đầu tóc hung của những người đàn ông nông dân cúi xuống và ngẩng lên một cách khéo léo, thành tâm cầu nguyện cho người đã khuất. Từ những lỗ hổng

của lư hương, khói tuôn ra thành luồng mỏng mảnh màu xanh nhạt. Tôi nhìn khuôn mặt đã hết sinh khí của vợ tôi... Lạy Chúa! Ngay cả cái chết cũng không giải thoát được cho nàng, không chữa lành được vết thương cho nàng: vẫn cái vẻ đau đớn, rứt rứt, căm lẳng ấy - ngay cả khi nằm trong quan tài, dường như nàng vẫn cảm thấy lúng túng...Tôi chưa xót trong lòng. Một người đàn bà tốt, rất tốt, vậy mà nàng chết đi lại là điều hay cho bản thân nàng!

Má người kể đỏ lên và mắt ông mờ đi.

Rồi ông ta lại kể:

- Cuối cùng, sau khi đã thoát khỏi nỗi chán chường đè nặng trong lòng từ ngày vợ qua đời, tôi định bắt tay vào làm việc. Tôi vào làm viên chức ở một thị trấn trong tỉnh. Nhưng, ở trong những căn buồng lớn của công sở, tôi mắc bệnh đau đầu, mắt kém đi. Lại thêm một số nguyên nhân khác nữa...và tôi xin về. Tôi muốn đến Matxcova, nhưng một là thiếu tiền, hai là... tôi đã nói với ông rằng tôi đành chịu khuất phục. Sự khuất phục ấy đến với tôi vừa đột ngột vừa không đột ngột. Về tinh thần thì tôi đã khuất phục từ lâu, nhưng cái đầu tôi nó vẫn chưa chịu cúi xuống. Tôi cho rằng ý nghĩ và tình cảm của tôi trở nên ôn hoà như vậy là do ảnh hưởng của đời sống nông thôn, do sự bất hạnh của tôi .. Mặt khác, tôi đã thấy từ lâu rằng hầu hết những người láng giềng già và trẻ của tôi lúc đầu nể sợ tôi vì sự thông thái của tôi, vì tôi đã từng ra nước ngoài và tôi có những ưu thế khác nữa do được giáo dục đến nơi đến chốn, nhưng bây giờ chẳng những họ đã hoàn toàn quen với tôi, thậm chí còn bắt đầu đối xử với tôi hơi thô lỗ, gần như không giữ ý giữ tứ gì hết, họ không lắng nghe những lời nghị luận của tôi, và khi nói với tôi, họ không dùng những tiếng đệm lễ phép nữa. Tôi cũng quên không nói với ông rằng trong năm đầu sau khi cưới, vì buồn chán, tôi đã toan đi vào văn học và thậm chí đã gửi bài đăng tạp chí, nếu tôi không nhầm thì đấy là một truyện vừa. Ít lâu sau, tôi nhận được lá thư lời lẽ rất lễ độ của người biên tập, trong thư có nói rằng qua bài viết của tôi thì không thể phủ nhận phần trí tuệ của tôi, nhưng về tài năng thì phải nói là chưa thể thừa nhận được, mà trong văn học thì cần nhất là phải có tài. Hơn thế nữa, tôi được người ta biết rằng có một người Matxcova qua vùng này, thêm nữa lại là một chàng trai hết sức tốt, trong một buổi tối tiếp tân của ngài tỉnh trưởng, nhân nhắc đến tôi, đã gọi tôi là một kẻ mat vận và trống rỗng. Nhưng sự mù quáng gần như tự nguyện của tôi vẫn còn tiếp tục: ông biết đấy, tôi không muốn tự "bạt tai" mình. Nhưng một buổi sáng kia, rút cuộc tôi cũng đã mở mắt ra.

Chuyện đó xảy ra như thế này. Viên cảnh sát trưởng của huyện ghé thăm tôi để nhắc tôi chú ý đến cây cầu đổ nằm trong địa phận của tôi. Quả thực là tôi không biết lấy gì để chữa chiếc cầu ấy. Sau khi đã chén hết miếng thịt lưng cá chiên ướp muối với cốc rượu vôtka, vị chức trách độ lượng đảm nhiệm việc duy trì trật tự chung liền lên giọng cha chú khiển trách tôi về lỗi bất cẩn, rồi ông ta tự đặt mình vào địa vị tôi và khuyên tôi chỉ cần ra lệnh cho nông dân lấy phân bón đắp thành đống cao đỡ cây cầu lên là xong, tiếp đó ông ta hút ống điếu và bắt đầu nói chuyện về các cuộc bầu cử sắp tới. Hồi ấy, địa vị vinh dự của người thủ lĩnh giới quý tộc tỉnh do Orbaxsanốp nắm giữ, y là kẻ rỗng tuếch nhưng lại to mồm, thêm nữa, y hay ăn của dút. Mà y cũng chẳng giàu, chẳng có danh tiếng gì.

Tôi bày tỏ ý kiến về y và thậm chí dùng những lời khá buông tuồng: thú thực là tôi coi khinh Orbaxsanốp. Viên cảnh sát trưởng nhìn tôi, thân mật vỗ vai tôi và nói với vẻ hiền hậu: "Ồ, ông Vaxili Vaxiliêvits, những người như tôi và ông không nên xét đoán về những người như thế, chúng ta đâu có đủ tư cách?...Đế nào biết tổ ấy" - "Ồ không, xin lỗi ông - tôi phản đối một cách bức tức - Tôi với ông Orbaxsanốp thì khác gì nhau?". Viên cảnh sát trưởng rút ống điếu ra khỏi miệng, trợn mắt lên, và đột nhiên phì cười. "Chà, ông bạn hay bông phèng - Cuối cùng ông ta thốt lên qua làn nước mắt dàn dụa - ông ta nghĩ ra cách pha trò thú vị quá...ồ! "Ông giỏi pha trò đến thế kia ư?" Từ đó cho đến lúc đi y không ngớt nhạo báng tôi, thỉnh thoảng lại thúc khuỷu tay vào sườn tôi và thậm chí đã xưng hô suồng sã với tôi. Cuối cùng y đi. Đấy là giọt nước làm tràn cái chén. Tôi đi đi lại lại mấy lần trong phòng, đứng lại trước gương, ngắm nghía, khuôn mặt sượng sùng của mình trong gương, ngắm đi ngắm lại mãi, thong thả thè lưỡi ra, vừa lắc

đầu vừa mỉm cười chua xót. Miếng vải bịt mắt tôi rơi xuống. Tôi thấy rõ rànhrành, rõ hơn cả lúc tôi nhìn thấy mặt tôi trong gương: tôi là một kẻ trống rỗng, hèn kém, vô ích và tầm thường biết bao!

Người kể chuyện im lặng một lát.

- Trong một vở bi kịch của Vonte - ông ta nói tiếp với vẻ chán chường - có một người quý tộc vui sướng vì đã đạt tới mức cùng cực của sự bất hạnh. Tuy số phận tôi không có gì bi thảm, nhưng thú thực là tôi đã trải qua một tình trạng thuộc loại tương tự. Tôi đã từng biết những cơn mất hồn độc hại của sự thất vọng lạnh lùng; tôi đã từng biết cái cảm giác khoan khoái khi suốt cả buổi sáng không có việc gì vội vàng, tôi nằm ườn trên giường, nguyên rửa ngày sinh và giờ sinh của mình. Không, tôi không thể khuất phục ngay được. Thật vậy ông thử nghĩ xem: vì không có tiền, tôi đã bị cột chặt vào làng quê mà tôi thù ghét; cả việc làm ăn cũng như việc bàn giấy và văn học, không có cái gì thích hợp với tôi. Tôi xa lánh các địa chủ; sách báo tôi cũng ghét cay ghét đắng. Còn đối với các tiểu thư mũm mĩm như trái quả mọng nước và mắc bệnh đa cảm, thường hay lắc những mái tóc xoăn tít và nhắc đi nhắc lại như lên cơn sốt mê hoảng: "đời ời là đời!", thì họ không còn làm cho tôi hứng thú gì nữa, kể từ khi tôi hết cái chứng ba hoa và bốc đồng. Nhưng rút hẳn về cuộc sống hoàn toàn cô độc thì tôi không biết cách sống như thế, và cũng không làm nổi... Vậy thì theo ông nghĩ, tôi sẽ làm gì? Tôi bắt đầu lui tới mấy nhà lán giềng. Như say sưa với thái độ tự khinh mình, tôi cố tình hứng chịu mọi sự lăng nhục vật vãnh. Trong bữa ăn, có khi theo lệnh chủ, bọn hầu bàn bưng món ăn cho khách mà bỏ quên tôi, người ta tiếp tôi một cách lạnh nhạt và cao ngạo, cuối cùng họ hoàn toàn không để ý đến tôi; thậm chí người ta không để cho tôi xen vào cuộc chuyện trò chung của mọi người.

Đôi khi, chính tôi cố ý ẩn trong góc nhà, lên tiếng tán thưởng một kẻ ba hoa hết sức ngu độn mà trước đây, hồi ở Matxcova, hẳn y sẽ vui thích liếm bụi chân tôi, liếm rìa áo khoác của tôi. Tôi thậm chí không dám nghĩ rằng tôi đang hưởng cái thú vui cay đắng của sự mỉa mai...ồ không, mỉa mai một mình thì thú cái nỗi gì! Tôi đã xử sự như thế mấy năm liền và đến giờ vẫn còn xử sự như thế...

Thật chẳng còn ra thể thống gì nữa - Cái giọng ngái ngủ của ông Kantagriukhin càu nhàu ở phòng bên - Gã nào ngu ngốc đến nỗi lại bày ra cái trò nói chuyện lúc đêm hôm như thế?

Người kể chuyện nhanh nhẹn chui vào chăn và rụt rè ló nhìn ra, giờ ngón tay đe tôi.

- Suyt suyt - ông ta thì thầm, dường như xin lỗi và cúi chào về phía có tiếng nói của ông Kantagriukhin, và kính cẩn thốt lên:

- Xin vâng xin vâng, ông thứ lỗi cho... Để ông ấy ngủ, ông ấy cần ngủ - ông ta lại thì thầm nói tiếp - ông ấy cần lấy lại sức, ít ra là để ngày mai lại ăn một cách khoái trá như hôm nay. Chúng ta không có quyền quấy quả ông ấy. Thêm nữa, hình như tôi đã nói hết với ông những điều tôi muốn nói. Có lẽ ông cũng buồn ngủ rồi đấy. Chúc ông ngủ ngon.

Người kể chuyện lật đật quay đi và rúc đầu vào mấy chiếc gối.

Tôi hỏi:

- Ông cũng nên cho biết tôi có hân hạnh được tiếp chuyện với ai chứ...

Ông ta nhanh nhẹn ngóc đầu lên.

- Không, vì đức Chúa trời - ông ta ngắt lời tôi - xin ông đừng bắt tôi xưng danh, cũng đừng hỏi người khác để biết tên tôi. Đối với ông, xin cứ để cho tôi là một kẻ vô danh, một gã Vaxili Vaxiliêvits bị số phận giáng cho những đòn chí tử. Thêm nữa, tôi là kẻ tầm thường, không xứng

đáng có tên riêng...Còn nếu ông cứ muốn cho tôi một tên hiệu gì đó thì xin gọi... xin gọi tôi là Hămlet huyện Sigrôpxki. Ở mỗi huyện có nhiều Hămlet như vậy, nhưng có lẽ ông chưa từng gặp những Hămlet khác... Xin vĩnh biệt.

Ông ta lại rúc vào tấm đệm lông chim của mình. Sáng hôm sau, khi người ta đến đánh thức tôi thì ông ta đã không còn ở trong buồng nữa. Ông ta đi từ trước rạng đông.

TSERTÔPKHANÔP VÀ NÊĐÔPIUXKIN

Có lần, vào một ngày hè oi bức, tôi đi săn trở về bằng xe ngựa. Ermôlai ngồi cạnh tôi, ngủ gà ngủ gật. Mấy con chó ngủ lì dưới chân chúng tôi cứ nảy tung lên như những xác chết. Người đánh xe chốc chốc lại vung roi đuổi mấy con ruồi trâu bu vào ngựa. Bụi trắng cuốn theo xe như một đám mây nhẹ. Xe chúng tôi đi vào một chỗ đầy bụi cây. Đường lấm ố gà hơn trước, bánh xe bắt đầu vướng vào các cành cây. Ermôlai chột tỉnh và nhìn quanh... "Hè? - anh ta thốt lên - ở đây nhất định có gà rừng. Ta xuống xe đi!". Chúng tôi dừng lại và đi vào cánh rừng nhỏ. Con chó của tôi sục được một ổ gà rừng.

Tôi bắn một phát và toan nạp đạn nữa thì bỗng nhiên ở phía sau có tiếng lắc cắc rất to, và một người cưỡi ngựa vừa đưa hai tay rẽ những bụi cây vừa cho ngựa đến gần tôi. "X-xi-in ông cho biết - người đó nói bằng giọng kiêu ngạo - ông có quyền gì săn bắn ở đây, thưa tôn ông?". Người lạ mặt nói nhanh lạ thường bằng giọng mũi hỗn hển. Tôi nhìn thẳng vào mặt người đó: cả đời tôi chưa từng thấy khuôn mặt nào như thế. Bạn đọc thân mến, bạn hãy tưởng tượng ra một người nhỏ nhắn, tóc vàng hoe, mũi nhỏ hếch lên, đỏ ửng, ria dài màu hung. Cái mũ Ba Tư chóp nhọn, phần trên bằng da đỏ đội sụp xuống đến tận lông mày, che kín trán. Ông ta mặc áo *arkhalue* màu vàng cũ kỹ, trước ngực có hai băng đựng đạn làm bằng vải da đen gấp thành những ống tròn, tất cả các đường may đều viền nẹp bạc đã bột màu. Một chiếc tù và đeo chéo qua vai, ngang lưng lủng lẳng con dao găm. Con ngựa sắc hung, sống mũi gồ, nom ốm yếu, lông lộn như điên. Hai con chó săn gầy gò, chân khoèo luẩn quẩn quanh chân ngựa. Khuôn mặt, cái nhìn, giọng nói, mỗi cử động, toàn bộ dáng dấp của người lạ mặt toát ra vẻ táo tợn điên rồ và vẻ kiêu hãnh vô chừng, chưa từng thấy; đôi mắt xanh nhợt, lò dò của ông ta đưa đi đưa lại và liếc ngang như người say rượu. Ông ta ngẩng đầu ra sau, phồng má, thở phì phò và rung chuyển toàn thân như quá thừa phẩm giá: y hệt như con gà trống nổi khùng. Ông ta nhắc lại câu hỏi.

- Tôi không biết là ở đây cấm săn bắn - tôi đáp.

- Thưa ông - ông ta nói tiếp - ông ở đây là trên đất của tôi.

- Vậy thì tôi sẽ rời khỏi nơi này.

- Nhưng xi-i-in ông cho biết, phải chăng tôi có vinh dự được thưa chuyện với một người quý tộc? - ông ta nói.

Tôi xưng danh.

Nếu vậy thì mời ông cứ sẵn. Chính tôi cũng là quý tộc và tôi rất vui sướng được giúp đỡ người quý tộc - Tôi là Tsertôpkhanôp Pantêlây.

Ông ta khom người, hò một tiếng và kéo căng dây cương dọc cổ ngựa. Con ngựa lúc lắc đầu, chồm ngược lên, bổ xuống phía bên và đè phải chân một con chó. Con chó tru tréo lên. Tsertôpkhanôp nổi khùng, rít lên, đâm một quả vào đầu con ngựa ở chỗ giữa hai tai, nhảy xuống đất nhanh như chớp, xem chân con chó, nhổ bọt vào vết thương, đá nó một cái vào mạng sườn để nó đừng kêu inh lên nữa, rồi túm lấy bờm ngựa và cho một chân vào bàn đạp. Con ngựa hếch mõm vênh đuôi lên và nhảy tạt ngang vào đám bụi cây. Ông ta nhảy lò cò một

chân theo nó, nhưng rồi cũng lên được yên. Như nổi cơn điên, ông ta vung roi tít mù, thổi tù và và phóng ngựa đi. Tôi chưa kịp hoàn hồn sau sự xuất hiện bất ngờ của Tsertôpkhanôp thì đột nhiên, hầu như không có tiếng động, một người nữa lại từ đám bụi cây hiện ra. Người này to béo, khoảng bốn mươi tuổi, cưới con ngựa ô nhỏ bé. Ông ta dùng ngựa, bỏ chiếc mũ cát kết bằng da màu lá mạ trên đầu ra, cất giọng thanh thanh, mềm mỏng hỏi tôi có thấy người cưới con ngựa sắc hung qua đây không? Tôi đáp rằng tôi có gặp.

- Họ đi về phía nào ạ? - ông ta hỏi, giọng vẫn như thế và không đội mũ vào.

- Phía này.

- Đa tạ ông.

Ông ta chép miệng, dung đưa hai chân bên sườn ngựa và cho ngựa đi nước kiệu bầm về phía tôi chỉ.

Tôi nhìn theo cho đến khi cái mũ cát kết của ông ta khuất sau những cành cây. Hình dáng của người lạ mặt mới xuất hiện này không có chút gì giống với người trước. Mặt ông ta béo múp và tròn như quả bóng, nom có vẻ bẽn lễn, đôn hậu và hiền lành; mũi cũng phồng mọng và tròn, chỉ chít những đường gân xanh, cái mũi như thế cho biết chủ nó là người ham khoái lạc. Trên đầu ông ta ở phía trước không còn một sợi tóc, phía sau thò ra hai bím tóc nhỏ màu hạt dẻ sáng; đôi mắt nhỏ xíu, như bị khóa bằng cọ tranh, hấp háy một cách dịu dàng; đôi môi nhỏ, đỏ chót và mòng mọng mím cười ngọt ngào. Ông ta mặc áo đại lễ cổ cứng có cúc đồng, áo rất cũ nhưng sạch sẽ; chiếc quần dạ xắn lên thật cao, phía trên rìa ủng lộ ra đôi bắp chân mỡ màng.

- Ai thế - tôi hỏi Ermôlai.

Người vừa đến đây ạ? Đây là Nêđôpiuxkin Tikhôn Ivanuts. Ông ta ở với Tsertôpkhanôp.

- Ông ta là người thế nào, một người nghèo à?

- Cũng không giàu, và ngay cả Tsertôpkhanôp cũng chẳng có xu nào.

- Thế thì tại sao ông ta lại ở nhờ nhà người kia?

- À, họ kết bạn với nhau. Đi đâu cũng không rời nhau... Mà cũng đúng thôi: ngựa có vó, tôm có càng...

Chúng tôi ra khỏi bụi cây: bỗng nhiên, có tiếng hai con chó săn sủa giạt giọng ở gần bên, và một con thỏ trắng rất lớn chạy trong đám yến mạch đã khá cao. Từ ven rừng, những con chó dồn đuổi và chó đánh hơi xò ra, rượt theo con thỏ, còn chính Tsertôpkhanôp phóng ngựa như bay theo sau những con chó. Ông ta không hò hét, không giục chó, ông ta thở hồn hển như ngạt hơi: miệng ông ta há hốc, thỉnh thoảng lại buột ra những âm thanh đứt quãng, vô nghĩa. Ông ta trợn mắt, vung roi như điên như dại quất con ngựa khốn khổ. Mấy con chó đã đuổi kịp con mồi... Con thỏ ngồi xuống, quay ngoắt về phía sau, lao vút qua bên cạnh Ermôlai, trốn vào bụi cây... Mấy con chó lao theo. "Nhanh, đu-ối nhanh - người đi săn ngẩn ngơ, nói lấp bắp một cách khó nhọc, lười lười lại - bạn thân mến, đừng để nó thoát!". Ermôlai nổ súng... con thỏ bị thương lộn nhào trên thảm cỏ nhẵn nhụi và khô ráo, nhảy chồm lên cao và kêu la thê thảm giữa hai hàm răng của một con chó. Những con chó khác lập tức xô tới Nhanh như cắt, Tsertôpkhanôp nhảy xuống ngựa, rút phăng dao găm ra, chạy tới gần những con chó, chân đưa vòng kiềng, và vừa nguyên rửa dữ dội vừa giăng con thỏ bị cắn xé ra khỏi mõm chúng. Mặt méo hằn đi, ông ta cắm phập lưỡi dao vào cổ con thỏ, ngấp đến tận chuôi... và cất tiếng cười hô hô. Tikhôn Ivanuts lộ ra ở rìa rừng. "Hô- hô-hô-hô-hô!" - Tsertôpkhanôp cười rú lên lần nữa... "Hô-hô-hô-hô!" - người bạn ông ta bình tĩnh đáp lại. Kể ra thì đúng là không nên đi săn vào mùa hè - tôi nói và

chỉ cho Tsertôpkhanôp xem đám lúa bị xéo nát.

- Ruộng của tôi kia mà - Tsertôpkhanôp đáp, vẫn thở không ra hơi.

Ông ta cắt chân con thỏ, buộc con vật vào sau yên và phân phát những cẳng chân thỏ cho mấy con chó.

- Tôi ghi nhớ công anh về phát súng vừa rồi, người anh em ạ - ông ta nói với Ermôlai theo qui tắc đi săn - Còn thưa tôn ông - ông ta nói thêm, giọng vẫn dứt quãng và gay gắt như thế - cảm ơn tôn ông.

Ông ta lên ngựa - Xin ông cho biết...tên và họ ông...xin lỗi, tôi quên mất rồi...

Tôi xưng danh lần nữa.

- Rất vui sướng được làm quen với ông. Nếu có dịp, mời ông ghé thăm tôi... ờ, mà Fômka đâu rồi, Tikhôn Ivanuts? - ông ta hăm hở nói tiếp - chúng ta đã dồn được con thỏ mà không có phần của nó.

- Ngựa nó cười bị ngã đấy - Tikhôn Ivanuts mỉm cười đáp.

- Ngã thế nào kia? Orbaxan bị quị à? Khỉ quá? Nó đâu, ở đâu?

- Ở đằng kia, phía sau rừng.

Tsertôpkhanôp quất roi vào mồm ngựa và phóng thục mạng. Tikhôn Ivanuts cúi chào tôi hai lần - chào thay cả cho bọn, và lại cho ngựa phi nước kiệu vào đám bụi cây.

Hai người này khêu gợi trí tò mò của tôi rất nhiều... Cái gì đã khiến cho hai con người khác nhau đến như thế gắn bó với nhau bằng tình bạn khăng khít? Tôi bắt đầu dò hỏi. Sau đây là những điều tôi biết được.

Tsertôpkhanôp Pantêlây Erêmêits nổi tiếng khắp vùng là một tay nông cuồng nguy hiểm, một kẻ kiêu ngạo và hay gây gỗ bậc nhất. Ông ta phục vụ trong quân đội một thời gian rất ngắn và giải ngũ vì "bực mình", tuy mới lên tới cái cấp bậc mà dư luận rộng rãi cho rằng "gà mái chưa phải là chim" ([142]). Ông ta xuất thân từ dòng họ lâu đời, xưa kia giàu có. Cha ông ta sống xa hoa theo cung cách người thảo nguyên, nghĩa là tiếp đãi cả những khách được mời lẫn khách không mời mà đến, cho họ ăn uống phê phỡn, phát cho mỗi người đánh xe *toroika* của khách một phần tư thùng yến mạch, nuôi các nhạc công, những người ca xướng, những tay hề và chó, cho tất cả mọi người uống rượu nho và bia trong những ngày hội hè, mùa đông thì ra chơi Matxcova bằng cỗ xe ngựa nặng nề của nhà, nhưng đôi khi hàng mấy tháng ròng không có xu nào dính túi và sống bằng thực phẩm, gia cầm trong nhà. Bố Pantêlây Erêmêits được thừa hưởng một gia sản đã lụn bại. Ông ta cũng "phá phách" rất gôm, và khi qua đời, ông để lại cho Pantêlây, người thừa kế duy nhất của mình, một làng nhỏ: làng Bexxônôvô đã bị đem cầm cố để vay nợ. Làng này có ba mươi nhăm mống đàn ông và bảy mươi sáu mống đàn bà với mười bốn *dêxiatin* một *ôxminnic* ([143]) đất khô cằn nằm trong vùng đất hoang Kôlôbrôđơ. Nhưng thực ra trong giấy tờ của người quá cố cũng chẳng có chứng thư nào xác nhận quyền sở hữu những thứ đó cả. Phải thừa nhận rằng ông bố Pantêlây đã phá sản một cách hết sức kỳ lạ: "sự trù tính kinh tế" đã làm hại ông ta. Theo ý ông ta, người quý tộc không nên lệ thuộc vào cánh buôn bán, vào bọn thị dân và "những tên ăn cướp" khác cùng loại, như ông ta thường gọi họ. Ông ta tự gây dựng ở nhà đủ mọi nghề thủ công và xưởng thợ: "Như vậy vừa hay hơn vừa rẻ hơn - ông ta thường nói thế - phải biết trù tính kinh tế chứ!".

Cho đến chết ông ta vẫn không rời bỏ ý nghĩ tai hại ấy, chính ý nghĩ ấy đã làm ông ta phá sản.

Nhưng ông ta có một lỗi tiêu khiển thú vị biết bao! Ông không từ một cách chơi nông nào cả. Trong số những sáng kiến kỳ quặc khác, có lần ông ta cho đóng một chiếc xe ngựa gia đình theo ý riêng của mình, chiếc xe lớn đến nỗi mặc dù tất cả số ngựa của nông dân trong làng cùng với chủ của chúng đã được huy động đến và đã đồng tâm gắng sức phục vụ nhưng vừa gặp phải cái dốc đầu tiên, xe đã đổ kênh và vỡ tan. Êrêmây Lukits (bố Pantêlây tên là Êrêmây Lukits) ra lệnh dựng đài kỷ niệm trên sườn dốc, nhưng tuyệt nhiên không thể lấy thế làm bối rối. Ông ta còn nảy ra ý định xây nhà thờ, dĩ nhiên là tự làm lấy, không cần đến kỹ sư kiến trúc. Ông ta phá hết một khu rừng, để lấy củi nung gạch, đặt xong một cái nền to đến nỗi có thể dùng làm móng xây nhà thờ lớn của tỉnh, dựng xong tường và bắt đầu làm mái vòm: vòm đổ. Ông ta lại làm, mái lại sụp: ông ta làm lần thứ ba, mái lại đổ sụp lần thứ ba. Êrêmây Lukits của tôi nghĩ ngợi: không ổn...có kẻ dùng pháp thuật trừ ếm đây và đột nhiên ông ta ra lệnh đánh đòn tất cả các bà già trong làng. Các bà già đã bị đánh đòn, nhưng vẫn không dựng được mái vòm. Ông ta bắt đầu cho cất lại tất cả nhà ở của nông dân theo qui hoạch mới; và mọi việc đều do sự trù tính kinh tế. Ông ta bố trí cứ ba nhà tạo thành một hình tam giác, ở chính giữa hình tam giác đó có dựng một cây cột treo một chuông sáo sơn màu và một lá cờ. Hầu như ngày nào ông ta cũng bày ra một trò mới: khi thì nấu xúp bằng lá ngưu bàng, khi thì cắt đuôi ngựa làm mũ cát kết cho các gia nô, khi thì định dùng tầm ma thay lanh, khi thì định nuôi lợn bằng nấm...

Nhưng ông ta không chỉ bày ra những trò lạ trong việc làm ăn: ông ta còn chăm lo đến phúc lợi của nông dân nữa. Có lần, ông ta xem báo "Tin tức Matxcova" và đọc được một bài viết về lợi ích của đạo đức trong đời sống nông dân. Tác giả là một địa chủ ở Kharkôp. Thế là hôm sau, ông ta ra lệnh: tất cả nông dân phải lập tức học thuộc lòng bài của ông địa chủ Kharkôp. Nông dân học thuộc bài báo. Ông chủ hỏi họ: họ có hiểu bài đó viết gì không? Người quản lý trả lời: hiểu quá đi chứ ạ! Cũng vào khoảng thời gian ấy, để duy trì trật tự và tiện cho việc trù tính kinh tế, ông ta bắt tất cả nông nô của mình phải đánh số và mỗi người phải khâu số hiệu của mình vào cổ áo. Khi gặp chủ, mỗi người phải hét to lên: "Số X đây ạ còn ông chủ dịu dàng đáp lại: đi đi Chúa phù hộ con!

Tuy nhiên, mặc dù đã xếp đặt hết sức nền nếp và trù tính kinh tế cẩn thận, ông Êrêmây Lukits dần dần đã lâm vào tình trạng khốn quẫn: thoát tiên ông ta bắt đầu đem các làng của mình ra cầm cố để vay nợ, rồi đến nước phải bán hết làng này đến làng khác. Còn cái tổ cuối cùng của cha ông - cái làng có ngôi nhà thờ xây dở dang - thì bị nhà nước đem phát mại. May thay, chuyện đó không xảy ra khi ông còn sống, mà là hai tuần sau khi ông qua đời, chứ không thì hẳn là ông không chịu đựng nổi đòn ác liệt ấy. Ông ta đã được chôn ở nhà mình, trên giường của mình, giữa những người nhà và được thầy lang vườn chăm sóc; nhưng Pantêlây đáng thương chỉ được thừa hưởng độc có một làng Bexxônôvô.

Pantêlây được tin bố ốm khi ông ta đang tại ngũ, giữa lúc đang có chuyện lôi thôi xảy ra khiến ông ta "bực mình" nhất, như đã nói ở trên. Ông ta vừa tròn mười chín tuổi. Từ tám bé, ông ta chưa hề rời khỏi nhà bố mẹ và được dạy dỗ; mẹ ông ta là Vaxlixa Vaxiliepna, một người đàn bà rất tốt, nhưng đàn độn. Tóm lại, Pantêlây là một cậu ấm được cưng chiều. Chỉ có mình bà mẹ chăm lo giáo dục con. Êrêmây Lukits mãi mê với những dự định kinh tế của mình nên không bụng da dậu mà nghĩ tới chuyện ấy. Thực ra, có lần ông ta đã tự tay trừng phạt con trai vì cậu ta đọc chữ "rsur" thành "arsur"; nhưng hôm ấy, Êrêmây Lukits có một nỗi đau đớn sâu sắc và thầm kín. Con chó hay nhất của ông chết vì cây đổ. Tuy nhiên, sự chăm lo của Vaxilia Vaxiliepna đối với việc giáo dục Pantursa cũng chỉ bó hẹp ở một cố gắng khổ sở: bằng công sức mồ hôi nước mắt, bà thuê một gã người Ênzax, nguyên là lính, tên gọi Birkôff, làm gia sư dạy con bà. Cho đến lúc chết, bà luôn luôn lo sợ đến phát run lên về hần; bà ta nghĩ: nếu anh ta không chịu làm cho ta nữa thì ta chết mất! Ta biết xoay xở thế nào? Tìm đâu ra một ông thầy khác? Ta đã tốn bao tâm sức mới dụ được anh ta bỏ gia đình chị hàng xóm sang làm với ta! Và Birkoff vốn là người sáng ý, bèn lập tức lợi dụng địa vị đặc biệt của mình: hần nốc rượu say bí tỉ và ngủ từ sáng đến tối. Học xong "các môn khoa học", Pantêlây ra làm việc nhà nước. Vaxilia Vaxiliepna không còn ở trên đời này nữa. Bà mất từ nửa năm trước khi xảy ra biến cố quan trọng đó, chết vì sợ: bà chiêm bao thấy một người mặc đồ trắng, cười con gấu, trước ngực áo

có đề: "Tên phản Chúa". Êrêmây Lukits chẳng bao lâu cũng đi theo vợ.

Vừa được tin bố ốm, Pantêlây học tốc phóng về, nhưng về đến nơi thì bố đã từ già cõi trần. Cậu con trai đáng kính ngạc nhiên biết chừng nào trước một việc hoàn toàn bất ngờ: từ một kẻ thừa kế giàu có cậu biến thành một kẻ bần cùng! Không mấy người chịu đựng nổi sự xoay chuyển đột ngột như thế. Pantêlây đâm ra xa lánh mọi người, tính tình trở nên hung tợn. Trước là người chính trực, hào phóng, tốt bụng, tuy bộp chộp và nóng tính, nay ông ta biến thành một kẻ kiêu ngạo và hay cà khịa, ông ta không giao thiệp với hàng xóm láng giềng - ông ta xấu hổ với người giàu, nhưng lại coi khinh người nghèo - và ông ta đối xử với mọi người ngạo ngược vô cùng, ngay cả với các nhà chức trách, như muốn tỏ ra rằng đây là dòng dõi quý tộc lâu đời. Có lần, suýt nữa ông ta bắn viên cảnh sát vì y vào phòng ông ta mà vẫn đội mũ cát kết. Cổ nhiên các nhà chức trách cũng không buông tha ông ta và hễ có dịp là liền cho ông ta biết oai quyền của họ.

Nhưng dù sao họ cũng kiêng ông ta, vì ông ta nóng tính kinh khủng và hễ cứ lời qua tiếng lại một đôi câu là ông ta đòi đầu dao tức khắc. Bị bài bác chút ít là mắt Tsertôpkhanôp long lên, giọng nói đứt quãng... "A va-va-va-va-va - ông ta lắp bắp - dù có mất đầu tôi cũng cóc sợ đâu!"... và rất có thể ông ta nổi cơn điên lên! Thêm nữa, ông ta là người trong sạch, không dính líu vào một việc ám muội nào. Tất nhiên là không ai lui tới thăm ông ta. . . Tuy vậy, ông ta có tấm lòng nhân hậu, thậm chí có thể nói là cao cả theo kiểu riêng của mình: ông ta không thể chịu đựng nổi khi thấy người khác bị đối xử bất công, bị chèn ép, dù người đó không có quan hệ thân thiết gì với ông ta. Ông ta như quả núi che chở cho nông dân của mình. "Sao? - ông ta vừa nói vừa dậm như điên vào đầu mình - động đến người của ta à, dám động đến người của ta à? Trừ phi ta không còn là Tsertôpkhanôp nữa..."

Tikhôn Ivanuts không thể tự hào về dòng dõi của mình như Pantêlây Êrêmêits. Bố ông ta thuộc tầng lớp *Ôtnôđvôrets*, và sau bốn mươi năm làm viên chức, ông ta mới đạt được danh hiệu quý tộc. Bố Nêđôpiuxkin thuộc số người mà tai họa luôn luôn bám theo một cách hăm dọa, ráo riết, không mệt mỏi, dường như có mối thù riêng với ông ta. Suốt sáu chục năm trời, từ lúc chào đời cho đến lúc thở hơi cuối cùng, con người nghèo túng ấy đấu tranh với mọi thiếu thốn, bệnh tật và mọi sự rủi ro vốn là bạn đường khăng khít của những người hèn mọn. Ông ta long đong lận đận, ăn không no, ngủ không đầy giấc, cúi chào tất cả mọi người, lo lắng, buồn phiền và héo hắt đi, run sợ khi phải bỏ ra một đồng cô pếch, quả thực là ông đã phải chịu nhiều điều "oan uổng" trong thời gian đi làm, và cuối cùng ông chết không rõ là trên căn gác áp má hay trong hầm nhà, vẫn chưa kịp kiếm được cho mình hay cho các con một mẩu bánh ăn hàng ngày. Số phận hành hạ ông ta đến kiệt lực, như dồn đuổi một con thỏ đến nước cùng. Ông ta là người tốt bụng và ngay thẳng, vậy mà vẫn ăn của đứt nheo chức vị của mình: từ mười xu cho đến hai rúp. Nêđôpiuxkin có vợ, một người đàn bà gầy gò và ho lao; ông ta cũng có mấy con; may thay, con gái ông ta chẳng bao lâu đều chết cả, trừ có Tikhôn và người con gái là Mitorôđora, biệt hiệu là "tiểu thư vôi". Sau nhiều chuyện rắc rối đáng buồn và tức cười cô ả lấy một viên thầy kiện đã nghỉ việc. Hồi còn sống, Nêđôpiuxkin - bố đã thu xếp cho Tikhôn một chân chức việc ngoại ngạch ở phòng giấy; nhưng ngay sau khi bố chết, Tikhôn liền nghỉ việc. Những mối lo không lúc nào dứt, cuộc vật lộn khổ sở với đói rét, sự chán nản phiền muộn của mẹ, sự tắt tắt tuyệt vọng của bố, sự ức hiếp thô bạo của những kẻ có của và của tên chủ hiệu tạp hoá, tất cả những đau xót liên tục, hàng ngày ấy đã làm cho Tikhôn trở nên rứt rứt đến khó hiểu: chỉ trông thấy cấp trên là ông ta đã run lên và chết lặng đi như con chim bị bắt. Ông ta bỏ việc. Thiên nhiên vốn vô tình và có lẽ là thích giễu cợt, thường tại cho người ta những khả năng và khuynh hướng khác nhau mà không đếm xỉa gì đến địa vị xã hội và phương tiện sống của người ta. Với tính chăm chút và trù mẫn vốn có, nó nhào nặn Tikhôn, con một viên chức nghèo, thành một người nhạy cảm, lười nhác, mềm mỏng, dễ tiếp thu ấn tượng - một người đặc biệt ham khoái lạc, có khứu giác và vị giác cực kỳ tinh tế nó đã nhào nặn thành công, tu sửa cẩn thận và để cho tác phẩm của mình mọc trên cây bắp cải chua và con cá thối. Và đây, tác phẩm ấy đã mọc lên, bắt đầu "sống", như người ta thường nói. Trò vui cứ thế tiếp diễn. Số phận không ngừng hành hạ Nêđôpiuxkin - bố, nay bám lấy con trai ông ta: có lẽ nó đã quen mùi.

Nhưng với Tikhôn, nó chơi kiểu khác: nó không hành hạ, mà bốn cột ông ta. Không lần nào nó đẩy ông ta tới nước tuyệt vọng, nó không bắt ông ta phải qua những cơn đói khổ sở nhục nhã, nhưng đẩy ông phiêu bạt khắp nước Nga, từ Vêliki Uxtiuc đến Tsarevô - Kôctsaixk, khiến ông phải gánh lấy đủ mọi chức phận hèn hạ và lỗ bịch, thoát được cái này lại sa luôn vào cái khác: khi thì nó ban cho ông ta chức "quản gia" ở nhà một bà quý tộc từ thiện lắm lời và khoáng tính, khi thì đưa ông ta vào làm thực khách ở nhà một thương nhân giàu có nhưng keo kiệt, khi thì đưa lên làm chủ sự văn phòng tại gia của một ông quý tộc mắt lờ và búi tóc theo kiểu Anh, khi thì lại giáng ông ta xuống địa vị nửa như thằng hầu, nửa như thằng hề của một người đi săn bằng chó... Tóm lại, số phận bất Tikhôn nghèo khổ uống từng giọt cho đến hết cạn cốc thuốc độc đắng chát của cuộc sống lệ thuộc. Suốt đời, ông ta phục vụ thói ngông cuồng khó chịu, sự chán chường uế oải và độc ác của bọn quý tộc phù phiếm... Biết bao lần, sau khi chịu để cho đám khách khứa nhạo cợt chán chê mê mải, rồi cuối cùng được chúng buông tha và lui về phòng riêng một mình với bóng, toàn thân nóng bừng lên vì hổ thẹn, mắt đầm đìa những giọt lệ tuyệt vọng lạnh giá, ông ta thề là hôm sau sẽ bí mật trốn ra thành phố, thử cầu may, mong tìm lấy một chân ki lực hay chết đói ngoài đường cho xong.

Nhưng, một là trời không cho ông ta có đủ nghị lực; hai là ông ta nhút nhát, ba là, không biết chạy chọt thế nào để kiếm chỗ làm, không biết hỏi ai? họ sẽ không cho làm đâu - con người khốn khổ ấy vừa thì thầm vừa trần trụi một cách chán nản trên giường - họ sẽ không nhận đâu?". Và hôm sau, ông ta lại kéo lê xiềng xích của mình. Thân phận ông ta càng khổ nhục hơn vì nỗi vẫn con Tạo chu đáo ấy lại không chịu mất công phú cho ông ta một chút bằng chứng về những khả năng và năng khiếu, không thể thiếu được cho nghề nghiệp của người làm trò vui. Chẳng hạn, ông ta không biết khiêu vũ đến kiệt sức với chiếc áo khoác ngắn bằng da gấu lộn trái, cũng không biết bông phèng và nói những lời lịch thiệp giữa tiếng roi quất đen đét ngay bên mang tai. Đôi khi phải trần truồng như nhộng đi ra ngoài trời lạnh 20 độ âm để làm trò cười cho khách, ông ta bị cảm lạnh. Da dầy ông ta không tiêu hoá được rượu nho trộn với mực và những thứ tạp nhạp khác, không tiêu hoá nổi nắm đại bằm nhỏ và nắm độc trộn với dấm. Có trời biết được số phận Tikhôn sẽ ra sao, nếu như không có một chuyện bất ngờ xảy ra: vị ân nhân cuối cùng của ông ta, một tay trung thuế ([144]) phát to, trong lúc vui đùa, đã cho ghi vào di chúc của mình như sau: "Tôi để lại làng Bexxêlendêepka cùng với toàn bộ ruộng vườn thuộc làng này - do tôi bỏ tiền ra mua chứ không phải tài sản thừa kế - cho Ziôzia (còn gọi là Tikhôn) Nêđôpiuxkin được quyền sở hữu vĩnh viễn và truyền lại cho con cháu". Mấy ngày sau, do ăn món cháo cá *xterlê*, vị ân nhân bị liệt toàn thân. Trong nhà nhốn nháo, hoảng loạn cả lên. Toà án đột nhiên can thiệp vào, niêm phong tài sản theo đúng phép tắc. Thân nhân đổ đến. Người ta mở di chúc, đọc xong liền cho gọi Nêđôpiuxkin. Nêđôpiuxkin đến. Đa số những người họp mặt tại đây đã biết Nêđôpiuxkin giữ trách nhiệm gì trong nhà vị ân nhân của ông ta: những tiếng reo hò inh ỏi, những lời chúc mừng giũu cột ầm ầm nổi lên chào đón ông ta. "ông địa chủ, đây kìa, một ông địa chủ mới?" - mấy người thừa kế reo lên. "Chính thế - một tay pha trò và châm chọc nổi tiếng tiếp lời - có thể nói không nhầm ... đây quả là ... là ... đây mới đích thực là người thừa kế". Và tất cả mọi người đều phì cười. Nêđôpiuxki vẫn chưa tin ở vận may của mình.

Người ta đưa di chúc cho ông ta xem, ông ta đỏ mặt lên, nheo mắt, xua hai tay, khóc nức nở, nước mắt tuôn như mưa. Tiếng cười rầm rộ của đám đông biến thành tiếng gầm đồng thanh, vang động. Làng Bexxêlendêepka chỉ có hai mươi hai nông dân; chẳng ai tiếc gì lắm, vậy thì tại sao sẵn dịp may như thế này lại không bốn cột một chút cho vui?

Nhưng trong số những người thừa kế có một người ở Pêtecxbua tới, một người đàn ông đáng điệu đường hoàng, mũi kiểu Hy Lạp, vẻ mặt rất mực cao quý tên là Rôxtixlap Adanuts Stôppen. Ông ta không chịu nổi cái chuyện khó chịu đó và xoay ngang người tiến lại gần Nêđôpiuxkin và ngó qua vai, nhìn Nêđôpiuxkin với vẻ kiêu ngạo, nói bằng giọng đầy khinh miệt: "Thưa tôn ông, theo chỗ tôi biết, tôn ông là thằng hầu mua vui của ngài Fêđô Fêđôrovits đáng kính, có phải thế không ạ?" Ông quý tộc người Pêtecxbua nói tiếng Nga hết sức thuần khiết, hoạt bát và đúng cách. Vì bối rối và xúc động, Nêđôpiuxkin không nghe rõ lời ông khách

lạ nói với mình, nhưng những người khác lập tức im bật. Người hay pha trò mỉm cười độ lượng. Ông Stôppen xoa hai tay và nhắc lại câu hỏi.

Nêđôpiuxkin ngạc nhiên ngược mắt nhìn lên và há hốc mồm ra. Rlôxtixlap Ađanruts neho mắt với vẻ châm chọc.

- Thừa tôn ông, chúc mừng tôn ông, xin chúc mừng - ông ta nói tiếp - thực ra, có thể nói rằng không phải người nào cũng ưng kiếm miếng ăn bằng cách như thế, nhưng *de gustibus non est disputandum*, nghĩa là mỗi người có sở thích riêng...Phải không ạ?

Có người nào ở đằng cuối đám đông thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên và khoái trá, nghe như tiếng rên ngán ngủ, nhưng vẫn lịch sự.

- Xin ông cho biết - ông Stôppen nói tiếp, phấn chấn vì thấy mọi người mỉm cười - nhờ tài năng gì đặc biệt mà ông có được cái hạnh phúc như thế? Không, đừng ngượng, cứ nói đi; tất cả chúng ta ở đây có thể nói là người nhà cả thôi, *en famille*. Đúng không nào, thưa các vị, chúng ta ở đây, là *en famille*?

Người thừa kế được Rôxtixlap Ađanruts ngẫu nhiên hỏi câu ấy tiếc thay lại không biết tiếng Pháp, nên đành ừ hử cho xong. Nhưng một người thừa kế khác, trẻ tuổi, trên trán có những vết màu vàng, vội đỡ lời: "vu-i, vu-i, tất nhiên rồi".

Ông Stôppen lại nói: - Có lẽ ông biết đi bằng tay, chống hai chân lên trời chẳng?

Nêđôpiuxkin buồn rầu nhìn quanh: mọi khuôn mặt đều ngời lên nụ cười giễu cợt độc ác, mọi cặp mắt đều long lanh một vẻ khoái trá.

- Hay ông biết gáy như gà trống chẳng?

Tiếng cười rộ lên xung quanh và lập tức bật đi, nhường chỗ cho sự chờ đợi.

- Hay ông biết dùng mũi...

- Này thôi đi! - Một tiếng quát gay gắt ngắt lời Rôxtixlap Ađanruts - Đi hành hạ một người nghèo khổ mà không biết xấu hổ sao?

Mọi người ngoảnh lại nhìn. Tsertôpkhanôp đứng ở cửa. Vì là cháu họ xa của người quá cố, ông cũng nhận được giấy mời tới dự cuộc họp gia đình.

Lúc đọc di chúc, như thường lệ, ông vẫn giữ vẻ kiêu hãnh, đứng xa mọi người khác.

- Thôi cái trò ấy đi - ông hất cao đầu với vẻ tự hào, nhắc lại.

Ông Stôppen quay phắt lại, và thấy một người y phục xoàng xĩnh, thân hình xấu xí, ông khẽ hỏi một người bên cạnh (thận trọng không bao giờ thừa):

- Ai đấy?

- Tsertôpkhanôp, thằng cha chẳng có vai vế gì đâu - người kia rĩ tai ông ta.

Rôxtixlap Ađanruts liền tỏ vẻ coi khinh.

- Nhưng ông có quyền gì mà ra lệnh ở đây? - ông ta nói giọng mũi và neho mắt lại - xin hỏi: ông là bậc vương tướng gì kia chứ?

Tsertôpkhanôp nổ bùng lên như thuốc súng gặp tia lửa. Sự cuồng nộ làm ông ta ghen thờ.

Đz-đz-đz-đz - Tsertôpkhanôp rít lên như bị bóp cổ, và đột nhiên gầm vang như sấm - Ta là ai à? Ta là ai hả? Ta là Pantêlây Tsertôpkhanôp, một người dòng họ quý tộc lâu đời, tổ phụ ta đã từng phụng sự Sa hoàng, còn ngươi là gì?

Rôxtixlap Ađanruts tái mặt đi và lùi một bước về phía sau. Ông ta không ngờ bị trả miếng như thế.

- Ta là... ta ... ta là... ô, ô, ô!

Tsertôpkhanôp xông tới. Stôppen hoảng hồn nhảy lùi về phía sau, khách khứa xô tới ngăn ông địa chủ nổi cáu.

- Đấu súng, đấu súng, lập tức đấu súng... Bắn xuyên qua chiếc mũ xoa! - Pantêlây nổi khùng, gào lên - hoặc phải xin lỗi ta và xin lỗi ông kia.

- Xin lỗi đi, xin lỗi đi thôi - Những người thừa kế đứng xung quanh Stôppen thì thảo, lo sợ - ông ta có khác gì người điên đang lên cơn đâu, ông ta có thể cắt cổ ông như bỡn.

- Xin lỗi, xin lỗi, tôi không biết - Stôppen nói ấp úng - tôi không biết...

- Xin lỗi cả ông kia nữa! - Pantêlây gào lên chưa chịu thôi.

- Cả ông nữa... xin lỗi - Rôxtixlap Ađanruts nói thêm với Nêđôpiuxkin trong khi chính bản thân Nêđôpiuxkin cũng đang run như lên cơn sốt.

Tsertôpkhanôp nguôi giận, tới gần Tikhôn Ivanruts, cầm tay ông ta, đưa mắt khắp xung quanh với vẻ ngổ ngáo, và thấy không ai dám nhìn mình, liền đi ra với vẻ đắc thắng, giữa bầu không khí lạnh phắc như tờ, dắt theo cả ông chủ mới của làng Bexxêlendêepka.

Từ đó, họ không rời nhau ra nữa (làng Bexxêlendêepka chỉ cách làng Bexxônôp có tám dặm). Lòng biết ơn vô hạn của Nêđôpiuxkin chẳng bao lâu đã chuyển thành sự sùng kính nịnh nọt.

Vốn yếu đuối, nhu nhược và không hoàn toàn chính trực, Tikhôn tự hạ mình sát đất trước Pantêlây, con người gan dạ và vô tư. "Có phải chuyện dễ đâu! - đôi khi Tikhôn thầm nghĩ - anh ấy nói với quan tỉnh trưởng mà nhìn thẳng vào mắt ngài... Lạy Chúa tôi, anh ấy cứ nhìn như không ấy thôi!" Nêđôpiuxkin ngạc nhiên quá đỗi về Tsertôpkhanôp, ngạc nhiên đến mức bần khoản, đến hao mòn cả tâm trí, ông ta coi Tsertôpkhanôp là con người phi thường, thông minh, uyên bác. Kể thì cũng phải thôi, bởi vì học vấn của Tsertôpkhanôp dẫu có xoàng đi nữa, nhưng so với học vấn của Nêđôpiuxkin thì vẫn là lỗi lạc. Thực ra, Tsertôpkhanôp ít đọc sách báo tiếng Nga, còn tiếng Pháp thì ông ta kém đến nỗi có lần viên gia sư người Thụy Sĩ hỏi ông! "*Vous parlez français, monsieur?*" ([145]) thì ông ta trả lời: "*Jo*" ([146]) không hiểu - và ông ta nghĩ một lát rồi nói thêm: - *pa* ([147]); nhưng ông ta vẫn nhớ được rằng trên đời có Vonte, một nhà văn rất tài tình, rằng người Pháp với người Anh đã đánh nhau nhiều lần và Frêdêric đại đế là một ông vua Phổ cũng nổi danh về quân sự. Trong số các nhà văn Nga, ông ta kính trọng Đerjavin nhưng yêu mến Marlinxki và gọi con ngựa cái hay nhất của mình là Ammalat - Bêc... ([148])

Mấy ngày sau cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với hai người bạn, tôi đến làng Bexxônôvô thăm Pantêlây Erêmêits. Từ xa tôi đã nhìn thấy ngôi nhà nhỏ của ông ta. Nó đứng sừng sững ở một chỗ trơ trụi, "ngất ngểu trên cao", như con diều hâu lơ lửng treo mình trên cánh đồng. Toàn bộ khu nhà của Tsertôpkhanôp gồm bốn căn nhà to nhỏ khác nhau, tường bằng gỗ súc; nhà ở,

chuồng ngựa, nhà kho và nhà tắm. Mỗi căn nhà đứng riêng, ung dung một mình. Không có rào xung quanh, cũng không có cổng. Người đánh xe của tôi bắn khoăn dừng lại bên cái giếng đã gần như biến thành ao tù, đầy rác rưởi bắn thối. Cạnh nhà kho, mấy con chó con gày guộc, lông xơ xác, đang gặm xác một con ngựa chết, chắc là Orbaxxan; một con trong số đó hếch cái mõm đầm máu lên, sủa vội mấy tiếng rồi lại bắt đầu gặm những cạnh sườn đã lộ ra. Một gã trai chừng mười bảy tuổi đứng gần con ngựa, mặt nó béo húp, da vàng ệch, nó mặc y phục cô đặc, chân không giày. Nó nghiêm trang nhìn mấy con chó mà nó có nhiệm vụ trông coi, và thỉnh thoảng lại dùng roi da quất những con tham lam nhất.

- Ông chủ có nhà không? - Tôi hỏi.

- Có trời biết được! - Gã trai đáp - ông cứ gõ cửa đi.

Tôi xuống xe và tới bậc tam cấp của căn nhà.

Nhà ở của Tsertôpkhanôp nom đến thảm hại: tường bằng gỗ súc đã sạm đen và ươn "bụng" ra phía ngoài; ống khói đã xiêu đổ; các góc nhà đã mục ải và rệu rạo; dưới cái mái nhà lồm xồm, tùm hụp, những khung cửa sổ nhỏ xanh mờ ngó ra ngoài với vẻ chán chường khôn tả: một số gái giang hồ về già thường có những cặp mắt như thế. Tôi gõ cửa; không ai lên tiếng. Nhưng tôi nghe thấy ở bên trong có tiếng cẩu gấu: Azơ, buki, vêđi ([149]); đọc đi, đồ ngốc - một giọng khàn khàn nói - azơ, buki, vêđi, động từ, không phải! Động từ, việc tốt, ăn! ăn!... Nói đi, đồ ngu!

Tôi gõ cửa lần nữa.

Vẫn tiếng người ấy quát lên:

- Vào đi; ai đấy?

Tôi vào gian phòng ngoài nhỏ bé, trống không và qua cánh cửa để ngỏ, tôi thấy chính Tsertôpkhanôp. Ông ta mặc áo choàng Bukhara nhem nhuốc vệt mỡ, quần rộng ống, đầu đội mũ *ermônka* ([150]) đỏ, ngồi trên ghế, một tay nắm chặt mõm con chó xù còn non, tay kia cầm mẩu bánh mì dũ ngay trên mũi nó.

- A! - ông ta thốt lên với vẻ ung dung và không rời khỏi chỗ - rất vui mừng được ông tới thăm. Mời ông ngồi. Tôi đang bận một chút với con Venzor này... Tikhôn Ivanuts - ông ta cất cao giọng nói thêm - xin mời sang đây. Có khách đến thăm.

Tôi đến ngay đấy, đến ngay đấy - Tikhôn Ivanôvits trả lời từ buồng bên - Masa, đưa cà vạt đây.

Tsertôpkhanôp lại loay hoay với con chó Venzor và đặt miếng bánh mì lên mũi nó. Tôi nhìn xung quanh. Trong phòng, ngoài chiếc bàn có thể kéo dài thêm ra, mặt ván đã vênh vẹo, đứng trên mười ba cái chân cao thấp không đều nhau và bốn chiếc ghế rom đã vồng xuống thì không còn đồ đạc gì nữa.

Tường quét vôi trắng, có trang trí những vệt hình sao màu xanh, và chắc là quét vôi đã lâu lắm rồi, vì nhiều chỗ đã tróc lở. Giữa các cửa sổ có treo tấm gương lớn mờ đục, đã vỡ, lồng trong cái khung đồ sộ bằng gỗ màu đỏ. Ở các góc nhà có những ống điều dài và những cây súng. Từ trần nhà có những sợi tơ nhện to và đen rủ xuống.

Azơ, buki, vêđi, động từ, việc tốt, - Tsertôpkhanôp nói chậm rãi và bỗng kêu lên như điên: - A, ! Ăn? Ăn?... Con vật ngu lạ? ... Ăn!

Nhưng con chó xấu số chỉ run lên và không dám há mồm ra; nó vẫn ngồi quặp đuôi lại một cách đau đớn, mồm méo xệch đi, mắt chớp chớp buồn rầu và nheo lại, như tự nhủ thầm: xin tùy lượng ông chủ!

- Ăn đi, này! chộp lấy! - ông địa chủ nghịch ngợm nhắc lại.

- Ông làm nó sợ đấy - tôi nói.

- Thế thì cút xéo nó đi?

Ông ta đá nó một cái. Con chó đáng thương thông thả đứng lên, làm rơi miếng bánh mì trên mũi và đi ra phòng ngoài, dường như bước rón rén, coi vẻ rất tủi nhục. Mà quả vậy: lần đầu tiên người lạ đến nhà, vậy mà chủ lại đối xử với nó như thế.

Cánh cửa thông sang phòng bên kẹt một tiếng nhẹ, và ông Nêđôpiuxkin vào, vừa cúi chào vừa mỉm cười một cách dễ ưa. Tôi đứng lên chào lại.

- Không dám, không dám phiền ông - ông ta lắp bắp.

Chúng tôi ngồi xuống. Tsertôpkhanôp đi sang phòng bên.

- Ông hạ cố đến vùng chúng tôi lâu chưa ạ? - Nêđôpiuxkin nói với giọng mềm mỏng, sau khi khẽ hắng giọng trong lòng bàn tay, và đặt những ngón tay trước môi để giữ phép lịch sự.

- Được hơn một tháng, ông ạ.

- Dạ vâng.

Chúng tôi im lặng.

- Hiện giờ thời tiết thật dễ chịu - Nêđôpiuxkin nói tiếp và nhìn tôi với vẻ biết ơn, như thể thời tiết phụ thuộc vào tôi - lúa mì có thể nói là tốt tuyệt.

Tôi nghiêng đầu tỏ vẻ tán thành. Chúng tôi lại im lặng.

- Hôm qua ông Pantêlây Êrê mêits săn được hai con thỏ - Nêđôpiuxkin nói với vẻ gượng gạo, rõ ràng là muốn làm cho câu chuyện linh hoạt lên - đúng thể ạ, hai con thỏ cực lớn. - Chó của ông Tsertôpkhanôp có khá không ông?

- Tuyệt trần đời! - Nêđôpiuxkin nói với vẻ thích thú - có thể nói là nhất tỉnh. (Ông ta nhích lại gần tôi) Mà cũng phải thôi! Pantêlây Êrê mêits là người như thế kia mà! Ông ấy muốn gì, định làm gì là xong ngay tắp lự, cứ là băng băng đi! Xin nói với ông là Pantêlây Êrê mêits...

Tsertôpkhanôp vào phòng. Nêđôpiuxkin nhếch mép cười, im bật và đưa mắt ra hiệu với tôi, liếc nhìn về phía Tsertôpkhanôp, như muốn nói: đấy, rồi chính ông sẽ rõ. Chúng tôi bắt đầu nói chuyện về săn bắn.

- Ông có muốn tôi cho ông xem đôi chó săn của tôi không? - Tsertôpkhanôp hỏi tôi, và không đợi trả lời, lập tức gọi Karp.

Một gã trai lực lưỡng vào phòng, gã mặc kafotan bằng vải Nam Kinh màu lá mạ, cổ áo màu xanh da trời, cúc áo kiểu gia nhân.

Tsertôpkhanôp nói nhất gừng:

- Bảo Fomka đưa Ammalat và Xaiga đến đây, và thắng bộ tươt tất, nghe chưa!

Karp toác miệng cười, phát ra một âm thanh không rõ là tiếng gì, và đi ra. Fômka tới, tóc chải mượt, nai nịt gọn ghẽ, đi ủng, dắt chó. Vì phép lịch sự tôi khen ngợi những con vật dẫn độn (cả con chó săn đều hết sức dẫn). Tsertôpkhanôp nhổ bột trắng vào hai lỗ mũi Ammalat, điều đó rõ ràng không làm cho con chó thích thú chút nào. Nêđôpiuxkin cũng vuốt ve ngang hông Ammalat. Chúng tôi lại bắt đầu chuyện gẫu. Tsertôpkhanôp dần dần hết cơn nóng nẩy, không còn hung hăng và cáu kỉnh nữa; vẻ mặt ông ta đã đổi khác. Ông ta nhìn tôi và nhìn Nêđôpiuxkin...

- Này! - ông ta bỗng kêu lên - để cô ấy ngồi trong đó một mình làm gì? Masa! Masa! Sang đây.

Có người nào rục rịch trong căn phòng bên, nhưng không có tiếng trả lời.

- Ma-a-sa - Tsertôpkhanôp âu yếm nhắc lại - sang đây. Không sao, đừng sợ.

Cửa nhẹ nhàng mở ra, tôi thấy một người đàn bà chừng hai mươi tuổi, thân hình cao và cân đối, mặt kiểu người Digan, nước da bánh mật, mắt nâu vàng, tóc tết bím, đen như mun, hàng răng trắng bóng lấp lánh sau cặp môi mỏng và đỏ chót. Cô ta mặc áo dài trắng. Tấm khăn san màu thanh thiên, cài ở cổ bằng chiếc kim vàng, rủ tới ngang chừng đôi tay thon thả rất quý phái. Cô ta bước hai bước với vẻ vụng về bên lên của một người ít quen giao thiệp, rồi dừng lại và gằm mặt xuống.

- Đây tôi xin giới thiệu - Pantêlây Êrêmêits nói - cô ấy không hẳn là vợ tôi, nhưng cũng gần như là vợ.

Masa hơi đỏ mặt lên và mỉm cười bối rối. Tôi cúi chào càng trịnh trọng hơn. Tôi rất ưa cô ta. Cái mũi phượng hoàng thanh tú với hai cánh mũi nở rộng gần như trong suốt, đôi lông mày cao vạch thành hai đường cong đầy vẻ can đảm, đôi má tái nhợt, hơi hõm xuống - mọi đường nét trên mặt cô ta đều biểu hiện tính khí say mê thất thường và sự táo tợn không lo trước nghĩ sau. Dưới bím tóc bện chặt, trên cái cổ bạnh của cô, hai hàng tóc tơ óng ánh xoà xuống dưới: dấu hiệu của huyết thống và sức lực. Cô ta tới gần cửa sổ và ngồi xuống. Tôi không muốn làm cô ta thêm bối rối và nói chuyện với Tsertôpkhanôp. Masa hơi quay đầu lại và bắt đầu liếc nhìn tôi, cái nhìn vụng trộm, nhút nhát, chớp nhoáng. Luồng mắt của cô ta cứ thập thò như cái lưỡi rắn. Nêđôpiuxkin tới ngồi cạnh cô ta, thì thầm cái gì bên tai. Cô ta mỉm cười. Vừa mỉm cười, cô ta vừa hơi nheo mũi và nhếch môi trên lên, vì thế vẻ mặt cô nửa như mặt mèo, nửa như mặt sư tử...

"Ô người chó có đụng đến ta", - tôi nghĩ, và cũng lén lút nhìn cái thân hình mềm dẻo, bộ ngực căng phồng và những cử động góc cạnh, mau lẹ của cô ta.

- Thế nào, Masa - Tsertôpkhanôp hỏi - phải đưa cái gì ra thết khách chứ, hả?

- Chúng ta có mứt - Cô ta đáp.

- Thế thì đem mứt ra đây, cả vôtka nữa. Mà này, Masa ạ. - ông ta hét với theo - đem cả ghita nữa nhé.

- Ghita làm gì? Em không hát đâu.

- Vì sao?

- Em không thích.

- Ô, vớ vẩn, em sẽ thích, nếu như...

- Sao? - Masa liền cau mày, hỏi.

- Nếu mọi người yêu cầu - Tsertôpkhanôp nói nốt, không phải không có phần bối rối.

- A!

Cô ta ra, lát sau quay lại, đem theo mứt, vodka và lại ngồi bên cửa sổ. Trên trán cô ta vẫn còn thấy một nếp nhăn nhỏ. Cả hai hàng lông mày nhướn lên, hạ xuống như đôi râu ong bò vẽ... Hỡi bạn đọc, các bạn có để ý thấy mặt ong bò vẽ độc ác thế nào không? Giông tố thế nào cũng nổ ra, tôi nghĩ. Cuộc nói chuyện rời rạc. Nêđôpiuxkin hoàn toàn im lặng và mỉm cười gượng gạo. Tsertôpkhanôp thở hơ hển đỏ mặt và trợn mắt lên. Tôi đã toan bỏ đi...

Masa bỗng nhóm lên, mở toang cửa sổ, thò đầu ra, và cái kính quát gọi một người đàn bà đi qua: "Acxinhya!". Người đàn bà giật mình, toan quay lại và liền trượt chân, ngã oạch xuống đất. Masa ngửa người ra sau và cất tiếng cười giòn giã.

Tsertôpkhanôp cũng bật cười, Nêđôpiuxkin cũng kêu rú lên vì thích thú. Tất cả chúng tôi đều tươi tỉnh lên. Một làn chớp đã làm cơn giông bùng ra...không khí trở nên trong sạch.

Nửa giờ sau, có lẽ không ai nhận ra chúng tôi nữa: chúng tôi chuyện trò huyền thuyên và nô nghịch như trẻ con. Masa đùa cợt hăng hơn tất cả mọi người - Tsertôpkhanôp nhìn như muốn nuốt lấy cô. Mặt cô tái đi, hai lỗ mũi nở rộng, mắt vừa rục lên vừa tối lại. Cô nàng bên lên đã hăng lên. Nêđôpiuxkin bước thấp bước cao bằng đôi chân mập và ngắn, bám theo Masa như con vẹt đục bám theo con vẹt cái. Ngay cả Venzor cũng chui ra khỏi gầm chiếc ghế dài ở phòng ngoài, đến đứng ở ngưỡng cửa, nhìn chúng tôi một lát, rồi đột nhiên bắt đầu nhảy lên và múa. Masa nhẹ nhàng luồn sang phòng bên, mang ghita đến, hất bỏ tấm khăn san khỏi vai, nhanh nhẹn ngồi xuống, ngẩng cao đầu và cất tiếng hát một bài ca Digan. Giọng cô âm vang, rung động như tiếng kêu của cái chuông thủy tinh bị nứt rạn, lúc thì bùng bùng lên, lúc thì lặng dần đi... Tôi vừa cảm thấy thích thú, vừa rờn rợn.

"Ai gghi, giôvôri!..." ([151]) Tsertôpkhanôp bắt đầu vũ.

Nêđôpiuxkin bắt đầu giậm chân và nhích đi từng bước ngắn. Masa vặn vẹo toàn thân như miếng vỏ cây phong hơ trên lửa; những ngón tay thon nhỏ của cô hăm hở lướt trên cây đàn ghita, cái cổ họng nước da bánh mật từ từ nổi phồng lên dưới chuỗi hạt hổ phách quấn hai vòng. Khi thì cô bỗng ngừng bật, lử đử lử dừ, dường như miễn cưỡng bật dây đàn, còn Tsertôpkhanôp dừng lại, chỉ nhún một bên vai và đổi chân tại chỗ, còn Nêđôpiuxkin lắc đầu như ông phỗng sứ; khi thì cô ta lại hát gào lên như điên, vươn thẳng thân và ưỡn ngực ra, còn Tsertôpkhanôp lại ngồi xồm xuống đất, rồi nhảy chồm lên tới sát trần nhà, xoay tít như con quay, hét lên: "Mau!"...

- Mau, mau, mau! - Nêđôpiuxkin liền thoảng phụ họa theo.

Tối khuya tôi mới rời khỏi Bexxônôvô...

BƯỚC MẶT VẬN CỦA TSERTÔPKHANÔP

I

Sau lần tôi đến thăm Pantêlây Êrêmêits chừng hai năm thì những tai họa của ông bắt đầu xảy ra, đúng là những tai họa. Trước đó, ông đã từng gặp những chuyện bực mình, những thất bại, thậm chí cả những điều bất hạnh, nhưng ông không hề bận tâm đến những chuyện ấy và vẫn "sống ung dung" như trước. Tai họa đầu tiên làm ông bàng hoàng là một đòn mãnh liệt nhất giáng vào tình cảm của ông: Masa rời bỏ ông.

Cái gì đã khiến nàng rời bỏ mái nhà ông, nơi tưởng chừng như đã trở nên rất đối thân thuộc đối với nàng, điều đó thật khó nói. Cho đến những ngày cuối cùng của đời mình, Tsertôpkhanôp vẫn tin chắc rằng kẻ đã khiến Masa phụ bạc ông là một gã lẳng giềng trẻ tuổi, một tào trưởng kỵ binh phục viên, biệt hiệu là Iaff. Theo lời Pantêlây Êrêmêits, gã chiếm được nàng chỉ vì gã luôn tay xoắn ria mép, xúc dầu thơm lưng và hay thốt lên những tiếng "hừm hừm" nhiều ý nghĩa. Nhưng, đúng hơn hết là nên cho rằng dòng máu Digan phiêu lãng giang hồ vốn có trong cơ thể Masa đã xui khiến nàng làm như vậy. Dù sao đi nữa, chỉ biết rằng một chiều hè kia, Masa đã lấy mấy bộ áo xống cũ rách, gói thành một bọc nhỏ và rời khỏi nhà Tsertôpkhanôp.

Trước đó, ba ngày liền, nàng ngồi lì trong góc nhà, co ro nép vào tường như con cáo bị thương, không nói với ai nửa lời, chỉ lúng liếng đôi mắt, và trầm ngâm suy nghĩ, lúc thì cau mày, lúc thì nhoẻn miệng cười, lúc thì thu hai tay lại như khép mặt áo vào cho ấm người. Trước kia, nàng cũng có những lúc "trái tính trái nết" như thế, nhưng tình trạng đó không bao giờ kéo dài. Tsertôpkhanôp biết điều đó vì vậy chính ông không lo ngại và cũng chẳng làm phiền nàng. Nhưng lần ấy, sau khi thăm sân nuôi chó trở về, vì được người quản chó cho biết là hai con chó săn cuối cùng của ông đã "toi mạng", ông gặp người ở gái; và người này giọng run run, trình với ông rằng Maria Akinfiepnà gửi lời chào ông, bảo nói lại với ông rằng nàng chúc ông mọi sự may mắn, nhưng không trở về với ông nữa. Nghe xong, Tsertôpkhanôp xoay hai vòng tại chỗ, rống lên một tiếng ồ ồ, rồi lập tức đâm đầu đuổi theo cô ả chạy trốn, không quên mang theo cả súng lục.

Ông đuổi kịp nàng ở cách nhà hai dặm, cạnh một khu rừng bạch dương, trên con đường lớn dẫn về thị trấn huyện. Mặt trời đã xuống thấp ở phía chân trời, mọi vật xung quanh đột nhiên đều nhuộm màu đỏ thắm: cây cối, cỏ và đất.

- Trốn theo Iaff! Trốn theo Iaff - Vừa thấy Masa, Tsertôpkhanôp đã rên rỉ - Trốn theo Iaff! - ông vừa nhắc lại vừa chạy tới gần Masa, chân vấp dúi vấp dúi.

Masa dừng lại và quay mặt về phía ông. Nàng đứng quay lưng về phía ánh sáng, vì thế toàn thân nàng nom đen ngòm, như tạc bằng khúc gỗ thâm màu. Riêng có lòng trắng mắt nổi lên như hai trái hạnh nhân bằng bạc, còn chính con người thì càng tối hơn.

Nàng rút bọc hành lý sang một bên và khoanh tay trước ngực.

- Cô bỏ đến với Iaff, đồ khốn kiếp! - Tsertôpkhanôp nhắc lại và toan vồ lấy vai nàng, nhưng bắt gặp cái nhìn của nàng, ông sững người và ngập ngừng đứng nguyên tại chỗ.

- Em không đến với Iaff, Pantêiây Êrêmêits ạ - Masa khẽ đáp, giọng đều đều - Song em không thể ở với ông được nữa.

- Sao lại không ở được? Tại sao vậy? Tôi có điều gì khiến em không bằng lòng chẳng?

Masa lắc đầu.

- Ông chẳng làm gì khiến em không bằng lòng cả Pantêiây Êrêmêitss ạ, nhưng ở nhà ông, em buồn lắm... Cảm ơn ông về những điều ông đã làm cho em từ trước đến nay, nhưng em không thể ở lại được!

Tsertôpkhanôp ngạc nhiên; thậm chí ông vỗ hai tay vào đùi và nhảy lên.

- Sao lại thế kia chứ? Ở với nhau bao nhiêu, chỉ biết có vui thú và cảnh sống yên ả; vậy mà bỗng nhiên lại buồn phiền. Tự dưng lại nảy ra ý định bỏ người ta mà đi! Quảng tấm khăn lên đầu và bỏ đi. Mà lâu nay vẫn được quý trọng không kém gì một bà quý tộc...

- Em cho rằng giá đừng làm như thế lại hay hơn - Masa ngắt lời ông?

- Đừng là thế nào? Từ một ả Digan giang hồ, bỗng chốc trở thành một bà quý tộc mà lại không thiết là thế nào? Một người dòng dõi tiện dân như cô mà lại không thiết điều ấy là thế nào? Nói như vậy mà có thể tin được ư? Ở đây nhất định có sự phản bội ẩn náu ở bên trong, nhất định có sự phản bội!

Ông lại sôi lên.

- Em không hề có ý định bội bạc gì cả, mà trước đây cũng thế. - Masa nói bằng giọng du dương, rành rẽ. - nhưng em đã nói với ông rồi đấy: nỗi buồn sâu xé lòng em.

- Masa? - Tsertôpkhanôp kêu lên và dấm vào ngực mình - Này thôi đi, hành hạ người ta thế đủ rồi... đủ rồi đấy! Thề có Chúa trời chứng giám. Cô thử nghĩ xem Tisa sẽ nói thế nào; cô cũng nên thương anh ấy mới chứ!

Ông cho em gửi lời chào Tikhôn Ivanôvits và nói giùm với anh ấy rằng...

Tsertôpkhanôp vung hai tay lên.

- Không, cô nói dối, cô không thể đi được đâu? Gã Iaff của cô đừng có hòng mong chờ cô đến với hắn!

- Ông Iaff... - Masa định nói...

- Ông iếc gì cái thằng Iaff ấy - Tsertôpkhanôp nhại nàng - Nó là thằng gian xảo, đều cáng nhất trần đời, và mặt mũi như con khỉ ấy!...

Tsertôpkhanôp lồng lộn suốt nửa giờ với Masa, khi thì tới sát cạnh nàng, khi thì nhảy lùi ra xa, khi thì vung tay dọa đánh nàng, khi thì cúi rạp xuống cầu xin nàng, khóc lóc, quát mắng...

- Em không thể chiều ý ông được. - Masa nhắc lại - em buồn phiền lắm... buồn héo ruột héo gan - Mặt nàng dần dần có vẻ thờ ơ gần như ngái ngủ, đến nỗi Tsertôpkhanôp phải hỏi nàng là phải chăng nàng bị bỏ thuốc mê.

- Buồn - nàng thốt lên lần thứ mười.

- Nay, nếu tôi giết cô thì sao? - Ông bỗng quát lên và rút khẩu súng lục trong túi ra.

Masa mỉm cười, mặt nàng tươi tỉnh hẳn lên.

- Có sao đâu? Cứ giết đi, Pantêlây Êrêmêits: tùy ông thôi, nhưng quay trở lại thì nhất định là không thể được.

- Cô không trở về? - Tsertôpkhanôp lên cò súng.

- Em không trở về đâu, anh thân mến ạ. Muốn thế nào thì thế, em không về đâu. Em nói dứt khoát đấy.

Tsertôpkhanôp bất ngờ giúi khẩu súng lục vào tay nàng và ngồi xồm xuống đất.

- Được, thế thì em cứ giết tôi đi, không có em tôi không thiết sống nữa. Tôi đã bị em khinh ghét, vì thế tôi khinh ghét hết thấy mọi thứ trên đời.

Masa cúi xuống, nhặt bọc hành lý của mình lên, đặt khẩu súng lục xuống cỏ, không để miệng nòng chĩa về phía Tsertôpkhanôp, và tiến lại gần ông.

- Chao ôi, anh thân mến, anh buồn phiền cái nỗi gì mới được chứ? Anh còn chưa biết bọn gái Digan chúng em sao? Tính bọn em nó vốn thế, quen nết đi rồi. Khi mỗi sầu chia ly đã trôi dạt trong lòng, gọi cái hồn về viễn xứ thì còn ở lại sao được? Anh hãy nhớ mãi Masa của anh, anh sẽ không thể tìm được người bạn gái khác như thế đâu, và em cũng sẽ không quên anh, con chim ưng của em; nhưng cuộc sống chung của hai ta đã chấm dứt rồi!

- Anh đã yêu em, Masa ạ. - Tsertôpkhanôp nói lí nhí, những ngón tay bụng lấy mặt. . .

- Em cũng đã yêu anh, Pantêlây Êrêmêits thân yêu ạ?

- Anh đã yêu em, giờ đây anh vẫn yêu em đến điên rồ, đến mê mụ, và giờ đây anh sẽ nghĩ thế nào về việc em tự dưng bỏ anh và đi lang bạt khắp thế gian, mà không có duyên cớ gì. Anh cho rằng nếu anh không nghèo khổ thì hẳn là em sẽ không bỏ anh đâu!

Nghe những lời ấy, Masa chỉ nhếch mép cười.

- Thế mà trước kia anh vẫn bảo em là người không vụ lợi kia đấy! - Nàng nói và dang thẳng cánh vỗ mạnh vào vai Tsertôpkhanôp.

Ông đứng bật dậy.

- Nay, em cũng nên cầm một ít tiền của anh đi mà tiêu, chứ trong túi không có một xu thì làm thế nào? Nhưng tốt hơn hết là em hãy giết anh đi! Anh nói thực với em đấy: cứ giết luôn anh đi cho rồi?

Masa lại lắc đầu.

- Giết anh ư? Để rồi đi dầy ở Xibêri ư, anh thân yêu?

Tsertôpkhanôp giật mình.

- Té ra chỉ vì thế, chỉ vì cô sợ phải đi tù khổ sai...

Ông lại nằm vật xuống cỏ.

Masa lẳng lặng đứng cạnh ông. Em thương anh, Pantêlây Êrêmêits ạ. - Nàng vừa nói vừa thở dài - anh là người tốt... nhưng chẳng làm thế nào được: vĩnh biệt anh!

Nàng quay đi và bước hai bước. Đêm đã xuống, và những bóng đen mờ nhạt đã từ khắp nơi tràn đến. Tsertôpkhanôp chồm dậy nhanh như cắt và chụp lấy hai khuỷu tay Masa từ phía sau.

- Thế ra mi bỏ đi thật ư, đồ rắn độc? Đến với Iaff!

- Vĩnh biệt! - Masa nhắc lại bằng một giọng đầy sức truyền cảm và gay gắt, rồi nàng vùng ra khỏi tay ông và lại đi.

Tsertôpkhanôp nhìn theo nàng, chạy tới chỗ đặt khẩu súng lục, vồ lấy khẩu súng, nhắm và bắn... Nhưng trước khi bóp cò, ông hếch cao tay lên một chút: viên đạn bay vèo qua trên đầu Masa.

Nàng vừa đi vừa ngoái lại nhìn và tiếp tục đi, dáng khệnh khạng như trêu tức ông.

Ông bụng kín mặt và vùng chạy theo...

Nhưng ông chạy chưa được năm chục bước thì đột nhiên dừng lại như bị chôn chân tại chỗ. Một giọng quen thuộc, quá quen thuộc vang đến tai ông. Masa hát: "Đời tươi trẻ, đời đáng yêu". - Nàng hát. Mỗi âm thanh tự nó lan rộng ra trong không trung đầy bóng tối, nghe ai oán và nồng nhiệt. Tsertôpkhanôp lắng tai nghe. Tiếng hát xa dần, xa dần, khi thì lặng đi, khi thì lại văng vẳng từ xa đưa tới, nhưng vẫn tuôn chảy thành dòng nóng hổi... .

"Đây là ả chọc tức ta" - Tsertôpkhanôp nghĩ, nhưng liền đó ông rên rỉ: - Ôi, không, đây là cô ả vĩnh biệt ta, - và ông khóc như mưa.

Hôm sau, Tsertôpkhanôp đến nhà ông Iaff. Tuy là một bậc thượng lưu chính cống, Iaff ở làng quê, đã rời về ở thị trấn huyện, để "được gần gũi các vị tiểu thư" hơn nữa, nói theo lời ông ta là như thế. Tsertôpkhanôp không gặp Iaff. người hầu phòng cho biết ông ta đã đi Matxcova từ hôm trước.

- Biết mà? - Tsertôpkhanôp tức tối kêu lên - Hai đứa thông đồng với nhau. ả trốn đi với hắn...nhưng cứ liệu hồn!

Ông xộc vào phòng làm việc của tay đội trưởng kỵ binh trẻ tuổi, bất chấp sự ngăn cản của gã hầu phòng. Trong phòng làm việc, phía trên chiếc đi văng có treo bức chân dung ông chủ mặc võ phục kỵ binh, vẽ bằng sơn dầu. "À, mi đây rồi, con khỉ độc đuôi kia!" - Tsertôpkhanôp găm lên nhảy đại lên đi văng và tống một quả vào mặt vải căng rất phẳng của bức vẽ, làm thủng một miếng lớn.

Đoạn, ông nói với gã hầu phòng:

- Hãy nói với tên chủ vô công rồi nghề của người rằng vì văng cái mặt thật bỉ ổi của y ở đây, nên ông quý tộc Tsertôpkhanôp đã đập vỡ cái mặt y vẽ trên vải. Còn nếu y muốn thách ta quyết đấu với y thì y cũng biết nên tìm ông quý tộc Tsertôpkhanôp ở đâu. Không thì ta sẽ thân hành

đến tìm y! Con khỉ hèn hạ ấy có lần xuống đáy biển ta cũng sẽ tìm được. Nói xong, Tsertôpkhanôp nhảy trên đi văng xuống và trịnh trọng bỏ đi.

Nhưng viên đội kỵ binh Iaff chẳng đòi Tsertôpkhanôp phải quyết đấu quyết chiến gì cả, thậm chí ông ta không hề gặp Tsertôpkhanôp ở đâu hết, và Tsertôpkhanôp cũng chẳng nghĩ tới chuyện tìm kẻ thù của mình, vì thế giữa hai người chẳng hề xảy ra chuyện gì. Còn Masa thì sau đó ít lâu, không còn thấy tăm hơi nàng đâu nữa. Tsertôpkhanôp đã bắt đầu uống rượu, nhưng rồi ông "đã tỉnh ngộ". Song liền đó, một tai họa thứ hai lại đến với ông.

II

Số là: Tikhôn Ivanôvits Nêđôpiuxkin, người bạn chí thiết của ông đã qua đời! Hai năm trước khi về thế giới bên kia, sức khỏe đã bắt đầu phản bội Nêđôpiuxkin: ông ta bắt đầu mắc bệnh khó thở, thường cứ ngủ thiếp đi, và khi tỉnh giấc, ông ta không trở lại bình thường ngay được. Thầy thuốc ở huyện cả quyết rằng ông bị những cơn "xung huyết nhỏ". Trong ba ngày trước khi Masa bỏ đi, ba ngày mà nàng bắt đầu nhiễm chứng "sầu muộn", Nêđôpiuxkin nằm bẹp ở làng Bexxêlêndêepka của mình: ông ta bị cảm lạnh nặng. Vì thế hành động của Masa càng khiến ông bàng hoàng sửng sốt hơn: ông xúc động hầu như còn sâu sắc hơn cả chính Tsertôpkhanôp. Vốn tính hiền lành và rụt rè, ông ta chỉ tỏ thái độ xót thương dịu dàng đối với bạn và lộ vẻ băn khoăn đau đớn, ngoài ra không nói một câu nào. . . nhưng cõi lòng ông tan nát. "Nàng đã rút mất linh hồn ta" - ông ta lẩm nhẩm một mình khi ngồi trên chiếc đi văng nhỏ bọc vải sơn mà ông ưa thích và xoay một ngón tay quanh ngón tay kia. Ngay cả khi Tsertôpkhanôp đã hồi tâm thì Nêđôpiuxkin cũng chưa trấn tĩnh được, ông ta vẫn cảm thấy "trống rỗng trong lòng". "Ở chỗ này này", - ông ta vừa nói vừa chỉ vào giữa ngực, phía trên dạ dày. Ông ta sống trong tình trạng như vậy được đến mùa đông. Những trận rét đầu tiên làm cho bệnh khó thở của ông ta đỡ đi, nhưng bệnh xung huyết lại đến, lần này không phải là cơn xung huyết nhỏ, mà là cơn xung huyết ghê gớm thực sự. Ông ta không mê man ngay; ông ta vẫn còn nhận ra được Tsertôpkhanôp và thậm chí, khi nghe thấy bạn mình kêu lên một cách tuyệt vọng: "Sao lại thế, Tisa, không được tôi đồng ý mà anh lại bỏ tôi như thế thì anh tồi tệ có kém gì Masa?", ông ta đã trả lời, lười lười lại: "Nhưng mà tôi P... a... ây... Ê...êits xê-da...". Tuy vậy, ông ta vẫn tắt thở ngay ngày hôm ấy, không kịp chờ viên thầy thuốc huyện đến thăm bệnh. Còn viên thầy thuốc, đứng trước cái thi hài đã gần lạnh giá của ông ta, chỉ cái biết tỏ ra buồn rầu về sự mỏng manh của mọi cái trên trần thế, và đòi người ta đem cho mình "rượu vôtka với thịt lườn cá chiên khô". Đúng như người ta dự đoán, Tikhôn Ivanôvits di chúc để lại tài sản cho vị ân nhân đáng tôn kính và người bảo hộ hào hiệp của mình là "Pantêlây Êrêmêits Tsertôpkhanôp".

Nhưng tài sản đó chẳng có ích lợi gì lắm cho vị ân nhân đáng tôn kính, vì ít lâu sau, nó được đem bán đấu giá, một phần là để chi vào việc xây phần mộ, mua bức tượng mà Tsertôpkhanôp định dựng trên thi hài của bạn (rõ ràng là huyết thống của bố đã ảnh hưởng đến Tsertôpkhanôp). Bức tượng này Tsertôpkhanôp đặt mua ở Matxcova. Đúng ra đây phải là bức tượng một thiên thần đang cầu nguyện, nhưng người môi giới mà người ta giới thiệu cho ông lại cho rằng ở vùng quê không mấy khi có người am hiểu nghề nặn tượng, nên thay cho bức tượng thiên thần, y gửi cho ông tượng nữ thần Flora đã từng là vật trang điểm nhiều năm cho một trong những công viên thời Êkatêrina ở gần Matxcova. Duyên do là bức tượng ấy tuy rất kiều diễm, được sáng tác theo phong cách *barôkô* ([152]), có đôi tay xinh xắn mũm mĩm, có những búi tóc xoắn bông lên, có tràng hoa hồng trên bộ ngực trần, và thân hình hơi khom khom, nhưng lại là vật mà gã môi giới không mất tiền mua. Thế là cho đến nay, vị nữ thần đó của thần thoại vẫn đứng trên mộ Tikhôn Ivanôvits, và một chân hơi giơ lên với dáng điệu duyên dáng, vẻ mặt thực sự là hách dịch, thần đưa mắt nhìn những con bê và cừu đang nhón

nhờ xung quanh, vì đây là những vị khách không bao giờ thiếu tại các nghĩa địa ở làng quê chúng ta.

III

Sau khi mất người bạn chung thủy, Tsertôpkhanôp lại uống rượu, và lần này thì sự thể nghiêm trọng hơn nhiều. Tình cảnh của ông hoàn toàn xuống dốc. Không còn phương tiện gì để mà đi săn, tiền thì cạn ráo, mấy người làm công lại cũng bỏ đi nốt. Pantêlây Êrêmêits lâm vào cảnh cô độc hoàn toàn: chẳng biết nói năng cùng ai, chứ đừng nói gì đến chuyện thổ lộ tâm tình. Duy có niềm kiêu hãnh trong lòng ông vẫn không giảm bớt. Trái lại: tình cảnh ông càng khốn đốn thì ông càng ngạo mạn, càng kiêu căng và càng khó gần. Cuối cùng, ông đã hoàn toàn xa lánh mọi người. Ông chỉ còn một niềm an ủi duy nhất, một niềm vui sướng duy nhất: con ngựa cưỡi tuyệt diệu, lông xám, nòi ngựa vùng sông Đông mà ông đặt cho cái biệt hiệu là Malêc-Adên, đó thực sự là một con vật phi thường. Ông đã kiếm được con ngựa ấy trong hoàn cảnh như sau.

Có lần, khi cưỡi ngựa đi qua một làng bên cạnh, Tsertôpkhanôp nghe thấy tiếng ồn ào và la hét của đám đông nông dân ở gần quán rượu. Ở giữa đám đông ấy, vẫn tại một chỗ duy nhất, có những cánh tay lực lưỡng không ngừng giơ lên, hạ xuống.

- Có chuyện gì vậy? - Bằng cái giọng bề trên vốn có của mình, ông hỏi một bà già đứng ở ngưỡng cửa nhà bà ta.

Người đàn bà dựa vào mi cửa, và dường như thiu thiu ngủ, nhìn về phía quán rượu. Ở giữa đôi dếp bên bằng vỏ cây của bà ta, một thằng bé tóc hoe vàng, mặc sơ mi vải hoa, đeo dây thập ác bằng gỗ keo buông thông trên bộ ngực trần, ngồi dang rộng chân và siết chặt hai nắm tay. Ngay tại đấy, một con gà nhép rửa miếng vỏ bánh mì bằng bột lúa mạch đã khô cứng. Có trời biết được, thưa tôn ông - Bà lão trả lời - rồi bà ta chỉ về phía trước, đặt bàn tay răn reo, đen sạm trên đầu thằng bé - nghe đâu là trai tráng làng tôi đang đánh một tên Do Thái.

- Sao lại đánh người Do Thái? Người Do Thái nào?

- Có trời biết, thưa quý ông. Có một gã Do Thái đến làng chúng tôi; còn y từ đâu lạc loài đến thì ai mà biết được? Vaxia, về với mẹ đi, con; sùỵ, sùỵ, đồ phải gió! Người đàn bà dọa con gà con, còn Vaxia nín lấy váy bà ta.

- Thì họ đang đánh hấn đấy, thưa ông.

- Đánh thế nào? Vì có gì?

- Con không biết, thưa tôn ông. Hấn là phải có duyên có. Mà sao lại không đánh kia chứ? Vì thưa tôn ông, hấn đã đóng danh câu rút Chúa Kirixitô cơ mà!

Tsertôpkhanôp hò một tiếng, quất roi vào cổ ngựa, phi thẳng vào giữa đám đông, và xộc được vào bên trong, ông vẫn dùng chiếc roi ấy quất bừa phứa sang hai bên, đánh vào những người nông dân, vừa vụt vừa nói bằng giọng hỗn hển:

- Hành động... tự tiện! Tự-ự... tiện! Pháp luật mới có nhiệm vụ trừng phạt, chứ không phải là tự- tự nhân-ân! Pháp luật? Pháp luật! Phá-áp lu-ật!

Chưa đầy hai phút, đám đông đã giạt hết về mọi phía, và trên mặt đất, trước cửa quán rượu, một người nằm sóng soài, thân hình nhỏ bé, gầy guộc, da ngăm đen, mặc chiếc kafotan bằng vải Nam Kinh, thân hình tươi tắn và đau đớn khổ sở... Mặt tái mét, mặt trợn trừng, mồm há hốc... Cái gì thế - Con khiếp sợ đang tan dần hay là chính cái chết đã đến?

- Tại sao các người giết người Do Thái này? - Tsertôpkhanôp nói oang oang như sấm và vùng vẫy hăm dọa.

Đám đông lao xao trả lời. Bọn họ người thì ôm một bên vai, người thì ôm mạng sườn, người thì bưng mũi.

- Đánh ác quá! - Có tiếng người nói ở những làng phía sau.

- Có roi ngựa mà! Thế thì ai mà chẳng ra oai được - Tiếng một người khác thốt lên.

- Tại sao các người giết gã Do Thái? Ta hỏi các người, những kẻ mọi rợ dã man kia! - Tsertôpkhanôp nhắc lại.

Nhưng ngay lúc đó, kẻ nằm trên mặt đất nhanh nhẹn chồm dậy, và chạy ra phía sau Tsertôpkhanôp, lật đật vúi lấy rìa yên ngựa của ông.

Tiếng cười đồng thanh rộ lên trong đám đông.

- Sống dai gớm! - Lại có tiếng nói ở phía sau đám đông - Dai không kém gì con mèo!

- Thừa đức ông tôn quý, xin ngài bệnh vục, cứu vớt con - gã Do Thái khốn khổ lắp bắp, áp ngực vào chân Tsertôpkhanôp - họ giết chết con mất, họ giết chết con mất, thừa đức ông tôn quý!

- Vì lẽ gì họ đánh người? - Tsertôpkhanôp hỏi.

- Thề có Chúa, con không thể nói rõ được! Gia súc của họ bị giết... thế là họ nghi ngờ... mà con thì...

- Thôi được, chuyện đó ta sẽ xét sau! - Tsertôpkhanôp ngắt lời - còn bây giờ, người hãy bám vào yên ngựa và đi theo ta. Còn các người kia! - Ông ta quay về phía đám đông, nói thêm - các người biết ta chứ? Ta là địa chủ Pantêlây Tsertôpkhanôp, ở làng Bexxônôvô, vậy thì nếu thấy cần, các người cứ kiện ta đi, và kiện cả gã Do Thái luôn tiện nữa?

- Kiện để làm gì kia ạ? - Một người nông dân râu cằm bạc trắng, dáng điệu đường hoàng, nom y hệt một vị tộc trưởng thời cổ, cúi rạp mình xuống và nói. (Tuy vậy ông ta đã đánh gã Do Thái không kém gì những người khác) - Thừa ông Pantêlây Êrê- mêits, chúng con biết rõ ân đức của ông, chúng con rất cảm kích vì ông đã rủ lòng răn dạy chúng con...

- Kiện cáo làm gì kia chứ! - Những người khác hòa theo - Còn về tên phản Chúa kia thì rồi chúng ta sẽ trị tội y đúng như ta muốn! Hẳn không thoát khỏi tay chúng ta đâu! Nghĩa là chúng ta sẽ tóm cổ hắn như tóm con thỏ giữa cánh đồng...

Tsertôpkhanôp nhếch ria mép, sì một tiếng khinh bỉ, cho ngựa đi bước một về làng mình, theo sau là người Do Thái mà ông đã cứu thoát khỏi những kẻ bắt nạt, như hồi xưa ông đã giải thoát cho Tikhôn Nêđôpiuxkin.

Mấy ngày sau, một gã đầy tớ duy nhất người kazăc còn ở lại với Tsertôpkhanôp trình với ông rằng có một người không rõ là ai cưỡi ngựa đến tìm ông và muốn thừa chuyện với ông. Tsertôpkhanôp ra bậc tam cấp và thấy người Do Thái quen biết cưỡi con ngựa vùng sông Đông tuyệt đẹp, con ngựa đứng sừng sững giữa sân, dáng vẻ đầy kiêu hãnh.

Gã Do Thái không đội mũ: gã kẹp mũ dưới nách, chân gã không xỏ vào chính bàn đạp mà xỏ vào những dải dây da bàn đạp; những tà áo kafotan rách nát của gã lủng lẳng hai bên yên. Thấy Tsertôpkhanôp, gã chép mỗi, giật hai khuỷu tay và đung đưa chân. Nhưng Tsertôpkhanôp chẳng những không đáp lại lời chào của gã, mà thậm chí còn tức giận. Đột nhiên, lửa giận bùng cháy trong lòng ông: gã Do Thái khốn kiếp dám cưỡi trên lưng con ngựa đẹp tuyệt trần như vậy... vô lễ quá lắm!

- Này, tên Êtiôpi mặt met kia? - ông quát - Xuống ngựa ngay, nếu như ngươi không muốn ta ném ngươi xuống đồng bùn!

Gã Do Thái lập tức vâng lời, lăn từ trên yên ngựa xuống như cái bao tải, và một tay cầm cương, vừa mỉm cười vừa cúi chào, tiến lại gần Tsertôpkhanôp.

- Ngươi cần gì? - Pantêlây Êrêmêits hỏi với vẻ nghiêm trang.

- Thừa tôn ông, xin ngài nhìn xem con ngựa như thế nào? - Gã Do Thái nói, vẫn không ngừng cúi chào.

- Ơ, ngựa tốt đấy. Ngươi kiếm đâu ra? Xoáy được hản thôi?

- Sao lại có thể như thế được, thưa ngài! Con là người Do Thái lương thiện, con không ăn cắp, con đem đến hầu ngài, đúng vậy đấy ạ! Con đã tốn bao nhiêu công sức, biết bao công sức! Nhưng con ngựa đáng gọi là ngựa! Dẫu có lũng khắp vùng sông Đông cũng không tìm đâu ra được một con khác như thế! Xin mời ngài lại đây. Tpru. . . tpru. . . quay đi, đứng quay sườn lại! Bây giờ ta sẽ tháo yên.

Ngựa tuyệt chưa! Thừa tôn ông?

- Ngựa tốt đấy - Tsertôpkhanôp nhắc lại, vờ làm ra vẻ thản nhiên, nhưng tim ông cứ đập thình thịch trong lồng ngực. Ông vốn rất mê ngựa và am hiểu về ngựa.

- Thừa tôn ông, ông hãy vuốt ve nó đi! Vuốt cổ nó đây này, hì-hì-hì! Chính vậy đấy.

Tsertôpkhanôp làm như miễn cưỡng đặt tay lên cổ con ngựa, vỗ vào cổ nó hai cái, rồi rê những ngón tay từ bờm xuống đến lưng, và đến một chỗ nhất định phía trên thận, ông khẽ ấn vào đó theo thói quen của người đi săn. Con ngựa lập tức cong lưng lên và nghiêng con mắt đen kiêu hãnh nhìn Tsertôpkhanôp, thở phì một cái và dậm dịch hai chân trước.

Gã Do Thái bật cười và vỗ nhẹ vào tay.

- Nó nhận chủ, thưa ngài, nó nhận chủ đấy ạ!

- Này, đừng có nói nhảm - Tsertôpkhanôp bực tức ngắt lời - Mua của ngươi con ngựa này thì ta... không có tiền đâu mà mua, có nhận quà biếu thì ngay đến quà của thượng đế ta cũng chưa

thêm nhận chứ đừng nói gì đến quà của gã Do Thái.

- Con mà lại dám tính đến chuyện biếu ông cái gì thì to gan quá, không đời nào dám thế ạ! - Gã Do Thái kêu lên - Xin ông mua con ngựa này, thừa tôn ông. . . còn tiền thì con lấy sau cũng được ạ.

Tsertôpkhanôp ngĩ ngợi.

- Nhà ngươi lấy bao nhiêu? - Cuối cùng, ông nghiêng răng thốt lên.

Gã Do Thái nhún vai.

- Chỉ bằng giá con mua thôi ạ. Hai trăm rúp.- Con ngựa đáng giá gấp đôi, mà có lẽ còn gấp ba số tiền ấy là khác.

Tsertôpkhanôp quay đi và ngáp một cái nóng nẩy.

- Thế bao giờ. . . lấy tiền? - Ông hỏi, cổ tình cau mày và không nhìn gã Do Thái.

- Lúc nào tiện thì ngài cho xin cũng được ạ.

Tsertôpkhanôp ngật đầu ra sau, nhưng không ngược mắt lên.

- Đấy không phải là câu trả lời. Người nói cho rõ ràng đi, đồ quái vật! Như vậy là ta sẽ nợ người chứ gì?

- Vâng thì nói thế cũng được ạ - gã Do Thái vội tiếp lời, sáu tháng nữa...ngài bằng lòng chứ ạ?

Tsertôpkhanôp không đáp lại câu nào.

Gã Do thái cố nhìn vào mắt ông.

- Ngài ưng thuận chứ ạ? Ngài cho đưa vào chuồng ngựa chứ ạ?

- Ta không cần yên. - Tsertôpkhanôp nói sảng giọng - Người lấy yên đi, nghe chưa?

- Dạ vâng, dạ vâng, con xin lấy đi - gã Do thái mừng rỡ, nói lấp bắp và vác cái yên lên vai.

- Còn tiền thì... - Tsertôpkhanôp nói tiếp - sáu tháng nữa ta trả. Không phải hai trăm, mà hai trăm rưỡi. Im! Hai trăm rưỡi, ta bảo người mà! Ta nợ người.

Tsertôpkhanôp vẫn chưa dám nhìn lên. Chưa bao giờ lòng kiêu hãnh của ông bị tổn thương mạnh đến thế. Ông nghĩ thầm: "Rõ ràng là hấn biện lễ đến dâng ta để tỏ lòng biết ơn, đồ quỉ!". Ông vừa muốn ôm hôn gã Do thái, vừa muốn đánh gã...

- Thừa ngài - Gã Do thái trở nên mạnh dạn hơn, toác miệng cười và nói - cần phải tay trao tay, theo phong tục Nga...

- Lại còn bày ra cái trò gì thế nữa? Người Do thái... mà lại theo phong tục Nga! Này? Ai đấy? Giữ lấy ngựa, đưa nó vào chuồng. Đổ kiều mạch vào máng cho nó ăn. Ta sẽ đến xem ngay đấy. Nhớ rằng tên nó là Malêc-Ađen, nghe chưa!

Tsertôpkhanôp toan bước lên bậc tam cấp, nhưng chợt xoay gót gầy, quay ngoắt lại và chạy tới gần gã Do thái, xiết chặt tay gã. Gã cúi xuống và đã chề môi ra định hôn tay ông, nhưng

Tsertôpkhanôp nhảy lùi lại, và hạ giọng thốt lên: "Không được kể với ai đấy!", rồi biến vào sau cửa.

V

Chính từ hôm ấy, Malêc-Aden trở thành công việc chính, thành mối quan tâm chủ yếu và là niềm vui sướng trong đời Tsertôpkhanôp. Ông yêu nó còn hơn cả yêu Masa trước kia, ông quyến luyến với nó hơn cả quyến luyến Nêđôpiuxkin. Mà con ngựa mới đáng gọi là ngựa chứ? Nó hăng như lửa, đúng là lửa, nói là thuốc súng cũng không ngoa: còn về đường bệ thì không thua gì một vị quý tộc Nga thời xưa! Nó không bao giờ biết mệt, dẻo dai, rẽ cương về đâu là ngoan ngoãn tuân theo; còn cho nó ăn thì chẳng tốn kém gì: nếu không có gì khác, nó gặm đất dưới chân. Nó đi bước một êm như ru, phi nước kiệu thì người cưỡi có cảm giác như đang đu võng, còn phi nước đại thì gió cũng không đuổi kịp! Nó chưa bao giờ thở hồng hộc, vì rất dài hơi. Chân nó cứng như thép, mà chưa bao giờ bị vấp vấp! Nó vượt qua hào hay qua rào dễ như bỡn; mà tinh khôn thì có một. Nghe tiếng chủ gọi là cất cao đầu, chạy ngay tới; bảo nó đứng một chỗ rồi đi nơi khác là nó đứng nguyên chỗ ấy, không nhúc nhích; chỉ khi chủ quay về, nó mới khể hí lên, như muốn nói: "Tôi vẫn ở đây". Nó không biết sợ gì hết: trời tối tăm mịt mù, bão tuyết toại bời, nó vẫn tìm được đường; nhưng không phải chủ thì đừng hòng nó phục tùng: nó nhe răng ra cắn ngay! Chớ chớ có dại mà bén mảng đến gần nó: nó lập tức giơ chân trước bổ luôn vào trán: đốp! Chỉ có mà đi đời nhà ma! Nó là con ngựa giàu lòng tự ái: roi chỉ để vung lên người nó cho oai, chứ đừng có mà động đến nó, xin chớ có chơi dại! Mà chẳng cần gì phải dài lời: đấy là của báu, chứ không phải là con ngựa.

Tsertôpkhanôp mà đã bắt đầu miêu tả Malêc-Aden của ông thì lời lẽ đến với ông cứ là thao thao bất tuyệt! Ông chăm chú và nâng niu nó thôi thì hết cấp! Lông nó óng ánh như bạc - không phải là bạc cũ, mà là bạc mới, có nước bóng thắm màu; đưa tay vuốt thì cảm thấy đúng là nhung! Yên, tấm da phủ lưng, cương - tất cả đều sắp đặt rất khéo, gọn ghẽ, tất cả đều sạch bóng, khiến ta bất giác muốn cầm lấy bút chì và vẽ! Tsertôpkhanôp đích thân - còn gì vinh dự hơn nữa? - Tự tay tết tua viền cho con ngựa yêu mến, tự tay rửa bờm và đuôi cho nó bằng rượu bia, thậm chí nhiều lần bôi dầu vào móng cho nó.

Đôi khi, ông cưỡi Malêc-Aden đi chơi, không phải là đến thăm những người quanh vùng - vẫn như trước, ông không hề giao thiệp với họ - mà đi qua cánh đồng của họ, qua trang viên của họ...Dường như ông muốn bảo với họ rằng: này, bọn ngốc kia, hãy đứng ra mà ngắm nghía! Hề nghe đồn ở nơi nào có đám rục rịch đi săn - một người quý tộc giàu có sửa soạn đi săn ở nơi xa - là ông lập tức đến chỗ đó và cho ngựa vờn nhảy ở xa xa, phía chân trời, làm cho những người xem phải ngạc nhiên về vẻ đẹp và sự nhanh nhẹn của con ngựa của mình, nhưng không để cho ai đến gần. Có lần, một người đi săn thậm chí còn dẫn cả đoàn tùy tùng đuổi theo ông. Khi thấy Tsertôpkhanôp đang bỏ xa mình, người đi săn vừa thúc ngựa phóng hết sức, vừa gào toáng lên: "Này, ông bạn! Nghe đây! Để cho tôi con ngựa, lấy bao nhiêu cũng được! Hàng nghìn đồng tôi cũng không tiếc! Tôi sẵn sàng nhường cả vợ con cho ông! Lấy hết mọi thứ tôi có cũng được!" Tsertôpkhanôp bỗng kìm ngựa chậm lại. Người đi săn phóng như bay tới gần.

- Ông ơi! - Người kia gào to - ông nói đi: ông muốn gì? Cha đẻ của tôi ơi?

- Nếu như ông là Sa hoàng - Tsertôpkhanôp nói đồng dục (ấy là cả đời ông chưa hề nghe nói đến Sêcxpia đấy) - thì dù ông có nhường cả vương quốc của ông để đổi lấy con ngựa của tôi, tôi cũng không đổi cơ mà!([153])- Nói đoạn, ông phá lên cười, cho Malêc-Aden chồm ngược lên, điều khiển nó xoay người trong không trung, chỉ đứng bằng hai chân sau, nom giống như con

quay đang xoay tròn, rồi tiếp tục phóng đi! Và vút đi như tia chớp trên ruộng rạ. Còn người đi săn (nghe nói là một công tước giàu sụ) ném chiếc mũ mềm xuống đất và ngã vật mặt xuống mũ! Ông ta nằm như thế đến nửa tiếng đồng hồ.

Vậy thì làm sao mà Tsertôpkhanôp không quý con ngựa của mình kia chứ? Chẳng phải là nhờ nó mà ông lại có được ưu thế chắc chắn, một ưu thế cuối cùng đối với mọi người trong vùng ư?

VI

Nhưng thời gian trôi qua, kỳ trả tiền sắp tới, mà Tsertôpkhanôp không có nổi lấy năm chục đồng, chứ đừng nói gì đến hai trăm năm mươi đồng. Làm thế nào đây, có cách gì gỡ nước bí này chăng? "Có gì đâu nhỉ? - Cuối cùng, ông quyết định - nếu gã Do Thái không nhân nhượng, không muốn cho khất thì ta sẽ gán nhà và đất cho y, còn ta sẽ cưỡi con ngựa đi bất cứ đâu! Ta thà chết đói chứ không chịu nhường lại Malêc-Ađen cho ai!". Ông lo lắng và thậm chí bắt đầu nghĩ ngợi. Nhưng phen này, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, số phận đã thương hại ông, mỉm cười với ông: một bà thím họ xa mà thậm chí Stertôpkhanôp không biết tên, đã đi chúc lễ lại cho ông một số tiền mà đối với ông là hết sức lớn: hai nghìn rúp! Ông nhận được món tiền ấy hoàn toàn đúng lúc, như người ta thường nói: một ngày trước khi gã Do Thái đến. Tsertôpkhanôp suýt phát điên lên vì vui sướng, nhưng ông cũng không nghĩ đến chuyện uống vôtka: từ ngày Malêc-Ađen đến với ông, ông không hề nhấp đến một giọt. Ông chạy vào chuồng ngựa và hôn lấy hôn để vào hai bên mồm của bạn mình, quăng phía trên mũi, chỗ mà da ngựa thường mềm nhất. "Bây giờ thì chúng ta sẽ không bao giờ xa rời nhau - ông reo lên, vỗ vào cổ Malêc-Ađen, dưới cái bờm chải mượt. Trở vào nhà, ông đếm hai trăm năm mươi rúp và niêm phong thành một gói. Rồi ông nằm ngửa hút ống điếu, mơ tưởng về việc ông sẽ dùng số tiền còn lại như thế nào: ừ, ông sẽ mua những con chó Xôxtorôma chính cống, mà nhất định là lông phải có đốm lang màu hồng! Thậm chí ông còn chuyện trò một lát với Perfiska - ông đã từng hứa sẽ mua cho y chiếc áo kazakin mới có viền kim tuyến ở tất cả các đường may, - rồi ông đi ngủ, tâm hồn hết sức khoan khoái.

Ông thấy một giấc chiêm bao chẳng lành. Dường như ông cưỡi ngựa đi săn, nhưng không phải cưỡi Malêc-Ađen, mà cưỡi một con vật kỳ lạ giống như lạc đà; một con cáo trắng như tuyết chạy về phía ông... ông muốn vung chiếc roi da có cán, muốn suýt chó đuổi nó, nhưng thay cho cái roi, trong tay ông lại là bó xơ gai, còn con cáo chạy trước mặt ông, và nói thành tiếng, trêu ghẹo ông. Ông nhảy từ trên lưng con lạc đà của mình xuống, vấp chân và ngã... ngã thẳng vào tay tên sen đầm đang gọi ông đến chỗ quan tổng trấn, và ông nhận ra tên sen đầm đó là Iaff..

Tsertôpkhanôp bừng tỉnh. Trong buồng tối om; gà vừa gáy lần thứ hai...

Có tiếng ngựa hí ở nơi nào phía xa.

Tsertôpkhanôp ngẩng đầu lên... Một lần nữa, ông nghe thấy tiếng hí thanh thanh.

"Tiếng hí của Malêc-Ađen! - Ông thoáng nghĩ - Đúng tiếng hí của nó! Nhưng tại sao nghe xa thế nhỉ? Chết cha rồi ... Không thể thế được ? ...

Tsertôpkhanôp bỗng lạnh toát cả người, từ trên giường nhảy bổ ngay xuống, sờ soạng tìm ủng, áo, đi giày, mặc áo vào, rồi vồ lấy chìa khóa chuồng ngựa để dưới đầu giường và nhảy ra sân.

Chuồng ngựa ở ngay cuối sân, một mé tường quay ra phía cánh đồng. Tsertôpkhanôp không tra ngay được chìa vào ổ, tay ông run run, và không xoay chìa mở khoá ngay... ông đứng không nhúc nhích một lát, nín thở: ước gì có tiếng động đây sau cửa! "Malêc! Malêc yêu quý của ta ơ?" - ông gọi khe khẽ: im lặng như tờ. Tsertôpkhanôp bất giác giật mạnh cái chìa: cửa két một tiếng, mở toang ra... Vậy là cửa không khoá. Ông bước qua ngưỡng cửa, và lại gọi con ngựa của mình, lần này gọi đủ tên: "Malêc-Aden!" Nhưng người bạn trung thành không đáp lại, chỉ có con chuột chạy loạt soạt trên rơm. Thế là Tsertôpkhanôp đâm bổ tới một trong ba ngăn chuồng, chỗ Malêc-Aden đứng. Ông đến đứng ngăn chuồng đó, tuy xung quanh tối như hũ nút... Ngăn chuồng trống không? Tsertôpkhanôp choáng váng, trong đầu ông như có cái chuông kêu vang. Ông muốn nói câu gì, nhưng chỉ rít lên, và đưa hai tay sờ soạng phía trên, phía dưới, hai bên, thở hơ hển, đầu gối bủn rủn, ông lần từ ngăn chuồng này sang ngăn chuồng kia... sang ngăn thứ ba chứa cỏ khô chất cao gần tới nóc, vấp vào bức tường này, va vào bức tường kia, ngã lộn nhào qua đầu lờm ngờm nhồm dầy và bỗng hấp tấp chạy qua cánh cửa hé mở, lao ra sân...

- Mất cắp rồi! Perfiska! Perfiska! Mất cắp rồi? - ông gào inh ỏi.

Gã Kazác Perfiska mặc trần có chiếc sơ mi, lật đật nhao ra khỏi túp nhà để thực phẩm, nơi gã đang ngủ ...

Cả ông chủ và người đầy tớ duy nhất của ông xô vào nhau ở giữa sân như những kẻ say rượu.

Họ xoay tròn trước mặt nhau như những người điên. Ông chủ không thể nói rõ sự tình ra sao, mà người đầy tớ cũng không thể hiểu ông chủ đòi hỏi gì ở mình. "Tai họa! Tai họa!" - Tsertôpkhanôp lắp bắp. "Tai họa! Tai họa!" - Gã kazác nhắc lại theo ông. "Đèn lồng! Nào; thắp đèn lồng lên! Đèn! Đèn!" - Cuối cùng, tiếng kêu buột ra từ lồng ngực đã chết lặng đi của Tsertôpkhanôp. Perfiska đâm bổ vào nhà.

Nhưng thắp đèn, kiểm tra lửa không phải chuyện dễ: hời ấy diêm là của hiếm ở nước Nga; những hòn than hồng cuối cùng trong bếp đã tắt từ lâu, máy đánh lửa và đá lửa thì tìm mãi mới thấy và đánh không lên lửa. Tsertôpkhanôp nghiến răng kèn kẹt, giằng lấy cái đánh lửa ở tay Perfiska đang sưng sờ, bắt đầu tự đánh lửa lấy: tia lửa bắn toé ra, những lời nguyện rửa, thậm chí cả tiếng rên rỉ phun ra càng nhiều hơn, nhưng bụi nhùi không bắt lửa, hoặc bắt rồi lại tắt, bất chấp những cố gắng của hai cặp má và môi nỗ lực hết sức! Cuối cùng, năm phút sau, chứ không sớm hơn, mẩu nến mỡ lợn cháy leo lét dưới đáy cây đèn vỡ, và Tsertôpkhanôp có Perfiska đi theo, liền xông vào chuồng ngựa, giơ đèn lên quá đầu, nhìn quanh...

Chuồng trống không!

Ông nhảy ra sân, sục sạo khắp quanh sân, chẳng thấy con ngựa đâu cả! Dây rào bao quanh khu nhà của Pantêlây Êrêmêits đã cũ nát từ lâu, nhiều chỗ đã xiêu vẹo và đổ rạp xuống đất... ở cạnh chuồng ngựa, có một quãng đã đổ hẳn, rộng đến một arsin. Perfiska chỉ cho Tsertôpkhanôp xem chỗ ấy.

- Ông chủ! Ông xem đây này: ngày hôm nay, quãng này có đổ đâu. Vẫn còn những cây cọc cắm ở đất kia kìa: chắc là có kẻ bẻ rào.

Tsertôpkhanôp cầm cây đèn, nhảy chồm lên, đưa đèn soi trên mặt đất.

- Móng chân, móng chân, vết móng ngựa, vết còn mới nguyên! - Ông nói lấp bắp - Nó được dắt qua chỗ này, chỗ này, chỗ này!

Ông nhảy phắt qua hàng rào, và vừa gọi to: "Malêc-Ađen! Malêc-Ađen!" vừa chạy ra cánh đồng.

Perfiska bắn khoăn đứng bên hàng rào. Cái vòng sáng của cây đèn thoáng chốc đã biến mất trong mắt gà, chìm ngấm trong bóng tối dày đặc của trời đêm không trăng sao.

Những tiếng kêu tuyệt vọng của Tsertôpkhanôp mỗi lúc một yếu dần , yếu dần...

VIII

Khi ông trở về nhà thì trời đã rạng đông. Nom ông không còn ra người, áo bê bết bùn đất, mặt nom man rợ và đáng sợ, mắt nhìn cau có và dờ dẩn.

Bằng giọng thì thầm khản đặc, ông đuổi Perfiska ra và đóng chặt cửa buồng lại. Ông đứng không vững vì mệt mỏi, nhưng ông không nằm vào giường, mà ngồi lên chiếc ghế cạnh cửa và hai tay ôm đầu.

- Chúng đánh cắp mất rồi! ... Đánh cắp mất rồi!

Nhưng ban đêm, tên trộm làm cách nào đánh cắp được Malêc-Ađen ra khỏi chuồng có khóa hắc hoi? Malêc-Ađen thì ngay đến ban ngày nó cũng không cho kẻ lạ nào đến gần mình, vậy mà lại bị bắt đi mà không có tiếng ồn ào, không có tiếng giậm vó hay sao? Và giải thích như thế nào về việc không một con chó giữ nhà nào cất tiếng sủa? Thực ra thì chỉ có hai con chó con, và chúng vừa rét vừa đói nên đã rúc vào những hố bới trong đất, nhưng dù sao đây cũng là chuyện lạ!

"Không có Malêc-Ađen, ta sẽ làm gì bây giờ? - Tsertôpkhanôp nghĩ - Thế là ta đã mất nốt niềm vui sướng cuối cùng, đến lúc ta từ già cõi đời rồi đây. Mua con ngựa khác, vì ta đã có tiền ư? Nhưng tìm đâu ra con ngựa khác như thế?"

- Pantêlây Êrêmêits! Pantêlây Êrêmêits? - Có tiếng gọi rụt rè ngoài cửa.

Tsertôpkhanôp bật dậy.

- Ai đấy? - ông hỏi, giọng lạc hẳn đi.

- Con đây, gã Kazăc của ông đây, Perfiska.

- Ngươi cần gì? Tìm thấy rồi chẳng, nó chạy về nhà, hả?

- Không có thể đâu, thưa ông, mà là gã Do Thái đã bán ngựa cho ông...

- Sao?

- Gã đã đến.

- Hô-hô-hô-hô! - Tsertôpkhanôp cười vang – và lập tức mở toang cửa - Lôi cổ hấn vào đây, lôi cổ, lôi cổ hấn vào. Nhìn thấy vị "ân nhân" của mình xuất hiện bất ngờ, đầu tóc rối bù, hình dung dữ tợn, gã Do Thái đứng sau lưng Perfiska muốn lĩnh cho mau; nhưng Tsertôpkhanôp đã nhảy hai bước đến trước mặt gã, và như một con hổ, vồ lấy cổ họng gã.

- A! Người đến lấy tiền! Đến lấy tiền! - Ông nói bằng giọng khò khè, dường như không phải ông bóp cổ gã, mà chính ông bị kẻ khác bóp cổ - Đêm đánh cắp ngựa, ngày đến đòi tiền? Phải không? Phải không nào?

- Chết nổi, thư-ư... ngà-i... - Gã Do Thái rên rỉ.

- Nói đi, con ngựa của ta đâu? Người giấu nó đi đâu? Bán cho ai rồi. Nói đi, nói đi, nói đi nào!

Gã Do Thái không còn rên được nữa. Thậm chí cả vẻ sợ hãi cũng biến mất trên khuôn mặt tím ngắt của gã. Hai tay gã buông xuống và lúng liếng. Toàn thân gã bị Tsertôpkhanôp lắc một cách cuồng nộ, ngật về phía sau, nhao về phía trước như cây sậy.

- Tiền thì ta sẽ trả ngươi, ta sẽ trả ngươi, trả đủ không thiếu một xu. - Tsertôpkhanôp quát - nhưng ta sẽ bóp chết ngươi như con gà nhép khốn nạn nếu như ngươi không nói ngay cho ta biết...

- Thì ông đã bóp gã chết ngạt rồi đấy, thưa ông chủ - gã kazăc Perfiska nói một cách kính cẩn.

Mãi lúc này Tsertôpkhanôp mới sức tỉnh. Ông buông cổ gã Do Thái, gã liền đổ vật xuống sàn. Tsertôpkhanôp đỡ gã lên, đặt ngồi lên ghế, đổ vào họng gã một cốc vodka cho gã tỉnh lại. Sau khi đã làm gã tỉnh lại, ông liền nói chuyện với gã.

Thì ra gã Do Thái không hề biết gì về vụ đánh cắp Malêc-Ađen. Vả chăng, vì lẽ gì gã lại đi đánh cắp con ngựa mà chính gã đã lòng kiếm được để đem đến cho "Pantêlây Êrêmêits vô cùng đáng tôn kính" kia chứ?

Thế là Tsertôpkhanôp dẫn hấn vào chuồng ngựa.

Cả hai cùng xem xét ngăn chuồng, máng ăn, khoá cửa, bới đồng cỏ khô, bới rơm, rồi ra sân.

Tsertôpkhanôp chỉ cho gã Do Thái xem những vết móng chân bên hàng rào, và bồng vổ vào hai bên đùi.

- Khoan! - Ông kêu lên - Ngươi mua con ngựa ấy ở đâu?

- Ở huyện Malôarkhangghenxka, tại hội chợ Verkhôxenxki - gã Do Thái đáp.

- Mua của ai?

- Của một người kazăc.

- Không! Tên kazăc ấy trẻ hay già?

- Trạc tuổi trung niên, dáng người đĩnh đạc.

- Nhưng hình dung thế nào? Bề ngoài nom thế nào? Có vẻ là một tên đại bợm hấn?

- Chắc hẳn là một tên đại bọm, thừa ngài.

- Thế hẳn đã nói với người những gì, tên đại bọm ấy? Hẳn làm chủ con ngựa ấy đã lâu chưa?

- Con nhớ hẳn bảo là hẳn có con ngựa ấy đã lâu.

- Vậy thì chính hẳn ăn cắp chứ còn ai nữa! Người thử nghĩ xem, nghe đây, đứng lại đây... tên người là gì? Gã Do Thái giật mình và ngược đôi mắt đen lên nhìn Tsertôkhanôp.

- Tên con là gì ấy ạ?

- Ừ, tên thường gọi của người là gì?

- Môsen Lâyba.

- Này, anh thử nghĩ xem, Lâyba, bạn tôi ơi, anh là người thông minh mà: nếu không phải là chủ cũ, thì ai có thể khiến Malêc-Adên chịu theo như vậy? Chính y thắng yên cương cho nó, bỏ tấm vải phủ trên mình nó, tấm vải còn nằm trên đồng cỏ khô kia kìa!... Y làm mọi chuyện cứ y như ở nhà y vậy? Vì nếu không phải là chủ thì bất cứ kẻ nào khác cũng sẽ bị Malêc-Adên xéo bẹp ngay! Nó sẽ làm huyền áo lên, làm kinh động cả làng chứ không chơi! Anh có đồng ý với tôi không?

- Con thì con cũng cho là như thế, thừa ngài...

- Như vậy là trước hết cần tìm cho ra gã kazắc ấy!

- Nhưng làm thế nào tìm được y, thừa ngài? Con chỉ gặp y có một lần, mà bây giờ y ở đâu, tên y là gì? Ôi, chao chao! - Gã Do Thái nói thêm và lắc hai mái tóc mai dài, vẻ cay đắng.

- Lâyba! - Tsertôpkhanôp bỗng kêu lên - Lâyba, nhìn tôi đây này! Tôi đã mất trí, tôi không còn bình tĩnh được nữa!... Tôi sẽ tự vẫn, nếu anh không giúp tôi!

- Nhưng con làm thế nào mà...

- Anh sẽ cùng đi với tôi và ta sẽ lùng tìm tên kẻ cắp ấy!

- Nhưng biết đi đâu được kia chứ?

- Đến các hội chợ, qua các đường cái lớn nhỏ, tìm đến những tên ăn cắp ngựa, đến các thành phố, các làng mạc, các trại ấp, đến bất cứ nơi nào, đi bất cứ đâu! Còn về tiền thì anh đừng lo, tôi vừa được thừa kế một di sản, người anh em ạ! Tôi sẽ tiêu cho đến đồng xu cuối cùng, nhưng nhất định tôi sẽ tìm được bạn của tôi! Còn tên kazắc gian phi đã đánh lừa chúng ta thì sẽ không thoát khỏi tay ta! Nó đi đâu chúng ta sẽ theo đấy! Nó chui xuống đất, chúng ta cũng sẽ chui xuống đất! Nó đến với quỷ, chúng ta sẽ đến hẳn chỗ quỷ sa tăng!

- Đến quỷ sa tăng làm gì kia chứ - gã Do Thái nói - chẳng cần đến nó cũng xong.

- Lâyba! - Tsertôpkhanôp nói tiếp - Tuy anh là người Do Thái và tín ngưỡng của anh là tà đạo, nhưng tâm hồn anh còn khá hơn khối tín đồ Cơ đốc! Anh hãy thương tôi! Một mình tôi thì chẳng nên công cán gì, mình tôi không đương nổi việc này. Tôi vốn nóng tính, còn anh là người có đầu óc, một đầu óc vàng ngọc! Dân tộc anh là như thế này: không học hành mà cái gì cũng biết hết! Có lẽ anh còn hồ nghi: ông ta lấy đâu ra tiền? Thế thì vào buồng tôi, tôi sẽ đem tất cả tiền của tôi ra cho anh xem. Anh hãy lấy cả tiền, lấy cả cây thập ác trên cổ tôi đi nhưng làm thế nào đoạt lại Malêc-Adên cho tôi, đoạt lại, đoạt lại cho tôi.

Tsertôpkhanôp run lên như cơn sốt; mồ hôi chảy như suối trên mặt, hoà với nước mắt, lẫn vào trong hàng rìa mép. Ông xiết chặt hai tay Lâyba, ông van vãn, suýt nữa thì hôn gã... Ông hóa điên cuồng. Gã Do Thái cố thoát thác, cả quyết rằng gã không thể đi xa được, gã có công việc bận... Đứng hòng? Tsertôpkhanôp không muốn nghe gì hết. Không còn cách nào được nữa: Lâyba đáng thương đành phải ưng thuận.

Hôm sau, Tsertôpkhanôp cùng với Lâyba rời khỏi Bexxônôvô trên chiếc xe ngựa nông dân. Gã Do Thái nom hơi bối rối, một tay vịn vào thành xe, cả tấm thân mềm nhẽo của gã nẩy chồm chồm trên cái ghế ngồi xóc long lên; tay kia gã áp chặt vào khoang ngực áo, chỗ để bọc tiền gói giấy báo. Tsertôpkhanôp ngồi ngây như tượng, chỉ đảo mắt nhìn quanh và thở căng lồng ngực.

- Hừ, tên gian phi lẩn trốn, bây giờ thì liệu hồn! - Ông lăm bằm, khi xe ra đường cái lớn.

Nhà cửa thì ông đã giao cho gã kazắc Perfiska và mụ bếp, một bà già điếc mà ông cho về ở nhà mình vì thương hại. - Ta sẽ cưới Malêc-Aden trở về với các người - lúc chia tay, ông lớn tiếng nói với họ - hoặc ta sẽ không bao giờ trở lại nữa!

- Bà nên lấy tôi đi thôi! - Perfiska hích khuỷu tay vào sườn mụ bếp - Đẳng nào thì ta cũng không chờ được đến lúc ông chủ về đâu, ta đến chết vì buồn mất thôi!

IX

Một năm qua... vừa đúng một năm: chẳng có tin tức gì về Pantêlây Êrêmêits cả. Bà lão nấu bếp đã chết. Chính Perfiska cũng đã toan bỏ nhà ra thành phố, vì người em họ y làm thợ phụ cắt tóc ở đấy rủ y ra, nhưng bỗng nhiên, có tin ông chủ đang trên đường trở về! Viên trợ tế giáo khu nhận được lá thư của chính Pantêlây Êrêmêits, trong đó ông cho biết ông định về Bexxônôvô và nhờ báo trước cho người đầy tớ của mình để y sửa soạn đón tiếp cho chu tất. Perfiska hiểu ý chủ bảo gã nên quét dọn nhà cửa, lau chùi đồ đạc đi một chút, nhưng cũng không chắc lắm rằng tin đó là đúng. Nhưng rồi gã đã phải thấy rõ rằng viên trợ tế nói thật: mấy ngày sau, chính Pantêlây Êrêmêits bằng xương bằng thịt xuất hiện trong sân nhà, cười trên lưng Malêc-Aden.

Perfiska đâm bổ đến đón chủ, và tay giữ bàn đạp, muốn giúp chủ xuống ngựa; nhưng Tsertôpkhanôp tự nhảy xuống, và đưa cặp mắt đặc thảng nhìn ra xung quanh, lớn tiếng nói: "Ta đã bảo rằng ta sẽ tìm được Malêc-Aden, và ta đã tìm được nó, bất chấp mọi kẻ thù và cả số phận nữa!" Perfiska tới hôn tay chủ, nhưng Tsertôpkhanôp không chú ý đến sự sốt sắng của người đầy tớ. Ông bước những bước dài về phía chuồng ngựa, cầm cương dắt Malêc-Aden theo mình. Perfiska nhìn chủ kĩ hơn và đâm ra rụt rè: "Ôi, trong năm qua, ông chủ gầy và già đi biết bao nhiêu, mặt ông trở nên nghiêm nghị và khắc khổ biết bao. Lẽ ra Pantêlây Êrêmêits phải vui sướng vì đã đạt được mục đích, và ông cũng vui sướng thật đấy, hình như thế...nhưng Perfiska vẫn cứ cảm thấy rụt rè, thậm chí kinh sợ. Tsertôpkhanôp đưa con ngựa vào ngăn chuồng trước kia của nó, vỗ nhẹ vào mông nó và nói: "Đấy, thế là mày đã về nhà rồi nhé? Xem đấy?" Ngay hôm đó, ông thuê một người gác đáng tin cậy - một trong những nông dân độc thân không phải đóng thuế, - rồi ông lại vào ở các căn phòng của mình và bắt đầu sống như trước...

Tuy vậy, vẫn không hẳn như trước... Nhưng điều đó sẽ nói sau.

Về hôm trước thì hôm sau, Pantêlây Êrêmêits gọi Perfiska đến và, vì thiếu người nói chuyện, ông bắt đầu kể với Perfiska về việc ông đã làm cách nào tìm được Malêc-Ađen: cố nhiên, trong khi kể, ông vẫn không quên giữ vẻ trang nghiêm và nói bằng giọng trầm. Suốt thời gian kể chuyện, Tsertôpkhanôp hút cái tẩu ống dài; còn Perfika đứng ở ngưỡng cửa, chắp hai tay sau lưng, kính cẩn nhìn gáy ông chủ, nghe câu chuyện của Pantêlây Êrêmêits: sau nhiều cố gắng và nhiều chuyến đi không có kết quả gì, cuối cùng ông đến hội chợ Rômnur, nhưng lúc này chỉ còn có một mình ông, gã Do thái Lâyba đón hèn, không kiên gan được, đã bỏ ông trốn đi. Sang ngày thứ năm, ông đã định rời đi nơi khác, và lần cuối cùng, ông đảo qua dây xe ngựa, và bỗng nhiên, giữa ba con ngựa khác, ông thấy Malêc-Ađen bị buộc vào còng xe. Ông nhận ra nó ngay và Malêc-Ađen cũng nhận ra ông, nó bắt đầu hí lên, lồng lộn, và dùng móng chân cào đất.

Mà chủ nó lúc ấy không phải là một gã kazăc đâu nhé - Tsertôpkha nói tiếp, vẫn không quay đầu lại và vẫn dùng cái giọng trầm như thế - chủ nó là một gã Di-gan buôn ngựa kia. Tất nhiên, ta không rời con ngựa ra và muốn dùng sức mạnh đoạt lại nó, nhưng tên Digan gào inh ỏi khắp bãi chợ như thể y bị giới nước sôi, và y thề thốt rằng y mua con ngựa của một người Digan khác, y toan gọi những người làm chứng... Ta không thêm lời thôi, ta trả tiền cho y, không thêm dây với quân ấy! Đối với ta, điều đáng quý nhất là ta tìm được bạn ta, vì thế ta yên tâm. Ấy vậy mà ở huyện Karatxepxka, vì nghe theo lời tên Do Thái Lâyba, suýt nữa ta dính vào chuyện rắc rối với một tên kazăc: ta tưởng hắn là kẻ ăn cắp ngựa của ta, ta đánh hắn vỡ cả mặt; nhưng té ra tên kazăc ấy là con một cha đạo và y đã bắt ta bồi thường một trăm hai mươi rúp để chuộc lỗi. Nhưng chẳng sao, tiền thì rồi có thể kiếm ra được, cái chính là Malêc-Ađen lại trở về tay ta!

Bây giờ ta sung sướng, và ta sẽ sống yên vui. Còn người, Porfiri a, ta dặn người một điều: hễ thấy tên kazăc nào lờn vờn quanh đây - cầu Chúa cho đừng xảy ra chuyện ấy - thì người chớ nói năng gì cả, hãy chạy ngay đi lấy khẩu súng đem đến cho ta, còn về phần ta thì ta sẽ có cách xử trí!

Pantêlây Êrêmêits nói như vậy, miệng ông nói như vậy, nhưng trong lòng ông thì không được yên tĩnh như ông cam đoan.

Hỡi ơi! trong thâm tâm, ông hoàn toàn không tin chắc rằng con ngựa ông đem về quả thực là Malêc-Ađen!

X

Bắt đầu một thời kỳ khó khăn đối với Pantêlây Êrêmêits. chính sự yên tĩnh trong tâm hồn lại là điều mà ông ít được hưởng hơn hết. Thực ra thì vẫn có những ngày vui thú: ông có cảm giác rằng mỗi nghi ngờ đã xuất hiện trong lòng ông chỉ là chuyện không đâu, ông xua đuổi ý nghĩ vớ vẩn ấy như xua một con ruồi bám dai; thậm chí ông tự chế nhạo mình. Nhưng cũng có những ngày tệ hại: ý nghĩ ám ảnh ấy lại bắt đầu lén lút gặm nhấm, cào cào trái tim ông như một con chuột ẩn nấp rất kín, và ông đau xót ngấm ngấm. Trong cái ngày đáng ghi nhớ mà ông tìm được Malêc-Ađen, Tsertôpkhanôp chỉ cảm thấy vui sướng cực độ... Nhưng sáng hôm sau, khi dưới mái hiên thấp ở nhà trọ, ông bắt đầu thảng yên vào con ngựa ông tìm được (ông đã ở cạnh nó suốt đêm qua), thì lần đầu tiên, ông cảm thấy đau nhói trong lòng... ông chỉ lắc đầu một cái, nhưng hạt giống đã gieo xuống rồi. Suốt thời gian trên đường về nhà (chừng một tuần lễ), những ý nghĩ ngờ vực ít khi trôi dạt trong lòng ông, nhưng ông vừa về đến Bexxônôvô, vừa đến cái chỗ mà Malêc-Ađen trước kia Malêc-Ađen thực sự đã ở, thì những mối nghi ngờ ấy trở nên mạnh hơn, rõ rệt hơn... Trên đường, ông cho ngựa đi bước một nhiều hơn, ông ngồi ngất

nghe, đưa mắt nhìn quanh, hút thuốc lá bằng chiếc ống ngán và không nghĩ ngợi gì cả, chỉ có một lần ông bỗng nghĩ thầm: "Họ nhà Tserôpkhanôp muốn gì là sẽ làm bằng được! Đừng có mà tưởng bở!", và ông tùm tùm cười ấy thế mà về đến nhà thì lại khác hẳn. Cổ nhiên, ông giữ kín tất cả những ý nghĩ riêng tư ấy; lòng tự ái không cho phép ông nói ra nỗi lo ngại trong thâm tâm. Ông sẵn sàng "bẻ gãy đôi" kẻ nào dám nói - dù là bóng gió xa xôi - rằng Malêc-Ăden mới dường như không phải là Malêc-Ăden trước kia. Ông đã nhận lời chúc mừng của một số người mà ông phải chạm trán với họ: chúc mừng về "cuộc tìm kiếm thành công". Nhưng ông không đi tìm những lời chúc mừng ấy, ông tránh gặp mặt mọi người, tránh kỹ hơn trước: thật là một dấu hiệu chẳng lành. Ông thử thách Malêc-Ăden gần như thường xuyên, nếu có thể nói như vậy. Ông cười nó ra một nơi nào xa xa ngoài cánh đồng và thử thách nó. Hoặc ông lén lút vào chuồng ngựa, khoá cửa lại, và đứng ngay trước đầu nó, nhìn vào mắt nó, thì thầm hỏi: "Có phải mày đấy không? Mày đấy ư? Mày đấy ư?...". Có khi ông lảng lảng ngắm nghía nó, ngắm hết sức chăm chú, hàng giờ liền, khi thì vui sướng lắm lắm: "Đúng! Nó đấy! tất nhiên là nó rồi!", khi thì băn khoăn và thậm chí bối rối nữa là khác.

Điều làm cho Tsertôpkhanôp bối rối không phải chỉ là những nét giống nhau về hình thể giữa Malêc-Ăden này và Malêc-Ăden kia... và chẳng, những cái khác biệt ấy cũng chẳng lấy gì làm nhiều: đuôi và bờm *con kia* hình như thưa hơn, tai nhọn hơn, cổ chân ngắn hơn, và mắt sáng hơn, nhưng có thể chỉ là ông tưởng thế thôi. Điều làm Tsertôpkhanôp bối rối nhiều nhất là sự khác biệt về tính tình, nếu có thể nói như vậy. Những thói quen của *con kia* khác hẳn, tính nết nói chung cũng không như *con này*. Chẳng hạn: Malêc-Ăden kia thì bao giờ cũng ngoảnh lại và khẽ hí lên khi Tsertôpkhanôp vừa bước vào chuồng ngựa: còn *con này* thì cứ thản nhiên nhai cỏ như không có chuyện gì xảy ra, hay rủ đầu xuống, ngủ gà ngủ gật. Cả hai con ngựa đều không nhích khỏi chỗ khi chủ từ trên yên nhảy xuống; nhưng *con kia*, khi chủ gọi thì lập tức đi tới chỗ có tiếng gọi, còn *con này* thì vẫn đứng trơ ra như cái cọc cây. *Con kia* phi cũng nhanh như thế, nhưng nhảy cao hơn và xa hơn; *con này* đi bước một thoải mái hơn, nhưng đi nước kiệu xóc hơn và đôi khi "choang" móng sắt vào nhau, nghĩa là móng sau đập vào móng trước - *con kia* thì không bao giờ mắc cái tật nhức nhối như thế, lạy Chúa, không bao giờ! Tsertôpkhanôp cho rằng *con này* luôn luôn giấu tai đi, nom thật đần độn, còn *con kia* thì trái lại: nó thường ngả một tai về phía sau và cứ giữ nguyên như thế - đó là nó đang để ý nghe ngóng xem chủ làm gì! *Con kia*, khi thấy ở gần nó không được sạch sẽ thì lập tức dùng chân sau đá vào vách chuồng; còn *con này* thì thây kệ, có để phân ngạp đến bụng nó cũng mặc. *Con kia* thì nếu đặt nó đứng ngược chiều gió, nó sẽ hít căng phổi và rung mình một cái, *con này* thì cứ thở phì phì như thường. *Con kia* khó chịu vì không khí ẩm ướt khi trời mưa, còn *con này* thì không hề gì... *Con này* thô lỗ hơn, thô lỗ hơn! Vừa không duyên dáng bằng *con kia*, vừa kém sáng ý hơn khi điều khiển bằng dây cương - điều đó khỏi phải nói? *Con kia* là một con ngựa dễ thương, còn *con này*...

Đó là những ý nghĩ đôi khi chợt đến với Tsertôpkhanôp và khiến ông cay đắng trong lòng.

Nhưng lại có lúc ông cho con ngựa của mình phóng thả sức trên cánh đồng mới cày hay bắt nó nhảy xuống tận đáy cái khe sụt lở và lại nhảy vọt lên theo bờ khe dốc đứng, khi ấy tim ông lịm đi vì khoái trá, ông buột miệng reo hò một tiếng vang lừng, và ông biết, ông biết chắc rằng con ngựa ông đang cưỡi là Malêc-Ăden thực, không có gì đáng nghi ngờ gì cả, bởi vì còn con ngựa nào khác có thể làm nổi những việc mà con ngựa này vẫn làm?

Tuy nhiên, dù sao đi nữa thì việc làm của ông cũng không phải là không có lỗi lầm và không tai hại. Chuyển đi dài đằng đằng để tìm kiếm Malêc-Ăden đã buộc Tsertôpkhanôp phải chi rất nhiều tiền. Ông không còn mơ tưởng gì đến những con chó Kôxtorôma nữa và khi đi dạo quanh vùng, ông vẫn một mình một ngựa như trước. Thế rồi, một buổi sáng kia, ở cách Bexxônôvô năm dặm, Tsertôpkhanôp tình cờ gặp chính đoàn người đi săn của công tước mà một năm rưỡi trước, ông đã cho ngựa vờn múa một cách hiên ngang trước mặt họ.

Và lại xảy ra một tình huống như thế này: từ một bờ đất trên sườn đồi, một con thỏ đột

nhiên nhảy ra trước mặt bầy chó! "vồ lấy nó! vồ lấy!" Cả đoàn đi sẵn lập tức rượt theo, Tsertôpkhanôp cũng rượt theo, có điều là không cùng bọn với họ, mà cách họ chừng hai trăm bước về phía bên - cũng hết như hồi đó. Một hào nước hết sức lớn ngoằn ngoèo cắt ngang sườn dốc, mỗi lúc một lên cao, càng lên càng thu hẹp lại, cắt ngang đường của Tsertôpkhanôp. Ở chỗ mà ông phải nhảy qua - và là chỗ mà trước đây một năm rưỡi, ông thực sự đã nhảy qua - hào nước vẫn còn rộng tám bước và sâu hai *xagien*. Cảm thấy trước thắng lợi, cái thắng lợi được lặp lại một cách kì diệu, Tsertôpkhanôp hò ngựa một cách đắc thắng, vung roi - những người đi sẵn vẫn phi ngựa và không rời mắt khỏi người kỵ mã hiên ngang, - ngựa của ông lao như mũi tên, hào nước đã ngay trước mũi, - nào, nào, hấp, như hồ ấy!...

Nhưng Malêc-Ađen chùn hẳn lại, ngoặt sang bên trái và phóng dọc bờ khe, mặc dù Tsertôpkhanôp ra sức gò cương quay đầu nó về phía khe.

Như vậy là nó nhát gan, không tự tin vào mình.

Thế là Tsertôpkhanôp vừa xấu hổ vừa tức giận, bùng bùng như lửa đốt, suýt phát khóc, thả lỏng dây cương, cho ngựa chạy thẳng về phía trước, lên dốc, chạy trốn cho xa những người đi sẵn, miễn sao khỏi phải nghe những lời chế nhạo của họ, miễn sao lẩn khuất khỏi những con mắt đáng nguyên rủa của họ!

Malêc-Ađen hai bên sườn lằn vết roi, toàn thân đầy bọt trắng, phóng về nhà, và Tsertôpkhanôp lập tức ẩn vào chuồng, khóa cửa lại.

"Không, đây không phải là nó, không phải là bạn ta! Con kia thà chịu gãy cổ chứ không đời nào làm ta xấu mặt!".

XI

Một việc tình cờ xảy ra khiến Tsertôpkhanôp "hoàn toàn vỡ mộng", như người ta thường nói. Có lần, ông cưỡi Malêc-Ađen đi qua phía sau khu nhà của cha đạo. Khu nhà này bao quanh ngôi nhà thờ, và làng Bexxônôvô nằm trong giáo khu nhà thờ đó.

Chiếc mũ lông cừu đội sụp xuống mắt, lưng còng xuống và hai tay đặt lên móm yên, ông cho ngựa đi chậm chậm về phía trước. Trong lòng ông không vui và rối như tơ vò. Chợt có ai gọi ông. Ông dừng ngựa, ngẩng đầu lên và thấy viên trợ tế vẫn trao đổi thư từ với mình. Đầu đội chiếc mũ màu nâu có giải che tai trùm lên mái tóc màu nâu tết bím, mình mặc chiếc kafotan bằng vải Nam Kinh màu vàng nhạt, có sợi dây màu xanh nhạt thắt trễ mãi dưới eo lưng, người phụng sự việc thờ Chúa bước ra thăm "đống lúa nhỏ" của mình, và khi nhìn thấy Pantêlây Êrêmêits, ông ta thấy có bốn phận phải biểu lộ lòng tôn kính đối với Tsertôpkhanôp, và tiện dịp nài xin ông địa chủ này một cái gì. Ai cũng biết rằng các nhà tu hành không bao giờ nói chuyện với người trần mà lại không mang trong đầu một ẩn ý loại đó.

Nhưng Tsertôpkhanôp không bụng dạ đâu mà nghĩ đến viên trợ tế, ông đáp lễ qua loa, nói lí nhí câu gì không rõ, và đã vung roi giục ngựa...

- Ngài có con ngựa quý báu vô chừng! - Viên trợ tế vội nói thêm - có thể cho rằng nó là niềm tự hào của ông chủ. Đúng thế, ngài là bậc nam tử thông minh tuyệt trần, quả là không khác gì sư tử! - Viên trợ tế nổi tiếng là bẻm mép, điều đó khiến cha đạo rất bực, vì cha không có tài ăn nói: ngay cả rượu vốtka cũng không làm cho cha hoạt bát hơn. - Có mỗi một con vật, ấy là nói

theo lời sàm báng của một số kẻ độc miệng, thì lại bị mất, - viên trợ tế nói tiếp ấy vậy mà không hề chán nản, trái lại càng hi vọng ở đẳng tối cao, và đã kiếm được con ngựa khác, không kém gì con trước, thậm chí tốt hơn là đẳng khác... bởi vì...

- Ông nói lảm nhảm cái gì đấy? - Tsertôpkhanôp cau có ngắt lời - con ngựa khác nào kia? Đây vẫn là con ngựa ấy; đây là Malêc-Aden... Tôi đã tìm được nó, ông nói nhảm...

- Ê! ê! ề? ề? - Viên trợ tế thốt lên một cách thông thả, dường như cố ý kéo dài, đồng thời đưa ngón tay bới chòm râu và nhìn Tsertôpkhanôp bằng cặp mắt màu sáng đầy vẻ thèm thuồng của mình - Sao lại thế được, thưa ông? Cầu Chúa ban cho tôi trí nhớ, con ngựa của ông bị đánh cắp vào năm ngoái, hai tuần sau ngày lễ mừng một tháng mười, vậy mà bây giờ đã gần hết tháng mười một.

- Ừ đúng, thế thì sao kia chứ?

Viên trợ tế vẫn tiếp tục dùng những ngón tay bới chòm râu.

- Như vậy là đã hơn một năm qua rồi, vậy mà con ngựa của ông vẫn lông xám đốm trắng như hồi ấy. Thậm chí lông còn thẫm hơn trước là đằng khác. Sao lại thế được? Ngựa xám qua một năm thì trắng ra nhiều chứ.

Tsertôpkhanôp giật mình... như có ai thọc mũi móc vào tim ông. Đúng thế, lông xám bao giờ cũng đổi màu! Một điều đơn giản như thế mà sao mãi đến giờ ông không nghĩ ra?

- Đồ tà đạo! Đừng có quấy rầy ta! - Ông bỗng quát to mắt loé lên vẻ điên dại, và ông thoát biến đi trước con mắt ngạc nhiên của viên trợ tế.

- Hừ! Thế là hết?

Đây là lúc mọi việc thật sự chấm dứt, tất cả đều tan vỡ, con bài cuối cùng đã phải chui! Tất cả đều sụp đổ trong giây lát vì tiếng đó: "Trắng ra"! Ngựa lông xám dần dần trắng ra!

Phi đi, phi đi, con vật đáng nguyên rủa. Mi không trốn thoát khỏi tiếng đó đâu!

Tsertôpkhanôp phóng ngựa về nhà và lại vào buồng, khoá kín cửa lại.

XII

Con nghèo khổn kiếp này không phải là Malêc- Aden, giữa nó và Malêc-Aden không có gì giống nhau, bất cứ người nào sáng ý một chút cũng phải thấy điều đó ngay từ đầu, vậy mà ông đã làm - mà không, ông đã cố tình, chủ tâm đánh lừa mình, thả làn khói mù ấy để tự che mắt mình; tất cả những điều đó bây giờ không còn may mắn nào đáng nghi ngờ nữa? Tsertôpkhanôp đi đi lại lại trong buồng, trước mỗi bức tường lại xoay gót trở lại, lần nào cũng giống lần nào, hết như còn thú bị nhốt trong lồng. Lòng tự ái của ông bị tổn thương không thể chịu đựng nổi. Nhưng không phải ông chỉ đau đớn vì lòng tự ái bị tổn thương: sự thất vọng choán lấy tâm hồn ông, nổi tức giận làm ông nghẹt thở, sự thèm khát trả thù bùng cháy trong lòng ông.

Nhưng chống lại ai? Trả thù ai? Trả thù gã Do Thái, Iaff, Masa, viên trợ tế, tên kazác ăn cắp, tất cả những người xung quanh, cả thế giới, cuối cùng là trả thù chính bản thân mình chẳng?

Đầu óc ông mê mụ đi. Con bài cuối cùng đã phải chui! (ông thích lối so sánh đó). Bây giờ ông lại là kẻ nhỏ mọn, đáng khinh nhất trên đời, kẻ làm trò cười cho thiên hạ, một thằng hề, một thằng ngốc khốn khổ, một cái đích cho viên trơ tể giễu cợt!... Ông tưởng tượng, hình dung thấy rõ tên khốn kiếp này sẽ kể lể với mọi người như thế nào về con ngựa xám, về ông quý tộc ngu ngốc... ôi, cái vận cái hạn!... Tsertôpkhanôp đã uống công cốc làm cho mình tin rằng con ngựa này... tuy không phải là Malêc-Aden, nhưng dù sao cũng... là con ngựa hay và có thể phục vụ ông nhiều năm: ông xua đuổi ngay ý nghĩ ấy, dường như nó chứa đựng sự lảng nhục mới đối với Malêc-Aden ấy, vì ông cho rằng chẳng cần thêm điều đó thì ông cũng có lỗi với Malêc-Aden rồi. Thì đã hản! Như người mù, chẳng khác gì một thằng ngốc, ông đã coi con nghèo mạt hạng này ngang với Malêc-Aden! Như vậy thì con nghèo này còn có thể tiếp tục hầu hạ ông nữa không.... Chẳng lẽ rồi đây ông còn cười lên nó được nữa ư? Không đời nào! Không bao giờ!!... Để lại nó cho một tên Tacta, đem làm thịt cho chó ăn, nó không đáng hưởng một số phận khác... Đúng đấy: Như vậy là hay hơn cả!

Tsertôpkhanôp đi lại trong buồng hơn hai tiếng đồng hồ.

- Perfiska! - ông bỗng ra lệnh - Ra ngay quán rượu lấy cho ta nửa lít vôtka! Nghe chưa? Nửa lít, mà nhanh lên! Trên bàn ta phải có ngay chai vôtka!

Rượu vôtka lát sau đã xuất hiện trên bàn Tsertôpkhanôp và ông bắt đầu uống.

XIII

Lúc ấy người nào nhìn Tsertôpkhanôp, được thấy vẻ cau có hằn học của ông khi ông nốc cạn hết cốc rượu này đến cốc khác thì chắc chắn là người đó bất giác sẽ cảm thấy sợ. Đêm đã xuống: cây nến mỡ lợn cháy leo lét trên bàn. Tsertôpkhanôp không đi quanh quẩn từ góc này sang góc kia nữa. Ông xuống sàn, khi thì nhìn chăm chăm vào khung cửa sổ tối đen. Ông cứ đứng lên rót rượu, uống cạn, rồi lại ngồi xuống, lại nhìn chăm chăm vào một điểm và không động dậy, chỉ có hơi thở của ông càng gấp hơn và mặt mỗi lúc một đỏ hơn. Hình như một quyết định gì đó đã chín muồi trong óc ông, quyết định ấy làm cho ông bối rối, nhưng ông đã dần dần quen với nó. Vẫn một ý nghĩ ấy luôn luôn ám ảnh ông, không ngừng lẩn tới, mỗi lúc càng gần hơn, vẫn một hình ảnh ấy hiện lên mỗi lúc càng rõ nét hơn ở phía trước, còn trong lòng, hơi men bốc lên bùng bùng, sự căm giận nhường chỗ cho cảm giác hung bạo, và nụ cười hiểm độc nở trên môi.

- Thôi, đến lúc rồi! - Ông thốt lên bằng giọng bình thường, gần như chán ngán - Ngồi chơi không như thế là đủ!

Ông uống nốt cốc vôtka cuối cùng, lấy khẩu súng lục phía trên đầu giường - chính khẩu súng ông đã dùng để bắn Masa - nạp đạn, bỏ thêm mấy viên đạn nữa vào túi "để phòng xa", rồi đi ra chuồng ngựa.

Người gác toan chạy đến chỗ ông khi ông bắt đầu mở cửa, nhưng ông quát: "Ta đây! Không thấy sao? Đi đi!" Người gác lách sang bên một chút. "Đi ngủ đi! - Tsertôpkhanôp lại quát - không cần gì phải canh giữ ở đây! Rõ khéo, tưởng là của báu ngọc lăm đấy!" Ông vào chuồng ngựa. Malêc- Aden. . . Malêc-Aden giả nằm trên sàn ván.

Tsertôpkhanôp co chân đá nó một cái, nói: "Đứng lên, con quạ!" ông cởi dây tròng cổ khỏi máng ăn, nhắc tấm vải phủ lưng lên ném xuống đất, và sờ sảng giật dây, bắt con ngựa để bảo

quay mình trong căn chuồng, dắt nó ra sân, rồi đưa ra cánh đồng, và người gác hết sức ngạc nhiên, không hiểu tại sao ông chủ lại ra đi ban đêm, dắt theo con ngựa không đóng cương? Hỏi chủ thì tất nhiên y không dám, y chỉ nhìn theo cho đến khi ông khuất ở chỗ ngoặt dẫn sang khu rừng gần đấy.

XIV

Tsertôpkhanôp bước những bước dài, không dừng lại, không ngoảnh về phía sau. Malêc-Aden (ta sẽ dùng cái tên ấy để gọi nó cho đến hết câu chuyện) - ngoan ngoãn đi theo ông. Đêm khá sáng; Tsertôpkhanôp có thể phân biệt rõ hình thể nhấp nhô của khu rừng in thành một vệt đen kịt ở phía trước. Dẫn mình vào khí lạnh ban đêm, chắc chắn là ông có thể chệnh choáng vì hơi men của số vôtká đã uống, nếu như. . . nếu như không có thứ men say khác mạnh hơn choán lấy toàn bộ con người ông. Đầu ông nặng chịch, máu dồn lên họng và lên tai, nhưng ông bước vững chắc và biết mình đi đâu. Ông quyết định giết Malêc-Aden; suốt ngày ông chỉ nghĩ đến chuyện ấy... Bây giờ ông đã dứt khoát!

Đi làm việc đó, tâm trạng ông không những là bình tĩnh, mà còn đầy tự tin, một mực không lay chuyển, như một người ra đi vì ý thức trách nhiệm.

Ông cho rằng việc đó hết sức "giản dị": bằng cách tiêu diệt kẻ mạo danh, ông lập tức thanh toán được tất cả mọi chuyện: vừa trừng phạt được bản thân về tội ngu ngốc, vừa thanh minh được với người bạn thực sự của mình, vừa chứng tỏ được với cả bàn dân thiên hạ (Tsertôpkhanôp rất quan tâm đến "cả bàn dân thiên hạ") rằng không thể đùa bỡn với ông được... Song cái chính là: ông sẽ hủy diệt chính bản thân ông cùng với kẻ mạo danh, vì ông còn sống làm gì nữa? Tất cả những ý nghĩ ấy đã hình thành trong óc ông như thế nào và tại sao ông lại cho rằng việc đó giản dị như thế, điều này không dễ giải thích, tuy không phải là hoàn toàn không thể giải thích được: bị xúc phạm, cô độc, không một người thân thiết, không một xu dính túi, thêm nữa lại hăng máu lên vì hơi men, ông ở trong trạng thái gần như điên loạn, mà không có gì đáng nghi ngờ rằng trong con mắt của người điên loạn thì ngay cả những hành động lố lăng nhất của họ cũng có lô gích riêng, thậm chí họ cho là họ có quyền làm như thế. Tsertôpkhanôp cũng hoàn toàn tin chắc ở quyền hạn của mình; ông không do dự, ông vội vã thực hiện bản án đối với kẻ có tội, nhưng vẫn không hiểu rõ: kẻ nào đích là kẻ bị ông gán cho cái tên ấy!? ... Thực ra, ông ít nghĩ về việc ông định làm. "Cần chấm dứt đi thôi, cần phải chấm dứt - đó là điều ông tự nhắc lại với mình một cách ngây ngô và nghiêm khắc - cần chấm dứt!".

Còn kẻ thủ phạm vô tội vẫn đi một nước kiêu ngoan ngoãn sau lưng ông... Nhưng Tsertôpkhanôp không hề động lòng thương.

XV

Cách bìa rừng không xa, nơi ông định đưa con ngựa của mình tới, có một cái khe nhỏ chạy dài, những bụi sồi phủ kín đến lưng chừng khe.

Tsertôpkhanôp xuống khe... Malêc-Ađen vấp chân và suýt ngã đè lên ông...

- Mày muốn đè bẹp tao chắc, con vật trời đánh kia? - Tsertôpkhanôp kêu lên, và dường như để tự vệ ông rút phăng khẩu súng lục trong túi ra. Ông không cảm giận nữa, mà tình cảm của ông lúc này ở trong một trạng thái chai rần đặc biệt, người ta bảo rằng con người trước khi phạm tội thường cảm thấy như thế. Nhưng ông hoảng sợ vì tiếng nói của chính mình: dưới cái mái che tạo nên bởi những cành cây tối thẫm, trong bầu không khí ẩm ướt, ứ đọng và hôi hám của cái khe cạnh rừng, tiếng người nói vang lên nghe mới mọi rợ làm sao! Thêm nữa, đáp lại tiếng kêu của ông, một con chim lớn, không rõ là chim gì, bất ngờ động mạnh trên ngọn cây phía trên đầu... Tsertôpkhanôp giật mình.

Dường như ông đã đánh thức người chứng kiến việc làm của ông, và ở đâu kia chứ? Ở nơi hoang vắng này, nơi mà ông không nên gặp bất cứ sinh vật nào...

- Cút đi đồ quỷ, xéo đi đâu thì đi! - Ông nói rít lên qua kẽ răng, và buông sợi dây tròng Malêc-Ađen, dang thẳng cánh nện báng súng lục vào vai con ngựa. Malêc-Ađen lập tức quay trở lại phía sau, leo lên khỏi khe và... chạy đi. Nhưng tiếng vó chân của nó vang lên không lâu. Trận gió nổi lên làm yếu tiếng vó ngựa và trùm lấp mọi âm thanh.

Đến lượt Tsertôpkhanôp cũng thông thả lên khỏi khe, đi đến rìa rừng và lê bước trở về nhà. Ông bất bình với bản thân mình; cái cảm giác nặng nề trong đầu, trong tim lan ra cả tứ chi. Ông bước đi trong tâm trạng cău kỉnh, ủ ê, bực bội, bụng thì đói như thế có kẻ nào xúc phạm đến ông, cướp đoạt mất con mồi của ông, cướp đoạt món ăn của ông...

Người tự sát không thành bị ngăn cản hẳn là biết rõ những cảm giác tương tự.

Bỗng nhiên có cái gì thúc ở phía sau ông, khoảng giữa hai vai. ông ngoảnh lại... Malêc-Ađen đứng giữa đường. Nó đến theo chủ, nó chạm mõm vào ông... trình với ông là nó đã có mặt.

- A! - Tsertôpkhanôp kêu lên - Chính mày tự dẫn xác đến tìm cái chết? Thì đây!

Trong chớp mắt ông rút phăng khẩu súng lục ra, lên cò gí vào trán Malêc-Ađen, nổ một phát...

Con ngựa đáng thương lạng sang bên, chồm ngược lên, nhảy lùi lại mười bước và bỗng đổ vật xuống, bắt đầu thở khò khè, quằn quại trên mặt đất...

Tsertôpkhanôp đưa cả hai tay lên bịt tai và bỏ chạy. Đầu gối ông bủn rủn. Cả cơn say cũng như nỗi căm giận và niềm tự tin ngây ngô, tất cả đều tan biến trong phút chốc. Chỉ còn lại cảm giác xấu hổ và kinh tởm, đồng thời ý thức mách bảo ông một cách chắc chắn rằng lần này ông đã kết liễu luôn cả đời mình.

XVI

Sáu tuần sau, khi viên cảnh sát trưởng của trấn đi xe qua ấp Bexxônôvô, gã kazắc Perfiska tự thấy có bốn phận phải xin ông ta dừng lại.

- Người cần gì? - Nhà chức trách đảm nhiệm việc duy trì trật tự hỏi.

- Thưa quan, kính mời quan quá bộ vào nhà - gã kazắc vừa cúi rạp xuống chào vừa thưa trình

- ông Pantêlay Êrêmêits hình như sắp qua đời; con e rằng như thế đấy ạ.

- Sao? Qua đời à? - Viên cảnh sát hỏi lại.

- Thừa vâng. Thoạt tiên, ngày nào ông cũng uống vôtka, còn bây giờ nằm liệt giường, và gây rộc đi. Con thấy bây giờ ông ấy không còn biết gì nữa. Hoàn toàn câm khẩu.

Viên cảnh sát xuống xe.

- Này, thế người đã đi mời giáo sĩ rồi chứ? Chủ người sám hối rồi chứ? Nhận lễ ban thánh thể rồi chứ?

- Dạ chưa ạ.

Viên cảnh sát cau mày.

- Sao lại thế, chú mày? Lại có thể như thế được ư? Hay chú mày không biết rằng sơ suất như vậy thì...trách nhiệm thật là lớn, thế nào?

Gã kazắc sợ sệt, vội đỡ lời:

- Hôm kia và hôm qua, con có hỏi ông Pantêlay Êrêmêits xem ông có sai con đi mời giáo sĩ không. Nhưng ông nói: "Im đi, đồ ngốc. Không phải việc của người thì đừng chõ mõm vào". Còn hôm nay, khi con đến trình với ông con, ông con chỉ nhìn con và mấp máy bên ria mép.

- Ông ấy uống rượu có nhiều không? - Viên cảnh sát hỏi.

- Nhiều lắm ạ! Thừa quan, xin quan làm ơn quá bộ vào buồng thăm ông chủ con.

- Được, dẫn ta đi! - Viên cảnh sát nói và đi theo Perfiska.

Một cảnh tượng kỳ lạ đang chờ đợi y.

Trong căn buồng phía sau nhà, căn buồng tối và ẩm, Tsertôpkhanôp nằm trên chiếc giường tồi tàn, trải tấm vải phủ lưng ngựa, với tấm áo *burka* ([154]) màu nâu thay cho gối, da mặt không phải là tái nhợt, mà xanh bủng pha màu vàng ệch như màu xác chết, mắt trũng xuống dưới làn mí mắt nhăn bóng, cái mũi nhọn ra, nhưng vẫn còn hơi đỏ ở phía trên bộ ria mép bù xù. Nằm trên giường, ông vẫn mặc chiếc *arkhalie* chung thủy có những nếp gấp gài đạn ở trên ngực và chiếc quần ống rộng kiểu *Tserkex* màu xanh. Chiếc mũ lông cừu chóp đỏ che kín trán, đôi sụp xuống đến tận lông mày. Một tay Tsertôpkhanôp cầm chiếc roi ngựa, tay kia cầm cái túi thêu để đựng thuốc lá, tặng phẩm cuối cùng của Masa. Trên chiếc bàn cạnh giường có cái cốc rượu không. Còn phía trên đầu giường có hai bức vẽ thuốc nước dính vào tường bằng dính mũ: một bức, theo như ta có thể hiểu được, miêu tả một người to béo cầm cây đàn ghi ta, có lẽ là Nêđôpiuxkin; bức kia vẽ một người đang phi ngựa...

Con ngựa giống một con vật hoang đường mà trẻ em thường vẽ trên tường và trên các bức rào; nhưng những đốm lang đánh bóng cẩn thận trên mình ngựa và chuỗi đạn trên ngực người cưỡi, những mũi ủng nhọn và bộ ria lớn khiến người ta không còn nghi ngờ gì được nữa: bức vẽ này có nhiệm vụ miêu tả Pantêlay Êrêmêits cưỡi Malêc-Aden.

Viên cảnh sát ngạc nhiên, không biết nên làm gì bây giờ.

Trong buồng lặng ngắt. "Ông ta tắt thở rồi" - y nghĩ và cất cao giọng gọi: "Pantêlay Êrêmêits! A, Pantêlay Êrêmêits!" Thế là liền xảy ra một cái gì phi thường. Hai mắt Tsertôpkhanôp chậm

chập mở ra, hai con người đã trở nên mờ tối đưa từ phải sang trái, rồi từ trái sang phải, dừng lại ở ông khách, nhìn thấy ở đó... Có cái gì lấp lánh trong lòng trắng mắt mờ đục tuồng như biểu lộ một cái nhìn; cặp môi tím ngắt từ từ tách ra, và giọng nói khàn khàn, như từ trong quan tài vẳng ra:

- Ông quý tộc dòng dõi cao sang Tsertôpkhanôp sắp qua đời; kẻ nào ngăn cản nỗi ông ấy? Ông ấy không sợ ai, không đòi hỏi gì...Hãy để mặc ông ấy, các người ạ! Đi đi!

Cánh tay cầm roi giơ lên... Không được! Đôi môi lại dính vào nhau, mắt nhắm lại, và Tsertôpkhanôp vẫn nằm như trước trên chiếc giường cứng của mình, người thẳng đuồn và hai gót chân tách xa nhau.

- Khi nào ông ấy tắt thở thì báo cho ta biết - viên cảnh sát nói thầm với Perfiska khi ra khỏi buồng. - Còn việc mời cha cố thì ta cho rằng bây giờ mời cũng được. Phải tuân theo tục lệ, cần làm lễ xức dầu thánh cho ông ấy.

Ngày hôm ấy, Perfiska đi mời cha đạo. Sáng hôm sau, gã đã phải báo với viên cảnh sát: Pantêlây Êrêmêits đã qua đời ngày đêm hôm ấy.

Khi mai táng ông, có hai người đi sau quan tài: Perfiska và Môsen Lâyba. Tin Tsertôpkhanôp từ trần không rõ bằng cách nào đã đến tai gã Do Thái, và gã không quên làm tròn cái bổn phận cuối cùng của mình đối với vị ân nhân.

BÓ THÁNH CỐT SỐNG

*Quê hương tôi giàu lòng nhẫn nại,
quê hương ôi, Người là của dân Nga!*

F. Chutchev

Ngạn ngữ Pháp có câu "buồn cho cái cảnh đi câu gặp nắng và đi bắn gặp mưa ([155]). Tôi không thể bàn đến việc câu cá, bởi vì tôi chưa bao giờ có cái thú đi câu; không biết người đi câu có cảm nghĩ gì khi trời quang mây tạnh, và gặp lúc mưa gió thì niềm thích thú vì kiếm được nhiều cá có át được nỗi cực khổ vì phải dầm mưa hay không.

Nhưng đối với người đi săn thì mưa quả là điều đen đủi. Trong một chuyến đi săn gà gô ở Benlev chính tôi và Ermôlai đã gặp cái cảnh không may ấy.

Ngay từ sáng sớm, trời đã mưa liên miên. Chúng tôi tìm đủ cách để tránh mưa! Nào là kéo áo mưa lên che gần kín đầu, nào là núp dưới gốc cây cho đỡ ướt. Áo mưa tiếng là không thấm nước, vậy mà vẫn trơ trên để mưa thấm qua, ấy là chưa kể nó còn làm chúng tôi vướng víu, khó bắn; đứng dưới gốc cây thì lúc đầu cứ tưởng như có đỡ ướt, nhưng một lúc sau nước mưa đọng lại trên cành lá bắt chợt đổ ập xuống, mỗi cành cây như một ống máng xối nước xuống người chúng tôi, dòng nước lạnh luồn cả vào dưới cà vạt và chảy theo đường sống lưng... Thật là chó má, nói theo lời Ermôlai!

- Không, ông Piôtr Pêtrôvits ạ! - Cuối cùng anh ta thốt lên. - Cái kiểu này là không ổn rồi! Hôm nay không đi săn được đâu - Chó thì ướt mũi, súng thì tắc nòng... Hừ! Rõ là đến may mắn!

- Làm thế nào bây giờ? - Tôi hỏi.

- À, thế này nhá, chúng ta sẽ rẽ vào Alêcxêepca, có lẽ ông không biết, ở đấy có một khu trại nhỏ thuộc quyền sở hữu của bà cụ thân sinh ra ông; từ đây đến đấy tám dặm. Chúng ta sẽ ngủ lại đó và sáng mai thì... .

- Lại trở về đây?

- Không, không quay lại đây nữa... ở phía bên kia Alêchxêepca, tôi biết có những chỗ... săn gà gô còn tốt hơn chỗ này nhiều.

Tôi không hỏi thêm người bạn đồng hành đáng tin cậy của tôi xem tại sao lúc trước anh ta không dẫn thẳng tôi đến những chỗ mà anh đã nói, và ngày hôm ấy chúng tôi đã lần đến được khu trại của mẹ tôi - thú thực là cho đến lúc bấy giờ tôi vẫn không ngờ rằng lại có khu trại ấy. Trong trại có một căn nhà nhỏ rách nát nhưng bỏ không, vì vậy cũng sạch sẽ. Đêm ấy, tôi ngủ một giấc khá yên lành trong căn nhà đó.

Sáng hôm sau tôi tỉnh giấc hơi sớm. Mặt trời vừa mới nhô lên, bầu trời không một gợn mây; xung quanh chói lòa ánh sáng: những tia nắng ban mai tươi trẻ lấp lánh trong ánh hào quang của trận mưa rào hôm qua. Trong lúc chờ thẳng xe, tôi dạo chơi trong khu vườn nhỏ, ngày xưa là vườn quả, giờ đây đã thành khu vườn hoang ôm lầy căn nhà nhỏ lọt thỏm trong cảnh cô liêu phẳng phất hương thơm và tiếng lá rì rào. Ôi, khoan khoái biết bao khi ta được sống trong bầu không khí thoáng đãng, dưới bầu trời trong sáng đầy chim sơn ca bay lượn, lắng nghe tiếng hót trong như tiếng chuông bạc từ không trung vẳng xuống! Chắc hẳn là chúng mang những giọt sương trên cánh, và tiếng hót dường như cũng đầm hơi sương. Tôi ngả mũ và sung sướng hít căng lồng ngực. Một bong ong mật hiện ra từ sườn dốc một cái khe không sâu lắm ngay sát bờ rào. Con đường mòn nhỏ hẹp dẫn tới bong ong, lượn ngoằn ngoèo như rắn giữa những bức tường cỏ dại và tầm ma dày đặc, phía trên có những thân cây gai đầu nhọn màu xanh sẫm nhô lên; có trời biết được những cây gai ấy từ đâu lạc loài đến.

Tôi theo con đường mòn tới chỗ tổ ong; gần đó có một túp lều dựng bằng cành cây ken vào nhau, dùng làm kho chứa bong ong vào những ngày đông tháng giá. Tôi nhìn qua cánh cửa hé mở: bên trong tối tăm, vắng vẻ, khô ráo; phẳng phất mùi bạc hà, mùi tía tô. Trong góc có kê cái bọc bằng ván ghép, và trên bọc, một thân hình nhỏ bé trùm tấm chăn...

Tôi đã quay bước toan bỏ đi.

- Ông chủ, ông chủ ời? Ông Piôtr Pêtrôvitst - Tôi nghe rõ tiếng nói yếu ớt, chậm chạp và khàn khàn như tiếng rì rào của cỏ lau trên đầm lầy.

Tôi dừng lại.

- Ông Piôtr Pêtrôvits? Xin ông lại gần đây! - lại có tiếng người gọi tôi.

Tiếng nói từ trong góc lều đưa ra, chỗ có tấm bọc mà tôi đã nhận thấy từ ban nãy. Tôi bước lại và sững người ra vì kinh ngạc. Trước mặt tôi là một con người sống, nhưng người với ngòm gì mà lại thế này?!

Cái đầu quắt queo, nước da đen sạm, hết như bức ảnh thánh vẽ theo lối họa thời xưa; cái mũi mảnh như lưỡi dao; gần như không trông thấy môi mà chỉ thấy hàm răng trắng bóng và đôi mắt; dưới nếp khăn thò ra, mấy món tóc vàng lưa thưa, rủ xuống trán. Đôi bàn tay nhỏ xíu cũng đen sạm động đậy ở phía dưới cằm, những ngón tay gầy khẳng như những chiếc đũa chậm chậm quờ quang trên mép chăn. Tôi chú ý nhìn kỹ hơn thì khuôn mặt ấy chẳng những không xấu, thậm chí còn đẹp là đằng khác; nhưng nom thật đáng sợ, đến là khác thường. Khuôn mặt ấy càng gây cho tôi cảm giác ghê sợ hơn nữa khi trên đôi má màu kim loại ấy, tôi thấy một nụ cười... gắng gượng mãi vẫn không nở ra được.

- Thừa ông, ông không nhận ra sao? - người ấy nói thều thào, tựa hồ như luồng hơi chỉ thoát ra qua cặp môi khê mấp má - Vâng, ông làm thế nào mà nhận ra được cơ chứ! - Em là Lukêria đây...chắc ông còn nhớ chính em đã từng dắt dẫn những cuộc múa hát vòng tròn tại nhà bà cụ thân sinh ra ông ở Xpaxki chứ... ông có nhớ bấy giờ em là người hát lĩnh xướng không?

- Lukêria? - tôi kêu lên - Chị đấy chứ? Thật vậy sao?

- Em, chính em đây, thưa ông, - Em, em là Lukêria đây.

Tôi không nói được nên lời, và bàng hoàng nhìn khuôn mặt tối thẫm, dờ dẫm với đôi mắt nhợt nhạt không còn chút sinh khí đang nhìn tôi chằm chằm.

Thật vậy ư? Chẳng lẽ cái xác ướp này lại là Lukêria, cô gái đẹp nhất làng, cô gái có thân hình cao lớn, đầy đặn, nước da trắng hồng, hay cười hay nhảy, hay hát ư? Lukêria, Lukêria thông

minh mà hết thấy trai làng chúng tôi đều theo đuổi, và chính tôi, lúc ấy là một cậu bé mười sáu tuổi, cũng đã từng bao phen phải thở dài một mình vì trộm nhớ thầm yêu đó ư!

- Mong chị thứ lỗi cho tôi, chị Lukêria ạ - cuối cùng tôi đã thoát được lên - Có sao chị lại đến nông nổi này?

- Vâng, một chuyện chẳng may đã đến với em! Nhưng ông đừng khinh bỉ và chế giễu cảnh thân tàn ma dại này của em mà tội nghiệp, ông chủ ạ. Ông hãy ngồi tạm lên cái thùng kia kia. Ông xích gần lại chút nữa kẻo không nghe rõ đâu... Ông thấy đấy, giọng nói của em đã trở nên trong trẻo lắm cơ? Chao ôi, thật là sung sướng được gặp lại ông! Làm thế nào mà ông lại lạc bước đến Alécxeepca này vậy?

Lukêria nói rất khẽ, giọng yếu ớt nhưng nói luôn miệng.

- Anh thợ săn Ermôlai đã dẫn tôi về đây. Nhưng chị hãy kể cho tôi nghe đi...

- Về câu chuyện rủi ro của em ấy ư? Xin vâng, thưa ông. Chuyện xảy ra với em đã lâu, cách đây sáu bảy năm rồi. Ngày ấy, người ta vừa mới dám hỏi em cho anh Vaxili Pôliakôp. Ông còn nhớ chàng tóc quăn, thân hình cân đối, lúc bấy giờ làm người coi giữ tử thức ăn cho bà cụ thân sinh của ông không? À, mà bấy giờ ông có còn ở nhà nữa đâu. Ông đã lên Maxcova học rồi. Em và Vaxili yêu nhau thắm thiết, đầu óc em không lúc nào không mơ tưởng đến anh ấy; và câu chuyện đã xảy ra vào độ mùa xuân. Một hôm, giữa đêm hôm khuya khoắt... hình như trời đã sắp sáng... vậy mà em vẫn chưa hề chớp mắt: ngoài vườn hoa mi hót mới ngọt ngào, mê ly làm sao!... Không cầm lòng được, em ngồi dậy và ra bậc tam cấp nghe chim hót. Con chim hoa mi kia sao nó cứ hót mãi, hót hoài... và bỗng nhiên em cảm thấy như có tiếng Vaxili gọi em; gọi khe khẽ: Lusa ([156])... Em quay lại, nhưng vì còn ngái ngủ, em loạng choạng giật lùi và trượt chân, từ trên một cái hòm ngà quật xuống đất; có lẽ em không đau lắm, bởi vì lát sau em đã đứng dậy được và trở về phòng. Có điều là, hình như em bị giập một bộ phận nào đó ở trong người - ở chỗ bụng ấy cho em nghỉ chút đã... một lát thôi... ông chủ ạ.

Lukêria im lặng, và tôi ngạc nhiên nhìn nàng.

Tôi ngạc nhiên chính bởi vì nàng kể lại câu chuyện đời mình với thái độ gần như vui vẻ, không một tiếng thở than, oán trách, chẳng hề phàn nàn và cầu mong một lời thương cảm.

- Từ sau lần ấy, - Lukêria kể tiếp - em gầy rộc, héo hắt hẳn đi, da dẻ đen nhẻm lại, đi đứng thật là khó nhọc, và ít lâu sau thì hoàn toàn không sai khiến nổi đôi chân, không đứng, không ngồi được nữa, nằm liệt giường, chẳng muốn ăn uống gì cả, càng ngày càng quá ra. Bà cụ thân sinh của ông giàu lòng nhân đức đã mời thầy thuốc về thăm bệnh cho em và đưa em vào bệnh viện. Vậy mà bệnh tình của em cũng chẳng đỡ chút nào. Không một thầy thuốc nào dám nói chắc bệnh của em là bệnh gì. Các ông ấy đã dùng đủ cách cứu chữa; nào là lấy sắt nung để đốt lưng cho em, nào là đặt em nằm lên đồng nước đá đập nhỏ, nhưng đều vô hiệu. Rút cuộc em chỉ còn lại là một bộ xương... Thế rồi các ông ấy đều bó tay tất, hết phương cứu chữa, nhưng để kẻ tàn tật trong nhà chủ thì không được...cuối cùng, em được đưa về chỗ này, bởi vì ở đây, em có họ hàng thân thích. Và thế là em ở đây, như ông thấy đấy.

Lukêria lại im lặng và lại gượng gượng mỉm cười.

- Dẫu sao thì tình cảnh của chị thật là đáng sợ? - Tôi thoát lên... và không biết nói gì thêm, tôi đã hỏi nàng một câu ngu xuẩn biết chừng nào: còn Pôliakôp Vaxili thì sao?

Lukêria đưa mắt nhìn đi chỗ khác.

- Còn Pôliakôp thì thế nào ư? Anh ấy cứ sầu não, vẫn vương mãi, nhưng rồi thời gian qua đi,

anh ấy cũng đã lấy vợ, một cô người làng Glinui. Ông có biết làng Glinui không nhỉ? Cách làng ta chẳng bao xa. Tên cô ta là Agrafena. Anh ấy yêu em lắm, nhưng anh ấy còn trẻ quá, chẳng lẽ bắt anh ấy ở vậy sao. Còn em thì kết bạn với anh ấy thế nào được nữa? Anh ấy đã kiếm được cô vợ phúc hậu, đảm đang, và họ đã có con. Bây giờ anh ấy làm quản gia cho một nhà ở gần đây: bà cụ thân sinh của ông đã trả lại tự do cho anh ấy, và nhờ ơn Chúa, anh ấy sống rất sung túc.

- Vậy ra chị cứ nằm thế này suốt ngày hay sao? - Tôi lại hỏi.

- Đúng thế, thưa ông, em nằm thế này đã hơn sáu năm nay rồi. Mùa hè em nằm ở đây, trong cái nhà tranh này, nhưng khi trời lạnh thì người ta đưa em vào buồng thay quần áo ở nhà tắm. . . Bây giờ em lại nằm ở đây.

- Ai trông nom săn sóc chị?

- Người phúc hậu thì ở đâu chả có. Người ta chẳng bỏ rơi em đâu. Thực ra thì việc chăm nom em chẳng khó nhọc gì lắm, ăn thì hầu như em chả ăn gì cả, còn uống, thì đây - nước ở trong ca đây: trong ca bao giờ cũng có nước trữ sẵn, nước lấy ở đầu nguồn, trong vắt. Ca nước kia em có thể tự với lấy em vẫn còn một cánh tay có thể cử động được. À, ở đây còn một cô bé, một cô bé mồ côi, thỉnh thoảng vẫn tat qua thăm em, cám ơn cô bé. Cô ấy vừa ở đây... Ông có thấy cô ấy chưa? Trắng trẻo, xinh xắn lắm. Cô bé hái cả hoa mang về cho em đây. Em rất thích chơi hoa. Ở đây chả có hoa trồng đâu, trước thì có đấy, nhưng lui hết cả rồi. Cơ mà hoa đồng cũng đẹp đấy chứ. Còn thơm hơn cả... hoa trồng là đằng khác. Những bông linh lan này chẳng hạn... thơm biết mấy!

- Thế mà chị không buồn nản, không sợ ư, Lukêria tội nghiệp của tôi?

- Nhưng biết làm thế nào? Em không muốn nói dối đâu. Thoạt đầu quả là rất chán nản; nhưng sau đó ít lâu em đã quen đi, thấy cũng chịu đựng được, chẳng có gì ghê gớm lắm. Có người còn khổ hơn thế này nữa ấy chứ.

- Còn khổ đến mức nào được nữa?

- Có người không có cả chỗ nương thân nữa ấy chứ? Có người bị điếc hay mù! Nhưng em thì nhờ ơn Chúa, mắt vẫn sáng và tai vẫn tinh. Em nghe thấy cả tiếng con chuột chũi đào hang ở dưới đất. Và em có thể ngửi thấy bất cứ mùi hương nào dù là thoảng nhẹ nhất, tưởng như không có. Hương lúa trổ bông ngoài đồng hay cây bồ đề nở hoa trong vườn, không cần ai bảo em vẫn biết: em là người đầu tiên ngửi thấy. Chỉ cần một làn gió nhẹ từ đấy thoảng qua là đủ. Không, có gì mà làm Chúa nổi giận nhỉ? Chán kẻ còn khổ hơn em. Cứ nói thế này thôi chẳng hạn: một người khỏe mạnh thì có thể rất dễ phạm tội; còn với em, thì chính tội lỗi đã bỏ em mà đi. Cách đây không lâu, cha Alecxây đã rửa tội cho em, và bảo: con còn có tội gì nữa, mà rửa, ở tình cảnh con như thế này mà con còn có thể phạm tội được nữa sao? Nhưng em đã nói với cha: còn tội lỗi trong ý nghĩ, thưa cha? - "Ừ - cha và chính ông cũng bật cười - Loại tội lỗi ấy chẳng lấy gì làm to tát lắm". Mà có lẽ chính cái tội lỗi trong ý nghĩ ấy, em cũng không phạm nhiều lắm đâu - Lukêria nói tiếp - bởi lẽ em đã tập được thói quen không nghĩ ngợi, nhất là không nhớ lại dĩ vãng. Thời gian trôi qua cũng nhanh thôi.

Thú thực là tôi rất ngạc nhiên.

- Lukêria ạ, lúc nào chị cũng nằm đây có một mình; vậy thì chị làm thế nào mà có thể ngăn không cho những ý nghĩ nảy sinh trong đầu. Hay là chị cứ ngủ triền miên?

- Ồ, không phải thế đâu, ông chủ ạ? Có phải lúc nào em cũng ngủ được đâu. Mặc dầu em không bị những cơn đau ghê gớm, nhưng cứ nhức nhối ê ẩm ở trong bụng và trong xương. Vì thế em không ngủ yên được. Không... em cứ nằm thế này, nằm mãi - chẳng nghĩ ngợi gì cả, em

cảm thấy em vẫn còn sống, đang thở. Và toàn bộ cuộc sống của em ở là đây. Em nhìn, em nghe ngóng. Ngoài tổ ong, đàn ong vo ve và vù vù bay đi; con bồ câu đậu xuống mái nhà và cất tiếng gù; ả gà mái mẹ dắt một đàn con vào nhặt tằm; khi thì một con chim sẻ hoặc một con bướm bay lên. Và em cảm thấy rất khoan khoái. Hồi năm kia có cả chim én vào làm tổ và đẻ con ở cái góc kia kìa. Cứ ngấm nhìn cái tổ chim mới thích chứ! Một con bay về, đậu trên miệng tổ, cúi xuống mớm mồi cho con, và lại bay đi. Thoáng chốc, một con khác đã đến thay nó. Đôi khi con chim mẹ không bay về tổ mà chỉ bay qua cánh cửa bỏ ngõ thôi, nhưng đàn chim con lập tức kêu líu ríu và há mỏ chờ mồi... Sang năm sau em lại chờ đợi chúng, nhưng nghe nói một người đi săn vùng này đã dùng súng bắn chết chúng. Lợi lộc được là bao? Một con chim én không lớn hơn con bọ dừa... Sao mà những người đi săn các ông độc ác thế?

- Tôi có bắn chim én đâu, - tôi vội vã nói.

- Có một lần - Lukêria lại bắt đầu kể, - Chuyện buồn cười lắm kia! Một con thỏ chạy vào, thật đấy! Chắc nó bị chó đuổi, chỉ biết là nó lao thẳng vào cửa như mũi tên! Nó ngồi gần em lắm, và ngồi rất lâu, cứ hếch mãi cái mũi lên, và bộ ria động đậy, y như một viên sĩ quan thực thụ! Nó nhìn em. Như vậy là nó đã hiểu rằng em không đáng sợ đối với nó. Cuối cùng, nó đứng dậy và nhảy chồm chồm ra cửa, đến ngưỡng cửa nó còn ngoái cổ lại, đúng là có một con thỏ như vậy đấy! Con vật thật đến buồn cười?

Lukêria nhìn tôi... Tựa hồ như muốn hỏi: hay là câu chuyện em kể không có gì ngộ nghĩnh chẳng? Tôi cười để làm vừa lòng nàng, nàng cắn chặt cặp môi khô héo.

- Còn về mùa đông thì dĩ nhiên em sống có khổ cực hơn. Bởi vì trời tối, thấp nển thì tiếc, mà thấp làm gì cơ chứ? Em tuy có biết chữ và bao giờ cũng thích đọc, nhưng đọc cái gì? Ở đây chả có sách vở gì cả mà giả thử có đi chẳng nữa thì em cầm làm sao được mà đọc? Để cho em khuây khoả, cha Alêcxây đã mang đến cho em một cuốn lịch, nhưng cha thấy cũng chẳng bổ ích gì nên lại lấy mang đi. Thế nhưng trời tối mà em vẫn nghe thấy mọi tiếng động ở xung quanh: con dế kêu rình rích, hay con chuột cào sột soạt ở đâu đó. Những lúc như vậy thật là sung sướng: chẳng phải nghĩ ngợi gì cả!

- Có lúc thì em đọc kinh, - Lukêria ngừng một chút để thở rồi lại kể tiếp - có điều là kinh cầu nguyện thì em thuộc ít lắm. Nhưng em quấy rầy Chúa trời để làm gì mới được chứ? Em có thể cầu xin Chúa điều gì? Chúa biết rõ hơn ai hết em cần gì rồi. Chúa đã gửi xuống cho em cây thập tự, nghĩa là người yêu thương em. Vậy thì chúng ta phải hiểu điều đó. Em sẽ đọc kinh Lạy cha chúng con, Lạy Đức mẹ đồng trinh, đọc thánh tụng ca cho tất cả những con chiến đau thương của Chúa. Rồi em lại nằm im một mình, không hề nghĩ ngợi gì cả. Thế cũng xong!

Hai phút trôi qua. Tôi không phá tan sự im lặng và ngồi không nhúc nhích trên cái thùng nhỏ dùng thay ghế. Trạng thái bất động nghiêm ngặt, trơ trơ như đá của con người bất hạnh đang nằm trước mặt tôi đã truyền lan cả sang tôi: tôi cũng ngây ra như tượng đá.

- Lukêria, chị hãy nghe tôi, - cuối cùng tôi nói, - chị hãy nghe tôi, tôi muốn bàn với chị một điều thế này nhé. Nếu chị muốn, tôi sẽ thu xếp đưa chị vào bệnh viện, một bệnh viện loại tốt ở thành phố. Biết đâu đấy có thể bệnh của chị sẽ khỏi chẳng? Dẫu sao chị cũng không phải chịu cái cảnh cô độc này...

Lukêria khẽ nhướn cao lông mày.

- Ồ không, ông chủ ạ - nàng nói khe khẽ, giọng thì thảo lo lắng, - ông đừng đưa em vào bệnh viện, cứ mặc em. Ở đấy em chỉ khổ thêm thôi. Bệnh của em còn chữa làm sao được nữa! Có lần, một ông thầy thuốc về đây, muốn khám bệnh cho em. Em đã van xin ông ta: vì Chúa, xin ông đừng làm rầy tôi nữa. Vô ích! ông ta bắt đầu xoay vắn em, xoa nắn tay chân. Rồi ông ta nói: tôi làm công việc này nhằm mục đích nghiên cứu khoa học; tôi đang theo đuổi công việc đó, tôi là

nhà bác học! Còn cô, ông ta lại nói, đừng cố ý cản trở công việc của tôi, cô phải hiểu rằng rồi đây, nhờ những công trình của tôi, tôi sẽ được người ta quàng lên cổ một tấm huân chương, tôi cố gắng là vì các người đấy, hỡi những kẻ ngu ngốc ạ. Và thế là ông ta cứ làm tình làm tội em mãi, rồi ông ta đã gọi được đích danh tên bệnh của em - cái tên rắc rối lắm - đoạn rồi ông ta bỏ đi. Sau đó xương cốt em đau ê ẩm suốt cả một tuần. Ông bảo rằng em sống một mình, bao giờ cũng chỉ có một mình. Không, không phải bao giờ cũng thế đâu. Người ta đến thăm em luôn. Em vốn tính hiền lành chẳng bao giờ quấy nhiễu ai. Các cô gái nông dân ghé vào thăm, chuyện trò với em. Có lần, một người đàn bà hành hương lạc đường tạt vào, kể cho em nghe về Giêruzalem, về Kiep, về những thành phố thiêng liêng. Vả chẳng, sống một mình em cũng chẳng hời đâu. Thậm chí còn tốt là đằng khác, em nói thật đấy! Ông chủ ạ, hãy để mặc em; đừng đưa em vào bệnh viện...Em cảm ơn ông, ông thật có lòng tốt, nhưng xin ông cứ để mặc em, ông chủ quý hoá của em ạ.

- Thôi được, tùy chị, tùy chị thôi. Lukêria ạ. Chính vì lợi ích của chị mà tôi đề ra ý kiến ấy. . .

- Em biết, ông chủ ạ, em biết ông có lòng tốt đối với em. Nhưng ông chủ quý mến của em ơi, ai là người có thể giúp đỡ được người khác? Ai có thể hiểu thấu được lòng người? Con người hãy tự giúp mình thì hơn! Nói ông chẳng tin đâu, nhưng đôi khi em nằm một mình như thế này...và tưởng như trên trái đất này ngoài em ra chẳng còn ai nữa. Chỉ một mình em còn sống sót! Và em mừng rỡ như một ý nghĩ chợt đến với em, thế là em nghĩ ngợi, kể cũng kỳ lạ thật!

- Lúc ấy chị nghĩ gì, Lukêria?

- Thưa ông, điều đó em cũng không thể nào nói được: không thể giảng giải được. Vả lại, sau đó em thường quên đi. Ý nghĩ đến như một đám mây đen, trút xuống thành cơn mưa thật là mát mẻ, dễ chịu, nhưng nó là cái gì thì không thể hiểu được. Em chỉ biết có một điều là: nếu có người ở bên em thì chuyện đó sẽ không hề xảy ra và em chẳng cảm thấy gì hết, ngoài nỗi bất hạnh của bản thân em.

Lukêria thở dài một cách khó nhọc. Lồng ngực nàng chẳng chịu theo nhịp thở của nàng, cũng như mọi phần khác trên cơ thể nàng chẳng chịu theo ý nàng vậy.

Nàng lại nói:

- Ông chủ ạ, cứ nhìn ông là em thấy rằng ông rất lấy làm ái ngại cho em. Nhưng ông đừng quá thương em, thật đấy! Em nói với ông điều này. Đôi khi và ngay bây giờ cũng vậy, em... Hẳn ông còn nhớ, thời con gái em vui tính như thế nào chứ? Một con bé!... Vậy mà, ông có biết thế nào không? Bây giờ em vẫn ca hát đấy.

- Hát. . . chị mà hát ấy à?

- Vâng, em hát những bài hát cổ, những bài hát múa vòng, những bài ca nghi thức, những bài ca ngày lễ Noël, đủ các loại. Em vốn biết nhiều bài ca và vẫn không quên đâu. Có điều là em không hát những điệu nhạc vũ. Ở tình cảnh em bây giờ thì loại bài hát ấy không thích hợp.

-Chị hát như thế nào cơ chứ... chả lẽ hát thầm ư?

- Cả hát thầm và hát thành tiếng. Hát to thì em chịu nhưng cũng có thể hát đủ nghe. Ban nãy em đã kể với ông là có một cô bé vẫn đến thăm em. Cô gái mồ côi ấy rất sáng ý. Thế là em đã dạy cô ta hát cô bé đã học được ở em bốn bài. Ông không tin ư? Ấy khoan, em sẽ hát cho ông nghe.

Lukêria lấy hơi chuẩn bị hát... ý nghĩ rằng cái sinh vật dở sống dở chết này lại sắp sửa hát

khiến tôi bất giác kinh hãi. Nhưng tôi chưa kịp thốt lên lời thì một âm thanh ngân nga, văng vẳng như có như không, nhưng trong trẻo và chính xác đã rung động trong không trung. . . rồi tiếp đến âm thanh thứ hai, thứ ba; Lukêria hát bài "Tôi đi trên đồng cỏ". Nàng hát, và nét mặt vẫn lạnh như đá, không hề thay đổi, đôi mắt thậm chí vẫn nhìn trừng trừng. Nhưng tiếng hát tội nghiệp, gắng gượng quá sức như một luồng khói lung linh, nghe mới cảm động làm sao, dường như nàng muốn giải bày hết nỗi lòng... Tôi không cảm thấy gì đáng sợ nữa: lòng thương vô hạn vò xé trái tim tôi.

- Ôi em không thể hát được nữa! - nàng bỗng nói, - em không đủ sức nữa rồi... em rất sung sướng đã được hát cho ông nghe.

Nàng nhắm mắt lại.

Tôi đặt tay lên những ngón tay nhỏ xíu lạnh giá của nàng... nàng ngược tôi, và đôi mí mắt thâm quầng dưới cặp lông mày vàng óng của nàng lại khép lại giống như ở các bức tượng cổ. Lát sau, đôi mắt ấy ngời lên trong bóng tối mờ mờ... Lệ đã chan hoà. Tôi vẫn không nhúc nhích.

- Em vớ vẩn quá đi thôi! - Đột nhiên Lukêria lại nói với một sức lực bất ngờ, và mở to mắt, cố chớp cho giọt lệ rơi xuống - Em không biết xấu hổ ư? Có sao em lại như thế nhỉ? Đã lâu lắm em có khóc đâu... kể từ ngày Vaxili Pôliakôp đến thăm em vào mùa xuân năm ngoái cơ đấy. Lúc anh ấy còn ngồi nói chuyện với em thì không sao; nhưng anh ấy vừa ra về là em không cầm lòng được, đã tẩm tức khóc một mình? Rõ khéo mau nước mắt?...

Vả lại nước mắt của phụ nữ chúng em có tốn tiền mua đâu mà sợ. Ông chủ ạ, - Lukêria nói thêm, - chắc là ông có mùi soa trong túi... Mong ông đừng ghê tay, hãy lau nước mắt cho em đi.

Tôi vội chiều theo ý nàng, và tôi đã để lại cho nàng chiếc khăn tay ấy. Lúc đầu nàng từ chối; em biết dùng món quà như thế để làm gì? Cái khăn rất giản dị, nhưng sạch sẽ và trắng trẻo. Lát sau nàng đưa những ngón tay yếu ớt nắm lấy chiếc khăn và không buông ra nữa. Khi đã quen dần với bóng tối đang bao trùm lấy cả hai chúng tôi, tôi mới nhận rõ được những đường nét trên mặt nàng, thậm chí tôi còn nhận thấy cả cái sắc hồng lơ mờ ánh lên qua lớp da mặt đen xỉn của nàng, tôi đã có thể khám phá ra, hay ít nhất là tôi đã tưởng tượng ra là khuôn mặt này vẫn còn giữ được dấu vết của vẻ đẹp ngày xưa.

Lukêria lại nói:

- Ông hỏi em có ngủ được không, thưa ông, có phải thế không ạ. Em ngủ quả là ít lắm, nhưng lần nào ngủ em cũng mơ, những giấc mơ đẹp lắm! Trong giấc mơ chưa bao giờ em thấy mình ốm yếu: bao giờ em cũng thấy mình khỏe mạnh và tươi trẻ biết chừng nào... Khổ một nỗi là lúc tỉnh dậy, em muốn vươn vai cho dễ chịu một chút, thế nhưng toàn thân em đã bị liệt rồi còn đâu. Có lần, em đã mơ thấy một giấc chiêm bao đẹp tuyệt vời! Ông có muốn em kể ông nghe không? Thế thì em kể nhé.

- Em thấy mình đứng ở giữa một cánh đồng, chung quanh toàn lúa mạch, lúa mọc cao, chín rực, óng ánh như vàng!... Và hình như ở bên cạnh em có một con chó sắc hung, con chó hung hăng lắm, nó cứ luôn luôn chực cào em. Và hình như tay em đang cầm cái liềm, không phải là cái liềm thường, mà đúng là mảnh trăng khuyết thật, vào lúc trăng khuyết thì mặt trăng giống như cái liềm vậy. Và lẽ ra em phải dùng mảnh trăng ấy để gặt hết cánh đồng lúa kia. Nhưng khi trời nóng bức khiến em mệt lả, và vành trăng kia làm cho em loá mắt, khiến em đâm ra biếng nhác. Xung quanh em mọc lên những cây mua, to ghê lắm cơ! Và tất cả những cây mua đều quay đầu về phía em. Em nghĩ bụng, mình sẽ ngắt những bông hoa mua ấy. Vaxia đã hứa là sẽ đến, vậy thì trước hết em sẽ tết cho em một vành hoa cái đã; vẫn đủ thì giờ để gặt lúa. Em đưa tay hái hoa mua, nhưng những bông hoa kia cứ tan dần, tan dần giữa các kẽ tay, không làm sao giữ nổi! Em không tài nào tết nổi được một vành hoa, giữa lúc ấy em lại nghe thấy tiếng bước

chân ai đang đi về phía em, gần lắm và có tiếng gọi em: Lusa! Lusa... Ôi, thế có khổ không, chậm mất rồi - em nghĩ vậy? Dầu sao em cũng cứ đội cái mảnh trắng lười liềm ấy lên đầu thay cho vòng hoa mua.

Em đặt vành trắng lên đầu, như đội cái mũ có vành trước trán và toàn thân em lập tức rực rỡ hẳn lên, cả cánh đồng cũng chan hoà ánh sáng. Thốt nhiên em thấy một người lướt nhanh trên ngọn lúa tiến về phía em, nhưng đó không phải là Vaxia, mà chính là Zêsu. Tại sao em nhận ngay ra đó là Chúa Zêsu em cũng không biết nữa, chưa có sách nào mô tả Chúa như vậy, nhưng đó chính là Chúa! Cầm không râu, dáng người cao cao, trẻ trung y phục toàn trắng, chỉ có thắt lưng vàng chói và Chúa chìa tay cho em - "Con đừng sợ - Chúa nói - hỡi nữ tu sĩ diễm lệ của ta, nàng hãy theo ta. Trên thiên đình của ta, nàng sẽ dẫn đầu những đội vũ vòng tròn và nàng sẽ hát những khúc ca thiên đường".

Và em úp mặt vào tay Chúa! Con chó vẫn rình em lập tức vồ lấy chân em... Nhưng Chúa và em đã bay bổng lên không trung! Chúa bay ở phía trước... đôi cánh của Chúa dang rộng che khắp cả bầu trời, cánh dài như cánh hải âu ấy, còn em cũng bay theo Chúa! Lúc ấy em mới hiểu rằng con chó kia chính là bệnh tật của em và trên thiên đàng làm gì có chỗ cho cái ngứa đó.

Lukêria lại ngừng lời giây lát.

- Em còn mơ thấy một giấc chiêm bao nữa - nàng kể tiếp - Nhưng có thể đó chỉ là sự tưởng tượng của em, em cũng không biết nữa. Em cảm thấy hình như em đang nằm trong chính căn lều này và thân phụ cùng thân mẫu đã quá cố của em đến tận đây thăm em, hai người cúi rạp xuống chào em nhưng chính hai người lại chẳng nói gì với em cả. Và em hỏi hai thân em: tại sao ba mẹ lại cúi chào con? Nhưng một lúc sau hai thân em nói rằng bởi vì con đã chịu nhiều khổ cực trên thế gian này, cho nên chẳng những con đã làm cho bản thân con được rồi linh hồn và còn giúp cho hai thân con trút bỏ được cái gánh nặng ghê gớm đè lên vai các người. Cha mẹ ở cõi bên kia cũng gặp nhiều điều dễ dàng hơn. Con đã rũ bỏ được hết mọi tội lỗi của con, giờ đây con đang gỡ tội cho cha mẹ con. Hai người nói, rồi lại cúi chào em, và em không còn nhìn thấy hai người nữa; xung quanh chỉ còn lại những bức vách. Sau này em vẫn ngờ vực, không biết chắc có phải em đã chiêm bao thấy như thế thật không. Thậm chí em đã kể lại với cha đạo trong buổi thú tội. Nhưng cha lại cho rằng đó không phải là hoang tưởng, bởi vì chỉ có bậc chức sắc mới hay gặp hoang tưởng.

- Nhưng em lại còn mơ thấy thế này - Lukêria kể tiếp - Em thấy hình như em ngồi trên một con đường lớn, dưới gốc một cây liễu, tay em cầm cái gậy bằng cành cây đã róc hết vỏ, vai đeo tay nải và đầu quấn khăn như một kẻ hành hương vậy! Và em phải đi tới một nơi nào xa lắc xa lơ trên con đường hành hương. Những người hành hương không ngớt kéo qua trước mặt em; họ lặng lẽ bước đi, tựa hồ như miễn cưỡng, luôn luôn đi về một ngả; mặt người nào cũng lộ vẻ chán chường và mọi người đều giống nhau như đúc. Em thấy trong bọn họ có một người đàn bà cao hơn họ hẳn một đầu, mặc chiếc áo dài rất đặc biệt, hình như không phải kiểu áo của phụ nữ Nga chúng ta, bà ta lượn đi lượn lại, lằng xằng giữa dòng người. Vẻ mặt bà ta cũng đặc biệt, cau có, nghiêm nghị. Và dường như mọi người ai cũng muốn xa lánh người đàn bà ấy; nhưng bất thành linh người đó quay lại và đi thẳng về phía em. Bà ta đứng lại và nhìn em; bà ta có đôi mắt như mắt chim ưng, đôi mắt màu vàng, to và sáng lấp lánh. Em hỏi bà ta: "Người là ai?" - Và bà ta trả lời em: "Ta là thần chết của nhà ngươi đây". Lẽ ra em phải hoảng sợ, nhưng ngược lại, em vui sướng quá và đưa tay làm dấu cầu nguyện! Người đàn bà ấy, vị thần chết của em, lại nói với em: "Ta lấy làm ái ngại cho nhà ngươi, Lukêria ạ, nhưng đưa nhà ngươi đi theo ta ngay bây giờ thì ta chưa thể làm được Thôi, chào ngươi?" Trời ơi? lúc ấy em cảm thấy buồn biết bao!.. "Hãy cho con đi cùng - em nói - mẹ ơi, mẹ quý mến của con ơi, cho con theo với?" - Thế là thần chết của em quay lại và quở trách em... Em hiểu rằng thần chết đã định giờ tận số cho em, nhưng thật là khó hiểu quá, mập mờ quá... theo lời thần bảo, thì sau tuần Pêtrôpki ([157])... Thế là em tỉnh dậy... Em thường chiêm bao thấy những điều kỳ lạ như thế đấy! - Lukêria ngược nhìn lên... đắm chiêu suy nghĩ. . .

- Nhưng điều không may cho em là: có khi cả tuần em không ngủ được tí nào. Năm ngoái có một bà quý tộc qua đây, gặp em và đã cho em một chai thuốc chống bệnh mất ngủ. Bà ta bảo em uống mỗi bữa mười giọt. Thứ thuốc ấy đối với em rất hiệu nghiệm, và em đã ngủ được; nhưng đến giờ thì em đã uống hết cả rồi... ông có biết đó là loại thuốc gì không và làm sao mà mua được nhỉ?

Rõ ràng là bà khách qua đường kia đã cho Lukêria uống thuốc phiện. Tôi hứa sẽ mua cho nàng một chai thuốc y như vậy và một lần nữa, tôi lại không thể nào không buột miệng nói lên sự ngạc nhiên về lòng nhẫn nại của nàng.

- Ô thưa ông! - nàng phản đối - ông nói gì vậy? Nhẫn nại như thế đã thấm vào đâu chứ? Ví như sự nhẫn nại của Ximêon - Trụ đá mới thật là vĩ đại: ba mươi năm ròng đứng trên cột trụ! Một vị thánh khác đã bảo người ta chôn mình xuống đất và lấp đất đến tận ngực, kiến kéo đến đục khoét cả mặt ngài... có lần một nhà chú giải thánh kinh còn kể với em rằng, có một đất nước nọ bị người Hồi giáo xâm lăng, tất thấy dân chúng đều bị bọn xâm lược hành hạ và giết chóc; nhân dân đã tìm đủ cách để tự giải phóng nhưng không làm nổi. Giữa lúc ấy, một nữ thánh đồng trinh xuất hiện trong đám dân chúng; nàng cầm một thanh kiếm khổng lồ, và khoác lên mình bộ chiến bào nặng hai *pút*, nàng xông vào bọn hồi giáo và đuổi tất cả bọn chúng ra ngoài biển. Sau khi đã tống cổ được bọn chúng ra ngoài bờ cõi, nàng nói với chúng: bây giờ các người hãy thiêu ta đi vì ta đã hứa là ta sẽ chết thiêu trong ngọn lửa vì sự nghiệp giải phóng dân tộc ta.

Bọn người Hồi giáo đã bắt nàng đem thiêu sống, còn nhân dân thì từ đó trở đi đòi đòi được giải phóng! Thế mới là chiến công chứ? Còn em thì ra cái quái gì!

Tôi lại sững sốt trong lòng: câu chuyện truyền thuyết về Jan Đar sao lại biến dạng đi đến như vậy. Tôi im lặng một lát và hỏi nàng bao nhiêu tuổi?

- Hăm tám ... hay hăm chín gì đó... nhưng chưa đến ba mươi đâu. Mà tính tuổi làm gì cơ chứ! Em còn muốn nói với ông điều này...

Đột nhiên Lukêria ho sù sụ, rên lên một tiếng.

- Chị nói nhiều quá - tôi bảo nàng- nói nhiều có hại đến sức khỏe của chị đấy.

- Đúng thế, - nàng nói nhỏ nhẹ thật là khó nghe - chẳng còn chuyện gì đáng nói nữa. Thế cũng phải! Bây giờ ông đi rồi em lại thả hồ mà im lặng. Dù sao em cũng đã có dịp cởi mở nỗi lòng...

Tôi từ biệt nàng, nhắc lại lời hứa sẽ gửi thuốc cho nàng, yêu cầu nàng suy nghĩ kỹ lại một lần nữa và nói cho tôi biết nàng có cần gì nữa không.

- Em không cần gì nữa đâu. Nhờ ơn Chúa, em hài lòng về tất cả mọi việc, - nàng nói hết sức gắng gượng, nhưng giọng đầy vẻ cảm động, - Cầu Chúa ban sức khỏe cho mọi người! Còn ông, ông chủ ạ, ông nên thưa chuyện với bà cụ thân sinh của ông rằng nông dân ở đây nghèo khổ lắm, bà lớn nên giảm tô cho họ chút ít? Họ thiếu ruộng, vườn tược cũng chẳng có... Họ sẽ cầu Chúa cho ông.. Còn em thì chẳng cần gì nữa cả. Em bằng lòng về tất cả mọi chuyện. Tôi hứa với Lukêria là sẽ thực hiện lời cầu xin của nàng, và khi tôi đã ra đến cửa thì...nàng lại gọi tôi.

- Thưa ông, - nàng nói, và có một cái gì đẹp lạ lùng thoáng hiện trong mắt và trên môi nàng - hẳn ông còn nhớ, trước kia em có bím tóc như thế nào chứ ạ? dài đến tận đầu gối ấy! Em cứ lưỡng lự mãi... Mớ tóc ấy!... Nhưng em chải tóc làm sao được? Nằm liệt giường thế này! ... Thế là em đã cắt đi vâng... Thôi, ông thứ lỗi cho em, ông chủ ạ! Em không thể...

Hôm ấy, trước khi lên đường tiếp tục chuyển đi săn, tôi đã nói chuyện với viên tuần trang của trại về Lukêria. Bác ta cho tôi biết rằng dân làng gọi nàng là "bộ thánh cốt sống", và tuy vậy, không ai bị phiền rầy gì về nàng cả. Chưa ai nghe thấy nàng thốt ra một lời kêu than, oán trách - Cô ấy không đòi hỏi gì hết, mà ngược lại, cô biết ơn tất cả những gì người ta đã làm cho mình; phải nói rằng đây là một cô gái hiền lành, đúng là hiền lành. Hẳn là cô ấy bị trời hại để trừng phạt về những tội lỗi đã phạm phải - viên tuần trang kết luận như vậy - nhưng chúng ta không bàn đến chuyện đó. Để chê trách cô ấy ư? Không, chúng tôi không chê trách cô ấy Mặc cô ấy với Chúa?

Mấy tuần sau, tôi được tin Lukêria đã qua đời.

Thần chết vẫn cứ đến đón nàng đi. . . và sau "tuần Pêtrôpki". Người ta kể lại rằng đúng hôm nàng tắt thở, nàng vẫn còn nghe thấy tiếng chuông nhà thờ, mặc dù từ Alêcxêepka đến nhà thờ có tới trên năm dặm đường và hôm ấy không phải ngày lễ. Tuy nhiên, nàng nói rằng tiếng chuông không phải từ phía nhà thờ vọng lại, mà từ "trên cao" vọng xuống.

Chắc nàng không đủ can đảm để nói là: từ trên trời vọng xuống.

LỘC CỘC! LỘC CỘC!

- Xin thưa với ông một điều - Ermôlai vừa bước vào nhà gặp tôi vừa nói, còn tôi cũng vừa ăn xong và nằm trên chiếc giường gấp nhỏ để nghỉ ngơi một lát sau chuyến đi săn gà rừng khá thành công, nhưng mệt lử; bây giờ là quãng thượng tuần tháng sáu và tiết trời nóng kinh khủng...

- Xin thưa với ông: đạn chì của chúng ta hết rồi.

Tôi chồm dậy khỏi giường.

- Hết chì! Sao lại thế! Ở làng đi chúng ta mang theo ngót ba mươi *fun* cơ mà! cả một bì!

- Đúng thế ạ; một bì lớn: có thể đủ dùng trong hai tuần. Nhưng ai mà biết được! Chắc là bao bì bị thủng, nhưng đích là không còn chì nữa... chỗ còn lại chỉ đủ nạp mười phát đạn nữa thôi.

- Vậy thì chúng ta làm thế nào bây giờ? Ta sắp đến những chỗ săn tốt nhất, ngày mai ta có thể gặp được sáu ổ gà rừng...

- Ông cứ cho tôi đi Tula. Cách đây không xa lắm: chỉ có bốn mươi lăm dặm. Tôi sẽ đi như bay, thẳng một mạch và nếu ông ra lệnh, tôi sẽ đem về cả một *pút*.

- Vậy bao giờ anh đi?

- Ngay bây giờ cũng được ạ. Lăn chần làm gì kia chứ? Nhưng có điều là sẽ phải thuê ngựa.

- Sao lại phải thuê ngựa! Thế ngựa của ta để làm gì?

- Không thể dùng ngựa nhà được. Con ngựa chính bị khập khiễng... thọt nặng?

- Từ bao giờ?

- Mới thôi ạ. Anh đánh xe đưa nó đi đóng móng. Và anh ta đã đóng được móng cho nó. Hẳn là đã gặp phải tay thợ rèn tồi. Bây giờ thậm chí một chân nó không thể bước đi được. Chân trước. Nó lê cái chân ấy... như chó lê chân vậy.

- Thế là thế nào? Vậy thì họ cũng phải tháo móng cho nó rồi chứ?

- Không, không tháo ạ; nhưng đúng là phải tháo móng. Có lẽ đinh cắm vào thịt nó.

Tôi bảo gọi người đánh xe. Thì ra Ermôlai không nói dối: con ngựa chính quả thực có một chân không bước đi được. Tôi lập tức ra lệnh tháo móng cho nó và để nó đứng trên đất sét ẩm.

- Sao ạ? Ông cho thuê ngựa đi Tula chứ ạ? - Ermôlai cứ mè nheo.

- Nhưng ở cái chốn hẻo lánh này mà tìm được ngựa ư? - Tôi kêu lên, vô tình để lộ vẻ bực bội.

Cái làng chúng tôi hiện dừng chân lại một làng vắng vẻ, heo hút. Cả làng dường như chỉ toàn trẻ con. Chúng tôi phải khó khăn lắm mới tìm được một căn nhà không lấy gì làm sáng sủa, nhưng khá rộng rãi.

- Có thể tìm được ạ - Ermôlai đáp, vẻ thân nhiên quen thuộc - Làng này thì đúng như ông nói đấy. Nhưng chính nơi đây lại có một nông dân tinh khôn! Giàu có! Lão có chín con ngựa. Lão về châu trời rồi, bây giờ người con cả trông nom tất cả. Gã này dần nhất hạng, nhưng chưa kịp phá hết gia sản của bố. Ta sẽ thuê ngựa của y. Nếu ông ra lệnh, con sẽ đưa y tới. Các em y nghe đâu là cũng lanh lợi...nhưng dù sao y vẫn là người cầm đầu bọn họ.

- Sao lại thế?

- Vì y là anh cả mà? Như vậy có nghĩa là các em phải phục tùng! - Đến đây Ermôlai bày tỏ ý kiến dứt khoát và lố mắng về việc các em phải tuân lời anh - Con sẽ dẫn y đến. Y là kẻ ngờ nghệch. Chả nhẽ lại không thoả thuận được với y sao?

Trong lúc Ermôlai đi tìm con người "ngờ nghệch", tôi nảy ra ý nghĩ: tôi thân hành đi Tula lại chẳng hơn ư? Qua kinh nghiệm, tôi không tin Ermôlai mấy. Có lần, tôi sai anh ta ra thành phố mua mấy thứ, anh ta hứa làm mọi việc tôi giao phó trong vòng một ngày, thế rồi anh ta mất tích suốt một tuần, uống rượu hết sạch cả tiền và đi bộ trở về vậy mà lúc đi, anh ta đi bằng xe ngựa. Hai nửa là ở Tula, tôi có quen một người buôn ngựa, tôi có thể mua của người đó một con ngựa để thay cho con ngựa bị thọt của tôi.

"Cứ thế thôi! - tôi quyết định - Ta sẽ đi; còn muốn ngủ thì đi đường ngủ cũng được, được cái xe của ta cũng êm".

- Tôi đưa về đây rồi! - mười lăm phút sau, Ermôlai vừa xộc vào nhà vừa reo lên. Theo sau anh ta là một gã *mujich* cao lớn, mặt sơ mi trắng, chân quần xà cạp xanh và đi giày bện bằng vỏ cây, tóc hoe nhạt, mắt kém, bộ râu màu hung thu gọn về phía dưới như hình cái nêm, mũi dài và mập, miệng há hốc. Đúng là nom gã này có vẻ "ngốc nghếch".

- Đây thưa ông - Ermôlai nói - người này có ngựa, và y đã bằng lòng.

- Tức là, tức thị là tôi... - Người *mujich* nói bằng giọng khàn khàn và ngắc ngứ, vừa nói vừa lắc mái tóc thưa và mân mê vành đai của cái mũ mềm cầm trong tay. - Tức thị là tôi...

- Tên anh là gì? - Tôi hỏi.

Gã *mujich* gằm mặt xuống và lại suy nghĩ.

- Tên là gì ạ?

- Ừ, tên anh là gì?

- Tên tôi là Filôfây ạ.

- Thế này nhé, anh Filôfây ạ; tôi nghe nói anh có ngựa. Hãy đem bộ ngựa ba con của anh đến đây, rồi thẳng vào xe tôi, xe của tôi nhẹ thôi, và anh chở tôi ra Tula. Đêm nay có trăng, trời sáng sủa và đi đêm mát mẻ. Đường sá ở đây thế nào?

- Đường ạ? Đường cũng khá. Từ đây đến đường cái lớn chỉ hai mươi dặm thôi. Có một chỗ hơi rầy; còn thì thường thôi ạ.

- Một chỗ hơi rầy là thế nào?

- Đây là chỗ phải cho xe lội qua sông.

- Vậy ra chính ông đi Tula à? - Ermôlai hỏi.

- Ừ, tôi đi.

- Ra thế! - Người đầy tớ trung thành của tôi thốt lên và lắc mạnh đầu - Ra thế đấy. - Anh ta nhắc lại, nhổ bọt và đi ra.

Rõ ràng chuyến đi Tula không còn gì hấp dẫn đối với anh ta; đối với anh ta, nó đã trở thành một việc trống rỗng và vô vị.

- Anh biết đường chứ? - Tôi hỏi Filôfây.

- Chúng tôi lại còn không biết đường nữa sao? Có điều tức thị là.. xin tùy ý ông... nhưng tôi không thể... bởi vì sao lại đột ngột như thế...

Té ra, khi thuê Filôfây, Ermôlai đã nói với gã để gã chắc chắn rằng người ta sẽ trả cho cái thằng ngốc như gã một món tiền...khó có thể hình dung nổi! Tuy theo lời Ermôlai thì Filôfây là thằng ngốc, nhưng gã không chỉ bằng lòng với lời hứa hẹn ấy. Gã đòi tôi năm chục rúp tiền giấy, một giá quá đắt. Tôi trả mười rúp, một giá thấp. Chúng tôi bắt đầu mặc cả, Filôfây thoạt tiên không chịu, rồi dần dần nhượng bộ, nhưng cũng gắng lắm. Ermôlai tạt vào một lát, bắt đầu cam đoan với tôi rằng "gã ngốc này" (chà, anh ta thích dùng cái tiếng đó? - Ermôlai nói khe khẽ), gã ngốc này hoàn toàn không biết tính tiền; và luôn tiện, anh ta nhắc tôi rằng hai mươi năm trước, cái nhà trọ do mẹ tôi làm ở chỗ rất đông khách qua lại, ngay tại ngã tư hai con đường lớn, đã hoàn toàn suy sụp vì người gia nhân già được đưa đến đây để trông nom công việc quả là không biết tính tiền, mà đánh giá tiền theo số lượng. Chẳng hạn, lão đổi một đồng hai mươi nhăm cô pếch bằng bạc lấy sáu đồng năm cô pếch bằng đồng, vậy mà vẫn còn chửi vung lên.

- Ôi cha, Filôfây, người đúng là Filôfây! - cuối cùng, Ermôlai kêu lên và vừa đi ra vừa đóng sập cửa lại một cách cáu kỉnh.

Filôfây chẳng đáp lại Ermôlai câu nào, dường như thừa nhận rằng cái tên Filôfây quả thực là không hay ho lắm, và thậm chí có thể trách móc người ta vì cái tên ấy, tuy thực ra thì duyên do là tại viên cha đạo: khi làm lễ đặt tên, người ta chưa làm cho cha được ưng ý.

Cuối cùng, tôi và anh ta ngả giá hai mươi rúp.

Anh ta đi lấy ngựa và dắt tới năm con để chọn.

Ngựa cũng khá, tuy bồm và đuôi rối bù và bụng to, xệ như cái trống. Cùng đến với Filôfây còn có hai người em gã, chẳng giống gã chút nào. Thân hình nhỏ bé, mắt đen, mũi nhọn, họ khiến ta có cảm tưởng rằng họ là những người "lanh lợi", họ nói nhiều và nói nhanh - "liền thoắt", theo lời Ermôlai, nhưng phục tùng anh cả.

Họ đưa chiếc xe của tôi ra khỏi chỗ có mái che, và loay hoay với chiếc xe và mấy con ngựa suốt một tiếng rưỡi đồng hồ, khi thì cởi những dây kéo bằng thùng, khi thì buộc lại thật chặt. Cả hai người em đều muốn đóng con ngựa xám đốm đen làm ngựa kéo chính, vì "lô có thể xuống róc". Nhưng Filôfây quyết định: thắng con xồm! Thế là họ thắng con xồm làm ngựa kéo giữa. Họ chất cỏ khô vào xe, nhét cả vòng cổ kéo xe của con ngựa thọt xuống dưới ghế ngồi, phòng khi đến Tula, cần dùng để thắng vào con ngựa mới mua... Filôfây đã kịp chạy về nhà và quay trở lại, mặc chiếc áo thụng trắng của bố để lại, đội cái mũ đạo cao hình nón cụt và đi ủng bôi dầu. Anh ta trịnh trọng leo lên chỗ ngồi của người đánh xe. Tôi xem đồng hồ: mười một giờ

kém mười lăm, và tôi lên xe. Ermôlai thậm chí không chia tay tôi, anh ta bắt đầu đánh con chó Valetka của mình. Filôfây giật dây cương, cất giọng lạnh lạnh quát lên: "này; các chú nhỏ!", và mấy người em anh ta từ hai phía nhảy tới, quất roi vào dưới bụng con ngựa kéo bên, xe chuyển bánh, ra khỏi cổng, rẽ lên đường. Con ngựa xồm toan lồng trở lại sân nhà, nhưng Filôfây quất mấy roi làm cho nó hiểu ra nhé. Chúng tôi đã ra khỏi làng và xe lăn bánh trên con đường khá bằng phẳng, giữa những bụi hồ đào rậm rạp.

Đêm thanh vắng, tuyệt đẹp, rất thuận lợi cho chuyến đi của chúng tôi. Gió khi thì rì rào trong các bụi cây, lay động lá cành, khi thì lặng hẳn. Trên trời, rải rác đây đó, mấy chòm mây trắng bạc đứng im phăng phắc. Mảnh trăng treo trên vòm trời, sáng vàng vạc. Tôi nằm duỗi dài trên cổ khô và đã thiêm thiếp đi... nhưng đột nhiên tôi nhớ đến "đoạn đường hơi rầy rà" và choàng tỉnh.

- Thế nào, Filôfây? Đến chỗ qua sông còn xa không ?

- Đến chỗ qua sông ạ? Tám dặm nữa.

"Tám dặm - tôi nghĩ ít là một giờ nữa mới đến nơi. Có thể ngủ một lát".

- Filôfây này, anh biết đường chứ? - tôi lại hỏi.

- Đường ấy à? Sao lại không biết ạ? Không phải lần này chúng tôi mới đi như thế này...

Anh ta còn nói thêm mấy câu, nhưng tôi không nghe rõ nữa rồi...Tôi ngủ.

Tôi thức giấc không phải vì chủ tâm định ngủ một giờ rồi tỉnh dậy, như thường xảy ra, mà vì có tiếng lóc bóc kỳ lạ ngay dưới tai tôi, không rõ là tiếng gì. Tôi ngóc đầu lên...

Cái gì kỳ lạ thế? Tôi vẫn nằm trong xe như trước, nhưng xung quanh xe, chỉ cách thành xe chừng nửa arsin, mặt nước sáng như gương, chói ngời ánh trăng, vỡ hành từng mảng và rung rinh dưới những làn gợn lăn tăn nhưng rõ nét. Tôi nhìn về phía trước: trên ghế xà ích, Filôfây ngồi cúi đầu, khom lưng, nom như pho tượng. Xa chút nữa, trên mặt nước róc rách, nổi lên cái đường vòng cung thẳng ngựa và mấy cái đầu ngựa, lưng ngựa. Và tất cả đều không nhúc nhích, không tiếng động, như trong xứ sở thần kỳ, như trong chiêm bao, trong giấc chiêm bao của chuyện cổ tích... Cái gì khó hiểu thế? Tôi nhìn về phía sau, qua mé dưới cái thanh ngang ở xe ngựa. . . Chúng tôi đang ở giữa sông... bờ cách chúng tôi ba chục bước!

- Filôfây! - tôi gọi.

- Gì đấy? - Anh ta đáp.

- Còn gì nữa? Chúng ta ở đâu đây? Nói đi!

- Ở giữa sông.

- Cái đó thì tôi thấy rồi. Nhưng cứ kiểu này thì chúng ta sắp chết chìm đến nơi rồi. Anh vẫn cho xe qua sông bằng cách này à? Thế nào? Anh ngủ đấy phỏng, Filôfây! Trả lời đi!

- Tôi nhầm một chút ạ - người đánh xe của tôi thốt lên - của đáng tội, tôi đi chệch đường, còn bây giờ thì phải chờ thôi.

- Phải chờ là thế nào? Chờ cái gì kia chứ?

- Thế này này: để cho con ngựa xồm nhìn quanh một lúc, nó quay về hướng nào thì phải cho

xe đi về hướng ấy.

Tôi nhổm dậy trên đám cỏ khô. Đầu con ngựa giữa vẫn không động đậy. Dưới ánh trăng sáng tỏ, chỉ thấy một tai nó hơi động đậy, khi thì ngả về phía sau, khi thì đưa về phía trước.

- Nó cũng đang ngủ đấy thôi, con ngựa xồm của anh ấy!

- Không phải đâu - Filôfây đáp - Bây giờ nó đang ngủ nước.

Tất cả lại im ắng, chỉ có nước vẫn khẽ róc rách như trước. Tôi sững sờ cả người.

Đêm trăng, dòng sông, và chúng tôi ở giữa sông.

- Có tiếng rít gì thế nhỉ? - tôi hỏi Filôfây.

- Tiếng rít ấy à? Lũ vịt con trong đám cói, - hoặc là rắn.

Bỗng nhiên, đầu con ngựa giữa lúc lắc, hai tai nó động lên, nó thở phì phì, bắt đầu ngo ngoay.

- Nô nô nô ô? - Filôfây đột nhiên gào toáng lên, hơi nhổm dậy và vung roi. Chiếc xe lập tức rời chỗ, băng về phía trước, cắt ngang một con sông, và bắt đầu lăn bánh, nẩy chồm chồm và lắc lư... Thoạt tiên tôi tưởng chừng như chúng tôi đang chìm, đang đi xuống chỗ sâu, nhưng sau hai ba lần xóc và ngụp lội, mặt nước bất ngờ hạ thấp xuống...rồi mỗi lúc một thấp hơn, xe nhô dần ra khỏi mặt nước, bánh xe và đuôi ngựa đã hiện ra, và kia, dưới ánh trăng bàng bạc, những luồng nước lớn bắn vọt lên, toé về mọi phía như những chùm ánh sáng kim cương, - không, không phải ánh sáng kim cương - mà là ánh sáng ngọc xanh, mấy con ngựa vui vẻ hiệp lực đưa chúng tôi lên bờ cát và đi lên con đường dốc, những chiếc chân ướt, bóng láng thi nhau bước thật nhanh.

"Bây giờ Filôfây sẽ nói gì đây? - tôi thoáng nghĩ - chắc anh ta sẽ nói: tôi nói đúng mà! Hay một câu gì đại loại như thế chẳng?" Nhưng anh ta chẳng nói gì. Bởi vậy, tôi thấy không cần phải trách anh ta thiếu thận trọng, và tôi ngả mình xuống cỏ khô, thử chợp đi một lát.

Nhưng tôi không ngủ được, chẳng phải vì tôi không mệt sau chuyến đi săn, chẳng phải vì mối lo sợ vừa qua đã xua tan cơn buồn ngủ của tôi, mà vì chúng tôi đi qua những chốn rất đẹp. Đây là những đồng cỏ bao la, quang đãng, trũng thấp, với vô số hồ nhỏ, suối con, vũng nước có những cây liễu rủ lá ven bờ. Đây đúng là phong cảnh Nga, nơi người Nga ưa thích, giống như những vùng mà các tráng sĩ trong những bài anh hùng ca cổ xưa của chúng ta vẫn đến để bắn thiên nga trắng và vịt xám. Con đường lớn mòn nhẵn lượn ngoằn ngoèo như một dải lụa màu vàng nhạt, ngựa chạy nhẹ nhàng, và tôi không thể nhắm mắt ngủ, tôi mê thích ngắm cảnh đẹp! Mọi vật lướt trôi êm ả và nhịp nhàng dưới ánh trăng. Cả Filôfây cũng xúc động.

- Vùng này chúng tôi gọi là đồng cỏ Xviatôêgô- riepcki - anh ta nói với tôi - tiếp sau đó là đồng cỏ Vêlikô-kniajexki. khắp nước Nga không có đồng cỏ nào như thế... Đẹp tuyệt trần! - Con ngựa giữa phì một tiếng và lắc mình - ơ, cái con này! - Filôfây khẽ thốt lên, vẻ trang nghiêm. - Đẹp tuyệt trần! - anh ta nhắc lại và thở dài, rồi buột ra một tiếng kêu ề ề. - Vụ cắt cỏ sắp hết rồi, và người ta sẽ cắt chính thứ cỏ này, thật là tai hại! Còn trong các vũng nhỏ cũng nhiều cá. Cá vền ở đây thực không chê vào đâu được! - anh ta nói thêm, giọng ngân nga như hát. - Tóm lại là: không có điều gì khiến ta chán sống.

Anh ta bỗng giơ một tay lên.

- Úi chà? Xem kìa! phía trên mặt hồ... có phải một con diệc đang đậu không nhỉ? Ôi! cái cảnh cây, không phải con diệc. Tôi nhầm lẫn! Ánh trăng đánh lừa mắt tôi.

Chúng tôi cứ đi như thế khá lâu. Nhưng kìa, đồng cỏ sắp hết, đã thấy hiện ra những khoảnh rừng, những cánh đồng đã cày. Một ngôi làng nhỏ ở phía bên nhấp nháy hai ba đốm lửa: chỉ còn năm dặm nữa là đến đường lớn. Tôi ngủ thiếp đi.

Một lần nữa, tôi thức giấc, lại không phải là tự tôi tỉnh dậy. Lần này, tiếng nói của Filôfây đánh thức tôi.

- Ông ạ... thưa ông?

Tôi nhồm dậy. Xe đỗ ở một chỗ bằng phẳng, chính giữa con đường lớn. Filôfây ngồi trên ghế xà ích, quay mặt về phía tôi, mở to mắt (thậm chí tôi ngạc nhiên, tôi không tưởng tượng được là mắt anh ta to đến thế). Anh ta thì thảo với vẻ quan trọng và bí mật:

- Lọc cọc!... Lọc cọc!...

- Anh nói gì thế?

- Tôi nói là: có tiếng lọc cọc! Ông hãy khom mình xuống và nghe xem. Ông có nghe thấy không ạ?

Tôi thò đầu ra khỏi xe, nín thở, và quả thực có nghe thấy ở nơi nào xa lắm phía sau xe chúng tôi có tiếng lọc cọc yếu ớt, dội lên từng lúc, dường như tiếng bánh xe lăn.

- Ông nghe thấy không ạ?

- Có - tôi đáp - có chiếc xe nào đang đi.

- Nhưng ông chưa nghe rõ đâu... ông nghe kỹ nữa đi! Đây... tiếng nhạc ngựa... và tiếng huýt sáo nữa... ông nghe thấy không? ông bỏ mũ ra... thì sẽ nghe rõ hơn.

Tôi không bỏ mũ, nhưng lắng tai nghe.

- Ừ, đúng... có lẽ. Nhưng vậy thì sao kia chứ?

Filôfây quay mặt về phía những con ngựa.

- Một chiếc xe tải đang đi... xe không chở đồ, bánh bọc sắt, - anh ta nói và nâng dây cương lên. - Thưa ông, đây là xe bọn cướp; ở vùng gần Tula này chúng hoành hành... ghê gớm lắm.

- Nhảm nhí! Tại sao anh cho rằng đấy nhất định là bọn cướp?

- Tôi nói không sai đâu. Có nhạc ngựa... và xe tải không chở đồ... còn là ai được nữa?

- Vậy thì làm thế nào, từ đây đến Tula còn xa không?

- Còn mười dặm nữa, và ở đây chẳng có nhà cửa gì cả.

- Thế thì đi nhanh lên, còn lần chần gì nữa.

Filôfây vung roi, và xe lại lăn bánh.

Tôi không tin Filôfây, nhưng không ngủ được nữa. Nếu thật như vậy thì sao? Tôi cảm thấy bứt rứt trong lòng. Tôi ngồi lên trong xe, - cho đến lúc này tôi vẫn nằm, - và bắt đầu nhìn xung

quanh.

Trong lúc tôi ngủ, sương mù đã giăng ra một lớp mỏng, không phải trên mặt đất, mà trên trời. Tấm màn sương mù giăng cao, trắng lơ lửng trong sương như một vệt trắng, như bị khối bao phủ. Mọi vật đều mờ đi và nhòa lẫn vào nhau, tuy ở phía dưới thì trông rõ hơn. Xung quanh bằng phẳng, u sầu; cánh đồng, toàn cánh đồng, rải rác đây đó mấy bụi cây nhỏ, mấy cái khe, đồng ruộng phần lớn là ruộng hoá, cỏ dại mọc thừa thớt. Quanh quẽ...

không sinh khí! Giá như có con chim cun cút cất tiếng kêu ở đâu đó! Chúng tôi đi chùng chùng nửa giờ. Filôfây chốc chốc lại vung roi và bập môi, nhưng anh ta cũng như tôi không ai thốt lên một lời nào. Xe chúng tôi lên một khoảng đất cao... Filôfây dừng ngựa lại và lập tức thốt lên:

- Lọc cọc... có tiếng lọc cọc, thưa ông!

Tôi lại thò đầu ra khỏi xe. Nhưng lẽ ra tôi có thể cứ ở dưới mái che: bây giờ, tiếng bánh xe lọc cọc, tiếng người huyết sáo, tiếng nhạc ngựa, và thậm chí cả tiếng vó ngựa vang đến tai tôi hết sức rõ, tôi tưởng như nghe thấy cả tiếng hát cười. Thực ra, gió thổi từ phía ấy lại, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, những người không quen biết trên chiếc xe lạ cách chúng tôi đến một dặm, mà cũng có thể là hai dặm, đang đến gần chúng tôi. Tôi với Filôfây nhìn nhau. Anh ta chỉ đẩy dịch mũ từ phía sau gáy ra trước trán và lập tức khom mình xuống gần dây cương, bắt đầu quất ngựa.

Mấy con ngựa phi nước đại, nhưng không thể phi nước đại lâu được và lại chạy nước kiệu. Filôfây tiếp tục quất ngựa. Cần phải tránh đi!

Tôi không thể hiểu rõ được rằng tại sao lúc đầu tôi không tán thành những mối nghi ngờ của Filôfây, vậy mà lần này bỗng nhiên tôi tin chắc rằng xe bám sau chúng tôi đúng là xe của bọn gian... Tôi không nghe thấy gì mới: vẫn tiếng nhạc ngựa ấy, vẫn tiếng lọc cọc ấy của chiếc xe không chở đồ, vẫn tiếng huyết sáo ấy, vẫn tiếng huyền oán mớ hồ ấy... Nhưng bây giờ, tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Filôfây không thể lầm được!

Lại hai mươi phút nữa trôi qua... Trong hai mươi phút cuối cùng này, qua tiếng lọc cọc và âm ầm của xe mình, chúng tôi đã nghe thấy cả tiếng lọc cọc và âm ầm khác...

- Dừng lại, Filôfây. - Tôi nói - Đẳng nào cũng đi đứt rồi!

Filôfây thốt lên một tiếng kêu sợ sệt. Ngựa lập tức dừng lại, như mừng rỡ vì có dịp nghỉ ngơi.

Cha mẹ ôi! Tiếng lục lạc đúng là gào lên ngay sau lưng chúng tôi, xe nảy ầm ầm, tiếng người huyết sáo reo hò và hát, ngựa thở phì phì và nện móng xuống đất...

Chúng đã đuổi kịp rồi!

- Chết ch-a-a! - Filôfây khẽ thốt lên một cách ngập ngừng, tắc lưỡi với vẻ lưỡng lự và bắt đầu giục ngựa. Nhưng đúng lúc đó, dường như bỗng có cái gì đó sầm một tiếng, và chiếc xe tải cực to, khạng nặng, thẳng ba con ngựa gày nhom đột ngột vượt qua xe chúng tôi như cơn lốc, phóng lên phía trước và lập tức chuyển sang nước đi bước một, chắn ngang đường.

- Đúng là cung cách của bọn cướp - Filôfây thì thầm.

Thú thật là tim tôi lạnh đi... Tôi bắt đầu căng mắt nhìn trong ánh trăng mờ hơi sương. Trong chiếc xe đi trước chúng tôi, có sáu người nằm không ra nằm, ngồi không ra ngồi, mặc áo sơ mi và áo *armiak* phanh ngực; có hai tên đầu không đội mũ, những cẳng chân to tướng đi ủng thông qua thành xe, đung đưa những cánh tay giơ lên, rơi xuống không có chủ định gì cả...

Những thân hình lắc lư...

Rõ ràng rành: đây là bọn say rượu. Có những tên gào lên, không ra đầu vào đầu cả; một tên huýt sáo tiếng rất cao và trong, tên khác chửi tục. Trên ghế ngồi đánh xe có một tên cao lớn khổng lồ mặc chiếc áo khoác ngắn bằng da lông thú, chính y điều khiển ngựa. Chúng cho ngựa đi bước một, dường như không thèm để ý gì đến chúng tôi.

Làm gì bây giờ? Chúng tôi cũng cho ngựa đi bước một theo sau chúng...cực chẳng đã.

Chúng tôi đi như thế chừng một phần tư dặm.

Sự chờ đợi khổ ải... Chạy trốn, tự vệ... chuyện hảo huyền! Chúng sáu người, còn tôi thì chẳng có lấy một cái gậy trong tay! Quay xe trở lại phía sau chẳng? Nhưng chúng sẽ đuổi kịp tức khắc. Tôi nhớ đến câu thơ của Jukôpxki (câu thơ ông nói về việc giết nguyên soái Kamenxki):

Cái rìu hèn mạt của tên cướp...

Nếu không thì thắt nghệt cổ bằng sợi thừng...

và quăng xuống rãnh...

ngươi cứ việc thở khò khè và giẫy giụa như con thỏ sa bẫy...

Ôi chao, thật là tệ hại!

Còn chúng vẫn cho xe đi thông thả như trước và không để ý đến chúng tôi.

- Filôfây - tôi thì thầm - anh hãy thử cho xe đi chệch về mé bên phải, làm như định vượt lên xem sao.

Filôfây thử cho xe đi về mé bên phải... nhưng bọn kia lập tức cho xe đi sang bên phải... không thể vượt qua được.

Filôfây thử lần nữa: cho xe sang trái... Nhưng lần này chúng cũng không để cho anh ta vượt lên.

Thậm chí chúng còn bật cười. Vậy là chúng không để chúng tôi đi thoát.

- Đúng là bọn cướp. - Filôfây ngoảnh lại, thì thào với tôi.

Nhưng chúng còn chờ đợi gì mới được chứ? - Toi cũng thì thầm hỏi.

- Ở đằng sau, phía trước mặt, trong cái lũng nhỏ, có chiếc cầu con bắc qua suối... Chúng chờ ta ở đấy! Bao giờ chúng cũng làm thế... ở gần cầu. Anh ta nói thêm kèm theo tiếng thở dài - chắc chúng chẳng để cho ta sống đâu; vì đối với chúng, cần nhất là xoá sạch dấu vết. Thưa ông, tôi chỉ tiếc một điều: mất ba con ngựa của tôi thì các em tôi sẽ không có ngựa.

Lúc ấy, lẽ ra tôi phải ngạc nhiên về việc tại sao trong giờ phút như vậy mà Filôfây còn có thể lo đến mấy con ngựa của mình, nhưng thú thực là chính tôi cũng không bụng dạ nào nghĩ tới anh ta... "Chẳng lẽ chúng sẽ giết sao? - tôi nghĩ thầm - Vì có gì? Ta sẽ nộp cho chúng tất cả những gì ta có kia mà?" Cây cầu vẫn mỗi lúc một gần, mỗi lúc càng nhìn thấy rõ hơn.

Bỗng nhiên, một tiếng hò ngựa giật giọng vang lên, chiếc xe ba ngựa đi trước chúng tôi như lồng lên, phóng như bay, và tới cầu, nó dừng phắt lại như bị chôn xuống đất ở mé bên đường.

Tim tôi rơi đầu mất.

- Ôi, chú em Filôfây ơi - Tôi nói - Tôi và chú đang đi đến chỗ chết. Thứ lỗi cho tôi, nếu vì tôi mà chú phải mất mạng.

- Thưa ông, ông có lỗi gì? Không ai tránh khỏi số mệnh của mình! Nào, chú xồm, chú ngựa thân yêu trung thành của ta - Filôfây nói với con ngựa giữa - tiến lên, chú em. Hãy giúp ta lần chót! Đẳng nào cũng thể thôi... Cầu Chúa ban phúc lành!

Anh ta cho ngựa đi nước kiệu.

Chúng tôi đến gần cầu, đến gần chiếc xe bất động đáng sợ ấy... Như cổ tình trên người, cả xe đều im bật. Không một tiếng động! Con cá măng, con diều hâu, bất cứ con thú ăn thịt nào thường cũng im tiếng như thế khi con mồi đến gần. Chúng tôi đã lên ngang chiếc xe kia... bỗng nhiên, gã khổng lồ mặc áo khoác ngắn lông thú nhảy xuống, và đi thẳng đến xe chúng tôi!

Gã không nói gì với Filôfây, nhưng Filôfây tự ý ghìim dây cương...Xe chúng tôi dừng lại .

Người khổng lồ đặt hai tay lên cửa xe, cúi cái đầu bù xù về phía trước toác miệng cười, nói khẽ, giọng đều đều, lối nói có vẻ đầu thợ thuyền:

- Thưa quý ngài, chúng tôi vừa dự bữa tiệc cưới lương thiện về; có nghĩa là chúng tôi đã cưới vợ cho một anh bạn trẻ cừ khôi của chúng tôi. Chúng tôi đã đưa anh ta đi nằm. Anh em chúng tôi đây đều còn trẻ, toàn những tay can trường cả. Chúng tôi đã uống nhiều rượu, cần phải làm vài hóp nữa cho già hơi men, nhưng chẳng có xu nào dính túi. Ông có sẵn lòng đãi anh em chúng tôi ít tiền không ạ? Chút xíu thôi, sao cho mỗi anh em được nửa chai thôi mà. Chúng tôi sẽ uống mừng sức khỏe ông, chúng tôi sẽ nhớ đến ông. Nhưng nếu ông không sẵn lòng gia ơn cho chúng tôi thì xin ông đừng giận? "Thế là thế nào? - tôi nghĩ...- Giều cợt sao?...Nhạo báng ư?".

Gã khổng lồ vẫn đứng cúi đầu. Đúng lúc ấy, trăng ló ra khỏi sương mù và soi rõ mặt y. Khuôn mặt ấy mỉm cười tinh quái bằng mắt và bằng môi. Nhưng không lộ vẻ hăm dọa... Có điều là toàn bộ khuôn mặt ấy dường như rất chú ý dò xét động tĩnh... răng trắng bóng và to...

- Tôi rất vui lòng...ông cầm lấy cho...- tôi vội nói và móc ví trong túi, lấy ra hai rúp bạc; hồi ấy tiền bạc vẫn còn lưu hành ở Nga - ông cầm lấy này, nếu như ngần ấy đủ dùng.

- Xin đa tạ! - Gã khổng lồ gào lên theo kiểu con nhà lính, và những ngón tay to mập của gã giật phăng lấy số tiền trong tay tôi - Xin đa tạ! - Gã lắc mạnh mái tóc, rồi chạy về xe.

- Anh em ơi! - gã gào lên - ông khách qua đường đãi anh em ta hai rúp.

Cả bọn bỗng cười rộ lên...Gã khổng lồ nhảy đại lên ghế đánh xe...

- Ở lại may mắn nhé?

Và chúng tôi không kịp nhìn rõ chúng nữa!

Ngựa của chúng nhất loạt cất vó, xe âm âm chạy lên dốc, thoáng hiện lần nữa trên cái vạch tối thẫm ngăn cách đất và trời, rồi nhào qua cái vạch ấy và biến mất.

Không còn nghe thấy tiếng lộc cộc, tiếng la hét và tiếng nhạc ngựa nữa. . Xung quanh lặng phắc như tờ.

Tôi và Filôfây không hoàn hồn ngay được.

- A, thằng cha hay bông lơn! - Cuối cùng anh ta thốt lên và bỏ mũ, bắt đầu làm dấu chữ thập - Đúng là tay này thích trêu đùa! - Anh ta nói thêm và quay về phía tôi, rất vui sướng - chắc hẳn y là người tốt, đúng thế. Nào nào nào, các chú nghèo, mau chân lên! Chúng mày sẽ được bình yên! Tất cả chúng ta sẽ được bình yên. Ban nãy chính gã cố ý không cho xe ta đi, gã điều khiển ngựa mà. Thằng cha đến là tình nghịch. Nô nô nô nô ô? Vạn sự may mắn!

Tôi lặng thinh, nhưng trong lòng cũng mừng rỡ. "Chúng ta được bình yên - tôi tự nhủ và nằm dài trên đám cỏ khô, thoát nạn mà chỉ phải trả một giá rẻ!".

Thậm chí tôi hơi xấu hổ vì đã nhớ đến câu thơ của Jukôpxki.

Một ý nghĩ bỗng nảy ra trong óc tôi.

- Filôfây?

- Sao ạ?

- Anh có vợ chưa?

- Có rồi ạ.

- Có con chứ?

- Có - Vậy sao anh không nhớ đến vợ con? Anh tiếc mấy con ngựa, thế còn vợ con thì sao?

- Việc gì phải thương họ? Có lẽ họ sẽ không sa vào tay bọn ăn cắp đâu mà lo. Nhưng tôi vẫn luôn luôn nhớ đến vợ con, ngay bây giờ cũng thế...vậy đấy - Filôfây im lặng một lát - Có lẽ... chính vì họ mà Chúa đã ban ơn cho chúng ta.

- Nhưng nếu bọn kia không phải là cướp thì sao?

- Làm sao mà biết được? Ta có len vào tâm hồn kẻ khác được đâu? Ai biết đâu được lòng dạ con người. Còn ở với Chúa thì bao giờ cũng tốt hơn. Không...bao giờ tôi cũng nghĩ đến gia đình tôi...Nô nô nô, các chú nghèo, vạn sự may mắn?

Chúng tôi đến gần Tula thì trời sắp rạng đông.

Tôi nằm thiu thiu ngủ.

- Thưa ông - Filôfây bỗng nói với tôi - ông xem kia; chúng dừng lại ở quán rượu... xe của chúng kia kia.

Tôi ngẩng đầu lên... đúng, bọn chúng: xe vẫn là xe ấy, ngựa cũng thế. Gã khổng lồ quen biết mặc áo khoác ngắn lông thú chột xuất hiện trên ngưỡng cửa quán rượu.

- "Chào ông" - Gã vừa kêu lên vừa vẫy mũ - chúng tôi đang uống rượu bằng tiền của ông đấy! - Thế nào, anh đánh xe - gã hất đầu về phía Filôfây, nói thêm - có lẽ anh này sợ phải không?

- Con người vui tính quá đi thôi - Sau khi đã cho xe lùi xa quán rượu chừng hai chục *xagien*, Filôfây nói.

Cuối cùng, chúng tôi đến Tula. Tôi mua chì và tiện thể mua luôn cả chè và rượu, thậm chí

mua cả ngựa của người lái ngựa quen biết. Chúng tôi lên đường trở về lúc giữa trưa. Filôfây đã làm chút rượu ở Tula nên đâm ra rất lăm lờ, thậm chí còn kể chuyện cổ tích cho tôi nghe. Khi đi qua chỗ anh lần đầu tiên chúng tôi nghe thấy bánh xe lộc cộc, Filôfây bỗng bật cười.

- Thưa ông, ông có nhớ tôi cứ luôn mồm nói với ông: có tiếng lộc cộc...lộc cộc...lộc cộc !

Anh ta vung mạnh tay mấy lần... Anh ta cảm thấy tiếng đó rất buồn cười.

Ngay chiều hôm ấy, chúng tôi về đến làng của Filôfây. Tôi kể với Ermôlai câu chuyện đã xảy ra với chúng tôi. Lúc này không say rượu, anh ta không hề biểu lộ một chút thông cảm nào và chỉ ư hữ, không biết là tán thành hay chê trách, và tôi cho rằng bản thân anh ta cũng không hiểu rõ điều đó. Nhưng hai ngày sau, anh ta khoái trá báo cho tôi biết rằng chính cái đêm chúng tôi đi Tula, cũng trên con đường cái lớn ấy, một thương nhân đã bị bọn cướp giết chết và lấy hết của. Thoạt tiên tôi không tin câu chuyện ấy. Nhưng sau tôi phải tin: bằng chứng là tôi đã thấy một viên cảnh sát phóng ngựa đi điều tra. Phải chăng những gã trai ngang tàng của chúng tôi đã đi dự "đám cưới" ấy về, phải chăng thương nhân ấy chính là "anh bạn trẻ" mà họ đã đưa đi nằm, nói theo lời gã cao lớn hay bông lơn nọ?

Tôi ở làng của Filôfây năm ngày nữa. Hễ gặp anh ta là tôi bảo: "Thế nào? Có tiếng lộc cộc hả?".

- Một con người vui tính - Lần nào anh ta cũng trả lời tôi như thế và bật cười.

RỪNG VÀ THẢO NGUYÊN

Mới đây chàng bỗng say mê
Khu vườn rậm rạp, làng quê thanh bình,
Bồ đề bóng toả rợp xanh,
Linh lan gió thoảng hương trinh dịu dàng,
Bên sông thùy liễu giăng hàng,
Một mình dưới lũng mơ màng sồi tươi,
Mùi tầm ma lẫn mùi gai,
Bốn bên cây cỏ, đó đây ruộng đồng,
Đất bằng trải mịn màu nhung,
Đại dương lúa mạch mênh mông dưới trời
Sóng đưa vô hạn vô hồi,
Từ trên những đám mây trời lung linh.
Một tia nắng mộng sắc vàng...

(Trích ở một bài thơ đã đốt)

Bạn đọc có lẽ đã chán những mẫu ghi chép của tôi; tôi hứa ngay để bạn đọc yên tâm rằng tôi sẽ không viết thêm gì nữa ngoài những mẫu đã được in. Nhưng, để chia tay với bạn đọc, tôi không thể không nói vài lời về việc đi săn.

Đi săn bằng súng và bằng chó là một việc tự bản thân nó đã rất thú, fiirsich, như thời xưa người ta vẫn nói; giả sử trời sinh ra bạn không phải để trở thành người đi săn, nhưng dù sao bạn vẫn yêu thiên nhiên và tự do, vì vậy bạn không thể không ghen với cánh đi săn chúng tôi.

Hãy nghe tôi kể nhé.

Chẳng hạn, bạn có biết rằng về mùa xuân, được ra đi từ trước rạng đông, bằng xe hoặc bằng ngựa - là điều thú vị như thế nào không? Bạn ra bậc tam cấp . Trên bầu trời xám u tối, rải rác mấy ngôi sao nhấp nháy; hơi gió ẩm ướt thỉnh thoảng lại lùa tới như một làn sóng uyển chuyển. Ta nghe thấy tiếng thì thầm dè dặt, mơ hồ của ban đêm. Cây cối chìm ngập trong bóng

tối, khê rì rào. Kia, người ta đang trải thảm lên xe, đặt cái hòm đựng ấm xamôva ở chỗ dưới chân. Hai con ngựa phụ co ro, thở phì phì, cào chân một cách duyên dáng. Đôi ngỗng trắng vừa thức giấc, im lặng và thông thả đi ngang qua đường. Sau rặng rào, trong vòng, người gác đang ngáy một cách ngon lành. Mỗi âm thanh dường như lơ lửng trong không khí ngưng đọng, lơ lửng một chỗ và không bay đi. Bạn đã lên xe, ngựa nhất loạt cất vó, xe ầm ầm chuyển bánh... Bạn đi ngang qua nhà thờ, xe xuống dốc, rẽ về bên phải, vượt ngang qua đê... Cái ao vừa bắt đầu bốc hơi ma mờ như khói. Bạn hơi lạnh, bạn kéo cổ áo khoác lên che mặt; bạn thiu thiu ngủ. Ngựa đạp chân bì bõm trên các vũng nước; người đánh xe huýt sáo. Nhưng bạn đã đi được bốn dặm... Chân trời thẫm dần lên; trong các khu rừng bạch dương, những con quạ thức giấc, bay đi bay lại một cách vụng về; chim sẻ ríu rít quanh những đồng lúa tối thẫm. Không khí sáng dần, đường đi hiện lên rõ hơn, bầu trời rạng sáng, mây trắng ra, cánh đồng xanh lại. Trong các nhà nông dân, những cây đóm nhựa hắt ra ánh sáng đỏ quạch, ngoài cổng có những tiếng nói ngái ngủ. Trong lúc đó, bình minh rực hồng; những dải vàng đã giăng dài trên bầu trời, hơi bốc nghi ngút trong khe; chim sơn ca hót véo von, gió hây hây trước buổi bình minh, mặt trời đỏ thẫm từ từ nhô lên. Ánh sáng tuôn chảy như suối; trái tim ta rộn lên trong lồng ngực như con chim nhảy nhót trên cành. Mát mẻ, tươi vui, sung sướng! Xung quanh, mắt nhìn được khá xa - Kia là một làng ở sau rừng cây nho nhỏ; xa hơn nữa là một làng khác với ngôi nhà thờ trắng, kia là khoảnh rừng bạch dương trên đồi, tiếp đó là cái đầm mà bạn đang đi tới... Mau lên, mấy chú ngựa, mau chân lên! Hãy phi nước kiệu lớn về phía trước! Chỉ còn chừng ba dặm nữa, không hơn. Mặt trời mau chóng lên cao: bầu trời trong trẻo... Thời tiết sẽ rất đẹp. Đàn gia súc từ trong làng kéo ra, nối đuôi nhau đi về phía bạn.

Bạn leo lên một chỗ cao... Cảnh tượng tuyệt diệu biết bao! Sông uốn khúc quanh co trong tầm mười dặm, xanh mờ mờ qua sương mù; tiếp đến là đồng cỏ xanh rì, sương đọng long lanh; sau đồng cỏ là đồi dốc thoải thoải. Xa xa, chim te te vừa kêu vừa bay vòng trên đầm lầy; qua ánh hào quang ẩm ướt tràn ngập trong không khí, cảnh vật phương xa hiện lên rõ nét... Không phải như mùa hè. Lồng ngực thở hít thoải mái biết bao, tay chân vận động khoan khoái biết dường nào, toàn bộ con người tắm trong hơi thở tươi mát của mùa xuân, cảm thấy sung sức vô cùng!...

Còn về mùa hè, một sáng tháng bảy? Ai là người đã từng biết cái thú đi lang thang qua các bụi cây vào lúc bình minh, nếu không phải là người đi săn? Vết chân bạn in một vết xanh lục trên cỏ trắng xoá sương đêm. Hương đêm ẩm áp đã tích tụ lại bỗng bao trùm lấy bạn. Không khí thắm đượm vị khổ ngải đắng đắng, tươi mát, vị ngọt ngào như mật ong của kiêu mạch và cỏ ba lá. Xa xa, khu rừng sồi sừng sững như bức tường thành, ngời sáng và hồng thắm lên dưới ánh mặt trời. Không khí vẫn còn mát, nhưng đã cảm thấy cái nóng sắp đến. Đầu óc choáng váng, mệt mỏi vì quá nhiều hương thơm. Bụi cây nổi tiếp vô cùng tận... Xa xa, rải rác đôi chỗ, lúa mạch đen đang chín điểm những vết vàng, kiêu mạch ngả màu đỏ, in những vết dài và hẹp. Chợt có tiếng xe ngựa ken két; một người nông dân thông thả đi tới, trước hết đưa ngựa vào nghỉ trong bóng rợp... Bạn chào hỏi người đó, rồi bạn đi và tiếng liềm hái soàn soạt sau lưng bạn. Mặt trời lên càng cao. Cỏ mau chóng khô ráo. Đã bắt đầu nóng. Một giờ trôi qua, giờ nữa... Các đường rì ven trời sẫm dần lại; không khí không lay động, hừng hực hơi nóng gay gắt.

- Ở đây có chỗ nào lấy nước uống được không người anh em? - Bạn hỏi một người cắt lúa.

- Ở đằng kia, trong khe có cái giếng mạch.

Vượt qua những bụi hồ đào rậm rạp chẳng chịt cỏ quẩn rối, bạn xuống đáy khe. Quả vậy: ngay dưới sườn dốc có một nguồn nước kín đáo; một cây sồi nhỏ xoè rộng những cành lá hình chân vịt, thềm thường như muốn ôm lấy nước. Từ dưới đáy giếng phủ rêu mịn mượt như nhung, những bọt nước trắng lớn chòng chành nổi lên. Bạn nằm vật xuống đất, bạn uống đã thoả thích, nhưng bạn cứ nằm ườn ra như thế, không buồn động dậy. Bạn đang ở chỗ rợp, bạn thở hít hơi ẩm thơm mát; bạn khoan khoái, còn trước mặt bạn, những bụi cây cháy khô và đường như héo vàng dưới nắng. Nhưng có chuyện gì xảy ra đấy? Gió đột nhiên ào tới và lồng

lên; không khí xung quanh rung chuyển: có sấm chằng? Bạn ra khỏi khe... cái dải xám xịt màu chì phía chân trời kia là cái gì vậy? Khí nóng tích tụ lại chằng? Mây đen kéo đến chằng? Nhưng một tia chớp yếu ớt loé lên... à phải, cơn dông? Mặt trời vẫn còn chiếu sáng rực rỡ khắp xung quanh: vẫn còn sẵn được. Nhưng đám mây đen lớn dần lên: rìa phía trước dài ra, nom như cái ống tay áo lòng không buông rủ xuống. Cổ cây bỗng nhiên đều sấm đen lại... Mau lên! Kìa, hình như đằng kia có căn nhà chứa cỏ... Mau lên!... Bạn đã chạy đến nơi, bạn vào...Bạn đã từng thấy trận mưa nào như thế chưa? Chớp loé cũng đáng sợ đấy chứ nhỉ? Đồi chỗ, nước giọt qua mái rạ, rỏ xuống cỏ thơm... Nhưng kìa, mặt trời đã lại tươi cười lộ ra. Cơn dông đã qua, bạn ra ngoài trời. Lạy Chúa tôi, mọi vật xung quanh đều ngời sáng nom mới vui vẻ làm sao, không khí thoáng mát dễ thở biết chừng nào, mùi dâu tây và mùi nấm bốc lên ngào ngạt!

Nhưng chiều đang xuống dần. Ánh hoàng hôn rực lên như đám cháy, bao kín nửa bầu trời. Mặt trời đang lặn. Không khí quanh bạn trong suốt như pha lê. Đằng xa, hơi đất mềm mại, lan ra, nom có vẻ ấm áp. Ráng chiều đỏ thắm cùng với sương đêm rớt xuống những bãi rừng trống mới đây còn tràn ngập một thứ vàng chảy. Những bóng đen chạy dài ra từ những cây to, những bụi cây và những đồng cỏ cao ngất... Mặt trời lặn hẳn. Một ngôi sao bừng sáng và rung rinh trong cái biển lửa hoàng hôn...

Cái biển lửa ấy nhợt dần đi; bầu trời nhuộm màu xanh lơ, có những bóng đen biến mất, không khí tràn đầy sương mù. Đã đến lúc trở về làng, về căn nhà mà bạn trú đêm. Bạn khoác súng lên vai, rảo bước, dù bạn mệt mỏi... Nhưng đêm đến rồi. Cách hai chục bước đã không nhìn thấy gì; mấy con chó chỉ còn là những bóng trắng trong đêm tối. Đằng kia, phía trên những bụi cây đen, rìa trời sáng mờ mờ... Cái gì thế? Đám cháy ư?... Không, đó là trăng đang lên. Còn ở dưới kia, mé bên phải, đã thấp thoáng ánh lửa trong làng... Túp nhà bạn nghỉ đêm đây rồi. Qua khung cửa sổ nhỏ, bạn thấy cái bàn trải khăn trắng, ngọn nến đang cháy, bữa ăn tối...

Có khi bạn bảo thẳng chiếc xe ngựa nhẹ và vào rừng săn gà thông. Đi len lỏi trên con đường hẹp, giữa hai bức tường lúa mạch cao, thật là vui vẻ biết bao. Bông lúa khê quệt vào mặt bạn, xa cúc quần vào chân, cun cút kêu xung quanh, ngựa phi nước kiệu uể oải. Rừng đây rồi. Bóng tối và yên tĩnh.

Những cây hoàn diệp liễu thon thả thỏ thẻ trên cao, ngay trên đầu bạn. Những cành bạch dương dài thông xuống, hơi đung đưa. Một cây sồi hùng tráng như một chiến binh, đứng cạnh nòng bồ đề tươi xinh. Bạn đi trên con đường xanh lục đầy những vệt bóng đen ngang dọc. Những con ruồi to màu vàng bay treo mình trong không trung ánh vàng và đột nhiên lao vút đi; những con ruồi *Nhuế* lượn vòng thành hình cột đứng, sáng lên khi gặp bóng tối và thắm đen lại khi ra ánh nắng. Chim chóc líu lo ca ngợi cuộc sống thanh bình. Tiếng hót véo von của chim bông lau biểu lộ niềm vui sung sướng thơ ngây và bộc tuệ: tiếng hót ấy hợp với mùi hương linh lan. Bạn đi nữa, đi sâu vào rừng. . .

Rừng trở nên hoang vắng... Tâm hồn ta chìm lắng xuống, trở nên yên tĩnh đến khó hiểu, và cảnh vật quanh ta cũng mơ màng, êm dịu. Nhưng một cơn gió lùa tới, và những ngọn cây ồn ào như tiếng sóng xô bờ. Qua đám lá rụng nâu sạm còn lưu lại từ năm ngoái, đôi chỗ cỏ đã mọc cao. nấm mọc riêng lẻ từng cây, đứng đơn độc dưới những chiếc mũ. Một chú thỏ trắng bỗng nhảy ra, con chó sủa vang, đám bồ theo...

Vẫn khu rừng ấy nom xinh đẹp biết bao và tiết cuối thu, khi dã gà bay về. Chúng không trú ở chỗ sâu kín rậm rạp: nên tìm chúng ở ven rừng thì hơn.

Trời không gió, không nắng, không ánh sáng, không bóng tối, không có chuyển động, cũng không có tiếng ồn ào. Không khí êm dịu tràn đầy hương vị mùa thu giống như mùi nhò. Xa xa, sương mù mỏng mảnh lơ lửng trên những cánh đồng màu vàng. Bầu trời im lìm, trắng dịu lộ ra qua những cành cây màu nâu tro trụi. Trên những cây bồ đề, đôi chỗ còn lủng lẳng mấy chiếc lá vàng cuối cùng.

Đất ẩm bập bùng dưới chân; những cọng cỏ cao, khô ráo không lay động; những sợi tơ dài lấp lánh trên cỏ đã bọt màu. Lồng ngực thở hít bình tĩnh, nhưng lòng ta xao xuyến lạ lùng. Bạn đi dọc rìa rừng, chăm chú nhìn con chó, trong lúc đó, những hình ảnh yêu mến, những khuôn mặt yêu mến - còn sống và đã chết - hiện về trong ký ức, những ấn tượng còn sống và đã chết - hiện về trong ký ức, những ấn tượng đã ngủ yên từ lâu bỗng thức tỉnh.

Trí tưởng tượng bay chập chờn và lao vút đi như con chim; tất cả mọi vật hiện lên rõ rệt, lướt qua và dừng lại trước mắt bạn. Trái tim khi thì bỗng run rẩy và đập rộn lên, say mê lao về tương lai mơ ước, khi thì chìm ngấm trong những hồi ức. Cả cuộc đời mở ra trước mắt một cách dễ dàng và mau lẹ như cuộn chỉ; con người làm chủ tất cả quá khứ, mọi tình cảm, mọi lực lượng, toàn bộ tâm hồn mình.

Không có gì xung quanh gây trở ngại cho ta: dù là mặt trời, gió, hay tiếng động...

Và một ngày thu sáng sủa, lành lạnh, buổi sáng có sương giá, khi cây bạch dương vàng tuyền từ ngọn đến gốc như trong truyện thần tiên in hình tuyệt đẹp trên nền trời xanh nhạt, khi vầng mặt trời thấp không toả nóng nhưng chói loá hơn mặt trời mùa hè, cả khu rừng hoàn diệp liễu ngời sáng lấp lánh từ trong đến ngoài, dường như vui vẻ và thoải mái vì đã trút hết lá, sương giá còn đọng trắng xoá ở đáy thung lũng, cơn gió mát khẽ lay động dồn đuổi những chiếc lá rụng đã quấn queo; - vào một ngày thu khi những con sóng xanh lơ vui sướng lướt nhanh trên sông, nhịp nhàng đưa những con ngỗng và vịt lơ đãng lên cao; còn xa xa, cái cối xay bột đang quay cọt kẹt bị che lấp gần hết sau những cây liễu, và những con bồ câu lượn tròn vun vút phía trên cối xay, lồng óng ánh nhiều màu trong không khí tràn đầy ánh sáng... Một ngày như thế có đẹp không?

Những ngày hè có sương mù cũng đẹp lắm, nhưng người đi săn không thích những ngày như thế. Vào những ngày ấy, ta không săn bắn được: con chim từ dưới chân ta bay vút lên, lập tức biến mất trong sương mù trắng bệch không lay động. Nhưng cảnh vật xung quanh yên tĩnh biết bao, yên tĩnh không thể tả được! Vạn vật đã thức giấc, nhưng tất cả đều im hơi lặng tiếng. Bạn đi qua bên cái cây, nó không động đậy: nó nghỉ rón thêm chút nữa. Qua hơi sương mỏng manh trải đều trong không trung, bạn thấy một dải dài đen đen ở phía trước. Bạn tưởng đấy là khu rừng ở gần. Bạn đi tới: rừng biến thành rặng ngải cao trên đường phân địa giới. Trên đầu bạn, xung quanh bạn, đâu đâu cũng là sương mù... Nhưng một cơn gió thoảng qua, một mảnh trời xanh nhạt hiện lên mờ mờ qua hơi sương loăng đi như khói toả, một tia sáng vàng óng ánh bỗng đột nhập vào, tuôn chảy thành vệt dài, rơi xuống cánh đồng, rồi bị cánh rừng nhỏ chặn lại, và mọi vật lại chìm trong sương mù. Cuộc đấu tranh diễn đi diễn lại khá lâu. Nhưng ngày trở nên sáng sủa và lòng lấy không lời nào tả xiết khi ánh sáng rút cuộc giành được phần thắng và những làn sóng cuối cùng của sương mù được sưởi ấm khi thì đổ xuống và trải rộng ra như tấm khăn bàn, khi thì cuộn khúc bốc lên và biến mất trên khoảng cao sâu thăm thẳm, ngời ngời ánh hào quang êm dịu...

Bạn đã sửa soạn đi săn ở một nơi xa trong thảo nguyên. Bạn đi chừng mười dặm qua các nẻo đường làng, và đây, đã đến con đường lớn. Vượt qua những chuỗi xe tải dài vô tận, qua những nhà trọ có chiếc ấm xamôva đang sôi réo dưới mái hiên, còn cổng thì mở toang cho thấy trong có sân, có cái giếng, qua hết làng này sang làng khác, vượt qua những cánh đồng bao la, men theo những ruộng đay xanh rờn, bạn đi, đi mãi; chim ác là bay chuyền từ cây liễu này sang cây liễu khác; những người đàn bà cầm bừa cỏ cán dài, uể oải đi trên cánh đồng, một người qua đường, mặc áo kafotan cũ kỹ bằng vải Nam Kinh, lưng đeo bị, lê bước mệt mỏi. Một chiếc xe ngựa cồng kềnh của địa chủ, thắng sáu con ngựa cao lớn và lử khử, thông thả đi về phía bạn. Ở một ô cửa sổ thò ra một góc chiếc gối, còn ở phía sau xe, một gã đầy tớ mặc áo khoác lính ngồi nghiêng người trên cái túi bằng cỏi chiếu, tay bám lấy sợi dây thừng, người gã bắn nhem nhuốc cho đến tận lông mày. Đây là huyện lỵ với những ngôi nhà nhỏ bằng gỗ xiêu vẹo, những dãy hàng rào bất tận, những ngôi nhà bằng đá không có người ở, thuộc quyền sở hữu của các

nhà buôn, một chiếc cầu lâu đời bắc qua cái khe sâu... Bạn tiếp tục đi nữa ?...Bắt đầu vào thảo nguyên. Từ trên cao nhìn xuống, phong cảnh đẹp biết bao!

Những quả đồi thấp, tròn trĩnh, đã cày và gieo hạt từ chân cho đến ngọn, nối đuôi nhau chạy dài về mọi phía, nhấp nhô như những con sóng lớn.

Những khe ngòi um tùm bụi cây lượn vòng vèo giữa các quả đồi. Những vạt rừng nhỏ rải rác đây đó như những hòn đảo hình bầu dục; những con đường hẹp nối từ làng này đến làng kia. Mấy ngôi nhà thờ trắng trắng, một dòng sông nhỏ lấp lánh giữa những hàng liễu, ở bốn khúc có đê ngăn giữ.

Xa xa trong cánh đồng, lũ chim bảo ngất ngểu đi thành hàng một. Một ngôi nhà cũ của địa chủ với những nhà phụ, khu vườn quả và sân đập... nằm kề bên một cái ao nhỏ. Nhưng bạn tiếp tục đi nữa.

Đồi mỗi lúc một thấp, hầu như không thấy cây cối gì nữa. Thảo nguyên đây rồi, thảo nguyên bao la, không bờ bến !...

Còn vào ngày mùa đông, bạn bước trên những đồng tuyết cao đi săn thỏ, bạn thở hít không khí lạnh buốt, bất giác nheo mắt vì ánh nhấp nháy chói loá của tuyết mềm, mê thích ngắm mảng trời màu lá mạ phía trên khu rừng đỏ nhạt !...Và những ngày đầu xuân, khi mọi vật xung quanh đều chói sáng và dần dần trút bỏ tấm áo trắng mùa đông; qua làn hơi nước nặng nề của tuyết đang tan, đã ngửi thấy mùi đất được sưởi ấm ở những chỗ tuyết đã tan hết dưới ánh nắng xiên xiên; chim sơn ca hót vang lừng, đầy vẻ tự tin, và những suối nước ồn ào, gầm thét vui vẻ, nhảy chồm chồm từ khe này sang khe khác ...

Nhưng đã đến lúc kết thúc câu chuyện. Tiện dịp, tôi vừa nói về mùa xuân: mùa xuân, người ta chia tay nhau một cách thanh thản, về mùa xuân cả những người sung sướng cũng thêm muốn được đi tới phương trời xa... Tạm biệt bạn đọc, chúc bạn mọi sự may mắn.

HẾT

[1] Luật Nga thời chế độ nông nô quy định ba ngày tạp dịch trong tuần. Thực tế người nông nô phải làm tạp dịch cho địa chủ tới 5 - 6 ngày một tuần.

[2] vecxta (dặm Nga) = khoảng 1,06km.

[3] Akin Nakhimốp (1783-1875) - một trong những nhà văn loại xoàng đầu thế kỷ XIX, tác giả những bài thơ trào phúng, thơ ngụ ngôn, đề từ.

[4] "Pinna" - truyện vừa của Markôp, một nhà văn bất tài (1830 - 1840). Trong một bài viết của mình, Biêlinxki đã chế nhạo tàn nhẫn tác phẩm ấy và gọi nó là "một mớ hổ lốn".

[5] Nghĩa là nhà thiên văn.

[6] Xuzdan là trung tâm sản xuất loại tranh dân gian rẻ tiền. Loại tranh này truyền bá những bài dân ca, truyện cổ tích v.. v.. Đôi

khí chính phủ Sa hoàng lợi dụng loại tranh này để tuyên truyền chính trị và tôn giáo.

- [7] 1 dêxiatin = 1,092 ha.
- [8] Khô tiếng Nga nghĩa là "Con chồn".
- [9] Dưới triều Nikôlai I, các quan chức không được phép để râu.
- [10] Áo dài đàn ông thuở xưa của người Nga.
- [11] Sợi gai mềm dùng để dệt vải đàn bà, sợi gai thô dùng để dệt vải đàn ông.
- [12] 1 phút = 16,38kg.
- [13] Một loại vải pha lụa hay len.
- [14] Nhà trồng cây ăn quả ở các vùng phương Bắc.
- [15] Cấp sĩ quan ở giữa cấp tá và tướng. Cấp này bị bãi bỏ dưới thời Nikôlai I.
- [16] Tiếng Nga nghĩa là sương mù (ND.)
- [17] Người trông coi con ngựa cưới của chủ. Lúc đi săn, người này luôn luôn ở bên cạnh chủ.
- [18] "Ô đơ côlônnhơ" (eaux de cologne - Tuman nói sai.)
- [19] Nhạc trưởng.
- [20] Tuman nói sai, đây là tên hai điệu múa *ekôxezo* và *matoradur*.
- [21] Tức là phải xung vào lính, đó là cách trừng phạt về một tội gì đó.
- [22] Dưới chế độ nông nô, tô và tạp dịch quy bố theo hộ gia đình nông dân (chồng và vợ).
- [23] Ngựa đóng ở phía bên trong bộ tam mã - ND.
- [24] Một trò giải trí phổ biến từ cung đình cho đến các làng quê Nga vào thế kỷ XVII: một thằng bé đội lốt "dê" nhảy múa xung quanh con gấu đã được thuần phục. Mọi người dẫn dắt thằng bé đó xung quanh con gấu, vừa đi vừa pha trò.
- [25] Dưới chế độ nông nô ở Nga, Ôtnôđvôrets là người xuất thân làm lính, có một ít ruộng đất, có quyền sở hữu nông nô, nhưng cũng phải đóng thuế thân như nông dân.
- [26] Áo ngoài của đàn ông, tay dài, không có cổ, không chiết thân.
- [27] Xe ngựa bốn bánh, nhẹ.
- [28] Bitiuc là một giống ngựa đặc biệt ở tỉnh Vônnegiơ, gần sở nuôi ngựa Khrenôp nổi tiếng (của bá tước Orlôv) - Chú thích của tác giả.
- [29] C'est bon - "tốt".
- [30] Một người được bầu ra trong đám quý tộc, có trách nhiệm dàn xếp những vụ tranh chấp tài sản giữa các địa chủ.
- [31] Một chức vụ hành chính do một trăm hộ bầu ra.
- [32] Trong những năm 30 của thế kỷ XIX, nhà nước Nga hoàng quy định chế độ về phép vô thời hạn cho những cấp thấp nhất trong quân đội và hải quân sau khi đã phục vụ được 2 năm. Người nông dân về phép vô thời hạn có thể bị gọi tái ngũ bất cứ lúc nào. Luật này thi hành đến năm 1874.
- [33] Đại quân.
- [34] Một bà mẹ hiền.
- [35] Giống ngựa chân thấp, ngực nở, lông xù ở thành phố Viatka - ND.
- [36] Cứu tôi với cứu tôi với, đức ông nhân đức.
- [37] Vâng, thưa ông, vâng, tôi là nhạc công, tôi biết chơi tất cả cá loại nhạc cụ Vâng! thưa ông... ông cứu tôi với, trăm nhờ ông.
- [38] Ý nói vợ được gì ăn nấy, sống đói khổ - ND.
- [39] Thuyền đáy phẳng, đóng bằng những mảnh ván cũ của thuyền to.
- [40] Đúng ra là *farâyto*. Thời cổ, người ta thắng mấy cặp ngựa nối đuôi nhau, *farâyto* cưỡi một trong những con ngựa phía trước.
- [41] Một loại áo dài mặc ngoài của người Ukrain.
- [42] Vị thần ở mỗi nhà, cai quản mọi công việc trong nhà.
- [43] Một bộ phận ở nhà máy giấy, nơi người ta xeo giấy trong các thùng ngâm. Nhà xeo ở ngay bên đập nước, dưới guồng nước (chú thích của tác giả).
- [44] Giường nằm bằng ván ghép, treo dưới trần nhà, ở khoảng giữa bếp lò và bức tường đối diện.
- [45] Một thứ cỏ trong truyện cổ; có thể phá vỡ mọi thứ.
- [46] Ngày thứ bảy trong năm mà người ta chọn để tưởng niệm bố mẹ đã qua đời.
- [47] Nông dân gọi "nhật thực" như vậy (chú thích của tác giả).
- [48] Niềm mê tín về Toriska có lẽ là do câu chuyện cổ về tên phản Chúa (chú thích của tác giả).
- [49] Cái hồ sâu có nước lũ mùa xuân đọng lại, và sang đến mùa hè cũng vẫn còn nước (chú thích của tác giả).
- [50] Người khổ hạnh theo đạo Thiên chúa, điên gàn hoặc giả dạng điên; những người tín ngưỡng cho là họ có tài tiên tri.
- [51] Tiếng Nga, nghĩa là: "Bọ nhảy".
- [52] Một kiểu áo dài không tay của đàn bà.

[53] Burmixtr là một nông dân sung túc, được địa chủ tin cậy trao cho việc quản lý làng xã.

[54] Tiếng Pháp, nghĩa là: ông bạn thân mến ạ, phải chú ý để điều đó.

[55] Cuốn tiểu thuyết của nhà văn Pháp O'gien Xuy, được người đương thời rất hoan nghênh.

[56] Hai vở Opêra Ý nổi tiếng trong những năm 1830-1840 "Luxia đi Lamermur" của Đônitseti (1835) và "Xômnambula của Bealini (1831).

[57] Ngộ thật.

[58] Chứ sao.

[59] Loại quần rộng, ống quần thường cho vào trong ủng.

[60] Mũ hình nón cụt, có ngù, thịnh hành ở một số nước Cận Đông.

[61] Đấy, Những cái khó chịu của đời sống nông thôn là như thế đấy bạn thân mến của tôi ạ. (Tiếng Pháp).

[62] Như vậy thì thú tuyệt. (Tiếng Pháp).

[63] Vậy nhé. (Tiếng Pháp).

[64] Nhưng đây là việc của họ. (Tiếng Pháp).

[65] Một đầu óc sáng suốt. (Tiếng Pháp).

[66] Karem là một người nấu bếp nổi tiếng ở Paris trong những năm 1830-1840.

[67] Nguyên văn là *xtarôxta*, một chức việc do nông dân cử ra nắm quyền hành chính - cảnh sát. Chúng tôi tạm dịch như trên vì chưa tìm được từ sát hơn.

[68] Cảm động đấy chứ nhỉ? (Tiếng Pháp).

[69] Giỏi lắm. (Tiếng Pháp).

[70] Tắm ván treo trên dây, dùng như mũ hay keng.

[71] Viên thư ký của burmixtr, chọn trong nông dân.

[72] Phần phía trên cùng của mặt nhà; thường là hình tam giác.

[73] "Xin ông thứ lỗi, ông bạn thân mến"

[74] "Đấy là mặt trái của chiếc mề đấy".

[75] Dùng để thắm mực.

[76] Vẽ theo lối súc họa, một lối vẽ phối cảnh thu ngắn rất nhiều những phần ở xa tiểu cảnh.

[77] Tờ xám là đồng 50 rúp, tờ trắng là tiền 25 rúp.

[78] Người nghèo dùng thứ này thay cho thuốc lá ngửi.

[79] Giấy của chủ cho phép nông nô làm nghề thủ công.

[80] Thuốc nước sắc bằng cây lô hội (aloès), là một thứ thuốc tẩy mạnh.

[81] Thanh gỗ có nhựa, thường là gỗ thông, dùng thay đèn thấp sáng trong nhà nông dân.

[82] Ở Orion, người ta dùng tiếng này để gọi những kẻ tính tình cô độc, hay cau có (chú thích của tác giả).

[83] Xaadi là nhà thơ Ba Tư nổi tiếng (1184 - 1221). Để mỉa mai Khvalurnxki, Turgheniep ám chỉ đến đoạn cuối trong tác phẩm "Epghênhi Ônêghin" của Puskin.

[84] Một kiểu mũ cổ, hình móng ngựa lật ngược.

[85] Một kiểu mũ cổ, chỉ đàn bà có chồng mới đội.

[86] Một người lính già (Tiếng Pháp).

[87] Cuốn sách dạy đoán giấc chiêm bao.

[88] Tên một vở Opêra của A.N.Vertôpxki (1799-1862).

[89] Kiểu mũ dân tộc Ba Lan, đáy vuông, có ngù.

[90] Ênê là nhân vật trong "Ênêidơ", tập thơ anh hùng ca của nhà thơ Virgile ở Cổ La Mã (năm 70-19 tr.CN).

[91] Triplet: một lối bắn bi da; khiến cho hòn bi đập vào thành bàn, bật ra, lại đập vào thành bàn bên kia rồi mới lọt xuống lỗ.)

[92] Người buôn Áo khoác bằng da lông thú, mặt lông ở phía trong.

[93] J'aime ça - được đấy. (Tiếng Pháp).

[94] Bã rượu và muối làm cho ngựa chóng béo xối (chú thích của tác giả).

[95] J.B.Viôtti - Nhà soạn nhạc và nhạc sĩ viôlông người Ý (1755-1824).

[96] Người dân thường gọi thành phố Mtsenxki, là Amtsenxk - Trai Amtsenxk tính hình hăng hái. Vì thế, để hăm dọa kẻ thù, người ta có câu: "Bọn Amtsenxk xộc vào sân" (chú thích của tác giả).

[97] Monsieur - Ông. (Tiếng Pháp).

[98] Comment vous portez-vous? - Anh có khỏe không? (Tiếng Pháp).

[99] Bonjour, bonjour, venez ici - Chào anh, chào anh, lại đây.

[100] Pardon - xin lỗi; s'il vous plait - câu nói lịch sự. (Tiếng Pháp).

[101] Chân thực biết bao, tự nhiên biết bao? (Tiếng Đức).

[102] Göt (1749-1832), Sinle (1759-1805) - Hai nhà thơ vĩ đại - văn học cổ điển Đức.

[103] Tiếng Pháp: nghĩa là "nhìn thẳng phía trước mặt"

[104] Brenta là con sông ở miền Bắc nước Ý, đổ ra biển Adriatic.

[105] "Jakôbô Xanazar" là vở kịch hoang đường của N.V.Kukônhic (1809-1868). Turgheniep kịch liệt chỉ trích sáng tác của Kukônhic.

[106] Một điệu hát nổi tiếng thời bấy giờ do F.N.Glinka (1786-1880) viết lời: "Kìa, cỗ xe ba ngựa ngang tàng vùn vụt phóng qua".

[107] Lời trong bản tình ca "*Ông bác sĩ*" của A.E.Varlamôp (1801-1848).

[108] Câu đầu trong bản tình ca của M.I.Glinka, lời của Kukônhic.

[109] Tiếng Pháp Espérance nghĩa là "Hy vọng".

[110] Người do nông dân cử ra, làm nhiệm vụ cảnh sát.

[111] Tác phẩm của nữ văn sĩ Đức, mẹ nhà triết học Độc nổi tiếng. Những tác phẩm này thu hút được nhiều độc giả vào thời ấy.

[112] Năm 40, tiết trời giá rét ghê gớm, mãi đến cuối tháng Chạp vẫn không có tuyết. Cây cỏ chết rét hết cả; mùa đông tàn nhẫn ấy đã giết chết nhiều rừng sồi tuyết đẹp. Khó mà bù đắp lại được những tổn hại ấy: sức sinh sản của đất suy kiệt trông thấy. Trên những khoảnh rừng trống "được ban phước" (nghĩa là đã được nhà thờ cho rước ảnh thánh đi vòng quanh), những cây phong và hoàn diệp liễu tự mọc lên, thay thế cho những cây cao quý trước kia. Mà ở nước ta, người ta cũng không biết cách gây rừng nào khác, ngoài cách mặc cho cây tự mọc lên (chú thích của tác giả).

[113] Chính thần sắc đẹp đã dựng nên ngôi đền ở chốn tiên cảnh này; nơi niềm vui ngự trị. Hãy khâm phục lòng nhân đạo của chủ các người, hỡi lương dân Kracnôgôriê. Tiếng Pháp).

[114] Tôi cũng yêu mến thiên nhiên. Ivan Kobuliatninôp. Tiếng Pháp).

[115] Ý Turgheniep muốn nói tới việc tư tưởng tiền tiến của giới trí thức Nga đã có một bước phát triển mới: vào những năm 40, các nhà tư tưởng tiến bộ của nước Nga đã rời bỏ những phạm trù triết học trừu tượng của Hêghen mà hướng về các vấn đề cải tạo xã hội, về triết học duy vật của Fôbach.

[116] Nghĩa là "người hay bào gọt", do động từ "xtorôgat" là bào gọt.

[117] Dịch nghĩa ra là "ông quý tộc mọi rợ".

[118] Trong nguyên bản là "một *ôxmukha* rượu bia". *Ôxmukha* là đơn vị đo thể tích tồn tại ở Nga trước khi hệ thống đo lường thập phân được sử dụng, 1 ôxmukha = 1,5l.

[119] Ôbandui do động từ Ôbônlat mà ra, nó vừa có nghĩa là ba hoa, khoác lác", vừa có nghĩa là "hiếu động, hay lăng xăng".

[120] Tiếng Nga "morgats" là chớp mắt.

[121] Tên trữ tình (Tiếng Ý và Pháp).

[122] Hêrôt (thế kỷ I trước Công Nguyên) - Vua Do Thái, một bạo chúa chuyên quyền. Trong dân gian, cái tên này có ý nghĩa chửi rủa.

[123] Ở Nga, khi tắm hơi nước, người ta dùng một túm lá cây đập vào mình.

[124] Pôlêkha là tên gọi những người dân vùng Nam Pôlexya, một vùng rừng chạy dài bắt đầu từ chỗ giáp giới giữa hạt Bônkhôxki và hạt Jizđinxki. Dân vùng này có nhiều nét đặc biệt trong lối sống, phong tục và ngôn ngữ. Họ cũng được gọi là Zavôrôten, do tính tình đa nghi và keo kiệt (chú thích của tác giả).

[125] Người Pôlêkha hầu như nói tiếng nào cũng chen vào những tiếng kêu: "ha", "bôêê".

[126] Kiểu áo choàng ngắn của đàn ông.

[127] Ở nhà quý tộc, người ta thường thuê một người phụ nữ để bầu bạn với các bà hoặc các cô gái trẻ.

[128] Pôlêiaep, Alêcxandr Ivanôvits, nhà thơ Nga xuất sắc (1804-1838).

[129] Paven Xtêpanôvits Môtsalôp (1800-1848), diễn viên nổi tiếng về đóng các vai chính trong các vở kịch của Sêcxpia.

[130] Loại cỏ ở đầm lầy và ven sông, hoa màu vàng (bidens).

[131] Áo chên, xẻ vạt phía trước và hai vạt dài phía sau.

[132] Nguyên văn tiếng Nga "quý tộc trụ cột" có nghĩa là thuộc dòng họ quý tộc lâu đời.

[133] Tên các loại rượu nho.

[134] Cái cốc của tôi không lớn, nhưng tôi uống bằng cái cốc của tôi (Tiếng Pháp).

[135] "*Bách khoa thư về các bộ môn triết học*", một trong những tác phẩm chính của Hêghen, được nghiên cứu nhiều trong các nhóm triết học Matxcova vào những năm 30 của thế kỷ XIX.

[136] Turgheniep có ý ám chỉ những học giả sùng bái văn hóa Xlavor, họ hay triết lý trừu tượng, dùng thứ ngôn ngữ giả tạo, xa rời ngôn ngữ sinh động của nhân dân.

[137] Đánh thức sự tử là việc nguy hiểm, và rằng hồ thật đáng sợ; nhưng đáng kinh sợ nhất là con người trong cơn điên.

[138] (Đáng kinh sợ nhất)... là nhóm sinh viên ở thành phố Matxcova.

[139] Tranh của Rafaen (1483-1520).

[140] Những khu vực rất xa nhau ở Matxcova.

- [141] Trong nhà thờ chính giáo, đây là bức tường có khảm những ảnh thánh dẹt phẳng, ngăn cách phần thờ phụng với các phần khác.
- [142] Ý nói mới lên tới hạ sĩ, vì trong dân gian có câu: "Gà mái chưa phải là chim, hạ sĩ chưa phải là sĩ quan"
- [143] Đêxiatin = 1,0925 ha; ôxminnic = 1/4 đêxiatin.
- [144] Người bỏ tiền ra mua quyền thu một phần thuế của nhà nước.
- [145] Ông có nói tiếng Pháp không, thưa ông? (tiếng Pháp).
- [146] Tôi (tiếng Pháp).
- [147] Trạng từ phủ định tiếng Pháp, đi với động từ, không dùng riêng.
- [148] Nhân vật trong bản trường ca của Marlinxki (bí danh của nhà thơ Bextujep).
- [149] Tên cũ của các vần chữ cái Nga a, b, y.
- [150] Kiểu mũ tròn đội khít đầu.
- [151] Lời trong đoạn điệp khúc của một trong những bài ca Digan
- [152] Một phong cách kiến trúc và trang trí thịnh hành vào thế kỷ XVII - XVIII, phát triển đầy đủ nhất ở Pháp dưới thời Lu-i XV đặc điểm của nó là dùng những hình thức phức tạp cầu kì và những hình trang trí kì quặc (ND)
- [153] Ý muốn nói Tsertôpkhanôp chưa hề biết câu của vua Risa trong vở bi kịch "Risa III" của Sêchxpia: "Để cho ta con ngựa! Để cho ta con ngựa. Ta đổi nửa vương quốc lấy con ngựa".
- [154] Một loại áo choàng bằng da dê ở Kapkaz.
- [155] Nguyên văn là: "Cái cảnh người đi câu quần áo vẫn khô và người đi săn quần áo ướt là một cảnh tượng đáng buồn".
- [156] Tên âu yếm của Lukêria (N.D).
- [157] Tuần ăn chay trước ngày lễ thánh Pie và Pôn (ngày 29 tháng sáu).

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>